

LÊ QUÝ ĐÔN

QUẦN THƯ
KHẢO BIÊN

群书考辨



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Hà Nội 1995

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI
VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA
VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

LÊ QUÝ ĐÔN

QUẦN THƯ KHẢO BIỆN

TRẦN VĂN QUYỀN

Dịch và chú giải

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 1995

Lời giới thiệu

I. Lê Quý Đôn, tác giả và tác phẩm

1. *Tác giả*: Lê Quý Đôn nguyên lúc nhỏ tên là Lê Danh Phương, tự Doãn Hậu, hiệu Quế Đường, người xã Diên Hà, huyện Diên Hà, phủ Tiên Hưng, trấn Sơn Nam Hạ, nay là thôn Phú Hiếu xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Ông sinh ngày 2 - 8 - 1726 trong một gia đình khoa bảng. Cha là Tiến sĩ Lê Trọng Thù, tức Lê Phú Thù, làm Tả Thị lang bộ Hình, Tả Thị lang bộ Công rồi Thượng thư bộ Hình, tước Diển Phái hầu. Mẹ là con gái thứ ba Tiến sĩ Hoàng Phái hầu Trương Minh Lượng.

Từ nhỏ ở nhà học cha, Lê Danh Phương đã có tiếng là thông minh ham học. Năm 14 tuổi (1740), khi đã học hết kinh sử, Phương theo cha lên học ở kinh đô Thăng Long⁽¹⁾ năm 17 tuổi (1743) đỗ đầu khoa thi Hương Quý Hợi niên hiệu Cảnh Hưng thứ 4, cũng năm này ông đổi tên là Quý Đôn vì trùng với tên của Thủ lĩnh nghĩa quân nông dân Nguyễn Danh Phương.

1. Thời gian làm Giám sát ngự sử ở Hải Dương, Lê Trọng Thù **dâng** khải can chúa Trịnh Giang về việc săn bắn chơi bời và xây dựng **chùa** chiến cung điện lãng phí, đã bị Trịnh Giang bãi chức cho về quê làm **dân** thường. Năm 1740, Trịnh Doanh lên ngôi chúa, phục chức cho Lê Trọng Thù trở lại Thăng Long. Phương lại có dịp theo cha về kinh học tập.

Sau khi đỗ thi Hương ở trường Sơn Nam, Lê Quý Đôn liền tiếp trở lại kinh đô dự thi Hội các khoa Quý Hợi(1743), Bính Dần(1746), Mậu Thìn(1748) nhưng đều bị hỏng. Trong thời gian này(1743-1752) ông ở nhà dạy học và viết sách, nhưng tiếng tăm văn chương của ông ngày càng vang xa hơn, danh sĩ các nơi tìm đến kết bạn, các quan đại thần tìm đến đàm đạo ngày càng nhiều. Năm 26 tuổi (1752), một năm vẻ vang nhất trong sự nghiệp khoa cử của ông, giải nguyên Diên Hà 17 tuổi năm nào, nay lại đổ đầu cả thi Hội lẫn thi Đình. Tài năng của Lê Quý Đôn vốn đã truyền khắp cung vua phủ chúa từ lâu, nay lại đổ cao, nên sau khi thi đỗ ông được bổ giữ ngay các chức quan trọng trong triều đình Lê Trịnh như: Hàn lâm viện Thị thư(1752), Hàn lâm viện Thừa chỉ, sung Toản tu Quốc sử quán(1754). Thanh tra Sơn Nam, Tri bình phiên phủ chúa(1756), Hàn lâm viện Thị giảng(1757), Phó sứ đoàn sứ bộ đi sứ Yên Kinh(1760-1762)⁽¹⁾, Bí thư các Học sĩ(1762), Đốc đồng trấn Kinh Bắc(1764)⁽²⁾, Hàn lâm viện Thị thư, kiêm Tu nghiệp Quốc tử giám(1767-1769), Thị lang bộ Công, Quyền Đô Ngự sử(1770-1772), Nhập thị Bồi tụng(1773), được giao quyền giữ Thăng Long cùng 5 người khác(1774), Tả Thị lang bộ Hộ, Quốc sử quán Tổng tài, Hành đô ngự sử(1775), Hiệp trấn Tham tán quân cơ Thuận Quảng(1776), Hữu

1. Lê Quý Đôn đi sứ từ 28 tháng giêng năm Canh Thìn(1760) đến giữa mùa xuân năm Nhâm Ngọ (1762) về nước.

2. Lê Quý Đôn treo ấn từ quan từ 1765 đến 1767.

hiệu điểm quyền phủ sự(1778)⁽¹⁾, Quốc sử quán Tổng tài(1781), Hiệp trấn Nghệ An(1783), Thượng thư bộ Công(1784).

Lê Quý Đôn mất ngày 1-6-1784 ở quê mẹ, thôn Nguyễn Xá, xã Nguyễn Xá, huyện Duy Tiên, phủ Lý Nhân, trấn Sơn Nam Thượng, nay là huyện Duy Tiên, tỉnh Nam Hà.

Sinh thời, Lê Quý Đôn là người có khối óc và trí tuệ vượt hẳn người thường, lại ham học, ham hiểu biết, ông không sách gì thấy mà không đọc, không điều gì lạ mà không ghi chép, chép sự kiện và ghi những nhận xét của mình. Trong thời kỳ làm quan, với chuyến đi sứ Trung Quốc lịch sử trong đời, tại Yên Kinh và ở các trạm đón tiếp trên đường đi, ông có dịp gặp gỡ các sứ thần Triều Tiên và nhiều học giả có tiếng của Trung Quốc, được cùng họ trao đổi thơ văn và bàn luận về sử học, triết học... lại được đọc nhiều các sách mới lạ, kể cả các sách về khoa học tiến bộ của phương Tây... rồi những chuyến đi thanh tra đo đạc lại ruộng đất, bãi biển ở Sơn Nam, Thanh Hóa, Lạng Sơn(1756-1777), được mắt thấy nhiều, tai nghe nhiều đã làm giàu thêm kho tri thức và mở rộng thêm tầm nhìn của ông giúp ông trước tác mãi mãi không cạn.

2. *Tác phẩm*: Thống kê thành quả sáng tác, biên soạn và sưu tập, thấy có trên bốn chục tên sách là tác phẩm hoặc trong đó có tác phẩm của ông với đủ các thể loại và đề tài: văn, thơ, châm, minh, ký, luận, huấn, lịch sử, triết

1. Lê Quý Đôn bị giáng chức từ 1779 đến 1780.

học, ngôn ngữ, địa lý...loại nào cũng vô cùng uyên bác, điều luyện. Dù rằng đến nay một số đã bị thất lạc, song trong số còn giữ được, có thể kể những sách tiêu biểu có cả năm biên soạn sáng tác như sau: *Đại Việt thông sử* (1749), *Quần thư khảo biện* (1757), *Thánh mô hiền phạm* (1758), *Bắc sử thông lục* (1763), *Toàn Việt thi lục* (1768), *Thái át dị giản lục* (1769), *Thu kinh điển nghĩa* (1772), *Vân đài loại ngữ* (1773), *Phủ biên tạp lục* (1776), *Kiến văn tiểu lục* (1777)... Ngoài ra còn rất nhiều văn, thơ, phú, kinh nghĩa, diễn ca nằm rải rác trong các sách khác hoặc chưa rõ năm sáng tác biên soạn như: *Âm chất văn chú*, *Dịch phu tùng thuyết*, *Hội hải minh châu*, *Lê Quý Đôn gia lễ*, *Lê triều công thần liệt truyện*, *Quế Đường thi tập*, *Quốc âm thi*, *Quốc văn tùng ký*, *Song thanh phú tuyển*...

II. Quần thư khảo biện và văn bản

1. *Quần thư khảo biện*: Lê Quý Đôn viết xong *QTKB** tại nhà Kinh nghĩa ở kinh đô Thăng Long năm 1757. Ba năm sau, trong chuyến đi sứ gần tròn hai năm rong ruổi trên đất nước Trung Quốc, ông đã có dịp đưa sách ra chất chính cùng các sứ thần Triều Tiên, các sĩ phu Trung châu, cùng họ trao đổi bàn bạc và chiêm chước ngay tại chỗ những điểm còn có chút chưa vừa ý để tìm ra điều xác đáng nhất.

Nhu tác giả cho biết, sách được viết ra là do ông thấy "các nhà Nho chỉ say sưa lý luận danh gia và phần nhiều

* Từ đây xin viết tắt là *QTKB*

cho sử là thú thừa, cho nên chú thích rất ít mà lời bàn cũng chưa gợi ý cho người đọc mấy" và ông sợ "các bậc quân tử sau này muốn khảo cứu những việc trị loạn, thịnh suy, lấy điều hay làm gương, lấy điều dở làm răn thì biết dựa vào đâu", bởi vậy "trong khi đọc các sách sử truyện xưa nay... thấy mưu lược lớn của các bậc vương bá, anh phong của tướng võ, tướng văn..." ông "vẫn thường khâm phục và luôn gõ nhịp tán thưởng" rồi "khi xem đến dấu tích của đời loạn, soát lại các án thì trong lòng không khỏi buồn rầu thương tiếc, bèn đem ý nồng nàn của mình tưởng tượng lại tình cảnh ấy, đồng thời nêu ra những việc chủ yếu rồi tự ý bình nghị và theo ngọn bút viết ra thành mấy trăm điều lấy tên là *Quần Thư Khảo Biện*".

Lại như lời Chu Bội Liên, Đề đốc Học chính tỉnh Quảng Tây: "Ông Lê Quế Đường ở Nhật Nam hiểu sâu biết rộng về các sách sử... ông xem xét sự thay đổi của các triều từ Hạ, Thương, Chu cho đến Luông Tống sau này thật là sâu kỹ... ông dùng cả "lý" lẫn "thế" để bàn về lịch sử, dùng hiểu biết về người để bàn về thời đại..."

Như vậy là, bằng "trí tuệ tuyệt vời vượt hẳn ngàn xưa" như nhận xét của Trạng nguyên Hồng Khải Hy, Chánh sứ Triều Tiên, và bằng "những lời hay lý thuận được viết ra từ những suy nghĩ và nhìn nhận sáng suốt, đáng làm gương soi, làm mực thước cho đại thế, không kém gì lời bàn của các danh nho đất Mân đất Lạc", như lời khen của Phó sứ Triều Tiên Lý Huy Trung. *QTKB* đã được khẳng định là những lời bàn luận có khảo cứu có so sánh và minh chứng

của Lê Quý Đôn về các nhân vật các sự kiện lịch sử của Trung Quốc từ Hạ Thương Chu cho đến Đường Tống. Qua mấy trăm lời bàn, tác giả đã đề cập đến một khối lượng sách sử rất lớn, từ kinh truyện, chư tử; từ chính sử, đặt sử đến sử luận của các triều đại để bàn về các nhân vật và sự kiện trọng yếu ở các đời thịnh cũng như đời suy, từ đó rút ra những nguyên nhân thành công, những lý do thất bại làm gương cho các đời sau.

2. *Văn bản QTKB*: Cho đến nay trong kho sách của Viện Nghiên cứu Hán Nôm đang còn lưu giữ được ba văn bản *QTKB* bằng Hán văn, mỗi bản khoảng trên 5 vạn chữ, chia làm 2 quyển nhất nhị - Cả ba văn bản này đều không ghi tên người chép và năm tháng sao chép, nhưng đều thống nhất về bố cục: mở đầu, lần lượt là ba lời tựa của Chu Bội Liên, Tần Triều Vu, Hồng Khải Hy; hai lá thư ngắn, một của Hồng Khải Hy, một của Lý Huy Trung; tiếp đến là phần của tác giả, gồm tựa tự viết, 223 lời bàn cuối cùng là lời nói cuối sách. Tuy nhiên ở mỗi văn bản vẫn có những điểm riêng.

- A. 1872: sách vốn là 2 tập, mỗi tập là 1 quyển, sau được đóng lại thành một tập, gồm 4 bìa, 230 + 174 trang, khổ 25 x 14 cm, chữ viết chân phương.

- A.252: giống như A.1872, sách cũng vốn là 2 tập đóng thành 1 tập, 4 bìa, 192 + 142 trang, khổ 31,5 x 23 cm, chữ viết chân phương, chấm câu bằng mực đỏ.

- VHV. 90/1-2: sách gồm 2 tập, 195 + 146 trang, khổ 30 x 17,5 cm, chữ viết đại thảo theo cách ghi nhanh chép nhanh, có chấm câu.

Trước hết căn cứ vào ký hiệu xếp kho, có thể nhận ra ngay VHv. 90/1-2 là sách đã được bổ sung vào kho của thư viện Khoa học xã hội từ sau năm 1958 (thời điểm chuyển giao kho sách của Học viện Viễn đông bác cổ Pháp* cho Việt Nam và sự hình thành của phân kho V trong thư viện Khoa học xã hội).

Nếu lấy A.1872 làm bản chuẩn để tiện đối chiếu so sánh thì ngoài những sai sót nhằm lẫn thông thường do quá trình sao chép mà VHv. 90/1-2 đã mắc nhiều hơn hai bản trên ra, còn thấy có 7 lời bản của Ngô Dương Đình, hiện có ở A.1782 và A.252 chưa được chép vào VHv. 90/1-2. Ngược lại ở VHv. 90/1-2 lại có thêm 5 lời bản cũng của Ngô Dương Đình mà ở hai bản kia không có (xem bản đối chiếu so sánh).

Hiện chưa đủ cứ liệu để xác nhận A.1872 với VHv.90/1-2 bản nào văn bản sớm hơn, bản nào đúng, dù đích thực câu chữ của nguyên tác, đích thực lời bản của Ngô Dương Đình. Nhưng dù sao, trong khi chờ đợi những cứ liệu văn bản học ấy VHv.90/1-2 vẫn là bản tham khảo có thể bổ sung cho văn bản *QTKB* đầy đủ hơn.

Còn A.1872 và A.252, nếu có đủ cơ sở để loại bỏ 5 lời bản của Ngô Dương Đình chỉ có ở VHv.90/1-2 ra khỏi *QTKB* thì ở hai bản này, những sai sót do sao chép là rất nhỏ. Qua đối chiếu so sánh cho thấy, trong 7 Trường hợp sai dị thì 6 thuộc về chữ viết mà không ảnh hưởng gì nhiều

* L'École Française d'Extrême Orient, xin viết tắt là *EFEO*.

lắm đến ý nghĩa. Có thể nói đây là hai bản mà sự trùng hợp đúng giữa chúng là chính còn sai dị chỉ là thứ yếu. Hai bản này lại đều là sách được đưa vào thư viện *EFEO* từ trước năm 1958 (vì A là ký hiệu sách của *EFEO*)

Lại theo *Bibliographie Annamite* của Emile GASPARDONE, in năm 1935 tại Hà Nội, thì trong mục "Tác phẩm của Lê Quý Đôn" trang 28, *QTKB* đã được E. GASPARDONE nêu ra bằng ký hiệu A.1872 và A.252 cùng với 11 tác phẩm khác của tác giả. Như vậy là A.1872 và A.252 đã có ở thư viện *EFEO* muộn nhất là năm 1935.

Theo "Vài nét về quá trình hình thành kho sách Hán Nôm" (*Nghiên cứu Hán Nôm* 1984) thì ở *EFEO* Hà Nội trong những năm từ 1958 trở về trước thường xuyên có từ 10 đến 20 ký lục làm công việc sao chép văn bản Hán văn quanh năm suốt tháng. Bản mới được nhân thêm có thể từ sách của Thư viện *EFEO*, có thể từ sách mượn được trong dân gian.

Căn cứ vào khổ sách, bìa ngoài, cách vào bìa, chất giấy, tự dạng và chấm câu bằng mực đỏ, có thể khẳng định sự hiện diện của A.252 là do công lao nhân bản của *EFEO*, còn A.1872 lại là sách từ nguồn dân gian đưa về thư viện (khổ nhỏ, chất giấy).

Tóm lại A.1872 và A.252 là hai dị bản cùng có giá trị bổ sung cho nhau và khẳng định lẫn nhau về tính sát cận nguyên tác của chúng, đồng thời cùng với VHv.90/i-2, A.1872 và A.252 sẽ giúp cho việc tạo dựng lại một văn bản *QTKB* bước đầu có thể gọi là đầy đủ hơn.

Trước tình hình văn bản như đã nêu trên, để có một bản dịch bước đầu tạm có thể cho là không bỏ sót chữ nghĩa của nguyên tác, chúng tôi đã sử dụng A.1872 như một thiện bản rồi hiệu chỉnh, bổ sung cho A.1872 những chỗ mà chủ quan cho là sai sót và chưa đầy đủ bằng chính A.252 và VHv.90/1-2. Đồng thời do đặc điểm của nguyên bản, mỗi nhân vật mỗi sự kiện mà tác giả đưa ra bàn đều không nêu thành tiêu chí riêng, nên căn cứ vào lời tác giả đã nói "... theo ngọn bút viết ra mấy trăm điều mục gọi là *QTKB*", trong khi dịch chúng tôi đã cố gắng dựa vào nội dung lời bàn, tách *QTKB* ra thành 223 điều mục và tự đặt tên cho mỗi điều mục theo ý nghĩa của nó, hoặc theo những câu mở đầu, câu kết ở cuối mà chúng tôi cho rằng có ý nghĩa bao trùm.

Trong quá trình phiên dịch và chú giải *Quần Thư Khảo Biện*, chúng tôi đã được Cố túc nho Trần Duy Vôn giành cho nhiều thời gian quý báu đọc lại bản dịch và chỉ ra các câu chữ Lê Quý Đôn mượn dùng trong các sách kinh điển, cũng như một số các sự kiện, các nhân vật lịch sử mà theo cách tra cứu thông thường chúng tôi không tự giải đáp được. Bản dịch hoàn thành lại được Giáo sư Trương Đình Nguyên, Giáo sư Trần Nghĩa góp nhiều ý kiến quan trọng giúp cho bản dịch và chú thích càng thêm hoàn thiện. Chúng tôi xin trân trọng ghi nhận sự đóng góp của Cố túc nho Trần Duy Vôn và hai Giáo sư.

Trần Văn Quyền

BẢNG ĐỐI CHIẾU SO SÁNH VĂN BẢN

Bản A.1872 (A)		Bản A.252 (B)		Bản VHV.90/1-2 (C)		Ghi chú
Trang	Dòng	Trang	Dòng	Trang	Dòng	
2	4	2	3	3	2	Theo A
3b	1	3	4	5	2	Theo A
6	3	5	9	9	5	Theo A
7	4	6	7	11	1	Theo A
8b	1	77	7	13	1	Theo C
9b	3	8	7	15	1	Theo C
11b	3	10	8	19	7	Theo A
18	2	15b	7	31	4	Theo A
26	6	23	1	46	1	Theo A
29	4	25	8	51	1	Theo A
37b	6	32b	3	65	8	Theo A
40b	2	34b	7	70	4	Theo A
58b	2	49	9	100	4	Theo A
62	4	52	9	106	4	Theo A

Bản A.1872 (A)			Bản A.252 (B)			Bản VHv.90/1-2 (C)			Ghi chú
Trang	Dòng		Trang	Dòng		Trang	Dòng		
		高祖始定君臣之分輸忠實力爲漢家四百年			爲漢家立四百年..			?... ...爲漢家四百	
64	3	先爲不可反之勢也	53	9	Như A	109	4	先爲不可不反之勢也	Theo A
72b	2	此各通之談	60b	5	此疑通之談	123	5	此各通之談	Theo A
72b	3	縱未得之咱聞	60b	6	Như A	123	6	縱謂得之咱聞	Theo A
72b	6	談笑雕龍之論	61	1	談笑雕龍之論	124	1	談笑雕龍之論	Chữ lại là 天
74	2	吳陽亭曰:儒者作相伊傳固召皆是也何始自弘後之用儒作相非腐矢于漢也	62	2	Như A	126	2	Thiếu lời bàn của Ngô Dương Đình	Theo A
77	6	吳陽亭曰此論殊見深識漢武事寔然非自誣也書曰云狂悖非自誣也	64b	6	Như A	131	6	Thiếu lời bàn của Ngô Dương Đình	Theo A
77b	6	通西南夷	65	5	Như A	132	4	通西北南夷	Theo A
80b	6	尙可考也	67b	4	Như A	137	4	尙可也	Theo A
81	4	吳曰僕舊方言載論不足	67b	9	Như A	137	7	Thiếu lời bàn của Ngô Dương Đình	Theo A

Bản A.1872 (A)			Bản A.252 (B)			Bản VHV.90/1-2 (C)			Ghi chú
Trang	Dòng		Trang	Dòng		Trang	Dòng		
81b	5	特用人以禮刑人亦以禮不為威	68	9	Như A	138	7	特用人以禮不為威	Theo A
		此賢者之過也							
82	6	議論宏天	68b	9	Như A	139	8	此賢者之過者	Theo A
86	6	考本傳更始起兵以下	72	4	Như A	138	7	議論尤大	Theo A
89b	4	吳陽亭曰有天下者以大辨為大忌草寇亦然蓋其苗裔不辨玉石不分最當國家元氣苟有二者凶荒必隨之而國危矣	74b	9	Như A	146	4	考本傳起兵以下	Theo A
						151	9	Không có lời bản của Ngô Dương Đình	Theo A
89b	1	西漢之治寬而緩東漢之治狹而急	74b	5	Như A	151	5	西漢之治寬而緩東漢之治狹而急	Theo A
89b	1	傳至宣元一百五十餘年	74b	6	Như A	151	5	傳至宣元一百十餘年	Theo A
92b	2	吳陽亭曰此正侍人以恕之意然有方之士亦不可不以班固為殷鑒也	77	8	Như A	156	6	Không có lời bản của Ngô Dương Đình	Theo A

Bản A.1872 (A)			Bản A.252 (B)			Bản VHv.90/1-2 (C)			Ghi chú
Trang	Dòng		Trang	Dòng		Trang	Dòng		
93b	2	吳昔仲讓與諸生講書 至此既為辨正不日知其 暗合于先輩之言	78	6	Như A			Không có lời bàn của Ngô Dương Đình	Theo A
104b	5	弑高貴卿公事	87b	4	Như A	177	6	弑高貴公卿事	Theo A
109	6	蔣琬以長史為尚書	91b	5	Như A	185	7	蔣琬以長者為尚書	Theo A
110b	3	阮山劉在竹林酣飲	92	7	Như A	187	2	阮山劉在竹林酣飲	Theo A
TẬP II (QUYỂN NHL)									
3	4	太祖立建文而燕王居 外	2b	5	Như A	4	5	太祖立建文為燕王居 外	Theo A
5b	3	中心豈能安乎	4b	3	Như A	8	5	中心安能安乎	Theo A
8	1	唐羅郡置州	6	9	Như A	12	5	唐羅郡置州	Theo A
8	3	只有益楊荆並路五大 都	6b	3	Như A	12	8	只有益楊荆並五大都 督	Theo A
10b	2	Không có lời bàn của Ngô Dương Đình	8	9	Như A	16	7	吳曰呂東萊先生之論 仆亦竊以為不然	Theo C
12b	1	攻城豈是易事	10	1		20	3	攻城豈是異事	Theo A
16	5	Không có lời bàn			Như A	26	5	吳曰蕭望之非儒者也 仆常論之矣若李賀皇	Theo C

Bản A.1872 (A)		Bản A.252 (B)		Bản VHy.90/1-2 (C)		Ghi chú
Trang	Dòng	Trang	Dòng	Trang	Dòng	
16b	4					
19	5					
19b	6					
21b	3					
26	3					
28b	5					
29b	1					
29b	4					

của Ngô Dương Đình

Không có lời bản của Ngô Dương Đình

福澤長永

肅代夷胡羯

得張洎疏三十餘人

後人土貢所納

基於安南

Thiếu tử chữ 亂...
.....燕

即進士

Như A

Không có lời bản của Ngô Dương Đình

Như A

Như A

Như A

Như A

Như A

魏亂起於桑然隋患起於高麗唐患起於南詔宋患起於燕雲

即進士

才器固優然非進退存亡故及此

吳曰申包胥乞師以存楚非與之策以復唐之兆於與楊玄琰中立一語音實忘如此

福澤綿遠

肅宗伐夷胡羯

得張洎疏三十餘人

後王任土所納

基於南安

魏亂起於桑然隋患起於高麗唐患起於南詔宋患起於燕雲

吳曰即進士

Bản A.1872 (A)			Bản A.252 (B)			Bản VHV.90/1-2 (C)			Ghi chú
Trang	Dòng		Trang	Dòng		Trang	Dòng		
30b	2	自肅代以後	24b	8	Như A	51	7	自肅宗以後	Theo A
30b	4	天寶以後爵邑皆是虛名	25	2	Như A	52	1	天寶以爵邑皆是虛名	Theo A
30b	5	宗室始封郡王相將	25	25	Như A	52	5	宗室始封相將	Theo A
31	2	滋利孔多	25	6	Như A	52	5	利孔滋多	Theo A
31	6	Thiếu	25	2	Thiếu	53	1	雖未必然而文家奇彩可喜後學吳陽亭謹誌	Theo C
33b	2	後悔何及嗚呼管子曰	27	9	Như A	57	2	後悔何及管子曰	Theo A
33b	3	與百姓詛信	27b	1	Như A	57	2	與百姓屈信	Theo A
34	4	Thiếu lời bàn của Ngô Dương Đình	27	8	Thiếu lời bàn của Ngô Dương Đình	58	2	吳陽亭曰秦有馮河之義龜有幹龜之又動作靜鎮貴以道耳	Theo C
34b	4	趙宋啓運太祖經營	28	8	Như A	59	4	趙宋太祖經營	Theo A
38b	2	蔽賢不祥普兼之矣雖能	31	9	Như A	65	7	蔽賢不祥雖能	Theo A
39	6	浮薄新進喜事之徒	32	3	Như A	67	2	浮薄新進之徒	Theo A
43b	2	國家安危盛衰存亡之機係焉			Như A	73	6	國家安危存亡之機係焉	Theo A

Bản A.1872 (A)			Bản A.252 (B)			Bản VHv.90/1-2 (C)			Ghi chú
Trang	Dòng		Trang	Dòng		Trang	Dòng		
44	5	四方所陳不問得失一切報罷百僚論事不問是否	35	9	Như A	75	1	四方所陳不問是否	Theo A
57b	2	秦雖善政	46b	9	Như A	97	5	秦雖善政	Theo A
66	2	吳陽亭曰抑其銳才養其全德正所以遺之太宗也	53b	8	Như A	111	9	Thiếu lời bàn của Ngô Dương Đình	Theo A
69	4	而殺之如斃奴隸朝廷不問	56	8	Như A	117	1	而殺之如斃奴隸不問	Theo A
71b	1	祠作矣二十年間興廢文苑講學少有天淵仁宗即位始不言書然士夫皆靜靜母后	58b	1	祠作矣二十年間興廢文苑講學少有天淵仁宗即位始不言書然士夫皆靜靜母后	121	1	祠作矣然士夫皆靜靜	Theo B
75	1	按宋史中書不習舊制			Như A	126	5	按宋史中書習舊制	Theo A
76	4	宋人棄靈州			Như A	127	8	宋人棄吳州	Theo A
77	1	請三鎮不予留其使而不遣			Như A	129	8	許三鎮不予留三鎮而不遣	Theo A
77b	2	四十餘載非行習聞邊			Như A	131	1	四十餘載仇習聞邊	Theo A

Bản A.1872 (A)			Bản A.252 (B)			Bản VHv.90/1-2 (C)			Ghi chú
Trang	Dòng		Trang	Dòng		Trang	Dòng		
81b	5	今觀景建咸淳辰	66b	6	Như A	137	8	今觀景德咸淳辰	Sửa lại 景定 Theo A
84b	2	知理而不審勢不足以 成事	69	2	Như A	142	3	知禮而不審勢不足以 成事	Theo A
85	1	惇少負氣	69	9	Như A	143	1	惇少負矣	Theo A
85b	1	皆可歎也豈獨五代辰 皆衰世空有匡紂之禍 而盛世不免綱繆少而亂 此所以治日平常素	69b	8	Như A	143	8	Thiếu tử 豈獨.....多也平生	Theo A
86	4	庚辰奉命北使入覲京 師辛巳南歸儀曹帖齋	70	9	Như A	144	7	庚辰奉命北使入覲京 師儀曹帖齋	Theo A
87	1	聲名流於後	71	2	Như A	145	7	聲名施於後	Theo A

Lời tựa *Quần thư khảo biện*
(Phần Hán văn)

乾隆二十年丁丑八月朔旦入侍內閣特進榮祿大夫賜金紫翰林院侍講學士兼國史院事顏成伯延河桂堂蔡貴惇允厚書于國都之敬義堂

群書攷辨卷之一

吳縣朱佩蓮

許閱

江蘇秦朝鈺

延河蔡貴惇允厚撰

外鮮不自許雄豪及至事動到手千轉萬狀翻覺茫然矧如
數者隅曲之見何敢低昂乎宙黑白古人祇據紙上文字論其
梗槩長又展玩聊以自娛而已雖然劉向數士大夫之解情致其
追觀上古分明便害籌策得失方追本末究事之情荀子亦曰
審後王之道必論於百王之前若端拜而護則是書也就正大方
其亦可以見怨矣

辨之豈非讀史者之難於讀經乎僕生於南邦見聞未廣俾幼奉
庭訓兼陪賢士大夫湛累大典籍幸得窺覽肯綮間曾上下史
傳而有志焉每覽王伯大各相將吳鳳何曾不敘想景行再三
奉節至於叔季遺跡田適蓋余歎慨惋悼亦復不已於懷輒書
淺意想像情景標指眼目妄生評議隨筆拈出逆成數語百
則因以群書攷辨名之嗟乎世故無旁是非靡定昔賢嘉觀局

書立言亦不能加毫末於其間若諸史則自三代以降迄於宋元
效百年之中事變不同記錄亦衆白宋譚記傳者推史漢言編
年者尊鑑目體裁遠有何晚六籍但儒生學士酣場名理大都
視為緒餘註釋寥寥而評論亦多未起人意致堂嘗見淳夫唐
鑑友益書法起筆筆發明之外不涉迂腐枯索者罕矣後之
君子孰究治亂興衰之迹鑑其所以得戒其所以失將孰從而

不詭於閩洛名宿之緒言 安南無君子斯焉取斯今今徵歎
而正使弁卷之文又足以發萬一茲不脩賢伏惟

俯諒朝鮮國行臺知製李徽中拜

薛序

經學固難而史學為尤難非史還於經也九經自漢唐辰註疏
畧備終以來元諸本傷分章析句標題訓義聖賢精蘊發摘
無餘學者一覽便曉豈須更費枝葉說縱有高明之士者

累日如癡得接彙中郎得論衡而秘之以爲不見異人當得異書
僕今行得遊從者一奇也得見此書又一奇也古今評史者何限
而博者易兄約者易陋若論其赤水玄珠恐無踰於此者良係
宇宙間絕奇文字恨未即廣布海內公諸同好也并卷之托極
知其不敢當而來教既執事畧綴數行自歸於仄頂之慚行啓福又
惠示群書政辨僕敬玩顏末自公心眼辭達理順鑑衡大休

在其中也是為序

乾隆二十六年辛巳正月上諭

朝鮮國正使庭對狀元蒙祿大夫行吏曹判書兼知延
弘文館提學世子右賓客洪禧拜序

附朝鮮國使小簡

俯示史辨揚托千古慧哉獨至今人擊節令人解頰展讀

有風行水上之意無遠華灼宋之態即廣可心知全歸於南方
之學得其精華者公其原矣乎易大傳曰萬物相見乎離離
南方也在巽五行屬火在四德屬禮靈光燭物無微不照者火也
分析事物條理井然者禮也以公之靈心燭試分致甚明試之於
已往之邦茲無憾其見理的確命辭全差不期精而自精也進
乎此而礼全不備理全不旁斯可謂發揮其至靈力至精之文

中國僕遇之於鴻臚館。公眉宇踈朗，禮夏嫺習，一見可知。為
一邦之彥，一重公送書致所著群書政辨，蓋取歷代載籍政訂
辨論如坡翁之志林蒙叟之嚮言，上下效千年此得彼，朱堯買
氣否如是而妄不如是而危，靡不燭照而效計，掀翻已矣之案
者，有之；劈破相承之謬者，有之；精說妙解湧見於墨其於朱
陸之辨，愜然愈末者，尤可見學術之純正，文亦怡然理順。

至精則日月所照霜露所降未嘗有不同也古人謂東西南
北之海有圣人焉其心此理亦同不其然歟然人未嘗不有其天
而發揮者罕文未嘗不有其精而透徹者少其所謂灵灵於
氣血之私而已其所謂精精於字句之微而已苟非神而明之
指讓變化與精量易言哉

安南國學士桂堂蔡公奉使

欽命辦理伴送事務左江秦朝軒序

群書政辨處序

萬象森羅莫不於人而藝術懼莫精於文蓋人者天心至靈之所寓而文者人心至精之所發也夫未嘗不為之精精未嘗不為之靈非斯人則天之心無以呈露非斯文則人之靈無以達雖五行之粹駁不齊四方之明闇多端若其含靈發靈

邈邦既又然勤于史者是則既知人一等矣乎蓋其能學古
而欲重有心蓋之使觀于古而宜于今抑其長以善下任人則
其所得于史者將用之而不勞也故為言夫史學之所關者大
與人之所善其學者若其廣徵博引以馳騁上下於效千百
年之間則桂堂既能之而余之所見聞補迫多所遺忘實有志焉
而不得也
天朝賜進士出身奉直大夫禮部員外郎

古書之間，隱而於其廢失，得人才消長之際，尤致意焉。夫不學
者，歎其能學也；能學者，歎其善於學也。昔晏子身相齊國，居
頸諸侯，其智哉！見聞者之士，當有出於其右者。然其志愈常
抑然自下，何哉？知天下之理，各有所長，而衆之不可繫也。夫人之不學
者，多而學者少，故以一人之長，蓋之非所以為容也。世事日新，
人情日異，而執古說以格之，非所以通變也。以桂奎生長

馬秦漢以下歷代諸儒多所論次然宋元以後多無可見又其
益甚者宋書不觀游談無根但或竊其字句以為鋪繪彫琢之
用蓋史學之不講久矣夫昧于古而欲明于今無其体而欲善
其用未之有也則史學之闕于人也豈小小哉今年春余奉

命伴送

安南國使每行多暇副使蔡桂堂出其郡書攷辨

相質自夏商至唐宋皆有所論看為書效百條徃徃能得

大清國欽命提督廣西等處學政日講起居注官翰林院編修前
右春坊右中允翰林院侍讀詹克經史館三禮館明史綱目館大
清會典館讀文獻通考館纂修官海鹽朱佩蓮撰

群書改輯序

尚書史之祖也春秋史之宗也左國班馬以下史之雲仍也讀
之者以考焉矣定是非以修其身外以施于政是故孟子急

精詳主哉言乎豪傑之才聖賢之學具見于此乎抑余更有
焉經天緯地非但知人事而已教明乎天文之星象非推算長曆
而準其辰日不能以知災祥教明乎地理之郡縣非淹貫水經而
尋其脈絡不能以定表界倘得同志者與之從容商確由一曲推
之可試天地之全体日月之占驗州域之準壹余所謂知也然予
或更有以起予踐予望之矣

成事為難，往往非雄合衆為雄，天下之變故，每常人心之趨向互異，東注西傾，此塞彼湧，安能一一如意。嗚呼！何其言之近道也。余觀蔡子之志，在乎從權，宜而不說，是經制而不煩，親賢而不矜，以並見兵農而不妨，以並寓，相倚之權，不可以偏重，尊卑之情，不可以懸隔，要在君心正則鑒別清，君量寬則未納廣。至于有君無臣，有臣無君之際，每三數焉，而開創之經綸，守成之補救，固不區區。

論百凡教堂之嘗見客者之隨隨筆請書得不免割破樊籠
翻空成案乎由其揆幾當折義精也夫讀書非有心于求用而由
百世之後等百世之上是不非不各有取舍繫于遊心于其長設身
于其地至謂風俗為法度所移法度為才情所轉才情為識見
所通識見為聲氣所生聲氣之元根于天亦係乎辰散八于人心
圓活神機感焉應焉至妙至微殆不可以形容者又云建言非難

必有所以亡之故、而有但見于勢之必然者、不復援正理以觀其本。
有但見于理之必然者、不復觀其概、此過疎庸猥之堅子、與狡獪
變詐之奸雄、均不足以談王伯之畧也。夫天下之生久矣、有分有合、
陽二君而二民、堯子之道也。陰二君而一民、桀之道也。孟子亦
曰：天下惡乎矣哉？有英雄之主、天下常有自分而之合、有懦懦之
主、天下又自合而之分。二者皆天。蔡子兼理、勤以評史、書事知人。

資稍稍聚矣。又幸于世網讀書之無暇。後乃積資以聚之。偷暇以讀之。而耆師碩德日以凋謝。卽有所疑信手其間。亦每以質正嗟乎。中原文獻之傳。國初若顧寧人。編百詩。景范梅定九。諸君子。固有文在。吾生也。晚皆不及矣。日南黎子桂堂。覃精列史。有群書政辨釐為二卷。余三復是書。自三代以迄西宋。其觀世變也深矣。凡有一代之興。必有所以興之故。一代之亡。

群書攷辨序

通天地人謂之儒。上而天象五行氣候之占驗。下而地理九州
險易之準。臺中而人事歷代得失之法。式皆吾儒分事所宜
博綜而精貫者也。此三者備具。史書而古今史才高下疎察不
同。非研究于正史。旁參于正史。而博通群儒之史論。則無由考
辨之以析衷于至當。余少有志于此。而苦于家貧。聚書之無

LỜI TỰA QUẦN THƯ KHẢO BIỆN

(Chu Bội Liên⁽¹⁾ soạn)

Thông hiểu về "trời", "đất" và "con người" gọi là "Nhà Nho". [Nghĩa là] về "thiên tượng" phải chiêm nghiệm được ngũ hành khí hậu⁽²⁾; về địa lý phải nắm vững nơi hiểm trở, nơi không hiểm trở của chín châu⁽³⁾; về "nhân sự" phải biết rõ pháp độ hay dở của các thời. Đó là những điều mà phận sự của Nhà Nho phải xem xét cho rộng và hiểu cho thấu. Ba điều kể trên tuy đã được chép đầy đủ trong sử sách, nhưng do tài chép sử từ xưa đến nay hoặc cao thấp, hoặc kỹ lưỡng, hoặc sơ sài không ai giống ai. Nên nếu không nghiên cứu chính sử, tham khảo thêm dật sử⁽⁴⁾, rồi xem rộng ra các lời bàn về sử của các Nhà Nho xưa thì biết dựa vào đâu mà khảo cứu mà bàn luận để đạt được điều xác đáng nhất ?

Tôi từ ngày còn ít tuổi đã để tâm đến điều này, nhưng khổ nỗi nhà nghèo không có tiền mua sách, đến khi đã

1. Chu Bội Liên: Quan Đê đốc tỉnh Quảng Tây triều Thanh.

2. Ngũ hành: Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ.

3. Chín châu: Vua Vũ nhà Hạ sau khi trị thủy xong, chia đất trung nguyên (nay là Trung Quốc) ra làm 9 châu: Ký, Duyện, Thanh, Từ, Kinh, Dương, Dự, Lương, Ung.

4. Dật sử: các sử liệu lưu truyền trong dân gian, do dân gian tự ghi chép.

góp nhặt được ít nhiều thì lại mắc bận việc đời, không lúc nào rảnh mà đọc. Sau này lúc đã có nhiều sách, và tranh thủ được thời gian để đọc thì các bậc thầy giỏi, đức lớn lại ngày một mất dần, có điều gì nghi ngờ cũng không biết chất chính vào đâu.

Than ôi! [Nói về] sự lưu truyền của nền văn hiến trung nguyên⁽¹⁾ thì văn chương của các bậc quân tử từ đầu Quốc triều [Nhà Thanh] như Cố Ninh Nhân⁽²⁾, Diêm Bách Thi⁽³⁾, Cảnh Phạm⁽⁴⁾, Mai Định Cửu⁽⁵⁾ vẫn còn để lại. Tôi sinh sau không thể nào sánh kịp các vị ấy.

Ông Lê Quế Đường⁽⁶⁾ ở Nhật Nam⁽⁷⁾, hiểu sâu biết nhiều về các sách sử, đã làm ra bộ sách *Quần thư khảo biện* gồm 2 quyển. Tôi xem đi xem lại sách này, thấy ông nghiên cứu về sự thay đổi [của các triều] từ Hạ, Thương, Chu đến Lương Tống⁽⁸⁾ sau này thật là sâu kỹ [ông thấy

1. Trung nguyên: miền đất nằm giữa trung tâm đất nước, cũng là trung tâm văn hóa của cả nước xưa thường dùng chỉ vùng đồng bằng lưu vực sông Hoàng Hà ở Trung Quốc.

2. Cố Ninh Nhân: tên tự là Viêm Vũ, học giả thời đầu nhà Thanh Trung Quốc.

3. Diêm Bách Thi: tên tự là Nhược Cừ, nhà văn có tiếng đầu nhà Thanh.

4. Cảnh Phạm: người đời Hậu Chu. Thời vua Thế Tông được giữ chức Trung thư Thị lang Bình chương sự, Phán tam ty (tức Tể tướng).

5. Mai Định Cửu: tức Mai Văn Đình, nhà văn, nhà thơ có tiếng đời Thanh.

6. Lê Quế Đường: tên Hiệu của Lê Quý Đôn.

7. Nhật Nam: chỉ Việt Nam bây giờ.

8. Lương Tống: Nam Tống và Bắc Tống.

được] nguyên nhân nổi lên của triều đại này và lý do mất đi của triều đại kia [chú] không như người khác chỉ thấy cái thế tất nhiên là thế mà không dẫn vào lý để thấy cho rõ tận gốc của nó, hoặc chỉ thấy cái lý tất nhiên như thế mà không biết đến cái thế lớn để nhìn cho ra cái cơ của nó. Những người này là lũ non trẻ, tầm thường, nông nổi và gian hùng trí trá giáo quyệt, không đủ tư cách để bàn về mưu lược của các bậc "Vương"⁽¹⁾, "Bá"⁽²⁾.

Thiên hạ sinh ra đã lâu rồi và cũng đã có nhiều lúc chia lúc hợp "Dương": một vua hai dân⁽³⁾ là đạo quân tử; "Âm": hai vua một dân⁽⁴⁾ là đạo tiểu nhân. Sách *Mạnh tử* cũng chép "Thiên hạ phải thế nào mới yên"⁽⁵⁾. Cho nên nếu có vị vua anh hùng thì thiên hạ từ chỗ "chia" sẽ đi đến chỗ "hợp". Gặp phải vị vua ngu hèn thì thiên hạ từ chỗ "hợp" sẽ đi đến chỗ "chia". Hai cái đó đều do trời.

Ông Lê Quế Đường dùng cả "lý" lẫn "thế" để bàn về lịch sử; dùng hiểu biết về con người để bàn về thời đại.

1. Vương: tức Tam Vương: Vũ Vương nhà Hạ, Thành Thang nhà Thương, Văn Vương Vũ Vương nhà Chu.

2. Bá : tức Ngũ Bá: Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Tần Mục Công, Tống Tương Công, Sở Trang Vương.

3,4. Các quẻ Chấn, Khảm, Cấn là quẻ dương, gồm hai hào âm một hào dương, Các quẻ Tốn, Ly, Đoài là quẻ âm, gồm hai hào dương, 1 hào âm.

Hào Dương tượng trưng cho vua, hào âm tượng trưng cho dân.

5. Lời Lương Tương Vương hỏi Mạnh Tử: Thiên hạ ở hồ định (Thiên hạ phải thế nào mới yên ?).

Các sách *quản kiến* của Trí Đường⁽¹⁾ *Tùy bút* của Dung Trai⁽²⁾, [ông] đều phá bỏ vách ngăn cũ, dựng lại bản án mới. Vì ông xem xét rất tỉ mỉ, phân tích rất tinh tường.

Ôi ! đọc sách nào ai để tâm vào việc moi móc chỗ sơ hở [của người khác]. Nhưng ở mỗi trăm đời sau, soi ngược lên trăm đời trước, điều hay lẽ dở, lời khen tiếng chê vẫn có sự khác nhau. Ông Lê Quế Đường để tâm vào thời ấy, đặt mình vào địa vị ấy. Ông nói: Phong tục thay đổi do pháp độ, pháp độ chuyển biến do tài tình, tài tình thông suốt do kiến thức, kiến thức sinh ra từ thanh khí⁽³⁾. Thanh khí gốc ở trời và có liên quan với thời đại. Nó tan vào lòng người, thần thông cảm ứng rất linh diệu, rất tinh vi, khó có thể hình dung ra được. "Ông lại nói": Nói lời không khó, làm nên việc mới khó; Chỉ một mình làm không khó, bảo được mọi người cùng làm mới khó. Thiên hạ thay đổi bất thường, chí hướng mỗi người mỗi khác. Rót vào bên đông sẽ chảy sang bên tây, bịt chỗ này sẽ vọt ra chỗ khác, làm sao bắt được mọi cái đều theo ý mình ?

Ôi! sao mà lời nói của ông lại sát với đạo lý đến thế! Tôi nhận thấy cái chí của ông Lê Quế Đường [được biểu hiện ra] ở chỗ theo quyền nghi mà không trái lẽ; định

1. Trí Đường tên hiệu là Hồ Dần, người đời Tống Cao Tông.

2. Dung Trai: tức Hồng Mai, người đời Tống Cao Tông.

3. Thanh khí: chữ của quê *Cần kinh Dịch*: "Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu" ý nói mọi vật đều cảm ứng lẫn nhau theo đồng loại của chúng.

phép thường mà không phiền phức; dùng người không phân biệt kẻ thân với người tài, việc cày cấy không tách bạch nông dân với binh sĩ⁽¹⁾; tướng văn tướng võ đặt ngang quyền; người sang kẻ hèn không gì ngăn cách. Cốt ở lòng vua ngay thẳng thì sẽ thấy được rõ ràng [kẻ ngay người gian]. Bụng vua rộng lượng khoan dung thì thu nhận được nhiều [điều hay]. Những khi [thấy ở một triều đại] có vua [hiền] mà không có tôi [giỏi], hoặc có tôi [giỏi] mà không có vua [hiền] thì ông đều than thở mãi không thôi. [Còn nói về] tài kinh luân của người mở nghiệp, sự bỏ cứu của người giữ gìn cơ đồ không việc gì là ông không rạch ròi tính tường. Lời bàn [của ông] thật là chí lý.

Tài sánh ngang hào kiệt, học đáng bậc thánh hiền [của ông] có lẽ đều đã được tỏ rõ ra ở bộ sách này rồi chăng? Nhưng tôi vẫn muốn [ông] tiến xa hơn nữa, [tức là phải] hiểu biết thêm cả về trời và về đất nữa, chứ không phải chỉ biết có về người mà thôi. Muốn biết rõ tình tượng trong thiên văn mà không dựa theo *trường lịch*⁽²⁾ để định ra ngày giờ thì không thể biết được diêm tốt diêm xấu. Muốn biết rõ các quận huyện trong địa lý mà không thông hiểu *Thủy kinh*⁽³⁾ để tìm ra mạch lạc thì không thể định được bờ

1. Câu này ý nói lúc thời bình, người lính sẽ hòa nhập với nông dân cùng làm ruộng, thời chiến lại được gọi ra chiến đấu.

2. Trường lịch: lịch lâu năm dùng để xem ngày tháng khí hậu, thời tiết.

3. *Thủy kinh*: Tên một bộ sách địa lý cổ, miêu tả các địa vực theo các dòng sông thời cổ thuộc Trung Quốc và các vùng lân cận. Sách này được Lịch Đạo Nguyên thời Lục triều chú thích và được gọi gộp là *Thủy kinh chú*.

côi. Nếu được người chung chí hướng mà thung dung đàm đạo thì từ một chỗ có thể suy rộng ra, mà nắm được cái toàn thể của trời đất, chiêm nghiệm được mặt trăng mặt trời, định rõ được cương giới của các châu. Cái mà tôi gọi là hiểu biết là như vậy.

Mong rằng ông Lê Quế Đường sẽ còn làm cho tôi phần chần hơn. Tôi thúc lòng mong đợi ở ông.

Hải Diêm Chu Bội Liên được nước Đại Thanh ban chức Đề đốc Quảng Tây đẳng xứ học chính, Nhật Giảng khởi cư trú quan, Hàn lâm viện biên tu, Tiền Hữu xuân phường, Hữu trung đoãn, Hàn lâm viện thị độc. Từng được làm Toàn Tu quan ở Kinh sử quán, Minh sử cương mục quán, Đại Thanh hội điển quán, tục văn hiến thông khảo quán, biên soạn.

LỜI TỰA QUẦN THƯ KHẢO BIỆN

(Tần Triều Vu⁽¹⁾ soạn)

[Trong các sách thuộc về sử thì] *Thuợng thư*⁽²⁾ là thủy tổ, *Xuân thư*⁽³⁾ là truyền tông. Còn *Tả truyện*⁽⁴⁾, *Quốc ngữ*⁽⁵⁾ [sử họ] Ban⁽⁶⁾, [sử họ] Mã⁽⁷⁾ trở về sau đều là con cháu dòng dõi [của *Thuợng thư* và *Xuân thư*] cả. Đọc sử để thấy được sự hay dở, để nhận rõ lẽ phải trái. Trong đế sủa mình, ngoài để lo việc chính sự. Vì vậy người quân tử cần thiết [phải hiểu biết về sử].

1. Tần Triều Vu (Bản chữ Hán chép nhầm là Tần Triều Châm), đồ tiến sĩ thời Càn Long triều Thanh từng làm chức Lễ bộ Lang trung và đã làm nhiệm vụ đưa đón Lê Quý Đôn, sử giả Việt Nam trong thời gian đi sứ Triều Thanh Trung Quốc. Ông là tác giả của *Thi cổ văn tập*.

2. *Thuợng thư*: Bộ sử chép về các đời Nghiêu Thuấn, Hạ, Thương, Chu.

3. *Xuân Thu*: kinh Xuân Thu, do Khổng Tử soạn về lịch sử thời Xuân Thu, trong khoảng 242 năm.

4. *Tả truyện*: Bộ sử giải thích kinh *xuân thu* do Tả Khâu Minh, người cùng thời Khổng Tử soạn vào cuối đời Đông Chu.

5. *Quốc ngữ*: Bộ sử chép về các sự kiện theo riêng từng nước từ vương triều Chu đến nước chư hầu từ thời Chu Mục Vương đến đời Lỗ Điệu Công (1000 - 440). Bộ sử này tương truyền cũng do Tả Khâu Minh soạn.

6. Ban Cố: sử gia thời Đông Hán, tác giả chính của *Hán thư*.

7. Tư Mã Thiên: sử gia thời Tây Hán, tác giả của *Sử ký*.

Từ đời Tần Hán trở xuống, Nhà Nho các đời còn luận bàn nhiều [về sử]. Nhưng từ đời Tống đời Nguyên trở về sau không còn mấy ai [luận bàn] nữa. Thậm chí có người còn quá đáng hơn, gói sách lại không xem mà chỉ luận bàn một cách vô căn cứ, hoặc chỉ cấp nhật từng chữ từng câu dùng để trau chuốt thêu dệt [cho văn của mình] Có lẽ sử đã không được người ta giảng cứu đến từ lâu rồi!

Ôi! U tối việc đời xưa mà lại muốn sáng suốt việc đời nay; không nắm được chính thể mà lại muốn dùng cho hay thì thật trái lẽ thường. [Nhu vậy] sử học có quan hệ đến con người đâu phải là nhỏ bé.

Mùa xuân năm nay, tôi vâng mệnh tiến đưa quan sú nước An Nam, nhân khi đi thuyền, nhiều lúc rỗi rãi vị Phó sú Lê Quế Đường đưa sách *Quần thư khảo biện* của ông ra cùng nhau chất chính. [Xem ra] từ các đời Hạ, Thương cho đến Đường Tống ông đều có lời bàn, và tập hợp lại thành bộ sách gồm mấy trăm điều này. Ông luôn tìm được chỗ sai sót của sách xưa và rất để tâm đến những lúc triều đại đổi thay, nhân tài mất còn.

Ôi! người không được học, thì muốn học cho biết, người được học thì lại muốn cho cái học [của mình] tiến xa hơn. Ngày xưa ông Ân Tử⁽¹⁾ làm tướng nước Tề, tiếng tăm lừng lẫy các nước chư hầu. Hiểu biết của ông các sĩ phu nước Tề không ai sánh nổi. Thế nhưng tài chí của ông vẫn thường

1. Ân Tử: tức Ân Anh, hoặc Yến Anh, người có tài đức nổi tiếng thời Xuân Thu, làm tướng cho vua Cảnh Công nước Tề.

được nên xuống. Sao vậy? Vì ông biết cái lý trong thiên hạ là vô cùng vô tận, mà con người ta thì không thể nào bao quát hết được. Hơn nữa những cái mà người ta chưa học đến thì nhiều, học được thì ít. Vậy mà lại muốn lấy cái sở trường của một người bao trùm lên tất cả thì sao dung nổi. Việc đòi luôn đổi mới, tình người ngày mỗi khác. [Nếu cứ] muốn vin vào thuyết của người xưa để uốn nắn lại [việc đòi nay] thì đó không phải là [người hiểu] lẽ thông biến.

Ông Quế Đường sinh trưởng ở một nước xa xôi mà bỏ nhiều công sức vào việc nghiên cứu sử học như thế cũng đã hơn hẳn người một bậc rồi. Tôi ngợi khen ông [là người] biết học cổ. Nhưng [tôi cũng] muốn góp thêm với ông [mấy điều]: Nếu ông nghiên cứu việc đời xưa mà ứng dụng được vào việc đời nay và nếu ông nên được cái sở trường của mình để có thể hạ thấp mình trước người thì những điều mà ông học được ở sử đưa ra dùng sẽ không bao giờ hết. Cho nên nói sự quan hệ của sử cũng lớn lao như tài học sử của người ta. Còn việc viện dẫn rộng rãi, rong ruổi trên dưới mấy ngàn năm [lịch sử] thì ông Quế Đường đã giỏi lắm rồi. Tôi kiến văn nông cạn lại nhiều thiếu sót, thực vẫn có chí mà không sao làm được.

Tả giang Tần Triều Vu, được Thiên triều ban cho đồ tiến sĩ xuất thân, làm Phụng trực đại phu, Lễ bộ viên ngoại lang, vâng mệnh làm Bận tổng sự vụ, đề tựa.

LỜI TỰA QUẦN THƯ KHẢO BIỆN

(Hồng Khải Hy⁽¹⁾ soạn)

Muôn vật trăm loài, không loài nào linh bằng con người. Trăm nghề huyền diệu, không nghề gì tinh bằng văn chương. Vì người là nơi gửi gắm cái linh nhất của lòng trời, mà văn chương lại được phát ra từ chỗ linh nhất của lòng người. Đã linh tất sẽ tinh. Đã tinh tất phải do linh mà có. Nếu không có con người thì lòng trời không nơi biểu lộ, không có văn chương thì lòng người không chỗ tỏ bày. Dẫu ngũ hành có khi thuần khi tạp khác nhau, bốn phương có nơi sáng nơi tối không cùng. Nhưng nếu nắm lấy cái linh nhất mà phát ra cái tinh nhất thì ở đâu có mặt trời mặt trăng chiếu sáng, có mưa móc bao trùm, ở đó sẽ không thể có sự khác nhau.

Người xưa nói: "Bốn bể Đông Tây Nam Bắc, nơi nào có thánh nhân thì lòng ấy lẽ ấy đều giống nhau cả"⁽²⁾. Câu nói đó chẳng rất đúng sao?

Người ta không ai là không có cái linh nhưng phát huy được [cái linh ấy] rất ít. Văn chương có khi nào thiếu cái tinh, nhưng thấu triệt được cái tinh ấy đã mấy ai? Họ gọi là linh, chỉ

1. Hồng Khải Hy: chánh sử nước Triều Tiên.

2. Lục Cửu Uyên đời Tống nói: "Đông hải hữu thánh nhân xuất yện, thử tâm đồng dã, thử lý đồng dã, chí Tây, Nam, Bắc hải hữu thánh nhân xuất hiện thử tâm thử lý diệc mạc bất như". (Biển Đông có thánh nhân xuất, thì tâm ấy, lý ấy giống nhau. Các biển Tây, Nam, Bắc có thánh nhân xuất hiện thì tâm ấy, lý ấy cũng chẳng hề khác nhau).

là linh riêng về mặt khí huyết; gọi là tinh chỉ là tinh ở từng chữ từng câu vụn vặt mà thôi. Nếu không nắm lấy cái thần mà làm cho sáng tỏ và suy nghĩ biến hóa [rộng ra thêm] thì đâu để nói đến nghĩa của chữ linh và chữ tinh?

Ông Lê Quế Đường, học sĩ nước An Nam, vâng mệnh đi sứ Trung Quốc. Tôi được gặp ông ở quán Hồng Lô. Ông diện mạo sáng sủa, thông thạo lễ nghĩa, vừa gặp đã biết ngay là bậc anh tài của một nước. Một hôm ông đưa cho tôi xem sách *Quần thư khảo biện* do ông soạn. Bộ sách đã khảo cứu và bàn luận về sử sách các đời giống như sách *Chí lâm* của Pha Ông⁽¹⁾, sách *Hướng ngôn* của Mông Tấu⁽²⁾. Trên dưới mấy ngàn năm [lịch sử] cái này được, cái kia mất; ai giỏi ai kém, như thế này thì yên, như thế kia thì nguy, không chỗ nào là ông không xem xét suy tính đến. Có chỗ [ông] lật ngược lại những án kiện cũ, có chỗ [ông] vạch ra những lời bàn sai lầm đã qua nhiều đời. Kiến thức tinh tế, lý giải diệu kỳ [của ông] nổi bật trên các hàng chữ. Đoạn bình luận về các học thuyết của họ Chu⁽³⁾, họ Lục⁽⁴⁾ mà ông đã nêu ra ở cuối sách càng cho ta thấy học thuật của ông thuần chính, lời văn của ông nhẹ nhàng thuận lể như gió lướt trên mặt nước, không chút sâu cay gò bó gì cả. Thực chỉ nếm một miếng, cũng đủ thấy vị ngon của cả nồi [thức ăn] rồi.

1. Pha Ông: tức Tô Đông Pha đời Tống. Tùy bút của ông do người đời sau tập hợp lại thành 5 quyển gọi là *Đông Pha chí lâm*.

2. Mông Tấu: Trang Tử ở đất Mông nên gọi là Mông Tấu (ông già đất Mông). Ông là tác giả của sách *Nam hoa kinh*.

3. Họ Chu: tức Chu Hy, nhà nho lớn đời Tống.

4. Họ Lục: tức Lục Cửu Uyên, nhà nho lớn đời Tống.

[Câu nói]: "Cái học của người phương Nam là chất lọc lấy những tinh hoa..."⁽¹⁾ Có lẽ ông đã gần đạt đến bậc ấy rồi chăng? Đại truyện trong *Kinh Dịch* nói: "Muôn vật đều thấy ở quê Ly".⁽²⁾ Ly là phương Nam. Trong ngũ hành thì Ly thuộc hỏa. Trong tứ đức⁽³⁾, Ly thuộc lễ. Hỏa sáng soi muôn vật, không nơi nào là không chiếu đến. Lễ phân tích mọi điều, mạch lạc sáng sủa. Ông là người có tâm trí sáng suốt, phân định rạch ròi, biết được những cái sâu xa từ đời xưa, chẳng trách ông tìm thấy cái lý đích thực, dùng lời không sai. Không cầu tinh mà tự nhiên tinh. Hơn thế nữa, về lễ không chỗ nào là chỗ ông không đầy đủ; về lý không chỗ nào là chỗ ông không đi đến tận cùng. Đó mới thật gọi là: Phát huy được cái rất linh của mình thì cái văn rất tinh đã sẵn có ở trong đó". Nay đề tựa.

Thuợng tuần tháng giêng năm Tân Ty, niên hiệu Càn Long thứ 26 (1761).

Hồng Khai Hy, chánh sứ nước Triều Tiên, thi đỗ Đình đối Trạng nguyên, giữ các chức Sùng lộc đại phu, Hành lại tào phán thu, kiêm Kinh duyên sự, Hoàng văn quán đề học, Thế tử hữu tân khách, đề tựa.

1. Sách *Tính lý đại toàn* do Hồ Quảng và một số người khác dưới triều Minh soạn, gồm 70 quyển. Trong đó có câu: "Nam phương chi học đắc kỳ tinh hoa, nãi tự cổ nhi dĩ nhiên dã" (Cái học của người phương Nam là chất lọc lấy tinh hoa, là từ xưa đã như vậy rồi).

2. Quê Ly: tượng của quê Ly là hỏa.

3. Tứ đức: có nhiều thuyết. *Kinh Dịch* lấy Nguyên, hạnh, lợi, trinh làm tứ đức; Sách *Tiểu học* cho hiếu, lễ, trung tín là tứ đức; Sách *Nữ huấn* cho công, dung, ngôn, hạnh là tứ đức. Không thấy thuyết nào nhắc đến "lễ" trong tứ đức cả. Có lẽ ở đây là tứ duy (lễ, nghĩa, liêm, si) hay tứ đoan (nhân, nghĩa, lễ, trí), do sách chép sai?

LÁ THU NGẮN

(Hồng Khải Hy viết)

Đọc lời bàn về sử [của ông], [tôi thấy] thật là tri tuệ tuyệt vời, vượt hẳn ngàn xưa, làm cho người xem gỗ nhíp⁽¹⁾, người nghe mỉm cười⁽²⁾. Tôi liền đọc luôn mấy ngày, [thích thú] như ngựa được gãi.

Quan Trung lang Sài Ung xưa, tìm được sách *Luận hành*⁽³⁾ đã đem dấu đi, vì nghĩ rằng không được thấy người lạ thì cũng được thấy sách lạ. Trong chuyến đi này, tôi may gặp ông đã là một điều lạ, lại được đọc sách của ông càng là lạ hơn. Xưa nay, người bàn về sử không hiếm, nhưng bàn rộng quá thì dễ tản mạn, bàn hẹp quá thì dễ sơ sài. [Xem ra] ngay như bộ sách *Xích thủy huyền châu*⁽⁴⁾ e rằng cũng không hơn được sách này. Thật là một tuyệt tác trong vũ trụ này. Tiếc rằng chưa kịp truyền bá rộng rãi ở trong nước để mọi người cùng xem.

Còn việc đề tựa ở đầu sách này, tôi tự biết là mình không xứng, nhưng ông đã bảo, tôi xin sơ lược ít hàng, coi như vết nhọ trên đỉnh đầu Phật⁽⁵⁾ mà thôi.

Hồng Khải Hy bái đề.

1. Gỗ nhíp: Vương Đôn người đời Tấn, mỗi khi say rượu lại hát bài nhạc phủ của Tào Tháo soạn, vừa hát vừa gõ vào ống nhổ làm nhíp, tỏ ý thích thú.

2. Mỉm cười: Khuông Hành đời Hán, giảng nghĩa *Kinh thi* hay quá, làm cho người nghe thích chỉ mỉm cười.

3. Sài Ung, người thời Đông Hán. Vương Sung (cũng người Hán) soạn ra sách *Luận hành* nhưng dấu kín không công bố. Sau khi Vương Sung mất, Sài Ung tìm thấy sách này, lại đem dấu đi.

4. *Xích thủy huyền châu*: Ngọc huyền châu ở sông Xích Thủy. Tôn Nhất Khuê người đời Minh soạn ra bộ sách thuốc, đặt tên là *Xích thủy huyền châu*, bàn về hàn, nhiệt, hư, thực, biểu, lý, khí, huyết rất rõ ràng rành mạch. Tên này xuất phát từ điển tích trong sách *Trang tử*: "Hoàng Đế du hồ Xích Thủy, đi kỳ huyền châu" (Hoàng Đế đi chơi ở sông Xích Thủy, bỏ quên ngọc huyền châu).

5. Vết nhọ trên đỉnh đầu Phật:

LÁ THƯ NGẮN

(Lý Huy Trung, Phó sứ Triều Tiên viết)

May mắn được xem bộ sách *Quần thư khảo biện* [của ngài], tôi kính cần đọc hết từ đầu đến cuối. Đúng là toàn lời hay lý thuận đã được viết ra từ những suy nghĩ và nhìn nhận sáng suốt, [đáng] làm gương soi, làm mực thước cho đại thể. Thật không kém gì lời bàn của các danh nho đất Mân đất Lạc⁽¹⁾. [Nếu nói] nước Nam không có bậc quân tử thì sao có người tài giỏi như thế? Đáng khâm phục thay. Nhưng vị Chánh sứ [nước tôi] đã có bài tựa ở đầu sách, cũng đủ để phát huy phần nào [cái hay đó] rồi. Cho nên tôi không dám viết gì thêm nữa. Xin [ngài] lượng thứ cho.

Lý Huy Trung, Hành đài chi chế giáo bái đề.

1. Danh nho đất Mân đất Lạc: Chu Hy, danh nho triều Tống, người đất Mân (Phúc Kiến) và hai anh em Trình Di, Trình Hiệu cũng là danh nho triều Tống, người đất Lạc (Lạc Dương).

LỜI TỰA CỦA TÁC GIẢ

Học kinh vốn đã khó, học sử càng khó hơn. Tuy nhiên không phải do sử sâu xa hơn kinh, mà vì có 9 bộ kinh⁽¹⁾, thì từ đời Hán Đường đã chú sớ gần đầy đủ, tiếp đến đời Tống đời Nguyên, các đại nho lại phân chương, tách câu, chia thành từng loại để giải nghĩa nên những chỗ sâu xa tinh tế của thánh hiền đều được nêu ra không sót chỗ nào. Các học giả xem đến là hiểu ngay, đâu cần phải bàn thêm cho rườm. Dẫu có bậc học rộng tài cao, viết giỏi, nói hay cũng không thể thêm được vào đó [lời nào]. Còn như các sách về sử thì từ ba đời [Hạ, Thương, Chu] trở xuống, cho đến Tống, Nguyên, trong vòng mấy ngàn năm⁽²⁾, thế cuộc thay đổi khác nhau, sử sách chép lại cũng nhiều. Từ xưa, nói về ký, truyện thì đề cao *sử ký*⁽³⁾, *Hán thư*⁽⁴⁾, nói về biên niên thì coi trọng *Thông giám*⁽⁵⁾, *Cương mục*⁽⁶⁾. [Vậ

1. Chín kinh: chỉ chung các kinh điển của nhà nho có 2 thuyết. Một là: *Chu lễ, Nghi lễ, Lễ ký, Tả truyện, Công dương, Cốc lượng, Dịch, Thi, Thư*; Hai là: *Dịch, Thi, Thư, Lễ, Xuân thu, Hiếu kinh, Luận ngữ, Mạnh tử, Chu lễ*.

2. Nguyên văn là "số bách niên" (mấy trăm năm)

3. *Sử ký*: do Tư Mã Thiên tự Tử Trường, người thời Hán soạn.

4. *Hán Thư*: do Ban Cố, sử gia thời Đông Hán soạn.

5. *Thông giám*: tức *Tư trị thông giám*, bộ sử do Tư Mã Quang, sử gia đời Đông Hán soạn.

6. *Cương mục*: tức *Tư trị thông giám cương mục*, bộ sử do Chu Hy đời Tống soạn.

mà] thể tài và ý nghĩa vẫn không thoát được ngoài 6 kinh⁽¹⁾. Nhưng vì các nhà nho chỉ say sưa lý luận danh gia, phần nhiều đều cho sử là thứ thừa, cho nên chú thích rất ít mà lời bàn cũng chưa gợi ý cho người ta được mấy. Trừ những sách như *Quần kiến* của Trí Đường⁽²⁾, *Đường giám* của Thuần Phu⁽³⁾, *Thu Pháp* của Hữu Ích⁽⁴⁾, *Phát minh* của Khởi Sần⁽⁵⁾. Còn lại phần lớn đều viển vông, hủ lậu, khô khan rời rạc cả. [Nhu vậy thì] các quân tử đời sau muốn khảo cứu các việc trị loạn, thịnh suy, lấy điều hay làm gương, lấy điều dở làm răn, biết dựa vào đâu! Vậy nên đọc sử chẳng khó hơn đọc kinh sao?

Tôi sinh ở nước Nam, mắt thấy tai nghe chưa nhiều. Nhưng thuở nhỏ học cha, lại được theo hầu các bậc danh nho hiền sĩ nên cũng may mắn trộm thấy được ý nghĩa sâu xa của sách quý các đời trước. Trong lúc đọc các sử truyện, tôi luôn có ý bình phẩm. Thấy mưu lược lớn của các bậc vương bá, anh phong của tướng võ, tướng văn, [tôi] vẫn đem lòng khâm phục và luôn gõ nhịp tán thưởng. Thấy dấu tích của đời loạn, ngấm lại các án xưa, trong lòng không khỏi buồn rầu thương tiếc. [Bởi vậy tôi bèn] đem ý nông cạn của mình, tưởng tượng lại tình cảnh ấy, nêu ra

1. Sáu kinh: *Kinh Thi*, *Kinh Thư*, *Kinh Dịch*, *Kinh Lễ*, *Kinh Nhạc*, *Kinh Xuân Thu*.

2. Trí Đường: tức Hồ Dân, người đời Tống Cao Tông.

3. Thuần Phu: tức Phạm Tổ Vũ, người thời Tống.

4. Hữu Ích:

5. Khởi Sần: tức Doãn Khởi Sần, người thời Tống.

những chỗ chủ yếu rồi tự bình nghị, và theo ngọn bút viết ra thành mấy trăm điều, lấy tên là *Quần thư khảo biện*.

Than ôi! việc đời không cùng, điều trái lẽ phải bất định. Các bậc hiền tài xưa, khi đứng ngoài cuộc thì thường cho mình là giỏi, nhưng việc đến tay thay đổi muôn hình vạn trạng lúc ấy mới thấy hoang mang không biết xoay xở ra sao. Huống chi như tôi, kiến thức hạn hẹp dám đâu khen chê việc đời và đánh giá người xưa. Tôi chỉ căn cứ vào chủ nghĩa trên trang sách, luận bàn đại khái để thỉnh thoảng mang ra xem làm vui riêng cho mình mà thôi. Tuy nhiên, Lưu Hưởng⁽¹⁾ xưa vẫn thường than vãn về sự trể biếng của các sĩ đại phu. [Ông] muốn họ phải theo dõi việc đời, nhận rõ điều lợi hại, hay dở, truy cứu cho đến cùng ngọn nguồn sự việc. Tuân Tử⁽²⁾ cũng nói: "Lấy công việc của vua đời sau mà bàn công việc của trăm vua đời trước, thì chẳng khác gì vãi nhau bàn mò vầy: [Như vậy] thì bộ sách này khi đem ra chất chính các bậc học rộng tài cao cũng mong được lượng thứ cho."

Lê Quý Đôn, hiệu Quế Đường, tự Doãn Hậu, quê ở Diên Hà (Thái Bình), tước Nhập thị nội các, Đặc tiến vinh lộc đại phu, tước Kim tử, Hàn lâm viện thị giảng học sĩ, kiêm Quốc sử viện sự, Đinh Thành bá, viết ngày mồng một tháng 8 năm Đinh Sửu, niên hiệu Càn Long thứ 22 (1757) tại Kính nghĩa đường ở Quốc đô.

1. Lưu Hưởng: tự Từ Chính người thời Hán Tuyên Đế và Hán Nguyên Đế. Có tài văn chương. Tác giả của *Hồng phạm ngũ hành truyện*, *Liệt nữ truyện*, *Liệt tiên truyện*, *Tân tự*, *Thuyết uyển*

2. Tuân Tử: tức Tuân Huống, Tuân Khanh, Tôn Khanh người nước Triệu thời Chiến Quốc, đề xướng thuyết "Tĩnh ác".

QUẦN THƯ KHẢO BIỆN

(Lê Quý Đôn biên soạn,
Chu Bội Liên và Tần Triều Vu
biên duyệt)

1. Tình thế nhà Hạ lúc cuối đời thật thảm bại

Kinh Thư chép: giúp [vua] lập ra 5 cõi⁽¹⁾, cho [ngang dọc mỗi bề] rộng tới 5000 dặm. Phía ngoài cùng giáp bốn biển. Mỗi cõi đặt một cõi trưởng. Trong 500 dặm của cõi Tuy, dùng 200 dặm để đóng quân vệ vũ⁽²⁾. Tổ chức như thế có lẽ cũng đã chu đáo cẩn mật lắm, thế mà vẫn xảy ra loạn Hậu Nghệ⁽³⁾ vào năm Thái Khang⁽⁴⁾ 19, cách năm

1. Năm cõi:

- 1, Diện phục: vương vực 1000 dặm, nơi kinh đô của vua thiên tử
- 2, Hầu phục: đất ở xa kinh đô từ 500 - 1000 dặm.
- 3, Tuy Phục: đất ở xa kinh đô từ 1000 - 1500 dặm.
- 4, Yêu phục: đất ở xa kinh đô từ 1500 - 2000 dặm
- 5, Hoang phục: đất ở xa kinh đô từ 2000 - 2500 dặm

2. Quân Vệ vũ: Thiên Vũ cống trong *Kinh thư* chép: "Trong 300 dặm gần của cõi Tuy (sát kề với cõi Hầu) thì truyền bá văn chương và giáo hóa, còn 200 dặm xa (sát kề với cõi Yêu) thì gây dựng việc võ để bảo vệ trong nước.

3. Hậu Nghệ: vua nước Hữu Cùg, chư hầu nhà Hạ, nhân lúc Thái Khang ham mê săn bắn ngoài sông Lạc, Hậu Nghệ làm phản, tự lập làm vua Thiên tử, thay ngôi nhà Hạ.

4. Thái Khang: con vua Khải nhà Hạ, Thái Khang ăn chơi vô độ, ham săn bắn bị Hậu Nghệ cướp ngôi.

Khải⁽¹⁾ lên ngôi vua có 29 năm. Tính ra sau năm Vũ⁽²⁾ lên ngôi mới có 37 năm. Nghệ dựa vào dân nhà Hạ lên nắm quyền chính nhà Hạ, lấy hiệu là Đế Di. Nghệ chiếm đóng toàn bộ đất đai từ Đại Hà⁽³⁾ ngược lên phía Bắc. Thái Khang chỉ còn có đất Hà Nam⁽⁴⁾, không sao khôi phục được Ký Đô⁽⁵⁾. Sang đến hai đời vua Đế Tướng⁽⁶⁾ và Trọng Khang⁽⁷⁾, liên tục trong hơn 40 năm, thiên hạ vẫn bị chia đôi. Tiếp đó lại bị Hàn Giốc⁽⁸⁾ cướp ngôi. Trong suốt thời gian này không thấy các bậc vương, bá mang quân đi hỏi tội giặc, cũng không thấy chư hầu đến giúp vua. Sử chỉ chép: Trong số con cháu của Tứ Nhạc⁽⁹⁾, Cửu Quan⁽¹⁰⁾ và Thập Nhị Mục⁽¹¹⁾, chỉ có con của Hậu

1. Khải: con vua Vũ, vua nhà Hạ.

2. Vũ: Vua Vũ nhà Hạ.

3. Đại Hà: sông Hoàng Hà.

4. Hà Nam: phía nam sông Hoàng Hà.

5. Ký đô: Kinh đô nhà Hạ, thuộc tỉnh Hà Bắc.

6. Đế Tướng: vua nhà Hạ.

7. Trọng Khang: vua nhà Hạ, em Thái Khang.

8. Hàn Giốc: Bè tôi tin dùng của Hậu Nghệ nước Hữu Cù, giết Hậu Nghệ cướp ngôi vua, sau lại bị Thiếu Khang nhà Hạ giết.

9. Tứ Nhạc: Bốn chức quan đứng đầu bốn nước chư hầu dưới thời Đường Nghiêu.

10. Cửu Quan: 9 chức quan đời Vua Thuấn: Tư không, Hậu tể, Tư đồ, Sĩ, Cung công, Trầm ngũ, Trật tôn, Điện nhạc, Nạp ngôn.

11. Thập nhị mục: 12 chức quan đứng đầu 12 châu thời Nghiêu Thuấn.

Quy⁽¹⁾ là Bá Phong⁽²⁾ nổi lên chống lại nhưng bị Hậu Nghệ diệt ngay. Còn con của Hậu Tắc⁽³⁾ là Bất Quật thì chạy sang các nước Nhung, Dịch⁽⁴⁾. Ngoài ra chẳng thấy ai đề xướng đại nghĩa trong thiên hạ nữa.

Theo Thái Khang chạy ra đất Lạc⁽⁵⁾ có 5 người em trai, nhưng đứng ra chống đỡ 9 vạn⁽⁶⁾ cũng chỉ có một mình Dân Hầu⁽⁷⁾ và hai người cùng họ là Châm Quán và Châm Tầm mà thôi.

Mặc dù sử truyện thất lạc, [nhưng qua đó] cũng có thể thấy được tình thế lúc bấy giờ thật là thảm bại.

Xét về đức chính của các đời Hán Đường, thì thấy không bằng lấy một phần mười [đức chính] của nhà Hạ. Thế nhưng khi nhà Hán gặp nạn họ Lã⁽⁸⁾ thì ngoài có các

1. Hậu Quy: quan coi về nhạc thời Nghiêu Thuấn.

2. Bá phong: con Hậu Quy, nổi dậy chống lại Hậu Nghệ, bị Hậu Nghệ diệt.

3. Hậu Tắc: quan trông coi về nông nghiệp thời Nghiêu Thuấn.

4. Nhung, Dịch: hai nước nhỏ nằm ở phía Tây Trung Quốc.

5. Đất Lạc: Thái Khang bị Hậu Nghệ cướp ngôi, chạy ra vùng đất phía nam sông Lạc.

6. Chín vạn: Vua Vũ nhà Hạ đúc chín cái vạn lớn, tượng trưng cho chín châu. Sau chín cái vạn được tượng trưng cho ngôi Thiên tử.

7. Dân Hầu: Bề tôi của Thái Khang, sau làm tướng cho Trọng Khang.

8. Họ Lã: Lã Hậu, vợ Hán Cao Tổ. Sau khi Cao Tổ mất, Lã Hậu tự ý phong vương cho con cháu họ Lã, có ý cướp ngôi nhà Hán.

nuớc Tề⁽¹⁾, Sở⁽²⁾; trong có Chu Hư⁽³⁾, Bình⁽⁴⁾, Bật⁽⁵⁾ và ba quân một lòng để hở vai áo bên trái⁽⁶⁾, theo họ Lưu⁽⁷⁾. Khi Lộc Sơn⁽⁸⁾ phản nghịch thì Trương Tuấn⁽⁹⁾, Nhan Chân Khanh⁽¹⁰⁾, và một số người khác mang quân hỏi tội ngay. Hai quận Hà Bắc⁽¹¹⁾ và Quan Trung⁽¹²⁾ cũng đua nhau giết giặc, tiếp ứng cho nhà vua, chứ làm gì có chuyện [như nhà Hạ] chỉ mới truyền đến hai đời mà bốn bề chín châu đã không còn ai bảo vệ, thời cũ nếp xưa cũng mất dần, bầy tôi quyền to chức trọng không còn cậy nhờ được

1, 2. Tề, Sở: Hai nước chư hầu cùng họ với họ Lưu nhà Hán.

3. Chu Hư: Chu Hư hầu, tức Lưu Chương, người đứng ra vận động chống lại Lã Hậu.

4. Bình: Trần Bình, quan thừa tướng nhà Hán.

5. Bật: Chu Bật, quan thái úy nhà Hán.

6. Để hở vai áo trái: Khi Lã Hậu lộng quyền, Chu Bật ra lệnh cho quân sĩ: "Ai theo họ Lưu thì để hở vai áo trái". Mọi người đều để hở vai áo trái để tỏ lòng theo họ Lưu, chống lại Lã Hậu.

7. Họ Lưu: Lưu Bang, Cao Tổ nhà Hán.

8. Lộc Sơn: An Lộc Sơn, người nước Hồ được Đường Huyền Tông tin dùng, phong cho làm Tiết độ sứ, sau làm phản, mang quân từ ngoài biên ải về đánh kinh đô. Huyền Tông thua phải chạy khỏi kinh đô.

9. Trương Tuấn: Viên quan địa phương thời Đường Huyền Tông, khởi binh đánh An Lộc Sơn, sau bị thua phải tử tiết.

10. Nhan Chân Khanh: quan Thái thú ở Thường Sơn, thời Đường Huyền Tông, đánh nhau với tướng giặc Sử Tư Minh bị thua trận, phải tử tiết.

11. Hà Bắc: miền đất phía bắc sông Hoàng Hà.

12. Quan Trung: miền đất nay thuộc tỉnh Thiểm Tây Trung Quốc.

người nào. Nếu cho rằng [đó là] do Thái Khang ăn ở thất đức thì còn đức sáng của vua Vũ lại không ràng buộc được lòng người hay sao. Lại cho rằng dân thần phục hay oán thù là do [người cầm quyền vỗ về hay ngược đãi họ, thế thì chu hầu trong năm côi cũng đều trở mặt và đều đứng ra cầm đầu bọn giặc như lũ người ngu xuẩn cả hay sao? Và lại khi Trọng Khang lên nối nghiệp chẳng phải đã được các trung thần nghĩa sĩ đều hết lòng giúp đỡ đó sao. Thực là một điều khó hiểu.

Khi Thiếu Khang còn lặn lội ở nước Nhung⁽¹⁾ nước Ngu⁽²⁾, chỉ với một mảnh đất, một đám quân cực kỳ nhỏ bé, thế nhưng với đám tàn quân mới gộp nhặt ấy đã diệt được Hàn Giốc. [Sự việc này xảy ra] chỉ sau khi Đế Tương mất có hơn 40 năm. Nói đó là trung hưng nhưng thực ra có khác gì sáng nghiệp? [Đó là nhờ có] Thần Mỹ, một người giỏi đã ngoài 60 tuổi và Nhữ Ngải cùng với con trai là Quý Trữ trẻ khỏe, đều không thuộc lớp bầy tôi cũ. Có lẽ thời thế lúc ấy đã khác!

Đông Giang Chu Bội Liên cho rằng: Dựa vào kinh, truyện [Lê Quý Đôn] đã nêu ra được những hiểu biết thật tuyệt vời. Nhưng sách các đời Hạ đời Thương ghi chép thiếu sót nhiều. [Cho nên] sự kiện về Thái Khang và Thiếu Khang chỉ thấy ở *Tả truyện*, *Quốc ngữ*, *Ly tao* và *Trúc thư* thì chưa nên vội cho là thời bấy giờ không có trung thần.

1, 2: Nhung, Ngu: Hai nước chư hầu của nhà Hạ.

2. Người xưa trị đời giữ nước

Người xưa trị đời giữ nước, có đặt ra phép tắc và xây nền trị bình cũng chỉ là muốn thuận lẽ trời và hợp lòng người, để lo kế lâu dài về sau chứ chẳng phải do bị gò ép mới làm hoặc vì bị đe dọa mà không làm.

Vua Thành Thang [nhà Thương] dựa vào ba ngàn nước chư hầu để đánh đổ nhà Hạ. Vua Vũ [nhà Chu] cũng dựa vào tám trăm nước chư hầu để diệt nhà Thương. Nhưng sau đấy vua Vũ vẫn lập Vũ Canh [con vua Trụ nhà Thương] ở đất Ân. Đến khi Vũ Canh làm phản, Chu Công sai ba người em⁽¹⁾ trông coi đất Ân. Ba người này lại làm phản.

Những trường hợp này, xử theo lẽ thường là phải thay đổi chế độ Hầu phục, Điện phục và loại bỏ con cháu dòng dõi của triều đại trước, cắt bỏ [tước lộc] phân phong cho người cùng họ, không giữ lễ lối cũ để tránh mối lo về sau. [Thế nhưng] các bậc thánh hiền vẫn phong tước, chia đất, dựng nước chư hầu và trọng đãi con cháu của ba đời [Ngu, Hạ, Thương], thụ phong rộng rãi cho thân thích của họ mà không hề có sự thay đổi gì cả. Vậy mà vẫn để được kết quả tốt đẹp cho đời sau là yên ổn hưởng phúc lâu dài. Đời sau [không thế]. Lo chư hầu [làm phản] thì đặt ra quận huyện. Lo các tướng [làm phản] thì phế bỏ công thần. Lo bảy nước [thay lòng] thì tước bớt [tước phong cho] người cùng họ. Lo các phương trấn [lật đổ] thì thu bớt binh quyền.

1. Ba người em của Chu Công: Quản Thúc, Thái Thúc, Hoắc Thúc.

[Trong lòng] chỉ nơm nớp lo người ta theo vết cũ làm phản mình. Nhưng muôn ngàn kẻ hồng càng đắp càng rò. Mối lo trong thiên hạ thường sinh ra ở chỗ không để tâm đến. Cuối cùng nếu vẫn không biết đâu mà phòng tránh trước thì cần gì phải khổ tâm suy nghĩ, mà không biết bắt chước người xưa cứ ung dung tự tại!

Hồ Trai Tân Triều Vu cho rằng. Đoạn này nói về việc Chu Công gặp nạn Vũ Canh và Quán⁽¹⁾, Thái⁽²⁾ [làm phản] mà vẫn không diệt trừ dòng dõi của vua đời trước, không bỏ chế độ phong cấp cho người cùng họ. Còn người đời sau⁽³⁾ thì bất kể việc gì, cứ thấy có hại [cho mình] là liền như người bị ghen mà bỏ ăn. Hiểu biết [của họ] thật là thấp kém quá [Họ không hiểu rằng] người xưa trị thiên hạ giống như thầy thuốc giỏi xem bệnh. Biết được căn bệnh thì chữa không khó, chỉ khó ở chỗ bồi bổ nguyên khí thôi. Người đời sau [trị thiên hạ] chẳng khác gì thầy lang xoàng chữa bệnh. Đã dốt lại vụng. Muốn khử bệnh lại cứ công phạt nguyên khí cho đến khi đành bó tay không chữa được nữa. Cho nên đề phòng và ngăn ngừa [mầm mống xấu] ngay từ lúc mới chớm nở vẫn là điều cốt yếu. Nhưng chính sự phải thuận lẽ, hình phạt phải công bằng; dùng người hiền, bỏ kẻ nịnh để giảm bớt mầm bệnh. Như thế

* 1, 2. Quán, Thái: Quán Thúc, Thái Thúc.

3. Người đời sau: Hán Cảnh Đế cắt bớt đất của người cùng họ. Tống Thái Tổ thu hết binh quyền của các phương trấn.

mới mong tạm yên được. Hướng hồ là ba đời Hạ, Thương, Chu dựng nước, nền đã vững móng lại sâu. Cứ xem như việc Vũ Canh nhà Ân làm phản ở nơi cố đô nhà Ân mà từ cửa quan sang mãi phía Tây vẫn không hề bị lung lay. Cho nên [Chu Công] cứ ung dung mà sắp đặt [việc nước], [thì đã rõ việc ấy]. Còn đời sau như Bồ Kiên⁽¹⁾, thế mạnh như lửa bốc một thời, bề ngoài [tưởng chừng] thừa sức nuốt trứng nước Tấn nhưng chỉ một trận thua ở sông Phi Tuyền mà kẻ thù địch đã nổi lên khắp nơi, đất nước lập tức bị tàn phá tan hoang. Vì vậy người đời sau, bình định xong thiên hạ, không thể không để tâm lo ngay đến mối họa loạn. Ấy cũng là cái thế không thể nào khác được.

Ông Quế Đường nói: Bồ Kiên lúc mới dựng nước, hình thế không khác gì nhà Chu hồi đầu. Nước Tiên Ty, Khương Hồ [đời Tần Bồ Kiên] có khác gì đất Hoài đất Yêm [của nhà Chu khi trước]. Xem đấy thật người ta không khỏi giật mình.

Chẳng kể là đức dày hay mỏng, nếu trừ ác mà không trừ cho tiết họa thì thật là để mối lo lớn cho ngàn đời. Bồ Kiên đâu có phải người ngu tối, không biết lo xa ? Chỉ vì thấy người ta có danh vọng, nếu trừ bỏ đi thì sợ mất lòng người một vùng cho nên cứ bao dung mà không biết rằng

1. Bồ Kiên: tức Văn Ngọc, tự là Vĩnh Cố, người thời Tiên Tần, học rộng tài cao, giết chết Bồ Sinh rồi tự xưng là Tần Thiên Vương, đem quân đánh nhau với nước Tấn bị thua trận ở sông Phi Thủy, khi trở về bị Diêu Trừng làm phản bắt giết. Ở ngôi được 27 năm.

bọn Thùy⁽¹⁾, Trình⁽²⁾, Hoàng⁽³⁾, Sung⁽⁴⁾ vẫn là bọn người cần phải kiềm chế. Cho nên: "Người biết thua thì không chết". Bồ Kiên chỉ thua có một trận mà bị chết ngay. Đó là vì cội rễ còn nông cạn quá.

Hổ Trai cho rằng: Trừ bỏ mầm ác phải trừ cho tiết nọc. Đó vốn là điều thiết yếu. Nhưng thiết nghĩ, từ xưa đi xâm chiếm nước người mà dân họ chưa thật chán ghét vua của họ thì chưa thể chiếm nước họ được. Nếu cứ cố mà xâm chiếm thì sẽ sinh mối loạn về sau. Câu nói ấy dường là lời bàn của miệng của lão Nho nhưng xem ra cũng thật chí lý.

Đông Giăng bàn rằng: Bài này có thể xem ngang với

1. Thùy: Mộ Dung Thùy người đời Hậu Yên, chạy sang với Bồ Kiên (vì sợ Mộ Dung Bình giết), được Bồ Kiên cho làm Quán quân tướng quân. Khi Bồ Kiên bị thua Tấn, Thùy liền làm phản Tần, tự xưng đế ở Trung Sơn. Ở ngôi 13 năm.

2. Trình: Diêu Trình, người đời Hậu Tần, được Bồ Kiên phong là Dương Vũ tướng quân, lập được một số công trạng. Khi Kiên bị thua Tấn, Mộ Dung Hoàng phản lại Kiên. Trình chống lại Hoàng bị Hoàng đánh bại phải chạy lên miền Bắc sông Vị. Sau Trình tự xưng là Tần Vương, đánh bại quân Tần và giết Bồ Kiên ở Ngũ Tượng Sơn. Trình ở ngôi được 8 năm thì mất.

3. Hoàng: Mộ Dung Hoàng, người thời Tiền Yên. Khi Yên bị phá. Hoàng chạy sang Quan Đông thu thập được mấy ngàn quân nước Tiên Ty, tự xưng là Đại tướng quân, chống lại Bồ Kiên.

4. Sung: Mộ Dung Sung, được Bồ Kiên cho làm Thái thú ở Bình Dương, sau dấy binh chống lại Bồ Kiên.

bài luận lo xa (thâm lự luận) của Phương Chính Học⁽¹⁾.

3. Vào lúc nhà Hạ đang thịnh

Vào lúc đang thịnh, vua Vũ nhà Hạ được hàng vạn nước mang ngọc, lụa đến triều cống, tới vua Thang nhà Ân được hơn ba ngàn nước, đến đầu thời nhà Chu chỉ còn một ngàn tám trăm nước. Bảy giề nước lớn rộng không quá vài ba trăm dặm, nước nhỏ chỉ một thành một ấp. Nước nào nước ấy đều theo chúc phận phục vụ ngôi Thiên tử.

Nơi kinh kỳ ngàn dặm là chỗ dân ở. Việc dời tránh chỗ hiểm hại, tìm đến chỗ thuận lợi, thay đổi chỗ ở diễn ra bất thường. Còn về hình thế [như thế nào] thì [người dời xưa] chưa bàn đến.

Đất đai của tiên vương xưa, phía Đông không quá biển Đông, phía Bắc không quá núi Hằng, phía Tây không quá Lưu Sa, phía Nam không quá núi Hoành. Còn những vùng đất mà đời sau cho là hiểm yếu thì [tiên vương] đều cho vào cõi Yêu và cõi Hoang cả. Như Thượng quận ở phía Bắc, vốn là đất Nghĩa Cù của rợ Địch; Trung Sơn, Vân Trung vốn là đất của Bạch Địch và Tiên Ngụ; Thượng Đảng vốn là nước Lộ Tử của Xích Địch; Vĩnh Niên vốn

1. Phương Chính Học: tức Phương Hiếu Nhụ, người đời Minh. Tác giả bài *Thâm lự luận* (luận lo xa), đại ý nói rằng: "Trí lực con người không đủ để hiểu hết đạo trời. Nhưng nếu có lòng chí thành chí đức thì có thể cầu mong được đạo trời lâu dài..."

là nước Lệnh Chi của Sơn Nhung. Đất đai của Trung Hoa và Di, Dịch ở xen kẽ lẫn nhau, có lẽ là có ý không chế các nước Di, Dịch xung quanh.

Vua Vũ nhà Chu tuy nói rằng: "Chọn ở nơi bằng phẳng thì vô sự". Thế nhưng Vũ lại sang ở đất Hữu Hạ [dời đô tới ấp Lạc]. Vậy là Vũ đã chọn đất Trung thổ, tức cũng muốn ở nơi có thể trung hòa của trời đất, chứ không phải nói đơn thuần về chỗ hiểm yếu.

Vào cuối thời nhà Chu, vua Hoàn Công nước Trịnh, mưu toan cùng Sứ Bá⁽¹⁾ đến ở đất Quắc, đất Tạng. [Miền đất này] trước mặt có núi Hoa, sau lưng có sông Vị, bên trái có sông Lạc, bên phải có sông Tế. Quán Trọng⁽²⁾ cũng đắp thành Ngũ Lộc, thành Trung Mâu và dùng binh lính khỏe mạnh để giữ đất Hoa Hạ. Các luận thuyết về hình thế bắt đầu có từ đó.

Các nước Tấn, Yên, Tần, Sở, Ngô, Việt nằm ở bốn góc. Trong thì chiếm giữ nơi hiểm yếu, không chế nước chu hầu, thành quách, hào rãnh đào đắp nhiều hơn trước. Ngoài thì thôn tính các rợ Nhung, rợ Khuông để mở rộng bờ cõi. Các đô ấp nổi tiếng, các miền đất trọng yếu đều thuộc về Trung Quốc hết. [Nước nào] cũng đều dựa vào hình thế sông Hoàng Hà, sông Trường Giang để xây dựng

1. Sứ Bá: quan Thái sử thời Trịnh Hoàn Công

2. Quán Trọng: còn gọi là Di Ngô, vị tướng giỏi của Tề Hoàn công thời Xuân Thu, có công giúp Hoàn công làm nên nghiệp Bá, được tôn xưng là Trọng Phụ.

nơi hiểm yếu cho mình, cho nên mới bớt được mối lo ngoài biên cương. Đó cũng là cái thể tất nhiên dẫn đến sự di chuyển chỗ ở như vậy.

4. Thiên *Biểu ký* và thiên *Lễ vận sách Lễ ký* nói về ba đời Hạ Thương Chu

Trong thiên *Biểu ký* có đoạn nói: "Nhà Hạ trọng mệnh trời, nhà Ân trọng quý thần, nhà Chu trọng lễ". Xét cho cùng [cả ba nhà] đều không tránh khỏi điều tệ hại. Đúng là "lý" và "thế" đã dẫn đến như thế, chứ không phải thánh nhân không hình dung ra được điều xác đáng ấy. Đọc những điều chép trong *Kinh Thi*, *Kinh Thư* và xem rộng đến truyện ký, so sánh chúng với nhau thì thấy thật là trùng hợp [với nhận xét trên]

Còn lời bàn về việc trị bình ở ba đời Hạ Thương Chu, thì không lời nào hơn được [nhận xét này]. Thế mà họ Vương ở Thạch Lương⁽¹⁾ lại nói rằng đó không phải là lời của Khổng Tử⁽²⁾. Có lẽ [họ Vương] cố chấp, cho rằng chính sách của tiên vương mãi mãi không bao giờ có điều tệ hại. Sao mà câu nệ đến thế.

Đạo trời có lúc biến đổi nhỏ, có lúc biến đổi lớn; lòng

1. Họ Vương ở Thạch Lương (?)

2. Khổng Tử: vị tổ của đạo Nho, người nước Lỗ thời Xuân Thu, tên là Khâu, tự là Trọng Ni, làm quan Tư khấu ở nước Lỗ, sau không được dùng, đã đi chu du khắp thiên hạ. Cuối cùng lại trở về nước Lỗ dạy học và san định các sách *Thi*, *Thư*, *Lễ*, *Nhạc*, *Chu Dịch* và *Xuân Thu* để truyền bá phép tắc của tiên vương.

người có lúc thuận lúc bạc, làm sao mà bình thường mãi được!

Kinh Thu nói: "Đạo có lúc thăng lúc trầm, chính sự đổi thay theo phong tục" là như vậy.

Về hai đời "Đại đồng"⁽¹⁾ và "Tiểu khang"⁽²⁾ nói trong thiên *Lễ vận* sách *Lễ ký*, họ Vương cho rằng đây là ý của Lão Tử⁽³⁾ chứ không phải lời của Khổng Tử. Ôi, từ các đời Hán Đường trở về sau, xem ngược lên ba đời Hạ Thương Chu, thấy thật đã khác xa nhau rồi. Nhưng cứ xem ngay ở ba đời này, thì cái lòng chất phác cũng đã bị mất, mà sự cơ mưu trí trá thì ngày một thịnh, biến cố ngày mỗi nhiều. Lại so ngược lên trước đời Nghiêu⁽⁴⁾

1. Đại đồng: Thời đại của Ngũ Đế (Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn) chủ trương thiên hạ là của chung của mọi người. Ngôi vua sẽ truyền cho người hiền tài trong nước, không truyền cho con cháu.

2. Tiểu Khang: Thời đại của Tam Vương (Vũ Vương nhà Hạ; Thành Thang nhà Thương; Văn Vương, Vũ Vương, Thành Vương, Chu Công nhà Chu) coi thiên hạ là của riêng Thiên tử, ngôi Thiên tử được đời đời cha truyền con nối, thay nhau trị vì thiên hạ.

3. Lão Tử: còn gọi là Lão Dam, người thời Xuân thu, làm ra sách *Lão tử*, hay còn gọi là *Đạo Đức kinh*. Ông chủ trương mọi người sống thanh tịnh, vô vi, trở lại sinh hoạt thời nguyên thủy.

4. Nghiêu: vị vua thời thượng cổ Trung Quốc, tên là Phóng Huân, con vua Đế Cốc, họ Y kỳ. Lúc đầu Nghiêu được phong ở đất Đào, sau lại được phong ở đất Đường nên nước của Nghiêu có tên gọi là Đào Đường. Nghiêu ở ngôi 100 năm. Con trai Nghiêu là Đan Chu, Đan Chu ăn chơi vô độ nên Nghiêu truyền ngôi cho Thuấn.

Thuấn⁽¹⁾ càng thấy khác biệt nhiều hơn. Thuyết Tiểu khang của tiên thánh không có ý chê gì đời Tam Vương, mà có lẽ chỉ là lời than thở về thời thế đã đổi thay khác trước đến mức không còn cách nào cứu vãn lại nổi phong tục thuần hậu của đời Thượng cổ đó thôi.

Ôi! Vua Vũ nhà Hạ khóc⁽²⁾, vua Thành Thang nhà Thương xấu hổ⁽³⁾. Thế là các thánh nhân xưa cũng cảm khái về thế đạo sâu sắc lắm rồi. Cho nên các nhà Nho đời sau cần gì phải bàn giải bình luận thêm nữa?

Hồ Trai bàn rằng: [ông Quế Đường] nói đời Tam Vương không bằng đời Ngũ Đế, lời nhận xét ấy rất đúng. Ấy cũng là cái thế tự nhiên như thế thôi. Ví như đứa bé mới sinh còn đang phải bế ẵm, từ chỗ chỉ biết ra hiệu chứ chưa biết

1. Thuấn: Thuấn người họ Diêu, được Nghiêu truyền ngôi và phong cho ở đất Ngu nên lấy tên nước là Ngu, sau lại lấy tên nước làm họ nên gọi là Ngu Thuấn. Thuấn sống rất mực có hiếu, cha là người ngoan cố, mẹ ghê độc ác, con mẹ ghê là Tạng ngạo ngược luôn tìm cách giết anh. Thấy vậy Thuấn càng hết sức cẩn thận giữ lòng hiếu thảo. Sau được Nghiêu dùng, cho điều khiển trăm quan, giữ việc chủ tể, Thuấn đều làm tốt, Nghiêu cho giữ thử quyền chính trong ba năm rồi truyền ngôi cho làm thiên tử.

2. Vua Vũ khóc: vua Vũ nhà Hạ ra đường trông thấy tội nhân liền xuống xe hỏi han và khóc. Ông cho rằng mình không đủ tài đức cảm hóa người nên người ta bị mắc tội.

3. Vua Thang xấu hổ: Sau khi đánh đuổi được vua Kiệt rồi, Thành Thang (nhà Thương) thấy trong lòng ngậm ngùi xấu hổ. Ông cho rằng đức của mình không bằng Nghiêu Thuấn xưa, truyền ngôi không cần dùng đến vũ lực.

nói. Nhưng [thời gian trôi qua] chẳng mấy mà biết nói; chẳng mấy mà có lòng ham muốn, chẳng mấy mà có cơ mưu quyền biến và lòng trí trá. Nay chẳng lẽ lại muốn một người đã lớn khôn trở lại làm đứa bé mới sinh chưa biết nói sao?

5. Thái Khang mất nước do nhu nhược

Vua Thái Khang [nhà Hạ] mất nước do nhu nhược. Vua Kiệt [nhà Hạ] lại mất nước do bạo tàn. Tuy nhiên vua Kiệt còn đánh thắng nước Hữu Huân, bỏ tù [vua Thang nhà Thương] ở Hạ Đài, uy lệnh vẫn thi hành [trong thiên hạ]. [Rõ ràng] hơn hẳn [Thái Khang] phải chạy lang bạt ra ngoài sông Lạc.

6. Bậc thánh hiền không ở chung với kẻ bạo ngược

Bậc thánh hiền mà ở chung với kẻ bạo ngược thì không hợp nhau được. Thiên *Trọng hủ* [trong *Kinh Thư*] chép: Nước ta [nhà Thương] dựng nước vào đời Hữu Hạ cũng như trong đám lúa giống có loài cỏ xấu, trong đồng thóc tốt có hạt thóc lép. [Không thể dung vua Kiệt được] vì [dân nhà Thương] từ lớn đến nhỏ không ai là không nơm nớp, sợ có ngày vô cớ mà bị tội.

7. Đại truyện trong *Kinh Dịch* chép về nhà Ân và nhà Chu

Đại truyện trong *Kinh Dịch* chép: Có lẽ *Kinh Dịch* có từ cuối đời Ân và đầu đời Chu lúc đang hưng thịnh chăng?

Cho nên lời lẽ có ý e sợ. Lại chép: Có lẽ người làm *Kinh Dịch* có ý lo sợ chăng? Xem đây có thể thấy vua Thành Thang và vua Văn Vương phụng thờ vua Kiệt vua Trụ rất vất vả. Vì phận làm tôi là phải hết lòng trung thành nên [Thành Thang nhà Thương] đã năm lần tiến cử Y Doãn lên vua Kiệt với hết lòng cung kính và thận trọng⁽¹⁾, [vua Văn Vương nhà Chu] có hai phần ba thiên hạ mà vẫn phụng sự nhà Ân⁽²⁾. Nếu không phải bậc đại thánh nhân thì ai làm được như thế?

8. Nhà Thương từ quăng giữa đời trở về sau

Nhà Thương từ quăng giữa đời trở về sau, đại đế đã làm mất cả vùng đất về phía đông nam. Cho nên khi Thái Vương⁽³⁾ ở đất Mân bị rợ Địch xâm lấn, thì từ thiên tử cho đến vương bá không còn biết cầu cứu vào ai, [thành thủ Thái Vương] lại từ đất Mân dời đến đất Kỳ, là nơi có nhiều đất rộng bỏ hoang.

Trong *Kinh Thi* có câu: "mở mang ra, khai khẩn ra, chặt nó đi, đẩy nó đi..." [Qua đây đủ biết] đây là vùng đất toàn rừng núi hiểm trở, không bóng người.

1. Thành Thang năm lần tiến cử Y Doãn lên vua Kiệt nhưng vua Kiệt không dùng. Y Doãn lại năm lần trở về với Thành Thang.

2. Văn Vương có hai phần ba thiên hạ mà vẫn giữ đạo làm tôi nhà Ân. (Từ đời Bàn Canh trở đi nhà Thương đổi tên là nhà Ân)

3. Thái Vương: tức Cố Công Dân Phủ, ông nội của Văn Vương nhà Chu.

Khi Thái Bá⁽¹⁾ đến nước Ngô, vốn chỉ là một công tử mà cũng dựng được nước ở Kinh Man. Khi Văn Vương đến đất Trình đất Phong thì các nước chu hầu ở phía nam sông Hán đều kéo đi theo. Chỉ riêng đất Triều Ca¹ của [vua Trụ] vẫn không đến thăm hỏi [Văn Vương]. Khi Vũ Vương đánh Trụ ở đất Mục Dã thì các nước Vi, Lu, Bành, Bộc, Dung, Thục, Khương và Mao đều nộp của cải và xin phục dịch. Như vậy là chính lệnh [của nhà Chu] đã được thi hành rộng ở các vùng Châu Ung, Châu Lương, châu Dương từ lâu rồi. [Đến đời Thành Vương], Chu Công khuyên Thành Vương⁽²⁾: Phải theo dấu chân vua Đại Vũ [nhà Hạ] đi khắp thiên hạ⁽³⁾... [Lời khuyên ấy] đâu phải là không có ý.

Khi nhà Chu dựng nước thì rừng rẫy được khai phá, đường sá được mở mang, hiện rõ một cảnh tượng phồn vinh. Nhưng khi nhà Chu bắt đầu suy thì dân chúng lưu vong, Chuồng trại bỏ hoang, lộ ra một khung cảnh thật tiêu điều.

1. Thái Bá: là con trưởng của Thái Vương. Thái Bá biết ý Thái Vương muốn nhường ngôi cho Vương Quý (em trai Thái Bá), đã trốn đến đất Mân, dựng ra nước Ngô, nhường lại ngôi thiên tử cho Vương Quý.

2. Văn Vương sinh ra Vũ Vương và Chu Công, Vũ Vương sinh ra Thành Vương. Trong bài là lời chú khuyên cháu.

3. Thiên *Lập chính* trong *Kinh Thư* chép: Nhà vua phải chuẩn bị nhung y và binh khí theo vết chân vua Đại Vũ nhà Hạ đi khắp thiên hạ... để thấy được đức độ sáng láng của vua Văn Vương và công tích vĩ đại của vua Đại Vũ...".

9. Nhà Chu đóng đô ở miền tây

Nhà Chu đóng đô ở miền tây⁽¹⁾, ở sát kề với các rợ. Nhung Dịch, cho nên Thái Vương bị tộc người Huân Dục lấn át, Vương Quý⁽²⁾ bị bại trận ở Yên Kinh⁽³⁾. Vì thế đến đời Văn Vương sau này vẫn còn ám ức mãi về việc bị bọn Côn Di [quấy nhiễu]. Do đó sau khi diệt được nhà Ân Vũ Vương giành nhiều tâm trí vào những kế sách lớn của đất nước. Như phía nam thì nhìn sang Tam Đò⁽⁴⁾, phía bắc ngắm trông Nhạc Bì⁽⁵⁾, lại nhìn vươn tới sông Hà, xa nữa tới sông Y sông Lạc, [là có ý] muốn sửa sang để đô, mong để lại sự yên ổn cho con cháu muôn đời sau. Xem việc Vũ suốt đêm không ngủ, sáng lại dậy sớm dạy bảo Chu Công và đôi ba lần than thở thì đủ thấy ý của Vũ. Khi sửa sang đất Lạc, lại tha thiết nói với Thành Vương là nên ở chỗ giữa thiên hạ. Chu Công cũng nói: "Tim, [xây dựng] đài thành ở chỗ giữa thiên hạ đã là vị vua sáng của dân rồi còn phải bận thêm gì nữa". Thế nhưng Thành Vương không chịu rời bỏ đất cũ của tổ tông, lại trở về Tây

1. Nhà Chu lúc mới dựng nước, đóng đô ở đất Cảo thuộc miền tây.

2. Vương Quý: tức Quý Lịch, con thứ của Chu Thái Vương. Hai người anh của Quý là Thái Bá và Ngụ Trọng biết ý Thái Vương muốn truyền ngôi cho Quý, bèn bỏ đến vùng Kinh Man, nhường ngôi cho Quý.

3. Yên Kinh: thuộc tỉnh Sơn Tây Trung Quốc ngày nay.

4. Tam Đò: miền đất hiểm yếu, nay thuộc tỉnh Hà Nam Trung Quốc.

5. Nhạc Bì: tức Nhạc Châu, nay thuộc Hồ Nam Trung Quốc.

Kinh⁽¹⁾ và sai Chu Công ở lại giữ [đất cũ]. Như thế có phải là [làm theo] ý muốn của Vũ Vương đâu. Khi Chu Công vâng mệnh ở lại giữ đất Lạc rồi, vẫn nói [với Thành Vương] rằng: "Làm vị vua mới của bốn phương thì phải ở chỗ giữa của thiên hạ mà cai trị". Rõ ràng lòng mong muốn dời đô vẫn chưa nguôi.

Chu Công ở đất Lạc 7 năm thì mất, nhưng kết cục Thành Vương vẫn không dời đô, cứ lần lữa ngày này qua tháng khác chỉ để đất Lạc làm nơi triều hội. Đến đời Ý Vương⁽²⁾, sau có dời đô sang đất Hòe Lý, song chẳng qua vẫn là ở trong kinh kỳ Tây Đô. Như thế sao bằng dời hẳn sang bên đông được? Khi [nhà Chu] bị suy, thì giặc Khuyển Nhung diệt tộc Đại Lạc; Hiểm Doãn xâm lấn đất Cảo, đất Phương, kéo dài đến tận đất Kinh Dương, cõi Điện Trong kinh kỳ bị tàn phá.

Đến đời Tuyên Vương⁽³⁾ [nhà Chu] tuy có trung hưng, nhưng cũng bị thua rọ Khương Đề, quân lính hao tổn nhiều. [Tuyên Vương] sai Tần Trọng⁽⁴⁾ đi giết Tây Nhung không

1. Tây Kinh: nhà Chu từ Vũ Vương đến U Vương đóng đô tại đất Cảo ở phía Tây nên gọi là Tây Kinh.

2. Ý Vương: Nhà Chu đến đời Ý Vương, đất nước suy vi, dân tình ta oán, đã làm thơ để chỉ trích Ý Vương.

3. Tuyên Vương: con Lệ Vương, được Thiệu Mục Công nuôi dạy. Sau khi Lệ Vương chết ở đất Trê, Tuyên Vương lại được Thiệu Mục Công và Chu Công giúp đỡ dựng lại nghiệp trung hưng.

4. Tần Trọng: Quan đại phu thời Tuyên Vương. Lệ Vương vô đạo bị Tây Nhung làm phản. Khi Tuyên Vương lên nối nghiệp, sai Tần Trọng đi đánh Tây Nhung, bị Tây Nhung giết chết.

xong lại còn bị hại; sai Tấn Hầu⁽¹⁾ đi đánh nước Từ ở Thiên Mâu cũng không thành công.

Thơ *Lục Nguyệt*⁽²⁾ [trong *Kinh Thi*] nói: "Chỉ khoe khoang hảo chú đã làm gì cho Nhung Dịch phải khiếp sợ đâu!" [Cho nên] mới truyền được có một đời [cho U Vương] mà đã có họa lớn ở Li Sơn⁽³⁾. Thật đáng than phiền thay.

Ôi! vận nước thịnh hay suy, con cháu giỏi hay ươn hèn, đều không thể cứ mãi một tình trạng như thế được. Nhung khi cội nguồn đã sâu xa, khí thế đã mạnh lên thì dẫu vận nước có suy nhưng vẫn còn hi vọng duy trì và trỗi dậy được; [con cháu] có bất tài nhưng vẫn còn có cơ thay đổi mà kéo dài cơ đồ. Nếu không được như thế thì sẽ bị đắm chìm mãi mãi thôi. Giả như Thành Vương không quyền luyện Cảo Kinh thì U Vương dù có vô đạo đến mấy, rồi cũng bị đại thần, bị chu hầu và phép tắc nghiêm minh phế bỏ thôi. Thiên hạ vẫn hoàn hảo mà không bị thương tổn lớn, chú đâu đến nỗi vua mất nước tan, xã tắc điêu tàn quá như thế.

Nếu như bấy giờ có dời đô sang Đông mà không vươn lên được, thì cũng đâu phải chỉ do vua thời ấy ươn hèn,

1. Tấn Hầu (?)

2. Thơ Lục nguyệt: Bài thơ trong *Tiểu nhã*, *Kinh Thi* ca ngợi Doãn Cát Phủ giúp Tuyên Vương đánh giặc Hiểm Doãn ở phía bắc. Lời thơ như sau: "Vì vua mà ta đánh giặc, để cứu đất nước nhà vua. Đánh giặc Hiểm Doãn, để dâng lên công lớn...".

3. Ly Sơn: U Vương nhà Chu (con Tuyên Vương) ham mê chơi bời bị giặc Khuyển Nhung giết chết ở chân núi Ly Sơn

mà thực ra còn do Trung Quốc bấy giờ có biến cố lớn: quan lại dân chúng uể oải, chu hầu có lòng trung cũng không dám đứng ra một mình gánh vác công việc. Cho nên rợ Di, Địch ở xung quanh sinh lòng khinh nhờn rồi thả sức làm điều cần bậy không sao ngăn cản được nữa. Đó chẳng phải là do hồi đầu dựng nước quá e ngại việc đời do dẫn đến như vậy sao!

Có người bàn rằng: "Ông Tô Thúc⁽¹⁾ nói: điều làm lỗi của nhà Chu không có gì quá đáng bằng đời đô sang bên Đông". Thế là thế nào? Xin trả lời rằng: mỗi thời mỗi khác nhau. Thời Bình Vương⁽²⁾ không thể hô hào thiên hạ và xuống xuất việc đánh giặc trả thù, cho nên dù có sang phía đông cũng là tỏ rõ thế yếu: phải bỏ 800 dặm ở cõi Điện cho nước Tần [Thế là] trừ được rợ Nhung thì nước Tần lại nổi lên. Như vậy thật là thất sách. Còn đến đời Thành Vương thì lại khác: đô ấp mới mở, thiên hạ toàn thịnh, có thể đặt chức Doãn chức Mục ở kinh đô cũ, cho họ trấn giữ một vùng [Còn vua thì] chọn vùng đất ở giữa [thiên hạ mà đóng đô] để trông coi các nước chu hầu ở Quan Đông, rồi ban bố chính sách, chỉnh đốn lại việc lễ việc hình. [Như vậy] thì còn ai mà không thuận theo? Đồng thời quyền hành dẫn dắt bốn phương đã nắm chắc trong tay thì thế nước sao có thể suy được?

Dân ở trong chín châu, có châu nào không có đất hiểm,

1. Tô Thúc: Tô Đông Pha, người đời Tấn.

2. Bình Vương: con trai U vương.

nhưng thiên tử đâu có thể đóng đô ở cả chín châu, mà phải chọn nơi nào tiện lợi, xa mối họa mới được. Mối lo lớn nhất của nhà Chu là rợ Tây Nhung, mà Cảo Kinh chỉ có thể khống chế được phía đông, còn phía tây thì sát ngay bên nách, các rợ Khuông cùng chung sống lẫn lộn ở vùng sông Khiên sông Vị sớm đi chiều đến, thế mà không có các nước chư hầu mạnh làm hàng rào chống đỡ hộ, để mặc thiên tử phải tự mình giữ lấy. Cái hiểm của sông núi thì nhà vua và các rợ Nhung Địch cùng chung hưởng. Sự thế ấy khác hẳn với các nước Tần Hán sau này. Sao cứ câu nệ mãi?

[Dựa vào thế đất] bên trong bên ngoài có sông có lạch dựng ra nước Tấn, có núi có biển dựng ra nước Tề, lại chọn con cháu hiền tài lập ra nước Kỳ Chu. Ba nơi ấy chụm lại chống đỡ giữ gìn nhà vua, còn có gì là không được, mà cứ phải khu khu đóng đô mãi một chỗ?

Hổ Trai bàn rằng: Ông Quế Đường nói Thành Vương không dời đô sang phía đông là thất sách. Tôi nghĩ, chưa hẳn như thế. [Nói] nhà Chu vội vàng sửa sang Lạc Ấp, có dẫn việc Vũ Vương ngắm sang Tam Đồ ở phía Nam là vẫn có ý cho nơi ấy ở vào trung tâm của thiên hạ, tiện cho các nước chư hầu đến triều hội. Tôi e rằng việc ấy là có ý để tâm đến dân nhà Ân nhiều hơn. [Vì rằng dân nhà Ân] trải qua thời kỳ vua Trụ nhà Thương bạo ngược như thế, lòng người ta oán đến cực độ, thế mà sau khi vua Trụ mất, dân lại nhớ đến nhà Ân, dù thấy ơn trạch của tiên vương nhà Thương sâu rộng lắm. Cho nên Chu Công sửa

sang Lạc Ấp là việc bắt buộc. Vì đến như Quan Trung là nơi địa thế hiểm yếu là thế mà mối lo rợ Nhung Dịch vẫn còn mãi đến đời Hán Đường sau này, huống hồ nhà Chu. Nhung lòng người, sức người cũng dễ chấn chỉnh lại được, chứ không thể mãi như đất Quan Trung. Ôi! Tây Chu mất còn có Đông Chu làm chỗ lui chân. Nếu [Thành Vương] sớm dời sang bên đông thì liệu có chắc khỏi mất không?

10. Tuyên Vương Bình Vương nhà Chu đánh dẹp bốn rợ...

Trong việc đánh dẹp bốn rợ phía ngoài, công lao nội trị của Tuyên Vương là sửa sang cẩn thận phía đông nam, mà chệnh mảng phía tây bắc. Do mở mang xung quanh và khai thông bờ cõi vùng biên cương và đất Lý đến tận Nam Hải nên đất Hoài Di được bình định. Nhờ đấy, đến hết thời Xuân Thu chỉ thấy vua nhà Chu phải lo lắng có một lần ở đất Kỳ Tăng⁽¹⁾ mà thôi. Còn với rợ Hiểm Doãn [Tuyên Vương] đánh và dồn chúng đến tận đất Thái Nguyên, nhưng chỉ đuổi được chúng ra khỏi biên giới, sau đó lo sửa sang việc phòng bị mà không đánh đuổi chúng đến cùng, nên mối lo ở vùng biên giới phía tây vẫn còn vì thế mới đến đời U Vương, bốn rợ đã vây đất Khuyển Khâu⁽²⁾, bắt Thế Phù nước Tần, đánh các nước tôn thờ nhà Chu.

1. Kỳ Tăng: tên một nước thời Chu Vũ Vương. Chu Vũ Vương đánh nhà Ân, tìm được người con cháu của vua Vũ nhà Hạ là Đông Lau Công, bèn phong cho đất Kỳ Tăng.

2. Khuyển Khâu: tức vùng đất Hộc Lý ở gần Tây Nhung nơi Ý Vương dời đô đến. Trong sách chép là Thái Khâu, có lẽ do chép nhầm.

Nhà Chu không còn cách nào ngăn cản chúng nữa.

[Sang đến đời Bình Vương], Bình Vương giao hẳn việc đánh dẹp và hỏi tội [các rợ phản nghịch] cho Tương Công nước Tân, và hứa nếu đuổi được giặc Khuyển Nhung thì sẽ phong cho đất Kỳ đất Phong. Trải qua hơn mười năm đánh dẹp, Tương Công diệt được Tây Nhung, đất đai của Tân ngày càng được mở rộng. Như thế tuy hết bọn thù địch Tây Nhung, nhưng nước Tân lại mạnh lên.

Xét kỹ trước sau mới thấy rằng việc trị và dẹp rợ Nhung Địch, tất nhiên không thể thiếu đức chính khoan hòa, nhưng binh lực đầy đủ vẫn cần hơn cả. Trong sách *Tả truyện* có nói: "Một ngày buông lỏng kẻ địch sẽ để mối lo cho mấy đời". Lại nói: "Trừ ác không gì bằng trừ cho tận gốc" Người nắm việc nước biết lo xa cần lưu ý điều ấy. Thế nhưng các nhà nho đời sau lại hết lời ca ngợi ba đời Hạ Thương Chu, và cả khen thơ *Lục nguyệt*, cho đó là thượng sách trừ rợ Nhung Địch. Thật là vô vị.

11. Việc dời đô của một nước

Việc dời đổi kinh đô của một nước chỉ là chuyện bình thường. Nhà Ân từ đất Bặc đã chuyển đến bốn lần đi nơi khác mà vẫn còn chuyển nữa, nhưng có tổn hại gì đến thế lớn đâu. Công Lưu nhà Chu ở đất Mân đặt ra chế độ "ba quân"⁽¹⁾, định rõ phép thuế, có dân đông, của cải nhiều

1. "Ba quân": tức "Tam quân" chế độ quân đội của nhà Chu mỗi quân gồm 12.500 người. Vua Thiên tử có 6 quân; các nước chư hầu, nước lớn có 3 quân, nước vừa có 2 quân, nước nhỏ có một quân.

và trở thành một nước lớn. Đến thời Thái Vương bị rợ Huân Dục xâm lấn, phải bỏ đất ấy dời đến chân núi Kỳ Sơn. Như thế chẳng phải là quá yếu sao? nhưng [đến lúc dời đô], sai dân mà dân vẫn vui vẻ, dựng nền xã tắc mà Nhung, Địch đến làm, cây cối được phát quang, đường sá thông suốt, rợ Nhung rợ Địch im lặng [sợ hãi], khí thế vươn lên mạnh mẽ không gì ngăn cản được. Như vậy thì sự dời đô là cũng có lợi cho nước đấy chứ.

Sau cuộc biến lớn ở Ly Sơn, vì đất Phong đất Cảo nằm kề sát Tây Nhung, không thể ở được, phải dời đô sang đất Lạc bên Đông để giảm bớt những nguy cấp trước mắt, thì sao lại không được? Nếu lúc ấy biết dùng người tài giỏi ở các nước Tấn, Tề, Vệ, Trịnh để lo toan việc khôi phục, và sau khi Tương Công nước Tần phá được Tây Nhung thì trở lại đất cũ ở phía đông đất Kỳ sửa sang bờ cõi, khôi phục lại chế độ Điện phục trong kinh kỳ, đặt ra chức quan Doãn, quan Mục để thường xuyên tuần thú xem xét. Như vậy chẳng phải là kế sách lâu dài cho quốc gia sao? nhưng [nhà Chu] lại không làm được một việc gì cả. [Đã thế] phía tây thì cắt đất cho nước Tần, phía nam thì bị nước Sở làm nhục, ở Trung nguyên thì đồn bắt dân trong vương kỳ đi thú để giữ đất cho bên họ mẹ để đến nỗi lòng người ta oán phải thốt ra lời thơ *Dương thủy*⁽¹⁾, dân tình xa lánh, thiên hạ rời tan là điều tất nhiên vậy.

1. Dương thủy: bài thơ *Dương chi thủy* trong thiên *Quốc phong Kinh Thi*, ý chê trách Bình Vương nhà Chu bắt dân ở trong vương kỳ đi thú để giữ đất cho họ nhà mẹ.

Ôi! các quan Công khanh đại phu, các vua chu hầu chẳng ai chịu khuya sớm, tối chiều [lo việc nhà vua]. Dân chúng bảo làm điều thiện [nhà vua] lại làm điều ác⁽¹⁾.

[Nhu vậy thì] ngày càng suy đồi đâu phải hoàn toàn do việc dời đô sang bên Đông?

12. Trong triều không thể một ngày vắng trọng thần

Trong triều không thể để một ngày vắng trọng thần.[Thời nhà Chu] dân trong nước đuổi Lệ Vương cũng là một việc xưa nay chưa từng thấy. Nếu nhà Chu không có hai tướng⁽²⁾ vững vàng trong triều, dẹp yên mối loạn thì biết đâu lại chẳng giống chuyện Thái Khang?

Có người nghi ngại rằng khi dân làm loạn, dẫu có dẹp yên được rồi, nhưng sau đó không xem xét lại là cầu thả [tức chỉ mong sự yên ổn tạm thời]. Nói như thế chưa đúng. Lời Vạn Lương Phu trong *Dật Chu thư*⁽³⁾ nói: Dân đông đến ức triệu người, còn vua chỉ có một mình mà thôi. Một người địch sao nổi đông người? Nguy cho nhà Chu lắm

1. Ý bài thơ *Vũ vô chính* trong *Tiểu nhĩ*, *Kinh Thi* chê U Vương nhà Chu không có lòng nhân đức, làm nhiều điều tàn bạo.

2. Hai vị tướng: Lệ Vương nhà Chu ăn ở vô đạo, bị đuổi ra đất Trệ vào năm thứ 37. Khi ấy quyền hành trong nước do Chu Công (khuyết danh) và Thiệu Mục Công (hai người là con cháu của Chu Công Đán và Thiệu Công Thích) điều hành trong 14 năm.

3. *Dật Chu thư*: còn gọi là *Cấp chủng Chu thư*, cuốn sách do một người ở huyện Cấp tìm thấy ở mộ An Ly Vương nhà Ngụy vào năm Thái Khang thứ hai nhà Tấn.

thay". Lại nói: " người nắm quyền chính chỉ vì thích nghe lời nịnh hót mà để dân thù oán không chịu nổi. Tôi nghĩ rằng một ông vua trong thiên hạ đã không có đức lớn lại cũng chưa có người thay thế, thì mới lo cho nhà vua khi ấy chính là người trong nước". Như vậy là các bậc cự thần đương thời đã liệu trước việc sẽ xảy ra rồi.

Lệ Vương bạo ngược, muôn dân không chịu đựng nổi, đến nỗi phải đem lòng làm phản, thực là sự thù oán đã quá lắm rồi. Ung dung, khoan hòa, lấy đạo mà dẹp yên mới họa mới mong được yên trong nước, chứ làm sao có thể [lấy cách] "dập ngay ngọn lửa đang cháy", "chặn ngay đoạn sông đang vỡ" mà xong việc được? Lệ Vương phải ở lại đất Trệ 14 năm không dám về, chỉ có hai vị tướng đứng ra lo liệu việc nước, [trong khi] ở bên ngoài các nước chư hầu đang có ý can thiệp vào chính sự nhà vua. Vua Tuyên Vương có chí [khôi phục vương chính] nên mới chọn các quan giỏi [giúp sức]. Thiết tưởng mấy vị đại thần trong lúc lo liệu, điều khiển công việc cũng lấy làm khổ tâm lắm. Bấy giờ việc xử trí công việc hẳn có rất nhiều mắc mó, tiếc rằng sử truyện ghi chép có nhiều sơ sài thiếu sót.

Ôi! người xưa sợ dân như vậy đấy! Tử Sản đốt sổ sách ở cửa Thương môn mà yên được lòng dân⁽³⁾. Như lời ông nói: "Khi dân phản nộ thì khó có thể chạm đến; chỉ muốn

1. Tử Sản: vị tướng nước Trịnh thời Xuân Thu. Bấy giờ ở nước Trịnh có 5 họ làm phản, nhiều người khác hòa theo. Tử Sản dẹp yên xong chỉ giết mấy kẻ cầm đầu, còn sổ sách ghi tên tuổi bọn a dua, đem đốt hết ở cửa Thương môn, không tra hỏi gì thêm nữa, do vậy mà dân chúng yên lòng.

làm theo ý riêng mình thì khó thành công". Nay lại đem cả hai cái khó ấy mong làm yên trong nước thì nguy quá. Lẽ nào [người nắm quyền chính] lại không hiểu lẽ ấy sao?

13. Bài thơ có chữ "phiên", "viên", "bình", "hàn"

Bài thơ có chữ "phiên", "viên", "bình", "hàn"⁽¹⁾ làm vào thời Lê Vương nhà Chu. Ý của người làm thơ thật sâu xa. Dưới thời nhà Chu, các nước chư hầu lớn, tập trung nhiều ở phía Đông Bắc, còn phía Tây Nam thì không có nước nào. Trong sách *Tả truyện* chép: Ngụy, Nhuế, Kỳ, Tất là các nước ở miền đất phía Tây; Ba, Bộc, Sở, Đặng là các nước ở miền đất phía Nam. [Qua đây] cho thấy ở hai miền [Tây và Nam] không có nước nào giàu, có đến ngàn cỗ xe.

Vì biên giới phía Tây không có nước nào lớn cho nên mối lo lớn nhất là rợ Nhung, Địch. Bởi vậy Tuyên Vương và Bình Vương buộc phải dựa vào nước Tần để được yên, còn Tần thì cũng nhờ đó mà gây dựng được nghiệp Bá. Ở bên cõi Nam cũng vậy. Kinh Sở vốn là một vước nhỏ bé nhưng tráo trở bất thường, nên đến đời Hoàn Vương thì các nước chư hầu ở phía Đông sông Hán đều bị Kinh Sở sai khiến. Bàn về chế độ phong kiến thì đó cũng là mối hận ngàn đời.

1. Bài thơ *Bản* trong thiên *Đại nhã Kinh Thi* có câu: "Giới nhân duy phiên, đại sư duy viên, đại bang duy bình, đại tông duy hàn (Người có đức tốt là phen đậu, dân chúng là bức tường, nước lớn là bình phong, các con cái lớn trong tông tộc là trụ cột của vua). Ý thơ chê Lê Vương bạo ngược làm cho thân sơ đều chán ghét không ai muốn phụ giúp.

14. Người đời xưa gửi quân vào đồng ruộng

Người đời xưa gửi quân về làm đồng ruộng là một cách rất hay. Tuy nhiên khi người lính đã quen sống với ruộng đồng rồi thì khó dùng họ vào việc chinh chiến xa nhà và tuần thú lâu ngày. Cho nên thường không bắt lính đi quá thời hạn. Nếu bị bắt đi lâu là họ sinh lòng ai oán ngay.

Thơ *Đông sơn*⁽¹⁾, thơ *Thái vi*⁽²⁾ hiểu thấu lòng người nên thành công. Cách sai khiến người khéo léo như vậy, sau này chẳng ai làm được. Còn thơ *Kỳ phủ*⁽³⁾ oán thương, thơ *Bá hề*⁽⁴⁾ đau xót, câu ca *Thúc tân*⁽⁵⁾ [kêu than],

1. *Đông Sơn*: tên một thiên trong *Kinh Thi*. Chu Công đem quân đi đánh bên đông, lúc sắp trở về, làm bài thơ này ủy lạo quân lính đã bị đi chinh chiến lâu ngày xa nhà.

2. *Thái Vi*: Bài thơ trong thiên *Tiểu nhã*, *Kinh Thi*. Tiên vương nhà Chu sai quân sĩ đi thú nơi xa, đã tự làm ra bài thơ này thay lời quân sĩ nói rõ nỗi nhớ nhà của họ, đồng thời tỏ ý nhờ vả công lao của họ.

3. *Kỳ Phủ*: Bài thơ trong thiên *Tiểu nhã*, *Kinh Thi*, nói về binh lính phải đi thú lâu ngày sinh lòng ai oán, đã gọi Kỳ Phủ là tướng cầm đầu mà oán trách, nhưng thực ra là oán trách Tuyên Vương.

4. *Bá hề*: Bài thơ trong thiên *Quốc phong*, *Kinh Thi* nói về nỗi nhớ mong và lòng oán trách của người vợ có chồng đi chinh chiến xa nhà.

5. *Câu ca thúc tân*: lời thơ trong bài *Dương chi thủy* (*Quốc phong*, *Kinh Thi*), ý thơ oán trách Bình Vương nhà Chu bắt quân lính đi thú ở nước Thân để giữ đất cho họ mẹ. Người lính trông thấy bó củi (thúc tân) không bị nước cuốn trôi mà tự thương cho thân phận mình.

Cập qua⁽¹⁾ mong người đến thay. [Nguyên nhân] sinh lòng oán, gây mầm loạn thường thường là như vậy.

Thực ra, nếu được mọi người vui lòng đi đánh giặc như thơ *Vô y*⁽²⁾, hiểu biết điều nghĩa như thơ *Tiểu hung*⁽³⁾. [Nghĩa là] mọi người đều xác định được chí hướng thì dẫu việc sai khiến người không được khéo léo như tiên vương cũng không đến nỗi [bị người ta] sinh lòng ai oán lắm.

Hoàn Công nước Tề có ba vạn binh sĩ tung hoành khắp thiên hạ, đánh Nam dẹp Bắc mà không ai kêu ca khó nhọc bởi lẽ ông hiểu rõ ai là binh lính, ai là nông dân. Quân Trọng chia nước ra làm 21 hương⁽⁴⁾, gồm 6 hương công thương, 15 hương sĩ, tức binh sĩ chiến đấu. Ông nói: "làm cho họ yên lòng, thấy cái lạ mà không chạy theo, lại cùng vui, cùng chơi, trong lòng cùng hồ hởi thì họ có thể sống chết có nhau". Xem đấy đủ rõ ý ông thế nào rồi.

Vào giữa thời vua Thành Chu, chính sách đối với binh

1. *Cập qua*: tức *Kỳ cập qua* (đến mùa lúa chín). Sách *Tả truyện* chép: Tề Hâu sai Liên Khu đem quân đi đóng đồn thú ở Quỷ Khâu, hẹn rằng đến mùa dưa chín năm sau thì cho người đến thay. Nhưng hết mùa dưa mà không thấy người đến, nên quân lính sinh lòng phản trắc.

2. *Vô y*: Bài thơ trong *Tần phong*, *Kinh Thi*: nói về phong tục nước Tần chuộng võ, quân sĩ háng hái chiến đấu, khi nước có việc chinh chiến thì thề cùng nhau hy sinh đánh giặc.

3. *Tiểu hung*: Bài thơ trong *Tần phong*, *Kinh Thi*: Tương Công nước Tần, theo lệnh Bình Vương nhà Chu đem quân đi đánh Tây Nhung. Người vợ vui lòng để chồng đi đánh giặc giúp vua, đã làm ra bài thơ này.

4. Hương: chế độ nhà Chu, cứ 12.500 nhà là một Hương.

lính bị suy thoái, nên khi các rợ xung quanh vào xâm lấn, xuất quân đánh trận nào, bị thất bại trận ấy. Tình trạng ấy, không chấn chỉnh lại sao được. Huống hồ (mang danh nghĩa), đưa quân một nước đi đánh dẹp, vỗ yên các nước chư hầu, hỏi tội các rợ xung quanh mà không chọn lựa, không tập tành cho kỹ, không cổ vũ động viên cho khéo thì càng không được. Nhưng muốn dùng [số quân đông đảo ấy] vào việc đánh dẹp và tuần thú mà không ổn định cơ nghiệp cho họ, không thông suốt chỉ hướng cho họ thì làm sao làm khơi dậy nổi lòng khí khái vì vua đánh giặc và làm tiêu tan đi lòng ai oán phần nộ của họ được? [Quân Trọng] đặt ra phép nội chính⁽¹⁾, tuy nói là thay đổi chế độ đời xưa, nhưng thực ra là đã hiểu thấu tình thế thời ấy vậy.

15. Tuyên Vương nhà Chu đánh dẹp phía nam

Khi Tuyên Vương đi đánh dẹp phía nam, đã dùng Phàn Trọng, Thân Bá, Phủ Hầu; khi đánh dẹp phía bắc đã dùng Thiệu Công, Hàn Hầu. Công việc dẹp giặc bên ngoài vốn không phải ít người giúp, nhưng chỉ có Thân Bá, vì là bậc

1. Phép nội chính: chính sách cai trị dân trong nước, cũng là chính sách quân lệnh, do Quân Trọng giúp Tề Hoàn Công xây dựng thành công nghiệp Bá. Gồm những biện pháp về kinh tế, chính trị, quân sự, nhằm làm cho nước Tề giàu mạnh, như: trị dân phải giữ đúng lễ, nghĩa, liêm, si; phải thương yêu dân, giảm thuế cho dân, ổn định đời sống của sĩ, nông, công, thương. Lại đặt ra chế độ dùng tiền của chuộc tội cho người phạm pháp, lấy số tiền của đó để trang bị cho quân đội Ngoài ra, còn khai mỏ, đúc tiền, làm muối để tăng thêm của cải cho nước. Quân lính chỉ cần tinh, không cần nhiều, cốt yếu là phải đồng lòng vì nước.

nguyên cứu (cậu ruột) nên được phong nhiều ruộng ấp, ban nhiều ân huệ, lại được U Vương đưa con gái vào cung làm Hoàng hậu⁽¹⁾. Sau này con trai [Thân Bá] là Thân Hầu⁽²⁾ vì oán U Vương bỏ con trưởng lập con thứ⁽³⁾ đã tự cầm đầu bọn giặc, đem quân vào phạm cửa khuyết⁽⁴⁾. Nhà Tây Chu mất từ đó. [Thế là Thân Bá] đã mất cái công như Hoàn Công nước Tề⁽⁵⁾, lại mắc cái tội gây mầm họa như Vương Mãng⁽⁶⁾. Các vua đời sau hay tin dùng họ ngoại, có thể soi vào tấm gương này.

Kinh Thi có câu: "Núi Nhạc giáng thần, sinh ra Thân Bá làm phen làm dậu⁽⁷⁾..." [che chắn cho nhà Chu]. Vậy có đúng là ý trời muốn giúp nhà Chu không, hay cũng

1. Con gái Thân Bá là Thân Hầu, được U Vương đưa vào cung làm hoàng hậu, sau sinh ra công tử Nghi Cửu.

2. Thân Hầu: con trai Thân Bá, cậu ruột công tử Nghi Cửu.

3. Bỏ trưởng lập thứ: U Vương say mê vợ thứ là Bao Tự, đã phế bỏ vợ cả là Thân Hầu, lập Bao Tự lên làm hoàng hậu, Đồng thời cũng phế bỏ Nghi Cửu, lập Bá Phục (con Bao Tự) làm Hoàng Thái Tử.

4. Cửa khuyết: cung điện nhà vua.

5. Hoàn công nước Tề: vua chư hầu nhà Chu, thời Xuân Thu, đã cùng quan tể tướng Quản Trọng đánh dẹp các rợ Di, Địch, thống nhất thiên hạ, làm nên nghiệp bá.

6. Vương Mãng: cháu hoàng hậu Hiếu Nguyên nhà Hán, làm quan tới chức Đại Tư Mã, nắm quyền chính trong tay, đã lần lượt phế lập các vua Ai Đế, Bình Vương, Giả Hoàng Đế và cuối cùng cướp ngôi nhà Hán, tự lập làm Thiên tử.

7. Lời bài thơ *Tung cao Đại nhũ, kinh Thi*.

giống như chuyện rã ròi?⁽¹⁾

Than ôi, con hùng con bi trong giấc mộng của thơ *Tư can*⁽²⁾ chính là kẻ bất lương trong thơ *Bạch hoa*⁽³⁾. Có nghiệp trúc tốt thông tươi⁽⁴⁾ đã biến thành ruộng lúa rồi⁽⁵⁾... Người đọc sách có thể nào chỉ căn cứ vào lời văn mà không xét đến sự thực được chăng? [Thời U Vương] họ Doãn làm Thái su, Hoàng Phủ làm khanh sĩ, họ Phiến làm Tư đồ, Gia Bá làm Chủng tể, Trọng Doãn làm Thiện Phu, Trâu Tử làm Nội sử, họ Quê làm Súc mã, họ Vũ làm Su thị. Bọn người này từ đâu mà ra? Bọn tiểu nhân thật

1. Rã ròi: ròi nhà rã sinh ra con giải đen bỏ vào cung vua. Một đồng nữ gặp giải, về nhà mang thai sinh ra người con gái tuyệt đẹp gọi là Bao Tự (vì ở đất Bao). Bao Tự được tiến vào cung, U Vương say mê, phế bỏ vợ cả là Thân Hậu và con trai cả là Nghi Cữu, lập Bao Tự làm Hoàng Hậu, Bá Phục làm Hoàng Thái Tử. Nghi Cữu phải chạy sang nước Thân (nước mẹ). Mầm loạn sinh ra từ đó.

2. Tư Can: tên bài thơ trong *Tiểu nhã, Kinh Thi*. Khi Tuyên Vương nhà Chu làm xong cung thất đã làm bài thơ này để tỏ lòng vui mừng. Trong thơ có đoạn nói: "... nằm mộng thấy con hùng con bi...". Quan đoán mộng đoán đó là điềm sinh con trai tài giỏi. Vì hùng và bi là hai giống thú khỏe thường ví với võ sĩ.

3. Bạch hoa: tên bài thơ trong *Tiểu nhã, Kinh Thi*. Ý thơ chê U Vương mê Bao Tự bỏ Thân Hậu.

4. Trúc tốt, thông tươi: lời bài thơ *Tư can* trong *Tiểu nhã, Kinh Thi*, ca tụng cung điện mới xây dựng.

5. Biến thành ruộng lúa...: lời bài thơ *Thủ ly* trong *Vương phong Kinh Thi*: Nội dung thơ nói: Khi nhà Chu suy, dời đô sang bên đông. Nơi kinh đô cũ trở thành ruộng lúa. Các quan cũ đi qua thấy cảnh mà nhớ lại xưa, đã làm ra bài thơ này tỏ ý thương tiếc nhà Chu.

cũng có tài tụ tập nhau lại. Hoàng Phủ chỉ biết chọn toàn bọn có tài vợ vét thì cho làm quan khanh⁽¹⁾. Họ Doãn lại giao hết quyền cho bọn thông gia nhỏ nhen⁽²⁾. Bè đảng của chúng nhiều đến nỗi không sao kể hết.

Ồi! Tuyên Vương dụng nghiệp trung hưng chưa được bao lâu mà các bậc [trung thần] như Chu, Thiệu, Quắc, Phàn, Doãn Phủ lần lượt mất dần hết. Đến đời U Vương không còn lại một vị lão thần nào, không có một người tài giỏi nào đảm đang được công việc giúp vua. [Trong khi đó] bọn tiểu nhân đua nhau nịnh hót, tranh giành [lợi lộc], [Trong triều] trước không có bậc trọng thần đáng sợ hãi sau không có người can gián đáng kiêng nể. [Bọn tiểu nhân] tha hồ làm bừa, lúc cần mưu lược đều tự cho mình là bậc thánh, nói năng bừa bãi ở chốn triều đình cũng không ai bắt tội. Như thế thì sao chẳng nguy khốn? [Cho nên] nhà thơ đã phải than thở mãi câu: "người hiền không còn, đất nước tiêu tan".

Hồ Trai bàn rằng: Người quân tử kết thân với nhau bằng đạo, tức có điều gì hay thì đưa ra cùng xem xét, học hỏi, cổ vũ lẫn nhau, mà không a dua. Còn bọn tiểu nhân thì chỉ biết vụ lợi mà thôi. Nên khi có một tên đứng ra hô hào là chúng tụ tập lại nhanh như ăn cướp. Đó là điều

1. Cho làm quan Khanh: ý bài thơ *Thập nguyệt chi giao* trong *Tiểu nhã*, *Kinh Thi*, chê Hoàng Phủ nắm quyền hành trong tay, đã cướp hết đất của người khác làm giàu cho mình.

2. Bọn thông gia nhỏ nhen: ý bài thơ *Tiệt*, trong *Tiểu nhã*, *Kinh Thi*, chê họ Doãn dùng bọn tiểu nhân gây mầm loạn trong nước.

ngàn đời đáng căm giận. Người bề tôi ở trong triều có lòng trung với vua, nếu thấy loại người ấy phải vạch mặt chúng ra cho sớm, trừ bỏ chúng đi cho nhanh. Ông Quế Đường nói: "Phải vạch mặt bọn tiểu nhân cho sớm, đừng để chúng lan rộng ra". Ý ấy rất hay. Nhưng thiết tưởng, các nước đời xưa bị bọn gian tà phá hoại không ít. Song xem ra đều do số trời [định sẵn] cả. Như Từ Thần Ông đời Tống nói: "Trời đã sai năm trăm ma vương xuống làm quan dưới trần, thì sao yên định được?". Họa hoạn Đồng Thái xảy ra vào năm Tuyên Hòa⁽¹⁾, không phải do số trời đã định sẵn sao? Người quân tử ở vào địa vị ấy chỉ nên giữ mình trong sạch để toàn danh tiết là hơn. Vì nói suông nào có ích gì?

Hồ Trai nghĩ rằng: Người bề tôi với nước phải chung niềm vui, cùng nỗi buồn, dù cho vận hội thế nào cũng phải ở hết lòng mình. Nếu là quan thân cận, giữ chức can gián mà thấy kẻ tiểu nhân lại không nói với vua để đuổi chúng thì sao nên? Còn nếu như thế của chúng đã mạnh mà mình lại ở vào địa vị xa vua thì phải tùy cơ mà làm. Đó cũng là kế hay.. Như việc Nghiêm Tung⁽²⁾ tàn ác, thế mạnh

1. Tuyên Hòa: niên hiệu vua Huy Tông nhà Tống. Hai gian thần Đồng Quán và Thái Kinh mưu mô để nước Kim và nước Tống cùng đánh nước Liêu. Sau bị nước Kim lợi dụng, đánh cả nước Tống. Vua Huy Tông và Khâm Tông đều bị bắt.

2. Nghiêm Tung: quan Thái sư thời vua Thế Tông nhà Minh, nắm quyền bính trong tay làm nhiều điều gian ác, sau bị truất rồi lưu lạc và chết.

như lửa bốc ngút trời mà Dương Tiêu Sơn⁽¹⁾ chỉ một mình dám đứng ra chống chọi lại. Tuy có bị Nghiêm Tung làm hại, nhưng cuối cùng họ Nghiêm cũng bị Tiêu Sơn làm tổn thương đến tận gốc và thiên hạ chẳng ai dung tha. Khí tiết thẳng thắn,凛冽 của Tiêu Sơn còn được truyền tụng mãi.

16. Khi U Vương nhà Chu làm điều vô đạo

Khi vua Kiệt [nhà Hạ] làm điều vô đạo, đứng ra can gián có Quan Long Bàng⁽²⁾. Khi vua Trụ [nhà Ân] làm điều vô đạo đứng ra can gián có Ti Can⁽³⁾. Nhưng khi U Vương làm điều vô đạo có ai là trung thần đứng ra can gián đâu. Thúc Dải⁽⁴⁾ chạy sang nước Tấn chẳng khác gì bọn người như Chung Cổ⁽⁵⁾ chạy sang nhà Thương, Vi Tử⁽⁶⁾ về với nhà Chu. Còn dám liều chết đứng ra can gián thì không có ai cả.

1. Dương Tiêu Sơn: gián quan thời vua Thế Tông nhà Minh.

2. Quan Long Bàng: gián quan thời vua Kiệt, bị vua Kiệt bỏ tù rồi giết chết.

3. Ti Can: chú ruột vua Trụ, can ngăn vua Trụ nhiều lần, bị vua Trụ giết mổ xem quả tim của Ti Can.

4. Thúc Dải: tức quan đại phu Triệu Thúc Dải, bị U Vương cách chức, đã mang vợ con chạy sang nước Tấn. Sau này Triệu Thôi là dòng dõi của Thúc Dải, đã có công giúp Trùng Nhĩ nước Tấn trở lại ngôi vua.

5. Chung Cổ: bề tôi của vua Kiệt, thấy vua Kiệt hoang dâm vô độ, Chung Cổ can ngăn không được bèn chạy sang với nhà Thương.

6. Vi Tử: Anh vua Trụ, thấy vua Trụ vô đạo, Vi Tử can ngăn không được, liền mang đồ thờ cúng của nhà Ân sang với nhà Chu.

Ngay thời Lê Vương còn có Phàm Bá, Nhuế Lương Phu; thời Tuyên Vương có Quốc Văn Công, Trọng Sơn Phủ [là quan can gián], mà sao [thời U Vương] lại không còn ai là người can gián nữa?

Ồi! miệng không dám nói ra [lời nói trung thành] mà vẫn mang lo vào thân. Đó thực là nỗi buồn chung xưa nay. Nhưng nếu vì thế mà không nói thì biết nghĩ sao trước nghĩa lớn vua tôi? Chỉ trọng bản thân mình, nhà mình mà không biết nghĩ đến ơn đức của tiên vương được chăng? "Phàm là bậc quân tử, không ai là người dám nói lời trung trực, [vua] có hỏi thì mới trả lời, thấy có lời gièm mình thì cáo lui ngay"⁽¹⁾ (vua hỏi và muốn nghe lời mình thì mới trả lời, khi có lời gièm mình thì cáo lui và dời chỗ ở ngay mà không ai chịu đêm hôm khuya sớm giúp đỡ vua)⁽²⁾. Như thế xem ra thấy các bậc sĩ đại phu đã phụ công ơn nhà Chu quá lắm.

Hồ Trai bàn rằng: Mục này cũng cần nói thêm là: [vào thời] tiên vương nhà Hạ, nhà Thương, còn có nhiều người tài gọi ra giúp sức. Nhưng đến thời Lê Vương nhà Chu, vì trước đây đã giam hại nhiều người [can gián] làm cho họ nhụt mất chí khí của kẻ sĩ rồi. Sang đến thời Tuyên Vương, tuy gọi là trung hưng nhưng cũng đã giết Đổ Bá⁽³⁾ và Tả

1. Lời thơ bài *Vũ vô chính* trong *Tiểu nhã*, *Kinh Thi*.

2. Lời chú bài *Vũ vô chính* trong *Tiểu nhã*, *Kinh Thi*.

3. Đổ Bá: quan đại phu thời Tuyên Vương nhà Chu, vô tội bị giết.

Nho⁽¹⁾. [Sự tàn bạo] không kém gì Lê Vương, nên chí khí của người trung nghĩa làm gì mà không tiêu tán hết! Bởi vậy [dẫu bốn phận của người làm tôi là] phải hết lòng trung thành. Nhưng người làm vua cũng phải biết khéo léo bồi dưỡng nhân tài mới được.

17. Khi vận nước hưng thịnh và khi vận nước suy vi

Khi vận nước hưng thịnh thì Hoắc Khứ Bệnh⁽²⁾ còn có em là Hoắc Quang; Trương Thang⁽³⁾ còn có con là Trương An Thế; Đỗ Chu⁽⁴⁾ còn có con là Đỗ Diên Niên [giúp sức và sau này đều trở thành bề tôi trung thành, có công với nhà vua].

Khi vận nước suy thì Quắc Văn Công⁽⁵⁾ sinh ra Quắc Thạch Phủ; Doãn Cát Phủ⁽⁶⁾ sinh ra Thái sư Doãn Thị; Thân Bá sinh ra Thân Hầu [đều là bọn phản nghịch, gây mầm họa loạn trong nước].

[Hoắc Khứ Bệnh, Trương Thang, Đỗ Chu, Quắc Văn Công, Doãn Cát Phủ, Thân Bá] đều là dòng dõi thế gia

1. Tả Nho: Bề tôi trung trực thời Tuyên Vương, vô tội bị giết oan.

2. Hoắc Khứ Bệnh: quan Hiệu úy thời Hán Vũ Đế, sau có công được phong các chức Quán quân hầu, Đại tướng quân.

3. Trương Thang: quan đại phu thời Hán Vũ Đế, sau làm đến Ngự sử.

4. Đỗ Chu: quan Ngự sử nhà Hán.

5, 6. Quắc Văn Công, Doãn Cát Phủ: hai bề tôi giỏi thời nhà Chu.

7. Thân Bá: cậu ruột, đồng thời là bề tôi hiền tài của Tuyên Vương nhà Chu.

đại thần cả. Nhưng con em của họ hiền hay không chẳng phải do trời định sao?

18. Biên cương mạnh, châu trấn lớn, binh lính đông, bề tôi giỏi là chỗ dựa cho vua

Kinh Thi nói: "Người có đức tốt là phen dậu, dân chúng là bức tường, nước chư hầu lớn là bình phong, họ lớn là trụ cột"⁽¹⁾.

Sách *Xuân Thu Tả truyện* lại nói: "năm chức quan to không để ở biên cương, thành ấp lớn hại cho nước, ngọn to quá cây sẽ gãy đuôi lớn quá càng khó quấy".

[Mấy câu trên] tưởng như ý trái ngược, nhưng thực ra là lời nói rất hay, có thể bổ sung cho nhau được.

Ôi! biên cương mạnh, châu trấn lớn, binh lính đông, bề tôi giỏi đều là chỗ dựa cho nhà vua cả. Ở cõi ngoài mà không được thế thì sẽ lo bị cô lập, không người bảo vệ và không ai chi viện lúc cấp bách. Nhà Tần bị sáu nước diệt, nhà Tống bị Di, Địch xâm lấn là do vậy. Nhưng nếu ở cõi ngoài được như thế thì lại sợ khó kiềm chế bọn ngang ngạnh và không giữ được yên ổn lâu dài. Linh Vương nước Sở bị Khỉ Tật⁽²⁾ giết, Minh Hoàng nhà Đường bị Lộc Sơn⁽³⁾ bức hại lại vì lẽ ấy. [Cho nên người nắm quyền] phải cân

1. Xem ct.1, tr. 91.

2. Khỉ Tật: tên khác là Hùng Cư, tức Bình Vương nước Sở.

3. Lộc Sơn: Xem ct. 8, tr. 67.

nhắc sự thế trong ngoài xem nặng nhẹ ra sao để giữ cho khỏi chênh lệch. Lại phải cẩn thận chọn người trung hậu để giao quyền cho họ. Ấy là kế sách hay để giữ gìn đất nước.

19 Giữ được đức thì yên.

Kinh Thi nói: "giữ được đức thì yên". ⁽¹⁾ Thế là coi trọng chữ "đức". Nhưng nếu muốn cho con cháu đời sau được hưởng phúc lâu dài thì lại phải nghĩ cách xử trí theo đạo thế nào, chứ không thể chỉ dựa vào chữ "đức" mà trông chờ vào đời sau được.

Tương Vương nhà Chu, cho Văn Công nước Tấn đất Dương Phần, nước Tấn nhờ đó mở mang thêm sang đất Nam Dương, đánh dẹp được miền Đông Hạ. Văn Vương nước Sở diệt nước Đặng, nước Lã, lại lấy phu dịch ở đó chống lại phương bắc. Qua đấy đủ thấy đạo Nam Dương đúng là nơi có hình thế lớn của trung nguyên. Tuyên Vương dùng Phàn Hâu, Trọng Sơn Phủ làm hòng luối; dùng Thân Bá, Phủ Hâu làm phen dậu để khống chế miền đất sông Giang sông Hán, làm nên sự nghiệp trung hưng. Các vua đời sau, đã không biết gìn giữ, lại còn đem cho đi, để cho nước Tấn nước Sở chia lấy mỗi bên một phần, làm nên nghiệp Bá hùng mạnh. Còn nhà Chu thì suy dần đi.

1. Chưa rõ ở thiên nào.

20. Các chức Phương bá, Liên súy

Đặt ra các chức Phương bá và Liên súy⁽¹⁾ là để duy trì chế độ phong kiến. Cho nên *Kinh Thi* nói: "Các nước bốn phương đều có vua, Tuân Bá đi uỷ lạo họ..." [Nhà Chu] từ khi dời sang bên đông, các nước chư hầu không còn ai làm bá chủ nữa. Nên nước lớn nuốt nước bé, nước mạnh lấn nước yếu, nước đông đè nước ít, không có kỷ cương phép tắc gì cả. Đến khi Hoàn Công nước Tề đứng ra làm chủ hội thề [giữa các nước] thì hiệu lệnh mới được thống nhất, việc binh đao cũng tạm được yên. Trung nguyên cũng nhờ đó mà được yên ổn. Vì thế mà thánh nhân⁽²⁾ đã có lời khen ngợi.

21. Hoàn Công nước Tề làm nội chính

Hoàn Công nước Tề nhờ làm nội chính⁽³⁾ mà binh lực mạnh hơn các nước chư hầu. Nhưng [quyền hành trong nước] do Hoàn Công nắm giữ một phần, còn họ Cao⁽⁴⁾

1. Theo chế độ quan chức nhà Chu: Ở ngoài ngàn dặm đặt chức Phương Bá, cứ 40 nước hầu làm thành một Liên, mỗi Liên có một người đứng đầu gọi là Súy.

2. Thánh nhân: chỉ Khổng Tử. Khổng Tử nói (trong *Luận ngữ*): "Hoàn Công làm bá chủ các nước chư hầu, đã chấn chỉnh lại trật tự trong thiên hạ, tôn thờ nhà Chu, dẹp yên rợ Di, Dịch ... Đến nay dân vẫn còn chịu ơn đức ấy".

3. Nội chính: Xem ct.1, tr. 94.

4. Họ Cao: Cao Hổ, quan Thượng Khanh thời Hoàn Công nước Tề.

họ Quốc⁽¹⁾ mỗi họ nắm giữ một phần, chứ không hề trao cho ai khác cả. Cách dùng người như thế có phần chưa rộng rãi. Cho nên chỉ sau vài đời mà vua tôi yếu hèn không vươn lên được nữa. Còn nước Tần không những giao quyền chỉ huy ba quân cho ba quan khanh nắm giữ mà còn dùng thêm các hàng thứ khanh làm phụ tá. Người thân kẻ hiền đều được dùng theo đúng khả năng. Cho nên mãi đến đời Văn Công, Tương Công sau này, uy lệnh vẫn thi hành được tới các nước chư hầu, đồng thời nổi đời làm chủ hội thề ở trung nguyên.

Thời Xuân Thu, các quan đều là thế khanh⁽²⁾, nhưng ở nước Tấn các họ Loan, Tư, Nguyên, Hồ, Triệu, Tuân, Phạm, Trung Hàng, Hàn, Ngụy lần lượt theo thứ vị tài năng thay đổi nhau mà làm. Còn ở nước Tề thì chỉ có họ Cao họ Quốc đời đời truyền nối cho nhau. Từ đời Hiếu Công cho đến Linh Công, trong kinh truyện không thấy nói có họ nào khác được nắm giữ binh quyền ở nước Tề. Cho nên đến lúc quyền chính vào tay họ Thôi (Thôi Trữ) họ Trần (Trần Hàng) thì các bậc cự thần mất hết quyền hành. Do vậy mà công thần bị suy yếu theo. Đó chẳng phải là cái hại do dùng người không rộng rãi sao?

1. Họ Quốc: Quốc Ý Trọng, quan Thượng Khanh, thời Hoàn Công nước Tề.

2. Thế Khanh: đời đời nối nhau làm quan, nắm quyền chính trong nước.

22. Tả truyện nói: Hoàn Công không lo sửa đức

Đọc *Tả truyện* thấy Tể Khổng⁽¹⁾ nói với Tấn Hầu⁽²⁾ rằng: "Hoàn Công nước Tề không lo sửa đức mà chỉ chăm lo việc đi đánh xa, cho nên phía bắc đã đánh Sơn Nhung, phía nam đánh Sở, phía tây xâm nhập đất Quỷ Khâu..." Thiết tưởng: Bởi lẽ thời Đông Chu nghị luận như thế cho nên cứ dăm đuổi mãi không vươn lên được.

Nếu lấy việc không lo sửa đức mà trách Hoàn Công thì thật không thể cãi được. Nhưng như việc đánh Nhung, đánh Sở là việc dẹp bọn Di Địch để giữ yên trong nước. Công ấy còn gì lớn hơn? Còn việc hội thề ở đất Quỷ Khâu cũng là để nhắc lại cấm lệnh của vua nhà Chu, nhằm chấn chỉnh lại các nước chư hầu, đó là một việc rất hay, sao [Tể Khổng] có thể chê được?

Lúc bấy giờ đạo nhà Chu đã suy lắm, bốn rợ xâm lấn lẫn nhau, chư hầu bội phản. Đó là cái nhục của khanh sĩ đại phu. Thế mà các quan công khanh không ai biết phần nộ, miệng không biết đọc lời dạy "khắc cật"⁽³⁾, "Trương hoàng"⁽⁴⁾, tại không biết nghe lời thơ *Lục*

1. Tể Khổng: quan khanh sĩ nhà Chu thời vua Tương Vương.

2. Tấn Hầu: Chi Tấn Văn Công, một trong Ngũ Bá thời Chu.

3. Khắc cật: do câu: "Khắc cật dĩ nhung binh..." trong thiên *Lập chính, Kinh Thư*. Ý nói: phải sắm sửa đầy đủ quân phục binh khí để nổi gót vua Đại Vũ đi khắp thiên hạ và để thấy được đức độ sáng láng của vua Văn Vương.

4. Trương hoàng: do câu "Trương hoàng lục sư" trong thiên *Khang Vương chi cáo, Kinh Thư*. Ý nói phải làm cho các đạo quân của nhà vua lớn mạnh lên.

nguyệt⁽¹⁾, Thái dĩ⁽²⁾, chỉ rong chơi hết tháng này qua năm khác. Nhờ Hoàn Công làm bá chủ, giữ quyền đánh dẹp, chấn chỉnh lại thiên hạ, người trong nước mới khỏi phải bện tóc đóng vạt áo sang trái⁽³⁾, các nước chư hầu mới được ung dung xiêm áo tôn thờ nhà Chu. Thấy thành công ấy của Hoàn Công, đứng ra phải tự biết hổ thẹn, thế mà lại chê Hoàn Công là chỉ chăm lo việc đi đánh xa, sao mà vu khoát hủ lậu đến thế?

23. Người quân tử xét nguyên do của sự thịnh suy

Thấy người Y Xuyên tế lễ ở ngoài đồng, Tân Hữu⁽⁴⁾ đoán biết nơi này rồi sẽ thành đất Nhung, Dịch. Nghe người nước Tần ca hát, Quý Trát⁽⁵⁾ khen Tần sẽ là nước lớn ở Hoa Hạ. Người quân tử xét nguyên do của sự thịnh suy thường căn cứ vào lễ nhạc.

1. Thơ *Lục nguyệt*: xem ct. 2, tr. 83.

2. Thái dĩ: Bài thơ trong *Tiểu nhã*, *Đàn Cung*, *Kinh Thi*. Nói về việc Tuyên Vương nhà Chu sai Phương Thúc đi đánh Kinh Man.

3. Bện tóc, đóng vạt áo sang trái: Khổng Tử trong sách *Luận ngữ* khen Quản Trọng có câu: "Không có Quản Trọng có lẽ ta phải bện tóc và đóng vạt áo sang trái rồi". Ý nói: nếu không có Quản Trọng dẹp yên rợ Di, Dịch thì phong tục của Di, Dịch đã tràn vào Trung Hoa rồi.

4. Tân Hữu: Quan đại phu dưới thời Bình Vương nhà Chu. Khi nhà Chu dời sang bên đông, qua đất Y Xuyên, thấy người Y Xuyên tế lễ ở ngoài đồng. Tân Hữu nói: "Không đầy một trăm năm nữa, đất này sẽ thành đất Nhung, Dịch, vì bây giờ đã không giữ được lễ rồi". Quả nhiên sau đó nước Tần và nước Tấn đã dời dân Nhung, Dịch ở Lục Hồn sang đất Y Xuyên.

5. Quý Trát: người hiền nước Ngô thời Xuân Thu.

Hoàn Công nước Tề nói với Quản Trọng rằng ông thích săn bắn, thích uống rượu và thích gái đẹp. Quản Trọng không ngăn cản gì cả. Ông cho rằng [những sở thích đó] không hại gì đến nghiệp bá, mà ba điều hại đến nghiệp bá chính là không biết cất nhắc người tài, không tin dùng người giỏi và cho bọn tiểu nhân tham dự việc nước. Có lẽ Quản Trọng cho rằng hãy tạm thuận ý [Hoàn Công] để được việc lúc bấy giờ đã, còn những điều then chốt, có mình ở bên thì vua cũng không dám phóng túng, vẫn còn có thể uốn nắn dần dần được. Nhưng sau khi Quản Trọng mất, Hoàn Công liền trở biến việc chính sự, rồi bọn Thụ Điều⁽¹⁾, Dịch Nha,⁽²⁾ Khai Phương⁽³⁾ đua nhau nịnh hót làm tăng thêm dục vọng của vua. Nước Tề vì thế mà nghiêng đổ. Tiếc thay!

Nói đúng ra, săn bắn, rượu chè và gái đẹp đều là những

1. Thụ Điều: Bè tôi yêu của Hoàn Công, tự thiến để được vào cung, sau rất được Hoàn Công tin dùng.

2. Dịch Nha: Một người khôn ngoan, có tài săn bắn, tài đánh xe, lại khéo nấu bếp. Đã nấu bữa con ba tuổi của mình dâng lên Hoàn Công, được Hoàn Công tin dùng.

3. Khai Phương: con trưởng của vua Ý Công nước Vệ, sang làm quan cho Hoàn Công nước Tề. Hoàn Công tin dùng xếp ngang hàng với Thụ Điều và Dịch Nha.

Thụ Điều, Dịch Nha, Khai Phương được gọi là "Tam quý" vào hùa với nhau, nịnh hót vua và ăn của đút lót nước ngoài, làm cho có nghiệp nước Tề bị nghiêng đổ.

việc bất chính cả - Có bọn tiểu nhân mới có bọn người làm việc bất chính. Mà bọn tiểu nhân có thích thú làm điều bất chính thì mới có cái để gây lòng ham thích cho vua. Hai sự việc đó thường gắn với nhau và không thể thiếu nhau. Người quân tử ở sát bên vua sao có thể hòa theo ý vua được? Vì rằng dần dà lâu ngày thế nào cũng xảy chuyện không hợp ý vua. Khi ấy thế tất nhiên dẫn đến là vua không thể không dùng bọn tiểu nhân. Khi bọn tiểu nhân đã được thỏa sức sớm hôm nịnh hót, làm dục vọng của vua ngày một tăng, chỉ khi ngày một thay đổi thì dầu có cấm bọn chúng can dự công việc triều chính cũng không cấm nổi. Nay Quán Trọng đã bằng lòng để vua muốn sao được nấy, mà lại răn cấm vua dùng bọn tiểu nhân thì có khác gì phá vỡ đê nhưng lại muốn nước không tràn vào sao được?

Truyện ký chép: Khi Quán Trọng ốm nặng, có thiết tha khuyên vua trừ bỏ ba kẻ gian, vua không nghe. Thảm hại thay.

Lúc ngày thường cứ buông lỏng, lúc suy yếu lại muốn uốn nắn. Điều đó ngay đến bọn tiểu nhân cũng còn biết là khó nữa là Quán Trọng.

Không cẩn thận ngay từ lúc đầu, không uốn nắn ngay tại gốc, lại muốn tách bạch người này kẻ khác, bổ cứu việc nọ việc kia thì sao kịp. Xem việc này đủ rõ đạo làm tướng, điều quan trọng bậc nhất là làm cho lòng vua đúng đắn, còn cứ tùy tiện cho xong việc thì đâu phải là kế sách hay.

24. Quản Trọng tiến cử người hiền tài

Đọc *Sử ký* đến chỗ Quản Trọng⁽¹⁾ và Thấp Bằng⁽²⁾ đều mất, mà thấy rõ cảnh tiêu điều của nước Tề.

Khi Quản Trọng ốm nặng, Hoàn Công nước Tề hỏi người thay khi ông mất. Các người hiền tài được lần lượt nêu ra như Bao Thúc Nha, Tân Vô Tu, Ninh Thích, Tôn Tại...⁽³⁾. Nhưng mỗi người đều có những điểm ông không vừa ý. Chỉ có mỗi Thấp Bằng [là ông tin dùng]. Song ông lại than thở mãi là Thấp Bằng không làm được lâu. Ngoài ra không tiến cử thêm ai cả. Có lẽ ông đã đoán biết trước rằng nước Tề sau này sẽ không giữ được yên. Đồng thời cũng có ý buồn là nhân tài ít ỏi, cho nên ông không nói gì thêm nữa, chứ chẳng phải ông dấu diếm người tài. Thánh nhân trách ông không biết tiến cử người tài, và nêu ra ý mong người đời sau nên như Bao Thúc Nha⁽⁴⁾, Tử Bì⁽⁵⁾ là để cảnh tỉnh người làm Tể tướng sau này đấy thôi. Sự việc này giống như sự việc Vũ Hầu⁽⁶⁾. Hậu chúa nhà Hán

1. Quản Trọng: quan Tể tướng nước Tề, giúp Tề Hoàn Công làm nội chính và xây dựng thành công nghiệp bá. Xem thêm ct. 1, tr. 94.

2. Thấp Bằng: quan đại phu đồng thời với Quản Trọng.

3. Bốn vị quan đại phu thời Hoàn Công nước Tề.

4. Bao Thúc Nha: quan đại phu nước Tề, đã tiến cử Quản Trọng lên Tề Hoàn Công.

5. Tử Bì: quan đại phu nước Trịnh, có công tiến cử Tử Sản lên vua Trịnh.

6. Vũ Hầu: tước phong của Khổng Minh Gia Cát Lượng, người có tài văn võ kiệt xuất, giúp Lưu Bị và Hậu chúa chống lại nước Ngụy thời Tam Quốc.

hỏi Vũ Hầu, ai đáng tin cậy để trao cho họ việc nước. Vũ Hầu chỉ tiến cử có Tưởng Uyển⁽¹⁾ và Phí Vi⁽²⁾ thôi. Hỏi nữa thì ông không trả lời. Có lẽ cũng không phải do không còn người tài nữa mà vì ông biết trước lộc nhà Hán đến đây đã hết.

Hai ông [Quản Trọng và Vũ Hầu] là bề tôi của xã tắc, chưa khi nào quên lo việc nước, thiết tưởng hai ông chưa chắc đã khỏi ân hận về việc này.

Hổ Trai bàn rằng: Các bậc thánh hiền để tâm vào công việc chỉ là muốn làm cho hết phận mình thôi. Khi Khổng Minh sắp mất, Hậu chúa hỏi người thay, ông chỉ tiến cử có hai người. Đó là do ông đã biết rõ ràng thời thế. Và lại bấy giờ cũng không còn ai khác nữa. Ví như Khương Bá Ước⁽³⁾, có thể gọi là người tài giỏi, nhưng cũng chưa phải là người đủ để tin giao việc nước.

25. Muốn làm nên nghiệp vương nghiệp bá phải biết dùng người tài

Muốn làm nên nghiệp vương nghiệp bá, trước hết phải biết dùng người tài, còn các việc khác đều là việc làm sau.

Hoàn Công nước Tề dựa vào Quản Trọng để xây dựng nghiệp bá, và chỉ hơn 10 năm nước đã hưng thịnh. Thành Vương nước Sở mới dẹp xong nội loạn, nhờ một

1,2. Hai quan đại phu có tài đời Hậu Chúa nhà Hán thời Tam Quốc.

3. Khương Bá Ước: Khương Duy, làm quan đến chức Chinh Tây tướng quân. Sau thay Gia Cát Lượng giúp Hậu chúa không thành bị giết.

mình Tử Văn⁽¹⁾ giúp việc chính sự, đã xung hùng được ở vùng Nam Hải, đứng ngang hàng với nước Tề. Mục Công nước Tần nhờ dùng Bách Lý Hề⁽²⁾, Kiến Thúc⁽³⁾, so với nước Sở tuy có chậm hơn một chút nhưng cũng bá chủ được vùng Tây Nhung, cộng với hai lần dẹp yên loạn nước Tấn mà nổi tiếng trong thiên hạ, làm cho nước Tề cũng phải kiêng nể. Văn Công nước Tấn⁽⁴⁾ sau những năm phiêu bạt, nhờ có Hồ Yển⁽⁵⁾ và Triệu Thôi⁽⁶⁾ giúp sức mà nước

1. Tử Văn: còn gọi là Đấu Cầu Ô Đồ (dứa bé bú hổ), con trai Đấu Bá Ty nước Sở, làm quan Lệnh Doãn thời Thành Vương.

2. Bách Lý Hề: một người thông minh cao đoán, cùng với Cung Chi Kỳ là hai người tài giỏi nước Ngưu thời Đông Chu. Vua Ngưu đốt nát không biết dùng người, nên mãi đến năm Bách Lý Hề 70 tuổi mới được Mục Công nước Tần trọng dụng, phong làm Thượng khanh, chức Tả Thứ trưởng.

3. Kiến Thúc: quan Thượng khanh, chức Hữu Thứ trưởng thời Mục Công nước Tần, anh kết nghĩa của Bách Lý Hề.

4. Văn Công nước Tấn: tức công tử Trùng Nhĩ, con thứ của Hiến Công. Hiến Công quá say đắm nàng Ly Cơ đã giết Thái tử Thân Sinh (anh Trùng Nhĩ). Trùng Nhĩ phải chạy sang nước狄 lánh nạn 19 năm. Sau nhờ sức mạnh của nước Tần đưa về nước, được Triệu Thôi và Hồ Yển... giúp sức, đã giết Vương Tử Dải, cứu nước Tống, phá nước Sở, thay nước Tề làm bá chủ thiên hạ.

5. Hồ Yển: người nước Tấn thời Xuân Thu, tự Tử Phạm, cậu của Trùng Nhĩ, cùng Trùng Nhĩ làm nên nghiệp bá, làm quan đến chức đại phu.

6. Triệu Thôi: người nước Tấn thời Xuân Thu, tự Tử Dư, cùng Trùng Nhĩ lưu lạc 19 năm ở nước狄, có nhiều công giúp Trùng Nhĩ xây dựng thành công nghiệp bá, làm quan đến chức đại phu.

hùng mạnh, thay Tề làm chủ hội thề ở Hoa Hạ. [Còn như] Tương Công nước Tống cũng có chí xây dựng nghiệp bá nhưng về văn, không biết dùng Tử Ngư⁽¹⁾, về võ không biết dùng Thiệu Tôn⁽²⁾, nên cuối cùng mất hết các nước chư hầu.

Nguyên do thành bại [của các vua kể trên] đều đã được ghi lại rõ ràng trong sử sách.

Người xưa có câu: "Biết dùng người thì được coi trọng, không biết dùng người thì bị xem thường". Lời ấy không phải là lời nói nhảm.

Xem ra, đến bậc thánh hiền như Nghiêu, Thuấn cũng còn phải coi việc tôn dùng người tài là cấp thiết. Nhưng nếu không thật sáng suốt thì không thể biết người tài, không thật thành tâm thì không dùng được người giỏi. Bản chất của "sáng suốt" và "thành tâm" vốn nằm ở trong một con người, nhưng khi "dùng" nó lại phải rộng ra khắp bốn bể.

Những người khu khu với nghiệp hùng bá, họ chỉ có chút ít nông cạn [sự sáng suốt và thành tâm] mà còn nổi tiếng một thời về việc tranh tài cao thấp với nhau. Huống hồ là người nối dõi nghiệp đế vương, theo đạo Nghiêu Thuấn, làm nên nghiệp lớn nổi bật trong thiên hạ.

26. Vua Thuấn thờ cha mẹ, Quản Trọng thờ Hoàn Công

Vua Đại Thuấn xưa thờ cha mẹ, khi [mẹ kế] tìm để

1. Tử Ngư: còn gọi là Sử Ngư, Sử Thu, quan đại phu đời Linh Công nước Vệ thời Xuân Thu.

2. Thiệu Tôn:?

giết Thuấn thì không bao giờ thấy Thuấn, nhưng tìm để sai Thuấn thì lúc nào Thuấn cũng ở bên cạnh⁽¹⁾. Như thế là người con có hiếu.

Quản Trọng thờ Hoàn Công nước Tề, thấy Hoàn Công làm điều gì sai trái ông đều can ngay, làm điều gì tốt ông đều khen ngợi. Đó là bậc tôi trung.

27. Nước Lỗ lấy hai chữ "tương nhẫn" để trị nước

Nước Lỗ lấy hai chữ "tương nhẫn"⁽²⁾ để trị nước. Chính hai chữ "tương nhẫn" ấy đã làm cho nước Lỗ suy vì đời bại, cũng làm cho nước Lỗ duy trì được lâu dài.

Chiêu Công vì không nhẫn được mà phải chạy sang nước Tề⁽³⁾, Ai Công cũng vì không nhẫn được mà phải chạy sang nước Châu⁽⁴⁾. Còn từ Hoàn Công trở về sau, vua tôi hòa mục, trong ngoài vô sự, truyền nối được năm sáu đời, kéo dài hơn ba trăm năm mới mất. Ấy cũng đều do chữ nhẫn cả.

1. Cha Thuấn là Cổ Tấu, một người ngoan cố, mẹ kế ác nghiệt, em là Tượng (con mẹ kế) thâm độc, kiêu ngạo luôn tìm cách giết Thuấn, khi ấy Thuấn thường trốn mất. Sau này khi đã được cha mẹ vừa lòng rồi, Thuấn luôn giữ lòng hiếu thảo.

2. Tương nhẫn: nhẫn nhịn lẫn nhau.

3. Họ Quý tiếm giữ quyền chính nước Lỗ, Chiêu Công mưu việc đánh họ Quý, việc bại lộ phải chạy sang nước Tề.

4. Họ Tam Hoàn (đồng dõi của Hoàn Công nước Lỗ, tức con cháu của Khánh Phủ, Thúc Nha, Quý Hữu) lộng quyền, Ai Công nước Lỗ muốn trừ bỏ họ Tam Hoàn, có mưu bị lộ, phải chạy sang nước Châu.

28. Phải biết sửa mình mới trị được người

Trước hết phải biết sửa mình, sau mới trị được người; phải hòa mục được với người trong, sau mới thu phục được người ngoài.

Thời Xuân Thu, các bậc quân tử khi bàn về việc dùng binh, có người nói: "Lễ, nhạc, tù, ái là những thứ nuôi dưỡng chiến thắng". Lại nói: "đức, hình rành mạch, lễ nghĩa thành tin là khí thế chiến thắng".

Thấy [nước nào mà] hình phạt hoặc lớn hoặc nhỏ đều xử bằng tình, thì đó là cơ hội cho phép ta chiến thắng họ. [Ngược lại] thấy đức hình, chính sự, điển lễ của họ vẫn giữ đúng đạo thì biết ngay là ta không thể thắng được họ".

Những lời bàn trên không phải là không có nguồn gốc sâu xa, thế nhưng sau đời Chiến quốc người biết được điều ấy có lẽ ít lắm.

29. Ý Công nước Vệ yêu quý chim hạc

Ý Công nước Vệ ngày thường chỉ yêu quý chim hạc. Nên khi nước狄 vào đánh nước Vệ, Ý Công định [chiêu tập dân chúng] chống lại [nước狄] thì dân đều nói: "chim hạc có bống lộc, có tước vị, sai hạc đi mà đánh, chúng tôi đánh gì được!". Do đó nước Vệ bị thua to⁽¹⁾.

1. Ý Công: tên là Xích, con Huệ Công, ngày thường trẻ biếng việc nước chỉ ham chơi chim hạc, cho hạc hưởng lộc ngang hàng đại phu, đi đâu có xe chở hạc đi theo. Vì vậy Bắc狄 vào đánh dân không giúp, cuối cùng bị giết.

Nước Châu với nước Lỗ đánh nhau, các quan chức [nước Châu] chết đến hơn ba ngàn người, còn dân chẳng ai bị sao cả. Mạnh Tử nói: "Nay dân mới có dịp trả đũa". Những người coi thường dân hãy lấy đó làm gương.

Trong buổi đất nước thái bình vô sự, những ai đang có thể ý thế cao sang xem thường người dưới, cậy chức vị tôn quý coi khinh người hèn, lại lấy uy lệnh áp chế người, dùng pháp luật trói buộc người, làm gì được nấy không chút khó khăn thì gặp lúc có điều nguy cấp còn có thể lấy thế mà sai khiến xua đuổi người ta [phải làm cho mình]. Nhưng đến lúc uy lệnh không còn áp chế nổi, pháp luật cũng không trói buộc nổi người ta, thì dầu có bị đổ vỡ tan tành cũng không ai chịu để mình sai khiến nữa. Khi ấy có hối cũng không kịp. Thánh nhân vẫn có ý sợ lòng dạ sâu kín của dân là như vậy chăng?

30. Ăn uống là việc nhỏ mà có quan hệ rất lớn

Nhờ cho người đói ở đất Ế Tang ăn mà [sau này] thoát nạn⁽¹⁾. Vì bữa khao canh dê không giành cho người đánh

1. Triệu Thuấn (Triệu Tuyên Tử) người nước Tấn, đi săn ở núi Thử, khi nghỉ chân ở đất Ế Tang thấy Linh Nhiếp đói liền cho ăn. Sau Nhiếp được dự vào hàng giáp sĩ của Linh Công nước Tấn. Linh Công tàn ác vô đạo, Thuấn can ngăn, Linh Công không vừa ý, cho phục giáp sĩ giết Thuấn. May nhờ có Linh Nhiếp quay giáo đánh bọn giáp sĩ mà Thuấn thoát nạn.

xe mà cuối cùng đến nỗi thua trận⁽¹⁾. Cho người hiền ở của Nghi Môn uống rượu mà được nổi danh⁽²⁾. Đùa bỡn không cho quan đại phu ăn thịt giải mà mang họa cho nước⁽³⁾. Hẹn cho ăn tiệc mà không cho ăn, lại bỏ đi bắn chim hồng, do vậy mà vua phải chạy trốn⁽⁴⁾. Dùng món thịt vịt thay món thịt chim tích linh thường ngày mà kẻ quyền thần bị mất chức⁽⁵⁾. [Xem ra] ăn uống là việc nhỏ mọn mà có quan hệ lớn đến như thế.

Hồ Trai bàn rằng: Lời bàn trên rất hay. Nhưng tên

1. Hoa Nguyên: tướng nước Tống, cầm quân đánh nhau với nước Trịnh. Trước khi ra trận Hoa Nguyên mổ dê khao quân sĩ. Dương Châm là người đánh xe cho Hoa Nguyên không được dự, bèn sinh lòng oán thù. Khi vào trận Dương Châu đánh thắng xe sang phía quân Trịnh. Hoa Nguyên bị Trịnh bắt sống.

2.?

3. Linh Công nước Trịnh có món thịt giải mời các quan ăn. Quan đại phu Từ Công biết chắc mình sẽ được dự bữa ăn đó, liền khoe với Từ gia rằng: Ngón tay của ta tự nhiên động đậy, chắc là sắp được ăn vật quý...". Linh Công nghe biết chuyện, chủ tâm đùa không mời Từ Công dự bữa ăn đó để cho lời Từ Công mất nghiệm. Từ Công tức giận, chắm ngón tay vào nồi thịt giải mà rút rồi ra thẳng. Sau về hùa với Từ Gia giết Linh Công.

4. Hiến Công nước Vệ hẹn mời Tôn Tử Văn ăn tiệc. Văn Từ áo mũ chỉnh tề ngồi đợi, đến trưa không thấy người đến mời, lại thấy Hiến Công đang săn bắn ngoài đồng. Văn Từ theo ra, Hiến Công vẫn bắn chim không nói gì đến bữa tiệc. Văn Từ cho là Hiến Công có ý ghét, liền làm phản. Hiến Công phải chạy sang Tề.

5. Tề Hầu mỗi ngày ăn thịt 2 con tích linh, vị quyền thần nước Tề là Khánh Phong cho người bếp thay bằng món thịt vịt. Việc bị phát hiện, Khánh Phong phải chạy trốn.

Dương Châm thật đáng ghét, thế mà khi được tha về, Hoa Nguyên lại không đem giết hẳn đi. Việc hình phạt như vậy chẳng phải là không đúng sao?

31. Chế độ phong kiến có từ thời thượng cổ

Chế độ phong kiến⁽¹⁾ bắt đầu có từ thời thượng cổ, nhưng đến thời Chu lại được sửa sang thêm. Vua nào chân dân ấy, tôi nào thờ vua ấy. Chỉ hướng người trên kẻ dưới được xác định rõ ràng, lại có các thế gia đại tộc cùng gìn giữ lẫn nhau. Như nước Lỗ nhận 6 tộc, nước Vệ nhận 7 tộc, nước Tấn nhận 9 tông phái và 5 chính khanh dân nhà Ân. Vua các nước nổi đòi lên ngôi thì các chi nhánh của vua lại lấy tên tự làm họ⁽²⁾, rồi tách ra thành một tộc mới. Như họ Tam Hoàn⁽³⁾ nước Lỗ, họ Thất Mục⁽⁴⁾ nước Trịnh, họ Hoa họ Hướng nước Tống. Gốc rễ bền vững ngành nhánh chẳng chặt, thực có cái thế không thể lay chuyển được. Nếu như họ không làm trái lẽ, không để mất pháp độ, không làm gốc lay lá rụng thì chưa để gì mất nước

1. Chế độ phong kiến: chế độ được thi hành từ trước thời Tây Chu đến Tây Hán. Hai chữ "Phong kiến" được lấy ở câu. Phong quốc thổ, kiến chư hầu (phong đất và lập ra các nước chư hầu). Đây cũng chính là chế độ vua Thiên tử phân phong ruộng đất và chia cắt lãnh thổ cho chư hầu để cai trị.

2. Lấy tên tự làm họ: Như công tử Hát (con cháu của Hoàn công nước Tề) tên tự là Hướng Phủ. Sau con cháu lấy Hướng phủ làm họ.

3. Họ Tam Hoàn: xem ct. 4, tr. 114.

4. Họ Thất Mục: 7 họ, dòng dõi của Mục Công nước Tấn.

mau chóng được. Bốn tộc dân còn sót lại của nước Toại mà giết được hết bọn lính thú nước Tề⁽¹⁾, rợ La và rợ Lư phá được quân Sở⁽²⁾; nước Đàm chống lại nước Tề ba năm mới chịu thua⁽³⁾; đất Bức Dương dốc sức chống lại các nước chư hầu mãi mới chịu hàng⁽⁴⁾. Các nước nhỏ còn như thế huống chi nước lớn. Trong thời gian mấy trăm năm ấy, các nước thôn tính lẫn nhau, cho đến thời Noãn Vương nhà Chu, nhỏ chỉ còn hơn chục nước; lớn chỉ còn sáu bảy nước. Tống, Lỗ, Châu là các nước mất sau nhất. Nước Vệ cũng kéo dài tể tự được đến thời vua Nhị Thế nhà Tần, và là nước còn lại lâu dài hơn cả. Sở là nước trước kia đã bị nước Ngô phá, may mà lại khôi phục được. [Còn các nước khác] đến cuối thời nước Yên nước Tề cũng đều bị diệt hết. Cuối cùng 6 nước còn đứng vững được⁽⁵⁾ có lẽ là vì các tông lớn, các họ mạnh tự gìn giữ lẫn nhau. Và các nước nhỏ yếu được ở yên cũng là nhờ [nương tựa vào nước

1. Toại là một nước nhỏ thời Xuân Thu, bị nước Tề diệt. Sau bốn tộc còn sót lại là Nhân, Hạm, Công Lâu và Tu Toại. đã mời bọn lính thú nước Tề ăn uống no say rồi giết chết.

2. La và Lư là hai nước nhỏ ở gần nước Sở. Trưởng nước Sở là Mạc Ngao đem quân đánh La và Lư, bị họ phục kích đánh Mạc Ngao thua chạy.

3. Đàm là một nước nhỏ thời Xuân Thu, chống nhau với nước Tề trong hơn ba năm, sau bị Hoàn Công diệt.

4. Bức Dương là một nước nhỏ thời Xuân Thu, chống lại nước Tấn và các nước chư hầu khác một thời gian dài, mãi sau mới chịu đầu hàng nước Tấn.

5. Sáu nước gồm: Sở, Tề, Yên, Hàn, Ngụy, Triệu.

lớn] như giây sắn giây bìm dựa vào [thân cây], lúc khốn nguy cũng tự giữ được mình. Còn các nước vốn đã lớn mạnh thì do cơ nghiệp cũ chưa đổ hẳn, như đám tro lạnh lại được thổi cháy bùng lên, vẫn đủ sức để kế tục truyền thống cũ. Nhà Tần thôn tính 6 nước, đã chẳng phải là điều vui lòng người và được du luận cho phép. Nhưng nếu biết thu dùng cưu thần và dân chúng rồi lập ra các vương hầu để cai quản họ, lại biết dùng người hiền tài, đặt ra các quan chức thì may ra còn được yên ổn. Song ngược lại, [nhà Tần] đã bỏ chế độ phong kiến, lập ra các quận huyện làm cho các đại gia, quý tộc bị giáng xuống hàng dân thường. Đồng thời [nhà Tần] chỉ muốn dùng sức để áp chế [người khác] như đập phá các thành lớn, thu hết đồ binh khí, dời các hào kiệt đi nơi khác và cho rằng [làm như vậy] có thể trừ được họa loạn, dẹp được chiến tranh. Thế chẳng phải là nông nổi quá sao?

Nhà Chu đức sáng như thế mà xử sự với dân ngang ngạnh [nhà Ân] còn vất vả biết chừng nào. Như phải phong hầu cho con cháu nhà Ân để thuận lòng dân; phải lập vua Vệ để vỗ yên đám dân đen còn lại; phải sửa sang, tiến cử người tài, làm sáng điều hay lẽ phải. [Tất cả những việc đó] đều không ngoài ý muốn thu phục lòng người. Vậy mà cũng phải gần 40 năm sau tình thế mới chuyển đổi⁽¹⁾.

1. Đoạn này lấy ý lời văn trong thiên *Tất mệnh, Kinh Thư*: "... Chu Công giúp đỡ tiên vương yên định đất nước, đã dời đám dân ngoan cố của nhà Ân đến ấp Lạc để cho gần gũi nhà vua và thấm nhuần lời dạy của vua, vậy mà cũng phải qua gần 40 năm sau thời thế mới biến chuyển, phong tục mới thay đổi, bốn phương mới khỏi lo...".

Xem trong *Kinh Thu*, thấy có chép: "không cứng rắn cũng không mềm yếu, cốt sửa cái đức ấy cho tốt⁽¹⁾". Nay nhà Tần vô đạo nối sau ba đời [Hạ Thương Chu] mà cứ khăng khăng dùng trí lực của mình để tụ hợp thiên hạ, khi thiên hạ đã phân chia, làm cho đất đai của thánh hiền từ xưa đến nay bỗng nhiên hóa thành gò đồng, con cháu thánh hiền biến làm tôi tớ. Thật là việc khác thường hại đến tập tục quá lắm. [Có những cái] lẽ ra phải lưu tâm xử trí không được xem thường thì [nhà Tần] lại thân nhiên làm bừa, cho rằng không có gì đáng lo ngại. Trăm việc đưa ra làm, tất cả đều cứng nhắc không hề có chút mềm dẻo ôn hòa nào. Như thế sao mà không chạm đến lòng công phần của thiên hạ? Cứ nghe lời quan đại phu đất Túc Mặc nói với vua Tề: "quan đại phu của Tam Tấn⁽²⁾ không ưa Tần, bỏ sang ở đất Hà đất Quyển, quan đại phu nước Sở không ưa Tần bỏ sang ở đất Yên đất Sính có tới hàng trăm người" thì đủ thấy, với những người ấy liệu có thể đè nén họ cho đến già ở nơi thôn dã được chăng?

Một kẻ sĩ bình thường như Lỗ Trọng Liên⁽³⁾ mà còn

1. Lời văn trong thiên *Tất mệnh*, *Kinh Thu*: "Khang Vương nói rằng: Ôi, ông Tất này, nước yên hay nguy đều là ở dân nhà Ân cả, không nên cứng rắn, cũng không nên mềm yếu, phải sửa cái đức cho tốt."

2. Tam Tấn: ba họ Hân, Triệu, Ngụy chia Tấn ra làm ba nước là Hàn, Triệu, Ngụy.

3. Lỗ Trọng Liên: người nước Tề thời Chiến Quốc, tính thích giúp người lúc hoạn nạn. Khi Liên đang ở nước Triệu gặp lúc Tần vây đánh Triệu. Ngụy mang quân cứu Triệu bị Tần đe đánh Ngụy. Ngụy sợ ...

có khí phách ngang nhiên nhảy xuống biển đông hướng hồ nhúng người khác. Họ dù có phải tạm thời hàng phục, cũng chỉ là sợ cái uy của Thủy Hoàng nhà Tần mà thôi. Nhưng khi có gió bụi nổi lên, có người hô hào nổi dậy là các nước đều mưu toan việc phục quốc đối địch lại với nước Tần. Đó cũng là cái lý và cái thế tất nhiên dẫn đến như thế mà thôi. Chết chúa hân thù mười năm, trút giận một mai, như dòng sông lớn úng tắc lâu ngày phá vỡ đập ngăn, cho nên Trương Lương phục kích⁽¹⁾ có dân làm tai mắt cho ông lẫn trốn, đến nỗi [quân Tần] sẵn tìm hàng mười ngày mà không sao bắt được. Trần Thắng⁽²⁾ vốn là một người rất bình thường vậy mà các bậc đại phu danh tiếng đều mang đồ thờ cúng về theo không kịp lựa chọn xem Thắng là người thế nào nữa. Vì họ đã bị khổ với nhà

... sai Tân Viên Diễn tới bàn với Triệu suy tôn Tần làm Hoàng Đế. Trọng Liên nói rằng: "Tần là nước bạo ngược, nếu tôn Tần làm Hoàng Đế thì Liên này sẽ nhảy xuống biển đông, không chịu làm dân nhà Tần". Diễn nghe nói trả lời rằng: "Ông quả là cao sĩ trong thiên hạ, chúng tôi xin thôi không dám bàn đến chuyện tôn Tần làm Hoàng đế nữa". Quân Tần biết tin lui quân 50 dặm. Vừa khi ấy có quân của Vô Kỵ đến cứu, các nước được giải vây.

1. Trương Lương tên gọi là Từ Phòng, ông cha 5 đời làm tướng nước Hàn. Thủy Hoàng nhà Tần diệt nước Hàn, Lương muốn báo thù cho nước Hàn, bèn thuê lực sĩ mưu giết Thủy Hoàng. Khi Thủy Hoàng đi qua Bác Lăng Sa, lực sĩ cầm chùy đánh nhằm vào xe sau. Thủy Hoàng thoát chết, cho người lùng bắt Lương nhưng không được.

2. Trần Thắng: tự là Trần Thiệp, người nước Sở, cùng với Ngô Quảng đều là chức đồn trưởng, tập hợp lính thú khởi binh đánh Tần. Sau Thắng được dân chúng suy tôn là Sở Vương.

Tần quá lắm rồi. Thủy Hoàng bỏ Phù Tô⁽¹⁾, lập Hồ Hợi⁽²⁾, đã đành là ý trời. Nhưng nếu có để cho Phù Tô nối ngôi thì cũng chưa hẳn đã ngăn được cái loạn ở Quan Đông. Song chỉ cần thay đổi chính sự là phúc lộc nhà Tần còn có thể giữ được, không đến nỗi bỏ mất đất Hàm Dương. Nói tóm lại, nhà Tần sở dĩ mất là do đã xóa bỏ chế độ phong kiến thôi. Cho nên khi Hạng Vũ⁽³⁾ lên thay không thể không phong vương cho các nước chư hầu. Cao Tổ nhà Hán⁽⁴⁾ nối đời cũng không thể không phong vương cho chư hầu. Và mãi đến đời Huệ Đế⁽⁵⁾, Văn Đế⁽⁶⁾ thiên hạ mới bước đầu được yên ổn. Các nước chư hầu, nước nào vỗ về dân nước ấy, lại đặt ra các quan chức, thu dùng hào kiệt, chiêu vời tân khách, cùng nhau yên ấm trong cảnh thái bình.

Giả Nghị⁽⁷⁾ nói: "Quan lại, dân chúng đất Hoài Dương không thích về với nhà Hán, họ chỉ muốn có vua của mình

1. Phù Tô: con trưởng của Thủy Hoàng nhà Tần, là người hiền đức, hay can gián, bị Thủy Hoàng ghét, đuổi ra Thượng quận.

2. Hồ Hợi: con thứ của Thủy Hoàng, được Thủy Hoàng truyền ngôi, lấy hiệu là Nhị Hoàng Đế, tính hung ác. Sau bị Triệu Cao giết.

3. Hạng Vũ: tự là Tịch, dòng dõi quan lại nước Sở, sau khởi binh đánh Tần, tự lập là Tây Sở Bá Vương.

4. Cao Tổ nhà Hán: tức Lưu Bang, khởi binh đánh Tần, diệt Sở, lập nên nhà Hán.

5; 6. Huệ Đế, Văn Đế: Hai con của Lưu Bang.

7. Giả Nghị: người Lạc Dương thời Hán, là bề tôi hiền tài triều Văn Đế.

thời". Đó có lẽ là vì phong tục xưa vẫn còn, và lần lửa mãi đến đời Vũ Đế⁽¹⁾, Tuyên Đế⁽²⁾, ngày tháng trôi đi, dân chúng quen dần, chí khí hào hiệp cũng mất dần, tính cương cường cũng mềm mỏng dần. Vua chu hầu, vị nào ngang ngược bừa bãi bị trừ bỏ dần. Các họ lớn ở châu huyện lại vì coi thường pháp luật cũng lần lượt bị bọn quan lại tàn khốc giết hết. Từ bấy giờ trở đi, dân trong thiên hạ mới tấp nập hội họp phụng thờ thiên tử và yên với chế độ cai trị quận huyện, không còn ý hướng nào khác nữa. Và những lời bàn tán về chế độ phong kiến dần dần cũng không được nhắc đến nữa. Như vậy cũng có thể nói là: "phải hơn một trăm năm sau thời thế mới biến chuyển, phong tục mới đổi thay".

Hổ Trai bàn rằng: Đây là những lời bàn am hiểu thời thế. Nhưng từ ba đời [Hạ Thương Chu] trở về sau, chế độ tỉnh điền⁽³⁾ và chế độ phong kiến, không thể bàn một cách thiếu thận trọng được. Phép tỉnh điền quả là khó phục hồi, có chăng, chỉ có thể làm theo chút ít cái ý của quân điền [trong phép tỉnh điền] mà thôi. Song ngay cả ý ấy cũng chỉ bàn được vào thời kỳ mở nước sau cơn đại loạn,

1. Vũ Đế: con của Văn Đế nhà Hán.

2. Tuyên Đế: Chắt của Vũ Đế nhà Hán. Vì Chiêu Đế không có con nên Đại tướng quân Hoắc Quang lập Tuyên Đế lên làm vua.

3. Tỉnh điền: thời nhà Chu, một tỉnh điền gồm 900 mẫu, chia thành 9 khu, mỗi khu 100 mẫu. Khu giữa là ruộng công, 8 khu còn lại thuộc 8 nhà. Tám nhà chia nhau cấy trồng khu ruộng công.

và phải có nhân tài lo liệu mới xong. Còn như chế độ phong kiến thì lợi có một phần mà hại đến trăm phần. [Đất phong] nhỏ thì không đủ để xây dựng thành trì vững mạnh [để bảo vệ nhà vua]; đất phong lớn thì lại như loạn bảy nước⁽¹⁾ đời Hán, loạn phiên trấn⁽²⁾ đời Đường không đáng sợ sao? Cho nên đặt ra chế độ quận huyện dường như cũng là ý trời. Vua Tương Vương nước Lương hỏi Mạnh Tử rằng: "Thiên hạ phải thế nào mới yên". Mạnh Tử trả lời: "Thiên hạ thống nhất thì yên"⁽³⁾. Có lẽ ông đã biết trước cái "lý" và "thế" ở trong vận nước hưng thịnh hay diệt vong rồi. Mạnh Tử là người có học vấn rạch ròi, ngay thẳng, đâu như các bậc sĩ tiên tri sau này. Vậy mà ông cũng chỉ nói cái lý của nó mà thôi. Qua đó thấy, về chế độ phong kiến không thể đưa ra bàn một cách thiếu thận trọng được.

Ông Quế Đường còn nói: "đánh nước người ta, nhưng phải giữ lễ với người hiền tài, đó là đạo lý từ xưa; dựng lại các nước đã bị diệt, gây lại các dòng giống đã bị tuyệt, đó là lễ thường của đạo lễ".

1. Loạn 7 nước: Vào thời Cảnh Đế nhà Hán, 7 nước Ngô, Sở, Giao Tây, Giao Đông, Triệu, Tế Nam, Truy Xuyên là các nước lớn và là tôn thất nhà Hán. Sau đều cử binh chống lại nhà Hán.

2. Loạn phiên trấn: thời Huyền Tôn nhà Đường, các phiên trấn đất rộng, quyền to lấn át triều đình. Sau sinh loạn An Lộc Sơn và Sử Tư Minh.

3. Lời trong Lương Huệ Vương thượng sách *Mạnh Tử*. Xem thêm ct.5, tr. 49.

Từ một ngày tám trăm nước, đến lúc chỉ còn sáu bảy nước, là cái thế buộc phải thống nhất mới yên. Còn người đứng ra để thống nhất thiên hạ này, có thể nào làm một mình rồi coi thiên hạ là của riêng mình được chăng? Đã không làm rạng rỡ được cho con cháu dòng dõi của tiên vương, lại cũng không gây dựng được cho tông tộc thân thích của mình thì các thế thần đại gia của nước cũ biết đứng vào đâu? Cái tệ con em đánh lẫn nhau thì còn xa và chưa thấy chứ mối lo bọn cường hào nổi loạn thì gần và cấp bách lắm. Nước Tần chỉ lo việc sau lưng mà bỏ qua việc trước mắt vì thế mà bị diệt. Còn tù Hân, Đường trở về sau, quả thật chưa thể bàn về chế độ phong kiến một cách thiếu thận trọng được.

32. Câu: "Mùa xuân, tháng giêng nhà vua..." trong sách Xuân Thu

Sách *Xuân Thu* chép: "Mùa xuân, tháng giêng nhà vua". Lã Đông Lai⁽¹⁾ cho rằng người thời ấy không biết nhà Chu, nên Khổng Tử đặc biệt nhấn mạnh chữ "nhà vua" để cho thiên hạ biết rõ nghĩa tôn kính nhà Chu. E rằng không phải như thế. Vì khi nào có vua mới ra đời, mới đổi chính sóc⁽²⁾ để [tỏ rõ] sự đổi mới với dân. [Khi ấy] nhà Chu đã

1. Lã Đông lai: tức Tố Khiêm, tự Bá Cung người thời Tống, học rộng nổi tiếng đương thời. Người đời xếp Lã Đông Lai, Chu Hy, Trương Thúc là ba người hiền ở đông nam.

2. Chính sóc: ngày mồng một tháng đầu năm (tính theo ngày tháng đầu tiên của năm dựng nước). Như nhà Tần lấy tháng 10 (kiến hội), nhà Chu lấy tháng 11 (kiến tỵ) làm tháng đầu của năm dựng nước.

suy, nhưng chưa có ai đủ đức lớn ra thay. Và lại điển lễ [nhà Chu] vẫn giữ được. Các nước chư hầu tuy có đánh chiếm lẫn nhau nhưng cũng chỉ chiếm đất làm lợi riêng, mà không dám ngang nhiên vượt quá danh phận đặt ra lễ nhạc và làm các công việc của vua thiên tử. Mãi cho đến khi nhà Tần lấy kiến hội⁽¹⁾ làm tháng giêng, gọi tháng chạp là gia bình thì chính sự nhà Chu mới bị bỏ. Ngay từ thời Tử Tư, nhà Chu đã suy lắm rồi, nhưng xe vẫn cùng một cỗ, chữ vẫn cùng một lối⁽²⁾ như thời Văn Vương, Vũ Vương xưa. Huống hồ đầu thời Xuân Thu, ai dám không theo chính sóc và đặt ra tháng giêng mới? Hơn nữa giữa kinh sư với các nước chư hầu, năm nào mà chẳng có sứ giả qua lại triều cống, thăm hỏi? Lễ nào [nhà Chu] lại tiếc không cho một viên quan hành nhân⁽³⁾ đi ban bố chính sóc để đến nỗi các nước xa không biết mà theo? Hơn nữa, theo chế độ nhà Chu thì họ Phùng Tướng xem thiên văn, họ Bào Chương xem các vì sao quan Thái sử làm lịch ban cho các quan phủ và đô ấp; lại ban lễ cốc sóc cho các nước chư hầu. Ba chức quan ấy đều thuộc hàng Đại tông

1. Xem ct.2, tr. 126.

2. Xe cùng cỗ, chữ cùng lối: Tử Tư tức Khổng Cấp, cháu ruột Khổng Tử, làm ra sách *Trung dung*, trong đó có thuyết "Thiên hạ tam đồng". Ông nói: đời nay khắp thiên hạ, xe cộ trên đường cùng để lại vết như xưa, sách vở chép cùng lối chữ xưa, mọi người cùng theo luân lý xưa". Ý nói sự thống nhất trong thiên hạ đương thời, vẫn theo lối cũ, chưa thay đổi.

3. Quan hành nhân: chức quan thời Xuân Thu. Theo *Chu lễ*, chức quan này chuyên giữ việc thăm hỏi, triều cống.

bá, có chức phận riêng, có học vấn chuyên môn. Còn các nước chu hầu chỉ được đặt ra các chức trông coi công việc; các khanh đại phu không được đặt riêng chức quan xem thiên văn. Ngoài lịch của Thái sử ban ra, không có lịch nào khác để xem khí hậu nữa. [Như vậy] về lý đã quá rõ ràng, nghĩa là câu: "Tháng giêng nhà vua" tức tháng giêng của vua nhà Chu ban bố.

Nhà Chu lấy kiến tỵ⁽¹⁾ làm tháng giêng đầu năm, còn ý của thánh nhân lại muốn theo lịch nhà Hạ, nên trước tiên chép chữ "xuân", sau chép chữ "nhà vua", sau nữa mới chép "tháng giêng". Có lẽ là muốn lấy đạo trời để uốn nắn lại pháp độ của vua nhà Chu. Chu Tử cho rằng [chép là mùa xuân tháng giêng nhà vua] là để làm rõ cái nghĩa "trên kính theo thiên thời, dưới sửa lại vương sóc", mà tự nhiên cái ý "làm theo lịch nhà Hạ" cũng được thể hiện trong đó, là như vậy.

Xem như thời Văn Công, tháng nhuận không làm lễ Cốc sóc, nhưng vẫn đến châu ở tổ miếu, chúng tỏ hàng năm người nhà vua vẫn đi ban sóc cho các chu hầu. Chu hầu nhận lễ [ban sóc] để làm lễ ở tông miếu, sau ban bố cho khắp trong nước. Thời bấy giờ cho đó là lễ trọng thể nhất. Thế thì đâu phải người thời ấy không biết đến chính lệnh của vua. Công Dương truyện nói: "[chép là tháng giêng nhà vua, là có ý] muốn tất cả thống nhất vào một mối thời. Ý nghĩa bình thường để hiểu thế mà các tiên nho cú

1. Kiến tỵ: xem chính sóc, ct. 2, tr. 126.

dẫn cách chép của Điển mô [trong *Kinh Thư*] rồi sinh ra bàn bạc rạch ròi tỉ mỉ quá.

33. Đức hạnh và nơi hiểm yếu là hai thứ không thể thiếu trong dựng nước và giữ nước

Khổng Tử⁽¹⁾ trong *Thoán truyện*, quê Khảm, *Kinh Dịch* nói: "Bậc vương công đặt ra chỗ hiểm yếu để giữ nước", trong *Đại tượng* nói: "người quân tử phải luôn trau dồi đức hạnh và tập cho quen công việc dạy dỗ." Ý hai câu thật rất đầy đủ.

Ngô Khởi⁽²⁾ nói: "Cốt ở đức, không phải ở chỗ hiểm yếu". Thật là [lời nói của người] đã nắm được cách khuyên vua đúng đắn. Song trong phép thường dựng nước thì như vậy là lệch về một bên. Tóm lại đức là nền móng [của nước] còn chỗ hiểm yếu dùng để giữ gìn đất nước. Hai cái đó không thể tách khỏi nhau được.

34. Đất nước bại vong là do quan lại gian tà

Tang Ai Bá⁽³⁾ nói: "Đất nước bại vong là do quan lại gian tà; quan lại thất đức là do ham ăn dút lót." Cái tệ ngàn đời không ngoài câu nói ấy. Xem như nhà Thành

1. Khổng Tử: xem ct. 2, tr. 75.

2. Ngô Khởi: Người nước Vệ thời Chiến Quốc, lúc đầu làm quan nước Lỗ, sau nghe Ngụy Văn Hầu là bậc hiền tài liền về theo. Một hôm đi chơi trên sông Hoàng Hà, Văn Hầu nói: "Núi non trùng điệp đẹp biết bao, đó là cửa báu của nước Ngụy". Ngô Khởi đáp: "Cốt ở đức, không phải ở chỗ hiểm yếu".

3. Tang Ai Bá: ?

Chu trong vòng hơn 800 năm mà đã thay đổi đến ba lần thế lớn trong nước. Xét nguyên do thấy đều bắt đầu từ tệ nạn ăn dút lót. Trong lúc đất nước đang thịnh, các bậc công khanh đại phu đương nhiên chẳng ai cần nêu tiếng thanh liêm mà triều đình vẫn ngay ngắn, thiên hạ vẫn yên bình. Nhưng đến đời Mục Vương đã thấy xuất hiện câu: "... chỉ coi của dút lót là hơn..."⁽¹⁾. Xuống đến đời U Vương, Lệ Vương, tệ ấy càng phát triển mạnh. Nhuế Bá phải than phiền về lũ gian tham làm hại giống nòi⁽²⁾; nhà thơ thì chỉ trích bọn người tích trữ nhiều⁽³⁾. Sự cạnh tranh tiền của như nghề buôn bán lời lãi gấp ba, người quân tử [lẽ ra không nên biết thì] lại rất thông hiểu⁽⁴⁾. Còn [bọn quan

1. Lời thiên *Quỳnh mệnh, Kinh Thư*: "Phi nhân kỳ cát, duy hóa kỳ cát" (nếu không dùng người tốt, chỉ coi của dút là hơn... thì ta sẽ bắt tội nhà người đấy).

2. Lời thơ bài *Tang nhu* trong *Đại nhã, Kinh Thi*: "đại phong hữu thúy, tham nhân bại loại" (gió lớn có đường thông, kẻ gian tham làm hại giống nòi). Nhuế Bá chê Lệ Vương dùng Vinh Công là kẻ chuyên lợi, không biết phòng tai họa.

3. Lời thơ bài *Thập nguyệt chi giao* trong *Tiểu nhã Kinh Thi*: "Trạch tam hữu sự, đàn hầu đa tàng" (chọn quan tam khanh giúp việc, chỉ tin dùng những người tích trữ nhiều). Ý thơ chê Hoàng Phủ làm khanh sĩ cho vua nhà Chu, chỉ vì lòng tham mà dùng người giàu nhiều tiền của mà không dùng người hiền tài.

4. Lời thơ bài *Chiêm ngưỡng* trong *Đại nhã, Kinh Thi*: "Khởi viết bất cực, y hồ vi nặc, như cổ tam bội, quân tử thị thức, phục vô công sự, hựu kỳ tâm thức" (Sao cho là không cùng cực, mà làm sự gian ác thế, như việc buôn bán lời lãi gấp ba, [lẽ ra không biết tội] mà sao người quân tử lại thông hiểu, như người đàn bà không biết đến việc triều đình mà nay lại tham dự vào, bỏ cả việc trồng dâu nuôi tằm).

lại thì buồn bán hình ngục, làm người vô tội vào tù, kẻ có tội được tha. Thời Tây Chu từ đó biến thành thời Xuân Thu.

Đầu thời Xuân Thu, do họa loạn mới nảy sinh, nên vua tôi khanh tướng các nước chư hầu còn biết nể sợ. Như có người cho rằng mang ngọc bích trong người là có tội⁽¹⁾; có người cho rằng không tham lam là quý báu⁽²⁾. Họ khuyên bảo nhau nhớ dính ninh câu: "làm gì cái của đứt lốt..." Nhưng đến lúc [nhà Chu] suy yếu thì người ta lại tham lam. [Tệ nạn ấy] bắt đầu từ nước Tần. Vì tranh nhau lễ cống của nước Vệ mà ba quan khanh làm phản⁽³⁾; đòi của cải nước Tần mà 6 đạo quân không đi cứu⁽⁴⁾; nhận của đứt lốt của họ Dương mà quan Hành nhân bị bắt⁽⁵⁾. Thậm chí nước Sở thì tham áo cừu đẹp, ngựa tốt; nước Tề thả súc hoang phí, không còn biết kiềm chế mình nữa. Do vậy

1. Trong *Tả truyện*, Hoàn Công năm thứ 10 có đoạn viết: "Sắt phu vô tội, hoài bích kỳ tội". (Kẻ sắt phu không có tội, vì mang ngọc bích vào người mà có tội). Ý nói ngọc bích là vật quý, nếu mang trong người, khi có kẻ khác muốn lấy ngọc, hẳn phải kết tội mình mới lấy được, thành thử mình có tội.

2. Trong *Tả truyện* có đoạn chép: "Một người nước Tống nhặt được vật báu đem cho Tử Hân. Tử Hân nói: Ta lấy điều không tham lam làm của báu, người lấy ngọc làm của báu. Nếu nhà người lấy cái mà nhà người cho là của báu cho ta, thì của báu của nhà người và của báu của ta đều bị mất, chỉ bằng người nào giữ của báu của người ấy.

3. Ba quan khanh làm phản?.

4. Sáu đạo quân không đi cứu?.

5. Quan hành nhân bị bắt.

thiên hạ tai biến thành thời Chiến Quốc.

Đầu thời Chiến Quốc, các nước chư hầu cũ và mới, nước nào cũng tranh giành đất cho mình. Nhưng du luận thời ấy còn biết ghét sự tham lam, quý đức thanh khiết. Như ăn của dân có 2 quả trứng mà bị vua ruồng bỏ⁽¹⁾; nhặt vàng bỏ rơi ngoài đồng mà bị vợ chê trách⁽²⁾. Có người cùng khổ vẫn không làm càn, nghèo khó vẫn không lấy bậy. Có người thích ăn cá nhưng không nhận cá biếu. Nhổ rau quỳ ngoài vườn, đuổi người vợ dệt vải⁽³⁾, nuốt hạt mận⁽⁴⁾, nhả thịt ngỗng⁽⁵⁾. [Mọi người đều] tự động viên khuyến khích nhau giữ danh tiết. Nhưng sau này [đến cuối đời Chiến Quốc] kẻ trên người dưới đua nhau chỉ cốt

1. Từ Tư tiến cử Tuân Biến lên Vệ Hâu. Vệ Hâu nói: "ta biết người này có tài làm Tế tướng nhưng vì khi còn làm chức quan nhỏ có ăn lễ của dân 2 quả trứng gà nên không dùng được".

2. Nhạc Dương Tử người thời Đông Hán nhặt được vàng rơi ở ngoài đồng, mang về khoe với vợ. Vợ nói: "nhặt vàng mưu lợi cho mình, không phải là đức của người quân tử". Dương Tử lại mang vàng vứt lại chỗ cũ.

3. Công Nghi Hưu, làm tướng quốc nước Lỗ, tính thích ăn cá, nhưng có người mang cá đến biếu đều không nhận. Khi về nhà thấy vợ dệt vải, bực mình đuổi vợ đi, ăn cơm thấy rau quỳ bèn nhổ hết rau quỳ ngoài vườn. Hưu cho rằng mình ăn lộc nước mà lại còn chiếm mất nguồn lợi của người dệt vải và trồng rau là không nên.

4; 5. Trần Trọng Tử người đất Ô Long, nhịn đói đến ba ngày mà không chịu ăn cơm người mời, bỏ đến cây mận bên giếng nhặt mận ăn cho đỡ đói. Một hôm khác, Trọng Tử đến chơi người anh làm quan, anh cho ăn cơm thịt ngỗng. Khi biết thịt ngỗng là của dân cho, Trọng Tử liền ra ngoài móc họng cho nôn hết thịt ngỗng.

sao lợi cho mình. Như vì thanh bảo kiếm mà chuyến đi của Đổng Đồ⁽¹⁾ bị hủy; vì nhận vàng [đút lót] mà Liêm Pha⁽²⁾ không được vua dùng. Người làm tể tướng thì khoe khoang trong nhà có ba ngàn thực khách đi giày cái ngọc⁽³⁾; kẻ buôn lớn thì dùng 500 lạng vàng mười làm hại việc nước⁽⁴⁾. Bọn quyền thần nước Tề nước Triệu đều công nhiên ăn của đút lót của kẻ thù rồi nói lót cho chúng không còn biết e sợ gì. [Do đó] 6 nước⁽⁵⁾ mới bị nước Tần thôn tính.

Than ôi! Mạnh Tử nói rằng: "kẻ trên người dưới tranh nhau mối lợi thì nước nguy mất"⁽⁶⁾. Lại nói: "Nếu đặt lợi lên trên nghĩa thì [sẽ sinh ra việc] không tranh cướp của nhau sẽ không thỏa lòng"⁽⁷⁾. Lời nói ấy thật là thiết thực.

1. Đổng Đồ?

2. Liêm Pha là tướng tài của nước Triệu. Nhà Tần sợ tài Liêm Pha nên cho sứ giả nước Triệu vàng về nước nói gièm là Liêm Pha đã già yếu không làm tướng được. Vua Triệu bèn cử Triệu Quát là vị tướng bất tài lên thay Liêm Pha. Sau đó Tần đánh, Triệu bị thua to ở Trường Bình.

3. Xuân Thân Quán, tướng nước Sở, thường nuôi trong nhà ba ngàn môn khách, các khách này đều được đi giày, mũi có cài ngọc.

4. Lã Bất Vi là một lái buôn giàu có, Vi có người thiếp rất đẹp, đã có mang với Vi. Khi ấy bà Phi của Thái tử nước Tần không có con. Vi dùng 500 lạng vàng mười mua châu báu dâng bà Phi. Bà Phi nhận Dị Nhân con Thái tử nước Tần làm con và hứa cho nối ngôi vua. Vi liền dâng người thiếp đã có mang cho Dị Nhân. Sau người thiếp sinh ra Chính (tức Thủy Hoàng sau này). Như vậy là Vi đã dùng vàng đưa nòi giống họ Lã vào thay họ Doanh, thay ngôi nhà Tần.

5. Sáu nước: Sở, Tề, Ngụy, Triệu, Hàn, Yên.

6; 7. Lời trong *Lương Huệ Vương thượng*, sách *Mạnh Tử*.

Người nào để tâm vào việc dẹp loạn, dựng nền thịnh trị thì không thể không nghĩ cách làm cho ngay ngắn từ gốc, trong suốt từ nguồn được.

35. Lời bàn về Phù Sai

Bàn về Phù Sai⁽¹⁾ có 3 người. Từ Tây⁽²⁾ nói: "Công việc hàng ngày, [Phù Sai] đã muốn là làm, coi dân như thù địch, dùng dân mỗi ngày mỗi khác. Như vậy là tự mình làm hại mình trước".

Lý Khắc⁽³⁾ nói: "Đánh nhau luôn thì dân mỗi mệt, thắng trận luôn thì vua sinh kiêu. Vua kiêu căng mà thúc dân mỗi mệt đi đánh trận, chính là nguyên nhân bại vong".

Triệu Tương Tử⁽⁴⁾ nói: "[Lòng dạ] biến lộn thì không biết thưởng người tài giỏi, [lòng dạ] bất nhẫn thì không trị được kẻ gian. Người tài giỏi không được thưởng, kẻ có tội không bị trừng trị thì còn đợi gì mà không mất nước?"

Lời bàn trên của ba người tuy chỉ là lời xét đoán của

1. Phù Sai là vua nước Ngô thời Xuân Thu. Cha Phù Sai là Hạp Lư bị vua nước Việt là Câu Tiễn đánh bị thương rồi chết. Phù Sai lên nối ngôi, đánh bại Câu Tiễn ở Cối Kê. Câu Tiễn dùng vàng bạc gái đẹp mua chuộc Thái tử Bì nước Ngô để xin giảng hòa. Phù Sai bằng lòng. Ba năm sau, chuẩn bị đủ lực lượng, Câu Tiễn đánh lại, diệt được nước Ngô. Phù Sai xin giảng hòa, Câu Tiễn không nghe, Phù Sai phải tự sát.

2. Từ Tây: tức công tử Thân, con Bình Vương nước Sở, làm quan lãnh đoán.

3. Lý Khắc: người nước Ngụy thời Chiến quốc, đệ tử của Tử Hạ.

4. Triệu Tương Tử: tức Triệu Vô Tuất người thời Chiến Quốc.

một thời. Nhưng cũng là tấm gương sáng cho đời sau. Có người đổ lỗi cho [Phù Sai] là không giết Câu Tiễn⁽¹⁾ [nên mất nước]. Bàn như thế thì thực là nông cạn lắm.

36. Vệ Uông, Nhạc Nghị đều là bề tôi sống gửi nước người

Vệ Uông⁽²⁾, Nhạc Nghị⁽³⁾ đều là bề tôi sống gửi nước người, mà được Hiếu Công trọng dụng, Chiêu Vương tin dùng, cho nắm quyền binh trong nước, không có lời bàn tán xấu nào chen được vào họ. Vua tôi gặp gỡ thật là đúng lúc. Nhưng đến đời vua mới thì [hai người] lại ở vào thế khó xử, chịu tiếng gièm pha. Vì tàn nhẫn, gây nhiều thù oán, Vệ Uông phải chạy sang nước Ngụy, nước Ngụy không chứa nên mang họa. Còn Nhạc Nghị trong sạch, lánh mình

1. Xem ct. 1, tr. 134.

2. Vệ Uông tức Thương Uông người nước Vệ thời Chiến quốc, làm Tế tướng cho Hiếu Công nước Tần, được phong ấp ở đất Thương. Trong 10 năm làm Tế tướng, Uông đã giúp Hiếu Công làm cho nước Tần thịnh vượng. Nhưng do hình pháp của Uông đặt ra quá nghiêm ngặt, bị bọn đại thần và quý tộc oán thán nên khi Hiếu Công mất, Uông bị tội xé xác.

3. Nhạc Nghị: người nước Triệu thời Chiến quốc, sang Yên giúp vua Chiêu Vương, giữ chức Thượng tướng quân, cầm quân 5 nước Triệu, Sở, Hàn, Yên, Ngụy đánh bại nước Tề, được phong là Xương Quốc quân. Khi Huệ Vương lên ngôi, vì mắc mưu phản gián của Diên Đan nước Tề, Huệ Vương cho gọi Nhạc Nghị về nước, Nghị sợ mắc họa nên chạy về Triệu. Sau đó Yên bị nước Tề đánh bại. Huệ Vương hối hận viết thư xin lỗi. Nghị viết thư trả lời, tỏ rõ tình nghĩa vua tôi cũ, không bao giờ trả thù nước Yên.

sang nước Triệu, vẫn ung dung ở cả hai nước và giữ trọn thanh danh. Thật là một người tài.

Đọc *Chiến Quốc sách* đến chỗ thư của Nhạc Nghị gửi trả lời Yên Vương⁽¹⁾, thấy lòng ông minh bạch, ý ông trung hậu, làm người ta thần phục mãi.

Hồ Trai bàn rằng: Vệ Uông và Nhạc Nghị không thể đưa ra bàn cùng lúc được. Người đời Hán đã suy tôn Nhạc Nghị quá lời, cho là có tài giúp vua. [Tài ấy] chưa thấy rõ. Nhưng có điều ông đúng là người có thiên tu trung hậu. Như lúc ông lánh nạn chạy sang nước Triệu thì đất của Tề lại về với nước Tề cả, mà đại thế nước Yên vẫn không thương tổn gì. Vì [trước đây] hàng ngày giúp Chiêu Công [nước Yên] mưu tính việc nước, ông đã coi trọng cội gốc nên mới được như vậy. Còn Vệ Uông giúp Hiếu Công thì như cho uống một liều thuốc độc. Trước hết là tự giết mình, sau giết dân trong nước. Mãi cho đến khi [nhà Tần] được cả thiên hạ rồi mà sát khí vẫn còn mãi không thôi, cuối cùng đến nỗi bị diệt vong. Đó là do lòng mong muốn [nước Tần] chóng mạnh của Hiếu Công đã vờ [Vệ Uông] đến, và ở đây thủ thuật, tài năng của Vệ Uông cũng đã được thi thố ra hết. Cho nên khi lẽ trời và lòng người đều không dung thì sao chết [yên lành]⁽²⁾ như người lương thiện được?

Vậy nên có câu: "Kẻ giết người là tự giết mình".

1. Xem ct. 3, tr. 135.

2. Xem ct. 2, tr. 135.

37. Thái Trạch thuyết Phạm Thư

Đọc *Sử ký* đến đoạn Thái Trạch⁽¹⁾ thuyết Phạm Thư⁽²⁾, thấy trên làm sáng đạo trời, dưới theo lời thánh dạy, ngoài dẫn việc cổ kim, giữa tham bác việc đời. Lời lẽ thật chân thành, thấu tình đạt lý. Cách giữ gìn thân danh, phép xử thế khi ở địa vị cao, dẫm lên chỗ đầy⁽³⁾ đều đủ cả trong lời thuyết đó. Phạm Thư nghe ra liền trao ấn tù quan không chút luyến tiếc. Thật là bậc quân tử sáng suốt kiệt xuất. Đời sau các quan giỏi tướng tài như Hàn Tín⁽⁴⁾, Tiêu Hà⁽⁵⁾,

1. Thái Trạch: Biện sĩ thời Chiến Quốc, người nước Yên, sang du thuyết nước Hàn, Ngụy, Triệu không được dùng. Sau vào nước Tần, nhờ Ứng Hầu tiến cử, được yết kiến Chiêu Vương và được dùng làm khách khanh rồi lên chức Thừa tướng. Sau bị ghen ghét nên cáo bệnh từ quan.

2. Phạm Thư: người nước Ngụy thời Chiến Quốc, tên là Thúc, nhà nghèo, có tài biện thuyết, sang Tần bày mưu cho Chiêu Vương: "giao kết với nước xa, đánh nước gần", được phong tước Ứng Hầu, làm tới chức Thừa tướng.

3. Câu này ý khuyên người ta không nên dẫm vào chỗ đã đầy để tránh tràn ra ngoài, cũng như người làm quan đã đến chức vị cao rồi thì nên cáo lui, đề phòng ở mãi vua cũng sẽ chán mà mang họa.

4. Hàn Tín: Đại tướng quân của Cao Tổ nhà Hán, có tài dùng binh, đã giúp Cao Tổ phá Tần, diệt Sở. Sau bị Lã Hậu ngờ và giết oan ở cung Vị Ương.

5. Tiêu Hà: mưu thần của Cao Tổ nhà Hán, vì một việc nhỏ mà bị tống ngục, mãi sau mới được tha.

Chu Á Phu⁽¹⁾, Mã Viện⁽²⁾, Thôi Hạo⁽³⁾, Cao Dĩnh⁽⁴⁾, Quách Sùng Thao⁽⁵⁾, Nhạc Phi⁽⁶⁾, Lý Thiện Trường⁽⁷⁾ vì vương vít đường đời mà cuối cùng mang họa. Phải đâu là họ không đủ trí sáng suốt nghĩ đến điều đó. Chẳng qua là như lời Thái Trạch đã nói: " [có lòng] nhần nhịn thì không thể tự dứt bỏ được; [có lòng] nghi ngờ thì không thể tự quyết đoán được" mà thôi.

38. Người quân tử phải sai khiến cái tài của mình

Người quân tử phải sai khiến cái tài của mình, mà không được để cái tài sai khiến mình. Tài trí của Lý Tư không

1. Chu Á Phu: tướng giỏi của Cảnh Đế nhà Hán, có công dẹp loạn bảy nước làm phản, sau vì quá thẳng thắn mà bị Cảnh Đế giết.

2. Mã Viện: Tướng giỏi của Quang Vũ nhà Hán, có nhiều công lớn dẹp giặc, sau bị gièm, không được Quang Vũ trọng dụng. Khi đánh trận về bị chết dọc đường, vợ phải chôn cất qua loa không dám làm mà theo nghi lễ vị tướng.

3. Thôi Hạo: người thời Hậu Ngụy, có nhiều công giúp nước Ngụy, sau bị vu oan phải tội chết.

4. Cao Dĩnh: người thời Văn Đế nhà Tùy, có công đánh Hậu chủ, sau bị ngờ và bị vua bỏ rơi.

5. Quách Sùng Thao: người thời Trang Tông nhà Đường, kiêm chức tướng văn tướng võ, vì quyền to, kết oán nhiều mà bị bãi chức.

6. Nhạc Phi: Trung thần thời Cao Tông nhà Tống, bị Tần Cối lập mưu giết oan.

7. Lý Thiện Trường: người thời Thái Tổ nhà Minh, có nhiều công to, làm đến chức thừa tướng, sau dính dáng vào việc mưu phản mà bị giết.

bằng Phạm Thu cho nên mới có lời than: "Chó vàng của đông"⁽¹⁾. Hiếu biết của Lục Cơ không bằng Trương Hàn cho nên mới có nỗi buồn: "Hạc kêu Hoa đình"⁽²⁾. Vậy là hai người đều bị cái tài sai khiến mình.

Người quân tử phải điều hành cái chí của mình mà không được để cái chí điều hành mình. Liêm Pha⁽³⁾ chịu nhấn nhục với Lạn Tương Như mà không nhấn nhục được với Nhạc Thừa thay mình làm Thừa tướng, cho nên mới có chuyện phải chạy sang nước Ngụy. Hàn Tín nhấn nhục

1. Chó vàng của đông: Lý Tư làm Tế tướng nước Tần, thời Thủy Hoàng. Khi Thủy Hoàng mất, Triệu Cao chuyên quyền, ghen ghét với Lý Tư, vu Lý Tư thông đồng với giặc, khép vào tội chém đầu và chu di tam tộc. Khi đưa ra hành hình, Lý Tư nói với con: "Từ nay ta không được cùng các con dắt chó vàng ra cửa đông đi săn thỏ nữa".

2. Hạc kêu Hoa đình: Lục Cơ, tự Sĩ Hành, làm đô đốc cho Thành Đô Vương nước Tấn. Một lần cầm quân đi đánh trận bị thua, lại bị lời gièm, phải tội đưa ra hành hình. Lục Cơ buồn kêu rằng: "tiếng hạc kêu ở Hoa đình, từ nay liệu còn được nghe nữa chăng".

3. Liêm Pha là tướng giỏi của nước Triệu. Lạn Tương Như vốn chỉ là môn khách của một viên hoạn quan tên là Mỵ Hiên. Sau mấy lần đi sứ nước Tần, Lạn Tương Như có công lớn, được vua Triệu cho làm Thượng khanh. Liêm Pha không phục, không chịu xếp mình ngang hàng với Tương Như. Sau thấy Tương Như quả có tài hơn mình, Liêm Pha bái phục xin làm anh em kết nghĩa. Khi Hiếu Thành Vương nước Triệu mất, con là Điệu Tương Vương lên thay, nghe lời gièm, sai Nhạc Thừa làm tướng thay Liêm Pha. Liêm Pha giận đánh Nhạc Thừa rồi chạy sang nước Ngụy.

được với anh hàng thịt⁽¹⁾ lúc thiếu thời, mà không nhần nhục được với việc bị xếp ngang hàng với Phàn Khoái, cho nên mới gặp họa ở cung Vị Ương. Vậy là Liêm Pha và Hàn Tín cũng đều bị cái chí nó điều hành mình.

39. Một kẻ sĩ vững lòng tiết tháo có quan hệ lớn đến thiên hạ

Lỗ Trọng Liên bị vây ở trong thành mà vẫn không chịu tôn vua Tần làm Hoàng đế. Quân Tần nghe biết chuyện, đã lui quân 50 dặm⁽²⁾. Các nước chư hầu nhờ vậy mà duy trì được thêm mấy chục năm nữa. Một kẻ sĩ vững lòng tiết tháo mà có quan hệ tới thiên hạ đến như thế.

Vương Chúc không chịu làm tôi nước Yên⁽³⁾, quyết hy sinh thân mình để trọn danh tiết. Sĩ phu nước Tề nghe tin

1. Hàn Tín là tướng giỏi của Cao Tổ nhà Hán, khi còn hàn vi bị gã hàng thịt làm nhục, bắt chui qua khó. Tín nhần nhục chui lại qua. Khi giúp Cao Tổ có công lớn, được phong là Tề Vương, sau lại bị giáng xuống tước hầu ở đất Hoài Âm. Hàn Tín bất bình vì bị xếp ngang hàng với bọn tướng tầm thường như Phàn Khoái. Cuối cùng Hàn Tín bị Lã Hậu nghi ngờ và giết ở cung Vị Ương.

2. Xem ct. 3, tr. 121.

3. Vương Chúc người nước Tề thời Chiến Quốc. Khi nước Yên đánh nước Tề. Tướng nước Yên là Nhạc Nghị biết Chúc có tài, liền sai đóng quân cách ấp Hoạch của Chúc 30 dặm rồi mang lễ vật đến mời Chúc ra giúp nước Yên. Chúc từ chối không đi, thất cố tự tử. Các đại phu của nước Tề ở nước ngoài biết tin, bảo nhau: "Chúc là người áo vải mà vì nghĩa không chịu thần phục nước Yên hướng chí là người ăn lộc nước". Sau đó đi tìm dòng dõi của vua Tề, lập làm vua.

lấy làm cảm kích, mới tìm Tương Vương^(*) [đồng dôi vua Tề] về lập làm vua, cuối cùng giữ được vẹn toàn tông thống. Người đời chỉ biết công lao khôi phục lại nước Tề là Điền Đan⁽¹⁾ mà không biết đó chính là công lớn của Vương Chúc. Cho nên dựng nước cần phải vun trồng trung hiếu làm gốc.

40. Người làm tướng phải biết nhẫn nhịn, bao dung, kính người hiền, trọng kẻ sĩ

Người làm tướng mà không biết nhẫn nhịn, bao dung; không biết kính người hiền trọng kẻ sĩ, chỉ toàn ý vào hiểu biết và suy nghĩ của mình đồng thời lạm dụng uy lực, thì rồi sẽ bị thất bại. Chiêu Vương nhờ Trương Nghi lấy cấp ngọc bích⁽²⁾; Ngụy Tề nhờ Phạm Thư⁽³⁾ tu thông với nước ngoài rồi đánh đòn đau mà không tra xét gì cả, làm cho hai người này phần uất chạy sang nước Tần tìm dịp trút hận mà hại đến cả nước. [Xem đó thấy] một việc dù nhỏ

*. Có lẽ là Mân Vương mới đúng.

1. Điền Đan vốn là người coi chợ, được dân chúng suy tôn làm tướng, đã đánh đuổi được quân Triệu, lấy lại 70 thành trì cho nước Tề. Xem thêm ct. 1, tr. 150.

2. Trương Nghi người nước Ngụy, một lần uống rượu với tướng quốc nước Sở là Chiêu Dương. Chiêu Dương mất ngọc bích, nhờ Nghi lấy cấp, đem đánh đòn đau. Sau Trương Nghi vào nước Tần làm Tế tướng, thực hành kế liên hoành, diệt nước Sở.

3. Phạm Thư: xem ct. 2, tr. 137.

cũng không thể xem thường được. Trang Sinh⁽¹⁾ nói: "Hà khắc quá thì ứng với hà khắc sẽ là những tấm lòng xấu".

Quả đúng như vậy.

41. Người quân tử xem xét người

Người quân tử xem xét người phải xem từ những việc nhỏ, vì những việc lớn chưa đủ để tin. Cho nên Tư Thần tiến cử Khuốc Khuyết, vì Khuyết được vợ kính trọng⁽²⁾; Vô Kỵ⁽³⁾ nhường Hàn Khởi⁽⁴⁾, vì thấy Khởi được bạn khen; Nhật Dạn mắt không nhìn ngổ ngược, được Vũ Đế nhà Hán cho là người lạ⁽⁵⁾; gánh vò đánh rơi, không ngoái nhìn

1. Trang Sinh người nước Sở, thời Chiến Quốc, hiệu là Trang Tử, học rộng biết nhiều, không ra làm quan, ở ẩn viết sách; tác giả của *Nam hoa kinh*.

2. Tư Thần là quan đại phu thời Văn Công nước Tấn, một hôm đi qua cánh đồng Kỵ, thấy Khuốc Khuyết cày ruộng, vợ mang cơm, đưa Khuyết bằng hai tay, Khuyết cũng kính cẩn nhận lấy. Khi Khuyết ăn vợ đứng hầu bên cạnh, kính trọng nhau như khách quý. Tư Thần cho Khuyết là người biết giữ lễ phép có đức hạnh nên tiến cử Khuyết lên Văn Công. Sau Tư Thần được làm chánh tướng đạo hạ quân, còn Khuốc Khuyết làm phó tướng.

3. Vô Kỵ: tức Tín Lăng Quân. Xem ct. 2, tr. 144.

4. Hàn Khởi: người nước Tấn thời Chiến Quốc, giữ chức Phó tướng Thượng quân thời Niệu Công và Đại phu thời Bình Công.

5. Nhật Dạn: người rợ Hồ, giữ chức chân ngựa. Khi dắt ngựa qua cửa cung, Vũ Đế nhà Hán trông người nghiêm chỉnh, mắt không nhìn ngổ ngược liền cho làm quan to.

lại mà Mạnh Mẫn được Quách Thái khen⁽¹⁾. Tuy nhiên khi dùng người lại phải xem ở những việc lớn vì việc nhỏ dễ bỏ qua. Bởi vậy Tương Tử khen Cao Hách, vì Hách biết giữ lễ làm tôi⁽²⁾. Cao Đế nhà Hán dùng Trần Bình vì Bình có nhiều mưu lạ⁽³⁾. Vệ Hâu bỏ không dùng vị tướng có tài là Tuân Biến mà Tử Tư phải than thở⁽⁴⁾; Chiêu Liệt nhà Hán chê Tường Uyển hay làm dáng mà Vũ Hâu phải can ngăn⁽⁵⁾.

1. Mạnh Mẫn người thời Hán, tự Thúc Đạt, tính cương trực, một lần gánh vò để rơi vỡ, Mẫn cứ thế đi thẳng không nhìn lại. Quách Thái hỏi, Mẫn nói là: Bình vỡ rồi, nhìn lại có ích gì. Vì vậy Thái cho Mẫn là khác người, khuyên Mẫn đi học. Mười năm sau Mẫn nổi tiếng về tài học.

2. Vào thời Định Vương nhà Chu thứ 16, nước Tấn có 6 quan khanh là họ Phạm, họ Trung Hàng, Trí Bá, Hàn Hổ, Ngụy Câu và Triệu Tương Tử. Sau khi Trí Bá diệt xong họ Phạm và họ Trung Hàng lại tìm cách diệt các họ còn lại. Sau Hàn và Ngụy hợp với Triệu diệt được Trí Bá. Khi luận công, Triệu Tương Tử cho Cao Hách công đầu, vì trong lúc nguy cấp, mọi người đều hoảng hốt, riêng Cao Hách vẫn kính cẩn giữ được lễ như thường.

3. Có người nói với Cao Tổ nhà Hán là lúc còn ở nhà, Bình tư thông với chị dâu, nhưng Cao Tổ vẫn dùng Bình, vì Bình có nhiều mưu lạ.

4. Sau khi tiến cử, Tuân Biến không được dùng, Tử Tư nói rằng: Bậc thánh nhân dùng người là lấy cái sở trường mà bỏ cái sở đoản của họ. Nay vì hai quả trứng mà bỏ một vị tướng tài, thật không đáng nên danh với các nước lân cận. Xem thêm ct. 1, tr. 132.

5. Tường Uyển: quan đại phu thời Hậu chúa nhà Hán.

42. Lời bàn về Tín Lăng Quân, Bình Nguyên Quân, Mạnh Thường Quân và Xuân Thân Quân của Ban Cố

Ban Cố⁽¹⁾ nói rằng: Nước Ngụy có Tín Lăng Quân⁽²⁾, nước Triệu có Bình Nguyên Quân⁽³⁾, nước Tề có Mạnh Thường Quân⁽⁴⁾, nước Sở có Xuân Thân Quân⁽⁵⁾. [Bốn

1. Ban Cố: Sử gia thời Đông Hán.

2. Tín Lăng Quân tức công tử Vô Kỵ, con thứ của Chiêu Vương nước Ngụy thời Chiến Quốc, là người chuộng kẻ sĩ. Bấy giờ quân Tần vây đánh nước Triệu. Bình Nguyên Quân cầu cứu vua Ngụy và Tín Lăng Quân. Vua Ngụy sai tướng là Tấn Bỉ mang 10 vạn quân đi cứu nước Triệu. Tấn Bỉ sợ uy quân Tần, đóng quân lại để xem xét. Tín Lăng Quân theo kế của Hầu Sinh, nhờ nàng Như Cơ, thiếp yêu của vua Ngụy, lấy trộm ấn tín giả mệnh vua, đoạt quân Tấn Bỉ, đánh lui quân Tần, cứu nguy cho nước Triệu. Tần lại đem quân đánh Ngụy, Tín Lăng Quân cầm quân 5 nước quay về đánh tan quân Tần, đuổi đến tận cửa Hàm Cốc. Sau Tần tung tin nói xấu Tín Lăng Quân. Vua Ngụy không dùng Tín Lăng Quân nữa.

3. Bình Nguyên Quân: tức công tử Thắng, người nước Triệu thời Chiến Quốc.

4. Mạnh Thường Quân: tức Điền Văn, công tử nước Tề thời Chiến Quốc. Khi Điền Văn sang nước Tần, bị Chiêu Vương bắt bỏ tù và có ý muốn giết. Trong số môn khách đi theo có người có tài làm chó, đem lẩn vào cung vua Tần lấy trộm áo cừu dâng người thiếp yêu của Chiêu Vương rồi nhờ xin tha cho Điền Văn. Khi được tha, Điền Văn chạy vội về ngay, đến cửa Hàm Cốc đang lúc nửa đêm. Lặng ở đấy gà gáy mới mở cửa quan cho người qua lại. Điền Văn lại nhờ người có tài bắt chước tiếng gà gáy, làm cho tất cả gà ở đấy đều gáy. Cửa mở. Điền Văn thoát nạn.

5. Xuân Thân Quân: tức công tử Hoàng Yết, người nước Sở thời Chiến Quốc, có tài khẩu biện, làm tế tướng nước Sở hơn hai chục năm. Yết có người vợ yêu là em gái Lý Viên. Khi người này đã có thai, Yết đem dâng cho Khảo Liệt Vương nhà Chu, sau sinh ra một trai, tức U vương nhà Chu sau này.

người này] đều mượn thế vương công, đua nhau làm khách du hiệp. Lối bàn thời ấy đều cho bốn người này là bậc đứng đầu [đám hào hiệp]. Như vậy là chưa phân biệt được nhân phẩm của họ hay dở ra sao. Nay thử bàn thêm xem thế nào.

Tín Lãng Quân là người chuộng kẻ sĩ, không coi việc kết giao với người dưới là xấu hổ. Từ người giữ cửa, người hàng thịt, bọn cò bạc, đến người bán tương mắm ông đều kính trọng vì chí lớn của ông là làm sao tập hợp được mưu trí, sức lực của đông người giúp nước trả mối thù nước Tần, chú không phải để mua danh. Những người được ông đón về nuôi, người báo cho ông biết tình hình địch, người giúp ông mưu lạ, người khuyên nhủ ông lẽ cương thường. Hiệu quả tốt của việc thu dùng kẻ sĩ đã rõ ràng. Dù có bị vua Ngụy ghét bỏ, không trao cho quyền chính, nhưng tài trí của ông vẫn nổi bật. Xem lời ông khuyên [vua Ngụy] đem quân giữ nước Hàn và bàn về thế lớn trong thiên hạ [thấy mọi điều] đều sáng rõ như vạch trên bàn tay. Nếu ông được dùng thì chuyện thắng bại còn chưa biết sẽ thuộc về ai, chú việc trộm ấn tín⁽¹⁾, giả mệnh vua cũng là việc bất đắc dĩ, mà phá được quân Tần, giữ được nước Triệu làm chấn động thiên hạ thì công ấy đủ để xóa hết tội. Sau hơn hai chục năm lưu lạc, lại tụ hợp được các nước chư hầu đã tan, đánh một trận đuổi được quân Tần ở phía đông sông Hà, tiến thẳng vào cửa Hàm Cốc. Nếu không

1. Xem ct. 2, tr. 144.

phải là người giỏi dùng binh thì sao được như thế? Đến lúc tuổi già, bị ngờ oan, ông mượn chén rượu giữ mình, một cách sáng suốt để bảo toàn thân danh. Ông đáng xếp vào hạng bậc nhất.

Bình Nguyên Quân ba lần làm tướng nước Triệu, biết bao dung Triệu Xa⁽¹⁾, tiến cử Mao Toại⁽²⁾, dùng Lý Đồng⁽³⁾, cũng thực là người biết đãi kẻ sĩ. Lỗi lẽ ông ôn hòa, hồn hậu đầy phong vị thuần cổ. Người chép sử khen ông là bậc công tử của thời loạn. Chỉ [có cái lỗi] tham ruộng đất ở Thượng Đảng để đến nỗi thua lớn ở Trường Bình⁽⁴⁾ là tỏ ra thiếu sáng suốt thôi. Ông đáng được xếp sau Tín Lãng Quân.

Diễn Văn thì vời đón bọn thích khách và lữ gian phi

1. Triệu Xa: người nước Triệu thời Chiến Quốc, làm chức Diễn bộ lại, giúp Bình Nguyên Quân thu thuế ruộng đất có công lớn, được tiến cử lên Huệ Vương nước Triệu, giữ chức quan thu thuế trong nước. Khi nước Tần đánh nước Hàn. Hàn sang cầu cứu Triệu. Triệu Xa được cử làm tướng phá quân Tần, lấy hiệu là Mạc Phục Quân.

2. Mao Toại: người nước Triệu thời Chiến Quốc Khi Tần đánh Triệu Bình Nguyên Quân cùng Toại sang cầu cứu nước Sở. Toại thuyết phục được vua Sở cho quân đi cứu Triệu.

3. Lý Đồng: người nước Triệu thời Chiến Quốc. Khi Tần đánh kinh đô Hàm Đan sắp phải đầu hàng. Đồng khuyên Bình Nguyên Quân bán hết gia tài để nuôi quân sĩ. Kết quả nuôi được ba ngàn quân cảm tử. Lý Đồng cầm ba ngàn quân ấy đẩy lùi được quân Tần ba ngàn dặm, rồi hội quân với các nước Sở, Ngụy giải vây cho nước Triệu.

4. Trần Trường Bình: Quân nước Triệu do Triệu Quát cầm đầu bị mắc mưu của Bạch Khởi, tướng nước Tần mà bị chôn sống 40 vạn quân.

tụ đảng ở đất Tiết Hạ. Bọn người này thấy lợi thì ùa đến như vẹt, lợi hết thì bỏ đi, tị nhau ăn, ghen nhau uống thật là vô liêm sỉ. Cho nên khi ông bị bãi chức, hàng ba ngàn môn khách trong nhà mà không còn người nào ở lại. Dẫu cho là tình đời như thế, nhưng [qua đó] cũng thấy được đức tin của ông còn chưa thấm sâu vào lòng người. Bản thân làm tể tướng nước Tề, mà phải dùng đến thuật "gà gáy, chó ăn trộm"⁽¹⁾ để tránh nạn nước Tần. Như thế sao có thể gọi là người giỏi được? Trong đám môn khách của ông chỉ có Phùng Hoan qua lại hai nước Tần và Tề, mong phục chức [cho chủ], [đã nghĩ ra cách] đào ba hố⁽²⁾ cho ông. Đó cũng chưa phải là đạo của người quân tử. Lúc về già bị Mân Vương ghét bỏ, ông bèn cùng chu hầu đánh nước Tề. Khi Tương Vương được lập thì ông lại đứng trung lập làm một chu hầu không phụ thuộc vào đâu cả. Đó là người đại bất trung vậy.

Hoàng Yết là người chỉ thích danh tiếng hảo huyền. Đến bậc đại nho như Tuân Khanh⁽³⁾, chỉ vì không chịu nhận sự nuôi dưỡng [của Yết] mà không được [tiến cử] để cả nước tin dùng. [Yết] chỉ nằm khểnh ở Ngõ cung, xe

1. Thuật gà gáy, chó ăn trộm: Xem ct. 4, tr. 144.

2. Phùng Hoan: còn gọi là Phùng Huyền, nói với Mạnh Thường Quân: "Con thỏ khôn phải có ba cái hang mới giữ được thân. Tôi đã đốt hết số nợ của dân ấp Tiết còn nợ ông, dân sẽ ơn ông, ấy là tôi đã đào cho ông một cái hang. Tôi sẽ đào cho ông hai hang nữa cho đủ ba hang".

3. Tuân Khanh: tức Tuân Huống, người nước Triệu thời Chiến Quốc, làm ra sách *Tuân tử*.

ngựa, áo quần sang trọng, không để ý gì đến đất đai bị xâm lấn, binh lính bị yếu hèn. Cuối đời lại nảy ra ước vọng càn bậy, dâng người thiếp cho Sở Vương, âm mưu hại nước như Lã Bất Vi⁽¹⁾. Thật là trái với đạo lý. Trong đám ba ngàn môn khách đi giày cài ngọc, chỉ có Chu Hợi⁽²⁾ là người nói hết điều họa điều phúc [với Yết], đã khuyên Yết giết Lý Vi⁽³⁾, nhưng Yết không quyết đoán được, thành ra sụp đổ. Ấy cũng là ý trời không dung kẻ gian thời. Như vậy thì Hoàng Yết sao sánh được với hai công tử nước Triệu và nước Ngụy?

Hổ Trai cho rằng lời bình phẩm về bốn công tử thật đúng từng phân ly.

43. Nước Tần sợ Liêm Pha, nước Tề sợ Nhạc Nghị

Nước Tần sợ Liêm Pha⁽⁴⁾ liền tung lời phản gián rằng: "[Nước Tần] chỉ sợ Triệu Quát⁽⁵⁾ ra làm tướng thôi, còn Liêm Pha bất tài sắp phải đầu hàng rồi...". Vua Triệu tin lời ấy [cho Triệu Quát làm tướng thay Liêm Pha] cuối cùng mắc họa lớn ở Trường Bình⁽⁶⁾.

1. Lã Bất Vi: xem ct. 4, tr. 133.

2. Chu Hợi?

3. Lý Vi: Có lẽ là Lý Viên?

4. Liêm Pha: xem ct. 3, tr. 139.

5. Triệu Quát: tướng nước Triệu chỉ có hư danh mà không có thực tài. Quát đọc rất nhiều binh thư nhưng không biết áp dụng.

6. Họa Trường Bình: xem ct. 4, tr. 146.

Nước Tề sợ Nhạc Nghị⁽¹⁾ cũng tung lời phản gián, nói: "Nhạc Nghị sợ bị giết không dám về nước, nên không mang danh đánh Tề nữa. Người Tề chỉ sợ có tướng khác đến thay, Ấp Túc Mặc của Tề sẽ bị tàn phá hết..."⁽²⁾. Vua nước Yên tin lời gièm ấy cho nên mới đến nổi tướng chết, quân tan, hơn 70 thành bị mất. Sự ngu xuẩn của vua nước Yên và vua nước Triệu thật giống nhau. Hơn ba mươi năm dùng người ta vào hàng tướng văn tướng võ mà không hiểu được người ta bình thường là người như thế nào, bỗng chốc tin vào lời phao đồn mà cất chức, đổi quan, thay vào những tướng tầm thường không tên tuổi, chưa qua thử thách để đối địch với kẻ thù kiên cường lại quyết chiến. Thế chẳng phải là ngu sao?

44. Điền Đan là người kiêu căng, dễ thỏa mãn

Nước Yên sai Nhạc Nghị⁽³⁾ [dem quân] vào đất Lâm Truy [nước Tề] giết Mân Vương, phá tôn miếu, lấy của báu, đặc chỉ biết chừng nào. Thế mà Điền Đan [lực lượng]

1. Nhạc Nghị: xem ct. 3, tr. 135.

2. Điền Đan nước Tề, cầm quân thành Túc Mặc đánh nhau với Nhạc Nghị. Sợ thua Điền Đan đã tung tin là Nhạc Nghị có hiềm khích với vua mới, về sẽ bị chết, nên muốn giữ binh ở lại Tề, làm vua nước Tề.

3. Nhạc Nghị: xem ct. 3, tr. 135.

chỉ vền vền có thành Túc Mặc⁽¹⁾ mà sau một trận đánh đã khôi phục được hơn 70 thành. Điền Đan tuy có công lớn lấy lại được nước Tề, nhưng thế lớn của nước Yên chưa bị thương tổn lắm. Nếu chưa nghĩ đến việc [nước Yên sẽ] báo thù rửa nhục thì Điền Đan cũng phải nghĩ đến mưu kế giữ nước lâu dài mới được. Và lại phía tây còn có nước Tần mạnh vẫn luôn lăm le thôn tính [các nước]. Nước Tần đã nuốt chửng ba nước Tấn (Hàn, Triệu, Ngụy) rồi, thì sẽ đến lượt [nước Tề]. [Mối lo ấy] có thể bỏ qua được đâu? Thế mà Điền Đan đã vội kiêu căng, chỉ đam mê yến tiệc và nghĩ đến thú vui ở Dạ Ấp trên sông Truy, mà không để tâm trí vào đất Kế Bắc, Quan Tây. Đó là người khí lượng nhỏ hẹp, dễ thỏa mãn. Lỗ Trọng Liên [là người] đã thấy được điều ấy [ở Điền Đan từ lâu rồi]⁽²⁾.

1. Thời Mãn Vương nước Tề, Điền Đan làm người giữ chợ ở Lâm Truy. Nước Yên sai Nhạc Nghị mang quân đánh Tề. Dân thành Túc Mặc tôn Điền Đan lên làm tướng, giữ thành Túc Mặc tới 3 năm liền, quân Yên không phá được. Sau từ thành Túc Mặc, Điền Đan dùng nhiều kế lạ tổ chức dân cả thành phản công quân Yên, đuổi quân Yên ra khỏi bờ cõi nước Tề, thu lại hơn 70 thành do quân Triệu chiếm. Điền Đan được phong là An Bình Vương.

2. Điền Đan đánh áp Dịch ba tháng liền, không phá được, có ý sợ, đến hỏi Lỗ Trọng Liên rằng: "Trước kia tôi đánh nước Yên là một nước lớn, lấy lại 70 thành dễ như trở bàn tay, vậy mà nay tôi lại không phá được áp Dịch nhỏ bé là vì sao?" Lỗ Trọng Liên nói: "Vì trước kia có lòng hy sinh không sợ chết, nên đánh được nước Yên, nay tướng quân có ý kiêu căng, lại ham mê về sự khoái lạc, vì thế không thắng lại cái áp nhỏ mọn ấy". Điền Đan tạ lỗi nói: "Cái lòng của tôi, tiên sinh biết rõ rồi..." Sau đó Điền Đan phá được áp Dịch.

45. Vua anh hùng, tài giỏi sau thời Xuân Thu

Sau thời Xuân Thu có Chiêu Vương nước Yên là vua anh hùng; Vô Kỵ nước Ngụy là bề tôi giỏi. [Hai người này] là nhân vật trội lên hẳn ở thời ấy. Vậy là họ Cơ [đồng dõi nhà Chu] tuy đã suy, nhưng đâu có thể nói là hết người tài!

46. Vũ Linh Vương nước Triệu

Vũ Linh Vương nước Triệu là ông vua anh minh. [Trong việc] trị nước, luyện quân đều có ý hướng rất lớn, mưu lược rất rộng. Xem việc ông dựng đài để quan sát đất Trung Sơn nước Tề; thiết triều ở Tín Cung, vời Phi Nghĩa⁽¹⁾ cùng bàn việc thiên hạ; lên núi Hoàng Hoa gọi Lâu Hoãn⁽²⁾ cùng lo việc nước; ăn mặc lối rợ Hồ, cưỡi ngựa bán cung, thấy chí khí dọc ngang, lời lẽ trong sáng. Việc sai sứ giả tập hợp quân các nước chu hầu đánh rợ Nhung Dịch, diệt đất Trung Sơn, thấy tài chỉ huy đánh dẫu được đấy. Lại có ý muốn lên phía tây bắc xâm lấn đất rợ Hồ, rồi từ đất Vân Trung thẳng xuống phía nam đánh úp đất Hàm Dương, giả làm sứ giả vào nước Tần dò xét hình thế và xem vua Tần là người thế nào, thấy trí anh hùng, lòng hào kiệt của

1. Phi Nghĩa: người nước Triệu thời Chiến Quốc.

2. Lâu Hoãn: người nước Triệu thời Chiến Quốc. Khi Vũ Linh Vương muốn ăn mặc theo lối rợ Hồ, trong số các quan chỉ có mình Lâu Hoãn là đồng ý.

ông vượt lên hẳn cả thời ấy. [Vậy mà] lúc cuối đời vì say mê Ngô Cơ, đã truyền ngôi cho con thứ. Đến khi tình yêu phai nhạt, trông thấy con cả lại động lòng thương, muốn chia nước để phong cho con. Vì thế mà sinh ra tai biến, đến nỗi phải chết đói ở cung Sa Khâu⁽¹⁾.

Than ôi! [một người] có uy thế bao trùm nước thù, có tâm trí lo khắp vùng biên mà để cho ý chí đắm chìm trong chốn màn the, mằm họa loạn nảy sinh nơi giường chiếu, chuốc tiếng cười cho thiên hạ. Thế chẳng đáng để làm răn cho đời sao?

Hồ Trai cho rằng những chỗ tinh hoa bột phát của Vũ Linh Vương nước Triệu đều chưa được chín mùi. Cho nên cũng gặp biến cố lúc cuối đời như Tôn Sách⁽²⁾. Nhưng so ra thì Tôn Sách còn thọ hơn.

47. Có được người tài là việc khó

Thời Chiến Quốc, chỉ có Triệu là nước có nhiều tướng

1. Vũ Linh Vương bỏ con cả là Chương, lập con thứ là Hà. Sau Chương làm loạn, vây Vũ Linh Vương ở cung Sa Khâu. Không có lương ăn Vũ Linh Vương bị chết đói.

2. Tôn Sách: tự Bá Phù, con trưởng của Tôn Kiên, người nước Ngô thời Tam quốc. Tính rộng rãi, biết dùng người, có công bình định Giang Đông, được phong là Ngô Hầu và Thảo nghịch tướng quân. Gặp lúc Viên Thiệu và Tào Tháo đánh nhau. Sách định về đất Hứa đồn vua Hán, việc chưa thành bị trảng tên chết.

tài. Như Liêm Pha⁽¹⁾, Nhạc Thừa⁽²⁾, Bàng Noãn⁽³⁾, Triệu Xa⁽⁴⁾ đều là bậc anh tài có nhiều kế lớn tiếng vang một thời. Giữa lúc sáu nước trong cơn suy yếu, tướng của các nước Hàn, Yên, Tề, Ngụy đều là lũ tầm thường. Kẻ đầu hàng [nước Tần], người bị [nước Tần] bắt, không ai còn có chút công tích gì nữa. Nhưng riêng nước Triệu có Lý Mục⁽⁵⁾, hai lần đánh lui quân Tần, uy danh lừng lẫy, cả nước coi trọng. Đến khi Lý Mục bị hại thì nước Triệu cũng mất. Đó chẳng phải là có được người tài khó lắm sao. Xưa có câu: "Đất Sơn Tây sinh ra tướng tài". Quả đúng thế.

48. Phép dùng binh

Dùng binh phải biết việc trước việc sau. Xét đoán dịch tình phải hiểu việc cấp bách, việc chưa vội. Là tướng tài phải nắm vững thời thế để xem nên tiến hay nên dùng.

1. Liêm Pha: tướng giỏi nước Triệu thời Huệ Văn Vương, có công đánh Tề, lấy được ấp Dương Tân, được làm Thượng khanh và nổi tiếng về dũng khí ở các nước chư hầu. Xem thêm ct. 3, tr. 139.

2. Nhạc Thừa: vốn là tướng nước Yên, can vua Yên không nên đánh Triệu, vua Yên không nghe. Thừa bị bắt sang Triệu, sau theo Triệu được phong là Vũ tướng quân.

3. Triệu Xa: xem ct. 1, tr. 146.

4. Lý Mục: người nước Triệu thời Chiến Quốc, là tướng giỏi ở vùng biên cương phía bắc nước Triệu, có công đánh thắng một trận lớn mà 10 năm sau Hung Nô không dám xâm phạm bờ cõi nước Triệu nữa. Lại có công đại phá quân Tần được phong là Vũ An Quân. Nước Tần sợ Lý Mục, tung lời phản gián, nói Lý Mục làm phản. Vua Triệu tin lời chém Lý Mục. Nước Triệu liền bị Tần diệt.

Trong sáu nước (Tề, Yên, Hàn, Ngụy, Triệu, Sở) thì Sở là nước lớn nhất, từng đúng đầu "kế hợp tung"⁽¹⁾ mà Lý Tín [tuống nước Tần] dùng đến hơn hai mươi vạn quân vẫn không phá nổi. Sau [Vương Tiễn] phải đốc quân cả nước mới hạ được. Điều ấy người nước Tần đều biết rõ.

Đến đầu thời Nhị Thế nhà Tần, Hạng Lương phải lập Hoài Vương⁽²⁾ cho đúng danh nghĩa ở trung nguyên để đánh nước Tần. Các chư hầu đều nhờ đó mà mạnh lên.

Chương Hàm, [tuống nước Tần] phá xong quân của Hạng Lương, lẽ ra phải thừa thắng đánh tới, phá cho tan đám quân của Hạng Lương mới phải. Nhưng ngược lại Chương Hàm cho rằng quân của Hạng Lương không có gì đáng ngại, rồi tiến lên phía bắc đánh nước Triệu. Vì đóng quân lâu ngày dưới chân thành vững chắc của Triệu nên lính già sức kiệt. [Trong khi đó] ngoại viện [của Triệu] tới ngày một nhiều hơn, cuối cùng để đến nỗi Tần bị đại bại. Và cũng chính vì mặt Vũ Quan để ngỏ không phòng bị

1. Thời Chiến Quốc, các nước thôn tính lẫn nhau, cuối cùng chỉ còn 7 nước lớn. Phía tây là nước Tần rất mạnh, phía đông là 6 nước Hàn, Yên, Sở, Triệu, Ngụy, Tề. Các nước này luôn bị Tần đe dọa. Sau nhà thuyết khách Tô Tần mách vua 6 nước hợp nhau lại thành một khối theo trục dọc bắc-nam để chống lại Tần, gọi là kế hợp tung.

2. Hoài Vương: tức Sở Hoài Vương, tên là Tâm, cháu của vua Sở tên là Hùng Hòe. Phạm Tăng và Hạng Lương tìm được Tâm trong dân gian, đưa về lập làm vua.

mà Bái Công mới kéo quân vào được⁽¹⁾. Phải chăng ý trời muốn bỏ nhà Tần rồi, chú mưu toan gì mà làm lỡ đến thế?

49. Tề là nước lớn ở Sơn Đông

Tề là nước lớn ở Sơn Đông. Gây trở ngại cho nước Tần, chỉ có Tề mà thôi. Cứ xem việc Chiêu Vương nhà Tần xưng đế mà [chiếu lệnh] không xuống tới nước Tề thì đủ rõ lẽ ấy. Nhưng từ sau khi bị nước Yên đánh thì thế nước của Tề suy dần, không xuống xuất được thuyết "hợp tung" nữa. Do đó người Tần chỉ ngồi khoanh tay mà lấy được 6 nước [Tề, Yên, Hàn, Ngụy, Triệu, Sở]. Như vậy là trận đánh ở phía tây sông Tế⁽²⁾ có quan hệ đến thế lớn "chia" và "hợp" của thiên hạ, chú đâu phải chỉ có quan hệ đến sự thịnh suy của hai nước Yên và Tề mà thôi.

50. Cửa cái đứt lót làm hại người ta quá lắm

Ồi! cửa cái đứt lót làm hại đến nước người ta quá lắm. Sáu nước [Tề, Sở, Yên, Ngụy, Triệu] đánh nhau với nước Tần hơn một trăm năm. Nhà Tần tuy đã dốc toàn bộ binh

1. Mặt Vũ quan tức cửa Hàm Dương. Khi Bái Công kéo quân đến đất Bái Thượng. Vua Tần là Tử Anh ra hàng. Vì khi ấy quân Tần dồn toàn lực vào đánh nước Triệu (do Triệu có quân của Hạng Vũ đến tiếp viện) cho nên Bái Công (sau này là Cao Tổ nhà Hán) dễ dàng kéo quân vào kinh đô Hàm Dương của Tần.

2. Sau trận ở phía tây sông Tế, nước Tề bị nước Yên đánh thua, lấy mất hơn bảy chục thành. Do vậy thế nước của Tề suy yếu dần.

lực mà vẫn không thôn tính được [sáu nước]. Nhưng từ khi Uất Lao Tử⁽¹⁾ nói với [vua Tần]: "Đừng nên tiếc tiền của. [Có dùng tiền của] đút lót cho bọn hào thần để làm loạn mưu lược của chúng, quá lắm cũng chỉ mất ba chục vạn lạng vàng, mà có thể quét sạch được các nước chư hầu". Tần Thủy Hoàng nghe theo [kế ấy] do đó sáu nước lần lượt theo nhau bị bắt làm tù. Quách Khai nhận vàng mà nước Tề đổ⁽²⁾. Hậu Thắng nhận vàng mà nước Tề đổ⁽³⁾. Nền xã tắc sáu bảy trăm năm của sáu nước phải dùng sức lực cả nước giữ gìn vẫn chưa đủ, nhưng lòng tham của một kẻ bề tôi lại du sức phá tan. Thảm hại thay.

Hồ Trai cho rằng Cao Tổ nhà Hán tốn hàng vạn lạng vàng cho Trần Bình⁽⁴⁾ làm kế phản gián để mưu việc đánh nước Sở là vì khi ấy [Cao Tổ] chưa có đất dung thân. Và lại lực lượng của Hán còn thua xa Hạng Vũ. Cho nên phải dùng kế linh hoạt tùy thời ấy. Còn nhà Tần bấy giờ có gì là vạn bất đắc dĩ đâu mà phải dùng kế thâm độc quỷ quyệt ấy. Đây cũng là điều chứng tỏ nhà Tần không có hậu vận.

1. Uất Lao Tử: người thời Chiến Quốc, học trò của Quỷ Cốc, có làm ra sách binh pháp.

2. Nước Tần muốn đánh nước Triệu, nhưng sợ Lý Mục, vị tướng có tài ở vùng biên cương phía bắc nước Triệu, bèn đem nhiều vàng bạc cho Quách Khai, tung tin là Lý Mục làm phản. Vua Triệu tin lời, giết Lý Mục. Nước Triệu liền bị Tần diệt.

3. Hậu Thắng nhận vàng ... ?

4. Trần Bình: người thời Hán, là mưu thần của vua Cao Tổ, có nhiều kế lạ nhất là kế phản gián, được phong là Khúc Nghịch Hầu.

Thời Ngũ Đại, nhà Nam Đường không chống nổi nhà Chu bèn xin thần phục. Phùng Duyên Lỗ⁽¹⁾, bầy tôi của Nam Đường là kẻ tiểu nhân, có thù riêng với Tế tướng Nghiêm Tục, muốn tìm cách hại ông. Nên khi sứ nhà Chu trở về, Lỗ nói với vua Nam Đường rằng: "Hoàng đế đại triều rất ghét Nghiêm Tục, truyền bảo phải giết ngay". Muu thần Chung Mộ biết là ý gian của Phùng Duyên Lỗ, bèn xin [vua Nam Đường] tấu hỏi lại nhà Chu. Lời tâu có đoạn rằng: "... Trước đây đánh lại thiên binh đều là do ở thần ngu muội, còn Nghiêm Tục có can dự gì vào việc ấy đâu..." Vua Thế Tông [nhà Chu xem tờ tâu] giạt mình nói: "Nghiêm Tục là bậc trung thần giúp vua mình, trẫm đâu lại sai người ta giết trung thần?". Lời nói thật là quang minh chính đạo, sáng suốt như mặt trăng mặt trời. Đến thời Thái Tổ nhà Tống, muốn đánh lấy Nam Đường, danh tướng đất Giang Nam chỉ có Lâm Nhân Triệu⁽²⁾. Thái Tổ bèn dùng kế cho vẽ hình của Nhân Triệu [treo ở nhà mình]. Vua Nam Đường không biết đó là kế lừa dối, bèn giết Nhân Triệu. [Thái Tổ nhà Tống] làm như vậy chẳng khác gì kế [đút lót] của nước Tần, nên càng không thể dùng được.

1. Phùng Duyên Lỗ: tự Thúc Văn, có tài văn học, được vua yêu. Thời Lý Cảnh làm Trung Thư xá nhân, thời Văn Đế làm Thừa tướng.

2. Vua Thái Tổ nhà Tống sợ tài Lâm Nhân Triệu, bèn cho vẽ hình Lâm Nhân Triệu treo trong phòng riêng, rồi gọi Tùng Thiện (em vua Nam Đường, bấy giờ làm con tin ở Tống) đến xem và nói: Nhân Triệu sắp hàng rồi, có đưa vật này đến trước làm tin". Lại chỉ vào tòa nhà để không nói: "giành cho Nhân Triệu tòa nhà này". Vua Nam Đường nghe chuyện bèn giết Nhân Triệu. Nam Đường do đó mất vào tay nước Tống.

Ông Quế Đường có nói: "Nhà Tần thôn tính 6 nước, Sở là nước vô tội nhất. Nhà Tống diệt các nước, Nam Đường là nước đáng thương nhất. [Đến đời Nam Tống, tướng Kim là Ngột Truật⁽¹⁾ viết thư sai Tần Cối giết Vũ Mục. Biết đâu đó chẳng phải là quả báo của Nhân Triệu?

51. Muốn thống nhất thiên hạ phải có tài và lượng tâm cỡ thiên hạ

Muốn thống nhất thiên hạ phải có tài và lượng tâm cỡ thiên hạ, như thế mới làm nên việc. Tài là gì? là anh minh phát tiết ra ngoài. Lượng là gì? là biết kiên nhẫn. Có tài để gánh vác công việc, có lượng để giữ chí. Hai cái đó phải hỗ trợ lẫn nhau thì công nghiệp mới tác thành.

Cuối thời Đông Chu, thiên hạ chia cắt, [các nước lớn] đất ngang nhau, đức không thua nhau, không nước nào đứng trên nước nào⁽²⁾, nên cần lấy đức để thu phục lòng người, chứ không thể dùng trí lực mà thắng được. Nếu không dùng đức chinh để lấy lòng người thì không xong. Lý ấy thật rõ ràng. Nhưng Tuyên Vương nước Tề không thế, chỉ lo việc binh đao, làm nguy hại đến quân sĩ, mà lại muốn đắc thắng trong thiên hạ. Điều đó có gì lạ đâu, chỉ

1. Ngột Truật là con thứ của vua Thái Tổ nước Kim, cầm quân đánh nhau với tướng Nam Tống là Nhạc Phi bị thua to, sau thông đồng với Tần Cối (quan đại phu của Nam Tống) giảng hòa với Tống. Lại viết thư cho Tần Cối gọi Nhạc Phi (Vũ Mục) về, vu tội làm phản và giết Nhạc Phi. Nhạc Phi chết, Nam Tống lại bị nước Kim đánh bại.

2. Lời trong *Công Tôn Sửu hạ*, sách *Mạnh Tử*.

vì tài hèn lượng hẹp thôi. Tài hèn nên không mở rộng được quy mô, cú coi nghiệp bá là trên hết. Lượng hẹp nên không kiềm chế được ý muốn, cho vương đạo là chậm chạp. Như thế thì còn nói sao được đến sự nghiệp lớn lao nữa? Không biết xét lại gốc nguồn, cú thế làm mãi không thôi, nên đến đời Mân Vương, nước Yên tập hợp quân các nước Tần, Hàn, Triệu, Ngụy đến đánh, nước Tề không sao chống đỡ nổi⁽¹⁾. Mạnh Tử đoán biết trước là "nước Tề sẽ có tai họa về sau"⁽²⁾. Lời nói ấy đến bây giờ mới nghiệm.

Nhà Tần dốc hết binh lực để thôn tính 6 nước, nhưng chẳng bao lâu dòng dõi 6 nước lại nổi lên diệt nhà Tần. Điều đó chứng thực câu: "Lấy nước Trâu địch lại nước Sở"⁽³⁾ là không sai.

Ồi! đức hóa của Văn Vương⁽⁴⁾ nhà Chu phải trăm năm sau mới thấm khắp thiên hạ. [Như thế] ai chẳng bảo công

1. Thời Mân Vương nước Tề, tướng nước Yên là Nhạc Nghị, cầm quân các nước Triệu, Sở, Hàn, Ngụy đánh bại quân Tề ở phía tây sông Tề. Sau đó các nước rút quân về nước, còn quân của Nhạc Nghị tiếp tục đánh chiếm Lâm Truy, lấy hơn 70 thành của Tề.

2. Lời trong *Lương Huệ Vương thượng*, sách *Mạnh Tử*, khẳng định ý đồ dùng sức mạnh để chinh phục chư hầu của Tuyên Vương nước Tề nhất định sẽ có tai họa về sau.

3. Lời trong *Lương Huệ Vương thượng*, sách *Mạnh Tử*. Trâu là nước nhỏ, Sở là nước lớn. Nước nhỏ không đánh nổi nước lớn. Nước Tần so với 6 nước cũng chẳng khác gì nước Trâu so với Sở.

4. Văn Vương là người nhân đức, có công xây dựng nhà Chu vững mạnh, được nhiều chư hầu tin theo. Sau con là Vũ Vương diệt nhà Ân, thống nhất cả thiên hạ.

hiệu của nhân nghĩa là chậm mà công hiệu của sự trí trá dũng lược là nhanh hơn. Nhưng xem như nhà Tần chuộng trá lược mà cũng phải qua 6 đời vua với hơn một trăm năm mới thống nhất được thiên hạ, thế mà mới chỉ mười lăm sau đã mất nước. Vậy thì dùng "đức" và dùng "lực" đẳng nào nhanh hơn, đẳng nào chậm hơn". Người đời tất nhiên sẽ phân biệt được.

52. Ứng Hầu hỏi Tôn Khanh về nước Tần

Ứng Hầu⁽¹⁾ người nước Tần hỏi Tôn Khanh⁽²⁾: "[Ông] vào nước Tần thấy thế nào?" [Tôn Khanh] trả lời: "Nước Tần hiểm trở, hình thế tiện lợi, núi rừng sông lạch đẹp, nguồn lợi lâm thổ sản, thủy sản nhiều. Vào trong nước coi xem phong tục, thấy nhân dân chất phác thật thà, âm nhạc không dâm loạn, ăn mặc không cầu kỳ, biết sợ và nghe theo nhà chức trách. Vậy là còn giữ được lễ thói đời xưa. Đến các đô ấp công sở thấy quan lại nghiêm chỉnh, người nào cũng cung kính, kiệm ước, trung tín. Vậy là [còn giữ được cốt cách] quan lại thời xưa. Tới kinh đô thấy các sĩ đại phu, lúc ở nhà ra là vào thẳng công đường, ra khỏi cửa công đường là về thẳng nhà, không lo việc riêng, không kéo bè kết đảng, ai cũng sáng suốt và công bằng. Vậy là [còn giữ được nền nếp] triều đình đời xưa. Cho nên nhà Tần truyền đến bốn đời mà còn mạnh. Đó không phải là

1. Ứng Hầu: tức Phạm Thư. Xem ct. 2, tr. 137.

2. Tôn Khanh: tức Tuân Khanh, Tuân Huống người nước Triệu thời Chiến Quốc.

vận may mà là do số. Đây là những điều tôi thấy được [ở nước Tần]. Nhân rồi mà được yên trị, giản ước mà tường tận, không phiền phức mà được việc. Đó là đỉnh cao của việc trị nước. Nhà Tần đại loại như thế. Nhưng so sánh với công lao của bậc vương giả thì chưa bằng. Có lẽ là vì nhà Tần không dung nho học chẳng.

Than ôi! Vương đạo cao xa lắm, không bàn nữa. Nhưng ngay cái gọi là "công lợi" và "giàu mạnh" của nghiệp bá cũng không phải việc dễ dàng. Mọi người chỉ biết: "Nhà Tần dùng trí lực và mưu mô xảo trá để chế ngự sáu nước" mà không biết rằng cách chinh đốn hàng ngũ quan lại, cách cai trị nhân dân cũng có đường lối riêng. Nhà Tần tuy không tu tình về đường nhân nghĩa, nhưng về cách duy trì nền thống trị thì lại rất có kỷ cương phép tắc. Còn sáu nước thì trái lại [có làm được như thế đâu], thế thì sao mà không bị nhà Tần thôn tính? [Nhà Tần] từ đời vua Hiếu Công⁽¹⁾ trở xuống, qua bốn năm đời vua sau nữa, vốn chỉ có một mảnh đất cón con mà trở nên có quyền hành của một nước lớn có hàng vạn cỗ xe chiến, binh lực mạnh hơn chu hầu, uy thế trùm thiên hạ, dân không khốn khổ, nước không thiếu thốn. Điều đó đâu phải những kẻ hay bàn chuyện cao xa và chỉ ưa thích cái đẹp có thể làm được. Tiếc rằng Tần Thủy Hoàng⁽²⁾ ham danh, hiếu sự, không

1. Hiếu Công: người sử dụng Thương Ưởng, làm cho nước Tần giàu mạnh.

2. Tần Thủy Hoàng: người thôn tính 6 nước, thống nhất Trung Quốc.

biết khoan hòa, bình tĩnh để thu hút lòng người, nên vừa khởi sự đã dùng ngay chính sách nóng vội phiến toái để đến nỗi cội gốc lung lay, tinh hoa khô héo, rơi vào thế không sao khôi phục lại được nữa?

53. Chiêu Vương đã nghĩ xa đến cơ sự nhà Tần...

Nhà Tần diệt được 6 nước [Yên, Hàn, Tề, Sở Ngụy, Triệu] đều do công lao của cha con Vương Tiễn⁽¹⁾ Vương Bí⁽²⁾, đánh được Hung Nô đều là sức lực của anh em Mông Diêm⁽³⁾, Mông Nghị⁽⁴⁾. Các bậc tướng kỳ cựu còn thì khi có việc khẩn cấp còn có chỗ dựa. Nhưng khi Tiễn và Bí đều mất, Diêm và Nghị cũng bị Nhị Thế⁽⁵⁾ giết hại, các đại thần và mưu sĩ tan tác gần hết thì bọn lính thú hồ lên một tiếng là chu hầu bốn mặt đều nổi dậy ngay⁽⁶⁾, mà khi ấy nhà Tần chỉ còn trông vào có một mình Chương Hàm⁽⁷⁾

1;2. Vương Tiễn (cha), Vương Bí (con) là hai danh tướng nhà Tần thời Thủy Hoàng Đế.

3;4. Mông Diêm (anh), Mông Nghị (em) là hai danh tướng nhà Tần thời Thủy Hoàng Đế. Sau khi Thủy Hoàng mất, cả hai anh em đều bị Triệu Cao bắt rồi tự sát.

5. Nhị Thế: vua kế vị Thủy Hoàng Đế.

6. Trần Thắng, tự là Trần Thiệp người nước Sở, bị nhà Tần bắt đem quân đồn trú ở Ngưu Dương. Thắng hô hào binh lính nổi dậy chống Tần rồi tự lập làm vua Sở. Sau cùng với Ngô Quảng đem quân đánh kinh đô Tần. Do đó chu hầu đều nổi dậy, như Hạng Vũ, Lưu Bang kế tiếp nhau nổi lên đánh Tần.

7. Chương Hàm: danh tướng nhà Tần, thời Nhị Thế. Sau bị Cao Tổ nhà Hán đánh bại phải tự sát.

ngược xuôi chống đỡ. Thế và lực đều đã sút kém cả rồi, còn sao chống đỡ nổi? Trong không có tướng tài, ngoài lắm nước thù địch. Chiêu Vương⁽¹⁾ [nhà Tần] đã nghĩ đến cơ sự này rồi.

54. Chương Hàm chống trả Hạng Vũ

Vua Nhị Thế nhà Tần vét hết binh lực cả nước giao cho Chương Hàm⁽²⁾ để chống trả Hạng Vũ⁽³⁾ nước Sở. Vậy là vận mệnh cả nước hệ thuộc vào Chương Hàm. [Thế mà] khi sứ giả của Chương Hàm về Hàm Dương trình việc lại bị Triệu Cao⁽⁴⁾ ngăn trở, ba tháng ròng không gặp được vua. [Vua] bị bung bít đến thế, làm gì mà chẳng mất nước?

55. Nếu để mất lòng dân thì mất nước

Sử chép: Cao Tổ nhà Hán [khi còn là dân thường đi phu dịch] đến Hàm Dương được thỏa thích ngắm nhìn Hoàng Đế nhà Tần bỗng ngậm ngùi thở dài mà rằng: "Than

1. Chiêu Vương: vua nhà Tần thời Chiến Quốc, ở ngôi từ năm 306 đến năm 254, TrCN.

2. Chương Hàm: xem ct. 7, tr. 162.

3. Hạng Vũ: tự là Tịch, lãnh tụ nghĩa quân thời cuối nhà Tần, có công đánh tan quân chủ lực của Tần do Chương Hàm chỉ huy, tự xưng là Tây Sở Bá Vương. Nhà Tần bị diệt, Hạng Vũ tranh nhau thiên hạ với Lưu Bang (Cao Tổ nhà Hán sau này) bị thua, tự tử chết.

4. Triệu Cao: thừa tướng nước Tần thời vua Nhị Thế. Bấy giờ Chương Hàm cầm quân vây thành Cự Lộc, bị Hạng Vũ đánh thua mấy trận. Nhị Thế cho người trách, Chương Hàm sai Tư Mã Hân về Hàm Dương trình việc, bị Triệu Cao ngăn trở không cho gặp vua.

Ồi! bậc đại trượng phu nên như thế". Khi Thủy Hoàng đi tuần sang phía đông, đến đất Cối Kê, Hạng Tịch trông thấy nói với Hạng Lương⁽¹⁾: "người kia có thể bắt rồi lên thay".

Cho hay dầu là vua [một nước] có hàng vạn cỗ xe chiến, oai linh, khí thế hiên hách nhưng chưa bao giờ hết kẻ lăm lét [muốn giết] ở ngay bên cạnh. Người làm vua coi gương ấy cũng nên cẩn thận xem chừng. Nếu biết sửa sang đức chính để thu phục lòng người, thì anh hùng trong thiên hạ sẽ nguyện đi theo, sợ như sấm như sét, kính thờ như thần linh, còn ai dám đem lòng nom dòm [phản trắc] nữa.

Kinh Thu có câu: "Ta xem ra trong thiên hạ [nếu để mất lòng dân] thì một gã đàn ông ngu hèn, một người đàn bà dốt nát cũng thắng được ta. Một người gây nhiều tội lỗi thì sự oán giận đâu phải đợi đến lúc vô lễ ra mới hay, mà phải lo toan sửa chữa ngay từ lúc mọi sự chưa nảy sinh"⁽²⁾. Xưa nay làm gì có kẻ gây oán mà không bị tai họa. Thủy Hoàng lúc đầu gặp Kinh Kha⁽³⁾, sau gặp Cao Tiêm Ly⁽⁴⁾, sau cùng gặp Trương Lương⁽⁵⁾. Bao nhiêu oán

1. Hạng Lương: tướng nước Sở, là chú Hạng Vũ. Vào cuối đời Tần, Trần Thiệp khởi binh chống Tần. Lương và Vũ cũng khởi binh hưởng ứng. Sau bị tướng nhà Tần là Chương Hàm đánh bại.

2. Lời trong *Ngũ tử chí cơ, Kinh Thu*.

3. Kinh Kha: thích khách thời Chiến Quốc, được thái tử Đan nước Yên sai sang nước Tần giết Thủy Hoàng, việc không thành, bị giết.

4. Cao Tiêm Ly: người giỏi đánh đàn trúc, đã cầm đàn đánh vào đầu Thủy Hoàng, báo thù cho nước Yên, nhưng không trúng, bị bắt và bị giết.

5. Trương Lương: xem ct. 1, tr. 122..

thù chồng chất vào một mình [Thủy Hoàng] rõ rệt như thế [sao khỏi mang họa]? Cho nên thánh nhân nói rằng: "Tiên Vương xưa trị thiên hạ không dám bỏ sót bề tôi một nước nhỏ nào, huống chi các vị công, hầu, bá, tử, nam, vì vậy được dân muôn nước vui lòng". Nói thế đâu phải quá lời.

56. Khí phách của Sở Hạng Vũ và Hán Cao Tổ

Hạng Vũ vừa vào Hàm Dương⁽¹⁾ bụng đã nghĩ đến việc về đông⁽²⁾, và có lời than: "áo gấm đi đêm"⁽³⁾. Sao mà [suy nghĩ] nông cạn thế.

Cao Tổ đóng đô ở ấp Lạc⁽⁴⁾, gần đất Sơn Đông⁽⁵⁾, vừa nghe Lâu Kính⁽⁶⁾ khuyên, liền dời xa giá ngay trong ngày về Quan Trung. Khi phá xong quân Anh Bố⁽⁷⁾, về tới Bái

1. Hạng Vũ đánh vào Hàm Dương, kinh đô nhà Tần.

2. Hạng Vũ quê ở miền đông, nên chỉ nghĩ đến việc trở về quê cũ.

3. Hàn Sinh khuyên Hạng Vũ đóng đô ở Quan Trung, lợi dụng hình thế xây dựng nghiệp bá. Nhưng trong lòng Hạng Vũ chỉ muốn trở về quê hương nên nói rằng: "giàu sang mà không về làng cũ khác nào người mặc áo gấm đi đêm, chẳng ai biết đến".

4. Ấp Lạc: tức Lạc Dương thuộc tỉnh Hà Nam.

5. Sơn Đông: vùng đất phía đông Hào Sơn.

6. Lâu Kính: một lĩnh thú ở Lũng Tây, được Cao Tổ nhà Hán cất nhắc cho làm Lang trung, đã giúp Cao Tổ ba kế lớn: 1. Đóng đô ở Quan Trung, 2. Hòa thân với Hung Nô, 3. Dời hào kiệt các nước vào đất Quan Trung.

7. Anh Bố: vốn là công thần của Cao Tổ nhà Hán, được phong là Hoài Nam Vương.

Cung⁽¹⁾ là gõ phách hát vang bài ca xa nhớ các mảnh sĩ. Lòi lẽ lâm ly hào hùng, không chút vấn vương làng cũ. Khi phách hai người thật khác hẳn nhau.

57. Cuốn Tố thư của Hoàng Thạch Công

Cuốn *Tố Thư*⁽²⁾ của Hoàng Thạch Công nói về phép sửa mình trị nước, không điều gì là không đầy đủ, lại rành mạch về tình người lẽ vật. Từ Phòng được sách ấy dùng vào việc giúp Cao Tổ nhà Hán, cho đến hết đời không hết [lời sách dạy]. [Thế mà] họ Triệu⁽³⁾ nhà Tống lại cho sách ấy là tạp nham, không hệ thống, là tầm thường nông cạn và còn ngờ là người đời sau thêm đặt ra. Ôi! sách ấy mà cho là tầm thường nông cạn thì còn sách nào sâu rộng

1. Bái Cung: thuộc huyện Bái, tỉnh Giang Tô, quê hương của Cao Tổ nhà Hán. Khi về qua Bái Cung Cao Tổ mở tiệc rượu khao thưởng phụ lão. Rượu say, Cao Tổ gõ phách hát rằng: "Gió lớn thổi, mây bay bay, oai hùng trùm bốn bể, về quê nhà sao còn tướng sĩ hùng tráng giữ sơn hà..."

2. Trương Lương (tức Từ Phòng) gặp một ông già bên cầu Di Kiều. qua mấy lần hẹn gặp thử thách, Trương Lương được ông già cho cuốn sách để giúp đời, và hẹn rằng sau này làm nên sự nghiệp rồi thì mang sách trả lại. Sau khi giúp Cao Tổ nhà Hán yên định thiên hạ. Trương Lương mang sách đến chỗ hẹn để trả thì chỉ thấy một hòn đá vàng (hoàng thạch). Vì vậy người đời gọi ông già là Hoàng Thạch công (ông Đá Vàng). Thời Tống cũng xuất hiện một cuốn *Tố Thư*, không biết có phải là sách của Hoàng Thạch Công cho Trương Lương hay sách giả.

3. Họ Triệu: Triệu Công Vũ, người đời Tống, thi đỗ tiến sĩ, làm quan tới chức Phu văn các, Trục học sĩ, tác giả của các sách: *Quận Trai độc thư chí*, *Chiêu đức văn tập*, *Chiêu đức dịch huấn hủ truyện*.

hơn? Nếu chỉ bàn cao xa về tính mệnh, lại mệnh mang không chủ đích, khi đưa ra dùng không giúp được gì thì cái sâu rộng ấy quý ở chỗ nào?

58. Việc thu dùng hiền tài cốt ở tấm lòng

Người hiền tài nhiều lắm. Song thường là họ ẩn náu nơi thôn dã, hoặc mai một trong đám dân quê mà người đời không ai biết đến. Vậy thì bằng cách nào để thu dùng họ? Việc khoa cử, tiến hiền, tập ám chỉ là đặt ra những phép lớn thôi, không thể thu dùng được hết hiền tài. Dùng người hiền cốt ở lòng vua. Vì lòng vua là chỗ thiên hạ dồn mắt nhìn vào. Nghe một việc được hỏi là đoán ra lòng vua rộng hẹp, xem một người được đãi là đoán ra lòng vua hậu bạc. Lòng vua hướng vào đâu có quan hệ đến sự theo hay bỏ [của thiên hạ] Cho nên rộng rãi cởi mở thì người ta vui lòng nói ra; yêu quý thể tất thì người ta tự nguyện đi theo. [Muốn cho] hiền tài được đem dùng, lòng trung được tỏ bày, không có cách nào khác, chỉ ở lòng vua thôi. *Mạnh Tử* nói: "[Một người] nếu không ưa điều hay lẽ phải thì sẽ [tự đắc] nói rằng: "khà khà, ta đã biết cả rồi". Khẩu khí và dáng điệu ấy sẽ cự tuyệt người tài từ mái ngoài ngàn dặm kia rồi"⁽¹⁾.

Ôi! có phải họ cự tuyệt người hiền thật đâu, chỉ là do ý hướng của họ thế nào thôi. Cứ xem như vào năm đầu nhà Hán, mưu thần, thạc sĩ đâu ít, nhưng việc đóng đô ở

1. Lời trong thiên *Cáo Tử hạ*, sách *Mạnh Tử*.

đất Quan Trung để chiếm nơi hình thế [hiểm yếu]; việc đòi hào kiệt [về Quan Trung] để trừ kẻ gian tà giao hoạt; việc hòa với Hung Nô để tắt mối lo ngoài biên. Cả ba việc ấy đều là việc then chốt quan trọng thời ấy. Thế nhưng đâu mỗi lại đều từ Lâu Kính ra cả, mà khi ấy Lâu Kính⁽¹⁾ chỉ là một lính thú tầm thường trong quân ngũ. Nếu Cao Tổ không phải người rộng rãi cởi mở, trọng người hiền, kính kẻ sĩ thì Lâu Kính đâu dám ngang nhiên xin vào yết kiến, và một lần yết kiến đâu dám nói hết ý mình? Nếu Lâu Kính không tự xin vào yết kiến thì ai biết Lâu Kính có hoài bão mà cất nhắc từ đám quân ngũ, tiến cử lên chốn triều đình? Vì lẽ đó, thấy rằng thu dùng hiền tài là việc cần trước hết trong việc trị nước, mà bản lĩnh của nó cốt ở tấm lòng, chứ không thể cứ khăng khăng dựa vào lệ thường được.

59. Hạng Vũ nước Sở và Cao Tổ nhà Hán cất đất phong cho các tướng và dòng dõi

Hạng Vũ chia thiên hạ để phong vương cho dòng dõi 6 nước và cho tướng sĩ của mình không hề nuối tiếc. Nhưng riêng với hai người bề tôi là Chung Ly Muội⁽²⁾ và Chu Ân⁽³⁾ cuối cùng lại không được tí đất phong nào.

1. Lâu Kính: xem ct. 6, tr. 165.

2. Chung Ly Muội: danh tướng của Hạng Vũ.

3. Chu Ân: quan đại tư mã của Hạng Vũ, sau phân lại nước Sở, theo nhà Hán.

Cao Tổ tiếng là người cùng chung mối lợi với thiên hạ, nhưng Cao Tổ có bỏ ra mấy trăm dặm đất, cũng nào có mất cho ai xa lạ, mà chính là cho các tướng Hàn Tín⁽¹⁾ và Bành Việt⁽²⁾. Còn con cháu 6 nước thì một tác cũng không cho. Sự thân sơ, hậu bạc trái ngược nhau như thế cho nên được việc với không được việc có sự khác nhau là do đó.

60. Hàn Tín sau khi được phong vương

Sau khi được phong vương ở nước Tề, Hàn Tín sai ngay Quán Anh⁽³⁾ đem một cánh quân đánh bại quân Sở ở phía bắc nước Lỗ, rồi chuyển sang phía nam phá quận Tiết; vượt sông Hoài hàng phục hết các thành ấp; tiến đánh đất Hạ Bì, dụ hàng Bành Việt, bắt sống Hạng Đà⁽⁴⁾, bình định đất Bái Tiêu, đánh đất Khố Tiêu, bắt Ấ tướng nước Sở⁽⁵⁾. Hội quân với Hán Vương ở Di Hương xong, lại theo [Hán Vương] đánh Hạng Vũ ở đất Trần Hạ. [Thế

1. Hàn Tín: Bấy giờ Hàn Tín là một danh tướng và là công thần bậc nhất của Lưu Bang, Cao Tổ nhà Hán.

2. Bành Việt: tự là Trọng, trước theo Hạng Vũ, sau bị Hàn Tín dụ hàng, về với nhà Hán và trở thành danh tướng. Khi Hàn Tín bị Cao Tổ giết, Bành Việt cũng bị chu di tam tộc.

3. Quán Anh: danh tướng của Cao Tổ nhà Hán, được phong Đinh Âm Hầu. Sau lại có công cùng Trần Bình, Chu Bột dẹp họ Lã, lập Văn Đế, khôi phục lại nhà Hán. Làm quan tới chức Thái úy, rồi Thừa tướng.

4. Hạng Đà: Quan Tru quốc của Hạng Vũ.

5. Ấ tướng nước Sở ?

là] Quán Anh đã vòng ra sau lưng quân Hạng Vũ, phá vỡ sào huyệt, lay đổ cả gốc lẫn rễ của Hạng Vũ. Còn Hán Vương thì đuổi theo Hạng Vũ đến đất Cố Lăng, đem đại quân chặn phía trước. Cả hai đạo chính binh và kỳ binh đã dăng dịch ra để đánh. Đó là mẹo dùng binh rất giỏi. Cho nên chỉ một trận mà Hạng Vũ phải chết. Xem truyện Quán Anh sẽ rõ thêm việc này.

61. Nguồn gốc câu: "... chim hết thì cung bị bỏ xó"

Hàn Tín dẹp xong nước Tề là một mặt túc khắc sai ngay Tào Tham⁽¹⁾ chia quân quét nốt những chỗ Tề còn chưa quy phục, một mặt sai Quán Anh⁽²⁾ đánh úp, phá kinh đô của Hạng Vũ. Vốn không phải Hàn Tín ngồi yên không lo tiến thủ, mà dự định sau khi phân phó công việc cho các tướng xong xuôi sẽ cho quân đến hội ở Cai Hạ. Như thế là có tài nhanh nhẹn nhảy bén lắm rồi. Còn việc chưa đến được Cố Lăng, thiết tưởng bấy giờ [Hàn Tín] bố trí công việc chưa xong, chứ không có ý gì khác. Và lại hòa ước ký xong là chư hầu đều kéo nhau về cả. Thế mà Cao Tổ lại muốn tiến quân đuổi đánh Hạng Vũ ngay. Hẹn hội quân quá gấp, hai tướng đến sao kịp? Trương Lương không hiểu được lẽ ấy, vội bảo Cao Tổ chia đất [phong

1. Tào Tham: người cùng Tiêu Hà nổi dậy giúp Cao Tổ nhà Hán. Sau khi Tiêu Hà chết, Tào Tham lên thay làm Tế tướng.

2. Quán Anh: xem ct. 3, tr. 169.

cho Tín và Việt] để mượn quân của họ. Giữa vua và tôi mà đối xử với nhau bằng thủ thuật, ràng buộc nhau bằng mối lợi thì đâu phải là đạo có thể sống yên ổn với nhau lâu dài được. Trương Lương còn nói thêm: "Nếu không [phong đất cho Tín và Việt] thì việc chưa biết [sẽ ra sao]. Như vậy là lấy lời nói xa xôi dọa nạt vua mà ngầm gây mầm tàn sát. Tín, Việt còn sao giữ được vẹn toàn nữa? "... Chim hết thì cung bị bỏ xó"(1). Câu ấy là do lời nói của Lưu Hầu(2).

62. Nguyên do làm phản của Hàn Tín và Kinh Bó

Bí Hách(3) cáo giác Kinh Bó(4) làm phản. Vua hỏi Tiêu Hà(5). Tiêu Hà nói: "Bố không thể như vậy, e có kẻ thù oán vu bậy, xin hãy trời Bí Hách lại rồi sai người đến Hoài Nam(6) điều tra [xem sao]". Bấy giờ Bó đã nghi ngờ Hách

1. Cao Tổ nhà Hán nghi ngờ Hàn Tín làm phản, theo kế của Trần Bình bắt Hàn Tín. Hàn Tín than thở rằng: "Thỏ chết thì chó săn bị thịt, chim hết thì cung bị bỏ, nước địch bị phá thì mưu thần bị giết".

2. Lưu Hầu: Trương Lương được phong hầu ở đất Lưu, nên gọi là Lưu Hầu.

3. Bí Hách: quan Trung đại phu của Kinh Bó. Sau được Hán Cao Tổ cho làm tướng quân rồi phong làm Kỳ tư hầu.

4. Kinh Bó: tức Anh Bó, vì mắc tội kinh, nên sau gọi là Kinh Bó. Về với Hán Cao Tổ được phong là Hoài Nam Vương.

5. Tiêu Hà: công thần nhà Hán, phù tá Cao Tổ Lưu Bang từ lúc mới khởi sự, làm quan tới chức Thừa tướng.

6. Hoài Nam: đất phong của Kinh Bó.

nói những việc kín trong nước ra, lại thấy sứ nhà Hán đến, có ý dò xét, mới phát binh làm phản.

Có người cáo giác Hàn Tín làm phản, vua hỏi Trần Bình⁽¹⁾. Trần Bình nói: "Chỉ cần vờ ra chơi Vân Mộng, tất Tín phải ra ngoài cõi đón, Bệ hạ nhân đó bắt lấy". Vua bèn hội chư hầu ở đất Trần, bắt Tín đem về. Tín và Bố, hai người đều chưa hề có ý làm phản. Bố làm phản chẳng qua do mối ngờ chồng chết, lại thêm vào đó là sự sợ hãi.. Đó là sự thế bắt buộc Bố. Tiêu Hà gỡ tội cho Bố, lời nói khoan hậu, ôn hòa thay. Còn Tín thì vừa đến chỗ đất được phong, có bày bố quân ra vào. Nhưng vốn chẳng có ý gì khác. Trần Bình mới nghe vua hỏi, lẽ ra phải suy xét lòng dạ của Tín [xem thế nào], rồi xin tra xét lại để răn những cái miệng vu oan và để yên lòng công thần [mới phải]. Song [Bình] lại không làm cho rõ lẽ mà vạch ngay kế hãm hại Tín. Sao mà nhẫn tâm thế? Và lại bấy giờ đã đoán biết Tín nghe tin thiên tử ra chơi, thế nào cũng sẽ ra ngoài cõi đón, vậy mà còn nỡ bắt sao?

Xem đoạn này thấy lòng dạ của hai người [Tiêu Hà và Trần Bình] khác nhau nhiều lắm. [Cho nên] con cháu Tiêu tiếp nối nhau được phong thưởng, còn con cháu Trần Bình thì không ai làm nên được. Ai dám bảo sự báo ứng là xa xôi mù mịt!

1. Trần Bình: xem ct. 4, tr. 156.

63. Thúc Tôn Thông

Lường Sinh⁽¹⁾ chê Thúc Tôn Thông⁽²⁾ thờ đến mười chủ, và đều nhờ xu nịnh mà được thân quý. Thực ra Thông không phải là người xu nịnh. Trong lần ngăn Cao Tổ có ý đổi Thái tử, lời can của ông thật là thẳng thắn. Còn việc [khuyên vua] dựng nguyên miếu⁽³⁾, tuy không hợp đạo lễ, nhưng cũng còn hơn người cứ lặng lẽ chẳng nói gì.

Thông nguyên trước là một thư sinh ra làm quan nhà Tần, chứ không phải dòng dõi các nhà quan to họ lớn. Nếu cứ một mực dốc hết lòng trung với triều đình vô đạo, rồi lấy lời nói thẳng mà chuốc lấy tai họa thì chẳng phải là điên dại sao? Cho nên [Thông] chịu lui để thoát thân là người có trí. [Sau đó có gửi thân ở các nước, nhưng không nước nào đáng tin cậy, cuối cùng gặp Cao Tổ, phận vua tôi được định rõ, Thông mới dốc hết lòng trung, gắng hết tâm sức, đặt ra chế độ lễ nghi cho nhà Hán dùng tới

1. Lường Sinh người nước Lỗ, từ chối lời mời của Thúc Tôn Thông ra giúp nhà Hán, đặt lại triều nghi, đã mắng Thông là xu nịnh thay thầy đổi chủ.

2. Thúc Tôn Thông: hiệu Tác Tự Quân, người ấp Tiết, thời Cao Tổ nhà Hán. Khi Cao Tổ bình định xong thiên hạ, Thông giúp nhà Hán trưng tập các nho sinh nước Lỗ cùng định ra triều nghi và cùng nhau tập dượt. Nhờ triều nghi đó mà chư hầu ngày càng thêm tôn kính Cao Tổ. Thông được thăng chức Thái phó. Khi Cao Tổ ốm nặng, có ý thay Thái tử, Thông dẫn chuyện xưa nay, cố chết can ngăn, giữ vẹn toàn ngôi Thái tử.

3. Thúc Tôn Thông nói với Huệ Đế dựng thêm miếu nữa ở phía bắc sông Vị để thờ Hán Cao Tổ.

400 năm, tiếng tăm truyền mãi đến đời sau. Có thể gọi Thông là người biết chọn vua. Người bình có thể khoan thứ cho ông được.

64. Nỗi oan của Hoài Âm Hầu

Hoài Âm Hầu⁽¹⁾ tài cao biết rộng, chí khí khảng khái. Lúc đèn ơn báo nghĩa không quên thuở dân thường⁽²⁾. Thật là người biết giữ điều "nghĩa". Thế mà người đời lại nói Tin, Bó⁽³⁾, Việt⁽⁴⁾ là ba người cùng công trạng, chung bản chất. [Thực ra] Bó là một dũng phu, Việt là một hiệp khách giang hồ, sao bằng Tin được? Sù chép: Tin xui Trần Hy⁽⁵⁾ làm phản, e rằng đó toàn là sao lại lời cáo giác của người nhà Tin, chứ không đúng sự thực. Thái Sử Công trong truyện Trần Hy chép: "Có lần Hi xin về, nhưng đã qua nước Triệu, lại về nước Đại. Chu Xương⁽⁶⁾ trông thấy nói với vua rằng: Tân khách của Trần Hy đông lắm, [Hy]

1. Hoài Âm Hầu: Hàn Tín được phong tước hầu ở đất Hoài Âm nên gọi là Hoài Âm Hầu. Xem thêm ct. 4, tr. 137; ct. 1, tr. 140; ct. 1, tr. 169.

2. Hàn Tín lúc còn hàn vi, thường được bà mẹ giặt vải bên sông cho ăn. Sau này được vinh hiển, Tín nghĩ ngay đến việc đền ơn những người đã giúp mình như bà mẹ giặt vải.

3. Bó: tức Kinh Bó hay Anh Bó.

4. Việt: tức Bành Việt.

5. Trần Hy: quan Thái thú ở Cự Lộc, nổi dậy chống lại Cao Tổ nhà Hán ở đất Đại. Sau bị Cao Tổ giết ở Hàm Đan.

6. Chu Xương: Bề tôi của Cao Tổ nhà Hán, làm tướng quốc cho Triệu Vương Như Ý.

lại nắm giữ quân ở ngoài, e sẽ có biến loạn. Vua bèn sai người xem lại các án cũ, thấy những việc phạm pháp khi Trần Hy còn ở đất Đại, phần nhiều có liên quan đến Hy. Hy lấy đó làm sợ. [Cho nên khi] Cao Tổ sai người triệu Hy về, Hy liền cáo ốm nặng rồi cùng bọn Vương Hoàng⁽¹⁾ làm phản". Ngọn ngành, năm tháng ghi rõ rành rành. Hy làm phản là do Chu Xương kích động, chứ đâu phải Hy đã có sẵn âm mưu với Tín. Và lại Tín biết rõ Trần Hy là bề tôi thân tín của vua, [còn mình] đang khốn đốn vì bị phế chức, mà đi xui người ta làm phản, chắc gì người ta nghe theo, mà không lo người ta tố giác mình? Hơn nữa Tín hiểu Cao Tổ được thiên hạ là do trời cho, chứ không phải nhờ sức người. vậy mà lại muốn giúp Trần Hy, bảo Hy là có thể lấy được thiên hạ. Lẽ nào Hàn Tín lại ngu đến như thế? Huống chi trong truyện Trần Hy có chép: "Không hiểu thế nào, mà khi ở Bình Thành về, vua phong ngay cho [Hy] làm Liệt thần. [Nhu vậy] thì khi Hoài Âm Hầu còn nắm giữ binh quyền, Hy vẫn chỉ là một tướng nhỏ không tên tuổi và chưa hề dưới quyền chỉ huy của [Hoài Âm Hầu]. Thế mà vừa gặp nhau đã nói hết lời và giục Hy làm phản. Tưởng rằng [như thế] không hợp với lẽ thường. Kẻ cáo giác lại bảo là Tín mưu toan với gia thần, đương đêm giả tờ chiếu tha cho các quan mắc tội đi đày,

1. Vương Hoàng: Người cùng Trần Hy chống lại Cao Tổ nhà Hán. Vương Hoàng cầm quân đánh thành Liễn, bị tướng nhà Hán là Quách Mông phá tan.

rồi muốn dùng họ nổi dậy đánh úp Lã Hậu⁽¹⁾. [Công việc] sắp đặt xong xuôi đâu vào đấy, chỉ còn đợi tin của Trần Hy báo về nữa thôi.

Ồi! thực chất việc này ra sao? Cứ cho mọi việc đã sắp xếp xong xuôi đâu vào đấy đi nữa, thì việc đợi tin báo từ ngoài ngàn dặm đưa về, liệu có thể giữ khỏi tiết lộ được không? Với hiểu biết của Hoài Âm Hầu không thể nào có việc làm như thế. Nổi oan của người tôi trung nghìn đời không dải tỏ được. Nay xin biện bạch họ.

Hổ Trai thấy rằng hai đoạn bàn về Hàn Tín rất hay. Đoạn trước nói: Lời nói của Trương Lương khơi dậy lòng nghi kỵ các tướng của Cao Tổ nhà Hán. Thật đúng thế, ngặt vì nổi một vị vua anh minh chỉ có thể cùng bàn về điều lợi hại mà thôi. Thiết nghĩ Hàn Tín giỏi trong việc dùng binh mà ngu dại chỗ vì mình. Nguyên do Tín bị giết là ở việc xin làm vua nước Tề, và sau khi Lịch Sinh⁽²⁾ đã hàng phục nước Tề rồi, [Hàn Tín] lại vẫn đem quân đánh nước Tề. Thế là một đảng thì tranh công với bề tôi, một đảng tranh đất với vua. Cao Tổ còn dùng thế nào được nữa? [Xét ra thì] việc đánh nước Tề là do Khoái

1. Lã Hậu: Hoàng hậu của Cao Tổ nhà Hán. Sự việc đánh úp xảy ra lúc Cao Tổ đang mang quân đánh Trần Hy.

2. Lịch Sinh: tức Lịch Tự Cơ, mưu sĩ của Cao Tổ nhà Hán, thường làm sứ giả đi du thuyết chư hầu. Tự Cơ sang thuyết vua Tề là Điền Quang quy hàng nhà Hán. Vua Tề ưng thuận. Nhưng sau đó Hàn Tín lại mang quân đánh úp Tề. Vua Tề tức giận cho Tự Cơ lừa mình liền thả Tự Cơ vào vạc dầu.

Thông⁽¹⁾ xui nên, Khoái Thông mới chính là người dẫn Tín đến chỗ làm phản. Xui Tín đánh nước Tề, trước hết là tạo [cho Tín] cái thế không thể không làm phản. Thế mà Tín không hiểu ra. Đáng thương lắm thay.

Nói tóm lại, Hàn Tín, Bành Việt, hai người tuy không có ý làm phản, nhưng ý chí và hành động của họ đều không phải của người làm tôi làm tướng. Nếu có một nước nhu của Úy Đà⁽²⁾ ngày trước để cho họ ở, thì họ cũng yên phận. Nhưng không có như thế thì họ sao tránh khỏi sự u uất? Và lại Hoài Âm là nơi hình thế hiểm trở của nước Sở, rộng có vài ngàn dặm mà đặt hai ba anh hùng vào đó, Cao Tổ đêm nằm không yên, liệu có bỏ qua được không? Do đó, người công thần không giữ vẹn được trước sau, cũng là số trời xui nên vậy.

65. Thuật dùng tướng của Cao Tổ nhà Hán và tài dùng binh của Hàn Tín

Hạng Vũ⁽³⁾ vốn là tướng của Hoài Vương⁽⁴⁾. Nhưng vừa diệt xong nước Tần là Hạng Vũ chuyên quyền, tự xưng

1. Khoái Thông: tức Khoái Triệt, người đã dùng thuật xem tướng vào thuyết phục Hàn Tín đánh nước Tề và chống lại nhà Hán.

2. Úy Đà: tức vua Nam Việt, Triệu Đà.

3. Hạng Vũ: xem ct. 3, tr. 163.

4. Hoài Vương: tức Sở Hoài Vương, tên là Tâm, cháu của Sở Hoài Vương thời Chiến Quốc, được Hạng Lương tôn làm Minh chủ nghĩa quân. Hạng Vũ tôn làm nghĩa đế. Ít lâu sau Hạng Vũ lại đuổi Hoài Vương đi, rồi sai Anh Bố giết chết.

vương rồi đuổi vua của mình đi. Đó là do Hạng Vũ được một mình nắm giữ trọng binh dẫn đến việc ấy.

Cao Tổ nhà Hán soi gương đó, cho nên dẫu có sai Hàn Tín đi đánh dẹp, [Cao Tổ] vẫn tìm cách kiềm chế [Tín]. Mỗi khi [Tín] đánh chiếm xong thành ấp nào, [Cao Tổ] đều sai tướng khác đến thu tinh binh. Khi đến Huỳnh Dương, [Cao Tổ] hai lần vào thành cướp lấy quân là có ý phòng ngừa Tín. Trong trận đánh nước Triệu, Tín đã nói: "Các quan tướng không phải những người của Tín vẫn dùng". Thế mà đến khi sai Tín đi đánh nước Tề [Cao Tổ] vẫn bảo Tín thu dùng những quân Triệu trước đây chưa dùng đến. Thuật dùng tướng của Cao Tổ vốn đã cao, song Hàn Tín làm tướng cũng bất kể quân mới hay cũ đều chỉ huy được như ý muốn và đều thành công. Tài ấy thật không ai bì kịp.

66. Cách lập chí của Lưu Bang và Hạng Vũ

Nguyên do thành bại của Lưu Bang và Hạng Vũ không chỉ ở chỗ người nhân nghĩa, người bạo ngược; người thuận lẽ, người trái đạo hay cách dùng người khác nhau, mà phải xem cách lập chí của họ lớn hay bé mới phân biệt được.

Hạng Vũ lúc mới vào Quan Trung, quyền nắm trong tay mà chỉ xưng là Tây Sở Bá Vương⁽¹⁾ và đóng đô ở khốe đất Bành Thành, rồi chia thiên hạ phong vương cho tướng

1. Tây Sở Bá Vương: thời bấy giờ đất Đinh là Nam Sở, đất Ngô là Đông Sở, Bành Thành là Tây Sở. Hạng Vũ xưng là Bá Vương ở Tây Sở.

sáu nước. Cũng là chu hầu như người ta mà lại muốn người ta quay mặt về Bắc thờ phụng mình! Như vậy là chí của Hạng Vũ chỉ muốn được như Câu Tiễn⁽¹⁾ mà thôi.

Cao Tổ nhà Hán lấy xong Quan Trung là chiếm ngay kinh đô cũ của nhà Tần, sau mỗi lần lượt bình định sáu nước, kế đó theo mong muốn của mọi người, đặt ra các vương hầu và định rõ chức phận vua tôi. Cho nên khi diệt xong Hạng Vũ, mọi người đều một lòng suy tôn, Cao Tổ cứ việc ung dung chấp tay lên ngôi hoàng đế. Đó chẳng phải là việc của vua Thang⁽²⁾ vua Vũ⁽³⁾ xưa nào? Việc xưng bá một phương và việc thống nhất cả thiên hạ vốn khác hẳn nhau về quy mô. Lời khuyên ngoảnh mặt về Nam mà xưng Bá của Hàn Sinh⁽⁴⁾, Hạng Vũ vốn đã làm nhưng không thành thì Cao Tổ lại phỉ nhổ vào, không thêm để ý đến. Thế thì đời nào [Cao Tổ] còn theo lời khuyên ấy nữa?

1. Câu Tiễn: vua nước Việt thời Xuân Thu, bị vua nước Ngô là Phù Sai đánh bại, bắt về nước Ngô làm tù binh và cho đi chăn ngựa. Câu Tiễn nhân lúc nuôi chí phục thù. Sau khi được tha về Câu Tiễn chuẩn bị đủ lực lượng đem quân diệt lại nước Ngô. Phù Sai phải chết.

2. Vua Thang: tức Thành Thang nhà Thương, diệt vua Kiệt nhà Hạ, lập ra nhà Thương.

3. Vua Vũ: tức Vũ Vương nhà Chu, diệt nhà Ân dựng ra nhà Chu.

4. Trong bản chữ Hán chép là Lịch Sinh, có lẽ nhầm vì Lịch Sinh không gặp Hạng Vũ, cũng không thuyết phục được ai xây dựng nghiệp Bá. Có lẽ là Hàn Sinh. Xem Hàn Sinh ct. 3, tr. 165.

67. Trần Bình và Chu Bật

Trần Bình⁽¹⁾ và Chu Bật⁽²⁾ hợp mưu giết họ Lã⁽³⁾. [Hai người] đích thực là bề tôi của xã tắc nhà Hán. [Thế mà] Viên Áng⁽⁴⁾ lại chê Bình, Bật chỉ là người gặp may trong việc quân, mà không biết uốn nắn ngay từ đầu. [Chê như thế là] không phải. Đại thần là những người có quan hệ đến sự yên nguy của đất nước, họ cốt làm nên việc cho thiên hạ, chứ đâu cần tranh biện mồm mép để hại đến thân mình và làm cho việc nước không còn chỗ ký thác. Câu nói: "phải cùng sống chết với vua" là có ý rằng: khi sự thế đã đến lúc không thể khác được thì đành chết vì nghĩa lớn thôi. Nếu như còn có thể ra tay được thì thật không nên theo câu nói ấy. Còn như việc Trần Bình bảo Chu Bật vào đám Bắc quân⁽⁵⁾ trước, cũng là do [Bình] tự

1. Trần Bình: xem ct. 4, tr. 156.

2. Chu Bật: công thần thời Cao Tổ nhà Hán, được phong tước Giáng Hầu, làm đến chức Thừa tướng. Có công cùng Trần Bình dẹp loạn họ Lã (Lã Hậu) yên định lại nhà Hán.

3. Họ Lã: Lã Hậu trong thời kỳ nắm quyền chính đã lạm phong vương cho con cháu họ Lã, mưu đồ cướp ngôi nhà Hán. Trần Bình và Chu Bật đã hợp sức diệt họ Lã, lập Hán Văn Đế.

4. Viên Áng: quan Trung lang thời Văn Đế nhà Hán, đồng triều với Chu Bật. Viên Áng nổi tiếng là gián quan ngay thẳng. Bấy giờ Chu Bật làm Thừa tướng, đôi lúc có vẻ tự đắc, Viên Áng nói thẳng với Văn Đế: Bật chỉ đáng là công thần, chưa đáng là bề tôi xã tắc.

5. Bắc quân: Huệ Đế chết, Lã Hậu cho Lã Đài chỉ huy Nam quân bảo vệ cung đình; Lã Sấn chỉ huy Bắc quân bảo vệ kinh đô.

liệu biết mình là kẻ thu sinh không thu phục nổi lòng quân sĩ, mà Bật lại là quan võ, đã mấy phen làm tướng, có uy danh, quân cấm vệ thấy tướng cũ của mình sẽ phải nể sợ.

Xem kỹ *Hán thư* thấy hai người đều rất nhanh tay và nhạy bén trong việc lợi dụng thời cơ. Thế mà Triều Quýnh⁽¹⁾ lại bảo [Bình] là người không biết nhường công, nhường tài, chỉ biết giành lấy chỗ để, đẩy Chu Bật phải nếm mùi gian nan trước.

Ôi! người bề tôi đã hòa mình chung lo việc nước như thế mà còn đem bụng tiểu nhân ra nghi ngờ nhau nữa sao?

Cho dù Trần Bình có ý tránh việc khó, đẩy người khác vào nếm thử trước, thì chẳng lẽ [Trần bình] lại không nghĩ đến rằng: việc thành thì lan quế cùng thơm, việc hỏng thì ngọc đá đều nát [hay sao]? Vậy còn dùn đẩy thoái thác, liệu kế giải thoát cho mình nữa chăng? Người bình sử muốn vạch ra rằng: Trần Bình là người hiểm độc, thế thì khe khát quá.

68. Vua tôi nhà Hán làm nên nghiệp lớn như thế nào

Nhà Hán, vào những năm đầu sao lắm nhân tài thế?

1. Triều Quýnh: người Bắc Tống, đỗ tiến sĩ, được Chân Tông khen là Hiếu học trưởng giả, có để lại nhiều trước tác.

Tiêu Hà⁽¹⁾, Hàn Tín⁽²⁾, Trương Lương⁽³⁾, Trần Bình⁽⁴⁾ vốn nổi bật hơn cả rồi. Nhưng bọn rượu chè như Lịch Sinh⁽⁵⁾, linh thú như Lâu Kính⁽⁶⁾ mà khi bàn đến hình thế thiên hạ, nên lấy hay nên giữ thế nào, họ đều có thể vạch ngang cắt dọc như chỉ trên bàn tay. Vậy kiến thức của họ thuộc hạng nào? Có thể không coi họ là có tài được chăng? Ngoài ra, như Viên Sinh⁽⁷⁾ cũng dự bàn việc điều quân ra đất Uyển đất Diệp. Trịnh Trung⁽⁸⁾ bàn chớ nên đánh nhau với nước Sở. Nho sinh thời ấy không ai là không hiểu việc quân. Đúng là nhà Hán có nhiều nhân tài thật. Qua đó thấy rõ tài dùng người, lòng tin nghe người của Cao Tổ, lòng thành lượng rộng của Tiêu Hà, Hàn Tín, Trương

1. Tiêu Hà: người đất Bái thời Hán, giúp Cao Tổ từ lúc Cao Tổ còn làm chức Đình trưởng. Khi cùng Cao Tổ vào Quan Trung diệt nhà Tần. Các tướng tranh nhau cướp vàng bạc lụa là, Tiêu Hà chỉ thu lượm các sổ sách trong phủ Tần đem cất đi. Nhờ vậy mà nhà Hán nắm được nội trọng yếu và số dân trong thiên hạ. Sau lại có công tiến cử Hàn Tín làm Đại Tướng. Hán và Sở đánh nhau, Tiêu Hà giữ đất Quan Trung, cung cấp lương ăn cho quân Hán. Nhờ vậy quân Hán không thiếu lương ăn. Thiên hạ yên định, Tiêu Hà được xếp công đầu, phong tước là Tàn hầu, danh tướng có công mở nước.

2. Hàn Tín: xem ct. 4, tr. 137; ct. 1, tr. 140; ct. 1, tr. 169.

3. Trương Lương: xem ct. 1, tr. 122; ct. 2, tr. 171.

4. Trần Bình: xem ct. 4, tr. 156.

5. Lịch Sinh: xem ct. 2, tr. 176.

6. Lâu Kính: xem ct. 6, tr. 165.

7. Viên Sinh: Người bày mưu cho Hán Cao Tổ đánh bại Hạng Vũ.

8. Trịnh Trung ?

Lương, Trần Bình là không ai bì kịp. Người làm vua mà không cho rằng mưu thần đầy triều là thừa, rồi xem khinh lời nói nhỏ mọn của người kiếm củi cắt cỏ; quan đại thần mà không tự mãn là bụng đầy thao lược, rồi ngăn trở lòng trung thực của kẻ sĩ nơi thôn dã, là việc rất khó ở đời. [Thế mà vua tôi nhà Hán làm được] do đó họ làm nên sự nghiệp lớn là đúng lắm. Các vua chúa đời sau dùng người, chưa chắc đã được người giỏi, mà đã hết lòng tin cậy, rồi không để ý đến người dưới nữa. Còn người được dùng thì quá tin vào tài của mình. Họ không những không cất nhắc người tài giỏi mà khi một đôi người có kế hay được vua biết đến thì họ lại tìm cách chèn ép đi. Như thế thì nên nghiệp lớn sao được?

69. Hàn Tín và Chu Á Phu

Khi Hàn Tín làm tướng, giữa lúc chiến trận đang thừa thắng, ý chí đang hăng hái, Tín vẫn đưa người bị bắt làm tù lên ngồi ghế trên, tiếp đãi làm bậc thầy, lại xin lời dạy và nghe theo kế sách của người ấy⁽¹⁾.

Chu Á Phu làm tướng là nổi nghiệp nhà, lại có tiếng là tài giỏi, thế mà nghe một vài du khách đón đường nói,

1. Trong trận đánh Triệu, quân của Hàn Tín bắt được Quảng Vũ Quán Lý Tả Xa đem nộp. Hàn Tín tự tay cỡi trời, mời Lý Tả Xa ngồi, ngoảnh mặt về hướng đông, còn mình ngoảnh mặt về hướng tây, tiếp đãi Lý Tả Xa bằng đạo thầy trò. Sau Tín lại theo kế của Lý Tả Xa cho quân nghỉ ngơi, vỗ yên quân nước Triệu, sai quân sang thuyết phục để nước Yên quy hàng.

liền đem cả việc lớn làm theo, không hề nghỉ ngại chút nào⁽¹⁾. Thử hỏi từ Đường Tống trở về sau có người nào nhu thế không? Hai người đều là võ tướng mà khí lượng, kiến thức của họ thực là người đọc sách cũng ít ai bằng.

Hồ Trai cho rằng Hàn Tín giỏi dùng binh có lẽ là tài trời cho. Còn Chu Á Phu thì tài năng, độ lượng đều do thiên tư và học vấn đã đạt đến đỉnh cao, hơn hẳn cả cha. Thật đáng là bề tôi xâ tặc. Nhưng có điều là khí chất của Chu Á Phu còn chưa hóa, đó cũng là một cái dở. Nhưng Chu Á Phu vẫn là người có thể phó thác vua nhỏ và gửi gắm mệnh nước, hơn hẳn Hoắc Quang⁽²⁾. Thế mà Cảnh Đế lại nói Chu Á Phu lắm lì, không phải là bề tôi của vua nhỏ. Thật là không hiểu người vậy.

70. Nhà Hán giàu có, nhà Triệu Tống thiếu thốn

Văn Đế⁽³⁾ nhà Hán bỏ hết thuế ruộng mà chỉ dùng trong nước vẫn dư dật. Đó không phải kết quả riêng của

1. Chu Á Phu: con Chu Bột, người thời Cảnh Đế nhà Hán, làm chức Thái úy. Khi Chu Á Phu đem quân đi dẹp loạn bảy nước. Triệu Thiệp đón đường thuyết Chu Á Phu phải hành quân thần tốc vượt Vũ Quan đến Lạc Dương để tránh quân mai phục của nước Ngô. Theo kế ấy Chu Á Phu đã dẹp yên được 7 nước.

2. Hoắc Quang: Danh tướng thời Hán, là em cùng cha khác mẹ của Hoắc Khứ Bệnh, phò ba triều Vũ Đế, Chiêu Đế và Tuyên Đế, làm các chức Đại Tư mã, Đại Tướng quân, tước Bác Lăng hầu.

3. Văn Đế nhà Hán: tức Lưu Hằng, một ông vua nổi tiếng tiết kiệm và chú trọng nghề nông. Ông thân đi cày ruộng tịch điền và miễn thuế ruộng đất cho dân 12 năm.

sự tiết kiệm. Theo pháp chế nhà Hán⁽¹⁾ thì người dân 33 tuổi sẽ sung làm chính binh, làm vệ sĩ một năm, làm tài quan kỵ sĩ⁽²⁾ hai năm, tuổi đến 65 thì được miễn. Quân thay đổi có 3 bậc, chính binh không chuyển nhất người nào mà theo phiên mỗi tháng đổi một lần. Có "tốt canh", có "tiền canh", nhưng đều không xin huyện cấp lương. Cho nên không cần kinh phí nuôi quân. Quan thì có chức nhất định, mà danh chức cũng đơn giản. Người nào chức trung úy thì chuyển thóc ở Sơn Đông về cấp phát cho, một năm không quá vài chục vạn thạch. Ngoài ra việc lương bổng và phẩm trật của lại viên ở quận huyện đều có chế độ rõ ràng. Không cấp lương khổng, không xếp đặt chức vị bừa bãi. Cho nên không có lại viên ăn không. Hai cái đó là điều căn bản làm cho của cải được dồi dào.

Các vua nhà Triệu Tống⁽³⁾ không phải là không biết dè sẻn. Vậy mà hạch toán chỉ dùng quanh năm lúc nào

1. Theo pháp chế nhà Hán, lính phiên có 3 bậc: "tốt canh", "tiền canh" và "quá canh". Đây là loại phụ dịch cho nam giới tuổi từ 23 đến 56. Mỗi người mỗi năm phải phục dịch trong quân đội hoặc trong huyện mình một tháng gọi là "tốt canh", nếu thuê người đi thay, mỗi tháng phải trả hai ngàn đồng gọi là "tiền canh". Mỗi người mỗi năm phải đi canh giữ ngoài biên 3 ngày gọi là "dao thứ", không đi được thì nộp ba trăm đồng gọi là "quá canh". Ngoài ra theo thứ tự, mỗi người phải vào kinh đô phục dịch một năm gọi là "chính binh".

2. Tài quan: người biết bán cung, Kỵ sĩ: người biết cưỡi ngựa.

3. Triệu Tống: chỉ nhà Tống do Triệu Khuông Dận sáng lập để phân biệt với nhà Tống do họ Lưu (Lưu Tống) dựng lên vào thời Nam Bắc triều trước đó.

cũng canh cánh, khổ sở về nỗi thiếu hụt là vì có quân ăn không, quan ăn không, chi phí quá nhiều thôi. [Tình trạng ấy] lúc ngày thường vô sự, cứ lần lữa xoay sở còn có thể được. Nhưng khi có việc đánh dẹp thì thiếu thốn đủ mọi bề, không có mà chi dùng. Khi trong ngoài đều trống rỗng thì dù có vét cả kho tàng, giảm hết mọi sự cung phụng [cho vua] để cấp cho việc quân cũng không thể nào đủ được. Cho nên trong *Tả truyện* có nói rằng: "không có chính sự tốt thì của cải cần chi dùng không bao giờ đủ".

Hồ Trai thấy Tiên nho nói rằng: Hai nhà Hán [Tây Hán và Đông Hán] gần được như ba đời Hạ Thương Chu là ở chỗ đó.

71. Nước yên hay nguy là ở người làm tướng

Nước yên hay nguy là ở người làm tướng. Một bên trao việc rồi buộc phải làm cho xong; một bên kiềm chế từ trong. [Hai cách đó] lợi hại khác nhau hàng vạn lần. Ngô Ty⁽¹⁾ và Lộc Sơn⁽²⁾ đều đã nuôi ý khác từ lâu, một sớm nổ ra thanh thế chấn động cả thiên hạ. Nhà Hán sai Điều

1. Ngô Ty: tức Lưu Ty, Ngô Vương Ty, cháu Cao Tổ nhà Hán, được phong là Ngô Vương. Thời Cảnh Đế, Ty là một trong 7 vương của 7 nước làm phản nhà Hán.

2. Lộc Sơn: tức An Lộc Sơn, làm Tiết độ sứ kiêm Trấn thủ ba quận Bình Lư, Phạm Dương và Hà Đông thời Huyền Tông nhà Đường. Lộc Sơn được vua tin yêu, lại là con nuôi của Dương Quý Phi. Vì xích mích với Dương Quốc Trung, Lộc Sơn đã đem quân hạ thành Trường An. Sau bị con là An Khánh Tự giết chết.

Hầu⁽¹⁾ giữ cẩn thận những chỗ tiện lợi và đắp thành vững, cố giữ Xương Ấp để ngăn mũi nhọn của quân địch. Tuy vua mấy lần ra lệnh, bắt phải đi cứu nước Lương nhưng Điều Hầu đều không nghe. Cuối cùng nhắm được chỗ sơ hở, ra quân đánh chỉ một trận mà phá được quân địch. Còn nhà Đường sai Kha Thu Hàn⁽²⁾ mang quân ra đóng đồn ở bên ngoài Đồng Quan. Lý Quang Bật⁽³⁾, Quách Tử Nghi⁽⁴⁾ đều khuyên không nên khinh suất [ra quân vội], lại xin vua hãy kéo quân đến đất Phạm Dương, đánh vào sào huyệt của địch trước. [Vua Đường không nghe] cứ giục Hàn phải ra quân. Mọi người không dám nói nữa, bắt buộc Hàn phải dẫn quân ra của quan. Kết quả bị thua to, quân sĩ chết đầy đường. Tây Kinh bị thất thủ.

Qua đó thấy rằng Chu Á Phu sở dĩ được thỏa chí mình là do không bị quyền thần chèn nách, còn Kha Thu Hàn không dám làm theo ý mình, vì bị Dương Quốc Trung⁽⁵⁾

1. Điều Hầu: tức Chu Á Phu, xem ct. 1, tr. 184.

2. Kha Thu Hàn: danh tướng đời Huyền Tông nhà Đường, là người dũng cảm, có công nhiều lần dẹp giặc Thổ Phồn. Khi An Lộc Sơn nổi loạn, Hàn được giữ chức Bình mã nguyên soái trấn giữ Đồng Quan. Sau Huyền Tông buộc Hàn phải rời khỏi Đồng Quan, do đó toàn quân bị bại, Hàn bị bắt, Tây Kinh bị mất.

3. Lý Quang Bật: danh tướng nhà Đường có công dẹp loạn An Lộc Sơn gây dựng lại nhà Đường, được phong là Tiết độ sứ.

4. Quách Tử Nghi: danh tướng nhà Đường, có công dẹp loạn An Lộc Sơn, được xếp công đầu. Sau làm tới chức Thái úy trung thư lệnh.

5. Dương Quốc Trung: anh họ Dương Quý Phi, giữ chức Tế tướng thời Đường Huyền Tông, làm nhiều điều tàn bạo, sau bị giết.

kiềm chế tính mệnh. Đó chẳng phải là tấm gương sáng soi ngàn đời sao?

72. Lý Quảng là người bụng dạ hẹp hòi

Lý Quảng⁽¹⁾ tuy là danh tướng nhưng bụng dạ hẹp hòi, chỉ vì hận Bá Lãng⁽²⁾ chửi mà Lý Quảng cho gọi Bá Lãng đến giết đi. Vậy là đã ngầm gây mối họa cho sau này, chứ đâu phải chỉ có tội giết kẻ đầu hàng không thôi. Chính Lý Quảng đã để lại điều chẳng hay này về sau, cho nên cháu là Lý Lăng⁽³⁾ hàng giặc mà cả gia quyến bị hại. Việc báo ứng thảm hại với Lý Quảng chẳng phải chỉ ở việc không được phong hầu mà thôi.

1. Lý Quảng: danh tướng thời Hán Vũ Đế, có công dẹp giặc Hung Nô. Lần Lý Quảng bị cách chức về quê ở Lam Điền, bị Bá Lãng coi khinh chửi mắng. Sau được trở lại làm quan Thái thú ở Hựu Bắc Bình, Lý Quảng cho gọi Bá Lãng đến rồi sai quân chém chết. Khi làm Thái thú ở Lũng Tây, người rợ Khương làm phản, Lý Quảng dụ hàng rồi giết cả họ rợ Khương chết trong một ngày đến 800 người. Lúc về già thấy ân hận về những việc đã làm, Lý Quảng tự sát chết trong lần cùng tướng quân Vệ Thanh đi đánh Hung Nô.

2. Bá Lãng: quan úy ở Lam Điền.

3. Lý Lăng: cháu nội Lý Quảng, danh tướng thời Hán Vũ Đế. Trong một trận giao chiến với quân Hung Nô, vì lực lượng quá chênh lệch, Lý Lăng không chống đỡ nổi phải đầu hàng. Vũ Đế đã giết cả mẹ, vợ, và con cái Lý Lăng.

73. Vệ Thanh và Giả Nghị

Vệ Thanh⁽¹⁾ không nỡ lấy phép quân giết Tô Kiến⁽²⁾. Thấy Cáp Âm⁽³⁾ không chịu thi lễ, Vệ Thanh càng tỏ ra kính trọng, nói ấy là người có khí độ của bậc đại thần.

Giáng Hầu⁽⁴⁾ gièm Giả Nghị⁽⁵⁾, Giả Nghị bị truất ra Trường Sa vẫn dâng thư khuyên vua dãi kẻ bề tôi nên có lễ tiết để giải oan cho Giáng Hầu. Thật là một người hết lòng lo cho nước mà không để bụng thù riêng ai cả.

1. Vệ Thanh: Đại tướng quân nhà Hán thời Vũ Đế, có công bảy lần dẹp yên Hung Nô, được phong là Trường Bình hầu.

2. Tô Kiến: Tướng quân nhà Hán thời Vũ Đế. Lần Tô Kiến làm Hữu Tướng quân đi đánh Hung Nô, bị thua trận, quân lính chết hại nhiều. Vệ Thanh không lấy phép quân giết Tô Kiến, chỉ bỏ tù rồi đánh đòn trước sân vua. Sau Kiến được chuộc tội về làm dân thường.

3. Cáp Âm: Chủ tướng đô úy thời Vũ Đế nhà Hán, là người trung thực, can thẳng, được Vũ Đế khen là bày tôi xã tắc.

4. Giáng Hầu: tức Chu Bột, xem ct. 2, tr. 180.

5. Giả Nghị: Nhà nho nổi tiếng thời Văn Đế nhà Hán. Năm 20 tuổi được vời vào cung làm Bác sĩ, đã đề ra nhiều kế sách xây dựng nhà Hán vững mạnh về mọi mặt, như: khuyến khích sản xuất nông nghiệp, mở rộng nước Lương... Còn chủ trương thay đổi pháp chế nhà Tần, khôi phục chế độ nhà Chu ở triều Hán thì bị Giáng Hầu gièm, cho ông là non trẻ nói càn. Sau bị truất làm Thái phó ở Trường Sa, chết năm 33 tuổi.

74. Kế sách của Giả Nghị

Kế sách cày ruộng "tịch điền"⁽¹⁾ và khuyến khích làm ruộng là của Giả Sinh⁽²⁾ nêu ra. Các đời sau của nhiều dân đông là kết quả của kế sách đó.

Văn Đế mở rộng nước Lương để khống chế chu hầu ở Sơn Đông. Nhờ vậy sau này bảy nước làm loạn, có nước Lương che chống [mà nhà Hán được yên]. Đó cũng là kế sách của Giả Sinh.

Hai việc trên có quan hệ đến sự yên nguy, trị loạn của đất nước. [Nêu ra được kế sách ấy] chẳng phải là người có tài giúp vua sao?

Kế sách "Tam biểu ngũ nhĩ"⁽³⁾, đời sau có người chê là không ra gì. Theo truyện Hung Nô trong *Hán thư*⁽⁴⁾, thì chúa Thiển Vu⁽⁵⁾ mê thích tơ lụa và thức ăn của người

1. Tịch điền: ruộng đế nhà vua tự canh tác lấy hoa lợi thờ cúng tổ tiên. Vua thiên tử có 1000 mẫu, vua chư hầu có 100 mẫu.

2. Giả Sinh: tức Giả Nghị, xem ct. 5, tr. 189.

3. Tam biểu ngũ nhĩ: Kế sách của Giả Nghị bày cho Văn Đế nhà Hán chống lại Hung Nô. Tam biểu gồm "nhân", "nghĩa", "tín" tức kính trọng yêu mến mọi người, chuộng người tài giỏi, giữ lòng tin với mọi người. Ngũ nhĩ: 5 thứ mồi. 1. Cho quần áo, xe đẹp để làm hại mắt nó, 2. cho ăn ngon để làm hại miệng nó, 3. cho gái đẹp và âm nhạc để hại tai nó, 4. cho nhà cao cửa rộng để hại bụng nó, 5. trọng đãi đứa quý hàng để hại tâm nó.

4. *Hán thư*: bộ sử do Ban Cố đời Hậu Hán biên soạn.

5. Thiển Vu: chúa của người Hung Nô.

Hán. Trung Hàng Duyệt⁽¹⁾ can rằng: "Dân Hung Nô không bằng dân một quận của nhà Hán. Sở dĩ Hung Nô mạnh là vì người Hung ăn mặc khác người Hán, không phải dựa vào nhà Hán. Nay chúa thay đổi tục cũ, thích vật phẩm của người Hán, quá lắm người Hán chỉ cần bỏ ra hai phần mười số vật phẩm [của mình] là người Hung Nô theo về với người Hán hết. Vậy nên, nếu nhận được tơ lụa của người Hán thì đem may thành quần áo rồi mặc vào mà rong ruổi ở những chỗ gai cỏ cho rách hết đi, để mọi người thấy tơ lụa không bền đẹp bằng áo cừu; nếu nhận được thức ăn thì đem vứt hết đi, để mọi người hiểu [những thức đó] không ngon bằng sữa bánh".

Mới hay kế sách của Giả Sinh thật trùng ý của Trung Hàng Duyệt. Chỉ tiếc là bấy giờ không biết dùng thời. Nếu được đem ra thử dùng hết, chắc là chế phục được chúa Thiên Vu, chứ một mình Trung Hàng Duyệt ngăn trở sao nổi.

Ngay từ xưa, muốn đánh đổ nước người, không ai không dùng thuật ấy. Văn Chủng⁽²⁾ làm hại nước Ngô cũng theo kế đó. Một đoạn trong sách *Lục thao*⁽³⁾ của Thái Công cũng nói đến việc này.

1. Trung Hàng Duyệt: nguyên là hoạn quan nhà Hán. Văn Đế gả con gái cho chúa Hung Nô, sai Hàng Duyệt đi theo. Sau Duyệt phản lại nhà Hán, bày kế cho Hung Nô chống nhà Hán.

2. Văn Chủng: Tướng của vua Câu Tiễn nước Việt thời Xuân Thu.

3. *Lục thao*: sách binh thư, tướng truyền của Khương Thái Công soạn.

75. Vũ Đế nhà Hán và Huyền Tông nhà Đường không làm đúng đạo vua tôi

Theo pháp chế nhà Hán, khi Thừa tướng vào yết kiến Thiên tử, nếu Thiên tử đang ngồi thì phải đứng dậy; đang ở trên xe thì phải xuống xe.

Vũ Đế⁽¹⁾ không đội mũ tiếp Công Tôn Hoàng⁽²⁾. [Như thế] thật quá thân nhờn. Cứ cho rằng ở Hoàng có những điểm đáng khinh, song Hoàng đã là Tế tướng thì cũng nên đối xử với Hoàng theo đại lễ mà không nên giản dị như vậy. Huyền Tông⁽³⁾ nhà Đường đối xử với Lý Lâm Phủ cũng thế. Cả hai người [Vũ Đế và Huyền Tông] đều không làm đúng đạo tôn trọng đại thần.

76. Trần Hiến Hầu nói về chức Tế tướng.

Trần Hiến Hầu⁽⁴⁾ nói về chức Tế tướng, thật toàn [những ý] mà người xưa chưa ai nói đến. [Những ý ấy] hẳn đã châm chước từ *Chu quan*⁽⁵⁾ mà ra. Nếu ngày thường

1. Vũ Đế: tức Lưu Triệt, ở ngôi từ 140-80 Tr. CN.

2. Công Tôn Hoàng: quan Thừa tướng thời Vũ Đế nhà Hán, được phong tước Bình Tân hầu.

3. Huyền Tông: tức Lý Long Cơ, trước được phong vương ở Lâm Truy, sau có công dẹp loạn, được nối ngôi nhà Đường. Cuối đời, vì say mê Dương Quý Phi, tin dùng bọn Dương Quốc Trung và Lý Lâm Phủ nên triều chính suy thoái, xảy ra loạn An Lộc Sơn.

4. Trần Hiến hầu: tức Trần Bình, xem ct. 4, tr. 156.

5. *Chu quan*: tức *Chu Lễ*, còn gọi là *kinh chu quan* vì soạn về lễ nghi thiên Chu quan trong sách *Thượng thư*.

không tốn công đọc sách thì sao nói được như thế? Vậy mà người bàn lại cho là thú tự đảo lộn. Sao họ không thấy được bốn nhân tự: "trên", "dưới", "trong", "ngoài" mà [Trần Hiến Hầu] đã nói⁽¹⁾? Họ còn bảo [Trần Hiến Hầu] chỉ là người "nghe người khác nói mà biết" chứ không phải "học mà biết". Tách bạch "nghe" và "học" ra làm hai, thật là thô thiển quá.

Trong thiên *Duyệt mệnh Kinh Thi* có nói: "người ta mong được nghe nhiều..."⁽²⁾. Cho nên nghe *Kinh Thi*, *Kinh Lễ*...cũng là học, chứ đâu phải chỉ có đọc sách mới là học.

Ôi! người ta không sai sót, cố tìm ra sai sót, cố đem lời nói của người ta ra mà cắt xén, chê bai, nâng lên, dìm xuống thì làm gì mà chẳng tìm ra chỗ sơ hở. Nhưng [như thế] chỉ phí tâm sức thôi.

Có lần vua hỏi về việc trị thiên hạ, Bình lấy chức vị của mình ra trả lời là: phải bổ dụng người theo tài năng; phải tiến dùng người hiền, truất bỏ kẻ bất tài; trăm quan được sắp xếp hợp lý thì mọi việc sẽ ổn thỏa. Nếu trả lời như thế chẳng đầy đủ sát thực lắm sao? [Nhưng họ lại nói]

1. Trần Bình nói với Văn Đế nhà Hán: người làm Tế tướng, trên giúp vua, dưới làm cho muôn vật sinh sôi nảy nở; ngoài vỗ yên tứ di và chư hầu; trong thân với dân, làm cho các khanh đại phu đều làm hết chức phận mình.

2. Thiên *Duyệt mệnh hạ*, *Kinh Thư* chép: "người ta mong được nghe nhiều điều hay, để sắp xếp được khéo nhiều việc".

Chu Tử⁽¹⁾ cũng có lời bàn về vấn đề này. Vậy thực chất ra sao? Thiết tưởng [lời bàn của Chu Tử] không như họ nghĩ. Đó chỉ là cách nói theo văn pháp mà thôi. [Vì rằng] việc cho tước lộc; việc truất bỏ ai, cất nhắc ai; để ai sống, bắt ai chết; cho cái gì, đòi hỏi cái gì là 8 quyền hạn của vua. Quan đại thần chỉ biết giúp vua và làm theo ý vua thôi. Còn nếu coi những việc đó là chức phận của mình, [cứ làm xong] rồi trình lên vua, thì chẳng đáng ngại lắm sao?

Trong *Kinh Thi* chỉ có một đoạn chép là: "... Tìm người hiền tài, đặt họ vào chức vị⁽²⁾..." là nói phải thu dùng chứ không phải nghiêm nhiên tự gánh vác lấy trách nhiệm cất nhắc và phế bỏ nhân tài. Xem quyền chức của tam công, tam cô và lục khanh⁽³⁾ trong *Chu quan* thì thấy rõ ngay điều đó.

Nói tóm lại, Tể tướng thì quyền chức lớn, bao quát rộng, gánh vác nặng nề. Trên là trời đất, giữa là vua, dưới là dân, trong thì trăm họ, ngoài thì các nước, [Tể tướng] đều phải tận tình giúp đỡ, phải gắng sức bao quát lo liệu,

1. Chu Tử: tức Chu Hy (1130-1200), tự Nguyên Hối, Trọng Hối, hiệu Hối Am, nhà lý học nổi tiếng thời Tống, cũng là một triết gia duy tâm của Trung Quốc, sống bằng nghề dạy học ở tỉnh Phúc Kiến, tự xưng là học phái đất Mân.

2. Thiên *Duyệt mệnh hạ*, *Kinh Thư* chép: "Tìm người hiền tài ở mọi nơi, xếp đặt mỗi người vào mỗi việc".

3. Các chức quan to trong triều đình nhà Chu.

nghi cách điều hòa, uốn nắn. Tài trấn định, lượng bao dung phải được thể hiện ở đó thì mới gọi là tròn trách nhiệm. Lời nói ấy của Hiến Hầu thật đã bao quát về thể dụng, rộng lớn về khí tượng rồi. Trong thực hành, dầu chưa đạt được tất cả, nhưng cũng có thể gọi là biết đạo làm tướng. Người đời sau xem sách quá rạch ròi cho nên sinh ra biện luận loanh quanh. Họ cố phụ họa [lời nói của] Chu Tử, song lại rất không biết rằng Chu Tử chỉ nhận những câu hỏi [của học trò] lúc bấy giờ, trích lấy một số điều cốt yếu trong các câu trả lời của Hiến Hầu để đáp lời [học trò], chứ vốn không có ý chê Trần Bình nói lộn xộn.

Hồ Trai nghĩ rằng trên đây là những lời thông hiểu, mọi lẽ. Mỗi khi đọc truyện Trần Bình, đến đoạn này [tôi] đều cảm thấy thích thú. Thế mà các nhà ưa nghị luận lại cứ bài bác mãi. Thật đáng cười. Nếu cho rằng [Hiến Hầu] chỉ là người nghe mà biết, thì việc nhớ được những lời nói như thế cũng là phi thường rồi. Còn như bảo Trần Bình không bằng Y Doãn⁽¹⁾, Phó Duyệt⁽²⁾ thì có gì phải bàn thêm nữa? Đoạn giữa bàn về chức phận của Tế tướng, càng đáng giá hơn. Được như thế thì trong nước sẽ chỉ có bậc đại thần mà không có kẻ quyền thần.

1. Y Doãn: quan Tế tướng nhà Thương, giúp vua Thang đánh vua Kiệt, lên làm vua thiên hạ.

2. Phó Duyệt: quan Tế tướng nhà Ân.

77. Lục Giả, nhà nho thuần túy

Mạnh Tử⁽¹⁾ đi khắp nước Tề, nước Lương để tỏ bày đạo nhân nghĩa [với vua hai nước]. Thời bấy giờ các học thuyết "tung hoành"⁽²⁾, "hình danh"⁽³⁾ và những lời bàn luận cao xa, tô vẽ phù phiếm⁽⁴⁾ đua nhau lan tràn khắp nơi. Nhưng nào có ai biết đem đạo Thánh hiền nói với vua đâu.

Đầu thời Hán, nhà Tần diệt nho học⁽⁵⁾, nên các nhà nho ít dần. Nổi tiếng đương thời chẳng còn được mấy người. Tử Phòng⁽⁶⁾ thì lắm quyền mưu, Lịch Sinh⁽⁷⁾ giỏi ăn nói,

1. Mạnh Tử: tên là Kha, người nước Trâu thời Chiến Quốc. (372-289 Tr. CN), là người kế thừa và phát huy học thuyết của Khổng Tử. Ông sang nước Tề và nước Lương trình bày với Tuyên Vương và Huệ Vương học thuyết nhân nghĩa của nhà nho, nhưng không được dùng.

2. Học thuyết "tung""hoành": các thuyết khách thời Chiến Quốc như Tô Tần, chủ trương liên kết các nước theo trục dọc Bắc-Nam, gồm Tề, Sở, Yên, Hàn, Ngụy, Triệu để chống lại nước Tần gọi là "Hợp tung". Còn Trương Nghi chủ trương liên kết các nước theo trục ngang, nhằm chia rẽ các nước trên rồi dần thôn tính họ nhập vào nước Tần gọi là "Liên hoành".

3. Học thuyết hình danh: một chủ trương chính trị chú trọng hình pháp, bắt người ta phải có cái thực hợp với cái danh của mình. Do Thân Bất Hại, Hàn Phi Tử thời Chiến Quốc đề xướng.

4. Dịch theo chữ Đàm thiên, điều long (Bàn trời, khắc rồng). Thời Chiến Quốc Trâu Diễn giỏi bàn về vũ trụ, trời đất, nên còn gọi là "Đàm thiên Diễn" (Diễn bàn trời); Trâu Thích giỏi bàn luận bằng những lời cầu kỳ gọt giũa, nên còn gọi "Điều long Thích" (Thích khắc rồng).

5. Thủy Hoàng nhà Tần đốt sách chôn học trò, trừ bỏ nho học.

6. Tử Phòng: tức Trương Lương. Xem ct. 1, tr. 122; ct. 2, tr. 171.

7. Lịch Sinh: xem ct. 2, tr. 176.

Thúc Tôn Thông⁽¹⁾ tài mua chuộc lòng người. Chỉ còn Lục Giả⁽²⁾ là người học hành thuần túy hơn cả. Xem bộ sách *Tân ngữ* [của ông] thấy chỗ nào cũng cùng luận điểm với Trâu Sơn⁽³⁾. Như nói: "Mưu việc mà không gắn với nhân nghĩa thì sau sẽ thất bại", "Muốn trị ngọn thì phải sửa gốc", "Muốn bóng ngay thì hình phải thẳng"; "Pháp lệnh để phạt kẻ ác, không phải để răn người lành"; "Người quân tử cứ thẳng theo đạo mà làm, không tùy tiện chiều theo ý người, cũng không tùy tiện dung túng lòng người"; "Chưa khi nào người trên nhân mà kẻ dưới lại tàn bạo; người trên nghĩa mà kẻ dưới lại tranh nhau"; "Muốn lập công lớn với thiên hạ, trước hết phải sửa mình từ lúc còn ở chốn buồng thê"; "Muốn xây dựng đất nước, kiến tạo uy danh, mở rộng đất đai, chế phục nơi xa, trước hết phải được lòng dân"; "Đặt hình luật dùng ngại ít, ban ơn dùng ngại nhiều"; "Phạt tội dùng lo tội còn nhẹ, ban thưởng dùng lo thưởng quá nhiều"; "Giữ nước yên dân, trị nước trị người không được mưu lợi riêng, vua muốn cho nước được yên trị thì phải đóng kín cửa tư lợi"; "Việc làm phải lấy nhân nghĩa làm gốc"... Các thuyết khách thời Chiến Quốc, các nhà

1. Thúc Tôn Thông: xem ct. 2, tr. 173.

2. Lục Giả: mưu thần của Cao Tổ nhà Hán, soạn ra 12 thiên sách gọi là *Tân thư* hay *Tân ngữ*, nói về các lễ hưng vong của các triều đại, được Cao Tổ khen ngợi.

3. Trâu Sơn: Mạnh Tử người quê ở núi Trâu (Trâu Sơn) nước Trâu. Trong bài là chỉ học thuyết của Mạnh Tử.

kinh điển thời Tần Hán đều không mấy ai bì kịp hiểu biết của ông. Huống chi những việc lớn ông đã làm trong lúc còn làm quan, không việc nào có thể bàn tán được. Vậy nên liệt ông vào hạng nhà nho có đạo học là đáng lắm.

Đông Giang thấy rằng, ông Quế Đường nêu cao Lục Sinh thật là xác đáng.

78. Văn Đế và Vũ Đế nhà Hán chọn người làm Tế tướng

Văn Đế⁽¹⁾ câu nệ, cứ phải liệt hầu⁽²⁾ mới cho làm Tế tướng. Cho nên Giả Nghị⁽³⁾ không được tôn làm công khanh. [Nhưng từ khi Vũ Đế⁽⁴⁾] dùng Bình Tân Hầu⁽⁵⁾ làm Thừa tướng, đã xóa hẳn lệ cũ còn nhiều thiếu sót [của Văn Đế]. Do đó đặt được nấc thang ngàn đời cho nhà nho kinh bang tế thế⁽⁶⁾. Lòng hiếu nho của Vũ Đế còn chê được sao?

1. Văn Đế: con giữa của Cao Tổ nhà Hán. Nổi ngôi Cao Tổ.

2. Liệt hầu: người có tước hầu.

3. Giả Nghị: xem ct. 5, tr. 189.

4. Vũ Đế: con giữa của Cảnh Đế nhà Hán, nối ngôi Cảnh Đế.

5. Bình Tân Hầu: tức Công Tôn Hoàng, tên tự là Quý, người áp Tiết thời Hán. Có tài văn học, được phong là Bác sĩ, làm quan tới chức Thừa tướng: Bình Tân là tước hầu do Vũ Đế phong cho Công Tôn Hoàng.

6. Kinh bang tế thế: giúp nước trị đời.

Ngô Dương Đình⁽¹⁾ nghĩ rằng, nhắc đến việc nhà nho làm Tế tướng thì Y Doãn⁽²⁾, Phó Duyệt⁽³⁾, Chu Công⁽⁴⁾, Thiệu Công⁽⁵⁾ đều là nhà nho cả, chứ đâu phải bắt đầu từ Công Tôn Hoảng⁽⁶⁾? [Rõ ràng] việc dùng nhà nho làm Tế tướng không chịu ảnh hưởng của nhà Hán.

Hồ Trai cho rằng: Dùng [nhà nho làm Tế tướng] thì đúng, nhưng người được dùng thì không ra gì. Công Tôn Hoảng là người theo tà học lại a dua với đời, đúng là một kẻ gian già. Xem việc [Hoảng] ghét Đồng Giang Đồ⁽⁷⁾, thấy Hoảng đúng là một kẻ tiểu nhân. Mặc dù Hoảng có làm được một số điều thiện nhỏ, nhưng cũng không đáng gì.

Đồng Giang nhận thấy Hoảng là người theo tà học, chính Hoảng là ông tổ của ngụy nho sau này. Nhưng chốt lại thì Vũ Đế dùng người không đúng. Nếu biết dùng người sao không cho Giang Đồ làm tướng?

1. Ngô Dương Đình: tức Ngô Thế Vinh, người làng Bái Dương huyện Nam Trực, tỉnh Nam Hà, thi đỗ tiến sĩ năm Minh Mệnh 10 (1829). Ông là nhà nho nổi tiếng của Việt Nam vào thế kỷ 19.

2. Y Doãn: xem ct. 1, tr. 195.

3. Phó Duyệt: xem ct. 2, tr. 195.

4. Chu Công: tức Chu Công Đán, em ruột vua Vũ nhà Chu, giúp Thành Vương lo việc trị nước.

5. Thiệu Công: tức Thiệu Công Thích, em vua Vũ nhà Chu, giúp Thành Vương lo việc trị nước.

6. Công Tôn Hoảng: tức Bình Tân Hầu, xem ct. 5, tr. 198.

7. Đồng Giang Đồ: tức Đồng Trọng Thư, nhà nho chân chính thời Vũ Đế, bị Công Tôn Hoảng gièm, phải ra làm tướng ở Giang Đồ.

79. Đặng Thông là người gièm Giả Nghị

Sử chép: "Văn Đế muốn dùng Giả Nghị, các đại thần Giáng⁽¹⁾, Quán⁽²⁾, Đông Dương Hầu⁽³⁾ tìm hết cách hại Nghị". Xem ra Giáng, Quán và Trương Tương Như⁽⁴⁾ vốn vẫn được khen là bậc trưởng giả trọng hậu, lại là những người không cam chịu nhấn nhục trước sai trái của người khác, thì đời nào họ có thể cậy quyền mà che lấp người tốt. Theo sử chép thì họ đã nối tiếp nhau mất dần, chứ không phải là bọn làm hại người khác. Cho nên sách *Phong tục thông khảo* của Ứng Thiệu⁽⁵⁾ chép lời Lưu Hưởng⁽⁶⁾ nói với Thành Đế⁽⁷⁾ rằng: "Giả Nghị mấy lần can vua việc chơi bời sân bắn. Cùng chức Thị trung như Đặng Thông⁽⁸⁾, nhưng Nghị ghét tư cách của Thông, mấy lần chê Thông

1. Giáng: Giáng Hầu, tức Chu Bột, xem ct. 2, tr. 180.

2. Quán: Quán Anh, xem ct. 3, tr. 169.

3,4. Đông Dương Hầu: Trương Tương Như được phong tước hầu là Đông Dương, một danh tướng của nhà Hán.

5. Ứng Thiệu: người thời Đông Hán, học rộng biết nhiều, soạn ra sách *Phong tục thông khảo*, phân biệt tên gọi các vật loại.

6. Lưu Hưởng: tự Tử Chính, người thời Tuyên Đế và Nguyên Đế nhà Hán, có tài văn chương, soạn ra *Hồng phạm ngũ hành truyện*, *Liệt tiên truyện*, *Tân tự*, *Thuyết uyển*.

7. Thành Đế: vua Thành Đế nhà Hán.

8. Đặng Thông: vốn làm nghề chèo thuyền. Một lần Văn Đế nhà Hán nằm mộng được lên trời, có người đầu đội mũ vàng đẩy thuyền cho. Tỉnh dậy Văn Đế cho người tìm, được Đặng Thông đúng là người trong mộng, bèn cho làm Thượng đại phu.

ở ngay triều đình, do đó Nghị bị [vua] xa lánh đổi ra làm Thái phó ở Trường Sa. Khi qua sông Tương, Nghị viết thư ném xuống sông viếng Khuất Nguyên⁽¹⁾, đồng thời cũng nhân đó tỏ ý xót thương thân mình đã bị Đặng Thông gièm pha. [Trong thư] có câu: Kẻ hèn hạ được tôn hiển kẻ gièm pha đặc chí...". Xem đó thấy Giả Nghị bị hại do Đặng Thông chú không phải do Giáng, Quán. *Hán thư* cũng chép: "Viên Áng⁽²⁾ vì mấy lần can thẳng mà không được ở lâu trong triều..".

Nói tóm lại, trái ý nhiều thì bị ghét, được lòng nhiều thì được yêu. Ngay vua hiền tài cũng không tránh khỏi lẽ thường ấy. Người đời chỉ thấy Văn Đế dùng xe nghe lời nói thẳng, liền cho ngay là biết dùng người, thế thì chưa đúng.

Hổ Trai nhận thấy, lời bàn cho rằng Giáng, Quán không gièm Giả Nghị, mà gièm Giả Nghị là Đặng Thông. [Ý này] dẫn lấy ở sách ít người đọc, nhưng cũng làm người ta rất thích, đồng thời có thể rửa được nỗi oan cho đại thần đời xưa. Song các lão thần ở trong triều, khi thấy những người ít tuổi ham mê công việc, muốn thay đổi sự thế triều đình, thì thường không bằng lòng. Một là họ sợ [những người ít tuổi] không thấy hết lợi hại, khinh trọng. Hai là họ sợ khi

1. Khuất Nguyên: tên là Bình, biệt hiệu Linh Quân, làm quan Tam lư đại phu nước Sở, bị gièm phải đày ở Giang Nam đã nhảy xuống sông Mịch La.

2. Viên Áng: xem ct. 4, tr. 180.

vua nghe xuôi tai rồi thì mọi người sẽ xắn áo hùa theo. Nhu thế phép tắc của tổ tông sẽ bị phá vỡ, không giữ được nữa, kẻ tiểu nhân sẽ nhân sơ hở đó, mặc sức làm đổ đất nước. Tuy nhiên trong đó cũng có một đoạn phải để tâm suy nghĩ là: Nếu ghét bỏ, gièm pha, hãm hại và xem thường người tài trong thiên hạ thì hẳn là tiểu nhân rồi. Tôi cũng tin Giáng, Quán không làm những việc ấy.

80. Vũ Đế nhà Hán yêu người tài, trọng kẻ sĩ, biết nghe lời can

Trong lúc Vũ Đế đang hăng say mở mang bờ cõi, [tuông rằng] nếu có người can việc đánh Hung Nô, chắc [Vũ Đế] sẽ gạt đi không thèm để ý đến. Thế mà Chủ Phụ Yển, Từ Lạc, Nghiêm An⁽¹⁾ vốn là những người áo vải lại dám khởi đầu nói đến việc ấy, trái với lòng ham muốn của Vũ Đế. Vậy mà sáng tâm việc, chiều đã được vờ vào, [Vũ Đế] còn tỏ ý ân hận là gặp gỡ muộn, rồi cho [ba người] vượt cấp làm quan. Như vậy thì suy nghĩ của Vũ Đế [lúc ấy] thế nào? Có lẽ vì: ý tuy đã quyết, nhưng cũng không thể không e ngại trước công luận, nên mới bình tâm xem lại chỗ sơ hở, bền lòng suy xét việc đã qua, bỗng hiểu ra nên mới hồ hởi tán thưởng [mấy người kia]. Qua đấy cho thấy lòng

1. Chủ Phụ Yển người Lâm Truy, Từ Lạc người Vô Chung, Nghiêm An người Lâm Truy cùng can Vũ Đế việc đánh Hung Nô là không có lợi, sau đều được giữ chức Lang trung. Riêng Chủ Phụ Yển một năm được thăng chức đến ba lần, làm tới chức Lang trung đại phu.

yêu người tài, trọng kẻ sĩ và lượng rộng biết nghe lời can [của Văn Đế] thật là đời sau không dễ bì kịp.

81. Việc dùng binh, điều dân và chi dùng trong nước của Vũ Đế nhà Hán

Binh, dân, tài (tiền của) là ba việc luôn phải gắn bó với nhau để tồn tại. Nghỉ ngơi, an dưỡng, thanh tĩnh, tiết kiệm là cảnh tượng của thời thịnh trị. Ở vào thời ấy không có gì để bàn nữa. Nhưng khi tình thế không thể không dùng đến binh lại phải dùng lâu thì sẽ tổn của, tiền của dùng nhiều sẽ hại đến dân. Quân mỗi mệt, tiền của hao kiệt, dân khốn cùng mà nhà nước không có kế hay cho mai hậu thì chỉ có thể nhận lấy sự suy bại thôi. Vũ Đế đánh dẹp bốn rợ hơn ba chục năm, người bàn ví Vũ Đế ngang với Thủy Hoàng nhà Tần. Nhưng xem kế sách, mưu lược [của Vũ Đế] thấy có ý sâu xa hơn. [Trong đánh dẹp] ngoài việc điều động tài quan kỵ sĩ ở các quận ra [Vũ Đế] còn bắt cả những viên lại bị giáng trích và bọn thất khoa⁽¹⁾, bọn trốn tránh, bọn trai trẻ hư hỏng. Hầu hết số người bổ sung cho đội quân đánh dẹp đều là bọn phóng đảng, hung hãn, không nơi nương tựa, không nghề nghiệp. Còn người làm việc thì được miễn. Mỗi lần [đưa quân] ra khỏi cửa

1. Thất khoa: bảy loại người có tội: 1. Viên lại có tội, 2. Kẻ trốn tránh, 3. Người gửi rể, 4. Người đi buôn, 5. Người có số thị tịch, 6. Người có cha mẹ có số thị tịch, 7. Người có ông bà có số thị tịch.

ai, [Vũ Đế] đều bắt họ phải mang đầy đủ lương khô, để có thể thọc sâu vào đất giặc, đuổi giặc đến cùng. Khi bãi binh thì đâu lại về đấy, chưa bao giờ lưu quân quá hạn, chưa bao giờ lấy quân đồn thú ngoài biên. [Ở những chỗ hiểm yếu] phải dựng đồn xây lũy thì đưa những người có tội ra làm. Việc chiêu mộ phu dịch được lấy rất rộng nhưng chưa hề phải bắt đến dân nội địa. Còn binh phí, tuy nói tính công tính lợi không sót một li, nhưng là đánh thuế vào xe thuyền, bắt khai báo tiền tích trữ⁽¹⁾, thực hành phép quân thu⁽²⁾, thu nguồn lợi muối và rượu⁽³⁾, khai mỏ sắt mỏ chì, lấy chỗ nhiều bù chỗ ít, mức chỗ đầy đổ chỗ vơi, đại để đều thu nguồn lợi từ các nhà buôn bán, nhà khá giả và nguồn lợi phong phú sẵn có của sông núi, cửa quan, các chợ, chứ không hề tăng thuế nặng thêm, làm khốn khó đến người làm ruộng. Cho nên, trong nước tuy nói là hư hao, nhưng cội gốc không đến nỗi kiệt quệ. Bởi vậy khi đã bàn đến việc [cho quân] nghỉ ngơi tức là tinh thần,

1. Người có tiền tích trữ phải khai báo để nộp thuế. Cứ một ngàn đồng phải nộp 20 đồng, ai không nộp dân có thể cáo giác và được một nửa số tiền.

2. Phép quân thu: Thời bấy giờ đặt ra chức quan Quân thu lãnh thừa, giữ việc mua bán sản phẩm trong nước, rẻ thì mua vào, đắt bán ra với giá phải chăng, lại mua ở chỗ nhiều bán cho chỗ ít, điều hòa vật giá trong nước.

3. Nhà nước giữ đặc quyền về việc làm muối và nấu rượu, dân làm sẽ bị tội.

nguyên khí của nhà nước sẽ chẳng mấy năm đã có thể khôi phục lại được như thời Văn Đế, Cảnh Đế trước kia. Đó chẳng phải là do ăn ở có đạo, chỉ dùng có tiết độ mới được như thế sao? Người chép sử khen Vũ Đế hùng tài đại lược là đúng lắm.

Ngô Dương Đình thấy rằng, trên đây là những lời bàn đã thấy được sự thực rất sâu xa về Vũ Đế. Song suy cho cùng, như *Hán thư* nói: "[Vũ Đế] nông cuồng⁽¹⁾", cũng chẳng phải là tự bịa ra được.

Hồ Trai thấy lời bàn trên đã nêu được những điểm cốt yếu. Nhưng Vũ Đế [sở dĩ] mạnh được, suy cho cùng vẫn là nhờ Văn Đế và Cảnh Đế bồi đắp [từ trước]. [Còn việc] hay dùng khinh binh và kỳ binh [đi đánh dẹp] là vì lúc đấy do tính toán việc dùng binh, dùng tiền của, [Vũ Đế] còn có ý thương dân. Cho nên ý trời còn cho hồi phục lại được. Tuy nhiên vẫn có điều không ổn. Đại khái là, việc võ bị không được lòng léo nhưng việc binh cũng không được dùng nhàm, đồng thời, của cải dần nên nắm giữ nhưng cốt phải để trong dân. Đó là phương cách không thể thay đổi được, làm điều trái lớn thì hỏng việc lớn, làm điều trái nhỏ thì sinh loạn nhỏ.

Đông Giang nghĩ rằng Vũ Đế hùng tài đại lược, đúng

1. Vũ Đế lúc về già, ăn hận về một số việc làm của mình, đã nói với quần thần: "Ta từ khi lên làm vua, đã làm nhiều việc nông cuồng, làm cho thiên hạ sầu khổ. Nay những việc làm phương hại đến dân và trăm họ sẽ bãi bỏ hết".

là ông vua anh hùng ngàn xưa. Việc [Vũ Đế] chặt hai cánh tay của Hung Nô; thông với Di, Địch bên tây nam; bình định đất Nam Việt; đặt ra chín quận, mở đất hàng mấy vạn dặm; điều phu dịch không dùng đến dân; tô thuế không đè nặng lên nhà nông; sắp đặt thích hợp, điều hành có phương pháp. So với việc Thủy Hoàng nhà Tần mở rộng đồn thú ngoài biên để sinh họa loạn thì khác nhau trời vực. Hoàng Đế nói: "đứng giữa trời thì nóng, cầm dao thì phải cắt"⁽¹⁾. Vũ Đế hợp với câu nói đó chăng? Bấy giờ Hoài Nam Vương⁽²⁾ dâng thư cố can, vẫn là những ý tốt, nhưng Vũ Đế gạt đi không nghe. Nếu nghe lời can ấy thì biết đâu một vài đời sau khỏi lửa lại chẳng đến tận Hàm Dương?⁽³⁾

82. Bề tôi được dự bàn việc nước

Kinh Thư nói: "Bàn cùng khanh sĩ"⁽⁴⁾. *Kinh Thi* nói: "Hỏi người kiếm củi cắt cỏ"⁽⁵⁾. Người đời xưa không hề bỏ qua việc hỏi han rộng rãi mọi người. Xét ra, việc họp bàn ở triều đình là nhằm thu lượm cho hết ý kiến quần thần, và chỉ cốt xem ý kiến ấy có phải lẽ hay không, chứ

1. Dẫn lời Hoàng Đế, vua thời cổ đại Trung Quốc, chép trong sách *Lục thao* của Thái Công.

2. Hoài Nam Vương: tức Lưu An nhà Hán, được phong vương ở đất Hoài Nam, thay Kinh Bồ.

3. Hàm Dương: Kinh đô nhà Hán.

4. Lời thiên Hồng phạm, *Chu quan*, *Kinh Thư*.

5. Lời thơ *Bàn*, *Dại nhĩ*, *Kinh Thư*.

không để ý đến thứ bậc [của người nói] cao hay thấp; đồng thời chỉ mong thành việc nước, chứ không để ý đến lời nói của ai đó có được dùng hay không.

Dưới thời nhà Hán, bề tôi được dự bàn trong triều, có Vương Khôi⁽¹⁾, Hàn An Quốc⁽²⁾ đã bàn về việc dùng binh, các nhà hiền lương văn học cùng với Tang Hoàng Dương⁽³⁾ đã bàn về việc thuế muối thuế sắt. Họ biện bạch, phân tích thật rõ ràng rành mạch bằng hết hiểu biết của mình. Và dẫu trong lúc bàn bạc không khỏi tranh cãi, bài bác lẫn nhau, nhưng họ vẫn bình tĩnh, vô tư lắng nghe lời nói của nhau. Cuối cùng, theo đúng sự thực đã bàn cãi trình lên trên, đợi trên quyết định. Qua đấy có thể thấy sự ôn hòa trung hậu của họ. Đồi sau không thế. Họ nổi nóng với nhau, lấy cấp bậc, uy thế mặt sát lẫn nhau. Khi ý kiến trái nhau là sinh mâu thuẫn. Đồng thời, khi họ có viết ra tấu sớ thì ruộm rà, người xem phải phát ngán; có biện luận thì khô khan, người nghe không khỏi buồn ngủ. Vì thế nhà nước khó quyết định và mâu thuẫn cũng nảy sinh: Bề tôi thì lo vua không dùng lời mình. Vua thì khổ về

1,2. Vương Khôi và Hàn An Quốc là hai công khanh triều Hán. Khi Vũ Đế trưng cầu ý kiến về việc đánh Hung Nô. Hàn An Quốc bàn không nên đánh, Vương Khôi bàn nên đánh. Vũ Đế theo kế của Vương Khôi dụ Hung Nô vào biên ải để diệt, kế bị lộ. Từ đó quan hệ giữa Hán với Hung Nô không còn hòa thân nữa. Vương Khôi bị bắt giam, tự sát chết.

3. Tang Hoàng Dương: giữ chức Đại nông thừa, quản muối và sắt trong nước. Sau làm đến chức Ngự sử đại phu, đặt ra phép bình chuẩn. Trong cuộc luận bàn về muối sắt và rượu. Tang Hoàng Dương đã tranh luận với hơn 60 nhà hiền lương văn học trong triều đình Hán.

những lời bàn không mang lại ích lợi gì. Tất cả đều nhu thế thôi.

Đông Giang nhận thấy, nếu muốn biết vận đời lên hay xuống, xem đây có thể rõ được.

83. Có phải Vương Thành khai man thêm dân số không?

Tuyên Đế nhà Hán khen Vương Thành⁽¹⁾ [có công chiêu tập dân chạy trốn]. Nhưng có người lại nói Vương Thành khai man thêm dân số. Tiên nho thì chê là chính sách xét duyệt của Tuyên Đế không khỏi có vết. Thiết tưởng [những lời nói trên] không đúng. Vì có hộ khẩu thì có sổ sách, có sổ sách là có tô thuế. Cho nên nếu lừa dối thì chỉ có thể khai bớt đi, chứ khai tăng lên, sao có thể làm giả thêm ra được? Giao Đông là một quận nhỏ, nếu dân lưu tán trở về đông đủ cũng chưa đến trên tám vạn khẩu, mà Vương Thành khai bừa cho đủ con số ấy để trình lên vua thì khẩu phú⁽²⁾, toán phú⁽³⁾, canh phú⁽⁴⁾ sẽ

1. Vương Thành: vị quan ở quận Giao Đông, có công chiêu tập dân chạy trốn, làm cho dân ở quận tăng lên được 8 vạn khẩu. Vũ Đế khen và phong cho tước Quan Nội hầu.

2. Khẩu phú: thuế thân. Thời nhà Hán trẻ em từ 7 tuổi đến 14 tuổi mỗi năm phải đóng 23 đồng, gọi là khẩu phú.

3. Toán phú: thuế thân. Thời nhà Hán, tuổi từ 15 trở lên mỗi năm nộp 120 đồng, người buôn bán phải nộp gấp đôi, gọi là toán phú.

4. Canh phú: thuế thân cho người trong tuổi quân dịch. Xem thêm ct. 1, tr. 185.

đều theo đó tăng thêm. Vương Thành thu vào đâu để nạp cho đủ thuế nhà nước. Thuế nộp không đủ, trách nhiệm sẽ ai gánh chịu? Trên có vua sáng, lại có cấm lệnh nghiêm ngặt, người nào dám lấy không làm có để tự đưa mình vào hình phạt?

Trong sử chỉ chép là: "có người nói" mà không chép rõ người nói là ai, thì cũng chỉ là lời nói còn hồ nghi thôi. Hơn nữa Ban Cố trong bài tán [của ông] đã khen Vương Thành với Cung Toại ⁽¹⁾, Hoàng Bá⁽²⁾ là có công trị dân. [Khen như thế] tất phải có nhận xét chủ quan của mình.

Vào thời Khai Nguyên nhà Đường, xét về số dân chạy trốn, thì ở các châu các quận, phần lớn đều khai man thêm. Nhưng cũng không đáng bao nhiêu. Như vậy không giống với ở đây. nhà Đường có hơn ba trăm quận, tính cả số người ở nơi khác chạy đến mới được hơn tám chục vạn. Nếu có khai man thêm thì thực số cũng phải chiếm một nửa. Như thế hư số (số dân man khai thêm) trong một quận chẳng đáng mấy. Nay một quận Giao Đông mà lại dám mạo tăng lên hơn tám vạn khẩu. Thật không có lý ấy.

1. Cung Toại: người thời Hán, làm Thái thú quận Hà Nam, có công yên định dân trong quận.

2. Hoàng Bá: người thời Hán, làm Thái thú quận Bột Hải, có công yên định dân trong quận.

84. Tuyên Đế nói nhà Hán có chế độ riêng

Tuyên Đế nói nhà Hán có chế độ riêng và vốn được kết hợp giữa đạo làm vương với đạo làm bá. Họ Đới⁽¹⁾ chê điều ấy. Ông cho rằng: "Việc trị nước làm gì có phép riêng của nhà, phép riêng của nước? Nhà Chu trung hậu, từ ngày có trời có đất cho mãi về sau, chưa hề thay đổi [phép nước]. Nói đó là phép riêng của nhà Chu được chăng? Nhà Tần hà khắc, nhà còn không giữ nổi, sao có phép tắc riêng được?"

Lời bàn trên chưa đúng. Triều đại nào có quy mô riêng của triều đại ấy; ông vua nào có thể thống riêng của ông vua ấy. Tuy con đường dẫn tới trị nước ai cũng đi chung, nhưng trong việc làm thì người nào làm theo sở trường của người ấy. Cho nên hình thức trị vì đương thời khác thì tệ hại để lại cho đời sau cũng khác theo. Nếu bảo không có phép tắc riêng của một nhà và cho rằng đó chỉ là làm theo ý riêng, thì lời Thánh nhân nói: "Nhà Hạ tôn kính mệnh trời; nhà Ân chuộng tước vị; nhà Chu chuộng người thân..." và những điều mà sách *Trung dung* nói: "Lấy vua Văn vua Vũ làm khuôn phép"; sách *Luận ngữ* nói: "Sự bất hay thêm có thể biết được", đều là lời vu vơ cả sao? Nói như thế có được chăng? Vả lại "trung hậu là cái tâm, cái tâm ấy được biểu hiện trong phép tắc". Đã nói như thế mà lại bảo nhà Chu không chuộng gì cả, liệu có được không?

Nhà Tần tuy không giữ được nhà, nhưng phép tắc nhà Tần vẫn thấy chép trong sử sách, còn có thể khảo cứu

1. Họ Đới: ?

được. Người đời sau có nhắc đến việc dùng hình phạt [trong trị nước] thường vẫn kể đến nhà Tần. Như vậy sao có thể nói nhà Tần không có phép riêng? Ý của họ Đới chỉ có thể hiểu là: thiên hạ chỉ có một đạo lý nhất định, người đời xưa đều theo đó. Còn điều mà họ Đới chê, chung quy đều không đúng cả. Nếu đem lời nói ấy mà bàn về kết quả [đạt được] của nhà Chu nhà Tần thì được, còn bàn về cách cai trị của nhà Chu nhà Tần thì không đúng.

Ngô Dương Đình cũng đã từng so sánh các lời bàn, thấy lời bàn của họ Đới không đúng.

Hồ Trai thấy Tuyên Đế nhà Hán trị thiên hạ, về từng điểm thì đúng, còn tổng thể thì sai. Xét ra vương và bá là hai đạo riêng mà lại nói rằng: "[chế độ nhà Hán] là kết hợp giữa đạo làm vương với đạo làm bá". Thế là đã nhìn thấy chỗ sơ hở của tổ tông mà vẫn dùng, lại còn coi đó là sự khéo léo của mình. Như cái chết của họ Triệu⁽¹⁾, họ Cái⁽²⁾, họ Hàn⁽³⁾, họ Dương⁽⁴⁾, Tuyên Đế vẫn biết tội của

1. Triệu Quang Hân: vị quan thanh liêm sáng suốt triều Tuyên Đế nhà Hán, được dân mến phục, sau bị quan Tể tướng nghi ngờ, mắc tội oan, bị chém ngang lưng.

2. Cái Khoan Nhiêu: giữ chức Hiệu úy, là vị quan trung thực, can thẳng, vì dâng thư can vua mà mắc tội, phải tự tử.

3. Hàn Diên Thọ: quan Thái thú ở Đông Quận, lại tăng là Tả phòng đốc, có công trị yên 24 huyện địa phương, sau bị tội chém bêu đầu ở chợ.

4. Dương Hồn: làm quan Trung lang, tính thanh liêm, do quan Thái bộc là Đới Trường Lạc vu cáo, bị cách làm dân thường, bèn viết thư cho Tôn Hội Tông kể về mình. Tuyên Đế bắt được thư, khép tội đại nghịch, chém ngang lưng.

họ chưa đến mức ấy, song vì muốn tỏ rõ luật pháp của mình nên đã dùng hình phạt nghiêm khắc, làm cho mọi người thấy đó phải "không rét mà run". Tuy nói việc "giết một người để răn cả thiên hạ" chỉ có ông vua anh minh mới làm được, nhưng dù sao cũng vẫn tổn hại đến nguyên khí. Nguyên Đế vì lấy làm răn về sự hà khắc của cha mà lo mở lượng khoan dung, thành ra người quân tử, kẻ tiểu nhân lẫn lộn không sao phân biệt được. Cuối cùng sau cái chết oan uổng của Tiêu Vọng Chi⁽⁶⁾, bọn Cung⁽⁷⁾, Hiến⁽⁸⁾ chuyên quyền làm loạn thiên hạ. Đạo làm vương trước hình phạt và khen thưởng phải phân biệt rõ ràng như nghĩa với lợi. Phải phân biệt cho thật đúng, xử trí cho thật thỏa đáng không được mảy may qua loa xong chuyện. Chỉ có dùng người theo đúng đạo lẽ, xử tội người cũng theo đúng đạo lẽ, không lấy uy thế cướp đoạt [của cải người khác], không để lòng người chán ghét thì sẽ không sinh ra tệ hại. Xưa có câu: "Dè sèn quá sẽ sinh xa hoa; nghiêm ngặt quá sẽ sinh lòng léo". Tôi cho rằng sự nhu nhược của Nguyên Đế là [hậu quả] của sự khe khắt của Tuyên Đế để lại. Nếu đương thời Tuyên Đế tách bạch được lẽ vật tình người, điều phải lẽ trái, cái được cái mất và suy xét cho đến nơi

6. Tiêu Vọng Chi: quan Thái thú ở Bình Nguyên, sau vào triều giữ chức Thiếu phủ, rồi Thái phó. Sau bị Hoàng Cung và Thạch Hiến vu cáo, ông bị bắt, tự sát chết.

7; 8. Hoàng Cung và Thạch Hiến: hai hoạn quan thời Tuyên Đế. Tuyên Đế chết, Nguyên Đế lên thay, Cung, Hiến chuyên quyền giết hại hiền thần.

đến chốn mọi lẽ thì Nguyên Đế tự nhiên sáng tỏ và hết nghi ngờ, sau này ra trị thiên hạ cũng nắm nổi quyền trong tay. Nhưng [Tuyên Đế] chỉ dạy cho Nguyên Đế có một nửa, lại trách mắng Nguyên Đế luôn. Tôi biết Tuyên Đế trước hình phạt và khen thưởng chỉ là dùng thuật, mà ngay cả chính mình cũng có chỗ không lý giải được. Ở đây ông Quế Đường giảng bàn rất xác đáng. Đời gần đây như Thế Tông nhà Minh cũng bắt chước Tuyên Đế nhưng không sao theo kịp được. Còn Thần Tông nhà Minh thì cũng cùng một duộc như Nguyên Đế thôi.

85. Lời bàn về Hồ Trí Đường và Ôn Công

Hồ Trí Đường⁽¹⁾ là người có học vấn thuần túy, có tài nghị luận sâu rộng và rất sát thực. Nhưng chỉ vì không thích lời bàn của Ôn Công⁽²⁾ mà ông hay dùng lời gượng gạo để bài bác. Đó là cái dở của người giỏi. Hai việc tôn Tào Ngụy⁽³⁾ làm đế và ngợi khen Tuân Úc⁽⁴⁾ ông biện luận rất đúng. Nếu Ôn Công được thấy điều ấy hẳn cũng không nói gì thêm được. Còn những việc khác đều gượng ép và

1. Hồ Trí Đường: tức Hồ Dân, người thời Cao Tông nhà Tống, tác giả sách *Độc sử quân kiến*.

2. Ôn Công: tức Tư Mã Quang, người thời Bắc Tống, tác giả bộ sách *Tư trị thông giám*.

3. Tào Ngụy: chỉ cha con Tào Tháo nước Ngụy thời Tam quốc.

4. Tuân Úc: mưu thần của Tào Tháo, có công giúp Tào Tháo đánh Viên Thiệu và Lưu Biểu. Sau vì phản đối việc phong danh hiệu Quốc công cho Tào Tháo, bị Tào Tháo nghi kị phải uống thuốc độc tự tử.

khe khát quá.

Ôn Công cho rằng: "đạo làm vương và đạo làm bá không khác nhau, đều gốc ở "nhân", sinh ra ở "nghĩa" và là những việc như dùng người hiền, cất nhắc người tài; khen người lành, trị tội kẻ ác; ngăn cấm kẻ hung bạo, trừ giết kẻ làm loạn; xét danh vị có cao có thấp ; đức trạch có sâu có nông, công nghiệp có lớn có nhỏ mà thôi". Lời bàn ấy [của Ôn Công] rất phải. Dẫu chưa nói rõ học thuật thuần chính hay bác tạp, tâm địa thành thực hay giả dối, nhưng những điều chủ yếu đã chứa đựng cả trong đó rồi. Họ Hồ cho ông là không hiểu đạo học của thánh nhân, chẳng quá đáng lắm sao?

Ôi, bảo rằng đạo làm vương và thuật làm bá ví như ngọc đẹp với đá cuội thì ai mà chẳng biết. Nhưng nếu bảo rằng việc làm của thuật làm bá không hợp với đạo làm vương thì không được.

Mạnh Tử nói: "hai chữ "chân thật" và "giả dối" (đạo làm vương chân thật, đạo làm bá giả dối) đã tự nó tách bạch rõ ràng rồi". Thiên hạ chỉ có một đạo lý chính đáng, con đường đi đến trị vì, ai chẳng theo đó. Chỉ có hoặc chân thật hoặc giả dối mà thôi. Nay làm trái đạo ấy thì cũng như làm loạn, sao nên nghiệp bá được? Nếu đem lời phán xét của sách *Đại học* mà bài bác tất cả, là chưa xét kỹ đến tác dụng của năm đời bá vậy. Xem sách *Tả truyện* và *Quốc ngữ* chép về những việc đã làm [của năm đời bá] thì thấy cũng có nhiều việc khả quan. Sao có thể bài bác cả được? Nhà nho ta hay bàn cao nói rộng, cho sau ba

dời (Hạ Thương Chu) không được điều gì cả. [Tôi] ngờ là câu nệ quá.

Hồ Trai thấy đoạn bàn về Hồ Tri Đường rất đúng. Sách *Thông giám* của Ôn Công vốn không dám ví với *Kinh Xuân Thu*, mà chỉ là ghi lại sự việc thôi. [Sách chép] tôn Ngụy làm đế cũng là chép lại sự việc. Còn việc Tuân Úc thì cũng có chỗ hay. Tuân Úc mang cái học thuật "tì thiếp" của mình, coi thiên hạ không ai đáng cùng bàn, nhưng rồi không thể khác được, đành phải theo Tào Tháo, như lúc giặc sắp đến phải tạm theo bọn thổ hào, chung sức đánh giặc. Nhưng khi giặc đã dẹp yên rồi, viên thổ hào muốn chiếm thành làm phản thì thà chết chứ không theo. Như thế thì cũng có thể tha thứ được. Tuy rằng họ Tào mạnh lên là nhờ sức của Tuân Úc, nhưng cùng thuyền thì phải giúp nhau là lẽ tất nhiên thôi, cố sao lại tách bạch vương với bá [ra làm hai?]. Người đời sau bàn cũng xoi mói quá. Thiết tưởng về đạo làm vương thì từ ba đời (Hạ, Thương, Chu) trở về sau chỉ có Vũ Hầu⁽¹⁾ nhà Hán thông hiểu mà làm cũng không trái; Lục Tuyên Công⁽²⁾ cũng hiểu rõ và làm cũng trôi chảy. Đạo làm vương chẳng có gì khác, chính là hợp với lẽ trời, với lòng người, trôi chảy như ý muốn của người ta thôi. Nếu cố gượng gạo mà đặt ra danh mục thì không vu khoát cũng hủ lậu. [Ý tôi như thế] chưa biết

1. Vũ Hầu: tức Gia Cát Lượng, quân sư của Lưu Bị nhà Hán thời Tam quốc.

2. Lục Tuyên Công: tức Lục Chí, quan Tể tướng thời cuối nhà Đường.

các bậc cao minh nghĩ thế nào? Ông Quế Đường nói: đạo của Thánh hiền chỉ ở chữ "thành" mà thôi. Chưa bao giờ đã "chính" mà không "thành" cả. Hồ Trai nghĩ rằng bản thân mình có tấm lòng không dấu điểm người, lại đái người bằng tấm lòng không trái với lòng mình, thì đó chính là đạo làm vương vậy. "Thành" và "chính" đều đã chứa ở trong đó cả rồi.

Đông Giang thấy rằng Ôn Công là nhân vật bậc nhất thời Tống. Cái "chí thành; cách vật" của ông có bản lĩnh lớn của thánh hiền; công phu học vấn của ông cũng rất mực đốc thực; bộ sách *Tu trị thông giám* của ông, các mục non sông hiểm yếu, khí giới hành trận không chỗ nào là không tinh tường. Ông thực là một người tài giỏi, có thể ngồi đấy mà nói, cũng có thể đứng dậy mà làm. Hồ Trí Đường lại đem văn học chê ông, thế là không biết người.

86. Ôn Công và Trí Đường bàn về việc Quang Vũ nhà Hán dùng Trác Mậu

Quang Vũ [khi dựng nghiệp trung hưng] tìm dùng Trác Mậu⁽¹⁾ đầu tiên. Ôn Công⁽²⁾ khen Quang Vũ biết làm những việc cần làm trước, lại hợp với lẽ khôi phục nghiệp

1. Trác Mậu: tự Tử Khang, người đất Uyển thời Hậu Hán, nổi tiếng là bậc thông nho. Thời Nguyên Đế, giữ chức Thị lang. Khi Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, Trác Mậu cáo bệnh không ra giúp. Quang Vũ dựng nghiệp trung hưng, Trác Mậu lại ra làm quan, giữ chức Thái phó, tước Bao Đức hầu.

2. Ôn Công: xem ct. 2, tr. 213.

cũ, nên được hưởng phúc lâu dài.

Trên đây chỉ là khen riêng về một việc ấy chứ không phải cho rằng việc ấy có thể bao trùm hết thảy mọi việc trong một thời. Thế mà Trí Đường⁽¹⁾ bàn rộng ra cả chính sự đời Kiến Vũ⁽²⁾, rồi cho Ôn Công là vu khoát, câu nệ. Thật là những lời vô vị. Đoạn dưới lại dẫn việc Cao Tổ nhà Hán định pháp độ⁽³⁾, Văn Hoàng nhà Đường giết kẻ nịnh⁽⁴⁾ để nói về việc coi trọng cái căn bản. Như vậy càng không vượt ra ngoài ý của Ôn Công. Khi bàn đến chỗ bớt lại viên, giảm phu dịch, họ Hồ còn nói rằng: "...nghệp trung hưng rất hiển hách". Vậy Quang Vũ trung hưng được, chỉ nhờ có một việc ấy thôi ư? Nếu như ai đó bàn rằng: "giữa lúc người trong nước đang mong đợi cảnh thái bình, điều hay khác còn chưa thấy, mà nói chỉ nhờ có mỗi việc giảm bớt lại viên ngồi ăn không đã làm cho thành ngay nghiệp trung hưng, là lời vu khoát của nhà nho", thì thế nào?

1. Trí Đường: xem ct. 1, tr. 213.

2. Kiến Vũ: niên hiệu của Quang Vũ nhà Hán từ năm 25 đến 56.

3. Cao Tổ nhà Hán khi vào Hàm Dương, đã bãi bỏ hết mọi lệ cũ của nhà Tần, đặt ra ba điều nghiêm trị bọn giết người, bọn đánh người, bọn trộm cướp, gọi là ước pháp tam chương.

4. Văn Hoàng nhà Đường (Đường Thái Tông) khi lên thay cha, chú trọng dùng người hiền tài, trừng trị kẻ nịnh thần, giảm nhẹ thuế khóa và hình phạt cho dân.

87. Quang Vũ nhà Hán bỏ lệ phân phong cho người cùng họ

Nhà Hán, thời kỳ đầu đều phong vương cho người cùng họ. Hậu quả thấy ngay lúc giết họ Lã⁽¹⁾. Giữa chừng lại xảy loạn bảy nước làm phản⁽²⁾. Cảnh Đế lấy đó làm răn, đã ra sức giảm bớt [đất phong], truất bỏ [tước vị của các vương hầu], vì thế mà [quyền lợi và tước vị của họ] bị mất bớt đi. [Đến thời Vũ Đế] lại hạ lệnh suy ân⁽³⁾ và đặt ra khoa phụ ích⁽⁴⁾ chư hầu chỉ được thu tô thuế để ăn mặc, không được tham dự việc chính sự, nên khi có loạn Vương Mãng⁽⁵⁾, chư

1. Cao Tổ nhà Hán mất, Huệ Đế còn nhỏ, Lã Hậu chuyên quyền, chuyển dần quyền chính nhà Hán sang tay họ Lã, mưu đồ cướp ngôi nhà Hán. Sau nhờ Trần Bình, Chu Bột hô hào quân sĩ và chư hầu giúp sức diệt họ Lã, giữ lại cơ nghiệp cho nhà Hán.

2. Loạn bảy nước: thời Cảnh Đế nhà Hán, bảy nước chư hầu là anh em cùng họ nổi dậy chống lại triều đình nhà Hán, phản đối chế độ kiểm chế chư hầu. Sau quan Thái úy Chu Á Phu phải mang quân đi dẹp mới yên.

3. Suy ân: Theo kế của Chu Phụ Yển, Vũ Đế hạ lệnh suy ân xuống các nước chư hầu, cho họ được phép mở rộng ân đức, tự cắt đất chia cho con cháu rồi báo cáo lên triều đình để đặt lại tước vị cho họ. Mục đích việc này nhằm phân tán bớt thế lực của chư hầu.

4. Khoa phụ ích: Do chế độ suy ân, số chư hầu tăng lên quá nhanh, vượt quy định. Số vượt quá quy định gọi là phụ ích.

5. Vương Mãng: người họ ngoại nhà vua, làm quan tới chức đại thần, sau tiến đoạt ngôi vua, đặt ra triều Vương Mãng.

hầu tranh nhau dâng phù mệnh⁽¹⁾, mong được thoát nạn, mà không nước nào lập nên chút công trạng gì như các nước Lỗ, Vệ, Tấn, Trịnh⁽²⁾ xưa [giúp nhà Chu]. Quang Vũ thấy rõ điều đó, nhưng sau khi trung hưng vẫn giảm bớt việc phân phong cho tôn thất, không cho họ nắm giữ việc quân và chính sự. Kể ra cũng quá đáng.

Quang Vũ xưa vốn giữ chức Đại tư mã, được [Canh Thủy] phong làm Tiêu Vương. Khi đi dẹp đất Hà Bắc, thừa lúc Canh Thủy⁽³⁾ có nội loạn, [Quang Vũ] mới lấy được cả thiên hạ. Vì vậy Quang Vũ nghi kỵ tất cả các vương trong tôn thất. Người nào được Canh Thủy phong trước kia, đều bị giáng xuống tước hầu, lại đem quân phòng bị ở Tây Kinh để khống chế thêm. Người nào đến chỗ đất phong cũng bị kiểm chế nghiêm ngặt. [Cho nên] khi có loạn Đồng Trác⁽⁴⁾, các công hầu đều yếu hèn không chống

1. Phù Mệnh: Người xưa cho rằng khi có một vị vua mới ra đời thì trời thường báo trước các điềm lành. Khi Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, vì chư hầu yếu hèn nên tranh nhau bịa ra điềm lành ca ngợi Vương Mãng mong được yên thân.

2. Các nước Lỗ, Vệ, Tấn, Trịnh thời Xuân Thu có nhiều công lớn trong việc giúp nhà Chu giữ vững ngôi thiên tử.

3. Canh Thủy: tức Lưu Huyền, dòng dõi nhà Hán, được binh lính ở Tân Thị, Bình Lâm tôn làm Hoàng Đế, lấy hiệu là Canh Thủy.

4. Đồng Trác: nguyên là Tiền tướng quân, sau mang quân vào triều giết Thiệu Đế và Hà Thái hậu, lập Hiến Đế lên làm vua. Viên Thiệu dấy binh đánh Đồng Trác. Trác mang Hiến Đế vào Trường An, tự xưng là Thái sư. Sau Trác lại bị Lã Bố giết.

lại được. Tào Quýnh⁽¹⁾ phản nản về đời Kiến An⁽²⁾ là vì lẽ ấy.

Minh Hoàng nhà Đường⁽³⁾ nguyên là tước vương ở Lâm Tri, do đẹp được nạn trong nước [lên ngôi hoàng đế] bèn bỏ hết các chức Đô đốc, Thứ sử, lại triệu họ về kinh, không cho ra khỏi nơi diện các.

Thành Tổ nhà Minh⁽⁴⁾, nguyên là Yên Vương, lên nối ngôi liền tước bỏ binh quyền của các vương hầu, chỉ cấp cho họ lương bổng, khi có công việc gì đều sai các đô phủ nắm giữ.

[Việc làm của Minh Hoàng và Thành Tổ] cũng như của Quang Vũ, đều vì lo sợ những việc mà mình đã làm trước kia, nay người khác lại sẽ làm theo⁽⁵⁾. Cho nên việc phòng ngừa và kiềm chế đã làm một cách quá đáng, thành ra sau này có việc, không được sự giúp đỡ của tôn thất.

1. Tào Quýnh: ?

2. Kiến An: niên hiệu của Hiến Đế nhà Hán (196 - 220).

3. Minh Hoàng: tức Huyền Tông nhà Đường, tên là Lý Long Cơ, con thứ ba của Duệ Tông, được phong vương ở Lâm Tri, có công dẹp loạn họ Vi, được nối ngôi vua.

4. Thành Tổ: vốn được phong vương ở đất Yên, sau mang quân về kinh sư, đuổi Huệ Đế nhà Minh rồi lên làm vua.

5. Quang Vũ, Minh Hoàng, Thành Tổ đều là các chư hầu lớn mạnh, sau mang quân về cướp ngôi thiên tử, nên sau cũng sợ chư hầu lớn mạnh lên và sẽ làm như mình đã làm.

88. Quang Vũ nhà Hán không dùng công thần

Ồi! chỉ vì Quang Vũ không dùng công thần mà Hán sử cho rằng [Quang Vũ] đã nhìn thấy tám gương sai lầm của Cao Tổ giết Hàn Tín, Bành Việt. Các nhà nho đời sau cũng theo thuyết ấy. [Thiết nghĩ] có lẽ không đúng. Canh Thủy đã làm nên nghiệp lớn rồi ít lâu sau lại bị diệt vong, là do quá tôn sùng các tướng để đến nỗi sinh ra phiến loạn. Xem trong truyện (*truyện Canh Thủy*) thấy khi Canh Thủy giấy binh đã được sự giúp đỡ của quân Hạ Giang, Tân Thị, Bình Lâm⁽¹⁾, nên đến lúc giết xong Vương Mãng, Canh Thủy bèn phong vương cho tất cả công thần. Vì vậy 14 người như Vương Khuông, Vương Phụng, Chu Vi, Trương Cù, Vương Thường, Lý Thông⁽²⁾..... đều được phong vương, lại cho họ làm tướng văn tướng võ. Bởi vậy chúc công khanh đại thần đều là những người có tham gia trận mạc. Còn chúc thượng thư quan to khác đều là những người bình thường. Cho nên lòng người không phục, trong nước phân ly. Đã thế Vương Khuông, Trương Cù lại là những tay cầm đầu bọn làm phản⁽³⁾, việc đó quá rõ ràng.

1. Hạ Giang, Tân Thị, Bình Lâm: tên ba quận do Vương Khuông, Vương Thường, Trần Mục cầm đầu. Quân của ba quận này giúp Canh Thủy chống lại Vương Mãng.

2. Vương Thường, Vương Phụng, Vương Khuông là thủ lĩnh nghĩa quân ba quận Hạ Giang, Bình Lâm, Tân Thị.

Trương Cù: Đại tướng của Canh Thủy.

Chu Vi: Đại tư mã của Canh Thủy.

3. Vương Khuông, Trương Cù, sau đầu hàng quân Xích My, đánh vào Trường An, giết chết Canh Thủy.

Quang Vũ tận mắt thấy việc ấy, làm gì chẳng phải tỏ than suy nghĩ? Mặc dù tạm thời có phải thu dùng những người vũ dũng để giúp nghiệp lớn. Nhưng khi thiên hạ đã bình định rồi thì thế tất nhiên không thể tiếp tục giao quyền cho họ được mà nhất thiết phải dùng đến quan văn mới có thể gối cao nằm yên vô lo được. Và lại Đặng Phụng⁽¹⁾ là bề tôi cũ mà làm phản, Bàng Mạnh⁽²⁾ là bề tôi thân yêu cũng làm phản thì những người khác liệu còn tin dùng được không? Thiết nghĩ, suy nghĩ của Quang Vũ Đế hẳn là lấy làm răn về vết xe đổ Canh Thủy chứ không phải soi vào tấm gương Tây Kinh⁽³⁾ xa xưa, và muốn bảo toàn cho công thần đâu. Sứ của họ Phạm⁽⁴⁾ lại không hiểu ra ý ấy là cớ làm sao?

89. Triều đình nhà Hán trước lời bàn của bề tôi

Người đời xưa bàn việc thường viện dẫn, so sánh rồi rút ra điều thiết thực, chứ không né tránh, kiêng kị gì cả. Thời Chương Đế⁽⁵⁾ nhà Hán, Dương Chung⁽⁶⁾ khi nói về

1. Đặng Phụng: ?

2. Bàng Mạnh: Bình định tướng quân của Quang Vũ, có lần được khen là bề tôi xả tác. Sau Bàng Mạnh ngờ Cái Diên đem pha mình nên cất quân làm phản.

3. Tây Kinh: tấm gương của Cao Tổ xưa.

4. Họ Phạm: tức Phạm Việp, tác giả sách *Hậu Hán thư*.

5. Chương Đế: con thứ 5 của Minh Đế thời Đông Hán, ở ngôi từ năm 76 đến năm 87.

6. Dương Chung: quan Hiệu thư lang thời Chương Đế.

sai lầm của Hiến Tông⁽¹⁾ trong việc mở mang bờ cõi có câu: "Nhà Tần đắp Trường thành phu dịch phiền phúc. Biết vậy mà Hồ Hợi⁽²⁾ vẫn không chịu sửa đổi nên cuối cùng mất cả bốn bề". Đệ Ngũ Luân⁽³⁾ khi nói đến tác hại của sự nghiêm ngặt và hà khắc của Quang Vũ lại nói tiếp rằng: "Nhà Tần vì tàn khốc mà mất nước, Vương Mãng cũng vì hà khắc mà tự diệt". Đời sau thấy những lời nói ấy biết ngay là lời chỉ trích vua đời trước. Vậy mà [những lời nói thẳng ấy] chẳng những không mắc tội, lại còn được vua dùng. [Xem thế thì thấy các triều đình khác] không thể sánh kịp phong độ của triều đình nhà Hán. Tô Thúc⁽⁴⁾ thảo bài chế [giáng chúc] Lã Huệ Khanh⁽⁵⁾, chỉ nói: "Tiên Đế có lòng nhân như Đế Nghiêu tạm dùng thủ Bá Cốn⁽⁶⁾". Thế mà người bàn lúc ấy cho là phỉ báng vua. Tô, Triệt⁽⁷⁾ can về việc không nên khinh thường và tự thay đổi chính sách của đời Nguyên Hựu⁽⁸⁾, có bàn rộng đến cả việc xưa

1. Hiến Tông: tức Minh Đế nhà Hán (58-76)

2. Hồ Hợi: tức Nhị Thế nhà Tần, con Thủy Hoàng Đế.

3. Đệ Ngũ Luân: quan Tư không thời Chương Đế.

4. Tô Thúc: nhà văn lớn thời Bắc Tống. Có một thời làm học sĩ trong triều, tham gia soạn thảo chiếu chế.

5. Lã Huệ Khanh: một viên quan thời Bắc Tống.

6. Bá Cốn: Bố đê của vua Vũ nhà Hạ, được tạm giao nhiệm vụ trị thủy, không hoàn thành bị trị tội.

7. Tô Triệt: em trai Tô Thúc, cũng là một nhà văn lớn thời Bắc Tống.

8. Nguyên Hựu: niên hiệu của Triết Tôn nhà Tống. Bảy giờ Cao Thái Hậu lâm triều, tôn Tư Mã Quang làm Tế tướng, bãi bỏ tàn pháp của Vương An Thạch.

nay, Triệu Tôn liền nổi giận nói: "Sao được lấy Vũ Đế nhà Hán ví với tiên đế?". Triều Tống [có tiếng] khoan hậu mà còn [có điều] khắc nghiệt như thế, trách chỉ các triều khác.

90. Làm chính sự phải giữ điều công bằng

Có người hỏi rằng: "làm chính sự nên khoan dung hay nên nghiêm khắc?" Xin đáp: "Cần gì phải viện chứng bằng việc xưa nay, hãy bàn nói trên những lý lẽ chính đáng". [Nghĩa là] làm chính sự là phải giữ điều công bằng, vì một việc mới chỉ dự định trong óc thôi, đã không tránh khỏi có điều lệch lạc rồi, thế thì sao có thể tốt lành hết thảy được?

Xét ra, luật pháp là những quy định chung cho cả thiên hạ. Cần phải định ra điều luật trước, mà nặng nhẹ, lớn nhỏ đều phải thỏa đáng, rồi công bố rõ ràng cho thiên hạ biết. Sau cứ theo đó mà xử quyết. Vua không định tội theo ý riêng, bề tôi không tùy tiện tha hoặc buộc tội người. [Tuy nhiên] có thể châm chúc được là : "Tội còn ngờ thì nên xử nhẹ, công còn ngờ thì nên trọng thưởng; tha mắc tiếng không nghiêm còn hơn giết oan người vô tội⁽¹⁾. "Nếu không phải do lầm lẫn, mà do liêu lĩnh lại hay tái phạm thì phải giết bỏ"⁽²⁾. "Phạm tội mà biết thú nhận không dấu diếm thì tha"⁽³⁾. Nếu cứ lấy lòng trung hậu, công bằng, thẳng

1. Lời trong *Dại Vũ mô, Kinh Thư*.

2. Lời trong *Thuấn điển, Kinh Thư*.

3. Lời trong *Khang cáo, Kinh Thư*.

thần mà làm thì chính sự sẽ thấu lý, nhân sự sẽ đạt tình, sẽ không còn dấu vết cho người bối móc, không còn tư ý để người rạch ròi. Ban thưởng, phạt tội đều thỏa đáng; giết hoặc tha đều để làm răn, dân trong thiên hạ đều hòa hợp ở đạo người. Đó là cách trị nước của các vua Nghiêu Thuấn, Văn, Vũ xưa. Vậy cần gì phải gượng ép gọi là khoan dung hay nghiêm khắc? Ngay thời Ngũ Đế⁽¹⁾, Tam Vương⁽²⁾, tuy nói là: "Bàn việc theo lễ chế, không đặt ra hình phạt", hoặc nói rằng "Không dùng luật pháp, chỉ dùng người". Nhưng thực ra, như *Thuấn điển* chép: "Phải cho [dân] biết hình phạt do pháp luật đã đặt ra". Năm tội phạm phải xử ở ba nơi, đầy ở ba nơi⁽³⁾. Hay như sách *Chu thư* nói: "Điển lệ là thầy"; *Chu lễ* cũng nói: "Những điều mà quan hình luật phải nắm gồm ba ngàn ba trăm điều thuộc năm tội, cho nên cũng phải có sách riêng". Mọi cương lĩnh điều mục được chép đầy đủ thành sách thì sẽ hết mung lung mờ昧, người ta không còn tình trạng không

1. Ngũ Đế: có ba thuyết. Trong đó một thuyết cho là: Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Cốc, Đế Nghiêu, Đế Thuấn, gồm 5 Đế thời thượng cổ Trung Quốc.

2. Tam Vương: vua thuộc ba đời Hạ, Thương, Chu.

3. Lỗi trong *Thuấn điển*, *Kinh Thư*. Bấy giờ có 5 hình thức hành hình người phạm tội là: 1. Thách chữ vào mặt, 2. Xẻo mũi, 3. Cắt gót chân, 4. Thiến, 5. Giết chết. Trong 5 tội này, tội giết chết thì xử ngoài chợ, tội thiến thì làm ở buồng tắm, còn ba tội kia cũng được xử ở nơi kín gió khác. Năm tội phải lưu đầy cũng có ba mức: tội nặng đầy trên núi cao, tội vừa đầy ra ngoài 9 châu, tội nhẹ đầy xa ngoài ngàn dặm.

biết theo đâu, cứ phải dựa vào lời bàn lúc việc đã xảy ra. Nếu tự quyết theo ý riêng, khộng theo phép thường, người không có công được lạm thưởng, kẻ phạm tội không bị giết mà nói là chuộng điều khoan dung; người có điều hay thì bỏ sót, kẻ không có tội thì bị hại mà nói là chuộng điều nghiêm khắc, như thế là đã đem lòng trể biếng ra thực thi nền chính sự vẫn bị buông lỏng, biến khí độ hẹp hòi thành thói nghiêm khắc, thì nhất định sẽ dẫn đến chỗ loạn. Làm như vậy mà cho là biết nghĩa chữ khoan dung và nghiêm khắc sao?

91. Nhà Tây Hán lâu dài hơn Đông Hán

Kinh Dịch nói: "Bền lòng với đạo thì thiên hạ xê hóa thành". Sách *Trung dung* nói: "Dài lâu là để tác thành muôn vật". Ngay từ xưa các bậc thánh nhân chẳng ai không theo đạo lâu dài mà thuận được lý của trời đất. Các vua sáng đời sau hăng hái việc trị nước, thường muốn có kết quả ngay trong một sớm một chiều, tính công trong từng thước từng tấc. Những điều còn nghĩ trong lòng thì lệch lạc, không rộng rãi; những điều thi thố ngoài chính sự thì nóng vội, thiếu hòa bình, khí tượng nông nổi, tinh hoa bộc lộ ra hết. Kết quả đạt được ngay trong chốc lát, tuy cũng đáng mừng. Song nói đến mưu kế giữ gìn trăm đời sau thì không có mảnh đất dư nào có thể mở mang khai thác được. Như vậy đâu phải là đức nghiệp to lớn lâu dài? Vì chính sự nhà Tây Hán khoan hòa ung dung; chính sự nhà Đông

Hán hẹp hòi, nóng vội nên nhà Tây Hán từ Cao Đế, Huệ Đế truyền đến Tuyên Đế, Nguyên Đế kéo dài hơn 150 năm, mà chính hóa vẫn chưa hề suy, còn nhà Đông Hán từ Quang Vũ đến An Đế mới được tám chục năm mà khí tượng đã thấy suy kém rõ ràng rồi.

Ngô Dương Đình thấy rằng: Người làm vua rất sợ có sự tách bạch lớn. Bọn giặc cỏ cũng vậy. Vì họ không phân biệt được hoa màu với cỏ dại, ngọc với đá nên tổn hại rất lớn đến nguyên khí quốc gia. Nếu mắc hai điều ấy thì đời kém mất mùa sẽ theo sau, nước sẽ mất.

Hồ Trai thấy rằng đoạn bàn về đời Tây Hán cũng hay. Chỉ có điều là, thời Cao Đế thì trong dư dật mà ngoài không đủ; thời Quang Vũ thì ngoài tuy có vỏ hình thức mà trong thì không dư dật lắm. Huống chi thời Tây Hán, tuy có giết công thần nhưng không làm tội lây rộng đến người khác, còn thời Đông Hán tuy không giết công thần nhưng lại làm tội lây rộng đến nhiều người khác. Như vụ án Sở Vương⁽¹⁾, thiên hạ xao động, tai họa rơi xuống hàng vạn người. Đó không phải là cách bồi dưỡng nguyên khí của vị vua. Ấy là một cách nói. Còn câu: "Cây trồng lại thì hoa không nhiều" lại là một cách nói khác.

1. Vụ án Sở Vương: Thời Minh Đế, Sở Vương Lưu Anh mưu phản, bị đây ra Đan Dương, sau tự sát chết. Nhưng vụ này liên lụy đến ngàn người, phải tội giam cầm kéo dài trong nhiều năm. Sau Minh Đế biết là oan, tha cho những người này.

92. Vua phải coi trọng tướng văn và tướng võ như nhau

Thái Công⁽¹⁾ nói: "Tướng võ tướng văn phải phân chức rõ ràng, mà bên nào cũng được tiến cử người hiền theo chức vị của mình". Lục Giả⁽²⁾ nói: "Thiên hạ yên thì chú ý tướng văn, thiên hạ nguy thì chú ý tướng võ". Qua đó thấy dù võ hay văn, người làm vua đều phải coi trọng như nhau, không được nghiêng về bên nào. Nếu quyền hành nghiêng về một bên là hiềm khích sẽ nảy sinh, tai họa sẽ xảy ra. Thời Hoàn Đế nhà Hán, Đại tướng quân Lương Ký⁽³⁾ nắm giữ quyền chính, định kế sách, lập ngôi vua. Quan Tư đồ Hồ Quang và quan Tư không Triệu Thành đều cúi đầu nói: "Xin theo lệnh Tướng quân". Quan Thái úy Lý Cố⁽⁴⁾ không làm chủ nổi cuộc bàn, gửi thư khuyên, [Lương Ký] không nghe theo, ít lâu sau còn hại Lý Cố phải chết trong ngục.

Thời Cao Tông nhà Tống, quan Tả bộc xạ Tần Cối⁽⁵⁾

1. Thái Công: ?

2. Lục Giả: xem ct. 2, tr. 197.

3. Lương Ký: em ruột Lương Hậu (vợ Thuận Đế nhà Hán), giữ chức Đại tướng quân ở các triều Thuận Đế, Xung Đế, Chất Đế, Hoàn Đế. Sau lòng quyền giết chết Chất Đế, lập Hoàn Đế lên làm vua.

4. Lý Cố: Hồ Quang, Triệu Thành và Lý Cố là ba người giữ chức Tam công thời bấy giờ. Thời Xung Đế Lý Cố giữ chức Tế phụ, bị Lương Ký ghen ghét nên bị buộc tội bắt bỏ tù rồi chết.

5. Tần Cối: Người Giang Ninh, tự là Hội Chi, đầu thời Tĩnh Khang bị người Kim bắt, đến thời Cao Tông thoát nạn về nước, sau làm Tế tướng. Do chủ hòa nên Tần Cối đã tìm cách giết Nhạc Phi, bãi chức Trương Tuấn, Triệu Đình là những người thuộc phái chủ chiến.

chuyên quyền, làm chiếu giả, sai khiến các quan ngoài biên ải như nô lệ. Quan Tuyên phủ Hàn Thế Trung⁽¹⁾, Trương Tuấn⁽²⁾ đều phụng mệnh [chiếu chỉ giả] đem quân về, riêng quan Thiếu bảo Nhạc Phi⁽³⁾ cố sức chủ trì việc khôi phục nhưng không được, và vì trái ý [Tần Cối] nên lập tức bị Tần Cối ra chiếu giả bỏ ngục.

Tôi cho rằng cái chết của Lý Cối là do Quang Vũ chứ không phải do Lương Ký. Nỗi oan của Nhạc Phi là do Nghệ Tổ⁽⁴⁾ chứ không phải do Tần Cối. Vì Quang Vũ không dùng chức Tam công, mọi việc đều trao cho các quan trong đài các. Cho nên đời sau mới có chức Đại tướng quân giữ việc của quan Thuợng thu, làm phụ chính trong triều. Còn chức Tam công thì ở ngoài triều và đều phải khoan tay chịu sự kiểm chế. Còn Nghệ Tổ thì tước quyền của các tướng võ, chuyên dùng nho thần. Vì thế đời sau có chức Đại chế học sĩ, giữ quyền ngoài biên ải. Ngay Chế tướng còn phải chịu quyền điều khiển [của Đại chế học

1. Hàn Thế Trung: danh tướng nước Tống, giữ chức Tuyên phủ sứ, cầm quân trấn giữ Sở Châu, bị Tần Cối làm giả chiếu lệnh gọi về tước hết binh quyền.

2. Trương Tuấn: danh tướng nước Tống, theo chủ trương hòa nghị của Tần Cối, tình nguyện rút quân về, trao trả binh quyền.

3. Nhạc Phi: danh tướng nước Tống thời Cao Tông, chủ chiến nhằm khôi phục lại Trung nguyên, đã đánh thắng quân Kim nhiều trận, lấy lại được nhiều vùng đất do quân Kim chiếm, sau bị Tần Cối làm giả chiếu lệnh bắt giam và chết trong ngục.

4. Nghệ Tổ: Thái Tổ nhà Tống.

sĩ], hướng hồ là quan Tế tướng nắm địa vị then chốt, điều khiển cả thiên hạ, làm gì chẳng dám giết đại tướng? [Thế là] vì uốn cong quá mức nên sau trước mới sai lệch đi, và cái thế bên trọng bên khinh không cân nên đời sau không sao cứu vãn lại được nữa. Ôi! đáng lấy đó làm tấm gương soi chung lắm.

Đông Giang thấy thời cổ xưa không có sự phân biệt giữa tướng văn với tướng võ. Thái Công làm Thái sư, Chu Công làm Chủng tể, thế mà khi đánh vua Trụ, dẹp loạn bên đông không chỉ sai riêng tướng võ. Đời sau tướng văn tướng võ chia làm hai bên nên mới sinh ra nhiều tệ hại. Lời bàn này có quan hệ đến mưu thuật trị nước. Thật là lời bàn nổi tiếng ở đời.

93. Nhà Đường bỏ chức Đại tướng quân

Quang Vũ nhà Hán soi tấm gương Vương Mãng gây họa⁽¹⁾, nên không đặt ra chức quan Đại tướng quân. Đến thời Hòa Đế mới lại phong cho Đậu Hiến⁽²⁾ [chức này], song cũng vì Đậu Hiến có công trong việc quân, chứ không phải vì Đậu Hiến là người họ ngoại.

1. Vương Mãng người họ ngoại nhà vua, sau tiếm đoạt ngôi vua, dựng ra triều Vương Mãng.

2. Đậu Hiến: giữ chức Xa kỵ tướng quân, có công đánh Hung Nô, được coi như trụ cột triều đình, sau lộng quyền kéo bè kết đảng, bị Hòa Đế giết.

Sau này, từ ngày Đặng Hậu⁽¹⁾ coi việc triều chính, lấy Đặng Chất⁽²⁾ làm Đại tướng quân, lệ ấy lại được bắt đầu. Diêm Hiến⁽³⁾, Lương Thương⁽⁴⁾, Lương Ký⁽⁵⁾, Hà Tiến⁽⁶⁾ đều nhờ thế cung đình⁽⁷⁾ mà nắm được cả đội quân trọng yếu, có đủ quyền lẫn át các công khanh, có thừa lực hiếp chế các cung sảnh. Mầm họa loạn thêm gay gắt là từ đó. Đến thời Tào Tháo⁽⁸⁾ lên nắm chức Đại tướng quân thì mưu mô cướp ngôi liền nảy sinh. Họ Tư Mã⁽⁹⁾ ba đời giúp nhà Ngụy cũng giữ chức ấy. Nhưng nhà Đường, khi định lại thể chế đã phế bỏ không đặt ra chức Đại tướng quân

1. Đặng Hậu: vợ Chương Đế nhà Hán, là người có học, có đức, biết dùng người. An Đế còn nhỏ, Đặng Hậu vào triều lo việc triều chính.

2. Đặng Chất: Anh ruột Đặng Hậu. Khi Đặng Hậu coi việc triều chính cho Đặng Chất giữ chức Đại tướng quân. An Đế lớn lên thân giữ quyền chính thì Đặng Chất bị truất bỏ.

3. Diêm Hiến: Đại tướng quân thời An Đế, là thân thích của Diêm Hậu, vợ An Đế.

4. Lương Thương: Đại tướng quân, bố đẻ của Lương Hậu.

5. Lương Ký: em trai Lương Hậu, thay cha là Lương Thương làm Đại tướng quân.

6. Hà Tiến: em trai Hà Hậu (Hà Hậu là vợ Linh Đế) giữ chức Đại tướng quân.

7. Nhờ thế cung đình: nhờ thế của Hoàng hậu.

8. Tào Tháo: tự là Mạnh Đức. Khi Lạc Dương bị tàn phá, Tháo mang vua về đóng đô ở đất Hứa, đánh tan quân Viên Thiệu, Viên Thuật, tự phong là Đại tướng quân. Sau lại nghe kế của Hạ Hầu Đôn tự ví mình với Văn Vương nhà Chu, cướp ngôi nhà Hán.

9. Họ Tư Mã: Tư Mã Ý, Tư Mã Chiêu, Tư Mã Viêm.

nữa, chỉ có chúc Túc vệ quân đứng trên tất cả, còn tướng quân thuộc 10 vệ đều xếp hàng xung quanh, quyền chỉ huy thuộc bộ Binh nắm giữ. Cho nên trong 300 năm không có họa loạn họ ngoại và họa cường thần. Có thể cho đó là điều rất hay.

94. Ban Cố mắc tiếng xấu là do pháp luật nhà Hán nghiêm khắc

Ban Cố là nhà thông nho văn học, [chẳng may] bị sa vào đảng họ Đậu⁽¹⁾, chú ông vốn không phải là người chạy theo quyền thế, ham mê giàu sang. Ngay từ ngày Đậu Dung⁽²⁾ làm quan mục ở đất Hà Tây, Ban Bưu⁽³⁾ đã làm tông sự cho Đậu Dung. Khi Đậu Dung vào Lạc Dương với vua, Ban Bưu cũng đưa cả gia quyến sang Đông (sang Lạc Dương). Đến thời Ban Cố với Đậu Hiến, vốn có tình bạn học, nghĩa lại viên cũ nên Ban Cố mới giữ việc điển chương, chú không phải có sự bàn bạc riêng tư hoặc ý quyền dựa thế gì. Chẳng qua vì pháp luật nhà Hán nghiêm khắc, đã cho tất tần khách [trong nhà họ Đậu] đều có liên lụy, mà không phân biệt lý lẽ gì cả, làm cho [Ban Cố] phải nhơ nhục đến thân danh, để tiếng cười đến ngàn đời sau.

1. Ban Cố là nhà chép sử thời Đông Hán, làm tân khách trong nhà Đậu Hiến. Khi Hòa Đế diệt họ Đậu, ông bị bỏ tù rồi chết trong ngục: xem thêm Đậu Hiến ct. 2, tr. 230.

2. Đậu Dung: bố Đậu Hiến.

3. Ban Bưu: bố Ban Cố.

4. Lời quẻ Tỵ, *Kinh Dịch*.

Kinh Dịch nói: "Gần kẻ không đáng gần chẳng đáng thương lắm sao". Ban Cố chính rơi vào trường hợp này.

Ngô Dương Đình nghĩ rằng: Đây là lời bàn về việc dùng lòng khoan thứ [đối xử với người]. Nhưng kẻ sĩ có tài cũng không thể không lấy Ban Cố làm gương.

95. Trời đất tuy cùng một lý nhưng vẫn có sự phân biệt về âm dương

Về câu trả lời "bốn biết"⁽¹⁾ của Dương Chấn, có bậc quân tử bàn rằng: "Trời và đất không những không thể tách làm hai, mà cũng không thể nói là [trời đất] "biết". Đã gọi là "biết" là phải có khí huyết tâm tư". Thiết nghĩ không phải như thế. [Vì rằng] trời và đất tuy cùng một lý, nhưng âm và dương vẫn có sự phân biệt. Sách *Lễ ký* nói: "Đạo trời ghét sự tự mãn, ưa sự khiêm nhường; Đạo đất bỏ sự tự mãn; giữ lại sự khiêm nhường". Đó chẳng phải là đã tách trời và đất ra làm hai ư? Thêm nữa, trong *Kinh truyện* cũng nói đến điểm này rất nhiều. Như nói: "Trời trông thấy là do dân trông thấy, trời nghe thấy là do dân nghe thấy"⁽²⁾, "Trời soi xét cho người có đức"⁽³⁾, "Trời

1. Bốn biết: Dương Chấn là một vị quan có tài đức, thời ông làm Thái thú ở quận Đông Lai, một lần qua ấp Xương, vì mền tài, Vương Mật đang đem vàng đến biếu Dương Chấn, Dương Chấn từ chối. Mật nói là đang đêm không ai biết. Chấn đáp: có trời biết, đất biết, ông biết, tôi biết, sao lại nói là không ai biết. Mật phải mang vàng về.

2. Lời trong *Thái thế trung*, *Kinh Thư*.

3. Lời trong *Thái Giáp thượng*, *Kinh Thư*.

thương đến dân"(1), "Trời soi xét khắp bốn phương"(2). Những câu nói đó với chữ "biết", ý khác gì nhau? Tiên nho khi giải nghĩa các kinh nói: "chủ tể là thượng đế". Vậy thì, đã có chủ tể tất có sự soi xét, dầu ở chốn mờ mịt vẫn có sự sáng chói bên trong. Nay bảo là có khí huyết tâm tư mới gọi là "biết" thì sẽ cho rằng ở chỗ [trời] cao [đất] dày là không "biết" sao? Còn nếu bảo rằng: bất luận "biết" hay "không biết" tất cả vẫn chỉ là một lý tự nhiên, thuận lý thì "lành", không thuận lý thì "dữ", thì cái gọi là "lý" ấy sẽ man mác hư không, còn ra thể dạng gì nữa? Tóm lại, có "lý" tất có "khí". Người đời xưa trong lễ tế giao (tế trời), tế xă (tế đất) đều ăn chay trong sạch, vậy sao có thể cho là không có quý thần mà chỉ là bày đặt ra thôi? Trong truyện(3) lại nói rằng: "Quý thần lồng lộng nhu ở ngay trên đầu, nhu ở ngay hai bên", lại là nghĩa làm sao nữa?

Trọng Nhuận(4) trước đây giảng bài cho học trò, đến đoạn này đã có biện chính, không ngờ cũng hợp với ý của tiên bối.

Hồ Trai thấy rằng, đến các bậc đại hiền ngàn đời như Cáp Âm, Trương Thích Chi, Lý Cố, Dương Chấn, Tống Cảnh, Trương Cửu Linh, Trương Thu Dương (Trương

1. Lời trong *Thái thế thượng, Kinh Thư*.

2. Lời trong *Hàm hữu nhất đức, Kinh Thư*.

3. Lời trong sách *Trung dung, Tú thư* (*Luận ngữ, Mạnh tử, Đại học, Trung dung*) gọi là *Tú truyện*.

4. Trọng Nhuận: tên tự của Ngô Dương Đình.

Tuần), Quách Tử Nghi, Bùi Tấn Công (Bùi Độ), Phạm Văn Chính, Lý Trung Định, Nhạc Vũ Mục... mà người bàn cứ muốn đem ra bàn chê, thì tôi không hiểu bụng dạ của họ thế nào. Phải chăng họ vốn sẵn ý thù ghét người quân tử mà có duyên với kẻ tiểu nhân? Xem chỗ Dương Chấn bàn về "bốn biết" mà đại nho như Hồ Tri Đường cũng bàn chê thì thật chẳng khác gì Hàm Mông Khâu⁽¹⁾ đọc *Kinh Thi*. Rõ không bỏ một trận cười.

96. Việc trị nước phải lo từ lúc chưa loạn

Các tiên vương xưa liên kết dân mình lại thành làng xóm, tộc đảng là có ý lấy sự coi giữ việc vào ra để dân tự kiểm soát lẫn nhau. Còn [kẻ nào] mượn quý thần làm dân nghi ngờ, hoặc đem đạo bất chính làm dân nhiều loạn thì đều bị giết. Nếu cứ ý đó mà làm thì đâu đến nỗi có bọn gian dân họp thành đảng đến vài chục vạn người mà không biết, để chúng có thể cùng lúc nổi dậy làm chấn động cả thiên hạ như giặc Hoàng Cân⁽²⁾ cuối thời Hán. Đến thời Tống Nguyên cũng có giặc lớn, như Lưu Phương Lạp⁽³⁾, Lưu Phúc Thông⁽⁴⁾, bọn này cũng nhân hội Bạch

1. Hàm Mông Khâu: người thời Chiến Quốc, học trò Mạnh Tử, là người học *Kinh thi* rất máy móc.

2. Hoàng Cân: khăn vàng, cuối thời nhà Hán, khởi nghĩa nông dân do Trương Giác lãnh đạo có tới 36 tướng và mấy chục vạn nghĩa quân, lúc khởi sự đều chít khăn vàng làm hiệu.

3; 4. Lưu Phương Lạp, Lưu Phúc Thông là hai hội viên của hội Bạch Liên.

Liên⁽¹⁾, thấp hương tụ họp đồng đảng. Những điều đó, người làm vua phải nên nghiêm cấm, chớ nên coi thường.

Hồ Trai thấy rằng việc trị nước phải lo từ lúc chưa loạn, việc trừ kẻ gian phải chú ý từ lúc mưu gian chưa lộ. Thấy đúng có kẻ gian làm loạn thì giết ngay đi. Còn việc đặt ra hình phạt rõ nặng để đe dân và bắt những người có liên quan làm lụy đến nhiều người thì sẽ hại đến hòa khí.

97. Nguyên Đế và Linh Đế nhà Hán học được gì ở quan Thái phó và kinh truyện

Nguyên Đế không hiểu việc gọi người đến dinh quan Đình úy⁽²⁾ là hạ ngục người ấy. Linh Đế không rõ việc kết đảng làm xằng là nghĩa thế nào. Điều đó có khác gì người không phân biệt được cây đậu với cây lúa? Vậy thì [Nguyên Đế và Linh Đế] đã thu nhận được những gì ở những điều mà quan Thái phó dạy bảo và ở việc đọc kinh truyện hàng ngày?

1. Hội Bạch Liên: một tổ chức tôn giáo bí mật, tôn chỉ dựa theo đạo Phật, nhưng thực chất dùng lối phù thủy, sấm vĩ để mê hoặc quần chúng, làm những điều gian dối mưu lợi. Hội này thường bằng cách thấp hương để tụ họp hội viên và quần chúng.

2. Đình úy là chức quan coi xét việc hình ngục, người nào bị gọi đến dinh viên quan này coi như đã bị hạ ngục. Cho nên vào thời Nguyên Đế, Tiêu Vọng Chi là một hiền thần bị bọn Hồng Cung và Thạch Hiến ghen ghét cố tìm cách buộc ông vào tội. Chúng nói với Nguyên Đế là ông chỉ có tội nhỏ, xin Nguyên Đế cho triệu ông đến dinh quan Đình úy. Vì không hiểu ý chúng, Nguyên Đế cho sứ giả triệu Tiêu Vọng Chi đến. Tiêu Vọng Chi liền tự sát, không chịu để bọn Cung, Hiến làm nhục.

Than ôi! các bậc đại thần xưa cẩn thận trong việc lập vua mới lắm! Có lẽ vì Tuyên Đế nghe lời Sứ Cao⁽¹⁾ can, không đổi Thái tử; Đậu Vũ⁽²⁾ nghe lời Lưu Thúc⁽³⁾ về kế lập vua mà hai nhà Hán (Đông Hán và Tây Hán) suy bắt đầu từ đó. Đáng tiếc thay.

Hồ Trai thấy Hàn Xương Lê⁽⁴⁾ có nói: "Học phải có phương pháp linh hoạt mới hiểu được việc đời. Nếu không thông hiểu việc đời thì cũng không phân biệt được trong sách xưa nói ra làm sao".

98. Thời vận thay đổi, nhân tài và nhận thức cũng thay đổi theo

Phong tục thay đổi theo pháp độ, pháp độ biến chuyển theo tài tình, tài tình thông suốt theo kiến thức, kiến thức sinh ra từ thanh khí. Thanh khí gốc ở trời; nhưng có liên quan với thời đại và tan biến vào lòng người. Nó thần thông cảm ứng rất thần diệu, rất tinh vi, khó hình dung cho ra. Nhưng tìm trong sách có thể tưởng tượng thấy được.

Xem sử hai nhà Hán thì thấy văn chương nghị luận, phong hóa tập tục thời Cao Đế, Huệ Đế, Văn Đế, Cảnh

1. Sứ Cao: quan Đại tư mã Xa kỵ tướng quân, giữ công việc của quan Thượng thư thời Tuyên Đế.

2. Đậu Vũ: cha đẻ của Đậu Hậu (vợ Hoàn Đế nhà Hán) làm quan Hiệu úy thời Hoàn Đế, quan Thượng thư thời Linh Đế.

3. Lưu Thúc: ?

4. Hàn Xương Lê: Hàn Dũ, nhà nho thời Đường.

Đế (Tây Hán) có sắc thái riêng. Thời Vũ Đế lại một sắc thái khác, thời Thành Đế, Ai Đế lại một sắc thái khác nữa. Sang thời [Đông Hán] Quang Vũ, Minh Đế, Chương Đế lại có sự đổi mới hoàn toàn, thời Linh Đế, Hiến Đế càng khác lạ hẳn đi. [Sự việc đó] sức người nào có thể thay đổi được, nếu chẳng phải là vận trời xui nên như thế. Đạo trời cứ 30 năm, một lần thay đổi nhỏ; 100 năm một lần thay đổi vừa, 500 năm một lần thay đổi lớn. Thời vận thay đổi, nhân tài sẽ tự đổi mới. nhận thức cũng khác theo. Việc làm chủ pháp chính, tô điểm phong tục, khi cao khi thấp đều biến hóa theo vận vật; lúc ở, lúc theo đều có khí xua đuổi đi. Vận vật đều từ trong máy tạo hóa ra, rồi lại trở về với máy tạo hóa mà không tự biết được.

99. Tào Tháo là người thận trọng có mưu lược

Tào Tháo ý thế Thiên tử⁽¹⁾ để sai khiến các nước chư hầu và nhờ đó đã thu được hết vùng đất phía nam sông Hoàng Hà, nhưng vẫn lo Viên Thiệu⁽²⁾ kéo rợ Khương rợ Hồ lấy đất Quan Tây, thôn tính Thục Hán. Còn mình chỉ có châu Duyện, châu Dự chống đỡ với năm phần sáu thiên

1. Tào Tháo vốn xưng hùng ở châu Duyện và châu Dự, sau về triều, dựa thế phò vua Hán đã tiêu diệt dần các thế lực đối lập với Tháo ở các địa phương, tạo điều kiện cho con là Tào Phi thay thế nhà Hán, lập ra nước Ngụy thời Tam Quốc.

2. Viên Thiệu: bề tôi có công của nhà Hán, xưng hùng ở châu Thanh, U, Ký, Tinh.

hạ. Cho nên mới sai Chung Do⁽¹⁾ đóng đồn ở đất Thiểm, vỗ yên các tướng sĩ ở Quan Trung. Khi thấy đã hết lo ở phía tây Tháo mới quay sang đánh và thắng luôn Viên Thiệu, chiếm thêm được bốn châu Thanh, U, Ký, Tinh lớn gấp mười lần đất Quan Trung. [Đến lúc ấy] bọn Mã Siêu⁽²⁾ mới cấu kết nhau chống lại mệnh [Thiên tử]. Tháo liền bắt và đem giết hết, sau đó yên định đất Tần, đất Lương, hàng phục rợ Khuương rợ Hồ. Thế là thế lớn trong thiên hạ [Tháo] đã thu được tám chín phần rồi. Còn Chiêu Liệt⁽³⁾ ở nước Thục, Tôn Quyền⁽⁴⁾ ở nước Ngô mỗi người chỉ chiếm được một khóm đất hiểm trở đủ giữ mình. Cho nên các mặt đông tây có cùng nhau ứng phó, phía đầu phía cuối có đều nhau nổi dậy chống lại Tào Tháo vẫn e còn không nổi, hướng hồ bên trong lại hiềm khích lẫn nhau. Thế mà Tô Đông Pha⁽⁵⁾ lại phóng bút bàn tràn, thật không hợp với sự thế lúc bấy giờ. Vả lại, như lời ông nói: "Lưu Bị mới phá được Lưu Chương⁽⁶⁾, người đất Thục còn chưa

1. Chung Do: danh tướng của Tào Tháo, sau làm Thái phó cho Minh Đế nhà Ngụy.

2. Mã Siêu: con Mã Đằng, cùng Hàn Toại xưng hùng ở châu Lương.

3. Chiêu Liệt: tức Lưu Bị, người sáng lập ra nước Thục thời Tam Quốc (Ngô, Thục, Ngụy), chiếm cứ hai châu Kinh và Ích. Sau khi Tào Phi cướp ngôi nhà Hán lập ra nước Ngụy, ông cũng xưng đế lập ra nước Thục.

4. Tôn Quyền: người sáng lập ra nước Ngô thời Tam Quốc, đất đai gồm hai châu Dương và Giao.

5. Tô Đông Pha: tức Tô Thúc, đại văn hào thời Bắc Tống.

6. Lưu Chương: một người trong tôn thất nhà Hán, xưng hùng ở đất Thục và châu Ích.

theo, một ngày có đến bốn, năm lần kinh động mà không sao ngăn cấm được [Tào Tháo] đã bỏ lỡ thời cơ ấy, không đánh lấy để đến nỗi sau này không dám tiến đánh nữa". Ông lại nói: "Đương lúc tình thế của người ta nguy cấp, cứ cuốn giáp đuổi theo thì có thể thỏa chí lớn". Đó chỉ là lời nói phóng thời, chứ Chiêu Liệt đâu phải người tầm thường dễ đánh. [Chinh Chiêu Liệt] đã đem quân Kinh Châu đánh Thành Đô suốt ba năm ròng, mãi sau mới lấy hần và rồi lại ban bố ân tín ngay để thu phục lòng người và cắt dùng người hiền để thuận ý dân. Dân hòa mục, kẻ sĩ tin theo, lại giữ nơi hiểm yếu, cội nguồn vững vàng, hình thế đã thành. Nước Thục đã có hai năm ổn định, khi ấy Tào Tháo mới từ bên đông tới đánh Hán Trung, sao có thể khinh Chiêu Liệt là nước mới dựng được? Khi ấy Tào Tháo mới đến Dương Bình, Trương Lỗ đứng ra chống lại, Tháo đánh không nổi, ý đã nhụt, muốn kéo quân về, may gặp lúc đội tiền quân đêm lạc đường đi nhầm vào biệt dinh của Trương Lỗ⁽¹⁾, quân của Trương Lỗ tan chạy, Tháo mới lấy được đấy thôi. Việc quân có lúc gặp may nhưng không thể cầu may mãi được. Nếu cứ tham lam, tiến quân khinh xuất có khi làm mất cả công lao trước đây, đại gì mà về rần thêm chân?

Sử chép lời khuyên Tào Tháo đánh [Chiêu Liệt] của

1. Trương Lỗ: người đối lập với Tào Tháo, cát cứ ở quận Hán Trung.

Tư Mã Ý⁽¹⁾ và Lưu Việp⁽²⁾. Đó đều là lời nói cao xa lúc bấy giờ chứ chẳng có ý gì là xác đáng cả. Chẳng thế mới ở được bảy ngày, có người nước Thục ra hàng kể lại sự kinh hoàng trong đất Thục, Lưu Việp vội cho là người nước Thục đã tạm ổn định chưa thể đánh được. Có lẽ nào mới trong một tuần mà mưu thần đã đón liệu được sự thế đổi khác, mà đối ý đã khuyên trước đó? Tào Tháo là người thận trọng, mưu trí mà người bàn lại tiếc là Tháo để lỡ cơ hội. Thật chẳng thấy có cơ hội nào để Tháo có thể lợi dụng được cả.

100. Nhà Hán chỉ có một phần ba thiên hạ là do trời không giúp

Chiêu Liệt nhà Hán phải than thở: "Thịt dùi lại nở ra"⁽³⁾. Ngày còn nấu mình ở đất Kinh Châu, Lưu Biểu⁽⁴⁾ chỉ tiếp ông bằng tình cảm nhạt nhẽo. Rành rành còn 9 quận mà [Lưu Biểu] không hề cắt chia cho ông được lấy

1. Tư Mã Ý: danh tướng nước Ngụy, người làm thất bại chiến dịch Kỳ Sơn của Khổng Minh Gia Cát Lượng, sau làm phụ chính cho Ngụy Đế là Tề Vương Phương.

2. Lưu Việp: mưu sĩ của Tào Tháo.

3. Lưu Bị nấu mình ở Kinh Châu nương nhờ Lưu Biểu, lâu ngày không phải đi đánh dẹp thấy thịt ở dùi lại nở ra liền than "mấy năm nay không cưỡi ngựa, thịt bắp dùi lại nở ra, ngày tháng đi như nước chảy, cái già sắp đến mà chưa làm nên công nghiệp gì".

4. Lưu Biểu: tự Cảnh Thăng, người trong tôn thất nhà Hán hùng cứ ở Kinh Châu.

một hai, để đến nỗi sức quân suy yếu hết, đành phải khoanh tay ngồi nhìn bọn cường thần chuyên quyền, không sao đi dẹp được. Vì từ năm Tân Tỵ đến năm Đinh Hợi, trong sáu bảy năm ròng [Lưu Biểu] không hề động binh đánh lên phía bắc lẫn nào, bỏ lỡ cơ hội không biết đến mấy lần.

[Tự đặt mình] ở chốn lâu cao trăm thước⁽¹⁾ chỉ hồ hải càng rộng lớn mệnh mông, lại thêm phong thư trong dải áo, sẵn nghĩa vua tôi sâu nặng⁽²⁾ làm gì mà [Chiêu Liệt] không đau đớn bồi hồi, lòng dạ xót xa. Xem trong *Ngô chí* chép: "Lưu Tông⁽³⁾ ra hàng, Tào Tháo thu được đội chiến hạm của thủy quân hàng ngàn chiếc, quân bộ hàng mấy chục vạn tên" thì ai mà không buồn giận Cảnh Thắng? Nếu vua tôi Chiêu Liệt được cấp vài vạn quân thì đâu đến

1. *Tam quốc chí* chép: Trần Đãng tự Nguyên Long. Một lần Hứa Phiếm cùng Lưu Bị bình phẩm về các nhân vật. Hứa Phiếm nói: Nguyên Long là kẻ sĩ hồ hải mà hào khí còn bốc trời". Lưu Bị nói: "ông nói về hào khí, chắc có việc gì chăng?" Phiếm nói: "Ngày trước tôi chạy loạn xuống Hạ Bì thấy Nguyên Long cư xử thiếu lễ chủ khách, tự trèo lên giường cao ngồi, để khách ngồi dưới". Lưu Bị nói: "ông có tên tuổi là bậc quốc sĩ mà nay bốn bề loạn lạc, vua mất ngôi báu, mà ông vẫn không có ý giúp đời, chỉ tìm kiếm ruộng nương xây cất nhà ở, lời nói chẳng dung vào việc gì được, đây là cái Nguyên Long rất ghét, vậy còn có gì để nói với ông nữa! Nếu là tôi thì tôi sẽ ngồi ở chốn lâu cao trăm thước, để ông ngồi ở dưới đất..."

2. Tào Tháo lộng quyền, Hiến Đế nhà Hán muốn giết Tào Tháo, bèn cắn ngón tay lấy máu viết tờ chiếu, bí mật dấu trong dải áo rồi giao cho Đổng Thừa và Lưu Bị để giết Tào Tháo.

3. Lưu Tông: con Lưu Biểu.

nổi phải bốn ba hết chỗ này chỗ khác. Nhưng từ đó về sau, khi đã giảng hòa với nước Ngô rồi, ông thu dùng [binh dân] đất Kinh đất Tương, vỗ yên đất Ba Thục, chăm chú trong hơn mười năm, thu thập các tướng và lại viên sót lại ở hai xứ mưu đồ đất trú chân, sau mới cất quân đi đánh phương bắc thì khi ấy cơ đồ họ Tào đã thành, mà sự thế cũng hơi muộn rồi. Nói tóm lại, trời không giúp nhà Hán cho nên đường đời gặp ghềnh, chỉ chia được một phần ba thiên hạ. Người quân tử rất lấy làm tiếc.

101. Việc nắm thời thế không phải là điều chỉ riêng người hiền tài có thể lo liệu được

Lưu Biểu hận là đã không dùng kế của Chiêu Liệt, nhân lúc [quân địch] sơ hở đánh úp Hứa Đô⁽¹⁾. Chiêu Liệt nói: "Nay Thiên hạ rối loạn, hàng ngày xảy việc can qua, cơ hội đâu đã hết, nếu biết dùng kế vào việc sau này thì điều đó chưa đáng ân hận". Đó thực là lời bàn lý thú của bậc anh hùng. Thử xem như thời nhà Tần, chỗ đáng lo là ở rợ Hồ rợ Yết; thời nhà Tống chỗ đáng lo là ở người Kim. Trong thời Thành Đế [nhà Tần], Hiếu Tông [nhà Tống] thường khổ về nỗi không có cơ hội. Nhưng khi gặp loạn họ Thạch⁽²⁾, trong khi các nước Tần,

1. Hứa Đô: tức Hứa Xương. Sau khi nắm quyền chính, Tào Tháo đưa Hiến Đế về đóng đô ở Hứa Xương, nên gọi là Hứa Đô.

2. Loạn họ Thạch: tức loạn ở nước Hậu Triệu. Bấy giờ con nuôi của Thạch Hổ là Nhiễm Mẫn, giết vua Hậu Triệu là Thạch Giám rồi lên ngôi lập ra nước Ngụy.

Yên⁽¹⁾ tranh nhau giành cơ hội họ Thạch suy đổ thì nhà Tần dốc sức nửa nước ở vùng Giang Nam cũng chỉ đánh được họ Diêu Tương⁽²⁾, thu vùng đất phía nam sông Hoàng Hà, rồi chẳng bao lâu lại để mất luôn. [Còn nhà Tống], khi nhà Kim dời sang phía nam, Mông Cổ đã hạ hết thành ấp của nước Kim, vậy mà nhà Tống gom sức từ bao nhiêu năm, chung quy không biết lo việc khôi phục, chỉ mượn tiếng hào là chiêu hàng Lý Toàn⁽³⁾ để có đất Giang Đông, nhưng rồi cũng không được.

Thái Mộ⁽⁴⁾ nói: việc thuận theo lẽ trời và nắm lấy thời thế có lẽ chẳng phải là điều mà riêng người hiền tài bấy giờ có thể lo liệu được". Đức Tú⁽⁵⁾ cũng cho là "Cái tệ

1. Nước Tần, nước Yên tức hai nước Tiền Tần và Tiền Yên, trong số 16 nước Ngũ Hồ thời Tấn.

2. Diêu Tương: tướng nước Hậu Triệu. Hậu Triệu bị diệt, Diêu Tương đem quân hàng nhà Đông Tấn, do đó đất Hà Nam lại về Tấn. Ít lâu sau Diêu Tương lại phản Tấn, đánh Thử sử Châu Dương là Ân Hạo phải thua chạy về Kiến Khang, nước Tấn lại mất đất Hà Nam.

3. Lý Toàn: xuất thân nông dân, giỏi cưỡi ngựa bắn cung múa thương sắt. Bấy giờ Cao Trung Hạo chiêu tập nghĩa binh, Lý Toàn mang quân theo Cao Trung Hạo và lập được công to mấy lần đánh bại quân Kim. Sau khi chiêu hàng, Lý Toàn làm tới chức Thừa tuyên sứ thời Ninh Tông nhà Tống.

4. Thái Mộ: tự Đạo Minh. Khi Nguyên Đế nhà Tần còn làm tướng, Thái Mộ làm chức Thư lại, rồi Thị trung. Sau có công được phong là Tế Dương Nam, Thái thường, Chính bắc tướng quân, Thử sử châu Tử. Ông là người có đủ mưu lược được đời rất trọng. Cuối đời mắc tiếng kiêu ngạo bị cách làm thường dân.

5. Đức Tú: ?

quyền thần chỉ biết nấn ná qua ngày, có muốn chấn chỉnh lại nếu không mất hàng chục năm thì không làm nổi". [Lời bàn trên] đã hiểu rõ ý nghĩa câu [biết người] biết ta của nhà binh chăng?

102. Nhà Hậu Hán sụp đổ là do vận trời

Vũ Hưu cho rằng nhà Hậu Hán nghiêng đổ là do thân kẻ tiểu nhân, xa bề tôi hiền. Bài *Tiền xuất sư biểu*⁽¹⁾ có nói đến [điều ấy] ý rất sâu sắc. Chiêu Liệt, Vũ Hưu gặp nhau là do ý trời chứ có phải may gặp thời làm nên chức vị mà vui đâu! Xem mỗi khi bàn đến việc này, bao giờ [hai người] cũng than thở đau đớn về Hoàn Đế và Linh Đế⁽²⁾. Vì thấy lòng dân đã thay đổi, mầm loạn nảy ra từ đây, mà tiếc cho cơ nghiệp truyền nối hàng 400 năm [của nhà Hán] đã bị các vua hèn làm hỏng, khiến cho người đời sau hết sức uốn nắn giữ gìn cũng không sao cứu vãn lại được. Những người ngay thẳng trung chính mà Chiêu Liệt xem xét cất nhắc để lại cho Hậu chúa [Luu Thiện], khi Vũ Hưu xuất chinh cũng ân cần thân thiết với họ lắm. Nhưng chẳng bao lâu các người hiền như Du Chi, Phí Vi, Đồng Doãn⁽³⁾ cũng theo nhau qua đời, mấy bậc quân tử

1. *Tiền xuất sư biểu*: Vũ Hưu Gia Cát Lượng có hai bài biểu xin ra quân đánh Ngụy. Bài đầu là *Tiền xuất sư biểu*, bài sau là *Hậu xuất sư biểu*.

2. Hoàn Đế, Linh Đế: Hai vị vua upton hèn cuối thời Đông Hán.

3. Du Chi tức Quách Du Chi và Phí Vi là hai quan Thị trung, Đồng Doãn là quan Thị lang nước Thục.

như Mạnh Quang⁽¹⁾ Khích Chính⁽²⁾ thì không được tiến dùng. Còn bọn [hoạn quan] như Trần Chỉ, Hoàng Hạo lại xuất hiện. [Bọn chúng] trong ngoài lộng quyền, cuối cùng đến nỗi mất nước. Nếu như Tiên quân, Tiên chính⁽³⁾ biết việc ấy thì cảm khái biết chừng nào? Than ôi! không có người [giỏi giúp] thì đất nước tan hoang⁽⁴⁾.

Một kẻ tiểu nhân không dễ hại được nhiều người hiền tài. [Ngược lại] nhiều người hiền tài có thể ngăn chặn được kẻ tiểu nhân [làm xằng]. [Bài biểu của Vũ Hầu có nói]: "Những kẻ gian phạm xin giao cho Ngoại đình⁽⁵⁾ [xét xử]; việc trong cung nên hỏi các bề tôi. [Cách làm đó] với những bộ máy then chốt bấy giờ còn gì chặt chẽ bằng? Nhưng lớp già chẳng sót lại một ai, còn bọn tân tiến không người nào nổi nghiệp được. Ở dưới dù có người giỏi cũng không ai biết mà đề bạt lên. Thành ra bọn tiểu nhân bấy lâu vẫn bó tay lặng tiếng, nay được dịp dựa vào bọn Ngoại đình để mưu gian, không biết sợ hãi gì nữa. Đó cũng là vận trời, còn trách gì Hậu chúa nữa?

1. Mạnh Quang: quan Tế tửu thời Hậu Chúa Lưu Thiện.

2. Khích Chính: giữ chức Bí thư các thời Hậu chúa Lưu Thiện.

3. Tiên Quan, Tiên Chính: Tức Lưu Bị và Gia Cát Lượng.

4. Lời thơ *Chiêm ngưỡng, Đại nhã, Kinh Thi*.

5. Ngoại đình: phủ Thừa tướng.

103. Mối họa "Tam Mã thực tào" là do ý trời xui nên

Giữa lúc Viên Thiệu và Lưu Biểu đang mạnh mà Tào Tháo nói với Chiêu Liệt rằng: "Anh hùng trong thiên hạ chỉ có Lưu sú quân⁽¹⁾ và Tháo". Vậy là Tháo có con mắt tinh đời lắm. Tháo còn thấy Tư Mã Ý có cái tướng quay ngoắt đầu lại như chó sói⁽²⁾, mà đoán biết Ý không phải là bề tôi người. Thế chẳng phải là Tháo xem xét tinh tường lắm sao? Nhưng khi Chiêu Liệt ra ngoài khỏi nghĩa, Tháo không làm thế nào được, mà Tư Mã Ý thì ở liền ngay dưới trướng lại siêng năng công việc thành ra Tháo thôi không ngờ Ý nữa nên cuối cùng mắc họa "Tam Mã thực tào"⁽³⁾. Đó là ý trời xui nên như thế, người ta không thể phòng tránh trước được.

104. Tài của Vũ Hầu hơn hẳn Tư Mã Ý

Tư Mã Trọng Đạt (Tư Mã Ý) thống lĩnh toàn quân trong thiên hạ, hình thành chiến lũy đối chọi với Vũ Hầu

1. Lưu sú quân: tức Chiêu Liệt Lưu Bị.

2. Tư Mã Ý: tức Tư Mã Trọng Đạt, có dị tướng là có thể quay ngoắt đầu lại nhìn về phía sau như chó sói mà thân mình vẫn không động đậy gì cả.

3. Tam Mã thực tào: Vũ Đế nhà Ngụy nằm mê thấy ba con ngựa ăn chung một cái máng (tam mã thực tào). Câu này còn có ý là: ba người họ Mã ăn thịt họ Tào. Ba người họ Mã ở đây chỉ Tư Mã Ý, Tư Mã Sư, Tư Mã Chiêu.

mà cam chịu cái nhục khăn yếm⁽¹⁾, không dám đua tài được thua, chỉ chờ ngày Vũ hầu chết⁽²⁾. Thế mà khi cầm một đạo quân nhỏ đi đánh Liêu Đông⁽³⁾ thì ý chí ngang dọc, mưu lược đầy đủ, hèn ngày đánh thắng là thắng như đã định sẵn trong lòng. Xem đó đủ biết tài của Vũ Hầu cao hơn Tư Mã Ý đến mấy lần. Thế còn bàn gì đến việc khác nữa.

105. Người quân tử không thể không nêu cao danh tiết

Vũ Hầu khi còn ở chốn lều tranh tuổi mới hai mươi bảy. [Thế mà] Từ Thù⁽⁴⁾ đã nói với Chiêu Liệt là: [Phải thân đến mời] không thể ép ra được. [Xem đó] đủ biết tu cách cao thượng, phong thái đường hoàng của Vũ Hầu đã sáng chói trong bề bạn. Chiêu Liệt ba lần hạ mình đến mời, Vũ Hầu mới nhận lời rong ruổi về theo. [Phong thái

1. Nhục khăn yếm: Vũ Hầu cầm quân đánh Tư Mã Ý ở Kỳ Sơn tới lần thứ 6 mà Ý vẫn không dám ra đánh, chỉ đóng quân cố giữ. Vũ Hầu sai người mang khăn yếm đến đưa cho Tư Mã Ý, tỏ ý khinh Tư Mã Ý hèn nhát như đàn bà.

2. Chờ ngày Vũ Hầu chết: Tư Mã Ý cho người thăm dò, biết Vũ Hầu ăn rất ít liền nói: Vũ Hầu ăn ít mà công việc nhiều, sống lâu sao được.

3. Thái thú quân Liêu Đông là Công Tôn Uyên, tự xưng là Yên Vương rồi đem 15 vạn quân xuống đánh Trung nguyên, Tư Mã Ý mang 4 vạn quân đánh tan và giết Công Tôn Uyên ở Tương Bình.

4. Từ Thù: hiền sĩ thời Tam Quốc, người tiến cử Gia Cát Vũ Hầu lên Chiêu Liệt.

ấy] với dấu cũ thanh cao của đất Sần⁽¹⁾ sông Vị⁽²⁾ cùng lưu tiếng ngàn đời. Cho hay người quân tử không thể không nêu cao danh tiết.

106. Không biết lường thời thế, không biết linh hoạt thì không tránh khỏi thất bại

Vũ Hầu ra giúp nước, vội lấy ngay việc thanh trừ bọn thù địch nhà Hán và việc khôi phục nghiệp vương làm trách nhiệm của mình. Bài "Hậu xuất sư biểu" đã tỏ ra tiếc cho Lưu Do, Vương Lăng⁽³⁾ cứ lần lữa năm này qua tháng khác không chịu đem quân đi đánh dẹp, để cho Tôn Sách⁽⁴⁾ vẫn ngồi yên mãi mà lấy được đất Giang Đông. Ông còn than thở về nỗi người tài ngày một hao kiệt và lo rằng vài năm nữa ba phần sẽ hao tổn mất hai, lấy đâu ra người tài để lo việc sống còn⁽⁵⁾. Ông lại tính rằng đóng

1. Đất Sần: Y Doãn, người cày ruộng ở đất Sần, được mời ra giúp vua Thành Thang nhà Thương, có công giúp nhà Thương diệt vua Kiệt nhà Hạ.

2. Sông Vị: Là Vọng ngồi câu cá bên bờ sông Vị. Văn Vương nhà Chu gặp mời ra giúp nước, có công giúp Vũ Vương diệt nhà Ân.

3. Lưu Do giữ đất Hà Khúc, Vương Lăng giữ đất Ngụy quân, cả hai đều không lo việc đánh dẹp, chỉ lo giữ phần đất cũ, cuối cùng vẫn không giữ được.

4. Tôn Sách, con trưởng Ngô Tôn Kiên nước Ngô. Khi Kiên chết, Sách theo Viên Thuật. Khi Thuật tiếm hiệu, Sách tuyệt giao với Thuật, được Tào Tháo gọi là Tháo nghịch tướng quân, phong làm Ngô Hầu.

5. Lo việc sống còn: dịch theo nghĩa chữ "vô dĩ đồ hoạt" trong nguyên tác chữ Hán. Còn chữ trong bài "Hậu xuất sư biểu" là "Đường hà dĩ đồ địch" (lấy ai lo việc đối phó với địch).

quân một chỗ cũng vất vả tốn kém như đem quân đi đánh dẹp. Cho nên phải kịp thời mưu tính, không thể dựa vào đất một châu mà chống nhau với giặc mãi được. Sao ông lo lắng khẩn thiết thế? Còn về việc dùng binh, ông nói: một là phải chăm lo làm ruộng, tích trữ thóc gạo, đóng cửa ải cho dân nghỉ; hai là phải khuyến khích nghề nông, tập duyệt võ nghệ, cho dân nghỉ, quân nghỉ. Đầu thời Kiến Hưng⁽¹⁾, liền mấy năm im lặng không tâm hơi gì, sau trận Lỗ Thành⁽²⁾ ba năm mới cất đại binh đi đánh dẹp. [Việc này] lại sao mà ung dung thế? Vì không lặng lẽ thì không thể hành động, không thận trọng thì không thể kiên cố. Với số quân ít ỏi đất Thục, chống chọi với quân giặc mạnh mà mưu tính nông cạn, hời hợt rồi ném toàn quân vào trận được chăng? Chỉ có thể nấu mình tính toán kỹ lưỡng để ra quân vạn toàn mới xong. Khương Duy⁽³⁾ tài lược cũng cao, có thể nối chí phục thù, nhưng liền năm cất quân, bề tôi bấy giờ có người nói: [Nhu ngọn lửa] không đẹp đi là tự thiêu". Thế mà Khương Dung không chịu nghe, để đến nỗi trong thì mọi người oán, ngoài thì sinh lòng thù nên mới thất thủ. Khi Gia Cát Khác⁽⁴⁾ mới nhận sự

1. Kiến Hưng: niên hiệu của Lưu Thiện nước Thục.

2. Trận Lỗ Thành: Sau trận thắng ở Lỗ Thành trong chiến dịch Kỳ Sơn thứ 5, Gia Cát Lượng lại cho quân về Thành Đô nghỉ ngơi tập luyện trong 3 năm nữa, sau mới mở chiến dịch Kỳ Sơn lần thứ 6.

3. Khương Duy: danh tướng nước Thục, kế nghiệp Gia Cát Vũ Hầu cầm quân nước Thục Hán đánh quân Ngụy.

4. Gia Cát Khác: cháu Gia Cát Lượng.

ký thác, còn chưa hòa mục được bọn thân thích có công và vỗ yên trong cõi, cũng đã vội vàng đánh nước Ngụy. Hai lần ra quân làm dân chúng oán ghét mà vẫn không biết cho dân nghỉ ngơi và để tự giữ mình. Xem bài dụ quần chúng của Khác, đã nói khá sâu sắc về thời thế lúc bấy giờ, có câu rằng: "Xem bài biểu của thúc phụ⁽¹⁾, chưa bao giờ khỏi ngậm ngùi". Nói như thế chẳng phải là nhận thức được ở lời nói mà không nhận thức được ở việc làm sao? Ngay từ xưa nếu cứ cố chấp vào một thuyết mà không biết lường thời thế không biết linh hoạt thì không tránh khỏi thất bại.

107. Vũ Hầu người ngàn năm có một

Từ ba đời (Hạ, Thương, Chu) trở xuống, Gia Cát Vũ Hầu thực là người ngàn năm có một. Không nói đến những người đời sau, chỉ dựa vào văn tự trên giấy rồi hết lời khen ngợi, mà ngay trong thời Ngụy Tấn, Lưu Hoàng⁽²⁾ sai Lý Hưng⁽³⁾ làm bài văn tế. Trương Nghiễm⁽⁴⁾ làm bài mặc ký; Trương Phụ⁽⁵⁾ làm bài luận so sánh sự hơn kém giữa

1. Thúc phụ: Gia Cát Khác là con Gia Cát Cẩn gọi Gia Cát Lượng bằng chú (thúc phụ).

2. Lưu Hoàng: quan Thị trung, Đô đốc châu Kinh, Xa kỵ tướng quân triều Tấn.

3. Lý Hưng: người có tài văn chương, làm Tham quân của Lưu Hoàng.

4. Trương Nghiễm: Người Ngô quận, nổi tiếng học rộng biết nhiều.

5. Trương Phụ: quan Thứ sử châu Tần, thời Ngụy Tấn.

Nhạc Nghị⁽¹⁾ với Gia Cát vốn đã kính mến thần phục rồi. Họ ví ông với Cao Dao⁽²⁾, Y Doãn⁽³⁾, Phó Duyệt⁽⁴⁾, Lã Vọng⁽⁵⁾. Song [người đời] không ai dị nghị gì cả. Tuy Trọng Đạt⁽⁶⁾ là đối địch của ông cũng khen ông là kỳ tài trong thiên hạ. Thế mà Thôi Hiệu⁽⁷⁾ là hạng người nào mà dám chớ mép chê bai ông. Thực càng tỏ rõ Thôi Hiệu là người nói càn.

108. Nói Trần Thọ chê Vũ Hầu là chưa xét hết thực tình

Sử chép: "Vũ Hầu có lần [phạt tội] gọt trọc đầu cha Trần Thọ⁽⁸⁾. Thọ mang mối hận ấy đã chê Vũ Hầu là không có tài lược làm tướng". Nói như thế là chưa truy xét

1. Nhạc Nghị: xem ct. 3, tr. 135.

2. Cao Dao: quan coi việc hình ngục thời Nghiêu Thuấn.

3. Y Doãn: Tể tướng nhà Thương, giúp Thành Thang diệt vua Kiệt nhà Hạ.

4. Phó Duyệt: Tể tướng thời Cao Tông nhà Ân.

5. Lã Vọng: tức Lã Thượng, giúp vua Vũ nhà Chu diệt vua Trụ nhà Ân, thống nhất thiên hạ. Xem thêm ct. 2, tr. 249.

6. Trọng Đạt: xem Tư Mã Ý ct. 2, tr. 247.

7. Thôi Hiệu: người thời Hậu Ngụy, tự Bá Uyên, học rộng biết nhiều, thông hiểu kinh sử, làm quan tới chức Bác sĩ tể tửu, Thái thường khanh....

8. Trần Thọ: tách giả của sách *Tam Quốc chí*. Cha Trần Thọ làm tham quân cho Mã Tốc, Mã tốc bị tội, cha Trần Thọ cũng bị liên lụy phải gọt trọc đầu.

hết thực tình. [Thật ra] Trần Thọ, người viết ra sách *Thục chí*, đã thuật lại truyện Vũ Hầu rất xác thực, lại đem lời nói việc làm của Vũ Hầu soạn thành 24 thiên. Xem lời tựa tập văn tiến vua, Thọ đã ví Vũ Hầu với Chu Công, khen Vũ Hầu có tài làm nên Vương đạo, thì biết Thọ tôn kính Vũ Hầu đến mức nào. Đành rằng sự nghiệp của Vũ Hầu được cả thiên hạ truyền tụng, dù không phải do ngòi bút của Trần Thọ song sự thể đầu đuôi sáng ngời trong chính sử, người đuôi sau xem câu văn để lại có thể tưởng tượng thấy phong độ của Vũ Hầu mà phần chần đến trăm đời sau, thế thì Thọ không phải là không có công. Nhưng vì Thọ là bề tôi cũ của nhà Hán làm quan nhà Tấn nên trong lời nói với Vũ Đế [nhà Tấn]⁽¹⁾ làm gì Thọ Chẳng kiêng nể Trọng Đạt mà phải nâng cao người này, hạ thấp người kia? Nhưng xem lời nói của Trần Thọ cũng vẫn có sự châm chước, khác hẳn lời so sánh của Lý Mật⁽²⁾ trong bài biểu trần tình đã nói: "Lúc nhỏ thờ triều nguy...". Người đọc sách cũng có thể xét cho cái tâm của Trần Thọ.

109. Cha con Tào Tháo văn võ hơn đời

Tào Tháo mưu trí hơn hẳn người, lại có tài dùng binh

1. Vũ Đế: tức Tư Mã Viêm, cháu nội Tư Mã Trọng Đạt.

2. Lý Mật tôn thờ nhà Thục, sau nhà Thục mất, nhà Tấn gọi Lý Mật ra làm quan, Lý Mật từ chối, làm bài biểu trần tình bất đắc dĩ phải gọi nhà Thục là nguy triều.

gần như Tôn Vũ, Ngô Khởi⁽¹⁾. Vũ Hầu cũng rất khen ông. Mà hai con ông là Tào Phi, Tào Thục học vấn, từ chương cũng vượt hẳn người đời bấy giờ. Nên văn chương cuối đời Hán biến sang thể loại Kiến An⁽²⁾, Hoàng Sơ⁽³⁾. Văn võ tài lược tập trung cả vào cha con một nhà như thế, chẳng phải là thể gian chung đúc nên sao?

110. Minh Đế nhà Ngụy chưa phải là bậc trí giả

Minh Đế⁽⁴⁾ nhà Ngụy có tư chất sáng suốt, quả đoán, từng trải việc đời, cảm nhận sâu sắc việc đời trước, biết suy tính cho con cháu đời sau cận kề chu đáo. Xem câu ông nói với Tôn Tư⁽⁵⁾: "Ta tuổi đã hơi cao, xem trong các truyện sách, ta đều lấy làm buồn, không lúc nào khỏi nghĩ, và thấy rằng tính kế cho muôn đời sau không gì bằng làm cho người thân nắm rộng rãi quyền thế và giữ các chức chủ yếu trong quân..." Đó chẳng phải là lời nói chí lý lắm sao? Tôn Tư trả lời lại dẫn việc Cao Tổ [nhà Hán] phó thác [việc nước] cho Trần Bình, Chu Bột; Vũ Đế phó thác

1. Tôn Vũ và Ngô Khởi là hai nhà quân sự có phép dùng binh nổi tiếng thời Xuân Thu.

2. Kiến An: niên hiệu của Hiến Đế nhà Hán.

3. Hoàng Sơ: niên hiệu của Văn Đế (Tào Phi) nước Ngụy, thời kỳ đầu. Cuối đời Hán đầu đời Ngụy, văn học có nhiều thành tựu mới nhất là về giá trị hiện thực, mà ba cha con Tào Tháo là những tiêu biểu của nền văn học này.

4. Minh Đế: tức Tào Duệ, con Tào Phi, ở ngôi 13 năm.

5. Tôn Tư: quan Thị trung thời Minh Đế nhà Ngụy.

cho Kim Mật Đế⁽¹⁾, Hoắc Quang⁽²⁾. [Trả lời như thế] cũng không phải là không hay. Nhưng đến lúc Minh Đế hỏi ai có thể sánh với Bình, Bật, Hoắc, Kim và Lưu Chương⁽³⁾ thì Tôn Tư lại tâu xin bãi truất Yên Vương Vũ, Tào Triệu, Hạ Hầu Hiên, mà tiến cử Tư Mã Ý để cùng Tào Sảng giúp nhau làm phụ tướng⁽⁴⁾. Bởi thế mà tai họa nước Ngụy nảy sinh. Tôn Tư làm hỏng việc nước vốn không trốn tránh được trách nhiệm. Nhưng Minh Đế hỏi không đáng chỗ hỏi, giữa chừng ý lại không vững vàng, sao có thể là bậc trí được.

111. Nước Ngụy mất vì không có nước thù địch

Vũ Hưu có ý đánh chiếm Tần Xuyên, nên trong 10 năm trường triều nguy vất vả lo lắng đêm ngày không lúc nào yên. Đến khi Vũ Hưu vừa mất, người Ngụy liền mừng, được cao gối nằm yên. Thế rồi Minh Đế ra sức xây cất

1. Kim Mật Đế: giữ chức Xa kỵ tướng quân thời Vũ Đế nhà Hán.

2. Hoắc Quang: giữ chức Đại tư mã Đại tướng quân thời Vũ Đế nhà Hán. Hoắc Quang cùng Kim Mật Đế nhận sự phò tá của Vũ Đế, phò tá Hoàng Thái tử Phát Lăng mới 8 tuổi.

3. Lưu Chương: tức Chu Hư Hưu, người cùng Trần Bình, Chu Bật giúp nhà Tây Hán diệt họ Lã.

4. Minh Đế lúc bệnh nặng định phong cho Yên Vương là Tào Vũ giữ chức Đại tướng quân rồi ký thác con nhỏ mới 8 tuổi là Tề Vương Phương cho Tào Vũ, Tào Triệu và Hạ Hầu Hiên. Nhưng Tôn Tư gièm, nói Tào Vũ không đảm đương được việc ấy, và đã tiến cử Tào Sảng, Tư Mã Ý làm phụ tướng cho Thái tử. Lúc đầu Minh Đế nghe theo Tôn Tư, giữa chừng lại có ý thay đổi. Sau Tôn Tư can lại nghe theo Tôn Tư.

cung điện, bỏ lỡ việc mùa màng, lại xa hoa tàn ngược làm cho trời giận, dân oán. Cuối cùng gây mầm loạn cho họ Tư Mã cướp nước. Mạnh Tử nói: "Nếu không có nước thù địch, không có mối lo ngoài biên thì nước dễ mất". Câu nói ấy không đúng sao?

112. Quyền hành không tập trung vào một mối thì sẽ sinh ra tranh giành lẫn nhau, nước sẽ mất

Một nước có ba tước "công" nên xảy ra loạn nước Tấn⁽¹⁾. Đồng triều có sáu bậc quyền quý nên nước Tề đổ⁽²⁾. Tào Sảng, Tư Mã Ý thay nhau quyết đoán việc nước⁽³⁾ nên nhà Ngụy mất. Tăng Biện, Bá Tiên cùng chấp chính nên nhà Lương bị diệt⁽⁴⁾. Quyền hành không tập trung

1. Hiến Công nước Tấn thời Xuân Thu say mê nàng Lệ Cơ, muốn lập con Lệ Cơ là Hề Tề làm Thế tử, bèn theo kế của Lệ Cơ phong cho ba công tử con vợ trước là Thân Sinh, Trùng Nhĩ và Di Ngô ra ba vùng đất xa xôi hẻo lánh, để ba công tử khởi tranh ngôi Thế tử với Hề Tề. Quan đại phu Sĩ Vi biết việc phong ba công tử ra vùng đất xa, sau này nhất định sẽ có loạn, liền đặt ra bài ca, có câu rằng: "một nước có ba tước công, tôi theo công nào".

2. Xem ct. 4, tr. 255.

3. Thời Nam Triều, lúc Đông Hôn Hầu trị vì, nước Tề có 6 bậc quyền quý như bọn Diêu Quang... thay nhau nắm quyền chính. Thử sử châu Ung là Tiêu Diễn nói: "Sáu người quyền quý đồng triều, tất sẽ tìm cách diệt nhau, loạn sắp xảy ra rồi".

4. Vương Tăng Biện, Trần Bá Tiên là hai quan đại thần đồng thời là hai tướng của nhà Lương thời Nam Triều. Sau Trần Bá Tiên giết Vương Tăng Biện, nắm giữ quyền chính nước Lương, rồi cướp nước Lương lập ra nước Trần.

vào một mối thì sẽ sinh ra tranh giành lẫn nhau; người tài ở với người hèn thì sẽ sinh ra hiềm khích. Ấy là sự thế xui nên như thế. Tôn Quyền nói: "Xưa nay đâu có chuyện bốn năm người cùng giữ quyền chính mà không chia rẽ, dả kích nhau rồi quay ra cắn xé lẫn nhau, kẻ mạnh thì lẳng mạ bạo ngược, kẻ yếu thì xin cứu viện. Đó là đạo lý của sự loạn và sự mất". [Câu ấy] thực là lời bàn của người thông hiểu.

Hồ Trai thấy đoạn này bàn rất chí lý. Nhưng khi quyền hành muốn quy về một mối thì phải chọn người cho xứng đáng, không chọn được người có tài thì không xong. Tuy nhiên nếu có người tài mà không biết dùng thì lại càng không được.

113. Lé trời ở trong lòng người

Thời Lưu Uyên⁽¹⁾, Thạch Lặc⁽²⁾ cách thời Mạnh Đức (Tào Tháo) và Trọng Đạt không xa. Nhưng Lưu Uyên thì dựng ra ba tổ miếu thờ Cao Đế, Quang Vũ và Chiêu Liệt (nhà Hán), lại truy tôn thụy hiệu cho [Lưu Thiện là] Hiếu Hoài và gọi đích danh họ Tào họ Tư Mã là hai họ cướp ngôi. Còn Thạch Lặc thì chê họ Tào họ Tư Mã là khinh hiếp người cô quả, và không thêm bắt chước hành vi của

1. Lưu Uyên người Hung Nô, làm vua nước Tiền Triệu, vì tổ tiên kết nghĩa anh em với vua nhà Hán nên đổi thành họ Lưu. Lưu Uyên tự xưng là Hán Vương, sau lại xưng Đế, lập thần chủ các vua Hán để thờ và truy tôn thụy hiệu cho Lưu Thiện là Hiếu Hoài hoàng đế.

2. Thạch Lặc: vua nước Hậu Triệu.

họ Tào họ Tu Mã. Cho hay lẽ trời ở trong lòng người vốn không bao giờ mờ tối.

114. Làm điều bất nhân để giành thiên hạ thì lộc nước không dài

Minh Đế⁽¹⁾ nhà Tấn hỏi Vương Đạo⁽²⁾ về đời trước làm thế nào lấy được thiên hạ. Vương Đạo kể lại rõ ràng việc Tuyên Đế (Tu Mã Ý) giết hại các họ, gây dựng người cùng chí hướng và việc Văn Đế (Tu Mã Chiêu) giết Cao Quý Hương Công⁽³⁾. [Nghe xong] Minh Đế bung mặt, nằm úp xuống giường nói: "Nếu quả như lời ông nói thì lộc nhà Tấn lâu dài sao được?" Xét lời nói ấy có thể biết là lời đoán trước họa loạn của nhà Tấn. Còn những việc khác như chính giáo, phong tục không cần nói đến nữa. Rõ là, không thể có sự làm điều bất nhân giành thiên hạ mà hưởng lộc nước lâu dài được.

Hổ Trai cho rằng lời bàn trên rất đúng.

115. Vũ Đế nhà Tấn bói thẻ được chữ "nhất"

Vũ Đế⁽⁴⁾ lúc mới lên ngôi, rút thẻ bói xem nhà Tấn làm vua được bao nhiêu đời. Bói được chữ "nhất" (một).

1. Minh Đế: tức Tu Mã Thiệu, con Nguyên Đế, hoàng đế thời Đông Tấn.

2. Vương Đạo: quan đại thần phụ chính thời Nguyên Đế và Minh Đế nhà Tấn, người có công lớn trong việc dựng vương triều Đông Tấn.

3. Cao Quý Hương Công: tức Tào Mao.

4. Vũ Đế: tức Tu Mã Viêm, người sáng lập vương triều Tấn.

Các bề tôi mặt đều biến sắc. Bùì Khải⁽¹⁾ bèn dẫn lời của Lão Tử: "[Chu hầu đắc nhất dĩ] vi thiên hạ trĩnh" (vua chu hầu được chủ nhất thì làm chủ thiên hạ). Thật là ứng đối rất nhanh. Nhưng rồi nhà Tây Tấn cũng chỉ truyền nối được một đời. Đó chẳng phải là quẻ bói nghiệm sao⁽²⁾?

116. Vận mệnh di địch khó lâu bền

Giả Sung, Quách Thành Tế ác lắm⁽³⁾, loạn tám vua cũng đến mức cùng⁽⁴⁾. Sĩ đại phu thời bấy giờ chán ghét cảnh đời suy loạn đã lâu, những mong được yên sống cảnh đời có đạo. Cho nên khi Lưu Thông⁽⁵⁾ lên làm vua, mượn tiếng nối nghiệp nhà Hán là các bậc túc nho, đức lớn chen nhau về theo, như Trần Nguyên Đạt, Vương Diên, Tào

1. Bùì Khải: quan Thị trung thư lệnh thời Vũ Đế.

2. Nhà Tây Tấn, sau Vũ Đế còn ba đời vua nữa song trong nước không lúc nào được yên, phải chạy xuống Giang Nam và đóng đô ở đấy gọi là Đông Tấn. Nhà Tấn thịnh nhất chỉ có một đời Vũ Đế.

3. Giả Sung, Quách Thành Tế thông mưu với Tư Mã Chiêu giết vua nước Ngụy là Tào Mao.

4. Loạn tám vua: Tám vua chư hầu người trong tôn thất nhà Tấn tranh nhau ngôi hoàng đế làm loạn nhà Tấn. Tám vua đó là: Nhữ Nam Vương Tư Mã Lượng, Sở Vương Tư Mã Vỹ, Triệu Vương Tư Mã Luân, Tề Vương Tư Mã Quýnh, Trường Sa Vương Tư Mã Nghệ, Thành Vương Tư Mã Dĩnh, Hà Gian Vương Tư Mã Ngụ, Đông Hải Vương Tư Mã Việt.

5. Lưu Thông: con Lưu Uyên, vua thứ hai nước Tiền Triệu.

Tuân, Vương Giám⁽¹⁾. Người dám can thẳng đầy triều, chí khí tiết tháo của họ cổ nhân cũng không hơn được. Nhưng sang đời họ Thạch, họ Bồ, họ Diêu, họ Mộ Dung⁽²⁾ thì phong cách ấy mất dần. Người đọc sử đến đây không thể không cảm khái về vận mệnh di dịch⁽³⁾ khó được lâu bền và tiếc cho người hiền tài làm quan không gặp thời, dốc lòng trung không đúng chỗ.

117. Bậc trọng thần có quan hệ đến vận mệnh nước như đội quân trăm vạn người

Khi Lục Kháng còn sống, Dương Hựu⁽⁴⁾ vẫn sai sứ qua lại thông hiếu. Khi Lục Kháng mất, Dương Hựu liền xin đánh nước Ngô ngay.

1. Trần Nguyên Đạt: giữ chức Hoàng môn lang, can thẳng, trung thành. Vương Diên giữ chức Kim tử quang lộc đại phu. Tào Tuân giữ chức Trung thư lệnh. Vương Giám giữ chức Thượng thư lệnh. Bốn người này đều là bề tôi tin cậy của Lưu Thông.

2. Các họ Thạch, Bồ, Diêu, Mộ Dung đều là người di dịch vào xâm lấn trung nguyên.*

3. Lưu Thông là người di dịch.

4. Lục Kháng: con Lục Tốn, danh tướng nước Ngô thời Tam Quốc. Dương Hựu: danh tướng nước Tấn thời Vũ Đế. Lục Kháng trấn thủ biên giới nước Ngô, Dương Hựu trấn thủ biên giới nước Tấn. Hai người hiểu tài nhau nên quý trọng nhau, nhờ đó biên giới hai nước Ngô, Tấn được yên ổn vô sự.

Khi Tổ Địch⁽¹⁾ còn sống, Thạch Lặc⁽²⁾ vẫn xin hòa hiếu [với Đông Tấn]. Khi Tổ Địch mất, Thạch Lặc liền có ý nhòm ngó nhà Tấn.

Một người tuy nhỏ bé nhưng có quan hệ to lớn đến vận mệnh của nước, ngang với đội quân trăm vạn người. Như thế không đáng gọi là bậc trọng thần sao?

118. Nhà Tây Tấn loạn không phải do phân phong quá lớn

Tiên nho cho rằng nhà Tây Tấn loạn, lỗi là do phân phong [cho chư hầu] quá lớn. Không phải như thế, mà do nhà Tấn lấy thiên hạ bằng điều bất nhân nên cơ nghiệp không đáng được lâu dài. Vả lại vừa truyền nối được một vài đời, cốt gốc còn nông cạn đã cho người ngu dốt nối nghiệp lớn⁽³⁾, để người đàn bà hung hãn lấy vua, dự quyền chính⁽⁴⁾, lại dựa vào kẻ tầm thường ký thác công

1. Tổ Địch: danh tướng nhà Đông Tấn, người có chí khôi phục trung nguyên, đã mang quân Tấn vượt Trường Giang đánh nhau với Thạch Lặc. Các vùng đất phía nam sông Hoàng Hà đều thuộc về nước Tấn.

2. Thạch Lặc: vua đầu tiên của nước Hậu Triệu.

3. Huệ Đế nhà Tấn ước hèn, ngu dốt, 17 năm làm vua là 17 năm đất nước có loạn, cuối cùng bị đầu độc chết.

4. Giả Hậu, con gái Giả Sung, lấy Huệ Đế nhà Tấn. Giả Hậu hung hãn, tàn ác, dâm loạn, đổ kị tất cả hiền thần. Vũ Đế nghe lời Tuân Húc, phe cánh của Giả Sung chọn Giả Hậu làm chánh hậu cho Huệ Đế, nên sau Giả Hậu đã tham dự quyền chính làm hỏng việc nước.

việc⁽¹⁾. Thành ra trong ngoài nghi kị nhau, hiềm khích nảy sinh. Như thế thì dù là thiên hạ của các đời Đường Ngu, Thương, Chu cũng không thể một ngày ngồi yên được. Bọn ngoại thích chuyên quyền giết hại lẫn nhau, tai họa đã quá lắm rồi; các vua chư hầu mới khởi quân tranh giành đánh chiếm tàn hại nhau, do đấy trung nguyên bị tan vỡ không thể chống đỡ lại được. Vậy nên gây ra họa loạn ấy có phải tội ở chế độ phong kiến đâu! Nguyên Đế⁽²⁾ nhà Đông Tấn trung hưng ở đất Giang Đông, truyền nối lâu dài, đó là hiệu quả của chế độ phong kiến. Giả như hồi đầu nhà Tấn không phong cho tôn thất thì cuối cùng rồi cũng mất. Không có người xây thành bền chắc để giữ gìn⁽⁵⁾ [cơ nghiệp] thì sao kéo dài được việc thờ cúng đến hơn trăm năm?

119. Các dòng dõi gia thế rất đáng được coi trọng.

Đỗ Kỳ, Đỗ Thù, Đỗ Dự, Trần Quần, Trần Kiểu, Trần Khiên, Lư Dục, Lư Đỉnh, cha con ông cháu ba đời đều là danh thần. Tuân Úc, Tuân Du, Tuân Hiệt, Vương Tường, Vương Lãm, Vương Đạo, Tạ Vạn, Tạ An, Tạ Huyền, anh em chú cháu một nhà đều là người giỏi nhà Ngụy nhà Tấn.

1. Dương Tuấn là cha Dương Thái Hậu (mẹ Huệ Đế). Khi Vũ Đế sắp chết, đã trao quyền phụ chính Huệ Đế cho Dương Tuấn. Nhưng Dương Tuấn là người xét nét vụn vặt không được lòng người.

2. Nguyên Đế nhà Đông Tấn tức Tư Mã Duệ, lên ngôi ở Kiến Khang, sáng lập ra triều Đông Tấn.

3. Lời thơ bài *Sinh dân, Đại nhã, Kinh Thi*.

Các họ có danh' vọng, có nhiều người tài còn khảo cứu được nhiều lắm. Sao lại không trọng dòng dõi thế gia được?

120. Trương Hàn khuyên Cố Vinh lánh đời giữ mình

Người đời chép và chú truyện văn sĩ⁽¹⁾ có nói rằng: "Trương Hàn⁽²⁾ học rộng, văn hay, làm Đông tào truyện cho Tề Vương Quýnh, [có lần] bảo với người cùng quận là Cố Vinh⁽³⁾ rằng: "Thiên hạ rối ren mãi không thôi. Người có tiếng trong bốn bể muốn lui về cũng rất khó. Ta vốn người nhàn tản chốn núi rừng, không trông ngóng gì ở đời đã lâu rồi, ông phải khéo léo lấy óc sáng suốt mà ngừa việc trước, lấy mưu trí mà lo việc sau mới được. Nói rồi cáo bệnh lui về". Ý câu nói của ông cảm khái đến ngàn thu. Ôi! người quân tử chẳng thích gì danh nhưng tài hạnh có thì danh tiếng cũng có theo. Đã dấn thân vào đường hoạn lộ, khi được tiến cử là bị việc nước trời buộc, có quyền lớn trong thiên hạ là mang trách nhiệm nặng nề với bốn bể, không dễ gì cởi bỏ ra được. Nếu gặp thời thịnh thì lời nói [của mình] được [vua] nghe, kế sách được [vua] dùng, xã tắc vững vàng, dân sinh yên ấm, đạo được hưng

1. Truyện văn sĩ được chép trong *Thế thuyết tân ngữ*, do Vương Hiến Chi thời Đông Hán soạn.

2. Trương Hàn người đất Ngô thời Tấn, có tài đức thanh cao, gặp lúc nhà Tấn có loạn, nhân lúc ấy vào mùa thu, ông nhỏ hương vị quê hương, liền cáo bệnh từ quan lui về.

3. Cố Vinh: vị quan hiền tài thời Đông Tấn.

thịnh, thân được tốt lành, để tiếng khen không cùng. Đó thực là phúc cho nước cho nhà. Nhưng nếu gặp thời buổi không ra gì, mà vội tự phô phang, tỏ ra cứng cỏi đường hoàng, song trước không cứu được nguy trừ được loạn [cho nước cho dân], sau không dấu được hình tích, bị quyền lợi ràng buộc, mối lo chông chất. Khi ấy mới ngẫm câu "quy lai" của Bành Trạch⁽¹⁾; mới nhớ chuyện "Đào Chu bỏ đi mái"⁽²⁾ thì chẳng khó lắm sao? Phu Tử⁽³⁾ trong ba phần trình bày về chín quẻ trong Hệ từ *Kinh Dịch*, ở quẻ Tiết có nói rằng: "[Người quân tử] phải thận trọng kín đáo không nói ra [những điều khinh dị]; ở quẻ Dự nói: "Thấy có mầm mống [xấu] thì lui ngay...", cùng những câu như: "Việc làm cao cả, lời nói khiêm nhường", "Thu lại, dấu mình đi". Cái ngu ấy không ai theo kịp được, cái lạng lẽ ấy đủ để dung thân. [Các lời nói ấy] đều là dạy người ta cách mai danh giữ mình cả. Các bậc hiền đạt ngẫm nghĩ điều đó cũng có thể biết cách ở đời cho vẹn tròn vậy.

121. Người giỏi trị nước phải lo việc khó ngay từ lúc dễ

Suốt thời nhà Triệu Tống luôn có mối lo di dịch [xâm

1. Bành Trạch: tức Đào Tiềm, Đào Uyên Minh, làm quan ở huyện Bành Trạch thời Tấn, sau bỏ quan về, có làm bài phú *Quy lai*.

2. Đào Chu tức Đào Chu Công, tên hiệu của Phạm Lãi. Sau khi giúp vua nước Việt là Câu Tiễn diệt xong nước Ngô bèn bỏ đi chu du khắp nơi.

3. Phu Tử: tức Khổng Tử.

lấn]. Sự việc đòi Tinh Khang⁽¹⁾, Đức Hựu⁽²⁾ còn buồn đến ngàn đời. Chẳng ai không đổ lỗi cho [nhà Triệu Tống] lúc đầu dựng nước đã [bớt đất] làm yếu phiên trấn. Nhưng thời Tây Tấn, Tiêu Lương⁽³⁾ giao quyền hành cho ngoài biên đâu phải không long trọng. Như Vương Tuấn ở U Châu, Vương Đôn ở Kinh Châu, Lang Da Vương ở Dương Châu, Nam Dương Vương ở Tần Châu. [Các người này] có quân lính mạnh, có kẻ sĩ về theo. Nhưng người nào cũng chỉ thu vén cho cơ ngơi mùa mình, cuối cùng chẳng ai cứu được nạn cho Hoài Đế, Mẫn Đế⁽⁴⁾. Tiêu Dịch ở Giang Lăng, Tiêu Ký ở Thành Đô, Tiêu Phạm ở Hợp Phì, Tiêu Sái ở Ung Châu chỉ đánh lẫn nhau không ai chịu giúp vua nên Đài Thành⁽⁵⁾ không giữ được, trước sau lần lượt bị tan tành như ngôi vờ. Phiên trấn như thế còn có ích gì?

Nói tóm lại khi kỳ cương còn giữ được, hiệu lệnh còn thi hành thì xuống một tờ chiếu, sai một đạo quân một

1. Tinh Khang: niên hiệu của Khâm Tôn nhà Tống. Năm Tinh Khang thứ hai, nhà Kim đánh kinh đô Khai Phong, Khâm Tôn bị bắt về phương Bắc.

2. Đức Hựu: niên hiệu của Cung Tôn nhà Tống. Năm Đức Hựu thứ 2 nhà Kim đánh chiếm Lâm An, cướp phá Hoàng Thành, bắt Cung Tôn đưa về phương Bắc.

3. Tiêu Lương: nhà Lương thời Nam triều thuộc họ Tiêu.

4. Hoài Đế, Mẫn Đế: Hai vua cuối cùng của Tây Tấn, cả hai đều bị Lưu Thông bắt giết.

5. Đài Thành: Vũ Đế nhà Lương bị Hầu Cảnh vây hãm ở Đài Thành.

viên nhỏ cũng đủ lấy lại được tinh thần, chống đỡ được sự nghiêng đổ. Nhưng đến lúc bờ thung đê vỡ, cây đổ lá rụng, [tất cả] đều tan hoang đổ gẫy không còn ra thể thống gì thì xu thế sẽ cuốn đi theo, không nói gì được nữa. Cho nên người giỏi trị nước, phải lo việc khó ngay lúc còn dễ, làm việc lớn từ lúc còn nhỏ.

122. Làm Tế tướng chỉ cần nắm giữ những việc lớn

Tào Tham⁽¹⁾ đang làm Tế tướng nước Tề, được chuyển làm phụ chính [trong triều Hán] có dặn lại viên quan [thay mình] rằng: "Phải cẩn thận, chớ làm rối loạn chốn nhà giam và nơi chợ búa". Có người hỏi vì có gì? Ông đáp: "Nhà giam và chợ búa là chỗ bao dung mọi người, nếu làm rối loạn lên thì kẻ gian dung thân vào đâu?"

[Thời Đông Tấn], khi Tạ An⁽²⁾ giữ quyền chính trong nước, bọn binh dịch bỏ trốn, phần nhiều đều nấu mình trên thuyền bè ở Nam Đường Hạ. Có người muốn bắt hết bọn này ngay một lúc. [Khi ấy] Tạ An đang lấy đức tốt cảm hóa mọi người, đã bỏ hết những điều vụn vặt, lại vì có giặc vào xâm lấn bờ cõi, Tạ An thấy không nên làm xáo động lòng người, ông nói: "Nếu không dung bọn trốn tránh ấy thì sao gọi là kinh đô được?"

1. Tào Tham người đất Bái thời Hán, có công giúp Cao Tổ dẹp yên trong nước, được phong làm Bình Dương hầu. Sau khi Tiêu Hà mất được thay làm Tế tướng.

2. Tạ An: quan phụ chính triều Đông Tấn, có công đánh tan quân Bồ Kiên.

Người hiền tài đời trước [như Tào Tham và Tạ An] đã nói như thế là vì việc phát hiện kẻ gian, tìm kẻ ẩn trốn là trách nhiệm của nhà chức trách, còn chức Tế tướng là phải nắm giữ những việc lớn, nên có lòng khoan dung, nên bình dị trong việc chính trị, không xoi mói để khoe mình giỏi, không hống hách để ra oai. Có như thế thì việc lớn việc nhỏ mới êm thấm, lòng người mới gần gũi và đi theo. [Đá lâu] sa ngã, lần lửa, tạm bợ, buông lỏng vốn không phải là cách trị nước. Nhưng nếu chỉ chuyên về mặt xoi mói rạch ròi mà thiếu về hồn hậu thì cũng không phải là đạo làm cho nước yên ấm, dân hòa mục.

Hổ Trai thấy rằng, đối với bọn gian dân cần phải tự lượng kỹ cương pháp độ mà ép cho chúng ở yên, lại phải có mối lợi để cho chúng sinh sống. Thế mới có thể nói mạnh như Tào Tham và Tạ An được. Nhưng cũng phải tìm cho bọn gian ấy một lối thoát. Nếu tội của chúng chưa đến mức phải chết mà cứ giết bừa thì sẽ chuốc lấy họa loạn. Còn nếu cứ u tối không biết gì về chúng và sao nhãng việc đề phòng thì cũng sinh ra biến loạn.

123. Dung mạo là dấu hiệu của đức

Dung mạo là dấu hiệu của đức. Xem người phải xem [dung mạo trước]. Cho nên mục "Ngũ sự" trong thiên Hồng phạm, *Kinh Thi* xếp "mạo" lên đầu⁽¹⁾.

1. Ngũ sự gồm: Mạo (về mặt), ngôn (lời nói), thị (nhìn), thính (nghe), tư (suy nghĩ).

Bành Dạng⁽¹⁾ xuất thân người thường, làm đến chức Tông sự, địa vị xếp trên người trong châu, liền lên mặt kiêu căng gặp thời, ngày mỗi quá đáng. Cuối cùng bị giáng chức.

Tường Uyển⁽²⁾ từ chức Trường sử, làm đến Thượng thư, xếp trên các quan mà không hề mừng ra mặt. Mọi người thấy càng phục.

Chung Hội⁽³⁾ được vạch kế mật cho Văn Vương nhà Tấn⁽⁴⁾, ra về kiêu căng, cuối cùng bị giết.

Lục Kháng⁽⁵⁾ hạ xong thành Tây Lăng về, nét mặt không lộ vẻ kiêu căng, sau giữ được thân ở chốn triều đình tàn bạo đầy nghi kỵ.

Người quân tử xem đó cũng có thể chọn được [nên thế nào].

1. Bành Dạng: người đất Quảng Hán thời Thục Hán, tự Vĩnh Niên. Lúc đầu làm chức Thư tá ở trong châu, chuyên việc búi tóc cho quan châu là Lưu Chương sau Cao Tổ nhà Hán vào đất Thục, nhờ Bàng Thống tiến cử được làm Thị trung tông sự.

2. Tường Uyển: quan đại phu hiền tài thời Hậu chủ nhà Hán, đời Tam quốc.

3. Chung Hội: người nước Ngụy thời Tam quốc, tự Sĩ Quý, tính thông về danh lý, làm quan tới chức Tư đồ, được phong là Huyền Hầu.

4. Văn Vương nhà Tấn: tức Tư Mã Thiên.

5. Lục Kháng: người nước Ngô thời Tam Quốc. Năm Kiến Hưng thứ nhất làm Phấn uy tướng quân. Sau có công đánh lui Dương Hồ nhà Tấn bằng đạo quân nhỏ, Lục Kháng không hề lộ vẻ kiêu căng, được tướng sĩ rất yêu mến.

124. Kê Khang bị tai họa là vì tài nhiều mà hiểu biết ít

Tôn Dăng⁽¹⁾ răn Kê Khang⁽²⁾ rằng: "Lửa sinh ra ánh sáng mà [lửa] không dùng ánh sáng ấy. [Tuy nhiên lửa có ánh sáng] thực ra là do ánh sáng ấy được dùng. Người ta có tài mà không dùng đến tài [của mình], [song thực ra người ta sở dĩ có tài là do tài ấy được dùng. Ánh sáng được dùng là do củi đốt để giữ nguồn sáng, tài được dùng cốt ở sự hiểu biết sự vật để giữ vẹn tuổi [trời cho] của mình. Nay ông có nhiều tài mà hiểu biết lại ít thì khó thoát khỏi họa ở đời. Thế mà Kê Khang chẳng biết nghe theo, rớt cuộc vì ngạo mạn với Chung Hội mà mắc họa⁽³⁾ Tôn Dăng Thực là bậc quân tử sáng suốt.

*

* *

1. Tôn Dăng: ẩn sĩ nước Ngụy thời Tam Quốc, ở núi Bắc Sơn huyện Cáp, lấy hang núi làm nhà, lấy việc đánh đàn một dây và đọc "Dịch" làm vui, Kê Khang thường đến chơi với Tôn Dăng.

2. Kê Khang: danh sĩ nước Ngụy thời Tam Quốc, học rộng thích tư tưởng Lão, Trang, là một người hiền tài trong nhóm Trúc lâm thất hiền (bảy người hiền tài nhóm Trúc lâm, gồm: Kê Khang, Nguyễn Tịch, Sơn Đào, Lưu Linh, Hương Tú, Vương Nhung, Đỗ Hàm) làm quan Trung Đại phu.

3. Chung Hội là quan Hiệu úy (đồng triều với Kê Khang, nghe tiếng Kê Khang có tài, đến thăm. Kê Khang tỏ ý kiêu ngạo. Chung Hội giận, bèn gièm với Tư Mã Chiêm (Văn Vương nhà Tấn) là Kê Khang không thần phục Thiên tử, ngạo đời, Kê Khang do đấy bị giết.

125. Để cho người sợ thì mình để bị hại

Thế thuyết⁽¹⁾ chép: "Chung Hội vừa soạn xong" "Bản thủy luận", rất muốn Kê Khang⁽²⁾ xem cho một lượt, liền dắt vào trong người [đến nhà Kê Khang]. [Nhưng tới nhà] ngồi yên chỗ rồi, [Chung Hội] lại sợ Kê Khang xem không vừa ý, nên cứ để trong người không dám đưa ra. [Khi về] ra đến cửa [Chung Hội] bèn ném sách lại, rồi vội vàng bỏ chạy. Để cho người ta sợ mình như thế sao tránh khỏi bị hại⁽³⁾.

126. Kê Khang, Nguyễn Tịch... là những người phóng khoáng cao khiết

Thế thuyết chép: Kê Khang, Nguyễn Tịch, Sơn Đào, Lưu Linh⁽⁴⁾... uống rượu ở Trúc Sơn, Vương Nhung⁽⁵⁾ đến sau, Nguyễn Bộ Binh⁽⁶⁾ nói: "Khách tục lại đến, làm mất

1. Thế thuyết: tức "Thế thuyết tân ngữ" do Lưu Nghĩa Khánh thời Lục triều soạn, thuộc loại bút kí.

2. Kê Khang: xem ct. 2, tr. 269.

3. Xem ct. 3, tr. 269.

4. Xem ct. 2, tr. 269.

5. Vương Nhung: thành viên của nhóm Trúc lâm thất hiền, sau vì bất tài lại tham lam bủn xỉn nên bị nhóm này không tính vào số người của nhóm nữa. Nhà Vương Nhung có cây mận quý sợ mất giống, trước khi bán mận Vương Nhung đều dúi thủng hạt mận để hạt khỏi nảy mầm, mất mối lời, lại vì nhà Vương Nhung có nhiều ruộng vườn nên suốt ngày chỉ cầm thẻ tính toán lời lãi mà không có tài cán gì.

6. Nguyễn Tịch nguyên giữ chức Bộ binh hiệu úy nên người đời gọi là Nguyễn Bộ Binh.

cả hứng thú của người ta". Thế là mọi người [trong nhóm Trúc lâm thất hiền] đã không tính Vương Nhung trong số họ rồi. Máy người này tuy phóng túng ngoài vòng lễ pháp nhưng họ đã coi mọi người ngang hàng với mình, quên điều hơn thiệt, khinh điều danh lợi, có phong cách khoáng đạt cao khiết thực sự. Gọi họ là những người phóng khoáng cũng phải, còn như con người dùi hạt mận và suốt ngày rút thẻ thì đâu được liệt vào hàng thanh sĩ.

127. Hoàn Ôn là người thận trọng trong việc bình phẩm người

Hoàn Ôn⁽¹⁾ tuy là bậc anh hào nhưng cũng là người rất tinh tế. Có người hỏi Hoàn Ôn về Vương Đạo và Tạ An⁽²⁾, ai hay ai dở. Hoàn Ôn định nói sự thực nhưng sau nghĩ lại đã trả lời rằng: "Ông hay nói chuyện người khác nên không nói với ông được". Hoàn Ôn thận trọng trong việc bình phẩm người như thế đấy.

128. Lời nói của Hà Sung và Hoàn Ôn bẻ gãy những lời bàn suông

Chỗ đỗ của nhà Tấn là ở chỗ chỉ bàn suông⁽³⁾ rồi bỏ

1. Hoàn Ôn: danh tướng thời Đông Tấn, nguyên là Thứ sử châu Kinh, sau làm đến thừa tướng, đại Tư mã.

2. Vương Đạo và Tạ An là hai quan đại thần phụ chính có tài thời Đông Tấn. Tạ An là người kế sau chức của Vương Đạo.

3. Thời nhà Tấn, Huyền học thịnh hành, các nhà Huyền học thường tụ tập thảo luận, bắt bẻ nhau về những vấn đề triết học cao xa.

đấy. Bao quát [công việc] như Hà Sung⁽¹⁾, tài anh vũ như Hoàn Ôn, nếu được dùng, đáng làm trụ cột một thời.

Một lần Vương Mông⁽²⁾, Lưu Đàm⁽³⁾ đến chơi chỗ Hà Sung, Hà Sung vẫn [ngồi yên] xem xét giấy tờ việc quan không để ý gì đến Mông và Đàm. Vương Mông nói: "xin ông tạm bớt công việc hàng ngày, cùng chúng tôi bàn về huyền học, làm gì ông cứ phải cầm cui xem mãi những thứ ấy". Hà Sung đáp: "Tôi không xem những thứ này thì các ông làm sao mà tồn tại được?".

Hoàn Ôn chuẩn bị đi săn, gặp lúc Vương Mông Lưu Đàm đến. Lưu Đàm thấy [Hoàn Ôn] sắp xếp hành trang chưa xong vội hỏi rằng: "Lão giặc già định mang những thứ đó đi làm gì?" Hoàn Ôn nói: "Nếu ta không làm những việc này thì các ông làm sao ngồi yên mà bàn suông được?"

Lời nói của Hà Sung và Hoàn Ôn đều cùng một ý, có thể bề gầy được những lời bàn suông của bọn thư sinh phong lưu ấy.

1. Hà Sung: người nước Tấn, tự Thử Đạo, có phong thái yêm nhả lại nổi danh về văn nghĩa, làm Lại bộ thượng thư thời Thánh Đế, làm Tế tướng năm Vĩnh Hòa nguyên niên.

2. Vương Mông: người nước Tấn, tự Trọng Tổ, làm quan Tư Đồ, sau là Tả sử triều Tấn.

3. Lưu Đàm: người nước Tấn, tự Chân Trường, làm Tướng quốc thời Giản Văn Đế, sau làm Đan Dương Doãn, cùng Vương Mông là đôi bạn "bàn chuyện đời".

129. Nhà Tấn không biết dùng người

Vương Hy Chi⁽¹⁾ cho rằng trong cung ngoài triều có hòa hiệp thì nước mới yên. Ông khuyên Ân Hạo⁽²⁾ nên hòa thân với Hoàn Ôn⁽³⁾, không nên gây hiềm khích. Khổng Nghiêm⁽⁴⁾ cũng khuyên Ân Hạo phải hiểu rõ chức phận của người ở trong cung và người ở ngoài triều. [Ý ông] muốn Hoàn Ôn chuyên việc đánh dẹp [ngoài biên] còn Ân Hạo chuyên giữ việc then chốt [trong triều]. Vậy là [Vương Hy Chi và Khổng Nghiêm] đều nắm được đại thể, thông hiểu được việc đời. Thế mà người nghe cứ mơ hồ, lại cũng không giao việc nước cho [hai người]. Từ đấy có thể thấy nhà Đông Hán không biết dùng người.

130. Giản Văn Đế nhà Tấn

Thời Giản Văn Đế⁽⁵⁾ phụ chính, việc gì cũng để hàng tuần mới làm. Hoàn Ôn lo là chậm, thường hay khuyến khích động viên Giản Văn Đế [làm ngay]. Giản Văn Đế

1. Vương Hy Chi: con Vương Dao người thời Đông Tấn. Thư pháp của Vương Hy Chi rất nổi tiếng, còn truyền tụng mãi đến đời nay.

2. Ân Hạo: nhà nho thanh đàm (bàn suông), được phong chức Thứ sử châu Dương, tham dự triều chính, kiềm chế Hoàn Ôn, sau Ân Hạo bị truất.

3. Hoàn Ôn: xem ct. 1, tr. 271

4. Khổng Nghiêm: người nước Tấn, tự Bành Tổ, làm quan Thái thú ở Ngô Hưng.

5. Giản Văn Đế: tức Tư Mã Dục, vốn là quan Thượng thư sau được Hoàn Ôn lập làm vua.

nói: "Mỗi ngày muôn việc, làm sao nhanh được?" Than ôi! nhà Tấn sở dĩ đổ nát là vì có ấy.

Giản Văn Đế trị nước hơn 30 năm mà chỉ ngồi bàn giảng đạo Phật đạo Lão cao xa, không để ý đến việc đời. Hoàn Ôn [là người] có tư cách hào sảng, chịu trách nhiệm cả mảng lớn, lại có chí khôi phục Trung nguyên [mà Giản Văn Đế] không biết sử dụng, sai khiến và tận dụng tài năng của Hoàn Ôn. Lúc có loạn họ Thạch (loạn nước Hậu Triệu) [Hoàn Ôn] nhiều lần dâng biểu xin triều đình bàn định việc dùng quân thủy bộ cho thích hợp. Song cuối cùng triều đình chẳng trả lời ra sao. Hơn sáu mươi năm mới có một lần cất quân đánh nước Tần⁽¹⁾, trong thời gian này Ân Hạo⁽²⁾ [có lần] đem quân ra đánh đất Hứa đất Lạc, mà Giản Văn Đế cũng không sai Hoàn Ôn [cùng Ân Hạo] hai mặt đông tây tiếp ứng lẫn nhau. Thế chẳng phải là bỏ lỡ cơ hội nhiều lắm sao? Chính Giản Văn Đế đã dẫn Ân Hạo đến chỗ đối kháng với Hoàn Ôn, như thế không đúng

1. Nước Tần: tức nhà Hậu Tần. Vào năm thứ hai niên hiệu Vĩnh Hòa (vua Mục Đế nhà Tấn), Hoàn Ôn đánh bại quân Diêu Tương của nước Tần.

2. Ân Hạo: tự Thâm Nguyên, là người thích đạo Lão và *Kinh Dịch*, được phái "Phong lưu đàm luận" đương thời rất tôn kính. Năm Kiến Nguyên thứ nhất, làm Kiến Vũ tướng quân, thống lĩnh việc quân năm châu: Dương, Dự, Tỳ, Duyên, Thành. Ông luôn lấy việc bình định Trung nguyên làm nhiệm vụ của mình nên đã dâng sớ xin đánh lên miền bắc, gặp lúc ấy Diêu Tương làm phản, ông cầm quân đánh Diêu Tương, bị thua rồi bị phế truất làm dân thường. Sau Hoàn Ôn lên làm Tướng mời ông làm Thượng thư lệnh, ông cáo từ. Xem thêm ct. 2, tr. 273.

với nghĩa làm cho tướng văn tướng võ hòa hợp với nhau, lại còn muốn làm trì trễ việc tấu báo để ngăn trở Hoàn Ôn, nhưng cũng không sao cấm nổi sự chuyên quyền của Hoàn Ôn.

131. Hiệu nghiệm của sự phối hợp quân các châu trong đánh dẹp

Nhà Tần từ khi dời sang phía nam, liền đặt ra phương trấn để thống đốc các quận. Hai châu Kinh và Giang gọi là Nam phủ, hai châu Từ và Duyện gọi là Bắc phủ, châu Dự gọi là Tây phủ, châu Dương gọi là Đông phủ. Ở bốn phủ, văn quan võ tướng rất đông, sự thế hùng thịnh, quyền hành ngang nhau, không ai trên ai dưới. Chỉ riêng châu Dương là nơi kinh kỳ, nên nếu không phải là Tế tướng thì không được bổ nhiệm ở đó. Mọi công việc xếp đặt điều hành, thưởng phạt, thay đổi, [quan các phủ] đều được tham dự bàn bạc. Đến thời Mục Đế⁽¹⁾, Hoàn Ôn làm [Đô đốc] ở châu Kinh, để chí vào việc kinh lược. Quan Thái sử châu Dương là Ân Hạo luôn năm đi đánh phương Bắc nhưng chỉ điều quân hai phủ Tây và Bắc, mà không lấy đến quân châu Kinh là có ý kìm hãm Hoàn Ôn. Đến khi Ân Hạo bị

1. Mục Đế: con Khang Đế, lên ngôi từ năm 2 tuổi. Bấy giờ Hoàn Ôn diệt xong Thành Hán, thanh thế trong triều rất lớn. Mục Đế lại thấy ở Trung nguyên có loạn liền sai Ân Hạo đem quân mấy châu đánh lên phương bắc (để kìm hãm thanh thế Hoàn Ôn) nhưng Hạo bị thua, phải truất làm thường dân. Quyền chính trong và ngoài triều lại tập trung vào tay Hoàn Ôn.

phế truất, Giản Văn Đế lại sai Hoàn Ôn lấy quân bản trấn đi đánh quân Diêu Tương⁽¹⁾; Tạ Vạn⁽²⁾, Hy Đàm⁽³⁾ lấy quân châu Duyệt, châu Dự đi đánh họ Mộ Dung⁽⁴⁾. Ba phiên trấn đều riêng rẽ không thống nhất với nhau. Hoàn Ôn trấn giữ châu Kinh hơn 20 năm, tuy không bình được rợ Khương, rợ Hồ nhưng cũng không đến nỗi chuyên quyền trong nước. Từ khi Ai Đế⁽⁵⁾ giao cho Hoàn Ôn làm chức "mục" ở châu Dương, đốc quản cả trong lẫn ngoài thì Hy Am⁽⁶⁾ ở châu Duyệt gửi thư cho Hoàn Ôn muốn cùng giúp nhà vua, nhưng con [của Hy Am] là Hy Siêu⁽⁷⁾ đã tráo thư của cha, khuyên Hoàn Ôn thống lĩnh cả quân của mình thống quản cũ. Ôn theo lời ấy, lấy em là Khoát cho trấn thủ châu Kinh. Uy thế của Hoàn Ôn do đó hình thành không thể khống chế được nữa. Bấy giờ [nhà vua] có tính kế cũng đã muộn mất rồi.

Nói tóm lại, dựng nước ở đất Giang Nam mà muốn mở mang bình định đất Trung nguyên, nếu không liên lạc

1. Diêu Tương: danh tướng nước Hậu Triệu.

2. Tạ Vạn: quan Thứ sử châu Dự.

3. Hy Đàm: quan Thứ sử hai châu Từ và Duyệt.

4. Mộ Dung: tức nước Hậu Yên.

5. Ai Đế: con trưởng của Thành Đế nhà Tấn, được phong làm Lang Da Vương. Vì Mục Đế không có con trai, Ai Đế lên thay.

6. Hy Am: quan Thứ sử hai châu Từ và Duyệt.

7. Hy Siêu: Tham quân của Hoàn Ôn, thường cùng Hoàn Ôn bàn chuyện cơ mật.

với miền sông Hoài, sông Hán thì chưa dễ thành công được. Hoàn Ôn bị thua ở Phương Đầu là vì chỉ chuyên dùng quân châu Từ châu Duyệt thôi. Khi Bồ Kiên vào đánh Tấn, Tạ An từ chối không dùng quân của Hoàn Sung⁽¹⁾ cho [Hoàn Sung giữ nguyên] số quân ấy phòng ngự Tây phiên mà chỉ sai Tạ Huyền⁽²⁾, Hoàn Y⁽³⁾ đem quân châu Từ châu Dự phá quân Tần, là vì tuy quân giặc chỉ nom dòm đất Hoài Nam thôi, nhưng chỗ nào cũng nên phòng ngự, không nên điều quân đi xa, làm dao động lòng người. Sau đó Tạ An thừa thắng, sai Tạ Huyền đánh Tần, bình định được miền nam sông Hoàng Hà. Hoàn Sung, họ Thạch⁽⁴⁾ cũng sai quân sang bắc lấy được mấy quận Dung và Thiểm. Tuy nhiên [các cánh quân] khi tiến khi lùi mỗi đảng mỗi khác, không ứng tiếp cho nhau. Nếu như Tạ An thực hiện được hết ý đồ như điều khiển quân các trấn, ba mặt đều cắt quân một lúc để bình định đất Hà Nam, thôn tính đất Quan Trung thì còn khó gì.

1. Hoàn Sung: em Hoàn Ôn, sau khi Hoàn Ôn chết, thay Hoàn Ôn làm Thứ sử châu Kinh.

2. Tạ Huyền: cháu gọi Tạ An bằng chú, khi nước Tấn có giặc Bồ Kiên vào xâm lấn, Tạ Huyền được tiến cử làm Kiến Vũ tướng quân, Thứ sử châu Duyệt, sau làm Đô đốc tiền phong đánh tan Tần Bồ Kiên ở sông Phi Thủy, được giao thống lĩnh việc quân trong 7 châu.

3. Hoàn Y: nguyên là Thái thú ở Hoài Nam, Thứ sử châu Dự, có công cùng Tạ Huyền đánh tan quân Bồ Kiên, được thăng chức Tướng quân.

4. Họ Thạch:?

Vũ Đế nhà Tống⁽¹⁾ bắt đầu khởi binh ở châu Từ, bình xong Hoàn Huyền⁽²⁾ vào châu Kinh châu Duyên điều vận thiên hạ, bắt Lưu Kính⁽³⁾ và Gia Cát Trường Dân⁽⁴⁾, khống chế hoàn toàn châu Kinh châu Dự rồi sau mới dẹp kẻ tiếm ngụy lập nên nghiệp vương. Xem đó mới thấy hiệu nghiệm của sự liên lạc [trong việc đánh dẹp].

132. Ra quân mà không định mưu tính kế trước nên nhà Triệu Tống thua trận

Nhà Triệu Tống khi vượt sông sang phía nam, đặt ty Chế trí ở Kinh Hồ, là Nam phủ của nhà Tấn trước, lại đặt ty Chế trí ở Luồng Hoài, là Bắc phủ của nhà Tấn trước.

Khi Nhạc Phi sang đánh phương bắc chỉ dùng quân châu Kinh. Nhưng khi Trương Tuấn⁽⁵⁾ điều quân vượt

1. Vũ Đế nhà Tống: tức Lưu Dự, vốn là danh tướng nhà Đông Tấn, sau lên ngôi Hoàng đế lập ra Nam Triều.

2. Hoàn Huyền: con trai Hoàn Ôn, vốn là danh tướng nhà Tấn, tự xưng là Hoàng đế lập quốc triều là Đại Sở sau bị Lưu Dự (Vũ Đế nhà Tống) giết.

3. Lưu Kính: quan đại thần của nhà Tấn, sau bị Vũ Đế giết.

4. Gia Cát Trường Dân: quan đại thần nhà Tấn, sau bị Vũ Đế giết.

5. Trương Tuấn: danh tướng nhà Tống, được xếp ngang hàng với Hàn Thế Trung, Lưu Kỳ, Nhạc Phi thời bấy giờ, làm quan tới chức Thái phó.

sông Hoài [thì Cao Tông nhà Tống] xuống chiếu cho Ưông Triệt⁽¹⁾ ở châu Kinh, châu Tương đem quân tiếp ứng. Ưông Triệt đến sau chưa kịp hợp quân thì [Trương Tuấn] đã bị võ ở đất Phù Ly rồi.

Mạnh Cung⁽²⁾ diệt nhà Kim cũng chỉ dùng quân châu Kinh. Nhưng khi Triệu Quỳ⁽³⁾ từ sông Hoài [kéo quân] vào sông Hoàng Hà [thì Cao Tông nhà Tống] xuống chiếu cho Sử Tung Chi⁽⁴⁾ ở Kinh Hồ là [hai bên] phải dựa vào nhau [mà đánh giặc]. Tung Chi vừa can là không nên thì [Triệu Quỳ] đã thua ở Hạc Thành rồi. Đó vốn là vì triều đình không định mưu tính kế trước, không định ngày ra quân, lại khinh suất, vội vàng cho nên quân ở hai bên

1. Ưông Triệt: quan Điện trung thị ngự sử, sau làm đến Tham tri chính sự thời Cao Tông nhà Tống.

2. Mạnh Cung: danh tướng Nam Tống, cầm quân Nam Tống phối hợp với Mông Cổ đánh thành Bái Châu nhà Kim, Ai Tông nhà Kim phải tự sát, nước Kim mất.

3. Triệu Quỳ: người nước Tống, tự Nam Trọng, hiệu Tín Am, có công lớn đánh bại quân Kim và Lý Toàn, được làm Hữu Thừa tướng kiêm Khu mật xứ. Sau làm đến Tuyên phủ xứ Lương Hoài, Thiếu phó, được phong là Ký quốc công.

4. Sử Tung Chi: quan Hình bộ thị lang triều Tống. Năm Thụy Bình nguyên niên Sử Tung Chi được lệnh mang quân phối hợp với Triệu Quỳ. Sử Tung Chi can vua không nên. Trận này bị võ, vua hối hận là không nghe lời can của Sử Tung Chi. Sau Tung Chi làm quan tới chức Hữu Thừa tướng.

trấn không thống nhất [chỉ huy], chỉ có một đám nhỏ đánh giặc rồi cuộc không thành công.

133. Tướng văn tướng võ nhất trí thì đánh dẹp sẽ thắng lợi

Mang quân đi đánh nước người là một việc lớn. Tuy cơ sự có mau chậm, hình thế có lợi hại khác nhau. Nhưng chủ yếu phải bàn xem mưu kế của mỗi người có hợp nhau không. Nguyên nhân của thành hay bại, sắc bén hay cùn nhứt quyết định ở đó. Chiêu Liệt đánh nước Ngô⁽¹⁾, Bồ Kiên vào cướp nước Tấn⁽²⁾, Văn Đế nhà Tống đánh nước Ngụy⁽³⁾, Văn Đế nhà Tùy đánh Cao Ly⁽⁴⁾, Thái Tông nhà Đường đánh Liêu Tả,⁽⁵⁾ Huy Tông nhà Tống đánh nước

1. Quan Văn Trường một tướng giỏi đồng thời là anh em kết nghĩa của Chiêu Liệt (Lưu Bị) bị Lục Tốn nước Ngô đánh bại. Chiêu Liệt đánh Ngô để trả thù cho em.

2. Bồ Kiên nước Tần vào cướp nước Tấn, bị quân Tấn đánh bại ở sông Phi Thủy.

3. Văn Đế nhà Tống (Nam triều) sai Ngạn Di, sau lại sai Đàm Đạo Tế đem quân đánh nước Ngụy (Bắc triều) bị quân Ngụy đánh bại.

4. Văn Đế nhà Tùy là Dương Kiên đem ba chục vạn quân thủy bộ đánh Cao Ly, quân thủy gặp bão lớn, quân bộ bị dịch bệnh cuối cùng phải lui quân, mười phần chết mất đến 8, 9 phần.

5. Năm Trinh Quán nhà Đường, Thái Tông mang quân đi đánh Liêu Đông, gặp trời rét, lương hết phải rút quân về.

Kim⁽¹⁾, Hải Lăng nhà Kim vào xâm phạm nhà Tống⁽²⁾... người thời bấy giờ đều cho là không nên, còn tán thành chẳng qua chỉ một vài kẻ tiểu nhân thôi. [Thế mà] cứ làm liều cuối cùng không thành công. còn như Vũ Đế nhà Tấn đánh nước Ngô⁽³⁾, Cao Tổ nhà Chu (Hậu Chu) đánh nước Tề⁽⁴⁾, Văn Đế nhà Tùy đánh nước Trần⁽⁵⁾, Thái Tổ nhà Tống đánh Bắc Hán⁽⁶⁾, Thế Tổ nhà Nguyên xâm chiếm Nam Tống⁽⁷⁾ thì tướng văn tướng võ đều chung lời bàn nhất trí. Tuy cũng có một vài người bàn khác nhưng không đáng kể. Cho nên mang quân đi đánh

1. Theo sử chép thì Huy Tông nhà Tống chưa đánh nước Kim lần nào, chỉ sai tướng mang mấy chục vạn quân phối hợp với người Kim đánh nước Liêu. Có thể đây là đánh Liêu chứ không phải đánh Kim.

2. Hải Lăng nhà Kim: Tức Phế Đế nhà Kim, rất bạo ngược, tàn sát tông tộc, giết mẹ, lấy thím, cử binh đánh Tống bị thua, chạy về Qua Châu rồi bị thuộc hạ giết và bị giáng làm "Hải Lăng Thứ nhân".

3. Sau khi diệt nước Thục, Vũ Đế nhà Tấn là Tư Mã Chiêm đem quân diệt nước Ngô, thống nhất Trung Quốc.

4. Cao Tổ nhà Hậu Chu (Bắc triều) đem quân đánh và thôn tính nước Tề (một nước thuộc Bắc triều).

5. Văn Đế nhà Tùy sau khi dẹp yên phương Bắc, mang quân xuống phương Nam diệt nước Trần là Nam triều, thống nhất Trung Quốc.

6. Bắc Hán là một nước thời Ngũ đại thập quốc. Thái Tổ và sau đó là Thái Tông nhà Tống lần lượt tiêu diệt hết các nước phương nam, Bắc Hán là nước cuối cùng bị nhà Tống diệt.

7. Thế Tổ nhà Nguyên là Hốt Tất Liệt, sau khi lên ngôi. ổn định nội bộ bên nam tiến diệt Nam Tống thống nhất Trung Quốc.

liền giành thắng lợi lớn. Qua Đây thấy, như thiên Hồng phạm [*kinh Thư*] nói: "Bàn cùng khanh sĩ" [là điều] nhất thiết không thể thiếu được. Còn lời nói của đời xưa gọi là: "Ba người bói thì theo lời của hai người" với những câu: "Điều hay thì theo số đông"; "Ba quan khanh cùng một chủ trương gọi được là đông", đều đáng làm khuôn mẫu cả.

Đông Giang thấy rằng Văn Hoàng nhà Đường (Thái Tông) lúc mới mở nước⁽¹⁾, theo gương Dạng Đế nhà Tùy⁽²⁾ ba lần đi đánh nước Liêu. [Điều đó như *Tân truyện*] gọi là: "chẳng thà ta bạc với người, còn hơn để người bạc với ta". [Văn Hoàng] là ông vua anh hùng cho nên mở được cơ nghiệp ba trăm năm. Không nên theo lời bàn "Phải vỗ yên di địch"⁽³⁾ của Lưu Huyền nhà Tùy mà dă kích [Văn Hoàng]. Hãy xem nước Cao Ly lập bia nhất thống, đến nay còn gọi "Thái Tôn là Thiên tử" đấy.

1. Văn Hoàng nhà Đường tức Lý Thế Dân.

2. Dạng Đế là vua tàn bạo của nhà Tùy.

3. Cuối thời Khai Hoàng nhà Tùy (thời Văn Đế), đất nước Trung Quốc thịnh vượng, quan lại trong triều nhiều người muốn xâm lược Cao Ly. Lưu Huyền cho là không nên, đã viết bài "Phả di luận" (Vỗ yên di địch) để công kích triều đình. Ý bài này nói: đối với di địch chỉ nên vỗ yên mà thôi, không nên đánh.

134. Đất Giang Đông bị nhập vào nhà Tùy

Đất Giang Đông [đúng vũng] trong suốt 300 năm, đến mãi thời nhà Trần mới bị nhập vào nhà Tùy. [Điều bất hạnh đó] không chỉ do Thúc Bảo⁽¹⁾ vô đạo mà còn do sự thế tất nhiên dẫn đến như thế. Vì từ sau cuộc biến Hầu Cảnh, do Tiêu Sát nộp đất Tương Dương cho nước Ngụy mà châu Ung mất; vì nhà Ngụy lập con cháu nhà Lương ở Giang Lăng mà châu Kinh mất, rồi Tiêu Kỳ bị nước Lương bắt, người Ngụy nhân sơ hở ấy lấy đất Thục, do đó châu Ích mất⁽²⁾. Người Tề nhân lúc nhà Lương loạn, lấy các đất Thọ Dương, Quảng Lăng, Hợp Phì. [Các vùng đất] mà nhà Trần thu phục lại chưa được bao lâu nay lại làm phản nhập vào nhà Chu⁽²⁾. [Vì vậy] mà Hoài Nam, Hoài

1. Thúc Bảo: vua cuối cùng của nhà Trần (Nam Triều).

2. Hầu Cảnh: nguyên là tướng của Đông Ngụy (Bắc triều) đầu hàng nước Lương (Nam triều). Sau lại nổi loạn mưu cướp nước Lương. Bấy giờ ngoài Hầu Cảnh ra, Thứ sử châu Kinh là Tiêu Dịch, Thứ sử châu Ung là Tiêu Sát, Thứ sử châu Ích là Tiêu Kỳ cùng Tiêu Chính Đức, Tiêu Luân đều muốn cướp ngôi, diệt nhà Lương.

Sau khi giết Vũ Đế, Giản Văn đế nhà Lương và Tiêu Chính Đức, Hầu Cảnh xưng là Hán Hoàng Đế, cuối cùng lại bị Tiêu Dịch và Trần Bá Tiên đánh bại. Tiêu Dịch lên ngôi Hoàng Đế đóng đô ở Giang Lăng (Tức Nguyên Đế nhà Lương) Còn Tiêu Luân thì bị Tây Ngụy ...

Tây đều mất. Chống chọi lại phương Bắc tro trọi chỉ còn một vùng sông [Trường Giang] mà thôi. Mặt đông, mặt nam, nửa vách [giang sơn] đến lúc này chẳng còn là [những vùng đất cũ] như của các nước Tấn, Tống, Tề, Lương xưa nữa, đều nằm nấp trong tình trạng nguy vong rồi. Thế mà thêm vào đó lại còn hoang túng thì sao khỏi mất được.

*

* *

... giết chết. Tiêu Kỳ kéo quân châu Ích về đánh Giang Lăng cũng bị thua và chết nốt. Nước Tây Ngụy (Bắc triều) nhân sơ hở của việc Tiêu Kỳ mang quân đi đánh Giang Lăng bèn đánh lấy châu Ích.

Từ biến loạn Hầu Cảnh, Tiêu Sát đã thần phục nhà Tây Ngụy, hợp binh với Tây Ngụy đánh Giang Lăng. Nguyên Đế nhà Lương đầu hàng rồi chết. Nhân đó Tiêu Sát được Tây Ngụy phong làm Lương chúa, đóng đô ở Giang Lăng. Song vẫn bị Tây Ngụy đóng quân ở phía tây thành Giang Lăng giám sát. Còn đất của Tiêu Sát là Tương Dương và châu Ung thì Tiêu Sát đã hiến cho Tây Ngụy từ trước rồi.

1. Bắc Tề và Hậu Chu là hai nước thuộc Bắc triều. Bắc triều trước vốn là nước Ngụy, sau chia thành Đông Ngụy và Tây Ngụy. Đông Ngụy sau truyền xuống thành Bắc Tề, Tây Ngụy thành Hậu Chu (còn gọi là Bắc Chu). Sau Hậu Chu lại thôn tính Bắc Tề rồi truyền sang nhà Tùy. Nhà Tùy diệt nước Trần (Nam triều) thống nhất toàn Trung Quốc.

Các nước Bắc triều chỉ có Tùy là thuộc bộ tộc Hán, còn lại đều thuộc bộ tộc Tiên Ty và Thác Bạt.

135. Từ mệnh có quan hệ lớn đến quốc thể

Từ mệnh⁽¹⁾ có quan hệ rất lớn đến quốc thể. Thời Xuân thu, việc can qua xảy ra liên tiếp, nhưng lời lẽ qua lại [giữa các nước] vẫn có vẻ mềm mỏng, ôn hòa, đôn hậu. Các nước hầu sở dĩ [trong] hòa thân được với người có đức nhân, [ngoài] có quan hệ tốt với nước láng giềng, lại giữ yên được xã tắc⁽²⁾ là do đường lối (đạo) ấy. Nước Trần với nước Tỳ kết tình hòa hiếu, vốn không có gì hiềm khích nhau, bỗng nhiên [nước Tỳ] giữ sứ giả nước Trần rồi đem quân đánh nước Trần⁽³⁾. Xét kỹ nguyên do thì ra trong thư nước Trần trả lời [nước Tỳ] có câu "... Tuồng rằng nước Tỳ các ngài trị nước cũng nên như vậy, để cho vũ trụ được thái bình..." làm cho Văn Đế nhà Tỳ không bằng lòng, cả triều đình nhà Tỳ tức giận nên mới định kế đánh phía nam. Đó chẳng phải loạn sinh ra là ở lời nói sao? Nhà Trần dùng Giang Tống⁽⁴⁾ làm tướng [ông ta chỉ là

1. Từ mệnh: văn từ và lời lẽ ứng đối do sứ giả được lệnh trong nước trao đổi với nước ngoài.

2. Xã tắc: chỉ thần đất và thần lúa. Thời xưa mỗi triều đại mới lên thay triều đại cũ đều cho đắp lại nền xã tắc để tế thần đất và thần lúa. Vì vậy xã tắc còn tượng trưng cho đất nước.

3. Trần và Tỳ là hai nước cuối thời Nam Bắc triều. Trần ở phía Nam, Tỳ ở phía Bắc. Nước Trần đến thời Hậu chủ bị nước Tỳ tiêu diệt rồi thống nhất thiên hạ. Thời Nam Bắc triều chấm dứt từ đó.

4. Giang Tống: tự Tống Trì, làm quan nước Lương tới chức Thái tử Trung xá nhân. Năm loạn Hầu Cảnh chạy xuống phía nam Ngũ Lĩnh, rồi vào nước Trần làm Thái tử chiếm sự. Khi Hậu chủ lên ngôi, làm Bộc xạ Thượng thư lệnh, nhưng không lo việc chính sự, chỉ suốt ngày chơi bời yến tiệc với Hậu chủ, cuối cùng để nước Trần bị nước Tỳ diệt.

một người] phù hoa vô dụng, một lời nói đã làm hỏng việc nước nên mới đến nỗi như thế.

*

* *

136. Dùng dân binh hay lính mộ, cốt ở chỗ khéo xử trí thôi

Chế độ "phù binh"⁽¹⁾ bắt đầu có từ thời Hậu Ngụy (Nam Bắc triều). Thời nhà Chu nhà Tùy (Nam Bắc triều) vẫn theo chế độ đó. Nhưng đến thời Dạng Đế nhà Tùy không còn hiệu lực nữa. Khi quân mã dốc hết sang Liêu Tả⁽²⁾, thì giặc cướp nổi lên như ong, không sao ngăn nổi, nên [nhà Tùy] phải dùng toàn lính mộ. Ngày Thần Nghiêu⁽³⁾ trấn giữ Thái Nguyên, mộ năm ngàn binh phá Đột Quyết⁽⁴⁾. Sau bọn Lịch Sơn Phi⁽⁵⁾ dụng cò nghĩa cũng

1. Phù binh: lính ở các phủ, ngày thường làm ruộng, khi nước có việc đánh dẹp thì các phủ tập trung binh lính lại.

2. Liêu Tả: nước Cao Ly. Khi ấy Dạng Đế mang quân đánh Cao Ly (Triều Tiên).

3. Thần Nghiêu: tức Lý Uyên, vua Cao Tổ nhà Đường.

4. Đột Quyết: một chủng tộc ở Bình Lương, giống giống Hung Nô. Thời Tùy, Đường nước Đột Quyết hùng thịnh, có cả vùng sa mạc phía bắc, sau lập ra nước Thổ Nhi Kỳ.

5. Lịch Sơn Phi: tức Ngụy Diêu Nhi, lãnh tụ nghĩa quân nông dân chống lại nhà Tùy. Sau bị Lý Uyên và Lý Thế Dân đánh tan ở Thái Nguyên.

dùng lính mộ, họ tập hợp xa gần được vài vạn người đặt thành bộ ngũ chia nhau giữ phía tây và đều ban tên gọi là "Nguyên tông định nạn công thần" (bề tôi có công theo dẹp loạn từ buổi đầu). Xem đó đủ thấy dân binh chưa hẳn đã hơn lính mộ, trái lại cốt ở chỗ xử lý khéo hay vụng thôi. Dạng Đế cũng mộ binh thành lập đội "kiêu quả"⁽¹⁾ rồi chia ra giao cho các tướng, nhưng đi đánh dẹp phần nhiều đều bị thua. Còn các lính kén vào đội túc vệ⁽²⁾, số không phải người bản xứ, đa phần nhờ nhà bỏ trốn. Sau chúng bị Sĩ Cật⁽³⁾ và Hóa Cật⁽⁴⁾ phủ dụ, hòa nhau làm loạn, dẫn đến biến loạn ở Bành Thành.

*

* *

1. Kiêu quả: đội quân tinh nhuệ dũng mãnh.

2. Túc vệ: đội quân túc trực nơi cung cấm.

3. Sĩ Cật: tức Vũ Văn Sĩ Cật, em trai Vũ Văn Hóa Cật. Hóa Cật âm mưu giết Dạng Đế nhà Tùy, Sĩ Cật không cáo giác (Sĩ Cật lấy con gái Dạng Đế) nên được phong là Thục Vương. Sau Sĩ Cật theo Cao Tổ nhà Đường đánh Vương Thế Sung có công, được phong là Trình Quốc công, rồi Trung thư lệnh, Đô đốc châu Lương.

4. Hóa Cật: tức Vũ Văn Hóa Cật, người nước Tùy. Thời Dạng Đế làm Hứa công. Khi theo xa giá xuống Giang Đô, gặp lúc có loạn phương bắc, Hóa Cật giết Dạng Đế, lập Tần Vương Hạo và tự làm Đại Thừa tướng. Sau lại giết Vương Hạo, tự xưng là Hứa Đế. Năm Vũ Đức thứ hai, đánh nhau với Đậu Kiến Đức bị thua rồi chết.

137. Người anh hùng khởi sự cần phải biết dựa vào thời thế

Thần Nghiêu mang quân vượt sông Hoàng Hà, dân ở Quan Trung về theo như đi chợ. Thế Dân⁽¹⁾ tới đâu là quan lại dân chúng và cả bọn trộm cướp ở đó kéo theo như nước chảy. Như vậy có khác gì [xưa kia diệt kẻ bạo ngược] nhà nhà mừng vui, trẻ già chào đón. [Và đó] chẳng phải là [sự nghiệp] của Thành Thang [nhà Thương đánh vua Kiệt nhà Hạ] và Vũ Vương [nhà Chu diệt vua Trụ nhà Ân] sao?

Ồ! nếu không có sự bạo ngược của nhà Tùy, sao thấy được lòng nhân đức của nhà Đường? Nếu không có sự xua đuổi dân của nhà Tùy thì sao biết nhà Đường được lòng dân? [Thế mới biết] người anh hùng khởi sự phải biết dựa vào thời thế, chứ không phải chỉ khôn ngoan khéo léo mà làm nên việc được.

*

* *

138. Chiến tranh là do vận sát phạt còn chưa hết

Văn Hoàng⁽²⁾ nhà Đường với tư cách là một anh hùng, công trùm thiên hạ, cả nước đều ngưỡng vọng, đâu có thể

1. Thế Dân: tức Lý Thế Dân, con thứ của Thần Nghiêu (Cao Tổ nhà Đường). Sau lên ngôi, Thế Dân lấy tên hiệu là Thái Tông Văn Hoàng Đế.

2. Văn Hoàng: tức Lý Thế Dân.

xếp sau Kiến Thành⁽¹⁾ được? Cao Tổ không biết liệu kế thay đổi Thái tử để cho anh em được song toàn, mà lại muốn [Thế Dân] về ở nơi hành đài Lạc Dương dựng cờ Thiên tử. Như vậy là đã giành ra miếng đất [gieo mầm] chiến tranh sau này. Cũng may mà lòng trời đã chán việc binh đao, khiến cho Thế Dân cố từ chối, nên việc ấy (chiến tranh) mới dứt được. [Sau này] tuy có xảy ra anh em trong nhà đánh lẫn nhau nhưng cũng trấn yên được ngay. Nếu không thì tai họa cho sinh mạng con người nói sao cho hết.

Cao Tổ nhà Đường đã lập Kiến Thành [làm Thái tử] nhưng vẫn để Tần Vương⁽²⁾ ở trong cung, cho nên [anh em] cùng nhà có đánh nhau, cuộc biến loạn ấy cũng chỉ trong chốc lát ngăn chặn được ngay.

Thái Tổ nhà Minh lập Kiến Văn [làm Thái tử] nhưng để Yên Vương⁽³⁾ [làm vua chu hầu] ở ngoài nên sự thế bức bách đến nỗi phải giao chiến nhiều nơi, dân chúng lâm than ba bốn năm mới yên. Đó là do khi ấy vận sát phạt còn chưa hết.

1. Kiến Thành: con trưởng Cao Tổ nhà Đường, anh ruột Lý Thế Dân. Nguyên trước Cao Tổ đã lập Kiến Thành làm Thái tử, song vì Kiến Thành không có tài, mà Thế Dân thì có công lớn đánh dẹp bắc nên Cao Tổ có ý truyền ngôi cho Thế Dân.

2. Tần Vương: Lý Thế Dân lúc đầu được Cao Tổ phong làm Tần Vương.

3. Yên Vương: tên là Lệ, con thứ của Thái Tổ nhà Minh. Thái Tổ truyền ngôi cho cháu đích tôn là Huệ Đế, phong vương cho Lệ ở đất Yên (nên gọi là Yên Vương). Huệ Đế làm vua được 4 năm thì Lệ mang quân từ đất Yên về đánh đuổi Huệ Đế đi. Lệ lên ngôi vua tức Thành Tổ nhà Minh.

139. Văn Hoàng nhà Đường đích thân lo việc dùng võ

Thần Nghiêu⁽¹⁾ phải xưng là bề tôi với nước Đột Quyết⁽²⁾ [là điều] Văn Hoàng⁽³⁾ lấy làm đau lòng mãi. Trong chiến dịch sông Vị, quân giặc tràn vào tận Quốc đô, phải hội thề ở ngay dưới thành lại càng là điều nhục lớn cho Trung Hoa. Cho nên giặc vừa rút lui, Văn Hoàng liền thân hành tập bắn là muốn khích lệ tướng sĩ thôi. Xem lời huấn dụ [thấy ông] chăm chăm lấy việc phòng bị Nhung Địch làm điều cấp bách. [Như vậy] thực ông đã nghĩ nhiều đến việc giữ nước, chứ có lệch về việc dùng võ đâu. Thế mà Tiên nho chê ông. Tôi cho rằng không đúng. Đâu có lý, giặc đến tận cửa ngõ thỏa chí vơ vét rồi bỏ đi, để lại sự ngay ngáy lo lắng chúng sẽ kéo đến nữa mà lại ngồi yên bàn giáo hóa, lễ nhạc, coi việc dùng võ là thứ yếu? Huống hồ Thái Tông⁽⁴⁾ đích thân chăm lo việc duyệt tập là để tỏ ra không quên việc võ bị mà thôi. [Cho nên sau này] nghe lời Ngụy Trưng⁽⁵⁾ khuyên phải tu sửa văn đức, ông đã hết sức làm điều nhân nghĩa trong suốt ba

1. Thần Nghiêu: xem ct. 3, tr. 286.

2. Đột Quyết: xem ct. 4, tr. 286.

3. Văn Hoàng: xem ct. 1, tr. 288.

4. Thái Tông: xem ct. 1, tr. 288.

5. Ngụy Trưng: tự Huyền Vũ, người đất Khúc Thành thời Đường, ông là người ham đọc sách và thông hiểu việc đời. Thời Thái Tông, ông làm Giám nghị đại phu, Kiểm hiệu thị trung, chủ biên bộ sử thời Chu và Tùy, hoàn thành được phong là Quang lộc đại phu, Trữ quốc công.

năm ròng. Như vậy đâu phải ông sao nhãng việc giáo hóa lễ nhạc? Và lại, [nói về] kết quả của sự luyện tập võ nghệ, thì việc đánh dẹp, đánh đâu được đấy, uy danh lừng lẫy nước ngoài. [Như thế] đức tốt của bậc đế vương còn gì hơn? [Xưa kia] Chu Công bảo Thành Vương: "Phải sắm sửa đầy đủ quân phục, binh khí để nối gót vua Đại Vũ đi khắp thiên hạ và ra tận bờ biển [để thấy được đức độ sáng láng của Văn Vương và công liệt vĩ đại của Đại Vũ⁽¹⁾]. Thiệu Công bảo Khang Vương: "Phải làm cho sáu đạo quân [của nhà vua] lớn mạnh lên, đừng làm hỏng mệnh lớn không để có [của Cao Tổ]"⁽²⁾. [Nhưng lời ấy] chẳng phải là [lời răn bảo] ngay từ lúc mới lên ngôi sao?

Kinh Thư khen: "Vua nhà Chu biết vỗ yên muôn nước, đi tuần các nước hầu, đánh các nước không về châu". Đó chẳng phải là những lời bàn đẹp của đời xưa sao? Chưa ai dám cho [những lời ấy] là không đáng quý. Nếu bảo việc dạy bắn ở nơi điện đình là không đúng chỗ, thì những điều nói trong truyện ký như: giảng võ ở Tuyên Tạ, chinh quân ở Lạc Thủy, chẳng phải là Thiên tử đích thân làm hay sao? Huống chi điện Hiến đức vốn ở riêng biệt nơi Đông cung, cũng không phải là nơi chính ngự hay tiện điện. Như vậy còn điều gì trở ngại nữa? Than ôi! các nhà nho đời Tống bàn luận đại để như thế cho nên quân yếu, đất nước bị xâm lấn, không thể nào vươn lên được.

1. Lời thiên *Lập chính*, *Kinh Thư*.

2. Lời thiên *Khang Vương chi cáo*, *Kinh Thư*.

Đông Giang thấy rằng lời bàn trên thật đã hiểu thấu tâm sự của Thái Tông nhà Đường. Người xưa có câu: "Người biết thời thế gọi là bậc tuấn kiệt". Nếu không phải là bậc quân tử sao xứng được với lời ấy.

*
* *

140. Thái Tông nhà Đường định thứ vị cho công thần

Khi Thái Tông định thứ vị cho công thần trước mặt mọi người, đã nêu cao công họ Phòng⁽¹⁾, họ Đỗ⁽²⁾ mà giảm thấp lời biện bạch của Thần Thông⁽³⁾, là nhằm tỏ ra không có ý riêng tư với người thân. Nhưng ý thiên tu [của ông] lại lộ rõ ở việc này. Ngày Thần Nghiêu mới bắt đầu [khởi nghĩa], phò giúp ở Mạc Phủ có Lưu Chính Hội⁽⁴⁾,

1. Họ Phòng: tức Phòng Huyền Linh, người Lâm Truy thời Đường, là người học rộng biết nhiều, có công theo Thái Tông đánh dẹp mọi nơi. Khi Thái Tông lên ngôi, được làm Tả bộc xạ, tước Lương quốc công... Công việc triều chính nhà Đường bấy giờ đều do Phòng Huyền Linh và Đỗ Như Hối lo liệu.

2. Họ Đỗ: tức Đỗ Như Hối, người Đỗ Lăng thời Đường. Khi Thái Tông lên ngôi, được giữ chức Thượng thư Hữu bộc xạ, tước Lai quốc công, cùng Phòng Huyền Linh lo liệu việc triều chính nhà Đường.

3. Thần Thông: chú Thái Tông, theo Cao Tổ nhà Đường từ lúc khởi nghĩa.

4. Lưu Chính Hội: người đất Tộ thời Đường, làm quan Tư mã ở phủ Thái Nguyên, Nhạn Dương, sau đem quân theo Cao Tổ nhà Đường. Năm Vũ Đức thứ nhất làm Vệ úy thiếu khanh.

Ân Khai Sơn⁽¹⁾; đầu tiên hưởng ứng cò nghĩa có Thần Thông, Sài Thiệu⁽²⁾. Những người như thế không ít. Khi Thái Tông cầm phủ việt đi đánh dẹp, có Võ Ky⁽³⁾, Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối bày mưu tính kế. Họ đều là bề tôi riêng của Phiên vương ở hành đài Mạc Phủ, chứ không phải là công thần của triều đình nhà Đường. Vì vậy khi định công nên chia những người theo giúp từ lúc mới khởi nghĩa làm một hạng, những người liêu thuộc ở Mạc Phủ cũ làm một hạng. Như thế danh và thực sẽ đều chính đáng không lẫn đoạt lẫn nhau. Nếu không muốn phân biệt bằng hình tích mà phong theo thú tự thì nên như đầu thời Hán: Luận công chia ra ba hạng: hạng đi theo khởi nghĩa từ đất Phong, đất Bái; hạng theo vào Quan Trung; hạng đi theo để định Tam Tần, đánh Hạng Vũ. Như vậy thú tự sẽ không sai, phận vị đều thỏa đáng. Nay Cao Tổ còn ở ngôi

1. Ân Khai Sơn: người đất Hu thời Đường, là Đại cốc trưởng thời Tùy, sau theo Cao Tổ nhà Đường khởi nghĩa; đến thời Thái Tông có công dẹp Tích Nhân Cao, đánh Vương Thế Sung được phong Lại bộ thượng thư, tước Văn quốc công.

2. Sài Thiệu: người đất Lâm Phần thời Đường, con rể Cao Tổ nhà Đường, có công theo Cao Tổ đánh dẹp, được phong Hoắc quốc công, Đại tướng quân. Năm Trinh Quán làm Thử sử châu Hoa.

3. Võ Ky: tức Trường Tôn Võ Ky, bạn cũ của Thái Tông nhà Đường. Ông học rộng hiểu nhiều sách sử, tác giả sách *Tùy thư chú*. Theo giúp Thái Tông định thiên hạ được xếp công bậc nhất, giữ chức Lại bộ thượng thư, tước Triệu quốc công, sau đổi làm Thái tử Thái sư.

trên, Thái Tông vừa lên ngôi đã bỏ Tiêu Vũ⁽¹⁾, Trần Thúc Đạt⁽²⁾, cất nhắc Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối làm Tế tướng không chậm trễ ngày nào. Dù rằng việc tiến cử người hiền là cấp thiết, nhưng với nghĩa câu: "Không thay đổi bề tôi của cha"⁽³⁾ thì hơi không hợp. Đến khi phong tước ấp cho công thần lại đưa bề tôi riêng ở phủ lên hàng đầu, còn bề tôi cũ ở Phần Dương trước kia theo Cao Tổ từ ngày đầu thì đều đưa xuống dưới. Như thế là chỉ nghĩ rằng những người theo mình đánh dẹp và trừ bỏ bọn đố kỵ với mình là có công. Còn những người khác thì không đếm xỉa đến. Nếu Cao Tổ biết điều đó, trong lòng có thể ở yên được chăng? Ôi! Trương Nghi nói: "Khi Tô Tần còn thì Nghi này đâu dám nói gì"⁽⁴⁾. [Về việc này] Thần Thông và các tướng khác chịu lép vế không dám tranh giành, có phải họ thật bụng chăng?

1. Tiêu Vũ: tự Thời Văn, là người ham kinh thuật và giỏi văn chương, làm quận thú ở Hà Trì, triều nhà Tùy. Sau theo Cao Tổ nhà Đường được phong Tổng quốc công, Tả Bộc xạ.

2. Trần Thúc Đạt: con thứ 17 của Tuyên Đế nước Trần, từ nhỏ được phong vương ở Nghĩa Dương, sau làm chủ bạ trong phủ Thừa tướng thời Cao Tổ nhà Đường, coi giữ việc cơ mật.

3. Không thay đổi bề tôi của cha: ý nói người con có hiếu không thay đổi bề tôi và chính sự của cha. Lời Trang Tử nói về Mạnh Trọng Tử trong thiên *Tử Trương* sách *Luận ngữ*.

4. Trương Nghi và Tô Tần cùng theo học Quỷ Cốc. Học thành tài, hai người dùng học thuyết "Tung hoành gia đi du thuyết các nước. Khi Tô Tần làm tướng ở 6 nước Yên, Hán, Tề, Sở, Ngụy, Triệu đã dùng kế hợp tung để chống lại Tần, có ngầm giúp Trương Nghi sang làm Tế tướng cho Tần. Vì ơn ấy Trương Nghi không phá kế hợp tung của Tô Tần.

141. **Ngụy Trưng can Thái Tông nhà Đường về việc điểm binh**

Ngụy Trưng can về việc điểm binh⁽¹⁾. [Lúc đầu] bị Thái Tông giận, cuối cùng lại được Thái Tông theo. Mấu chốt [thành công] của lời can là ở câu nói mỗi đầu. Như nói: "Tất can sông bắt cá, tuy bắt được cá nhưng năm sau hết cá; đốt rừng săn thú, tuy được thú nhưng năm sau hết thú. Nay hạng trung nam⁽²⁾ chưa đến 18 tuổi mà cũng tính cả vào hàng quân thì thuế dung⁽³⁾ thuế điệu⁽⁴⁾ năm sau thu vào đâu?" Xét ý chính thì Ngụy Trưng chỉ cốt tính kế cho nước mà không hề bàn đến việc gian dân giới trá. [Như vậy] trước hết nhằm rung động lòng Thái Tông, sau bàn về điều thất tín, để mở các đầu mối rồi mới lần lượt kể rõ tình thực⁽⁵⁾. Lời nói [của ông] ôn hòa, lý lẽ rõ ràng rành mạch, không ngại vua không nghe.

1. Theo lệ cũ, dân đinh từ 18 tuổi trở lên mới tuyển vào ngạch binh. Nhưng Thái Tông nghe lời Phong Đức Di lấy dân đinh lựa tuổi 16 trở lên vào ngạch binh. Ngụy Trưng dùng mọi lý lẽ can và không chịu thảo tờ sắc cho vua về việc này.

2. Trung nam: con trai từ 18 tuổi trở lên là trung nam.

3. Thuế dung: một loại thuế thân.

4. Thuế điệu: thuế hộ nghề nghiệp

5. Ngụy Trưng kể các điều "thất tín" của Thái Tông như: đã xuống chiếu miễn thuế cho người thiếu thuế, sau lại thu; đã thu thuế dân đinh sau lại điểm vào ngạch binh, như thế là đã không giữ lời "lấy lòng thành tín trị thiên hạ".

142. Ngụy Trưng bàn về giáo hóa

[Khi bàn về giáo hóa], Ngụy Trưng nói: "Nếu nhu [cho là con người ngày càng] điều bạc khó giáo hóa, thì nay họ đều đã hóa ra ma quỷ cả rồi". Có lẽ [câu ấy] là nhân lúc Phong Luân⁽¹⁾ chỉ chú trọng pháp luật, mặt sát đức giáo, nên Ngụy Trưng mới bác lại như thế. [Ý ông] cho là không lẽ nào từ ba đời Hạ, Thương, Chu trở lại đây nhân dân đều điều bạc cả, chứ không phải cho là lòng dân lúc nào cũng thuần phác, không điều bạc. Ông từng nói: "Dân đã hưởng bình an lâu thì sinh trở mắng khó giáo hóa; dân đã trải quan loạn lạc, phải sống đau khổ rồi thì dễ giáo hóa". [Như thế] thì vận số của đời trị với đời loạn và sự biến đổi lúc hậu lúc bạc không phải ông không biết. Cứ xem những lời bàn của tiên nho⁽²⁾ cũng nào có thoát ra khỏi ý ấy đâu. Hơn nữa câu trả lời về làm theo đạo đế và làm theo đạo vương [của ông] thì không phải là ông không muốn thuận theo lý của thiên hạ mà cai trị. Nhân nghĩa là đạo lý chính đáng của thiên hạ, người ta ai cũng thích. Ông có nói: "[Người đói thì] dễ ăn dễ uống". Đó trước hết là theo thời thế để đưa ra đầu mối cho vua tin và làm theo cho có kết quả thôi, chứ ai mà không biết lòng người

1. Phong Luân: tức Phong Đức Di, người Bột Hải thời Đường, lúc đầu theo nhà Tùy, sau hàng Cao Tổ nhà Đường, làm Nội xá nhân. Thời Thái Tông làm Thượng thư Hữu bộc xạ. Phong Luân nói: "Từ xưa đến nay lòng người đều điều bạc, cho nên nhà Tần dùng pháp luật, nhà Hán dùng bá đạo".

2. Tiên nho: trong bài chỉ Hồ Dân, tức Hồ Tri Đường.

chưa đến nỗi nào. Làm vua như Thái Tông có thể ~~nói~~ là ông vua hiền, chính trị như đời Trinh Quán⁽¹⁾ cũng là đã khá. [Còn như nói]: "người nào cũng là hiền nhân quân tử, nhà nào cũng đáng được phong"⁽²⁾ thì chỉ có đời Nghiêu Thuấn mới được như vậy.

Tiền nho ngày trước bàn về khí vận có nói: "Thời ba đời Hạ Thương Chu, không bằng đời Đường Ngu⁽³⁾ mà sao không suy nghĩ sâu thêm về câu ấy, lại cứ trách đời Lý Đường⁽⁴⁾? [Bàn như thế] chẳng lạ lắm sao?

*

* *

143. Thái Tông nhà Đường cho các bề tôi trong tôn thất được nối đời phong chức Thụ sử

Thái Tông xuống chiếu cho các bề tôi trong tôn thất được phong chức Thụ sử. Mỗi Thụ sử giữ một châu cho để chế ngự. Lại phong cho các bề tôi có công lao và kỳ cựu được làm tướng văn tướng võ, cho để sai khiến. Chế độ

1. Trinh Quán: niên hiệu của Thái Tông nhà Đường. Thời Trinh Quán thiên hạ thái bình thịnh trị, nhân dân yên vui, bốn rợ thần phục.

2. Lời trong truyện *Vương Mãng*, *Hán thư* (Nghiêu Thuấn chỉ dân ti ốc khả phong, Kiệt Trụ chỉ dân ti ốc khả lục).

3. Đường Ngu: tên hai triều đại thời thượng cổ: Đường Nghiêu, Ngu Thuấn.

4. Lý Đường: Nhà Đường (kế sau nhà Tùy) nguyên họ Lý: Lý Uyên, Lý Thế Dân.

phong kiến các đời sau đều có nhiều cách riêng, nhưng chủ yếu không có cách nào hay bằng cách này. [Vậy mà] du luận mọi người đều [có ý] ngăn trở. Thật đáng tiếc. Liễu Tông Nguyên⁽¹⁾ cho rằng [phép phong kiến] là đầu mối của sự tranh cướp lẫn nhau. Họ Hồ⁽²⁾ đã bàn về việc này rõ hơn: Liễu Tông Nguyên nói rằng nhà Đường có tướng làm phản mà không có châu làm phản. [Nói như thế] thật là gượng gạo. Vì từ đời Thiên Bảo⁽³⁾ trở về sau, đặt ra chức Tiết độ sứ ở các đạo, tức là chức Phương bá đời xưa vậy. Giao cho việc dinh điền thì họ chuyên quyền về tiền của và thuế khóa; giao cho việc xem xét xử trí thì họ chuyên quyền về thăng thưởng và giáng truất [quan lại]. Đất đai của họ rất rộng, uy quyền của họ rất lớn, nên mỗi khi trong số họ có người không theo mệnh [triều đình] là rất khó trị. Như vậy tuy không có tiếng là phong kiến mà sự thực lại là phong kiến; không có cái lợi của phong kiến mà lại có cái hại của phong kiến. Nếu pháp độ của nhà nước lúc đầu được thi hành, sự thống thuộc của một trấn tách thành sáu, bảy nước, ghép lá nổi gốc lại để tôn thờ triều đình, chớ có kẻ muốn làm phản là diệt ngay thì sao đến nổi thế lực [của họ] ngày càng lớn mạnh để họ cậy có binh quyền chống lại triều đình kéo dài hàng trăm

1. Liễu Tông Nguyên: nhà văn lớn thời Đường.

2. Họ Hồ: tức Hồ Song Hồ người thời Tống. Ông có bàn về việc Thái Tông muốn cho các bề tôi trong tôn thất nối đời giữ chức Thứ sử các châu.

3. Thiên Bảo: niên hiệu Huyền Tông nhà Đường (742 - 756).

năm. [Như vậy thì] dù "không có châu làm phản" nhưng thấy cách nối đời làm chúc Thù sù vẫn là hay hơn.

*
* *

144. Lã Đông Lai bàn về chế độ việc quân nhà Đường

Lã Đông Lai⁽¹⁾ nói rằng: "Nhà Đường sắp đặt quân và xử trí ngoài biên có sơ hở thiếu sót. Vì các nơi trọng trấn ở ngoài biên xa xôi đều dồn quyền cho Đô đốc. [Như thế] là mầm mống phương trấn đã được hình thành rồi". Nói như vậy là chưa xét rõ đầu đuôi ngọn nguồn. Nhà Đường bỏ quận, đặt ra châu, lấy quan Thái thú làm Thù sù, ai có danh vọng và phẩm trật cao hơn thì làm Đô đốc. Chức danh tuy có khác nhau, nhưng sự thể vẫn giống nhau, chưa có người nào kiêm việc thống lĩnh liên mấy thành và chuyên chế cả một phương như chức Thù sù thời Tấn thời Ngụy. Chỉ có 5 Đại đô đốc của châu Ích, châu Dương, châu Kinh, châu Tinh, châu Lộ là lấy thân vương làm. Nhưng cũng ít khi bổ thụ mà chỉ lấy các chức Trưởng sử, Tư mã làm thay. Ngoài ra, ở 350 châu khác, Đô đốc rất nhiều. Đại loại như Lý Thế Trích ở châu Diệp, Lý Đại Lượng ở châu Lương. Song chức quyền chưa khi nào to quá. Thái Tông chia thiên hạ ra làm 10 đạo, có khi cử chức Tuần sát xứ, Truất trắc xứ chia nhau coi giữ. Đó có lẽ là đã theo cách của Vũ Đế nhà Hán đặt ra Thù sù 30

1. Lã Đông Lai: xem ct. 1, tr. 126.

bộ để giám sát các quận. Thời Duệ Tông đổi chức Tuần sát làm An sát, cũng chỉ là để kiểm tra xem xét mà không có binh quyền. Sang thời Túc Tông mới đổi làm chức Quán sát, kiêm việc quân và dân sự. Nhưng một đạo chỉ thống lĩnh năm, sáu châu, giống như chức Tiết độ, chứ không như hồi đầu nhà Đường. [Lã Đông Lai] còn nói: "Lấy quân trấn thành, thù thú chia cho 12 đạo để xử trí [công việc] ở đó. Nhưng thân tóm công việc vẫn đều do Đô đốc". Không biết căn cứ vào đâu [mà Lã Đông Lai nói như thế?]. Bài "Nguyên lưu chí luận" của Lâm Đức Tụng⁽¹⁾ cũng theo thuyết ấy. Trong lời chú có nói rằng: "Đầu thời Vũ Đức⁽²⁾ mới bắt đầu đặt quân phủ và lấy hai tướng quân phiêu kỵ thống lĩnh ở đó, đồng thời chia đất Quan Trung ra làm 12 đạo". [Nói như thế] lại càng sai. Xét ra, Cao Tổ nhà Đường đặt ra 12 đạo trước, rồi sau mới đổi làm 12 quân và đều lấy tên các vì sao trên trời đặt cho các quân. Mỗi quân đặt một Đại tướng để đốc thúc việc chiến. Chế độ này chỉ thi hành ở các châu gần quanh kinh kỳ như châu Kinh, châu Nguyên, châu Hoa, châu Kỳ mà chưa bao giờ [áp dụng] ở ngoài biên xa, đồng thời vẫn đặt dưới quyền thống lĩnh của Đô đốc. Nhưng sau đó lại bãi bỏ. Còn việc đặt ra phủ, vệ, đều giành cho trong của quan, và tất cả gồm hơn 600 nơi. [Điều đó] cũng là dựa vào số binh số dân hiện có, chứ sao bảo được là: "mầm mống phương

1. Lâm Đức Tụng:?

2. Vũ Đức: Niên hiệu của Cao Tổ nhà Đường (618 - 627).

trấn đã hình thành?"

Bàì Nguyên lưu còn nói: "Tập trung quân rồi đặt ra quan sứ. Hà Bắc một đạo gọi là Bình Lu; Phạm Dương, Lũng Hữu một đạo gọi là An Tây. Các quân của Lũng Hữu, Bắc Đình, Hà Tây gọi là Thủ tróc, là thành, là trấn và đều lấy Đô đốc coi giữ". Đó là chế độ thời Khai Nguyên⁽¹⁾, thời Thiên Bảo, sao lại kéo nhằng vào hồi đầu nhà Đường? Lại nói: "Phương trấn là mối lo cho nhà Đường mà mầm mống gốc gác do việc chia ra 10 đạo và việc đặt quân sứ ở thời Vũ Đức". Bàn thế thật rất vu vơ. Thời Vũ Đức làm gì có chức Đô đốc? Vả lại [chức vị] trên sáu bộ Thượng thư, ngang hàng với chức Bộc xạ, thực ra có to thật, nhưng vì việc sai tướng soái khổng chế bỏ côi có quan hệ đến sự yên nguy của cả một phương. Nếu uy quyền không lớn thì không đàn áp nổi quân dân, không trấn phục nổi các rợ. Nếu như [cho rằng như vậy] là tôn sùng quá mức thì cũng không phải như ý câu: "Năm chức quan to không để ngoài biên"⁽²⁾. Nhưng đã đặt phủ binh, vệ binh rồi, thì ở các châu sẽ không có số binh thường đóng, chỉ lúc có việc mới đưa hổ phù [ra lệnh] cho các quân được dự bàn việc điều và ra quân. Lúc việc xong

1. Khai Nguyên: niên hiệu của Huyền Tông nhà Đường (713 - 742) sau đổi thành Thiên Bảo (743-756).

2. Lời của Thân Vô Vũ, quan đại phu nước Sở, trả lời Sở Từ về việc cử Khử Tật làm Sái công ở đất Sái ý nói 5 chức quan to để ở ngoài biên, họ sẽ chiếm thành ấp làm phản.

xuôi, chúc ấy lại bãi miễn. Như vậy làm gì còn mối lo "đuôi lớn"⁽¹⁾ nữa?

Nói tóm lại phép phủ, vệ với phép phương trấn khác hẳn nhau. Khi phép phủ vệ đã được thi hành thì tự khắc hết mối lo phương trấn. Xem câu trả lời của Lý Bí⁽²⁾ thì tự thấy rõ ngay. Thêm nữa [nhà Đường] lúc mới mở nước, tướng ngoài biên đều dùng các danh thần trung hậu, nhưng không dùng lâu, không [ngồi trong triều] lãnh đạo "vời ra" ngoài xa, không cho kiêm giữ việc thống lĩnh, người nào có công danh nổi bật thì được vời vào triều làm Tể tướng. Các tướng vốn là người bốn rợ thì không được chuyên giữ binh quyền và thường lấy quan đại thần khống chế họ.

[Như thế] còn lo gì họ lộng quyền nữa? Còn cái tên Tiết độ thì được đặt từ thời Duệ Tông, đến năm Khai Nguyên mới đặt ra 10 trấn và định số quân thường xuyên đóng đồn là 49 vạn người. Từ đấy [chế độ này] mới dùng lâu dài, mới lãnh đạo "vời ra" ngoài xa, mới cho kiêm giữ việc thống lĩnh [hai ba trấn], mới dùng người Di, Địch làm Chế tướng và đổi hết pháp độ của tổ tông xưa. [Vì vậy]

1. "Ngọn to dễ gãy, đuôi lớn khó quấy...". Lời Thân Vô Vũ nước Sở trả lời Sở Từ về việc xây dựng thành trì lớn. Ý nói thành trì lớn sẽ hại cho nước.

2. Lý Bí: quan Thứ sử châu Sứ, châu Hàng. Thời Đức Tông nhà Đường làm Trung thư Thị trung bình chương sự. Ông là người giỏi văn chương, nổi tiếng là thần đồng từ nhỏ. Ông nói với Đức Tông rằng: "Phép phủ binh, ngày thường quân vẫn ở nơi đồng ruộng, khi nhà nước có việc đánh giặc thì ra lệnh cho các châu các phủ phải dẫn số quân ấy đến chỗ tập trung đi đánh giặc."

mà Lộc Sơn mới đem quân ở Phạm Dương về làm phản. Đó là do cách xử trí không khéo léo chứ sao lại bảo được chức Đô đốc là dẫn dẫn đến chế độ phương trấn, và đổ tội cho việc xử sự với ngoài biên có chỗ sơ hở thiếu sót?

Ngô Dương Đình cũng trộm thấy lời bàn của Lã Đông Lai không đúng.

*
* *

145. Người ta xử sự việc đòi đều do thần khí sai khiến

Người ta xử sự [việc đòi] đều do thần khí sai khiến. Thái Tông nhà Đường nói với quần thần rằng: "Trẫm đang muốn quét sạch sa mạc, vậy làm thế nào để có những người dân dám chịu khó nhọc đi sửa sang nơi biên ải xa xôi?" [Câu nói] thật có thần khí to lớn của bậc anh hùng. Trương Nhân Phạm⁽¹⁾ khi đắp thành thụ hàng⁽²⁾, nói với các tướng: "Giặc đến phải dốc sức ra mà đánh, [kẻ nào] ngóng ra bốn phía thành thì chém ngay, cần gì phải để cửa sổ miệng chum⁽³⁾ cho khiếp sợ mà sinh thoái chí?"

1. Trương Nhân Phạm: ngỡ là Trương Nhân Nguyên, người kiêm tài văn vũ, làm Trường sử ở châu Lạc, lại làm Tổng quản ở phương bắc, có đắp thành thụ hàng, chặn đường sang quấy rối của giặc Đột Quyết. Sau làm tới Trung thư môn hạ tam phẩm, tước Hàn Quốc công.

2. Thành thụ hàng: thành tiếp nhận sự đầu hàng của giặc.

3. Cửa sổ miệng chum: cửa sổ trên chòi thành, dùng để nhìn xem bên phía quân giặc.

[Nhu vậy] cũng thật là bậc đao to búa lớn. Vua tôi nhà Đường đại để đều anh minh bột phát như thế, cho nên chiến thắng 4 rợ, uy danh lấy lòng muôn dặm. [Trái lại] triều Tống chỉ phí lời bàn bạc như: Nên bỏ hay nên giữ châu Linh; nên cho hay không cho ba trấn; hòa với nước Kim thì hơn hay thiệt? [Thực là]. "làm nhà bên đường"⁽¹⁾, mỗi người bàn mỗi phách không sao quyết đoán nổi. Đến khi ngoài biên chợt có tin báo về hơi gấp là thần khí để hết nơi miếu đường, ít ai dám quả cảm tiến bước. Tướng coi biên trấn khốn cùng, phòng bị phân tán. [Nhu thế] làm sao khỏi rơi vào cảnh suy yếu? Trong suốt thời gian 300 năm, người can đảm chỉ có Nhạc Phi. [Nhưng Nhạc Phi] cũng không để ý tu sửa thành Sở Châu, chỉ một mực cho rằng phải dồn hết sức lo việc khôi phục [Trung nguyên]. Đó đâu phải kể "lui để giữ"? Thần khí hùng tráng của ông thực đủ để nuốt trứng giặc Kim mà cuối cùng bị nói là bỏ đất Dương Sơn rồi mắc tội. Than ôi!

*

* *

146. Người xưa muốn làm nên nghiệp vương bá

Từ xưa muốn làm nên nghiệp vương nghiệp bá, thường [người ta] không nêu tên tuổi của mình ra mà dựa vào

1. Làm nhà bên đường lấy câu ngạn ngữ: "Làm nhà bên đường ba năm không xong..." ý nói làm nhà ở chỗ có nhiều người qua lại sẽ có nhiều người bàn góp, mỗi người mỗi ý không thể làm xong nhà được.

triều đình trước để sai khiến thiên hạ, nhằm nắm lấy độc quyền đánh dẹp. Khi công danh ngày một to, uy thế ngày một lớn, trong nước không còn ai mưu đồ riêng, người người hướng về một mối thì thần khí (ngôi vua) tự nhiên thuộc về mình. Về thế [như thế] là thuận; về thời [như thế] là dễ dàng. Cao tổ nhà Hán lúc mới khởi binh, cũng như Hạng Vũ đều tôn thờ Hoài Vương nước Sở, chỉ tự xưng là Bái Công⁽¹⁾. Hoài Vương tuy được tiếng là hiền minh, nhưng cũng chỉ do lúc mới khởi sự được tạm suy tôn lên thôi, chứ mệnh trời, lòng người từ lâu đã bỏ nước Sở rồi. Thiên hạ cuối cùng sẽ về với nhà Hán. Cho nên cuộc biến loạn ở Giang Trung⁽²⁾ là do lòng trời muốn tác thành nhà Hán mà đổ tiếng ác cho người khác thôi. Bái Công và Lưu Hầu⁽³⁾ nhường đất Quan Trung cho Hạng Vũ, khiến Hạng Vũ đắc chí làm bừa, chuyên quyền phong vương cho các tướng. Đến khi lòng người oán ghét [Hạng Vũ] đã nhiều, bấy giờ [Bái Công] mới từ từ nổi dậy nhằm đánh vào chỗ tệ hại Hạng Vũ. Như thế thật là khôn khéo. Còn những người vừa khởi binh đã xưng hiệu, đều ít được

1. Bái Công: Cao Tổ nhà Hán quê đất Bái, lúc mới khởi sự không dám xưng vương, chỉ dám xưng là Bái Công (tức Công đất Bái).

2. Cuộc biến loạn ở Giang Trung: Hạng Vũ bí mật sai vua Cửu Giang tên là Bố đánh giết Nghĩa Đế (tức Hoài Vương nước Sở) ở đất Giang Trung.

3. Lưu Hầu: tức Trương Lương, tự Tử Phòng, nhà có 5 đời làm tướng cho nước Hán. Tần đánh Hán, Lưu Hầu muốn báo thù cho Hán đã đánh Thủy Hoàng ở Bắc Lăng Sa. Khi Cao Tổ khởi binh, Lưu Hầu thường bày giúp mưu kế, sau có công được phong là Lưu Hầu. Xem thêm ct. 1, tr. 122.

toại nguyện. Xem việc của Trần Thắng, Hạng Vũ thấy ngay điều đó. Cao Tổ nhà Đường khởi binh cũng tôn Giang Đô Vương⁽¹⁾, thay lập vua mới, tạm mạo danh hiệu nhà Tùy để trước tiên lấy đất Quan Trung, ổn định cội gốc, sau lần lượt ra quân nhòm ngó bốn phương. [Vì vậy] đại thế trong thiên hạ nắm cả trong tay. Còn Lý Mật⁽²⁾, Thế Sung⁽³⁾ không làm như thế: vừa chiếm được một khốe đất đã ngênh ngang muốn tự tôn mình lên, làm cho bốn phía dồn mắt vào và đều nổi giận muốn đánh cho. Như vậy đã làm cái đích cho sự tranh giành đánh lại lẫn nhau, sao có thể thành công được? Tiên nho lấy năm điều "không nhất thiết"⁽⁴⁾ để chê Cao Tổ nhà Đường rồi đưa ra những hiểu

1. Giang Đô Vương: dòng dõi Văn Đế nhà Tùy, được Cao Tổ nhà Đường mượn danh để chiêu mộ tướng sĩ.

2. Lý Mật: người Tương Bình thời Đường, có nhiều mưu kế sách lược, ban đầu làm Túc vệ cho Dạng Đế nhà Tùy, sau khởi binh chiếm đóng Lạc Khẩu tự xưng là Ngụy Công.

3. Thế Sung: tức Vương Thế Sung, người Tây Vực thời Tùy, làm chức Quận thừa thời Dạng Đế. Vũ Văn Hóa Cập nổi dậy giết Dạng Đế, Thế Sung lập Việt Vương tên là Đồng lên thay chống nhau với Lý Mật, đại phá Lý Mật rồi tự xưng là Trịnh Vương, sau lại phế Đồng, cướp ngôi nhà Tùy, cuối cùng bị nhà Đường đánh bại phải đầu hàng.

7. Năm điều "không nhất thiết". Hồ Trí Đường nói: Cao Tổ nhà Đường đánh Tùy cứ dằng hoàng đế tội Dạng Đế là được rồi. Văn Hoàng "không nhất thiết" phải dùng mẹo đem cung phi của vua Tùy cho cha (Cao Tổ) để buộc cha phải khởi binh; "không nhất thiết" phải dối trá làm sắc thư của Dạng Đế bắt dân đi đánh Cao Li để khơi lòng dân oán; "không nhất thiết" phải xưng rợ Đột Quyết cho rảnh tay; "không nhất thiết" phải tôn Giang Đô Vương lập vua mới lên thay để mua lòng dân thiên hạ; "không nhất thiết" phải suy tôn Lý Mật làm Lý Mật kiều ngạo để dễ đưa Mật vào tròng.

biết của mình để bàn về mưu lược lấy thiên hạ, đồng thời tiếc cho nhà Đường không nghĩ ra được kế sách ấy. Lấy nay mà xem xét xưa thì [thấy rằng] sự quy hoạch của bậc anh hùng với sự hiểu biết của thu sinh khác hẳn nhau. Kế sách của họ Hồ⁽¹⁾ chính là điều mà Văn Hoàng nhà Đường không thêm bàn đến. Vì rằng: "giữ vững Tấn Dương" chính là cái thuyết đem quân về cứu nơi căn bản của Bùi Tịch⁽²⁾ mà Văn Hoàng đã hết sức bác bỏ. Còn "chia quân ra đánh hai kinh" thì lại càng [tỏ ra] không biết gì về việc binh. Thế [mạnh] của quân cốt yếu là hợp lại, kỵ nhất là chia lẻ ra. Vì đánh một thành đâu phải việc dễ? Tòa thành sừng sững muôn đợt nào phải một sớm một chiều có thể hạ được. Huống hồ đô thành và binh lực của nhà Tùy không phải hèn yếu. [Sở dĩ] Văn Hoàng quyết chỉ đem quân sang phía tây là nhân lúc Dạng Đế bấy giờ đang tuần du ở ngoài, uy lệnh không truyền về [trong nước] được, bọn lưu thủ thì tình ý kế sách không hợp nhau, không ai đứng ra chủ trì, cho nên [Văn Hoàng] vào giữa hai kinh, chia ra đánh hai mặt đông tây thì cả đầu lẫn đuôi đều bị áp chế, cả lưng lẫn bụng đều bị đánh. Đó chính là chỗ mà Tôn Tử gọi là nơi giao nhau, nơi xung yếu, và tất sẽ bị bại. [Bấy

1. Họ Hồ: Hồ Trí Đường.

2. Bùi Tịch: người đất Tang Tuyền thời Đường, tự Huyền Chân, vốn là Thị ngự sử và Phó giám cung Tấn Dương dưới triều Tùy. Sau theo Cao Tổ nhà Đường làm đến Thượng thư Tả bộc xạ. Bùi Tịch không có tài, cầm quân đánh trận cứ bị thua liên tiếp nhưng vẫn được Cao Tổ cho làm đến chức Tư không.

giò] thanh thế của Lý Mật cũng đã lớn lắm, chỉ vì không đến kinh đô Lạc Dương, để quân đóng lâu nơi đất lạ, không có nơi căn bản đáng tin cậy, [cho nên] cuối cùng chuốc lấy sự thất bại. Có thể nào nói Văn Hoàng đã đưa ra kế sách dở như vậy được chăng? Còn thuyết "đi thẳng xuống phía nam, đến đất Dương Châu" lại càng không thể thực hành được. Dạng Đế dù có tàn ác cùng cực, tội lỗi tày trời, nhưng đã nắm giữ được thiên hạ mười ba năm thì không phải là yếu hèn dễ đánh đổ. Nếu nghe tin nhà Đường kéo quân xuống phía nam tưởng rằng [Dạng Đế] chẳng chịu bó tay [chờ chết]. Và lại những trận đánh ở đất Minh Diêu⁽¹⁾, Mục Dã⁽²⁾ đời xưa là do [vua Thang vua Vũ] thường ngày tích đức đã nhiều, đến khi làm một việc to lớn phi thường, đương thời cũng cảm thông tấm lòng không tư lợi của hai ông. Các đời sau đức không bằng vua Thang vua Vũ, không thể nào đến từng nhà, nói với từng người để bày tỏ điều phải lẽ trái được, mà khi đã mang cái tiếng "đánh vua" thì thiên hạ còn ai dung tha nữa. Cuộc biến loạn do Hóa Cập⁽³⁾ [cầm đầu] nghĩ rằng cũng là do ý trời muốn trừ bỏ [kẻ ác] cho vị chúa chính đáng, để tránh lời bình luận ngàn đời sau. Đó là cái cơ vùn tròng [của trời] chứ không phải mưu mô của con người có thể làm nên được. Câu nói: "tiếng tăm việc nghĩa đã vang dội thì bọn

1. Minh Diêu: nơi vua Thang nhà Thương đánh vua Kiệt nhà Hạ.

2. Mục Dã: nơi Vũ Vương nhà Chu đánh giết vua Trụ nhà Thương.

3. Hóa Cập: tức Vũ Văn Hóa Cập. Xem ct. 4, tr. 287.

giặc tự nhiên phải hàng phục" thì lại càng vu khoát hủ lậu. Vì việc đem quân đi đánh dẹp tuy gốc là ở lòng nhân nghĩa, nhưng xử sự [công việc], đón trước thời cơ cũng phải nhằm trúng lúc [kẻ thù] sơ hở; đánh kẻ yếu đuối ngu hèn cũng phải cần có uy vũ. Lẽ nào có thể nói chỉ cần nêu cái danh: "đánh kẻ có tội cứu dân" rồi cứ việc ung dung chỉ trở mà hàng phục được quân giặc sao?

Hổ Trai thấy rằng lời bàn về Cao Tổ nhà Đường thật đã châm chước đến tình thế nhiều lắm. Nhưng tôi vẫn cho rằng việc khởi binh vốn không thể xưng vương xưng đế và lấy danh hiệu trước, song cũng không nhất thiết phải lập vua mới lên thay, chỉ có cái tiếng là truyền ngôi, nối ngôi mà thực chất là cướp nước theo lối trí trá cũ của Tào Tháo, Vương Mãng. Cao Tổ nhà Đường ngày khởi đầu cứ dùng danh hiệu Đường Công mà khởi nghĩa thì sao không được? Đậu Kiến Đức⁽¹⁾ có tôn [con cháu] nhà Tùy lên đầu, nhưng nếu không phải tay Văn Hoàng nhà Đường thì e rằng chưa dễ gì đánh nổi.

Tiên nho còn nói: "Tiếng tăm việc nghĩa đã vang dội thì bọn giặc tự nhiên phải hàng phục". Thật đáng cười. Bây giờ Vương Thế Sung, Lý Mật, Đậu Kiến Đức đều là giặc mạnh, đã trải trăm trận, đâu phải như đàn bà con gái mà mong dùng lời nói suông làm rung động lòng họ được? Lại nói: "Đậu Kiên Đức là người có nghĩa khí, cái chết

1. Đậu Kiến Đức: người có tài lực hơn đời, cuối thời Tùy mộ binh đánh Liêu Đông rồi tự xưng hiệu là Trường Lạc Vương, đóng đô ở Lạc Thọ, sau lại tự xưng là Hạ Vương. Cuối cùng bị Văn Hoàng nhà Đường giết chết.

của ông ta làm mọi người thương tiếc. Còn Vương Thế Sung dẫu đem chém cũng chưa đủ để chuộc tội, thế mà ngược lại, lại được sống". Đó là Cao Tổ nhà Đường dùng hình phạt chưa đúng.

*

* *

147. Nhà Đường hưng thịnh là do nhiều nhân tài

Khi Quản Trọng⁽¹⁾ trả lời Hoàn Công [nước Tề về việc chọn người tài] đã kể hết tài năng của Thấp Bằng⁽²⁾, Thành Phủ⁽³⁾, Tân Tư Vô⁽⁴⁾, Ninh Thích⁽⁵⁾. Ông tự cho mình là không bằng họ, nhưng lại hứa hẹn về việc phụ giúp nghiệp bá nghiệp vương. Người quân tử thấy nước Tề sở dĩ làm nên nghiệp bá là nhờ tài năng của các người tài giỏi giúp đỡ. Ngấm ngấm lời phẩm bình của Vương Khuê⁽⁶⁾ [Về các

1. Quản Trọng: Tế tướng nước Tề, giúp Hoàn Công làm nên nghiệp bá chủ thiên hạ. Xem thêm ct. 1, tr. 94.

2, 3, 4, 5. Thấp Bằng, Thành Phủ, Tân Tư Vô, Ninh Thích là bốn quan đại phu có tài, cùng thời và cùng triều với Quản Trọng.

6. Vương Khuê: quan đại phu thời Thái Tông nhà Đường. Thái Tông cho phép Vương Khuê phẩm bình các vị hiền thần đương thời và so sánh họ với bản thân mình. Vương Khuê thưa: "hết lòng vì nước tôi không bằng Phòng Huyền Linh; tài kiếm văn võ, tôi không bằng Lý Tĩnh; tâu bày rõ ràng, hết lòng thành tín, tôi không bằng Ôn Ngạn Bác; xấu hổ vì vua của mình không bằng Nghiêu Thuấn, lấy sự can gián làm trách nhiệm của mình, tôi không bằng Ngụy Trưng, mọi việc dù khó khăn đều xếp đặt đầu ra đấy, tôi không bằng Đới Trụ. Còn phần tôi, ghét kẻ ác, ưa người thiện... so với các vị kia tôi cũng có chút tài nhỏ.

quan trong triều] thì có thể thấy được nhân tài thời Trinh Quán⁽¹⁾ rất nhiều. Nhà Đường hưng thịnh lên được chẳng đáng lắm sao?

*
* *

148. Nhà Đường nắm giữ bốn rợ

Chu thư⁽²⁾ nói: "[Nếu là] nước lớn dùng để mất uy thế của mình; [Nếu là] nước nhỏ cũng dùng để mất địa vị thấp bé của mình; [đối với] nước đối địch dùng để mất quyền hành của mình. Đó chính là đạo dụng võ". Nay xem nhà Đường nắm giữ bốn rợ ra sao. Lúc thịnh trị thì kiềm chế nước mạnh, giúp đỡ nước yếu, thường kẻ về theo, đánh kẻ phản nghịch. Chiếu lệnh ban đến đâu, binh lực tới nơi nào là [ở đó] như gió qua cỏ lướt, lúc nào cũng tỏ rõ uy thế đáng kính sợ. Nhưng lúc suy thì các nước Thổ Phồn⁽³⁾, Hồi Hột⁽⁴⁾ cường thịnh, có thể coi như nước đối địch. Vậy mà các việc như chiếu mệnh qua lại và hội thề giao ước

1. Trinh Quán: niên hiệu của Thái Tông nhà Đường (627 - 650).

2. *Chu thư*: bộ sử thời Bắc Chu, do Hồ Đức Phần thời Đường biên soạn, gồm 50 quyển.

3. Thổ Phồn: đất Thổ Phồn nay là tỉnh Tây Tạng Trung Quốc. Thời Đường đất này do một tộc người từ phương Tây đến, lập ra một nước đối địch với nhà Đường.

4. Hồi Hột: một tộc dân thuộc dòng giống Hung Nô, sau nhập vào nước Đột Quyết. Đến thời Đường tộc dân này lại tự tách ra, lấy hiệu là Hồi Hột, đất của họ gồm đất Nội Mông và Ngoại Mông.

vẫn giữ được hệ thống tôn nghiêm, khí thế rộng lớn như
nghiễm nhiên vẫn dư đủ quyền hành chế ngự. Đó là đã
nổi được khung cảnh thịnh trị thời Chu thời Hán xưa. Và
đó cũng chẳng phải là điều mà thời Tống thời Nguyên sau
này có thể theo kịp sao?

*
* *

149. Chúc vị Thừa tướng

Giữ chức vị Thừa tướng, [mọi việc] nên xử sự công
bằng đến nơi đến chốn và phải coi nước như nhà, coi người
như chính mình. Mọi kế sách nếu có ích cho nước, không
nhất thiết phải do mình vạch ra, mọi lời bàn, nếu có lợi
cho nước không nhất thiết phải hợp ý mình. Dù việc ứng
xử có vất vả, tinh thần, tình cảm vẫn nên bình thản ung
dung. Dù những xử lý có kỳ cang tĩ mĩ nhưng lượng vẫn
nên rộng rãi cởi mở. Có như thế vua mới tin là trung, thiên
hạ mới phục là công bằng, bề bạn mới cảm thông là thành
thực, kẻ tiểu nhân mới cảm thụ về đức hóa. [Xem ra chỉ
có] Vũ Hầu⁽¹⁾ thời Hán, Huyền Linh⁽²⁾ thời Đường mới
là người làm được trọn vẹn đạo ấy chăng?

*
* *

1. Vũ Hầu: tức Khổng Minh Gia Cát Lượng. Xem ct. 6, tr. 110.

2. Huyền Linh: tức Phòng Huyền Linh, quan Thừa tướng thời Huyền
Tống nhà đường. Xem thêm ct. 1, tr. 292.

150. Lời đáp về bậc trung lương của Ngụy Trưng

Lời đáp về bậc trung lương⁽¹⁾ của Ngụy Trưng nhà nhận, dễ nghe và thật là mềm mỏng. [Thế mà] Hồ Tri Đường nói rằng: Nói thế chẳng bằng nói: "Tôi muốn được như Tắc, Tiết, Cao Dao⁽²⁾, can được [vua] nghe, nói được [vua] theo; không muốn như Long Bàng⁽³⁾, Tỳ Can⁽⁴⁾ [cuối cùng] thân bị giết, nước bị mất", cũng đủ để thức tỉnh lòng vua rồi. Thiết nghĩ, trong cách dâng lời nói [lên vua], không nên nịnh nọt, cũng không nên sống sượng; không nên nhún mình quá, cũng không nên khiêu khích quá. Vấn tất quá [người nghe] khó hiểu, dài dòng quá [người nghe] sinh chán, nói bừa sẽ dễ lỡ lời, nói ấp úng nhiều điều sẽ không nói ra được. Cho nên *Kinh Dịch* nói: "Bớt cái miệng lại, nói phải có thứ tự"⁽⁵⁾. Truyện⁽⁶⁾ nói: "Đáng nói hãy nói thì người nghe sẽ không chán lời nói của mình". Nếu như nói mà không có đầu có cuối, chỉ toàn lời thô bạo, xúc phạm thì sao cảm hóa được lòng vua!

1. Lời đáp về bậc trung lương: Ngụy Trưng trả lời Thái Tông nhà đường rằng: "Tôi muốn làm trung thần như Long Bàng, Tỳ Can vì can thẳng mà thân bị giết, nước bị mất".

2. Tắc, Tiết, Cao Dao: ba bề tôi của vua Thuấn.

3. Long Bàng: tức Quan Long Bàng, bề tôi của vua Kiệt nhà Hạ, vì can thẳng mà bị bỏ tù chết.

4. Tỳ Can: chú vua Trụ nhà Ân vì can thẳng mà bị mổ bụng moi gan.

5. Lời quẻ *Cấn*, *Kinh Dịch*.

6. Truyện: câu trong bài thuộc thiên *Hiển vấn*, *Luận ngữ*.

151. Tiêu Vọng Chi và Lý Đức Dụ

Học thuật và nghị luận của Tiêu Vọng Chi⁽¹⁾, đứng vào hàng bề tôi giỏi thời trung hưng, mà cuối cùng bị bọn Hoàng Cung⁽²⁾, Thạch Hiến⁽³⁾ hãm hại. Đó là quả báo [do Tiêu Vọng Chi] đã hại Hàn Diên Thọ⁽⁴⁾, Lý Đức Dụ⁽⁵⁾ tài khí phong nhã thuộc hàng danh tướng của triều đình Lý Thế⁽⁶⁾, mà cuối cùng bị truất vì họ Bạch. Đó là [quả báo] [do Lý Đức Dụ] đã kìm hãm Bạch Cư Dị⁽⁷⁾. Hai người [nói trên] đều là bậc quân tử [chỉ vì] sinh lòng ghen ghét người tài cho nên phúc đức giảm theo, cảnh khổ vây quanh. Như vậy, giữ lòng công bằng để mưu cầu sự tốt lành về sau chẳng cần lắm sao?

Ngô Dương Đình bàn rằng: Tiêu Vọng Chi không phải là nhà nho, Ngô tôi đã từng có lời bàn như thế. Ông ta cũng như Lý Tấn Hoàng⁽⁸⁾, tài khí vốn ưu tú song chẳng

1. Tiêu Vọng Chi: xem ct. 6, tr. 212.

2. Hoàng Cung: xem ct. 7, tr. 212.

3. Thạch Hiến: xem ct. 7, tr. 212.

4. Hàn Diên Thọ: xem ct. 3, tr. 211.

5. Lý Đức Dụ: người đất Tấn Hoàng thời Đường, học giỏi, có tiết độ. Thời Kinh Tông làm Quán sát sứ ở Chiết Tây. Thời Vũ Tông làm Tiết độ sứ ở Hoài Nam. Sau có công thăng chức Thái Úy, tước Vệ quốc công. Thời Tuyên Tông bị biếm ra châu Nhai và chết ở đó.

7. Khi Lý Đức Dụ làm tướng, vì ghét Bạch Cư Dị, cho Bạch Cư Dị cày tài kiêu căng nên không dùng Bạch Cư Dị mà dùng Bạch Mẫn Trung em họ Bạch Cư Dị. Sau Lý Đức Dụ lại bị Bạch Mẫn Trung dèm phải bãi chức.

8. Lý Tấn Hoàng: Lý Đức Dụ người đất Tấn Hoàng nên gọi là Lý Tấn Hoàng. Xem 5.

có chí tiến thoái tồn vong nên mới đến nỗi như thế.

*

* *

152. Chiêu Liệt gặp Vũ Hầu, Túc Tông gặp Nghịệp Hầu

Một người tài giỏi [đối với thiên hạ] chẳng hề trọng lắm sao? Khi Chiêu Liệt nhà Hán sống gửi ở châu Kinh⁽¹⁾, sự thế cùng quẫn, nhờ gặp được Vũ Hầu⁽²⁾ mà làm nên sự nghiệp chia ba [thiên hạ]⁽³⁾. Khi Túc Tông nhà Đường long đong ngoài biên ải⁽⁴⁾, việc nước đã nguy khốn lắm, nhờ gặp được Nghịệp Hầu⁽⁵⁾ mà gây dựng lại được cơ đồ. Đọc sách *Cương mục*⁽⁶⁾ [đến chỗ] Lưu Bị chạy đến với Lưu Biểu⁽⁷⁾ và Thái tử chạy đến đất Bình Lương⁽⁸⁾, người

1. Chiêu Liệt bị Tào Tháo đánh phải chạy đến châu Kinh là vùng đất của Lưu Biểu để sống nhờ.

2. Vũ Hầu, tức Gia Cát Lượng. Xem ct. 6, tr. 110.

3. Chia ba thiên hạ: Ba nước Ngô, Thục, Ngụy đánh lẫn nhau, chia thiên hạ thành ba phần. Đất Ngụy do Tào Tháo chiếm đóng, đất Thục do Châu Liệt chiếm đóng, đất Ngô do Ngô Tôn Quyền chiếm đóng.

4. Khi Túc Tông còn là Thái tử bị An Lộc Sơn làm phản, phải chạy lánh nạn ở Bình Lương.

5. Nghịệp Hầu: tức Lý Bi, xem ct. 2, tr. 302.

6. Sách *Cương mục* do Ôn Công đời Tống soạn.

7. Lưu Biểu: xem ct. 4, tr. 241.

8. Thái tử chạy đến đất Bình Lương. Xem 4 trên.

ta thấy bối rối trong lòng. Nhưng xem đến hai đoạn: [Lưu Bị] vào gặp Gia Cát ở Long Trung⁽¹⁾ và Lý Bí đến Linh Châu⁽²⁾ bất giác thấy đầu óc khoan khoái như đang nóng gặp cơn gió mát, đang khát được uống nước lạnh vậy.

Ngô Dương Đình thấy sự việc Thân Bao Tư cầu viện quân [Tần] để giữ nước Sở vốn bắt nguồn từ câu nói cùng Ngũ Viên⁽³⁾ lúc còn ở trên núi.

Trương Giản Chi⁽⁴⁾ định kế khôi phục nhà Đường cũng

1. Lưu Bị vào Long Trung: Long Trung là nơi ẩn của Vũ Hầu Gia Cát Lượng. Lưu Bị phải thân chinh vào mời ba lần, Vũ Hầu mới chịu ra giúp.

2. Lý Bí ở Linh Châu: Linh Châu tức Linh Vũ, nơi đóng quân của Túc Tông nhà Đường. Lý Bí đến đó yết kiến Túc Tông và bày mưu dùng tướng, giúp nhà Đường làm nên nghiệp trung hưng. Xem mục 153, tr. 317.

3. Thân Bao Tư và Ngũ Viên (Ngũ Tử Tư) là hai người bạn thân, cùng học pháp thuật thầy Quỷ Cốc. Khi còn ở trên núi, Ngũ Viên có nói với Thân Bao Tư rằng: Sau đây ba năm, nếu nước Sở không bị diệt, tôi sẽ không gặp lại anh nữa. Thân Bao Tư nói: Anh hãy cố gắng, nhưng tôi không thể giúp gì cho anh được. Nếu giúp anh là đã tự đánh vào tôn miếu của tôi, nếu ngăn cản anh thì không phải là tình bạn bè. Tuy nhiên nếu anh diệt nước Sở thì tôi sẽ giữ nước Sở. Quả nhiên ba năm sau Ngũ Viên làm tướng cho nước Ngô, đem quân đánh nước Sở, vua Sở phải bỏ chạy. Thân Bao Tư bấy giờ là quan đại phu của nước Sở, liền sang Tần cầu cứu vua Tần mang quân giúp Sở. Ông đã đứng khóc liền bảy ngày đêm trước sân đình, vua Tần phải động lòng cử quân cứu nguy cho nước Sở. Nhờ đó Sở thoát nạn đầy xéo của nước Ngô.

4. Trương Giản Chi: người Tương Dương thời Đường, tự Mạnh Tương, được Dịch Nhân Kiệt tiến cử lên Vũ Hậu, làm Tư mã ở Lạc Châu, sau làm tới chức Đồng Bình chương sự. Cùng Dịch Nhân Kiệt, ông là người có công lớn khôi phục lại xã tắc nhà Đường.

vốn bắt nguồn từ lời nói cùng Dương Huyền Viêm⁽¹⁾ lúc đang giữa dòng sông. Ngày xưa người giỏi lập chí như vậy đó.

*
* *

153. Lời bàn về việc Túc Tông nhà Đường lên ngôi ở Linh Vũ

Túc Tông lên ngôi ở Linh Vũ⁽²⁾, tiên nho chê mãi là không có chiếu mệnh của Minh Hoàng. [Thiết nghĩ] điều quan trọng là có kinh có quyền thì phải biết tùy cơ ứng biến. Làm vua lấy việc định yên xã tắc làm đạo hiếu, không nên câu nệ vào đạo lễ thông thường. Thêm nữa trước khi Minh Hoàng chạy ra đất Thục, đã có lời dụ cùng Tể tướng là muốn truyền ngôi cho Thái tử để được cao gối an nhàn. [Sau này] khi để Thái tử ở lại Mã Ngôi, lại có chiếu chỉ truyền ngôi nhưng [Thái tử] không nhận. Vậy là việc truyền ngôi vốn đã có chiếu mệnh rồi. [Cho nên lên ngôi] trong lúc sự thế bức bách⁽³⁾ ông chưa kịp phúc trình lại đấy thôi.

1. Chưa rõ Trương Giản Chi nói gì với Trương Huyền Viêm.

2. Khi An Lộc Sơn làm phản, Huyền Tông nhà Đường phải bỏ kinh đô chạy, Thái tử Túc Tông kéo quân đến đóng ở đất Linh Vũ, các tướng sĩ đều một lòng tôn Túc Tông lên ngôi Hoàng Đế ở Linh Vũ và tôn Huyền Tông lên làm Thái thượng hoàng.

3. Túc Tông lên ngôi Hoàng Đế là do tướng sĩ cố ép nài để cho việc dẹp giặc được chính danh và phấn khởi lòng người.

Lòng dạ của ông cũng có thể lượng xét được. Xem bài tựa bìa "Phóng sinh trì" của Nhan Chân Khanh⁽¹⁾ có nói: "Cứu ngôi vua đã sụp đổ, giữ tông xã trở lại yên lành, đón đức Thượng Hoàng ở Tây Thục về, bày tỏ đạo làm con ở Trung Nguyên, một ngày ba lần vào chầu làm sáng tỏ đạo hiếu của Thiên tử. Thăm sức khỏe, lo bữa ăn, không thay đổi đạo lễ [của phận làm con] trong nhà, đường hoàng thay, cung kính thay. Thật đúng là uy nghi tốt đỉnh của bậc đế vương, không chiếu cáo nào có thể sánh được". Như thế thì đạo hiếu của Túc Tông chính là ở chỗ ấy, có thể bỏ qua những điều chê trách về ông được. Xưa nay không biết đã xảy ra bao nhiêu họa loạn, như Hậu Chủ Bắc Tề, Khâm Tông nhà Tống đều không giữ được nước. Thế thì dù có truyền ngôi hợp với đạo lễ cũng không đáng bàn làm gì. Túc Tông phá giặc lớn, thu phục hai kinh, không để mất nghiệp cũ, hết lòng tôn kính và phụng dưỡng cha bằng cả thiên hạ. Thật là không phụ câu: "Đắp nền làm nhà, gieo hạt gặt lúa"⁽²⁾. Thế mà người bàn lại chê Túc Tông là phản cha⁽³⁾, liệu có nên chăng.

1. Nhan Chân Khanh: xem ct. 10, tr. 67.

2. Đắp nền làm nhà, gieo hạt gặt lúa: Hai câu ý nói con cháu phải biết kế nghiệp cha ông. Cha ông đắp nền thì con cháu phải tiếp tục đắp tường dựng nhà, cha ông vỡ đất thì con cháu phải tiếp tục gieo trồng và thu hoạch. Ý trong *Dại cáo, Kinh Thư*.

3. Phạm Hóa Dương trong kỳ *Túc Tông nhà Đường* có lời bàn rằng: Túc Tông là Thái tử đi đánh giặc mà tự xưng đế, thế là con phản cha.

154. Lộc nước còn hay mất là do sự thế xui nên

Cuối đời Thiên Bảo⁽¹⁾ giặc giã nổi dậy ở U Lãng, các trung thần nghĩa sĩ lần lượt hết lòng giúp vua: Trương Tuân⁽²⁾ giữ Ung Khâu; Quắc Vương Cự⁽³⁾ giữ Giang Nam; Nhan Lỗ Công⁽⁴⁾ giữ Bình Nguyên; Quách Tử Nghi⁽⁵⁾, Lý Quang Bật⁽⁶⁾ kinh lược xứ Hà Bắc. Các tướng liên tiếp đánh thắng, thế giặc ngày càng suy yếu, [xem ra] dần: dần đã có thể bình yên được. Thế mà [Dương Quốc Trung] lại thúc Kha Thu Hân tiến quân⁽⁷⁾ ra Thiểm Lộ thành thủ bị thua to, hai kinh do đó không giữ được. Ai mà chẳng cho trận ấy là lỗi tại ra quân khinh xuất. Thiết nghĩ, Minh Hoàng say đắm Quý Phi⁽⁸⁾ đã hơn mười năm, Dương Quốc

1. Thiên Bảo: niên hiệu của Huyền Tông nhà Đường (742-756).

2. Trương Tuân: xem ct. 9, tr. 67.

3. Quắc Vương Cự: tức Lý Cự, tính cứng rắn, quả quyết, thông hiểu sử sách, được Huyền Tông nhà Đường tín nhiệm, cho làm Tiết độ sứ 3 vùng Lĩnh Nam, Kiếm Trung, Nam Dương, rồi được phong làm Thái tử Thái sư, kiêm Hà Nam doãn. Sau bị Đoàn Tử Chương giết.

4. Nhan Lỗ Công: tức Nhân Chân Khanh. Xem ct. 10, tr. 67.

5. Quách Tử Nghi: xem ct. 4, tr. 187.

6. Lý Quang Bật: xem ct. 3, tr. 187.

7. Bấy giờ Dương Quốc Trung làm Hữu tướng, ngờ Kha Thu Hân (xem Kha Thu Hân ct.2, tr.187) hại mình, đã thúc Hân phải tiến quân thành ra bị thua to ở Lĩnh Bảo, phải đầu hàng giặc. Xem thêm Dương Quốc Trung ct.5, tr. 187.

8. Quý Phi: tức Dương Quý Phi, em họ Dương Quốc Trung, có nhan sắc, kiêu dâm, được vua yêu chiều đã để Dương Quốc Trung lộng quyền lại với An Lộc Sơn (con nuôi Quý Phi) quan coi ngoài biên trấn về triều thông dâm, gây mối loạn An Lộc Sơn, Minh Hoàng phải chạy trốn.

Trung chuyên quyền, Hàn phu nhân⁽¹⁾, Quốc phu nhân⁽²⁾ kiêu dân, bán quan, bán hình ngục, tô thuế nặng nề, làm hại bốn bề nên mới sinh ra họa loạn. Nếu như Lộc Sơn bị giết ngay, Trường An không có biến loạn, nhà của họ Dương vẫn nguyên vẹn, núi băng Hữu tướng⁽³⁾ vẫn còn mãi mãi thì làm gì còn đạo trời nữa! Cho nên thời ấy người người đều biết đại quân Đồng Quan chỉ nên đóng chặt cố thủ. Chính Kha Thu Hàn cũng dâng biểu nói như thế. Nhưng trời đã cướp mất trí sáng suốt [của Minh Hoàng] khiến [Minh Hoàng] nghe theo kế sách sai lầm của Dương Quốc Trung, coi thường việc quân, để rồi chuốc lấy thất bại. Nhưng đến chiến dịch Mã Ngôi, loài nhơ bẩn bị trừ bỏ⁽⁴⁾, lòng người thỏa thích, đông cung [lên ngôi] đổi hiệu, [mọi việc] mất thấy tai nghe đều mới. Cho nên sau đó giặc Hồ lần lượt bị tiêu

1; 2. Hàn Phu nhân và Quốc phu nhân là hai em gái Quý Phi, được phong ở đất Hàn và đất Quốc vào năm Thiên Bảo thứ 7 (năm 749 CN).

3. Núi băng Hữu tướng: Dương Quốc Trung làm Hữu tướng, ráp tâm trừ bỏ người tài không chịu dưới quyền mình. Có người báo Trương Thoán, tiến sĩ ở quận Thiểm đến yết kiến Quốc Trung để được bổ dụng. Trương Thoán nói: Các ông cho rằng dựa vào Hữu tướng họ Dương như dựa vào núi Thái. Tôi cho rằng đó chỉ là núi băng. Nếu mặt trời mọc thì băng sẽ tan, các ông chẳng bị mất chỗ dựa sao. Thế rồi Trương Thoán lên núi Trung Sơn ở ẩn.

4. Khi Minh Hoàng chạy đến Mã Ngôi, vì các tướng đều hết sức căm tức Dương Quốc Trung và Dương Quý Phi đã gây ra họa An Lộc Sơn, nên buộc lòng Minh Hoàng phải giết Quốc Trung và Quý Phi.

diệt, lộc nước nhà Đường lại hưng thịnh. Đó chẳng những là do sự thế xui nên như thế mà còn là lẽ đời tất nhiên phải như thế.

*

* *

155. Ngưu Tiên Khách có nhiều của cải là do biết tiết kiệm

Ngưu Tiên Khách làm Tiết độ sứ ở trấn [Sóc Phương] tích được nhiều của cải là do biết tiết kiệm chứ không phải dùng thuế má nặng nề vợ vét của cải [của dân]. Khi Huyền Tông [nhà Đường] vời Khách về triều làm Tế tướng, bèn làm cho các tướng ngoài biên đem lòng ngưỡng mộ. Nhưng họ không biết cách nào [để có nhiều của cải] nên đã làm những việc như: bắt người thú dịch phải lưu lại lâu ngày cho họ khổ sở đến chết rồi lấy của cải của họ, mong [chống có nhiều của cải như Ngưu Tiên Khách] để được thăng thưởng. [Quan ngoài biên trấn chỉ vì muốn có nhiều tiền của mà làm những điều tai hại như thế]. Huống hồ người bề tôi nắm giữ kế sách nhà nước mà lấy việc tích tiền của làm đường tiến thân thì tai hại kể sao cho xiết.

*

* *

156. Chí hướng và hành động của vua thế nào là bề tôi nhìn thấy ngay

Vũ Văn Dung⁽¹⁾ bị bãi thì những kẻ hay nói về đường tài lợi bắt đầu đi. Vương Hồng⁽²⁾ được dùng thì bọn Vi Kiên⁽³⁾, Thận Căng⁽⁴⁾ lại nổi lên nhan nhản, tha hồ chiếm đoạt bóc lột. [Chúng cứ theo số linh thú có tên trong sổ mà thu thuế tô, thuế dung. Thu ngược lên đến ba chục năm về trước thật là khốc hại quá chừng. [Xem đó thấy rằng]. Chí hướng và hành động của vua [thế nào] là bề tôi nhìn thấy ngay. Cho nên người xưa coi trọng từ lời nói đến tiếng cười là để phòng tiếng khen chê về sau. Huống chi [vua] đã tỏ rõ ý mình là tham tài vụ lợi rồi thì tệ hại sinh ra sau đó biết thế nào cho cùng.

*

* *

1. Vũ Văn Dung: quan Giám sát ngự sử thời Khai Nguyên nhà Đường.

2. Vương Hồng: quan Huyện úy huyện Ngạc, sau thăng tới chức Hộ bộ lang trung. Cuối cùng qua mấy lần xét xử hình ngục sâu sắc kỹ lưỡng được Huyền Tông nhà Đường cho là có tài, cho làm Ngự sử trung thừa, Ngự sử đại phu.

3. Vi Kiên: quan lệnh ở Trường An, sau giữ chức chuyển vận tô thuế ở miền Giang Hoài, được Huyền Tông nhà Đường cho là có tài, thăng làm Thái thú quận Thiểm..

4. Thận Căng: ?

157. Huyền Tông nhà Đường và Vũ Đế nhà Lương

Huyền Tông⁽¹⁾ nhà Đường ở ngôi gần năm chục năm. [Suốt thời gian này] giặc giã nổi lên khắp nơi, chẳng khác gì thời Vũ Đế⁽²⁾ nhà Lương. Thế nhưng nhà Lương thì mất nước, mà nhà Đường thì cuối cùng dựng lại được nghiệp trung hưng. Vì bốn lẽ sau: Một là, Cao Tổ và Thái Tông nhà Đường giành đất nước bằng điều nhân đức nên phúc trạch lâu dài, không như Vũ Đế nhà Lương đã giết hại vua và sáu người quyền quý, tích chứa bao điều bất thiện. Hai là, Huyền Tông chăm lo việc vũ công ngoài biên: đất Hà đất Lũng đều đóng quân trọng yếu, có thể lo liệu chống đỡ ngay lúc xảy ra việc cấp bách, không như nhà Lương, từ tướng đến soái đều không lo việc quân, lại coi việc can qua chỉ là trò trẻ. Ba là, Huyền Tông khi nghe tin Đồng Quan bị mất liền lánh ngay về đất Thục, nên Túc Tông được toàn quyền chiêu tập binh mã, lo dần mưu kế khôi phục, không như Vũ Đế nhà Lương khoan tay ngồi yên để giặc vây đánh. Bốn là, Huyền Tông tuy bổ nhiệm con em nhưng quyền hành đều do vua nắm. Nên người có tài như Quắc Vương⁽³⁾, Ngô Vương⁽⁴⁾ cũng đủ để làm bức

1. Huyền Tông nhà Đường: tức Lý Long Cơ, con thứ ba của Duệ Tông, có công dẹp loạn họ Vi (Vi Hậu xem ct. 1, tr. 235) lên nối ngôi vua, ở ngôi 44 năm, thọ 78 tuổi.

2. Vũ Đế nhà Lương: tức Tiêu Diễn, trước là bề tôi nước Tề, sau giết hai vua Tề và sáu người quyền quý, cướp ngôi vua Tề, lập ra nhà Lương.

3. Quắc Vương?

4. Ngô Vương?

thành vũng vàng, kẻ bắt tài như Vinh Vương Lân⁽¹⁾ vừa nổi dậy làm phản đã bị diệt ngay, không như thời Vũ Đế nhà Lương, các tôn thất đều nắm số quân đông mạnh, đóng nơi trọng trấn, chỉ nhân lúc triều đình nguy cấp cầu lợi, chẳng chịu giúp vua, thế mà triều đình lại không khống chế nổi họ. Túc Tông⁽²⁾, Đại Tông⁽³⁾ nhà Đường đánh tan giặc Hồ Yết⁽⁴⁾, Nguyên Đế nhà Lương dẹp yên loạn Hầu Cảnh⁽⁵⁾ trung hưng nghiệp vua. Hai sự việc giống nhau. Nhưng Túc Tông lên ngôi là do sự thế bắt buộc⁽⁶⁾, lúc được truyền ngôi cũng rõ ràng minh bạch; Đại Tông là người nhân hiếu, khoan hậu, hữu ái, chí công. Còn Nguyên Đế nhà Lương thì tính tình tàn nhẫn, không tin thân ai, không chịu cứu vua cha, đợi đến lúc Đại Thành nguy đổ rồi mới tiến quân vào giết hại anh em, tàn sát con cháu thật bất nhân. Cho nên nhà Đường dù sau có giặc Thổ Phồn⁽⁷⁾ vào xâm lấn, phải chạy ra Thiểm Châu, nhưng chỉ ít lâu sau lại trở về kinh đô ngay. Còn nhà Lương bị Nguyên Ngụy⁽⁸⁾ tiến đánh, nhưng do dự không chịu dời đô, để đến

1. Vinh Vương Lân?

2. Túc Tông: tên là Hanh, Thái tử của Huyền Tông.

3. Đại Tông: tên là Thúc, sau đổi là Dự, Thái tử của Túc Tông.

4. Hồ Yết: tức giặc An Lộc Sơn.

5. Loạn Hầu Cảnh: xem ct. 1, tr. 283.

6. Túc Tông lên ngôi: xem ct. 3, tr. 317.

7. Thổ Phồn: một bộ tộc nay thuộc Tây Tạng Trung Quốc.

8. Nguyên Ngụy: Tên gọi khác của Hậu Ngụy, tức Tào Ngụy. Nhà Ngụy vốn họ Thác Bạt, sau Hiếu Văn Đế đổi thành họ Nguyên, nên gọi là Nguyên Ngụy.

nổi sục đổ cả cơ đồ. Sự biến loạn của nhà Đường và nhà Lương giống nhau mà kết cục thì khác nhau. Xem đó đủ rõ lịch nước dài hay ngắn, hoàn toàn có quan hệ đến đức độ của vua có hiền hay không.

*

* *

158. Huyền Tông nhà Đường làm điều bất thiện nên bị quả báo

Huyền Tông dùng vệ binh dẹp yên loạn trong cung cấm⁽¹⁾, lại dùng vệ binh giết họ Tiêu⁽²⁾, họ Sầm⁽³⁾. Sau này tướng sĩ đạo quân Long vũ⁽⁴⁾ giết Dương Quốc Trung⁽⁵⁾, quân Vũ lâm⁽⁶⁾ ép [vua] dời vào cung Tây Nội⁽⁷⁾. Sách *Tả truyện* có câu: "Vua bắt đầu bằng cái gì thì kết

1. Loạn trong cung cấm: Bà Hậu họ Vi thông dâm với Vũ Tam Tư, bỏ thuốc độc giết chết vua Trung Tông. Huyền Tông khi ấy còn là Thái tử, mang vệ binh giết chết bà Hậu họ Vi.

2.3. Tiêu Chí Trung và Sầm Hy, cùng công chúa Thái Bình (con gái Duệ Tông) mưu làm phản, Huyền Tông dùng vệ binh giết chết Tiêu, Sầm và công chúa Thái Bình.

4. Long Vũ: tên đạo vệ binh thời Đường.

5. Dương Quốc Trung: xem ct. 5, tr. 187.

6. Vũ Lâm: tên đạo vệ binh thời Đường.

7. Khi Túc Tông lên ngôi đã tôn Huyền Tông lên làm Thái Thượng hoàng. Lý Phụ Quốc chuyên quyền đã tự ép Thượng hoàng phải dời vào cung Tây Nội.

thức bằng cái ấy". Đúng như vậy. Huyền Tông giết công chúa Thái Bình không tâu trình trước đến nỗi Duệ Tông (cha Huyền Tông) sợ hãi suýt nhảy xuống lầu, nhờ Quách Nguyên Chấn bảo hộ mới thoát chết. Sau này Lý Phụ Quốc mang guơm ép [Huyền Tông] phải dời vào cung Tây Nội. Huyền Tông cũng sợ hãi suýt ngã ngựa, may nhờ có Cao Lục Sĩ đỡ dậy. Hai việc xảy ra đều giống nhau. Đó chẳng phải là quả báo về việc làm điều bất thiện sao?

*

* *

159. Thiên hạ yên hay nguy có quan hệ đến người Tể tướng

Tể tướng tài giỏi hay hèn kém có quan hệ ngay đến sự yên nguy của đất nước. Cho nên các vua đời xưa không ai là không xem xét cẩn thận điều ấy. Nhưng chọn được người tài giỏi là việc khó. Những ngày đầu, khi Đức Tông nhà Đường⁽¹⁾ còn đang để tâm nhiều vào việc nước, luôn chú ý tìm người tài giỏi. Ông dùng người không câu nệ thứ bậc [cao thấp, sang hèn]. Sau Thôi Hựu Phủ⁽²⁾ ông còn

1. Đức Tông nhà Đường: tên là Quát, con trưởng của Đại Tông, ở ngôi 26 năm.

2. Thôi Hựu Phủ: quan Trung thư thị lang thời Đức Tông nhà Đường, tính cương trực, không a dua. Nhờ Thôi Hựu Phủ chính sự thời Đức Tông được khoan hòa.

dùng mấy người nữa. Nhưng Dương Viêm⁽¹⁾ thì cậy mình, Lư Kỳ⁽²⁾ thì gian nịnh, còn lữ Kiều Lâm⁽³⁾, Quan Bá⁽⁴⁾, Trương Dật⁽⁵⁾ là lữ tâm thường, bàn mưu tính kế đều sai hỏng, gây ra loạn lớn. Sau nữa có cất nhắc Khương Công Phụ, Lưu Tông Nhất⁽⁶⁾ ở hàng quan nhỏ lên. Tuy nói có khá hơn, nhưng cũng chưa phải là người tài giỏi, có danh vọng. Mãi đến khi vời Lý Bí⁽⁷⁾ ở Hàng Châu về, mọi việc xếp đặt mới đâu ra đấy, trong cõi lại được yên bình. Từ năm đầu Kiến Trung (niên hiệu Đức Tông) đến lúc ấy mới

1. Dương Viêm: tự Công Nam, thời Đức Tông nhà Đường làm môn hạ Thị lang, Đồng Trung thư môn hạ bình chương sự, có đặt ra hai phép thuế mới, thay đổi chế độ tô, dung, điệu, cù. Lúc đầu Dương Viêm chú trọng khi tiết sau cây công kết đảng với Nguyên Tái làm nhiều điều xằng bậy.

2. Lư Kỳ: tự Tử Lương, có tài ăn nói. Đức Tông phục tày Lư Kỳ cho làm môn hạ Thị lang, Đồng Trung thư môn hạ bình chương sự. Tính Lư Kỳ hiểm độc gian nịnh.

3. Kiều Lâm?

4. Quan Bá: tự Vụ Tiên, đỗ tiến sĩ, làm quan Lại bộ thị lang, tính nhu nhược nên khi Đức Tông tìm người làm Tể tướng, Lư Kỳ tiến cử Quan Bá, sau quyền chính đều do Lư Kỳ quyết đoán.

5. Trương Dật: tự Quý Quyền, Công Độ, làm quan Điện trung Thị ngự sử.

6. Khương Công Phụ: người châu Ái (Thanh Hóa Việt Nam) thi đỗ tiến sĩ, làm quan Hàn lâm học sĩ, sau thăng Giám nghị đại phu, Đồng Trung thư môn hạ bình chương sự, dưới thời Đức Tông nhà Đường.

7. Lưu Tông Nhất: thi đỗ tiến sĩ, làm quan úy ở Vệ Nam, sau được Lư Kỳ cho làm Giám sát ngự sử.

có bốn năm thôi. Nếu như Đức Tông sớm nghĩ đến Lý Bí⁽¹⁾ mà dùng ngay từ trước thì làm gì phải chạy ra Phụng Thiên⁽²⁾. [Lý Bí là bậc] cố lão trải ba triều, công đức rõ ràng, ai cũng biết, thế mà khi chọn người làm tướng không nhớ đến, lại đi dùng những kẻ tầm thường ngu dại. Đó chẳng phải là khi vận giết chóc lẫn nhau còn chưa dứt mà ý trời xui nên như thế sao?

Đông Giang thấy Lục Tuyên Công⁽³⁾ người có tài giúp vua mà Đức Tông không dùng làm tướng, sao mà tối tăm thế?

*
* *

160. Dùng người do mình tự chọn với dùng người do người khác chọn, hay dở khác nhau lắm

Đức Tông nhà Đường⁽⁴⁾ lấy người làm quan, không kể chức to hay nhỏ đều tự chọn. Tể tướng có tài trình cũng ít khi được đồng ý. Vậy mà thời Đức Tông không được coi là thời thịnh trị. Còn Hiến Tông⁽⁵⁾ thì giao quyền [chọn

1. Lý Bí: xem ct. 2, tr. 302.

2. Chu Ti làm phản, Đức Tông phải chạy ra Phụng Thiên.

3. Lục Tuyên Công: tức Lục Chí, tự Kính Hưng, thời Đức Tông làm Hàn lâm học sĩ, rất được tin nhiệm mọi chiếu thư đều do Lục Chí thảo, sau được thăng Trung thư thị lang Đồng bình chương sự.

4. Đức Tông: xem ct. 1, tr. 326.

5. Hiến Tông: tức Lý Thuần, con trưởng Thuận Tông.

người] cho Tế tướng Lý Cát Phủ⁽¹⁾. Lý Cát Phủ được Trương Ky⁽²⁾ dâng số tiến cử hơn ba chục người, mà tuyển dùng gần hết không cần hỏi han gì thêm. Thế mà công việc trong ngoài đều đâu ra đấy, được gọi là thời trung hưng. Xem đó đủ rõ việc dùng người do mình tự chọn với việc dùng người do người khác chọn, hay dở chẳng khác nhau xa lắm sao?

*

* *

161. Đồng Tấn người thời Trịnh Nguyên là tướng tài

Đồng Tấn⁽³⁾, người thời Trịnh Nguyên⁽⁴⁾ có thể coi là một tướng tài. Vì thời bấy giờ, được ở gần vua [là nhiều người] quen thói chuyên quyền, mà ông vẫn không bị ảnh hưởng theo họ. Thật không hổ thẹn với tiếng khen là người ngay thẳng. Lúc một mình một xe vào đất Biện, ông đã dùng lời nói, tiếng cười chế phục được bọn tướng kiêu căng và lũ lính hung hãn. Thật là người can đảm. Lục Trường

1. Lý Cát Phủ: tự Hoàng Hiến, có khí độ, thời Hiến Tông giữ chức Đồng bình chương sự, có công chọn dùng người tài giúp triều chính thịnh trị, sau được phong chức Huyện hầu ở đất Tấn Hoàng quê ông.

2. Trương Ky?

3. Đồng Tấn: tự Hồn Thành, người Ngưu Hương thời Đường. Năm Trịnh Nguyên làm Đồng Trung thư môn hạ bình chương sự. Sau lần vào đất Biện có công được phong Thứ sử châu Nhữ.

4. Trịnh Nguyên: (785 - 805), niên hiệu Đức Tông nhà Đường.

Nguyên, viên quan Mạc khách⁽¹⁾ của ông, tính nóng nảy, thích thay đổi công việc luôn, nhưng ông không cự lại ngay những lời thỉnh cầu [của Lục Trường Nguyên] mà chỉ sau khi việc đã xong, ông mới bảo tạm bãi đi, do đó trong quân thường được yên. Thật có tư chất của vị đại thần. Ông thường nói với con cháu rằng: "Những điều mà ta bàn bạc, mưu tính trước vua chẳng có gì đáng kể cả". Có lẽ ông cho rằng chức vị ở gần vua và lo việc cơ mật, không nên tiết lộ điều gì ra ngoài, cho nên ông mới nói thác đi như thế để đối phó lại những câu hỏi [của con em] thôi, chứ không phải sự thực như thế. Tiên nho cho là: "Nói đại như thế để che cái lỗi ngồi làm bù nhìn". Chê như thế có lẽ nghiêm khắc quá. Đức Tông⁽²⁾ là người hay nghi kỵ, lời nói thẳng đều ít được tiếp nhận. Tiêu Phục⁽³⁾, Khuông Công Phụ⁽⁴⁾, Lục Chi⁽⁵⁾ [vì nói thẳng] mà thay nhau bị ruồng bỏ, chỉ riêng Tấn làm tướng có đức độ đôn hậu, điềm tĩnh, khôn khéo mà được trọn vẹn trước sau. Tuy Tấn không được bằng các bậc quân tử khác nhưng lại chẳng hơn kẻ chuyên quyền như Đậu Tham⁽⁶⁾, kẻ phản phúc như

1. Mạc khách: chức quan giúp việc cho chức quan to...

2. Đức Tông: xem ct. 1, tr. 326.

3. Tiêu Phục: tự Lý Sơ, quan Thứ sử hai châu Hấp và Trì, tính thẳng thắn, liêm khiết, thương dân, được lập bia ghi công đức. Năm Hưng Nguyên thăng chức Môn hạ thị lang.

4. Khuông Công Phụ: xem ct. 6, tr. 327.

5. Lục Chi: xem Lục Tuyên Công ct. 3, tr. 328.

6. Đậu Tham: tự Thời Trung, nhờ dòng dõi được phong chức Ngự sử trung thừa. Tham bất tài chuyên quyền, kết đảng, bị nhiều người ghét.

Triệu Cảnh⁽¹⁾ sao? Người bàn sử lấy việc "[ông làm tướng mà] đức độ của vua, công việc của nước không có gì thay đổi hơn trước" để trách ông, thì chính các vị tài giỏi như Lục Chí, Tiêu Phụ đã vất vả uốn nắn mãi mà cũng chẳng làm nổi, còn trách gì Tấn được.

*

* *

162. Nhà Đường chọn người làm Tể tướng

Người làm vua bàn việc trị nước, có ai bàn trước đến việc chọn người làm tướng đâu. [Nhưng nếu chọn] được người tài giỏi thì muôn việc sẽ đâu vào đấy, nếu chọn phải kẻ bất tài thì muôn việc sẽ đổ vỡ. Việc chọn lựa ấy thật là khó, trách nhiệm ấy thật là nặng nề. Cho nên phải chọn trong số những người được dân ngưỡng vọng, và nên chất chính ngay trong cuộc họp bàn ở triều đình cho cẩn thận kỹ càng. Còn những việc như binh lính, dân tình, của cải, thuế khóa, lễ nhạc, hình pháp đều không nhất thiết phải bàn bạc trước. Hãy đem việc [chọn người làm tướng] của nhà Đường ra bàn [xem sao]. Ngày mới mở nước [Cao Tổ và Thái Tông] do dùng được Phòng Huyền Linh⁽²⁾, Đỗ

1. Triệu Cảnh:?

2. Phòng Huyền Linh: xem ct. 1, tr. 292.

Như Hối⁽¹⁾, Vương Khuê⁽²⁾, Ngụy Trưng⁽³⁾ nên đã dựng được nền thịnh trị thời Trinh Quán⁽⁴⁾. Đến đời Cao Tông⁽⁵⁾, ngày mới được lập, có Trường Tôn Vô Kỵ⁽⁶⁾, Chủ Toại Lương⁽⁷⁾, hai người hết lòng phụ giúp nên vẫn giữ được phong thái của đời trước. Nhưng khi Hứa Kính Tông⁽⁸⁾, Lý Nghĩa Phủ⁽⁹⁾ được tiến dùng thì chính sự liền

1. Đỗ Như Hối: xem ct. 2, 292.

2. Vương Khuê: quan Giám nghị đại phu thời Thái Tông nhà Đường, sau đổi làm Thị trung, cùng Phòng Huyền Linh, Lý Tĩnh, Ôn Ngạn Bác, Dải Trụ, Ngụy Trưng phụ chính, cuối cùng làm tể tướng Lê bộ Thượng thư. Xem thêm ct. 6, tr. 310.

3. Ngụy Trưng: xem ct. 5, tr. 290.

4. Trinh Quán: xem ct. 1, tr. 297.

5. Cao Tông: tức Lý Trị, nối ngôi Đường Thái Tông.

6. Trường Tôn Vô Kỵ: xem ct. 3, tr. 293.

7. Chủ Toại Lương: tự Đăng Thiện, năm Trinh Quán làm Giám nghị đại phu khởi cư trú, sau đổi làm Hoàng môn thị lang, cùng Trường Tôn Vô Kỵ nhận di chiếu của Thái Tông phụ giúp Thái tử Lý Trị. Khi Cao Tông (Lý Trị) lên ngôi, ông đổi làm Thượng thư Hữu bộc xạ, tước Hà Nam quận công.

8. Hứa Kính Tông: là người tính tình khinh mạn, ngạo nghễ, thi đỗ tú tài. Năm Trinh Quán làm Trước tác lang, kiêm Tu quốc sử. Khi Cao Tông lên ngôi, làm Lê Bộ Thượng thư. Cao Tông có ý lập Vũ Chiêu Nghi, các quan can ngăn. Kính Tông bèn ngầm giúp Vũ Hậu trục xuất Chủ Toại Lương, giết Trường Tôn Vô Kỵ vì vậy nhà Đường đổ nát.

9. Lý Nghĩa Phủ: người nhờ có tài văn chương mà được vinh hiển. Thời Thái Tông làm Thái tử xá nhân, Sùng hiền quán Trực học sĩ, thời Cao Tông làm Lại bộ Thượng thư. Bề ngoài Lý Nghĩa Phủ luôn tỏ ra mềm dẻo, cung kính nhưng bên trong nham hiểm, người đời nói: "Nghĩa Phủ cười có dao". Lại vì lấy sự mềm dẻo hại người nên còn gọi là "Mèo họ Lý".

bị đổ nát, chỉ vì một lời nói của Bùi Viêm⁽¹⁾ mà suýt xảy việc bỏ người này lập người kia. Sau nhờ có Dịch Nhân Kiệt⁽²⁾, Trương Giản Chi⁽³⁾ mới khôi phục lại được ngôi vua nhà Đường. Đầu thời Huyền Tông⁽⁴⁾ có các người giỏi như Diêu Sùng⁽⁵⁾, Tống Cảnh⁽⁶⁾, Tô Dĩnh⁽⁷⁾, Trương Cửu

1. Bùi Viêm: là người khoan hậu, có tiết tháo, thi đỗ minh kinh, làm Trung thư lệnh thời Cao Tông. Vì can vua lập Vi Huyền Trinh làm Thị trung, bị vua ghét, bèn cùng Vũ Hậu mưu phế bỏ Lý Lăng Vương, lập Dục Vương làm Hoàng Đế.

2. Dịch Nhân Kiệt: tự Hoài Anh, thi đỗ minh kinh, thời Cao Tông làm Đại lý thừa, Giang Nam tuần phủ sứ, Dục châu thứ sử, được dân yêu quý. Ông tiến cử được nhiều người tài cho triều đình như Hoàn Phạm, Diêu Sùng... đều là bậc danh thần thời trung hưng. Khi Vũ Hậu nhận ra, đã đón Lý Lăng Vương ở Phòng Châu về, vì vậy lộc nhà Đường được dài thêm, ông được Dục Tông truy phong là Lương quốc công.

3. Trương Giản Chi: xem ct. 4, tr. 316.

4. Huyền Tông: xem ct. 1, tr. 323.

5. Diêu Sùng: tự Nguyên Chi, thời Huyền Tông ông làm Tử vi lệnh, được phong là Lương công. Nhà Đường suy, kỷ cương đổ nát, ông là người có công chấn chỉnh lại chế độ, sắp xếp lại các quan người nào vào việc ấy thích đáng, bãi bỏ chức quan không cần thiết. Năm Khai Nguyên ông tự tiến dần Tống Cảnh thay mình làm Tế tướng.

6. Tống Cảnh: thi đỗ tiến sĩ, giữ chức Phụng các trung thừa, sau chuyển lên chức Ngự sử trung thừa. Thời Dục Tông làm Lại bộ thượng thư, Đồng trung thư môn hạ tam phẩm. Năm Khai Nguyên từ chức Quảng Châu đô đốc thăng Hình bộ Thượng thư, tước Quảng Bình quận công, Thượng thư Hữu thừa tướng. Ông là người có khí tiết, kể sau Diêu Sùng làm Thừa tướng. Người đời ca ngợi, ví Diêu Sùng, Tống Cảnh với Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối.

7. Tô Dĩnh?

Linh⁽¹⁾ kế nhau [làm tướng] nên thiên hạ được yên bình. Nhưng từ khi Lý Lâm Phủ⁽²⁾ một mình làm tướng mười chín năm liền thì thời cuộc bị đổi thay. Cuộc biến loạn năm Thiên Bảo⁽³⁾ là do Dương Quốc Trung nóng nảy⁽⁴⁾ khinh suất gây ra, làm hỏng việc nước, đến nỗi vua phải chạy ra ngoài. Túc Tông⁽⁵⁾, Đại Tông⁽⁶⁾ dựng được nghiệp trung hưng, nhưng bọn Bùi Miện⁽⁷⁾, Tiêu Hoa⁽⁸⁾ đều không

1. Trương Cửu Linh: Người Khúc Giang, tự Tử Thọ, thi đỗ tiến sĩ. Năm Khai Nguyên làm Đồng bình chương sự Trung thư lệnh. Ông là người có khí tiết, người đời quen gọi là Khúc Giang Công.

2. Lý Lâm Phủ: là người giáo quyết, xu nịnh, có quyền thuật. Thời Huyền Tông làm Binh bộ Thượng thư, Đồng trung thư môn hạ tam phẩm, kiêm Trung thư lệnh. Lý Lâm Phủ cấu kết với hoạn quan và phi tần dò xét mọi động tĩnh của vua, nên mọi tấu trình đều được vua hài lòng vì vậy đã gây ra loạn An Lộc Sơn và Sử Tư Minh.

3. Thiên Bảo: niên hiệu lần thứ hai của Huyền Tông nhà Đường.

4. Dương Quốc Trung: Tể tướng thời Huyền Tông. Vì xích mích với Quốc Trung nên An Lộc Sơn đã đem quân ngoài biên về đánh thành Trường An, Huyền Tông phải bỏ chạy. Xem thêm ct. 2, tr. 186 và ct. 5, tr. 187.

5. Túc Tông: tên là Hanh, Thái tử con Huyền Tông.

6. Đại Tông: tên là Thúc, sau đổi là Dự, Thái tử, con Túc Tông.

7. Bùi Miện: người Hà Đông, tự Chương Phủ, nhờ dòng dõi được làm Vị nam úy. Thời Huyền Tông làm Ngự sử trung thư. Thời Túc Tông làm Thượng thư Hữu bộc xạ. Thời Đại Tông làm Tả bộc xạ, Đồng Trung thư môn hạ bình chương sự.

8. Tiêu Hoa: cuối năm Thiên Bảo (thời Huyền Tông) làm Binh bộ thị lang, đầu năm Thượng Nguyên (thời Túc Tông) làm Đồng Trung thư môn hạ bình chương sự.

có tài giúp nước. Còn Lý Quý⁽¹⁾, Lý Nghiễn⁽²⁾ thì vì cương trực mà bị bãi chức, chỉ còn một mình Nguyên Tái⁽³⁾ được dùng đến hơn mười năm và đã gây ra bao điều tệ hại. Sau nhờ có Dương Quán⁽⁴⁾, Thôi Hựu Phủ⁽⁵⁾ thay Nguyên Tái, pháp độ mới bước đầu được lập lại. Nhưng [Thôi Hựu Phủ] cũng chẳng được dùng lâu. Đức Tông lên [nắm quyền] thống trị chưa được bao lâu lại bị Lu Kỳ⁽⁶⁾ phá hoại, giặc cướp nổi lên khắp nơi, may nhờ có Lý Bí⁽⁷⁾, Lục Chí⁽⁸⁾ chống đỡ sắp xếp lại mới được tạm yên. Thời Thuận Tông⁽⁹⁾, bọn gian tà kéo bè làm bậy, gây mầm biến loạn.

1. Lý Quý: người Lũng Tây, tự Thụy Khanh, đỗ tiến sĩ năm Khai Nguyên (thời Huyền Tông), năm Càn Nguyên (thời Túc Tông) làm Trung thư thị lang Đồng bình chương sự, có tài văn chương, giỏi tấu đối.

2. Lý Nghiễn: giữ chức Binh bộ Thượng thư triều Đại Tông.

3. Nguyên Tái: người Kỳ Sơn, tự Công Phụ. Thời Đại Tông làm Trung thư thị lang. Thời Túc Tông có công giết kẻ lộng quyền là Trần An, được làm Tế tướng. Sau cậy công làm nhiều điều càn bậy, được ban tội tự chết.

4. Dương Quán: người Hoa Âm, tự Công Quyền, thi đỗ tiến sĩ. Năm Đại Lịch (thời Đại Tông) làm Trung thư thị lang, Đồng Trung thư môn hạ bình chương sự. Khi phụ chính có công khôi phục chế độ nhà Đường.

5. Thôi Hựu Phủ: xem ct. 2, tr. 326.

6. Lu Kỳ: xem ct. 2, tr. 327.

7. Lý Bí: xem Lục Tuyên Công ct. 2, tr. 302.

8. Lục Chí: xem ct. 3, tr. 328.

9. Thuận Tông: tức Lý Tụng, con Đức Tông, ở ngôi một năm.

Thời Hiến Tông⁽¹⁾ có các bậc quân tử như Đỗ Hoàng Thường⁽²⁾, Lý Cát Phủ⁽³⁾, Bùi Độ⁽⁴⁾, Vi Quán Chi⁽⁵⁾ xếp đặt mọi việc đâu ra đấy, uy lệnh mới được chấn chỉnh lại. Cuối đời [Thuận Tông] chỉ vì dùng phải Hoàng Phủ Bác⁽⁶⁾ mà không được trót đời. Thời Mục Tông⁽⁷⁾, những năm đầu do Tiêu Miển⁽⁸⁾, Đoạn Văn Xương⁽⁹⁾ kiến nghị bỏ binh khí mà lại mất đất Hà Sóc. Khoảng giữa thời Văn Tông⁽¹⁰⁾, do Lý Huấn⁽¹¹⁾ nắm quyền mà xảy cuộc biến

1. Hiến Tông: tức Lý Thuần, con trưởng Thuận Tông.

2. Đỗ Hoàng Thường: người Vạn Niên, tự Tuân Tố, thi đỗ tiến sĩ, có công lớn dựng nghiệp trung hưng nhà Đường, làm quan Thị ngự sử. Năm Trinh Nguyên làm Thái thường khanh. Khi Hoàng Thái tử lên nắm giữ việc quân ông làm môn hạ thị lang, Đồng Trung thư môn hạ bình chương sự, tước Bản Quốc công.

3. Lý Cát Phủ: tức Lý Tấn Hoàng. Xem ct. 1, tr. 329.

4. Bùi Độ: người Văn Hỉ, tự Trung Lập, thi đỗ tiến sĩ, thời Hiến Tông làm môn hạ Thị lang bình chương sự, tước Tấn quốc công. Ông là bậc trung thần tính thẳng thắn, rộng rãi, có công lớn, danh tiếng vang khắp tử di.

5. Vi Quán Chi: tên là Thuần, tự là Hành, thi đỗ tiến sĩ, giữ chức quan Hữu bố khuyết sau là Lễ bộ thị lang, Trung thư thị lang.

6. Hoàng Phủ Bác: người Lâm Kinh. Thi đỗ tiến sĩ, làm Hộ bộ thị lang. Thời Hiến Tông làm Đồng môn hạ bình chương sự.

7. Mục Tông: tức Lý Hằng.

8. Tiêu Miển: tự Tư Khiêm, thi đỗ tiến sĩ. Thời Mục Tông làm Đồng trung thư môn hạ bình chương sự.

9. Đoạn Văn Xương: tự Mặc Khanh, Cảnh Sơ. Thời Mục Tông làm Kiến Nam, Tây Xuyên tiết độ.

10. Văn Tông: tức Lý Ngang, kế vị Mục Tông.

11. Lý Huấn: tức Trọng Ngôn, tự Tử Huấn, sau đổi làm Hà Dương tiết độ phủ.

Cam Lộ⁽¹⁾. Sau nhờ Trịnh Đàm⁽²⁾, Lý Thạch⁽³⁾ thay Lý Huấn mới tạm yên tĩnh. Bắt đầu từ đời Vũ Tông⁽⁴⁾ trở đi, nhờ dùng Lý Đức Dụ⁽⁵⁾ công nghiệp mới được hiển hách. Từ đời Tuyên Tông⁽⁶⁾, Ý Tông⁽⁷⁾ trở về sau không có gì đáng kể cả. [Cuối cùng] đến đời Chiêu Tông⁽⁸⁾, lúc đầu dùng lầm Trương Tuấn⁽⁹⁾ nên bị thua ở trận Bình Dương, sau lại lầm nghe Thôi Chiêu Vĩ⁽¹⁰⁾ mà không khống chế nổi trấn Phụng Tường. Nhà Đường từ đó ngày

1. Cuộc biến cam lộ: Hoạn quan lộng quyền. Văn Tông cùng bọn Lý Huấn lập mưu giết hoạn quan, đã đặt ra chuyện ở máng đá ngoài cung có sương móc ngọt (cam lộ) để nhử hoạn quan ra xem rồi phục binh giết đi. Việc bại lộ, Lý Huấn bị giết, hoạn quan càng thêm lộng hành.

2. Trịnh Đàm: quan Hàn lâm thị giảng học sĩ thời Văn Tông, từ Hộ bộ thị lang, Đồng trung thư môn hạ bình chương sự thăng Trung thư thị lang. Ông là người quên mình vì việc nước.

3. Lý Thạch: tự Trọng Ngọc, đỗ tiến sĩ thời Văn Tông, từ Hộ bộ thị lang, Đồng trung thư môn hạ bình chương sự thăng Trung thư thị lang. Ông là người quên mình vì việc nước.

4. Vũ Tông: tức Lý Viêm.

5. Lý Đức Dụ: xem ct. 5, tr. 314.

6. Tuyên Tông: tức Lý Thảm.

7. Ý Tông: tức Lý Thôi.

8. Chiêu Tông: tức Lý Diệp.

9. Trương Tuấn: người Hà Gian, tự Vũ Xuyên giữ chức Thái thường bác sĩ. Năm loạn Hoàng Sào, Hy Tông vội làm Giám nghị đại phu, Thượng thư hữu bộc xạ. Sau bị Chu Ôn mưu giết.

10. Thôi Chiêu Vĩ: người Thanh Hà, tự Uẩn Diệu, đỗ tiến sĩ. Thời Chiêu Tông làm Hộ bộ thị lang, Đồng Trung thư môn hạ bình chương sự, sau thăng Thượng thư Hữu bộc xạ.

một suy yếu. Sau chót lại lâm nghe Thôi Dận⁽¹⁾ với Chu Ôn⁽²⁾ vào cửa quan, thành ra sự thể tan vỡ không cứu vãn được nữa. Nay rộng xem các dấu tích về trị, loạn, thịnh, suy trong các sử sách còn thấy mọi việc vẫn rõ ràng trước mắt. Nhưng xét đến cội gốc ngọn nguồn thì thấy mọi việc hay dở tương thời đều quyết định ở Tế tướng cả. Vậy có thể nào không cẩn thận trong việc chọn người làm tướng được chăng?

*

* *

163. Cuối thời nhà Hán thịnh trị là do liên kết cung với phủ thành một khối thống nhất

Do liên kết giữa cung với phủ thành một khối thống nhất⁽³⁾ mà chính sự cuối thời Hán tỏa sáng rực rỡ, và vốn

1. Thôi Dận: tự Thùy Hưu, đỗ tiến sĩ. Thời Chiêu Tông làm Ngự sử trung thừa, sau có công giết hết bọn hoạn quan làm loạn, được thăng Thị trung Ngự quốc công.

2. Chu Ôn: tức sau này là Thái Tổ nhà Lương (thời Hậu Ngụy). Lúc đầu Chu Ôn theo Hoàng Sào làm giặc, sau hàng phục nhà Đường được Hy Tông ban tên là Chu Toàn Trung. Do có công được làm Tử trấn Tiết độ sứ, tước Lương Vương. Vào cuối năm Thiên Hựu, ngoài thì giặc cướp nổi lên, trong thì hoạn quan lộng hành. Chiêu Tông cho vời Chu Ôn về triều giúp vua. Chu Ôn thừa dịp đó giết Chiêu Tông và Ai Đế, cướp ngôi nhà Đường, lấy tên nước là Lương, đóng đô ở Biện Châu.

3. Cuối thời Hán, Gia Cát Lượng trong bài biểu "xuất sư" đã khuyên Hậu Chủ phải thống nhất ý kiến trong cung cấm với ngoài phủ thành, thành một mối. Do vậy nhà Hán được thịnh trị một thời.

chỉ có một góc đất Ba Thục mà chống đỡ nổi cả Trung nguyên. Còn chia rẽ Nam ty với Bắc ty ra làm hai⁽¹⁾ mà cuối thời Đường đã mau chóng phong hóa, đổ nát, phải dùng sức cả thiên hạ mà không khống chế nổi đất Hà Sóc.

*

* *

164. Giúp thiên hạ làm nên sự nghiệp, cần phải nắm được điều then chốt

Giúp thiên hạ làm nên sự nghiệp, tuy quý ở chỗ phải chính đại, minh bạch nhưng cũng cần nắm vững điều then chốt. Xem sử nhà Đường đến chỗ Hiến Tông triệu các Tế thần vào bàn việc đất Hoài, đất Thái⁽²⁾. Bọn Lý Phùng Cát⁽³⁾ đều nói

1. Thời Mục Tông và Văn Tông cuối nhà Đường, bề tôi kết đảng với nhau, chia rẽ Bắc ty (bên hoạn quan) với Nam ty (phủ Thừa tướng), hai bên đối lập nhau. Hoạn quan chuyên quyền, còn Tế tướng chỉ ngồi làm vãi, do vậy nhà Đường mau chóng đổ nát.

2. Thời Hiến Tông nhà Đường, quan giữ đất Hoài, đất Thái là Ngô Quyền Tế làm phản. Triều đình mang quân đánh 4 năm liền không được. Hiến Tông bèn triệu các Tế thần bàn việc nên tiếp tục đánh hay nên bãi binh.

3. Lý Phùng Cát: tự Hư Chu, người Lũng Tây, thi đỗ tiến sĩ. Thời Hiến Tông làm Đồng Trung thư môn hạ bình chương sự, tính đố kị, hiểm độc. Khi Bùi Độ đánh Hoài Tây, Cát lo Bùi Độ thành công, đã bí mật tìm cách ngăn trở, chủ trương định kế hòa nghị, xin bãi binh ở các đạo. Hiến Tông biết ý, rất giết Cát, cho ra làm tiết độ ở Kiến Nam, Đông Xuyên. Thời Mục Vương, Cát lại được làm Bình bộ Thượng thư. Thời Mục Kính Tông, Cát kéo bè kết đảng, tham lam ăn hối lộ, ai cầu việc gì đều phải hối lộ cho Cát.

nên bãi binh, chỉ một mình Bùi Độ⁽¹⁾ không nói gì. Thiết nghĩ thành công ở việc làm của ông tất cả ở đó. Vì rằng: [trong khi mọi người bàn bạc] ý kiến bất đồng, điều phải lẽ trái không phân định, trước mặt vua mỗi người bàn mỗi ý, điều hại điều lợi rối tung, điều hay lẽ dở lẫn lộn. Nếu không phải là người thông minh tốt bậc, chưa dễ đã quyết đoán chọn lựa được [điều phải]. Quy cho cùng, lời nói khinh xuất, nóng nảy phần nhiều không được dùng, lời nói dè dặt thận trọng dễ được nghe theo. Chính Bùi Độ ngay từ đầu đã chủ trương dùng binh, nếu lại nói trước thì Lý Phùng Cát sẽ bám vào lời ông mà bài bác rạch ròi từng li từng tí được. Hơn nữa sẽ lấy sự kiện năm Kiến Trung⁽²⁾ ra kích động thì ý vua tất thay đổi, và lời của ông sẽ bị dồn đến chỗ bí. Chỉ còn cách nhường Lý Phùng Cát tha hồ bàn nói không khách khí gì nữa, riêng mình cứ yên lặng, sau tất vua sẽ phải hỏi đến. Lúc ấy sẽ chậm rãi bằng một đôi lời ngắn gọn thiết thực để mở xẻ hoặc thắt buộc lại. Khi ấy mở hay đóng là do ý mình còn ai ngăn cản được nữa. Một khi vua đã lắng nghe, trong chốc lát tâm chí bừng sáng thì tự nhiên sẽ hiểu ra và vui mừng nghe theo lời nói của mình. Như thế cần gì phải phí nhiều lời. Xưa nay những việc bàn cãi trước mặt vua, can ngăn giữa chốn

1. Bùi Độ: xem ct. 4, tr. 336.

2. Sự kiện năm Kiến Trung: Năm Kiến Trung (niên hiệu Đức Tông) Lý Hy Liệt và Chu Tỳ làm phản đánh phá kinh thành. Đức Tông phải chạy ra Phụng Thiên. Sau nhờ Lý Thạnh dẹp yên quân phản nghịch, khôi phục lại kinh thành.

triều đình là chức phận của gián quan, còn với Tế tướng thì khác, cốt ở chỗ quyền biến để làm tốt công việc, không cần quá khích để hỏng việc; cốt mềm dẻo khéo léo để được việc, không cần sống sượng làm lỡ việc. Khi mở ra, khi thu lại, vận dụng phải có phương pháp. Như thế mới làm nên việc. *Kinh Dịch* nói: "Người tốt nói ít lời, người nóng nảy nói nhiều lời"⁽¹⁾. Ông Tây Sơn⁽²⁾ đã suy rộng ý câu ấy như sau: "Nói người tốt nói ít lời mà đúng lẽ không có nghĩa là họ im lặng không nói gì. Nói người nóng nảy nói dài dòng mà trái lẽ, không có nghĩa là họ phô bày'ra hết, không dấu diếm điều gì". Có thể nói lời giải thích ấy thật đầy đủ. Nếu không suy từ lẽ ấy ra mà nhìn nhận người ta ở những điểm tương như giống nhau mà xét cho cùng lại khác nhau thì như Công Tôn Hoàng⁽³⁾, Hồ Quảng⁽⁴⁾, ít ai không khen là người tốt. Còn như Ngụy Trưng⁽⁵⁾, Lý Phùng Cát cũng khó tránh khỏi bị đời coi là nóng nảy.

1. Lời trong *Hệ từ hạ truyện*: "Cát nhân chi từ quả, táo nhân chi từ đa".

2. Tây Sơn: tức Chân Đức Tú, người Phổ Thành thời Tống, tự Cảnh Nguyên, Cảnh Hy, thi đỗ tiến sĩ, làm tri châu ở Tuyên Châu và Phúc Châu. Sau về kinh làm Hàn lâm học sĩ, Tham tri chính sự, có tiếng là người trung trực.

3. Công Tôn Hoàng: xem *Bình Tân Hầu* ct.5, tr. 189.

4. Hồ Quảng: người thời Hậu Hán, tự Bá Thủy, thi đỗ hiệu liêm thời An Đế, làm Thượng thư lang, sau là Tư đồ, Thái phó. Trước mọi việc, Hồ Quảng hay a dua với người.

5. Ngụy Trưng: xem ct. 5, tr. 290.

Than ôi! xưa nay các bề tôi tài giỏi, kẻ sĩ trung thành từng phơi gan giải mật bàn việc to, dâng kế lớn nhưng không được dùng ngay lúc ấy, cuối cùng lại có tác dụng về sau [Hạng người ấy có phải là ít đâu].

*

* *

165. Bất hạnh của Lưu Phần cũng là bất hạnh của nhà Đường

Giả Nghị⁽¹⁾, Lưu Hưởng⁽²⁾, Lý Cố⁽³⁾, Thái Ung⁽⁴⁾ bàn về cơ sự thành bại của nhà Hán rõ ràng như trở bàn tay. Nhưng thời bấy giờ không biết tận dụng [tài năng của họ] để ngăn đời sau còn ân hận mãi. Đáng cảm khái nhất là

1 Giả Nghị: xem ct. 5, tr. 189.

2. Lưu Hưởng: tự Tử Chính, người thời Hán Tuyên Đế và Ngụy Đế, có tài văn chương, làm quan không được trọng dụng, tác giả của các sách *Hồng phạm ngũ hành truyện*, *Liệt nữ truyện*, *Liệt tiên truyện*, *Tân tự*, *Thuyết uyển*. Trong khi bàn về cơ sự nhà Hán ông đã nói trước việc Vương Mãng sẽ cướp ngôi nhà Hán.

3. Lý Cố: người Hậu Hán, tự Tử Kiên, học rộng biết nhiều, nhưng vì cương trực nên mắc tội, mãi sau mới được giữ chức Nghị lang. Thời Sung Đế làm Thái úy. Khi Sung Đế chết, Chất Đế bị giết, Lý Cố cùng Đỗ Kiều định lập Thanh Hà Vương tên là Toan lên thay. Nhưng Lương Ký có ý lập Hoàn Đế nên vu tội rồi tống ngục Lý Cố cùng 2 con, cuối cùng 3 cha con đều chết trong ngục.

4. Thái Ung: người Hậu Hán, tự Bá Giai, từ nhỏ đã học rộng biết nhiều, giỏi văn chương, thuật số, thiên văn, âm nhạc, đánh đàn.

bài văn sách "Chế khoa" của Lưu Phần⁽¹⁾ thời Đường, viện dẫn tinh xác, kiến thức cao xa, bày tỏ thống thiết. Như câu ông nói: "Định ra hình phạt đã không do Thiên tử thì việc chinh phạt tất nhiên sẽ do chư hầu". Lại như câu: "Trần Thắng⁽²⁾, Ngô Quảng⁽³⁾ không phải chỉ sinh ra ở thời Tần; Xích Mi⁽⁴⁾, Hoàng Cân⁽⁵⁾ không phải chỉ sinh ra ở thời Hán. Có lẽ ông đã thấy trước sự suy loạn của thời Hy Tông, Chiêu Tông rồi. Dù bói cò thi, bói rùa, lời sấm vĩ cũng không hơn được [lời nói ấy của Lưu Phần]. Thế mà cuối cùng ông bị chèn ép không được tiến cử lên Văn Tông. Đó chẳng phải là sự bất hạnh của riêng Lưu Phần mà còn là điều bất hạnh cho cả triều đình nhà Đường nữa.

1. Lưu Phần: người Bình Xương đời Đường, tự Khử Hoa, thi đỗ tiến sĩ, có mưu trí và có ý cứu đời giúp nước. Bấy giờ hoạn quan hoành hành ngang ngược, ông rất ghét. Thời Văn Tông, dự thi chế khoa, trong bài văn sách ông đã dám nói thẳng và chỉ trích bọn hoạn quan, đồng thời hiến kế ngăn ngừa họa loạn. Vì triều thần sợ hoạn quan nên đánh hỏng bài thi rồi đẩy ông ra làm Tư hộ Tham quân ở Liêu Châu.

2. Trần Thắng: xem ct. 2, tr. 122 và ct. 6, tr. 162.

3. Ngô Quảng: người Dương Hạ thời Tần, tự Thúc. Thời Nhị Thế, Ngô Quảng cùng Trần Thắng được sai đến đóng đồn thú ở Ngự Dương. Hai người đều là đồn trưởng, đến không đúng hạn, phạm tội chém. Thắng, Quảng liền hô hào lính thú nổi dậy chống Tần, Thắng làm Vương, Quảng làm Giả Vương.

4. Xích Mi: Khởi nghĩa nông dân cuối thời Tây Hán, do Lang Da và Phần Sùng khởi binh ở đất Cử. Vì sợ làm với quân của Vương Mãng nên nghĩa quân đã bôi đỏ nào mi mắt (xích mi).

5. Hoàng Cân: Thời Linh Đế nhà Hán, khởi nghĩa nông dân do Trương Giác lãnh đạo, dùng khăn vàng (hoàng cân) làm dấu hiệu riêng.

166. Nhà Chu suy yếu không phải vì chu hầu

Đòi cho rằng nhà Chu suy yếu là vì chu hầu, nhà Đường mất nước là do phiên trấn, mà không biết rằng nhà Chu được lâu dài chính là nhờ chu hầu giúp đỡ, nhà Đường trung hưng là có phiên trấn giữ gìn. Nếu như không có chu hầu thì cuộc biến ở ấp Trệ⁽¹⁾, núi Ly⁽²⁾ và họa loạn do Thúc Đái⁽³⁾, Từ Triều⁽⁴⁾ gây ra, nhà Chu đã không thể giữ được nước rồi. Nếu không có phiên trấn thì mối họa An Lộc Sơn⁽⁵⁾, Sử Tư Minh⁽⁶⁾, Chu Tỳ⁽⁷⁾, và giặc cướp

1. Cuộc biến ở Ấp Trệ (Trệ Ấp): Lệ Vương nhà Chu dùng bọn tiểu nhân và thi hành chính sách bạo ngược với dân, bị dân đánh đuổi ra ngoài ấp Trệ.

2. Cuộc biến ở núi Ly (Ly Sơn): U Vương nhà Chu say mê người thiếp là Bao Tự, phế bỏ Thân Hậu và Thái tử Nghi Cữu, lập Bao Tự làm Hoàng hậu, và Bá Phục (con Bao Tự) làm Thái tử, bị Thân Hậu và giặc Khuyển Nhung giết chết ở núi Ly.

3. Bề tôi nhà Chu, thấy U Vương tàn bạo đã bỏ sang nước Tề.

4. Từ Triều: ?

5. An Lộc Sơn: xem ct. 2, tr. 186.

6. Sử Tư Minh: người đồng hương với An Lộc Sơn, thuộc dòng giống Dột Quyết, tên cũ là Sử Tốt Can, sau Huyền Tông ban tên là Tư Minh, giữ chức Đại tướng quân. Khi Lộc Sơn làm phản, Tư Minh hòa theo. Lộc Sơn bị con là Khánh Tự giết, Tư Minh nhân đó giết Khánh Tự rồi tự lên làm vua, xưng là Yên Đế. Sau Tư Minh lại bị con giết chết.

7. Chu Tỳ: quan Thái úy thời Đức Tông. Bấy giờ kinh sư có nội loạn, vua chạy ra Phụng Thiên, Chu Tỳ nhân đó làm phản, tự xưng là Hoàng đế, lấy hiệu là Đại Tồn rồi đưa quân vây đánh Phụng Thiên. Sau Lý Thạc đánh bại, khôi phục lại kinh sư.

Thổ Phồn⁽¹⁾, Hoàng Sào⁽²⁾, nhà Đường đã không còn thiên hạ nữa. [Than ôi!] "Thái sư họ Doãn không công bằng"⁽³⁾ "hạ khanh sĩ tự cho mình là thánh, vợ đẹp lộng hành"⁽⁴⁾. Nên người hiền tài mất dần, giặc giã nổi lên khắp nơi, đồng ruộng bỏ hoang, mầm loạn trời dậy. Như thế thì dù có các nước lớn nước nhỏ tranh nhau đến triều hội cũng sao cứu nổi nguy vong? [Vua] ngày mỗi thêm xa xỉ quá đáng, việc binh đao xảy ra liên tiếp, bên Nam nha⁽⁵⁾ kết đảng, phía Bắc Ty⁽⁶⁾ chuyên quyền, trên dưới đều bị bùng bít, dân chúng chết đói khắp nơi, triệu chúng đổ nát rành rành như thế thì dù có các phiên trấn mạnh lớn, hết lòng phụng theo ước thúc [từ trước] cũng sao có thể cứu được nguy vong sụp đổ?

1. Thổ Phồn: xem ct. 3, tr. 311.

2. Hoàng Sào: người Tào Châu đời Đường thời Hy Tông, Vương Tiễn Chi nổi loạn, Hoàng Sào cũng khởi binh hưởng ứng. Khi Chi bại trận chết, Hoàng Sào mang quân đánh Hà Nam, Giang Tây, Phúc Kiến... rồi thừa thế lấy Lạc Dương, phá Đông Quan, vây hãm Trường An, vua phải chạy sang đất Thục. Hoàng Sào tự xưng là Tề Đế, sau bị Lý Khắc Dụng khởi binh đánh bại.

3. Lời thơ bài *Tiết Nam Sơn, Kinh Thi*, nói về việc U Vương dùng Thái sư họ Doãn nên đã gây ra mầm loạn trong nước.

4. Lời thơ bài *Thập nguyệt chi giao, Kinh Thi*, nói về U Vương dùng Hoàng Phủ và tin mê vợ đẹp là Bao Tự. Hai người này đã cậy thế lộng hành, làm nhiều điều ngang ngược trong cung và ngoài triều.

5. Nam nha: bên phủ Tế tướng, các văn thần.

6. Bắc ty: bên hoạn quan.

167. Dân là gốc của nước, là mệnh của vua

Gốc của nước là dân, mệnh của vua cũng là dân. Bọn cường thần gây loạn bên trong, nước thù địch quấy rối bên ngoài đều chưa đáng lo lắng. Chỉ khi lòng dân dao động mới là điều rất đáng sợ. Xích Mi⁽¹⁾ cuối thời Vương Mãng; Hoàng Cân⁽²⁾ cuối thời Đông Hán; nạn cướp thời Tây Tấn⁽³⁾; [loạn] sáu trấn⁽⁴⁾ thời Hậu Ngụy; Dịch Nhượng⁽⁵⁾ cuối thời Tùy; Hoàng Sào⁽⁶⁾ cuối thời Đường; Hồng Cân⁽⁷⁾ thời Thuận Đế nhà Nguyên; Sấm⁽⁸⁾, Hiến⁽⁹⁾ thời Sùng Trinh nhà Minh... [nếu cứ] dân lan rộng ra mãi, cuối cùng có thể làm người ta mất nước. [Xem ra] những biến loạn trên lúc đầu đều do chính sự hà khắc, thuế khóa nặng nề, dùng binh quá nhiều, hình phạt quá nặng, quan lại tham

1. Xích Mi: xem ct. 4, tr. 343, xem thêm Vương Mãng ct. 6, tr. 95.

2. Hoàng Cân: xem ct. 5, tr. 343.

3. Nạn cướp thời Tây Tấn?

4. Loạn sáu trấn thời Hậu Ngụy?

5. Dịch Nhượng:?

6. Hoàng Sào: xem ct. 2, tr. 345.

7. Hồng Cân: khởi nghĩa nông dân do Lưu Phúc Thông cầm đầu, dùng khăn đỏ làm hiệu.

8. Sấm cuối thời Minh, Lý Tự Thành tự xưng là Sấm Vương, chống lại triều đình.

9. Hiến?

tàn, trăm họ trôi dạt, lại thêm lụt lội, hạn hán, nhất là đói kém dân hết cách sinh sống phải nổi lên làm giặc. [Cho nên] một người vùng tay [nổi dậy] là trăm ngàn người hòa theo, làm rung động khắp nơi không gì ngăn cản nổi. Thế là "cái thế đất lở" đã dần hình thành, thế mà vua vẫn không hay. Một vài người có trí thức thời đó biết lo xa tính trước, thì lại bị mọi người cười chê, không thêm để ý đến. Khi cơ sự đã xảy ra, họa loạn đã ập đến thì dù có muốn cứu vãn cũng không sao kịp dùng kế sách gì nữa. Hay thay lời nói của Từ Lạc⁽¹⁾: "Thiên hạ quả thực đã rơi vào thế "đất lở" thì một kẻ sĩ áo vải cùng quần cũng có thể cầm đầu làm nguy cho nước như Trần Thiệp⁽²⁾. Huống chi vua ba nước Tấn (Hàn, Triệu, Ngụy thời Tam Quốc) đang còn. Còn nếu thiên hạ dù chưa thật thịnh trị nhưng chưa rơi vào thế "đất lở" thì có bị đội quân của một nước mạnh [đến xâm phạm] chúng cũng sẽ không kịp quay gót chạy, mà sẽ bị bắt cầm tù ngay như loạn bấy nước [thời Hán], huống hồ lũ bề tôi và trăm họ muốn nổi loạn [tránh sao khỏi bị diệt?] Hai điều ấy là then chốt sáng rõ của sự yên

1. Từ Lạc: người đất Vô Chung thời Hán. Ông cùng Chu Phụ Yến, Nghiêm An dâng thư lên Vũ Đế nói về thế đất lở trong thiên hạ, được phong chức Lang trung cấp sự tả hữu.

2. Trần Thiệp: tức Trần Thắng, xem ct. 6, tr. 162.

hay nguy. Nếu dân không được ở yên thì dễ sinh biến động, dân dễ sinh biến động chính là thế "đất lở". Cho nên vị vua hiền tài phải lo tu tỉnh ở nơi miếu đường, nghĩ cách làm tiêu tan mối lo từ lúc chưa thành hình. Đó là điều cốt yếu làm cho thiên hạ khỏi bị rơi vào thế "đất lở" mà thôi". Lời bàn trên chẳng phải là lời bàn thông hiểu của ngàn đời sao?

*

* *

168. Nhà Đường hội lớn vào tháng giêng

Theo chế độ nhà Đường, vào tháng giêng hàng năm, bộ Hộ tâu vua đại duyệt các phẩm vật do thiên hạ tiến cống đô đường. Những ngày ấy sau khi bãi triều, tể tướng và các quan đều đến dự hội yến ở bộ Hộ. [Thành ra đây] là ngày hội lớn thời bấy giờ. Người xưa coi cống phú là việc rất quan trọng, cho nên mọi người cùng xem xét trông nom cẩn thận như thế. [Trái lại] đời sau, khi các địa phương tiến cống, chỉ giao cho lại thuộc [kiểm nhận], còn đại thần và các quan chức khác đều không được biết. Sổ sách và các mục thu phát chỉ có hư văn để ứng phó [với trên. Do đó] nạn tham ô trộm cắp và hàng trăm tệ nạn xấu xa khác nảy sinh không thể nào kể xiết.

169. Họa loạn thường xảy ra lúc không lo trước

Ba trấn⁽¹⁾ không giữ đạo làm tôi; đất Hà⁽²⁾, đất Hoàng⁽³⁾ bị hãm. Đó là mối họa lâu ngày của thời trung Đường. Các đời Túc Tông, Đại Tông đến Văn Tông đều phải khuya sớm toan tính về mối họa ấy. Nhưng từ năm Đại Trung⁽⁴⁾, ba trấn lại thuận theo mệnh vua, đất Hà đất Hoàng lại được khôi phục, các nước Thổ Phồn⁽⁵⁾, Hồi Hột⁽⁶⁾ theo nhau yếu dần, thiên hạ hết biến cố, thì lại xuất hiện nước Nam Chiếu⁽⁷⁾ vào xâm phạm Tây Thục, cướp Nam Giao. Việc binh đao lại kéo dài hơn chục năm không dứt, Trung Quốc suy tàn, đời tệ. Tiếp đến là loạn Bàng Viên⁽⁸⁾, Hoàng Sào⁽⁹⁾. Đó chẳng phải họa loạn đã xảy ra lúc không lo trước, tai biến nảy sinh lúc không phòng bị sao? Nhà Đường thông hiếu với Nam Chiếu [vốn có ý] chế ngự Thổ Phồn [Ngò đầu] lại tự làm khốn đốn cho mình?

1. Ba trấn: gồm các trấn Lu Long, Thành Đức và Ngụy Bác ở ngoài biên.

2,3. Đất Hà, đất Hoàng: hai miền đất ở phía bắc sông Hoàng Hà.

4. Đại Trung: niên hiệu của Tuyên Tông nhà Đường.

5. Thổ Phồn: xem ct. 3, tr. 311.

6. Hồi Hột: xem ct. 4, tr. 311.

7. Nam Chiếu: một nước ở miền đất nay thuộc tỉnh Vân Nam Trung Quốc, Nam Chiếu xuất hiện và có quốc hiệu vào năm Trinh Nguyên thứ 10 nhà Đường.

8. Bàng Viên: nguyên là một lính thú ở châu Từ, khởi binh chống lại nhà Đường vào thời Ý Tông.

9. Hoàng Sào: xem ct. 2, tr. 345.

Tiên vương xưa không làm khó nhọc trong nước để chiêu theo ý di địch bên ngoài, chính là đã biết lo xa vậy.

Đông Giang xem những việc nói trên, mới biết Quang Vũ nhà Hán đóng cửa Ngọc Môn [không giao tiếp với Tây Vực]; Thái Tông nhà Đường khước từ nước Khang Du [ở phía Bắc Tân Cương] thực là họ đã biết lường trước sức mình.

*

* *

170. Họa loạn của nhà Đường nảy sinh từ An Nam

Sử chép: Họa loạn của nhà Đường mầm mống bắt đầu từ An Nam: Chu Toàn Trung⁽¹⁾ cướp ngôi nhà Đường vì y vốn là viên tướng đầu hàng Hoàng Sào⁽²⁾. Hoàng Sào làm giặc vì sau vụ loạn đất Từ, dân Quan Đông bị đói kém; binh lính đất Từ làm loạn vì phải đi thú lâu ngày ở Quế Lâm, quá hạn mà không được thay; lính thú phải đi lâu ngày là vì quân Nam Chiếu xâm phạm Giao Châu, [nhà Đường] phải mộ lính đến tiếp viện. Nam Chiếu trở thành mối lo gần mười năm, [nhà Đường] phải mộ quân đánh dẹp nên bốn bề xáo động, quân giặc nhân đấy nổi lên, gây ra thế "đất lở". Nếu không, cơ nghiệp ba trăm năm [của nhà Đường] để gì đã nghiêng đổ được.

1. Chu Toàn Trung: tức Chu Ôn, xem ct. 2, tr. 338.

2. Hoàng Sào: xem ct. 2, tr. 345.

Nghe Tổ⁽¹⁾ nhà Tống đóng của đường Tây Xuyên, không giao tiếp với Nam Chiếu, còn lấy búa ngọc vạch xuống sông Đại Độ mà nói rằng: "Ngoài địa phận con sông này, không thuộc sở hữu của ta.". Lại lấy cờ tiết và phủ việt trao cho Đinh bộ Lĩnh⁽²⁾, cho Giao Châu tự thành một nước riêng. Có lẽ [Nghe Tổ] đã soi tấm gương những việc kể trên.

Đông Giang thấy Đỗ Thiếu Lăng⁽³⁾ có câu thơ rằng:

Viêm phong sức tuyết thiên vương địa.

Chỉ tại trung lương đức thánh triều.

(Nơi gió nóng, tuyết lạnh đều là đất vua, vì có bậc trung lương giúp đỡ thánh triều).

Nếu bấy giờ không có Trương Kiều⁽⁴⁾, Chúc Lương⁽⁵⁾

1. Nghe Tổ: tức Triệu Khuông Dận, Thái Tổ nhà Tống.

2. Đinh Bộ Lĩnh: tức Đinh Tiên Hoàng, người sáng lập ra nhà Đinh (968 -980), đóng đô ở Hoa Lư (nay là Gia Viễn, Ninh Bình Việt Nam), quốc hiệu Đại Cồ Việt.

3. Đỗ Thiếu Lăng: tức Đỗ Phủ, nhà thơ lớn thời Đường Huyền Tông.

4. Trương Kiều: thời Thuận Đế nhà Hán, các quan được cử đến làm Thứ sử Giao Châu phần lớn đều tham tàn, dân chúng không sao chịu nổi, đã nổi dậy chống lại và giết bọn tham quan. Nghe lời Lý Cốc, Thuận Đế cử Trương Kiều đến Giao Châu. Một mình một xe đến Giao Châu, Trương Kiều đã dùng lòng từ huệ và đức độ hiền dụ và vỗ yên được dân chúng.

5. Chúc Lương: Một tướng tài có lòng nhân từ. Thời Thuận Đế nhà Hán, ở đất Cửu Chân có giặc làm phản. Do Lý Cốc tiến cử, Chúc Lương được phong là Cửu Chân Thái thú. Ông đến Cửu Chân dùng uy tín và lòng nhân từ hiền dụ bọn giặc. Bọn này liền kéo theo ông đến mấy vạn người. Cửu Chân lại được yên ổn.

mà chính sự thì độc ác hơn cả hùm beo, quan lại tham tàn mặc sức vơ vét như thế, thì ngay trong nội địa cũng còn không yên được, nói chi đến đất mãi ngoài phương nam hẻo lánh. Xem lời tâu của Lý Cốc⁽¹⁾ thấy từ xưa đến nay vẫn cùng một vết xe: Tai họa đời Tần nảy sinh từ Hung Nô, tai họa triều Ngụy nảy sinh từ Cao Li; tai họa nhà Đường nảy sinh từ Nam Chiếu; tai họa nhà Tống nảy sinh từ Yên, Vân⁽²⁾. Từ xưa [kẻ hiếu chiến] dùng binh đi đánh nước xa, bỏ trống trong nước sinh sự với nước ngoài không khỏi bị mất nước bao giờ. Nếu như mấy ông vua kia không gây ra hấn khích ngoài biên, không làm kiệt quệ sức dân mà cứ đóng chặt cửa quan, giữ yên bờ cõi, một lòng gìn giữ sự yên tĩnh thì loạn sinh ra từ đâu được?

*

* * *

1. Lý Cốc: xem ct. 3, tr. 342.

2. Tần Thủy Hoàng đánh Hung Nô nhiều năm, làm cho nước Tần nghèo, dân chúng oán giận nên nhà Tần mất ngôi; nhà Tùy đánh nhau với Cao Li cũng bị dân oán nên nhà Đường có cơ hội nổi lên diệt nhà Tùy; sau nhà Đường cũng đánh Nam Chiếu mãi mà suy yếu, bị nhà Hậu Lương cướp ngôi. Nhà Tống, từ thời Thái Tông và Thần Tông đã đem quân đánh Khiết Đan để lấy lại đất Yên, Vân không được, đến thời Huy Tông và Khâm Tông lại tiếp tục đánh nhưng cả hai vua đều bị Khiết Đan bắt. Nhà Tống phải rút xuống phía nam, từ đó bị suy yếu dần.

171. Nhà Đường trong gần ba trăm năm, hai lần thay đổi thể chế

Nhà Đường cai trị thiên hạ gần ba trăm năm, thay đổi thể chế hai lần. Một là, từ thời mới mở nước, đến thời Khai Nguyên, việc tuyển người đều qua các khoa thi tú tài, minh kinh, chế cử (Ngô Dương Đình cho đó tức khoa tiến sĩ). Từ năm Thiên Bảo (niên hiệu Huyền Tông) về sau chỉ chú trọng khoa thi tiến sĩ. Hai là, thời mở nước người được chọn làm Tể tướng, không câu nệ là quan văn, quan võ hay nha lại, ẩm tử. Từ năm Thiên Bảo về sau chỉ lấy quan văn làm chức này, còn các ngạch khác đều trao trả hàm cũ. Ba là, hồi mới mở nước, năm họ quý tộc ở Sơn Đông, đời đời lấy danh vọng của dòng họ để làm chức cao. Từ năm Thiên Bảo về sau không thấy nhắc đến [năm họ này] nữa. Bốn là, thời mới mở nước, lấy quan Trung thư lo việc chiếu sắc. Từ năm Thiên Bảo về sau lại coi trọng sự chọn lựa của viện Hàn lâm, tất cả các mệnh lệnh trước hết giao cho Viện học sĩ soạn lời, sau giao cho quan Trung thư thi hành. Năm là, thời mới mở nước, có phủ binh, vệ binh gửi ở đồng ruộng. Từ năm Thiên Bảo về sau đặt ra phương trấn, chuyên dùng lính mộ làm lính đánh xa. Sáu là, thời mới mở nước có hơn ba trăm châu và đều đặt Đô đốc, Thú sử giữ trách nhiệm trông coi một vùng. Từ năm Thiên Bảo về sau, các trấn đều đặt chức Tiết độ, quản sát và mang hàm phong hiến⁽¹⁾, kiêm trông coi cả việc văn

1. Phong hiến: phong hóa và pháp độ.

việc võ, quan Thú sử ngược lại bị phụ thuộc vào đó, còn chức Đô đốc không được đặt ra nữa. Bảy là, thời mới mở nước, các tước vương còn được bố ra ngoài làm Thú sử, trông coi cả việc quân lẫn việc dân. Từ năm Thiên Bảo về sau không điều họ ra khỏi điện các. Tám là, thời mới mở nước, cấm binh có 16 vệ, đi vòng quanh [cung điện] túc trực canh giữ. Từ năm Thiên Bảo chỉ còn hu danh, và đặt riêng đội quân Tả hữu thần sách, do chức Trung úy cai quản. Chín là, thời mới mở nước, Hoàng hậu chính ngôi ở cung Trường thu⁽¹⁾. Từ thời Túc Tông, Đại Tông về sau không còn lễ sách phong Hoàng hậu, đến thời Chiêu Tông mới có lại lễ này. Mười là, thời mới mở nước, các người được phong không có quốc ấp, phần nhiều chỉ mang hu danh nhưng vẫn được hưởng tô thuế, con cháu đời sau cũng vẫn được nối dõi [hưởng lộc]. Từ năm Thiên Bảo về sau, tước ấp chỉ còn hu danh, và con cháu cũng không được nối dõi [hưởng lộc] nữa. Mười một là, thời mới mở nước, chỉ [người trong] tôn thất mới được phong Quận vương, còn tướng văn tướng võ và các công thần chỉ được phong Quốc công. Từ năm Thiên Bảo về sau, các hạng tiểu tướng, hiệu úy đều được phong vương. Mười hai là, thời mở nước, các chức Thượng tá, Trường sử, Tư mã ở châu, quận đều có công việc chuyên trách. Từ năm Thiên Bảo về sau, các chức ấy chỉ là chức thừa. Mười ba là, thời mới mở nước, thu thuế của dân chỉ có ba thứ: tô, dung,

1. Trường thu: cung Hoàng hậu, đặt ra từ đầu thời Hán.

diệu⁽¹⁾, ngoài ra không còn thú thuế nào khác. Từ năm Thiên Bảo về sau, thu cả thuế chè, thuế muối và nhiều nguồn lợi khác. Mười bốn là, thời mới mở nước, các sĩ đại phu xem thường sự bổ dụng ra ngoài, coi được chuyển vào triều như được lên tiên. Từ năm Thiên Bảo về sau lại có nhiều người muốn được bổ ra làm quan ở ngoài. [Nói tóm lại] quy mô, thể thống, kỷ cương, văn chương, nhân tài, phong tục, tất cả đều được đổi mới hoàn toàn. Có lẽ từ nửa đời Huyền Tông trở về trước vẫn theo phong thái thời Lục triều⁽²⁾, nhưng từ nửa đời Huyền Tông trở về sau đã bắt đầu mở ra quang cảnh thời Ngũ đại⁽³⁾. Phải chăng đây là lúc đổi thay của thời vận?

Đông Giang thấy bản thân Huyền Tông nhà Đường là nguồn gốc của việc trị và loạn [của một đời vua] mà cũng là nguồn gốc của việc trị và loạn của cả một triều đại.

*

* *

1. Tô, dung, diệu: thuế ruộng đất, thuế thân, thuế nhà.

2. Lục triều: Sáu vương triều: Ngô, Đông Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần đều đóng đô ở Kiến Khang (Nam Kinh).

3. Ngũ đại: Năm triều đại: Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu.

**172. Tình thế chưa cho chép mà làm việc to lớn quá
thì dù chính nghĩa cũng chẳng lành**

Kinh Dịch nói: "Cát", "hung", "hối", "lận"⁽¹⁾ sinh ra từ biến hóa [của quẻ Hào]. Mỗi lần biến hóa, "cát" chỉ một phần còn "hung", "hối", "lận" chiếm ba phần. Khí vận nước đang thịnh [là lúc] sức lực dồi dào, khí thế bốc cao, mọi người một lòng, kẻ gian lẩn tránh, bên trong kỉ cương chỉnh đốn, bên ngoài uy vũ lấy lòng. [Nếu muốn] tính kế lâu dài thì đó chính là lúc nên kịp thời biến hóa sẽ không hại gì. Còn như sẵn nổi nghiệp cũ, làm theo nếp xưa, hoặc nước đang cơn suy yếu đổ nát thì điều cần nhất, không gì bằng bình tĩnh mà lo liệu, ung dung mà vỗ yên và điều đình cho ổn thỏa thì tự nhiên sẽ vô sự. Làm một ngày tính ra chưa đủ, nhưng cả tháng lại có dư. Còn nếu bảo rằng tệ hại tích chứa đã lâu không thể ngồi nhìn; điều trái ngược không thể dung thứ; cơ hội không thể bỏ qua; mầm loạn không thể nuôi lớn rồi cứ làm bừa thì sai lầm to. Xem ra nói lời không khó, làm nên việc mới khó; làm một mình không khó, tập hợp mọi người cùng làm mới khó. Thiên hạ biến đổi bất thường, ý hướng mỗi người mỗi khác, rớt bên đông tràn sang bên tây, lấp chỗ này vọt ra chỗ khác, làm thế nào bắt mọi việc đều theo ý mình được! Đối một pháp lệnh, thay một tướng văn tướng võ, chấn chỉnh lại

1. Cát, hung, hối, lận: cát: lành, hung: dữ, hối: hối lỗi, lận: phần nan, luyến tiếc.

một chức trọng yếu tưởng như không có chuyện gì, thế mà lại rất hệ trọng. Nếu làm một cách thiếu thận trọng để có thể hỏng việc, chẳng bằng cứ bình tĩnh còn hơn. Nay thử đem việc đời trước ra bàn: Vua nước Ngô tên là Ti, không vào châu vì tuổi đã cao, nếu hoán cho vài năm thì cũng chưa chắc đã xảy ra biến loạn. Nhưng Triều Thố⁽¹⁾ đã vội kể tội của Ti ở nước Ngô rồi kiến nghị cắt đất của Ti, nước Ngô liền cầu kết với bảy nước, cùng nhau làm phản, [làm cho] nhà Hán suýt nguy. Tô Tuấn⁽²⁾ chuyên quyền, nắm giữ việc quân, song chưa thấy lộ vẻ làm phản, nhưng Dữu Lượng⁽³⁾ đã làm trái lời bàn của mọi người, ra tò

1. Triều Thố: người Đình Xuyên thời Hán, từng giữ các chức Thái tử gia lệnh, Trung đại phu. Thời Cảnh Đế làm Ngự sử đại phu. Có lần Triều Thố dâng thư lên triều đình bàn việc ngoài biên, lại xin cắt bỏ các quận nhánh của chư hầu. Nên khi nước Ngô nước Sở làm phản đều mượn tiếng giết Triều Thố. Vì vậy Triều Thố bị tội chém đầu.

2. Tô Tuấn: tự Tử Cao, người đất Dịch, thời Tấn Nguyên Đế làm Lâm hoài nội sử, sau có công phá quân phản nghịch Vương Đôn ở kinh sư, được thăng chức Sử trị tiết quán quân tướng quân. Đến thời Thành Đế uy danh Tô Tuấn càng nổi bật, có hàng vạn lính tinh nhuệ và khí giới tinh xảo trong tay. Khi Dữu Lượng trung tập Tô Tuấn làm Đại tư nông, Tuấn nghi Lượng có ý hại liền cắt quân làm phản, mượn tiếng đánh Dữu Lượng, đã thắng quân nhà vua nhiều lần rồi vây hãm cung thành, tự phong là Phiêu kỵ tướng quân. Đất Giang Tả từ đấy loạn lớn.

3. Dữu Lượng: tự Nguyên Quy, người đời Tấn, là anh trai Hoàng hậu Minh Mục. Đầu thời trung hưng Lượng làm Trung thư thị lang, Thị giảng đồng cung. Thời Minh Đế đổi làm Trung thư giám, thăng Tả vệ tướng quân, tước Vinh Xuyên huyện công. Đầu thời Thành Đế đổi làm Trung thư lệnh. Khi Tô Tuấn làm phản, Lượng đem quân đánh bại Tô Tuấn.

chiếu gọi Tuấn vào triều, Tuấn liền đem quân xâm phạm của Khuyết, đất Giang Tả liền bị loạn lớn. Hoàn Huyền chiếm được châu Kinh, châu Giang đang muốn nghỉ ngơi để chờ thời cơ. Nguyên Hiễn⁽¹⁾ đã phụng chiếu đem quân đi đánh, Huyền liền nhân đó đưa quân chống lại, vì vậy mà có chuyện cướp ngôi. Cao Hoan⁽²⁾ có công dẹp giặc Nhĩ Chu⁽³⁾, chưa hề có ý hai lòng, thế mà Hiếu Vũ Đế nước Ngụy gọi quân các nơi đánh Hoan, Hoan liền cất quân làm phản, cuối cùng chia nước Ngụy làm hai (Đông Ngụy, Tây Ngụy). Thời Bắc Tề, vua Tế Nam mới lên ngôi, hai vương là Thường Sơn⁽⁴⁾ và Trường Quảng⁽⁵⁾, với danh

1. Hoàn Huyền tự Kinh Đạo, người nước Tấn, làm Thái thú ở Nghĩa Hưng. Năm Long An có công binh định các châu Kinh, Ung ở phía tây, được nắm giữ việc quân ở 8 châu Kinh, Giang... lại làm Thứ sử hai châu Kinh, Giang, binh mã ngày một lớn mạnh. Khi Nguyên Hiễn phụng chiếu đi đánh Hoàn Huyền, Huyền liền làm phản, đánh vào Kiến Khang, tiêu diệt công việc các quan trong tay, giết chết Nguyên Hiễn, cướp ngôi vua, xưng Đế, đổi niên hiệu. Sau Hoàn Huyền lại bị Lưu Dự, Lưu Nghi đánh bại.

2. Cao Hoan: tự Hạ Lục Hồn, người Bắc Tề, theo Cát Vinh làm Thân tín đồ đốc. Khi Nhĩ Chu Triệu giết Hiếu Trang Đế nước Ngụy, Cao Hoan liền khởi binh diệt Nhĩ Chu Triệu, được phong làm Bột Hải Vương. Khi Hiếu Vũ Đế lên ngôi, Cao Hoan được làm Tể tướng, có ý chuyên quyền, vua bèn chạy sang phía tây dựa vào Vũ Văn Thái. Cao Hoan liền lập Hiếu Tĩnh Đế làm vua. Nước Ngụy chia làm Đông Ngụy và Tây Ngụy.

3. Nhĩ Chu: tức Nhĩ Chu Triệu, tự Vạn Nhân, người thời Hậu Ngụy, có công trong hàng quân, được phong là Bình viễn tướng quân. Sau lại được Nguyên Việp (sau khi lên làm vua) phong cho tước vương. Nhĩ Chu đã cùng Thế Long mưu đánh đất Lạc và giết Hiếu Trang ở Tấn Dương.

4. Thường Sơn Vương?

5. Trường Quảng Vương?

nghĩa là chú ruột giúp việc quyền chính, đã dần thu được lòng người thế mà Dương Am⁽¹⁾ cho hai người ở địa vị thân cận, để bức bách vua, đã bàn cách cho hai người ra làm Thứ sử. [Do đó] nội loạn theo sau. Phế Đế nhà Trần còn nhỏ, An Thành Vương tên là Húc là chỗ chí thân nhận ủy thác [dạy dỗ] vốn không có ý gì khác, Nhưng Lưu Sư Trí⁽²⁾ lo quyền hành to khó trị, định bỏ Húc ra làm quan ở ngoài, do đó sinh biến loạn nhanh. Nhà Đường từ niên hiệu Đại Trung [Tuyên Tông] trở về trước không có gì đáng bàn. Nhưng từ khi Hy Tông khôi phục lại kinh thành, Vương Trọng Vinh⁽³⁾ tự tiện thu nguồn lợi muối ở bãi muối, Điền Lệnh Tư⁽⁴⁾ liền sai

1. Dương Am: tự Tuấn Nhan, người Bắc Tề. Thời Thần Vũ làm Hữu thừa sau đổi làm Thượng thư lệnh, Phiêu kỵ tướng quân, tước Khai Phong Vương.

2. Lưu Sư Trí: người nước Trần. Đầu năm Thiệu Thái, Vũ Đế lấy Sư Trí làm Trung thư xá nhân. Sau khi lên ngôi Vũ Đế vẫn để Sư Trí làm chức cũ nhưng ủy nhiệm những việc rất nặng nề.

3. Vương Trọng Vinh: người đất Kỳ thời Đường, làm Hà Trung Tiết độ sứ, cùng Dương Phục Quang, Lý Khắc Dụng có công dẹp yên loạn Hoàng Sào, được phong Kiểm hiệu Thái úy, đồng Trung thư môn hạ bình chương sự, tước Lang Da Vương.

4. Điền Lệnh Tư: tự Trọng Tác, người đất Thục thời Đường. Năm Hy Tông lên ngôi làm Thần sách quân Trung úy, được giao mọi việc chính sự. Khi Hoàng Sào vây hãm kinh đô, Lệnh Tư đưa vua chạy đến Thành Đô. Giặc yên Lệnh Tư bị Vương Trọng Vinh dâng biểu kể 10 tội, Lý Khắc Dụng cũng dâng thư xin giết Điền Lệnh Tư. Sau quân nhà vua lại bị bại trận ở Sa Uyển, cùng kể Lệnh Tư ép vua chạy đến Hưng Nguyên. Lần này Chu Mai và Trọng Vinh đều dâng biểu xin giết, Lệnh Tư phải ra làm Giám quân ở Kiến Nam.

Chu Mai⁽¹⁾ [đem quân] đánh, Trọng Vinh chống lại, Chu Mai cũng quay giáo làm phản [thành ra Hy Tông] lại phải chạy lần nữa. Chiêu Tông vừa lên ngôi, Lý Khắc Dụng⁽²⁾ có công, không có tội, thế mà Trương Tuấn⁽³⁾ đã vội cố xin đem quân đi đánh. [Đường đường] là một Tể tướng ra quân mà bị thua to, do đây uy lệnh ngày càng giảm sút. Cuộc biến loạn Dương Phục Cung⁽⁴⁾ vừa dẹp yên. Nhưng vì lời lẽ tỏ biểu của Lý Mậu Trinh⁽⁵⁾ có vẻ ngạo mạn, vua thiếu nhẫn nại, quyết đem quân đi đánh [Trịnh], Đỗ Nhuận Năng⁽⁶⁾ can chưa nên gây hiềm khích, vua không

1. Chu Mai: người châu Bân thời Đường có công đánh Hoàng Sào, được làm Thứ sử châu Tấn, sau thăng Tiết độ sứ Bân Ninh, tước Ngõ Hưng hầu.

2. Lý Khắc Dụng: người Hậu Đường, thuộc dòng giống Đột Quyết ở Tây Vực, sống ở đất Sa Đà nên lấy Sa Đà làm tên nước. Năm Trinh Nguyên cha Lý Khắc Dụng về theo nhà Đường, được ban họ Lý. Năm Hoàng Sào vây hãm kinh sư, Dụng mang quân Sa Đà phá tan quân Hoàng Sào, được xếp hạng nhất, tước Tấn Vương.

3. Trương Tuấn: xem ct. 9, tr. 337.

4. Dương Phục Cung: tự Tử Khác, người thời Đường Hy Tông, làm Tả Thần sách Trung úy, do chuyên quyền bị bãi chức, làm Phương Tường tướng quân, nhân đó xin hưu trí. Sau mưu phản bị giết chết.

5. Lý Mậu Trinh: người Bắc Dã thời Hậu Đường, vốn họ Tống được ban họ Lý. Thời Chiêu Tông làm Lũng Tây quận vương, sau có ý kiêu căng, lộng hành.

6. Đỗ Nhuận Năng: đỗ tiến sĩ, thời Hy Tông nhà Đường làm binh bộ Thị lang, đồng Bình chương sự. Khi Chiêu Tông lên ngôi phong tước là Tấn quốc công, thăng làm Thái úy. Đầu năm Cảnh Đức, Năng can vua đánh Lý Mậu Trinh, vua không nghe lại giao cho Năng việc ấy, Năng xin chết để cứu nạn cho nước, được truy tặng là Thái sư.

nghe, liền bị thua, Lý Mậu Trinh được thể càng hoành hành ngang ngược. Lưu Quý Thuật⁽¹⁾ mới bị giết, Hàn Toàn Hối⁽²⁾ chuyên quyền tự ý làm bừa, Thôi Dận⁽³⁾ bàn với vua trừ bỏ Hàn Toàn Hối, Hàn Ê⁽⁴⁾ can vua hãy tạm bình tĩnh, vua không nghe. Vì sợ hãi, Hàn Toàn Hối đã ép xa giá chạy ra đất Kỳ, Thôi Dận lại với Chu Ôn⁽⁵⁾ về, do đó nhà Đường mất nước. [Tóm lại], tất cả các việc kể trên đều là những việc không nên làm mà cứ gương làm. Nếu biết nấn ná nhần nại lo liệu dần dần, không gây ra mầm loạn, không mở đường binh đao thì nếu chưa được yên hẳn nhưng cũng không đến nỗi xảy ra biến loạn nhanh đến như thế. Song vì nóng nảy; xem thường, chỉ biết cứng, không biết mềm; chỉ biết bung ra không biết thu lại, nên

1. Lưu Quý Thuật: hoạn quan. Bấy giờ Chiêu Tông nhà Đường say rượu trách mắng các quan, Thuật thấy nguy đến mình, cùng Trọng Tiên giả mệnh Hoàng hậu, lập Hoàng Thái tử, cầm tù vua ở viện Thiếu Dương, định giết hết các quan sau giết vua. Cuối cùng bị Đô tướng Tôn Đức Chiêu bắt đánh đòn chết. Vua lại trở về cung.

2. Hàn Toàn Hối: Hoạn quan, thời Chiêu Tông nhà Đường làm Nội khu mật sứ, khi Chiêu Tông nhờ Tôn Đức Chiêu giết xong Lưu Quý Thuật, lấy Hối làm Tả Thần sách Trung úy, chức Đại Tướng quân. Hối ý thế làm bừa. Bấy giờ Thôi Dận có ý giết hoạn quan, đã triệu quân của Chu Ôn về đánh Hối. Hối sợ, ép vua chạy sang phía tây, đến Phượng Tường. Chu Ôn đánh Phượng Tường giết Hối, ép vua về đông. Sau Chu Ôn giết Chiêu Tông, Ai Đế, Cướp ngôi nhà Đường, lập ra nhà Lương.

3. Thôi Dận: xem ct. 1, tr. 338.

4. Hàn Ê:?

5. Chu Ôn: xem ct. 2, tr. 338.

hối không sao kịp nữa. Than ôi! Quản Tử nói: "Phải nắm cho được cơ trời lúc mất lúc còn, lúc đầy lúc vơi rồi cùng dân trăm họ bung ra hay thu lại thì nước mới yên". Cho nên Thúc Nha⁽¹⁾, Tân Vô Tu⁽²⁾ không biết thu lại; Ninh Thích⁽³⁾ không biết bung ra; Tôn Tại⁽⁴⁾ không biết im lặng, [họ tuy đều là người hiền tài cả mà Quản Trọng⁽⁵⁾] đều chưa vừa ý về họ. Tề là một nước cường thịnh mà Quản Trọng còn luôn than thở là không có nhân tài [để lo việc nước] hướng hồ các bề tôi đời sau, tài năng, kiến thức đâu sánh kịp người xưa, thế mà gặp lúc tệ hại chất chứa đã nhiều, suy vi đã đến tột độ vẫn cứ cố chinh đồn, chấn hung lại thì sao nổi? Thời Ngũ Đại, họa loạn xảy ra rất nhanh cũng vì lẽ coi thường làm bữa mà không bình tĩnh nên nhin được thôi. Như nhà Đường vờ Tòng Kha⁽⁶⁾ về, đòi Kính Đường⁽⁷⁾ đi; nhà Tấn đã tuyệt giao lại còn đem quân đánh Khiết Đan; nhà Hán giết Dương Mân⁽⁸⁾, bức bách

1, 2, 3, 4: Thúc Nha tức Bao Thúc Nha; Tân Tư Vô; Ninh Thích; Tôn Tại: các quan đại thần nước Tề, đời Hoàn Công, thời Xuân Thu Chiến Quốc.

5. Quản Trọng: Tể tướng thời Hoàn Công nước Tề, giúp Hoàn Công xây dựng thành công nghiệp bá chủ thiên hạ.

6. Tòng Kha:?

7. Kính Đường:?

8. Dương Mân: người đời Hán thời Ngũ đại, làm Trung thư Thị lang, kiêm Lại bộ Thượng thư đồng Bình chương sự.

Quách Uy⁽¹⁾ đều vì lẽ ấy cả. [Ồ vào tình thế chưa cho phép, nhưng nếu] làm việc nhỏ mà chính nghĩa thì lành, còn làm việc to lớn quá thì dù chính nghĩa cũng chẳng lành. [Có lẽ người thời] bấy giờ chưa xét đến ý nghĩa câu đó chăng?

Ngô Dương Đình thấy: Quê Thái có nêu chữ "bằng hà"⁽²⁾, quê Tồn có nêu chữ "cán cốn"⁽³⁾. Sự bình tĩnh trong mọi việc làm cốt theo đúng đạo.

*

* *

173. Lấy được thiên hạ khó, để mất thì dễ

Trang Tông⁽⁴⁾ nhà Đường vất vả xông pha chiến trận hai chục năm ròng mới lấy được thiên hạ. Sau chỉ hơi có ý kiêu căng trở biếng trong vòng có ba năm mà nước bị mất. Lấy được thiên hạ rất khó mà để mất đi thì thật dễ. Thế mới biết người xưa đêm ngày nơm nớp sợ hãi không lúc nào nguôi không phải là quá lo vậy.

*

* *

1. Quách Uy: tức Thái Tổ nhà Hậu Chu sau này, người Nghiêu Sơn, họ Thường sau đổi lấy họ mẹ là Quách, làm quan nhà Hán tới chức Lưu thủ ở quận Nghiệp sau cướp ngôi nhà Hán, lập ra nhà Hậu Chu.

2. Bằng hà: vượt sông không có thuyền. Ý nói mạo hiểm.

3. Cán cốn: đập đập sự ác độc, sai lầm của cha. Ý nói tài năng của bề dưới.

4. Trang Tông: vua Hậu Đường, con Lý Khắc Dụng, đã diệt nước Lương rồi tự xưng Đế.

174. Thiên hạ thịnh trị hay loạn lạc có liên quan đến tài đức của người nối nghiệp

Ngôi Thái tử là gốc của thiên hạ. [Đất nước] bình yên hay nguy nan, thịnh trị hay loạn lạc, có liên quan đến tài đức của người nối nghiệp. Nhà Hán không lập Thanh Hà Vương mà lập Hy Tông để cuối cùng đắm chìm vận nước. Người bàn sử đến nay còn lấy làm tiếc mãi. Lại ví dụ khác như Hồ Hợi nhà Tần, Huệ Đế nhà Tấn, Dương Quảng nhà Tùy càng là tấm gương sáng cho xưa và nay. Họa loạn thời Ngũ đại còn trầm trọng hơn. Vua mở nghiệp các triều Đường, Tấn, Hán, Chu đâu phải không anh hùng, song vì thời gian hưởng lộc nước của họ ngắn ngủi, còn các vua nối nghiệp thì trẻ thơ ngu dại không chế phục nổi bốn bề, cho nên đều mất hết. Thời nhà Triệu Tống [mở nước] vua Thái Tổ toan tính mở mang trong 17 năm ròng, bề tôi và dân chúng đều đã định yên chí hướng. Đến khi Thái Tông lên ngôi cách duy trì và chuyển vận có quy mô, cách giữ nước trị dân có sức mạnh lại mở mang rộng lớn thêm trong gần ba chục năm nữa nên có nền trị bình lâu dài là phải. Nếu cho Đức Chiêu⁽¹⁾ đảm đương công việc ấy thì không biết sẽ ra sao. Đỗ Thái hậu⁽²⁾ nói: "Nước có vị vua trưởng thành là phúc cho xã tắc". Câu nói thật sáng suốt hơn đời.

1. Đức Chiêu: con Thái Tông nhà Tống, nhưng vì còn nhỏ chưa từng trải và không có tài, nên Thái Tông (em Thái Tổ) được nối ngôi trị vì thiên hạ.

2. Đỗ Thái hậu: mẹ đẻ của Thái Tổ nhà Tống.

Đỗ Thái hậu muốn Thái Tổ nhà Tống truyền ngôi cho Thái Tông, được Triệu Phổ⁽¹⁾ tán đồng, 'thế là "một lời nói làm cho nước hưng thịnh"⁽²⁾. Bà Hướng Hậu⁽³⁾ muốn lập Huy Tông⁽⁴⁾, [cũng được] Tăng Bốc⁽⁵⁾ tán thành. Nhưng là "một lời nói làm cho mất nước".

*

* *

175. Sử truyện khen Tào Bân lấy Giang Nam

Sử truyện đều khen "Tào Bân⁽⁶⁾ khéo lấy Giang Nam, ngày đánh thành không giết một người nào". Nhưng xem

1. Triệu Phổ: tự Tắc Bình, lúc đầu theo Thái Tổ nhà Tống, giữ chức Thư ký. Thời Thái Tông làm Thái sư, tước Ngụy Quốc công.

2. Hai câu trong bài, trích lời Định Công hỏi Khổng Tử, thiên *Tử Lộ*, *Luận Ngữ*: "Nhất ngôn hưng bang, nhất ngôn táng bang". Ý nói nhờ lời nói của Triệu Phổ, Thái Tông được lên ngôi, làm cho nước hưng thịnh, do lời nói của Tăng Bốc, lập Huy Tông đã làm cho nước suy vi.

3. Hướng Hậu: mẹ đẻ của Huy Tông.

4. Huy Tông: em Triết Tông, không chăm lo việc nước chỉ tin sùng đạo giáo, sau bị nhà Kim bắt mang về nước.

5. Tăng Bốc: tự Tử Tuyên, người Tống, đầu năm Hy Ninh làm Tập hiền hiệu lý, sau thăng Hàn lâm học sĩ, kiêm Tam ty sứ. Thời Triết Tông, làm Khu mật viện, thời Huy Tông làm Hữu bộc xạ.

6. Tào Bân: tự Quốc Hoa, người Linh Thọ, danh tướng thời Thái Tổ nhà Tống, tính khiêm tốn, kính cẩn. Khi đánh Giang Nam không giết bừa bãi, quân tướng ai cũng kính nể. Sau thăng chức Kiểm hiệu Thái sư, kiêm Thị trung, tước Lỗ Quốc công.

sách *Thuyết phuc*⁽¹⁾, thấy Thiệu Tư trong Nhận môn đã thuyết nói là: "xưa, lúc còn nhỏ, bản thân ở trong vòng vây, phải trốn tránh mãi trong các kho chứa mới thoát nạn, còn người trong thành bị chết và bị thương nhiều, lửa sáng rực trời". Ông lại nói: "quán ngôi, gác chùa dựng từ thời Tần (1) trên năm trăm tám mươi năm, đến bây giờ cũng bị binh lửa đốt trụi". [Như vậy] thì khi quân Tống kéo vào thành [Giang Nam] chẳng phải là không quấy rối giết chóc. Song nhờ tướng quân họ Tào ngăn cấm ít nhiều từ trước nên không đến nỗi thảm hại như khi đánh nước Thục thời. Lời chép trong chính sử có phần quá khen, không thể tin cả được.

*

* *

176. Thái Tông nhà Tống khen Lã Đoan

Thái Tông nhà Tống khen Lã Đoan⁽²⁾ là: "Hồ đồ việc nhỏ, không hồ đồ việc lớn" rồi quyết định dùng [Lã Đoan làm tướng]. Tôi cho rằng: "Chỉ hồ đồ việc nhỏ, nên mới không hồ đồ việc lớn". Có lẽ người nào nhẫn nại được với việc nhỏ thì sẽ làm nổi việc lớn. [Còn như] việc gì cũng cứ cứng nhắc, cố chấp thì không bao giờ ra đời mà không vấp vấp với đời, vì đã tự làm rối loạn mình trước rồi, làm

1. *Thuyết phuc*: Bộ sách gồm 100 quyển, do Đào Tông Nghi thời Minh biên soạn.

2. Lã Đoan: Tể tướng thời Thái Tông nhà Tống.

sao thực hiện được ý hướng của mình nữa?

*

* *

177. Tập *Bút lục* của Vương Tăng chép về việc Tế tướng vào châu buổi sớm mai

Tập *Bút lục* của Vương Tăng⁽¹⁾ chép: "Theo chế độ cũ, buổi sớm khi Tế tướng vào châu thì [trước hết] lên điện, rồi vua ban lệnh ngồi. [Sau đó] có việc quân việc nước hệ trọng sẽ đưa ra bàn. Cuối cùng thung dung trả nước rồi ra về. Còn các việc khác như hiệu lệnh, thăng quan, hình phạt, khen thưởng, phế bỏ, cất đặt, bất kể lớn hay nhỏ đều phải làm tờ tâu nói rõ ý định rồi dâng lên vua. Vua đích thân xét duyệt trong cung cấm và phê chuẩn vào cuối tờ tâu ấy bằng ấn Ngự bào, gọi là "ấn hoạch". Sau đó cứ thế ban xuống cho dưới thừa hành. Từ thời Đường đến thời Ngũ đại không thay đổi chế độ này, [tức chế độ mà] xưa gọi là "ngồi bàn". Thời mới dựng nước, Phạm Chất⁽²⁾, Vương

1. Vương Tăng: tự Hiếu Tiên, thụy Văn Chính, người đời Tống. Năm Hàm Bình thi Hương và thi Đình đều đỗ đầu, làm Trung thư Thị lang, đồng Trung thư Môn hạ bình chương sự, tập sách do ông soạn mang tên *Văn Chính bút lục*.

2. Phạm Chất: tự Văn Tố, người đời Tống, thi đỗ tiến sĩ thời Hậu Đường, làm quan Tri chế cáo. Thời Hậu Chu làm Khu mật viện. Thời Thái Tổ nhà Tống làm Thị trung, tước Lỗ Quốc công, nên còn gọi là Phạm Lỗ Công, tính nóng nảy, liêm khiết.

Phổ⁽¹⁾, Ngụy Nhân Phổ⁽²⁾ đều tự nghĩ mình là tướng của triều trước (triều Chu thời Ngũ đại), hơn nữa cũng sợ Thái Tổ là người thông minh [nên ở triều có việc gì] đều ghi cả vào "tháp tử", tan triều về mới làm sổ tâu từng việc. Khi đã được vua phê chuẩn rồi, các quan cùng ký tên và ghi lại các việc cho nhớ để làm. Làm như thế, mọi lẽ đều được rõ ràng và tránh được lầm lẫn. Vì Thái Tổ theo cách ấy nên từ đấy sổ tâu càng nhiều, có khi phải xét duyệt mãi đến lúc mặt trời xế bóng, phải bỏ cả lệ uống trà, cho nên không còn thì giờ "ngồi bàn" nữa. Vương Tăng ghi chép đầu đuôi rõ ràng như thế là có ý nói Tể tướng thời ấy ngại tiếng chuyên quyền quyết đoán, không dám tự quyết định mà điều gì cũng tâu xin ý chỉ của vua, nên không còn ung dung rồi rãi nữa, chứ không có ý nói là lệ "ngồi bàn". Nay sử chép đổi bớt đi, lại không được ký như trước. Sách *Thoái triều lục* của Tống Mẫn Cầu⁽³⁾ cũng chép: "Thời Đường, khi Tể tướng vào chầu xong, liền lui ra điện Diêm Anh và chỉ bàn các chính sự lớn, còn các việc như kén chọn người, bổ quan chức, bổ tiến người nào thì kê lý lịch hạnh kiểm

1. Vương Phổ: tự Tề Vật, người đời Tống, thi đỗ tiến sĩ thời nhà Hán, làm quan nhà Chu tới chức Trung thư Thị lang bình chương sự. Thời Thái Tổ nhà Tống giữ chức Tư không, tể khanh, có phong độ.

2. Ngụy Nhân Phổ: tự Đạo Tế, làm quan nhà Chu tới chức Khu mật thừa chỉ, sau làm Tể tướng.

3. Tống Mẫn Cầu: tự Thứ Đạo, người đời Tống, đỗ tiến sĩ cấp đệ, làm Long đồ các Trục học sĩ, tham gia biên tu và soạn ra nhiều sách, trong đó có *Xuân minh thoái triều lục*.

người ấy và chính tay Tể tướng viết rồi giao cho quan Trung thư trình vua. Khi đã có thánh chỉ rồi thì [các quan] cùng ký tên. Việc này bắt đầu được làm từ đời Phạm Lỗ Công⁽¹⁾.

*

* *

178. Vương Đán ném tờ trình của Trần Bành Niên xuống đất

Trần Bành Niên⁽²⁾ đệ trình các điều mục về khoa trường. Vương Đán⁽³⁾ ném xuống đất nói: "Nội hàn⁽⁴⁾ mới làm quan được mấy ngày mà đã muốn gây rắc rối cho tiến sĩ trong thiên hạ". Thực là lời nói của bậc Tể tướng. Xem việc này thấy Vương Đán có phải người nhu nhược thiếu cương quyết đâu. Việc dán kín niêm phong tên tuổi, đánh số bài, chép lại ra bản khác đều là lệ cũ từ thời Cảnh Đức⁽⁵⁾, Tường Phù⁽⁶⁾. Cách đề phòng cứng nhắc này rất

1. Phạm Lỗ Công: tức Phạm Chất. Xem ct. 2, tr. 367.

2. Trần Bành Niên: người Nam Thành thời Tống, tự Vĩnh Niên, đỗ tiến sĩ, làm Binh bộ Thị lang, ông hiểu rộng biết nhiều, có trí nhớ tốt, được tham dự mọi điển lệ của triều đình.

3. Vương Đán: người thời Tống, tự Tử Minh, đỗ tiến sĩ, làm Tri khu mật viện, sau thăng Thái Bảo. Ông là Tể tướng có tài đức, biết bao dung người tài, được giữ việc nước rất lâu.

4. Nội hàn: chức quan của Trần Bành Niên.

5. Cảnh Đức: niên hiệu Chân Tông nhà Tống (1008-1017).

6. Tường Phù: niên hiệu Chân Tông nhà Tống (1008-1017).

không đúng với ý của các thời Hán Đường. Nhưng Vương Đán cũng không thể làm thế nào khác được.

Khấu Chuẩn⁽¹⁾ thấy viên lại trong phủ đệ trình sổ lệ, mắng rằng: "Tể tướng dùng người đâu cần theo lệ, nếu cứ câu nệ vào lệ thì chỉ là một chức lại thôi". [Rõ ràng] ý muốn tìm người tài của Khấu Chuẩn rất hợp với ý của Vương Đán, thế mà bị mang tiếng là cứng nhắc hẹp hòi, lại bị bạn quan gièm pha. Ngay vua cũng chê là: "Cho nhiều người làm quan để lấy ơn riêng cho mình". Cách câu nệ vào thể lệ làm người ta không dám ra tay làm việc như vậy thì người mang trách nhiệm muốn tìm người tài chẳng khó lắm sao?

*

* *

179. Vương Đán chê Khâm Nhược không phải người hiền tài

Wương Khâm Nhược⁽²⁾ tâu bày về đạo giáo và xin mở

1. Khấu Chuẩn: người Hạ Khuê thời Tống, tự Bình Trọng, đỗ tiến sĩ. Thời Thái Tông làm Khu mật viện Trục học sĩ, Phán lại bộ thuyền. Thời Cảnh Đức làm Đồng Trung thư môn hạ bình chương sự. Ông là vị Tể tướng có tài đức, Thái Tông ví ông ngang với Ngụy Trưng. Cuối đời bị Vương Khâm Nhược và Đinh Vị gièm pha đi đày ở Lôi Châu và chết ở đó, đương thời được phong tước là Lại Quốc công.

2. Vương Khâm Nhược: người đời Tống, tự Định Quốc, thi đỗ tiến sĩ, làm quan Tư không môn hạ thị lang, đồng bình chương sự, tính ghen ghét mọi người nhưng do khéo chiều Chân Tông nên được làm tới tể tướng. Bấy giờ trong thiên hạ đua nhau nói về những điềm lành, đều do Khâm Nhược và Đinh Vị đề xướng.

lễ cầu cúng. Người thời bấy giờ coi đó là gian tà. Nhưng vì Vương Đán đã trót tỏ ý đồng tình⁽¹⁾, nên mọi việc đều dùng dằng không dám bàn cãi. Nhưng những điều bị tích chứa [trong lòng] thường dễ phát ra thành lời nói. [Xem lời] ông can vua Chân Tông định dùng [Khâm Nhuộc] làm tướng có câu: "Tuy đời xưa nói: tiến dùng người tài, không câu nệ vào lệ thường⁽²⁾, nhưng cũng phải đúng là người tài mới được". Như thế là ông đã có ý chê Khâm Nhuộc không phải là người tài rồi. Có thể nói, tuy ông không nói đến nơi nhưng ý thì đã rõ ràng. Vương Đán chỉ lấy lời nói thật thắng sự biện bác, lấy mềm mỏng thắng cứng rắn, lấy trầm tĩnh thắng phù phiếm, lấy thực thắng hư. Còn việc Vương Đán không tâu trình chữ sai trong bài thơ của vua mà bị trách thì Vương Đán đã tự nhận lỗi rồi và không biện bác gì thêm. Thế mà lòng phản phúc của Khâm Nhuộc tự nhiên phơi bày ra. Đến khi thấy Khâm Nhuộc tự tranh cãi, bị vua giận, Vương Đán lại xin vua hãy răn bảo và bỏ qua cho [Khâm Nhuộc] để giữ trọn đại thể rồi sau hãy từ từ bãi bỏ. Bên ngoài tỏ ra có ơn cứu giải, nhưng thực ra là để cho kẻ kia không thể dùng mưu mẹo xảo trá mà thoát tội được. Cho nên trong lúc kẻ tiểu nhân đang sắp

1. Khi Vương Khâm Nhuộc xin Chân Tông nhà Tống làm lễ tế trời ở núi Thái Sơn (Khâm Nhuộc nói là có sách trời xuất hiện). Chân Tông sợ Vương Đán can, liền mời Đán vào triều ăn tiệc rồi ban cho lộ rượu bổ. Đán về nhà mở xem thấy đều là ngọc quý, vì vậy Đán không dám can việc tế trời ở núi Thái nữa.

2. Lời trong thiên *Lí lâu chương cử hạ*, sách *Mạnh Tử*: "Lập hiền vô phương".

sửa được năm quyền mà lại dám làm cho y phải chậm lại đến mười năm sau⁽¹⁾. Còn như câu Vương Đán nói [với Chiêu Tông] rằng: "Các đời tổ tông xưa chưa bao giờ dùng người Nam (Giang Nam) giữ việc nước" thì cũng chỉ là lời nói thác đi mong làm thay đổi ý vua thôi.

Thế mà tiên nho cho câu ấy là thật rồi đưa ra bàn luận về [cái gọi là] khí mạch nam bắc⁽²⁾. Thế chẳng vu khoát sao?

*
* *

180. Triệu Phổ chưa phải là vị đại thần có lượng bao dung

Ngụy Tướng⁽³⁾ khi còn làm chức quan nhỏ, có tâu xin bỏ "phong thư phụ"⁽⁴⁾ để phòng mọi sự bung bít. Khi ấy

1. Chậm lại đến 10 năm: Chân Tông có ý dùng Vương Khâm Nhược làm Tế tướng, nhưng vì Vương Đán can nên thôi. Khi Vương Đán cáo lão về hưu, Khâm Nhược lên thay đã nói rằng: "Chỉ vì Vương Đán mà ta bị chậm làm Tế tướng mất 10 năm".

2. Vương Thủ Khuê và Trâu Tư Sơn có lời bàn rằng: "Nhân tài đâu cũng có, không thể chia nam bắc".

3; 4. Ngụy Tướng người đất Định Dao thời Hán, tự Nhược Ông, thời Tuyên Đế làm Ngự sử đại phu. Bấy giờ theo lệ cũ, mọi người dâng thư lên vua đều phải làm hai phong: phong thư chính và phong thư phụ, phong phụ có chữ ký của người viết ở ngoài. Quan Thượng thư xem phong thư phụ trước, vừa ý thì gửi phong thư chính lên vua. Ngụy Tướng dâng thư xin bỏ lệ làm thêm phong thư phụ.

Triệu Phổ⁽¹⁾ làm Tế tướng, các tấu sớ bốn phương [gửi đến], cái nào xem ra không vừa ý, liền ném cả vào hai chiếc chum, chum đầy thì lấy ra đốt đi, chứ không bao giờ xem xét lại xem hay dở thế nào. Như thế thì [Triệu Phổ là người] có tội với Ngụy Tướng. Tự cho mình giỏi là nhỏ nhen, bùng bít người tài là không tốt. [Hai điều ấy] Triệu Phổ đều có cả. Tuy rằng Triệu Phổ biết tiến cử Mông Chính⁽²⁾, khen Lã Doan⁽³⁾, nhưng cũng chưa được coi là có lượng bao dung.

*
* *

181. Lời bàn về Lý Hăng, Tế tướng nhà Tống

Lý Hăng⁽⁴⁾ khi làm Tế tướng, bốn phương có ai trình bày điều gì hay dở đều bỏ đi hết, còn nói: Triều đình đã lo liệu đầy đủ tươm tất cả rồi mà lại [thay đổi] làm theo ý mọi người xin xỏ thì sẽ tai hại ghê lắm, bọn tiểu nhân chỉ cốt tiến nhất thời nào có nghĩ gì đến điều tai hại cho dân dâu! Lời nói ấy [của Lý Hăng] tưởng hay mà thật là dở. Vì rằng hiểu biết của một người có hạn mà tài trí của

1. Triệu Phổ: xem ct. 1, tr. 365.

2. Mông Chính: quan Tế tướng có đức độ thời Thái Tông nhà Tống.

3. Lã Doan: quan Tế tướng có đức độ thời Thái Tông nhà Tống.

4. Lý Hăng: tự Thái Sò, thi đỗ tiến sĩ năm Thái Bình Hưng Quốc, là vị Tế tướng nổi tiếng tài đức thời Chân Tông nhà Tống, tính thẳng thắn, cần thận, ăn nói không rườm rà, hiểu biết việc lớn, không tham danh tiếng.

thiên hạ thì vô cùng. Ngay thánh như Chu Công, người hiểu rất đầy đủ phép tắc và đức độ mà vẫn nhả cơm, vắt tóc tiếp người hiền⁽¹⁾; có tài giúp vua như Vũ Hầu⁽²⁾, việc gì làm cũng chu đáo hết nhẽ mà vẫn lắng nghe ý kiến mọi người, rộng mở lòng trung, thường bảo các quan phải vạch chỗ sai sót của mình, huống hồ phép tắc chế độ thời Tống chưa phải đều hay cả: tài lược Lý Hăng chưa phải hơn hẳn đời. Thế mà lại khu khu giữ phép cũ, cho mình là giỏi, coi người không ra gì, bịt miệng người lấp tai vua, hay dò đều bở, người hiền tài, kẻ ngu hèn đều bị kìm hãm. Đúng như lời Mạnh Tử⁽³⁾ nói: "...Chặn người ta từ ngoài ngàn dặm..." Như thế đâu phải đạo giúp vua, mà chỉ là mượn tiếng "làm cho dân yên bình" để tự làm đẹp mình thôi. Cho nên trải qua mấy đời không ai dám chê trách gì cả. Lý Hăng trả lời vua Chân Tông có câu: "Xin đừng dùng hạng người tân tiến nông nổi quá say sưa công việc". Vua hỏi về hạng người ấy. Lý Hăng đáp: "Mai Tuân⁽⁴⁾, Tăng

1. Khi Chu Công phò giúp Thành Vương nhà Chu lo việc nước, trong một bữa ăn phải ba lần nhả miếng cơm đang ăn, ra tiếp khách, trong một lần gội đầu phải ba lần vắt tóc ra tiếp người hiền. Xem thêm ct. 4, tr. 199.

2. Vũ Hầu: tức Khổng Minh Gia Cát Lượng. Xem ct. 6, tr. 110.

3. Mạnh Tử: xem ct. 1, tr. 196.

4. Mai Tuân: tự Xương Ngôn, thi đỗ Tiến sĩ cập đệ. Thời Chân Tông nhà Tống làm Tam ty Hộ bộ phán quan, sau làm Thị độc học sĩ, tính nóng nảy, hiếu tiến.

Trí Nghiêu⁽¹⁾ chính là hạng người ấy". Than ôi, đó khác gì lời nói của Trương Tương Như ngăn trở Giả Nghị⁽²⁾; Trương Vũ làm Thành Đế mắc sai lầm⁽³⁾. Tìm người tài không nên chặt chẽ quá, chọn người không nên khắt khe quá. Kẻ nông nổi quả thật không nên dùng, nhưng người tân tiến say sưa công việc thì thật không thể bỏ. Chọn người làm quan cần gì phải câu nệ già hay trẻ? Trong thiên hạ, người anh tài xuất chúng thì ít, mà người hèn kém thì nhiều; người hào hùng kiên cường chẳng có mấy mà chỉ toàn lũ ủy mị tầm thường. Nay muốn có người gánh vác nổi công việc cho ta thì nên lấy hạng người nào? [người] như chiếc mũi nhọn thò ra ngoài⁽⁴⁾, chưa chắc họ đã hiểu

1. Tàng Trí Nghiêu: tự Chính Thần, thi đỗ tiến sĩ năm Thái Bình Hưng Quốc (niên hiệu Thái Tông nhà Tống), làm Bi thư thừa, tính cương trực hay bàn việc.

2. Vũ Đế nhà Hán muốn dùng Giả Nghị làm tướng, bị Trương Tương Như, Giáng Hầu, Đặng Thông... gièm pha, cho Giả Nghị là loại trẻ, cấp tiến hay sinh sự. Xem thêm ct. 5, tr. 189.

3. Trương Vũ là quan Thái sư thời Thành Đế nhà Hán. Bấy giờ có nhiều người dâng thư nói Vương Mãng chuyên quyền. Thành Đế hỏi Trương Vũ nói: "bọn trẻ tuổi hăng hái hay gây sự, không nên tin lời họ". Thành Đế nghe lời Trương Vũ không tước bớt quyền Vương Mãng, nên sau đó xảy ra loạn Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán.

4. Mao Toại (xem ct. 2, tr. 146) tự tiến mình lên Bình Nguyên Quân (xem mục 42, tr. 144). Bình Nguyên Quân không muốn dùng nói: "Người có tài, sẽ như cái mũi nhọn để trong bao, mũi nhọn tự thò ra ngay". Toại nói: "Nếu tôi được ở trong bao thì sẽ lòi hẳn ra ngoài, chứ không phải chỉ thò mũi nhọn mà thôi". Sau Toại giúp Bình Nguyên Quân thuyết phục được vua Sở mang quân cứu nước Triệu.

danh; [người nhu] người gõ sừng trâu⁽¹⁾, chưa chắc họ đã ham tiến. Nói tóm lại người có tài năng khi phách thì tự nhiên [tài năng khi phách ấy] sẽ biểu lộ ra ngoài. [Cho nên] khéo dùng người là phải nuôi dưỡng, rèn luyện, đào tạo bồi dưỡng cho người ta trở thành công cụ to lớn lâu dài đáp ứng với công việc. Như thế mới là biết yêu mến quý trọng người tài. Còn như bài bác, xa lánh người ta, gán cho người ta tiếng xấu rồi cho bọn người lúc nào cũng chỉ tỏ ra sợ sệt, khúm núm, mềm yếu là hiền tài; cho bọn nhu nhược quá thật thà là có đức rồi thăng thưởng tiến cử lên vua thì người có tài sẽ không bao giờ bộc lộ cho thấy tài năng của họ, mà kẻ bất tài thì lại càng đáng bỏ đi không dùng được. [Như thế] còn lấy ai lo việc nước nữa? Ôi! người đi mua ngựa hãy nên tìm ngựa tốt, nếu bỏ ngựa tốt không mua thì ngựa xấu sẽ kéo đến. Dùng người, cần người có tài, nếu bỏ người tài không dùng thì loại tầm thường sẽ đến. Cho ngựa xấu là ngựa tốt; cho kẻ hèn kém là tài giỏi chẳng phải là càn bậy lắm sao? Muốn có người tài là phải bồi dưỡng khó khăn lắm mới thành, mà hủy hoại đi thì lại thật dễ; phát huy được chỉ khi kẻ sĩ rất khó, mà ngăn trở thì lại rất dễ. Lý Hăng chỉ ưa sự kính cẩn,

1. Ninh Thích người nước Vệ thời Chiến Quốc, có tài, muốn ra giúp đời, bèn giả làm người chần trâu để gặp Quản Trọng và Tề Hoàn Công, đã gõ sừng trâu hát rằng: "Sinh bất phùng Nghiêu dữ Thuấn thiện" ([Tiếc rằng] ta sinh ra không được gặp các bậc tài giỏi như Nghiêu Thuấn...) Sau được Quản Trọng tiến cử lên Hoàn Công, giữ chức Đại phu.

tĩnh lặng, đơn giản, trầm mặc và muốn cho mọi người phải theo ý mình. Với người có lòng khẳng khái bàn việc thì cho là cầu cạnh để tiến thân nên đã kìm chế tất cả. Trong các quan, người nào không nói thì thôi, hễ nói liền bị mang tiếng là nông nổi; người nào không làm thì thôi, hễ làm liền bị coi là bỏi việc. Cách lập ngôn như thế đã làm cho trong mấy chục năm liền, người cả thời ấy đều bị dồn vào chỗ nhút nhát, gò bó, mất hết khí phách cương cường lỗi lạc và chịu bó tay lặng tiếng, lần lữa cho xong việc. [Ai đó] dù thời gian làm việc quan có lâu, hiểu biết có nhiều cũng chỉ làm tới những chức thanh bạch bình thường, còn tài anh hào, tri hùng tráng đều tiêu tan hết. Nên khi có việc cấp bách không còn trông cậy vào đâu được nữa. Thế nước suy yếu là vì cố ấy. Xem ra, người mà cả làng gọi là "Hương nguyên"⁽¹⁾, họ tự nói rằng: "Sinh ra ở đời này cứ hiền lành là được rồi". [Lời nói ấy] tưởng như hợp với đạo trung dung, nhưng thực ra lại không phải. Cho nên Khổng Tử⁽²⁾ rất ghét hạng người này. Ông thường nói "Không được hạng người trung dung để cùng làm với họ thì ta phải cùng làm với hạng "cuồng" hạng "quyến" chẳng? hạng "cuồng" thì có chí tiến thủ, hạng "quyến" thì sẽ có việc họ không thiết làm". Nay Lý Hăng coi khinh hạng tân tiến say sưa công việc, cho họ là không đáng dùng. Thế là đã

1. Hương nguyên: bọn đạo đức giả ở hương thôn.

2. Khổng Tử: người nước Lỗ thời Xuân Thu, ông tổ của nhà Nho.

không ưa hạng "cuồng" hạng "quýn" mà là ưa hạng "huang nguyên", khác hẳn với sự dùng người của thánh nhân. Cho nên các quan công khanh theo nhau thành thói quen. [Do vậy] mà nhân tài sĩ khí đời bại đến mức ấy. Than ôi! đời Tống trong khoảng thời gian hơn trăm năm không được một ai dám ném bút lập công danh như Ban Siêu⁽¹⁾; sờ rận bàn việc đời như Vương Mãnh⁽²⁾; lòng dạ hào hiệp như Lý Ung⁽³⁾, Trần Phồn⁽⁴⁾, Quách Nguyên Chấn⁽⁵⁾. Quả thực thời bấy giờ không có những người như thế chẳng, hay vì bó buộc [người ta] quá lắm thành thử không ai dám tự tỏ tài mà thôi? [Nay

1. Ban Siêu: Tự Trọng Thăng, người thời Hán, nhà nghèo, làm nghề viết thuê nuôi mẹ, sau vứt bút, theo đời việc quân, lập được công lớn được phong tước Định Viễn hầu.

2. Vương Mãnh: người thời Tiền Tần, tự Cảnh Lược, học rộng, giỏi binh pháp ở ẩn ở Họa Sơn. Khi Hoàn Ôn vào đất Quan, ông mặc áo vải đến gặp, lúc bàn việc ông vừa sờ bắt rận vừa bàn coi như không có ai bên cạnh, sau làm Tế tướng cho Bồ Kiên, giúp nước Tần cường thịnh, được phong tước Thanh Hà quận hầu.

3. Lý Ung: người Tương Thành, Hậu Hán, tự Nguyên Lễ. Thời Hoàn Đế, làm Tư lệ hiệu úy. Bấy giờ triều đình rối loạn, kỷ cương đổ nát, Lý Ung vẫn giữ được phong độ chính trực.

4. Trần Phồn: người Bình Dư, Hậu Hán, tự Trọng Cử. Thời Hoàn Đế làm Thái phó. Hoàn Đế chết, Bào Thái hậu lên thay lo việc triều chính, vẫn để Phồn giữ chức Thái phó, tước Cao Dương hầu. Tính Trần Phồn thanh cao, trong sạch, chính trực, các sĩ đại phu đều kính phục.

5. Quách Nguyên Chấn: vị tướng có tài lại có lòng hào hiệp, có công lớn dẹp giặc dưới thời Vũ Hậu, Duệ Tông, Huyền Tông nhà Đường.

xem] Trần Đồng Văn⁽¹⁾ dâng thư lên Hiếu Tông [nhà Tống] có nói: "Việc lớn cần phải họp bàn; thặng thường bổ thụ người làm quan phải xem tư cách; [còn như] người có tài chỉ vì không chịu gò bó mà bị bỏ rơi; kẻ bất tài do cứ bành thân mà được dùng; lời ngay thì cho là viễn vông mà bị bỏ; lời nói ngọt ngào thì cho là mềm mỏng mà nghe theo; lời bàn khác lạ thì cho là nói ngang; lời bàn tầm thường thì cho là có khuôn phép làm cho thiên hạ chỉ quanh quẩn trong khuôn khổ lễ phép mà không một người nào dám vượt ra ngoài. Đó dù chỉ là [cách dùng người] của triều Càn Thuần⁽²⁾, nhưng đường lối cai trị của cả thời nhà Tống thực cũng không ngoài khuôn khổ ấy. [Lối ấy] chẳng phải của các vị làm tướng đời trước đã khởi xướng ra ư? Xem Âu Công⁽³⁾ làm bài chí về Mai Tuân; Kinh Công⁽⁴⁾ làm bài minh về Nghiêu Thần⁽⁵⁾ lời lẽ cảm khái và tỏ ý than tiếc mãi. Vì rằng: "tài

1. Trần Đồng Văn:?

2. Càn Thuần (Kiền Thuần): tức Càn Đạo và Thuần Hy, niên hiệu Hiếu Tông nhà Tống.

3. Âu Công: tức Âu Dương Tu, người thời Tống, tự Vĩnh Thúc, thi đỗ tiến sĩ. Thời Nhân Tông làm Tham tri chính sự, ông là người học rộng, có tài văn chương nổi tiếng thời bấy giờ.

4. Kinh Công: tức Vương An Thạch, người thời Tống, tự Giới Phủ, hiệu Bán Sơn, thi đỗ tiến sĩ, là người có tài văn chương. Thời Thần Tông, làm Tế tướng, chủ trương cải cách chính trị trong nước, bị các danh thần bài xích, phải bãi chức, tước phong là Kinh Quốc công.

5. Nghiêu Thần: tức Mai Nghiêu Thần, người thời Tống, tự Thánh Du, thi đỗ tiến sĩ thời Nhân Tông, làm quan tới chức Đô quan viên ngoại lang. Ông là người giỏi thơ văn, bạn thơ của Âu Dương Tu.

ba và khí tiết hào hùng, bị Tể tướng thời ấy ghét bỏ, hoài bão không được thi thố". Thế là không ai không than thở hối tiếc về sự ngăn trở của Văn Tĩnh⁽¹⁾. Hai ông, [Âu Công và Kinh Công] vốn không phải là người nói bừa, cũng không khen ai quá lời. Chu Văn Công⁽²⁾ lại nói: "Các Tể tướng thời mới mở nước như Lý Văn Tĩnh⁽³⁾, Vương Văn Chính⁽⁴⁾ đều là người tốt cũng không sao bằng Phạm Văn Chính⁽⁵⁾. Ông ra làm quan, liền khuyến khích danh tiết, đề cao sĩ khí. Đông Pha⁽⁶⁾ nói: "Đập tan luận điệu của kẻ tầm thường, để mở rộng đường công danh". Qua đây thấy những lời bàn chê về Lý Hăng sâu sắc lắm. Người đời xét không kĩ, lại cho [Lý Hăng] là một [Tể tướng] không thể chê tí gì được. Trần Kính⁽⁷⁾, Đinh Nam Hồ⁽⁸⁾ còn phụ họa thêm [ý ấy]. Vì vậy không thể không bàn thêm cho rõ.

Đông Giang thấy nhà Tống suy yếu đã lâu là do trận

1. Văn Tĩnh: tức Lý Hăng, thụy Văn Tĩnh, xem ct. 4, tr. 373.

2. Chu Hy: tức Chu Tử. Xem ct. 1, tr. 194.

3. Lý Văn Tĩnh: tức Lý Hăng. Xem ct. 4, tr. 373.

4. Vương Văn Chính: tức Vương Đán, thụy Văn Chính, xem ct. 3, tr. 369.

5. Phạm Văn Chính: tức Phạm Trọng Yêm, tự Hy Văn, thụy Văn Chính, người thời Tống, thi đỗ tiến sĩ năm Tường Phù, làm Lại bộ Viên ngoại lang, là danh thần có khí tiết thời Nhân Tông.

6. Đông Pha: tức Tô Đông Pha, Tô Thức, nhà văn lớn thời Bắc Tống.

7, 8. Trần Kính, Đinh Nam Hồ là hai học giả thời Minh, có nhiều lời bàn về các nhân vật lịch sử.

thua của Thái Tông ở cửa ải Kỳ Cầu⁽¹⁾. [Từ đó] không vươn lên được. Khí tượng ủy mị kém xa thời Hán, Đường mà các vị Tể tướng, Tham tướng lại không biết mở rộng lòng thành, tỏ rõ đạo công, tập hợp ý kiến mọi người để khuyên bảo lẫn nhau, lại đổ tội cho Lý Hăng, Vương Đán, thật không còn gì để nói nữa.

*

* *

182. Lời bàn về ba chức quan của Trịnh Hy Trọng

Trịnh Hy Trọng⁽²⁾ trong tập *Huy tê lục*⁽³⁾ nói: "Làm quan có ba chức khó: Một là làm tướng thống lĩnh đội quân hàng chục vạn người; hai là làm quan Hàn lâm học sĩ; ba là [làm quan cai quản] một ấp có nhiều chuyện phức tạp. Ba chức ấy, nếu không phải người tài nhất định sẽ làm hỏng việc. Ngoài ba chức quan ấy ra, đến như chức Tể tướng cũng có thể để người tài năng bình thường làm được. Đó là câu nói quá khích, không phải là lời bàn xác đáng. Vì tướng văn, tướng võ chẳng qua chỉ là một thôi, còn các chức Hàn lâm, Thái thú và Huyện lệnh lại càng thấp hơn. Người đảm nhiệm công việc Tể tướng thì các

1. Thái Tông nhà Tống muốn lấy lại châu U và châu Kế, sai Tào Bân và Phạm Mỹ ra đánh Khiết Đan nhưng bị thua to ở cửa ải Kỳ Cầu, do đấy quân Tống ngày càng suy yếu.

2. Trịnh Hy Trọng:?

3. *Huy tê lục*:?

việc ứng phó, cu xủ, trấn an, quyết đoán, nhẫn nhịn, bao dung đều khó. Nếu không có tài trí hơn người và mang hết tâm sức lo toan thì sẽ để hỏng việc, làm "đổ đồ ăn"⁽¹⁾ và tai họa sẽ ập đến ngay. [Đành rằng] nhà mình không là gì nhưng việc nước việc thiên hạ thì sao? Phạm Chát⁽²⁾ nói: "Người nào hút bằng mũi hết ba đấu dấm chua thì làm được Tế tướng". Vương Đán⁽³⁾ nói: "Người nào đã ăn được gốc rau thì việc gì làm chả nổi". Lời giả dụ ấy tuy thô lỗ, nhưng rất đáng để suy nghĩ. Hồi đầu nhà Tống, các đại thần, khi bàn việc, thường nói các câu; "bình tĩnh", "thận trọng", "chú ý giữ pháp độ". Ôi! vì cứ theo lẽ lối xưa ấy nên chính sự đổ nát, thế nước suy yếu, cuối cùng không sao vươn lên được nữa. Quân tử ở đời có người nói: "Tin là thực mà không biết tại sao sai; khen là hay mà không nghĩ đến tệ hại về sau". Cung cách ấy khi đã nảy sinh là có quan hệ ngay đến sự thế yên hay nguy, thịnh hay suy, còn hay mất của đất nước. Triều Thái Tông, nhà Tống có cơ may mà không chịu làm. Thái Tông chỉ đọc sách, tập viết chữ; Chân Tông chỉ tế trời, cầu thần, không hề làm việc gì. Đó chẳng phải là lối của Tế tướng thời bấy giờ sao? Xem như Tiêu Hà⁽⁴⁾ nổi tiếng cung kính, cẩn thận

1. Đổ đồ ăn: tức: "Dinh chiết túc, phúc công túc" (vác gậy chân, đổ đồ ăn của ông) lời hào tú, quê Dinh, *Kinh Dịch*. Ý nói người Tế tướng phải gánh vác công việc rất nặng nề, mà không tài giỏi thì sẽ làm hỏng việc lớn.

2. Phạm Chát: xem ct. 2, tr. 367.

3. Vương Đán: xem ct. 3, tr. 369.

4. Tiêu Hà: xem ct. 5, tr. 171.

mà bao giờ cũng có kế hoạch này, quy ước kia; Vũ Hầu⁽¹⁾ cẩn thận, chu đáo là thế mà vẫn chỉnh trang pháp lệnh, rèn tập đủ mọi việc; họ Phòng⁽²⁾ họ Đỗ⁽³⁾ khoan dung, khiêm nhường, không khoe khoang việc làm nhưng vẫn hết lòng giúp vua, gây dựng lại những gì đã nghiêng đổ. Nghiệp làm tướng của người xưa to lớn kì vĩ như thế, nhưng xem ra đâu phải họ chỉ toàn dựa vào đức vọng rồi ngồi đó mà đẹp được mọi phong nhĩ lưu tục, mà phải có tài xử sự, xếp đặt và thêm vào đó là lòng hăng hái phấn đấu không ngừng nữa. Do đó mà công việc chính sự trong thiên hạ luôn được đổi mới. [Trái lại] các danh thần thời Tống như Lý Hăng⁽⁴⁾, Vương Đán cứ khu khu một mực điềm đạm, khoan hòa, thận trọng, tập rèn phong thái làm tướng, dùng người theo tư cách, quyết đoán việc theo lệ thường. Họ tuy không nói lỗi lầm của người, nhưng cũng không khen điều hay của người; tuy không bày vẽ việc làm phiền nhiễu dân, nhưng cũng không trừ bỏ tệ nạn nhằm mưu lợi cho dân, mà cứ vụn vặt, tỉ mỉ theo lẽ thói cũ. Bốn phương có ai bày tỏ điều gì, không hỏi xem hay dở ra sao, đều bỏ đi không xét; các quan có bàn định việc gì, không hỏi đến trái phải thế nào, đều ngăn cản không làm; có ai đề xuất điều gì thì cho là nông nổi nóng vội; ai giữ đức hạnh thì

1. Vũ Hầu: xem ct. 6, tr. 110.

2. Họ Phòng: tức Phòng Huyền Linh, xem ct. 1, tr. 292.

3. Họ Đỗ: tức Đỗ Như Hối, xem ct. 2, tr. 292.

4. Lý Hăng: xem ct. 4, tr. 373.

cho là kiểu cách điều bộ; ai làm việc có công thì cho là bởi việc. Do đó mà sĩ khí tiêu tan, nhân tình hồ hững. Họ đã bỏ đất cầu hòa, chịu lép vế với Nhung Dịch; đã xếp bỏ việc quân, lòng lẻo bố phòng để nuôi mầm họa. Người giỏi mưu lược và hiểu biết việc làm lại như thế được sao? Chỉ có người bề tôi biết làm việc lớn mới giúp được vua làm nên nghiệp lớn; có tài khác người mới lập được công trạng khác thường. Còn hạng tầm thường như trên mới nêu mà muốn chuyển xoay thiên hạ, làm mạnh thế nước thật khó lắm thay. [Tôi] đã từng xem tập *Danh thần tấu nghị*⁽¹⁾ thấy vào thời Thái Tông, Vương Bính⁽²⁾ xin ra lệnh cho 24 ty phải làm đầy đủ sổ sách về danh số mọi việc; Bối Xử Ước⁽³⁾ xin bớt Tam ti sứ, phục hồi Thượng thư sảnh. Thời Chân Tông, Tôn Hà⁽⁴⁾ xin bãi chức Tam ti phán quan; Dương Ưc⁽⁵⁾ xin phục hồi Thượng thư sảnh và xin ban lệnh cho các đài, sảnh, tự, giám đều được cử người vào chức này, lại xin định rõ số người, xin đặt lại các quận nhánh. Tất cả các điều ấy đều đáng được thi hành, thế mà đều bỏ hết không xét. Thật chẳng đáng tiếc sao? Thật chỉ

1. *Danh thần tấu nghị*:?

2. Vương Bính: người Nam Tống, tự Cảnh Văn, thi đỗ tiến sĩ năm Thiệu Thánh, làm quan lệnh ở Thuật Dương.

3. Bối Xử Ước:?

4. Tôn Hà: người thời Tống, tự Hán Công, thi đỗ tiến sĩ năm Thuận Hóa, làm quan Hữu ty gián, có dâng lên triều đình Chân Tông 5 lời bàn.

5. Dương Ưc: người Bồ Thành thời Tống, tự Đại Niên, thi đỗ tiến sĩ thời Thái Tông làm quan tới chức Hàn lâm học sĩ (thời Chân Tông)

do Vương Đán, Lý Hăng với cách làm, lần lữa, thâm lặng đã hăm vua không thiết chỉnh đốn pháp độ, đổi mới chính sự. Cho nên dù tạm thời có lợi một thời gian, nhưng cuối cùng lại để tệ hại cho đời sau. Vì cách làm ấy đã thành, thói ấy đã quen thì người đời sau sẽ lấy làm khuôn mẫu cho việc nước.

Vào thời Khánh Lịch⁽¹⁾, Tây Hạ⁽²⁾ nổi biến, trên dưới đều quần bách, tính chuyện hòa ước, gác bỏ việc quân không chống đỡ gì nữa. Nhưng như thế vẫn còn là khá. Đến thời Tĩnh Khang⁽³⁾, giặc mạnh vào cõi, họa loạn lan tràn mà lại xếp việc quân, cho dân nghỉ ngơi, giải tán quân cứu viện các lộ, bỏ mặc không hỏi đến việc phòng bị ngoài biên. Đầu thời Kiến Viêm⁽⁴⁾, Huyện Vũ đã tan vỡ mà vẫn còn lần lữa chơi bời, quen dùng chế độ thời bình. Mọi người bàn nhiều về việc mua ngựa, chiêu mộ quân lính, chỉnh đốn tài chính, dựng các phiên trấn... Nhưng ai động nói đến điều gì cũng cho là phiền nhiễu rồi gác bỏ đấy. Thời Thiệu Hưng⁽⁵⁾, các tướng và các phiên trấn cùng nhau tính việc khôi phục. Nhưng công việc vừa mới bắt đầu thì lại mượn tiếng theo chế độ cũ của tổ tông xưa, thu hết

1. Khánh Lịch: niên hiệu Nhân Tông nhà Tống (1041-1049).

2. Cuộc biến Tây Hạ: Triệu Nguyên Hiệu nội đây xưng đế, lấy tên nước là Tây Hạ.

3. Tĩnh Khang: niên hiệu Khâm Tông nhà Tống (1126-1127).

4. Kiến Viêm: Niên hiệu Cao Tông nhà Tống (1127-1131)).

5. Thiệu Hưng: niên hiệu Hiếu Tông nhà Tống (1131-1163).

quân rồi lập ra tổng lãnh sở, để thu thuế của các châu quận. Tất cả các việc trong thiên hạ đều muốn bó buộc, ngăn cản, làm cho ngày một dồn đến chỗ đời hại mới thôi. Thương thay.

Hồ Trai thấy đoạn bàn về sử này có nhiều lời bàn rất hay. Nhưng trong đó có hai chỗ, thiên nghi chưa hết nhé. Một là, nói nhiều về sự lừa dối của triều Tống và đổ cả lỗi cho Lý Hảng, Tế tướng thời Chân Tông đã bỏ không xét mọi điều tố bày về lợi hại, làm cho [triều Tống] ngày thêm suy yếu là tù đó. Xét ra, thấy bề tôi hiến lời có ba loại: một là nói thẳng vào bản thân vua; hai là nói thẳng vào chỗ dây dưa của triều chính; ba là, nếu có kẻ quyền gian lớn thì bằng mọi cách hạch tội chúng để trừ hại cho nước. Với ba loại lời hiến này phải xét duyệt nhanh như lửa cháy. Nếu lời nói ấy đáng dùng thì dùng ngay như chữa đám cháy, đuổi kẻ gian, vì đó là việc cấp thiết. Còn các lời bàn về điều lợi hại, cần phải xét cho cẩn thận. Vì kế hoạch mở nước thì thường rộng lớn, mà người đời sau chỉ trích điều lợi hại thì thường nghiêm ngặt bó hẹp; suy nghĩ và nhìn nhận của người mở nước thì thường cẩn thận chu đáo, biết đề phòng họa loạn khi chưa xảy ra, nhưng người đời sau moi móc lật vật lại tìm ra nhiều thiếu sót. Cho nên cổ ngữ có câu: "Điều gì không hại lắm thì không bỏ, điều gì không lợi nhiều thì không đổi". Còn ở mặt nào đó có chỗ lệch lạc mà muốn cứu vãn thì cả vua lẫn tướng phải một lòng hết sức suy cứu, rồi sau lại phải giao cho các quan có tài, có kiến thức thì hành, làm cho người ta

biến đổi mà không tự thấy, như thế mới được. Nếu không thế thì thế nào cũng phải nhận lấy sự thất bại. Nói ngay như nạn hoạn quan thời Hán⁽¹⁾; nạn phiên trấn thời Đường⁽²⁾; sự suy yếu của nhà Tống, từ vua Thiên tử đến bề tôi ai mà không muốn chỉnh đốn lại? nhưng khi bắt tay vào việc là hỏng ngay. Chỉ vì không làm từ từ và sửa đổi thiếu đường lối. Nhà Tống ngày thêm suy yếu là vì pháp lệnh không xuống đến tướng sĩ. Ngoài thì khốn khó vì hàng năm phải nộp tiền cho phương Bắc⁽³⁾; trong thì khổ sở vì ban thưởng cho tế tự⁽⁴⁾. Như thế là không sửa sang mà lại muốn thay đổi những tệ hại ấy thì sao khỏi sinh loạn? Còn việc thiếu kiên quyết với quân tướng là vì Thái Tổ nhà Tống lấy được nước, vốn nhờ bọn loạn binh suy tôn lên⁽⁵⁾, cho nên trong lòng có nhiều sượng sùng mà đành phải theo lẽ lối thời Ngũ đại⁽⁶⁾, không dám thẳng tay đối với

1. Nạn hoạn quan thời Hán:?

2. Nạn phiên trấn thời Đường: tức loạn An Lộc Sơn, xảy ra vào thời Huyền Tông. Xem ct. 2, tr. 186.

3. Nộp tiền cho phương Bắc: Hàng năm nhà Tống phải nộp cho Khiết Đan 10 vạn lạng bạc và 20 vạn tấm lụa.

4. Vua Chân tông nhà Tống tin rằng có sách trời (thiên thư) xuất hiện ở núi Thái Sơn, phải chi phí và ban thưởng trong lúc tế lễ mất rất nhiều tiền của. Xem thêm ct. 2, tr. 370 và ct. 1, tr. 371.

5. Thái Tổ nhà Tống, tức Triệu Khuông Dận, tướng nhà Hậu Chu được sai đi đánh Bắc Hán. Sau Triệu Khuông Dận được tướng sĩ suy tôn làm vua Thiên tử, lập ra nhà Triệu Tống.

6. Ngũ đại: gồm Hậu Lương, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu, Hậu Đường. Vua các triều này đều do quân sĩ lập nên.

tướng soái. Tuy nhiên xem lá thư của Tô Lão Toàn⁽¹⁾ dâng Hàn Công⁽²⁾, có câu rằng: "dù có phải chém giết cũng phải làm" chẳng phải là lời nói nguy hiểm sao? Tô Lão Toàn là người có tài kinh bang tế thế mà còn bàn nói như thế thì những lời bàn về lợi hại còn có thể nghe theo một cách xem nhẹ được chăng? [Hai là] ông Quế Đường nói: "Loạn thời Ngũ đại đã đến mức tột cùng rồi. Thời vua tôi Chân Tông nhà Tống được kế thừa cơ ngơi đã thành, nếu cứ thuận theo lòng người muốn yên nghỉ thì tình thế không thể không yên bình". [Kể ra] Lý Hăng chỉ là một vị tướng, không có gì để bàn, nhưng tôi chỉ e đời sau, vua chỉ ham ở yên, không có chí tự lập; bề tôi thì tự cho mình là giỏi, chống lại du luận, có chuyện gì là mượn cớ theo [tám gương] nhà Tống, cho nên tôi có đoạn lời bàn này thôi.

[Ông Quế Đường] lại cho hay: "Nghe người nói việc lợi việc hại không nên nhẹ tin ngay" lời nói ấy rất có sự châm chước, hơn nữa những nhận xét về nguyên do suy yếu của nhà Triệu Tống thực đã thấu hiểu hết sự tình. Chỉ có điều là người làm vua làm tướng không nên sẵn có định kiến từ trước rồi gạt bỏ hết lời tỏ bày của mọi người. Điều mà tôi lấy làm tiếc là, như tờ sớ của Dương Úc dâng vua thời Hàm Bình, xin đặt lại các quận nhánh và các việc ban

1. Tô Lão Toàn: tức Tô Tuấn, người đất Mi Sơn thời Tống, tự Minh Doãn, là người thông hiểu kinh điển và bách gia chư tử, làm quan Hiệu thư lang trong Bí thư sảnh.

2. Hàn Công: tức Hàn Kỳ, tể tướng thời Chân Tông nhà Tống.

thường, thi cử, việc đối với bề tôi cũ có công, đối với tập ấm... đều là những việc đáng làm cả mà Chân Tông đều bỏ không xét đến. Ngay như ba loại lời dâng vua và lời trình bày của bốn phương thời bấy giờ, biết đâu là thời ấy không làm như thế?

Hồ Trai cho rằng đường lối kinh bang tế thế rất khó nói, người nào làm nổi là nhờ mệnh trời, cũng như người biết việc quân không phải dễ dễ dàng làm được [việc quân]. Lời trình bày của Dương Úc, Phạm Công Trứ⁽¹⁾ đã thù thi hành nhưng cũng đã bị mọi kẻ tiểu nhân chống lại, kết cục không đạt được mục đích rồi phải bỏ, tưởng cũng do không biết thay đổi từ từ chăng?

Ông Quế Đường có nói: "nước chảy không thối, then cửa không mọt, vì nó luôn luôn vận động, huống chi trị thiên hạ mà lại không vận động liệu được sao? Vận động giỏi thì làm được bá chủ như Hoàn Công nước Tề, xây dựng được đội quân mạnh như Vũ Đế nhà Hán. Vận động kém thì sẽ xảy ra như biến loạn "Cam lộ"⁽²⁾ thời Văn Tông nhà Đường; cuộc biến "Tân pháp"⁽³⁾ thời Thần Tông nhà Tống.

Hồ Trai cho rằng, các vị đế vương xưa suốt ngày hằng

1. Phạm Công Trứ:?

2. Cuộc biến Cam lộ: xem ct. 1, tr. 337.

3. Cuộc biến Tân pháp: vua Thần Tông nhà Tống, nghe lời Vương An Thạch thi hành "tân pháp" nhằm cải cách chính trị trong nước nhưng vì người thừa hành làm sai nên "tân pháp" bị thất bại.

hải tự cường không nghĩ, dám đâu có một ngày lười biếng. Họ phải có tinh thần cố gắng lo việc trị nước và "nơm nớp lo sợ" như vậy vì: trên sợ trái ý trời, dưới sợ không vừa lòng người. Như vậy thì mọi sự suy cứu uốn nắn lệch lạc đều ở trong đó cả. Xem sự nghiệp của Hoàn Công nước Tề, Vũ Đế nhà Hán vốn có chỗ không được giống nhau lắm. Nhưng cũng như người uống viên hoàn đại lực với uống thuốc nhiệt, sau đều tống độc ra cả. Việc ấy không cần phải bàn nữa.

*
* *

183. Tư Mã Quang làm Tế tướng

Làm Tế tướng phải rộng mở lòng thành, ban bố đạo công, tập hợp suy nghĩ của mọi người, phát triển lòng trung [với vua, giúp ích cho nước]. Sự nghiệp của Vũ Hầu⁽¹⁾ sáng ngời nghìn đời là ở chỗ ấy. Còn Tư Mã Quang⁽²⁾ làm tướng, khi muốn biết việc chọn dùng người đã hỏi bộ Lại; muốn biết tiền của trong nước đã hỏi bộ Hộ. Tất cả mọi việc ông đều bàn bạc cùng mọi người. Điều nào thuận lợi thì giữ lại làm; điều nào không thuận lợi thì bỏ đi. [Nhu thế] vừa hiểu được hết tâm tư kẻ dưới, lại có thêm ý kiến bổ ích cho mình. Vì vậy ông đã giúp cho chính sự thời

1. Vũ Hầu: tức Khổng Minh Gia Cát Lượng. Xem ct. 6, tr. 110.

2. Tư Mã Quang: tự Quân Thực, Tế tướng thời Thần Tông nhà Tống.

Nguyên Hựu⁽¹⁾ được trong sáng. Sánh với Vũ Hầu, thật cũng không hổ thẹn.

*

* *

184. Làm đại thần, trong bụng không nên có sẵn định kiến

Làm đại thần, trong bụng không nên có sẵn định kiến. Vì nếu sẵn định kiến "tĩnh" thì nghe lời bàn sẽ chê là khinh suất, cuồng phóng. Nếu sẵn định kiến "động" thì thấy người thân trọng đều cho là chậm chạp, nhu nhược; nếu coi ai cũng hiếu danh, hay bói việc thì trước mắt mình đều là người nóng vội cần bậy; coi ai cũng tài hèn biết hẹp thì thấy quanh mình đều là người tầm thường. Vì sẵn định kiến hẹp hòi như thế nên thấy cả thiên hạ không ai là hoàn hảo cả. [Vì vậy] cần phóng xa tầm nhìn, mở rộng tấm lòng, tự coi mình còn có nhiều thiếu sót và luôn mong muốn điều bổ ích. Còn với các sĩ đại phu có tài đức trong thiên hạ, người trên thì coi như thầy, kẻ dưới coi như bạn; với bạn quan thì hòa hảo, nâng đỡ; với lớp người sinh sau tuổi ít thì yêu thương bồi dưỡng. Tuy nhiên theo tài sức từng người, hoặc cao thấp, hoặc hoàn hảo, hoặc nhay bén hoặc chậm chạp, hạng nào cũng phải đối xử [với họ] cho chu đáo, cất nhắc thăng thưởng cho thích hợp với công

3. Nguyên Hựu: niên hiệu Triết Tông nhà Tống.

việc, đồng thời tuyệt nhiên không được tỏ ra chút nào ghen ghét lẫn át người ta, thế mới là có lòng độ lượng rộng rãi. Chu Công⁽¹⁾ làm tướng, trong lúc gội đầu ba lần vắt tóc, trong một bữa ăn ba lần nhả cơm đứng dậy tiếp đón kẻ sĩ mà vẫn còn lo bỏ sót hiền tài trong thiên hạ; sáng đọc trăm thiên sách, chiều tiếp kiến 72 người vẫn không lộ vẻ mỏi mệt. Bậc đại thánh còn như thế huống chi những người còn kém xa ông đến vạn lần. Ninh Từ Tiễn⁽²⁾ làm quan tế đất Thiện Phủ, đã coi hai người như cha, coi năm người như anh, coi mười người như bạn. Mạnh Hiến Từ⁽³⁾ làm tướng nước Lỗ cũng có năm người được coi như bạn. Ngụy Thành⁽⁴⁾ làm tướng nước Ngụy, ăn lộc nghìn chung⁽⁵⁾ đã giành chín phần cho việc bên ngoài, còn một phần cho việc bên trong. Do vậy đã chọn được Bốc tử Hạ⁽⁶⁾, Điền Tử Phương⁽⁷⁾, Đoàn Can Mộc⁽⁸⁾ tiến lên vua. Công tử Vô Kỵ để trống chỗ ngồi bên trái xe⁽⁹⁾ rồi tự mời người coi

1. Chu Công: tức Chu Công Dán, em ruột vua Vũ, sau giúp Thành Vương nhà Chu lo việc trị nước.

2. Ninh Từ Tiễn: ?

3. Mạnh Hiến Từ: ?

4. Ngụy Thành: ?

5. Chung: đơn vị đo lường thời xưa, 6 hộc 4 đấu là một chung.

6. Bốc Tử Hạ: tức Bốc Thương, người nước Vệ, học trò Khổng Tử.

7. Điền Tử Phương: người nước Ngụy thời Chiến quốc.

8. Đoàn Can Mộc: người nước Ngụy thời Chiến quốc.

9. Người xưa cho chỗ ngồi bên trái là tôn quý nên công tử Vô Kỵ (xem Tín Lăng quân ct. 2, tr. 144) đã giành chỗ bên trái xe để mời người hiền tài ngồi.

của lên ngôi. Tào Tham⁽¹⁾ làm tướng nước Tề mời Cáp Công tới [hỏi đạo trị nước] đã nhường Cáp Công⁽²⁾ ở nơi chính đường. Bạo Thắng⁽³⁾ làm sứ giả đã cho mời Tuấn Bất Nghi⁽⁴⁾, người trong quận đến rồi bỏ giày đứng dậy tiếp. Hoàng Phủ Quy⁽⁵⁾ làm tướng quân, nghe tin có danh sĩ Vương Phù⁽⁶⁾ vào thăm, vội vàng không kịp xỏ giày, đi chân đất ra đón. Từ đời Xuân Thu Chiến Quốc đến hai đời Hán (Đông Hán và Tây Hán), các chức quan thú và quan lệnh tốt, các tướng văn tướng võ giỏi biết tôn kính người tài và kẻ sĩ rất nhiều. Nhưng từ đời Đường đời Tống trở về sau phong cách tốt đẹp ấy không còn nữa. Nếu vị nào có tiếng là Tể tướng hiền tài thì cũng chỉ biết cất nhắc tiến dùng người hiền tài mà thôi. Còn tìm một người biết tôn kính kẻ sĩ hàn vi và chức quan nhỏ mọn, biết đối xử lễ độ, biết ân cần tiếp đón, biết quên thế lực của mình để kết thân, biết thực lòng nghe lời khuyên bảo thì thực chưa có ai.

1. Tào Tham: xem ct. 1, tr. 266.

2. Cáp Công: người Giao Tây thời Hán. Nhờ Cáp Công chỉ bảo đạo trị nước, Tào Tham đã giúp Tề xây dựng được nước thịnh trị.

3. Bạo Thắng: tức Bạo Thắng Chi, người đất Hà thời Đông Hán, có công dẹp loạn được làm Ngự sử đại phu. Sau tiến cử Tuấn Bất Nghi lên triều đình nhà Hán.

4. Tuấn Bất Nghi: người Bột Hải thời Hán, làm Thứ sử Thanh châu thời Vũ Đế nhà Hán.

5. Hoàng Phủ Quy: người thời Hậu Hán, tự Uy Minh, có tài dùng binh, được phong chức Độ liêu tướng quân.

6. Vương Phù: tự Tiết Tín, danh sĩ ở ẩn thời Hậu Hán.

185. Trần Lượng nói về Thái Tổ nhà Tống

Trần Lượng⁽¹⁾ nói: Thái Tổ nhà Tống, ngoài cách luật tỏ ra là bậc anh kiệt kỳ vi, có lượng bao dung và biết khích lệ thiên hạ; trong văn pháp, chưa bao giờ làm khó dễ cho các nhà buôn và nhà thần thế. [Các điểm ấy] đều có ích cho việc dựng nước và phòng ngừa những việc bất thường xảy ra. Có thể nói, như thế là biết cách trị nước.

Thái Tông⁽²⁾ nói: "nhân, nghĩa, trí, tin, dũng, mưu là "lục thủ" (sáu điều giữ); đại nông, đại công, đại thương là "tam bảo" (ba của báu). Lục thủ lớn mạnh thì nước thịnh vượng, tam bảo vẹn toàn thì vua được yên". Chính là ý ấy. Đời sau thường áp chế những kẻ sĩ phong đăng, lối lạc, chỉ muốn tài chí, việc làm của kẻ sĩ phải thận trọng chi li; họ ghét sự thôn tính, xâm chiếm chỉ muốn mọi tài sản vật lực phải được đem ra chia đều [cho mọi người]. Làm gì có lẽ ấy! Vì người tầm thường, người dị tài đều có sự phú bẩm khác nhau; kẻ nghèo người giàu cũng có số mệnh riêng, chẳng thể như nhau và không ai có thể cưỡng được. Vua vâng mệnh trời trị thiên hạ, chỉ nên dùng người theo

1. Trần Lượng: người thời Nam Tống, tự Đồng Phủ, thi đỗ tiến sĩ thời Quang Tông, là người biết việc dùng binh lại luôn chú ý đến việc trị nước, tác giả của sách *Lộng Xuyên văn tập*, bàn về việc chính sự.

2. Thái Công: tức Thái Công Vọng hay Lã Vọng, hiền thần thời đầu nhà Chu, có công giúp Vũ Vương lo việc chính sự, tác giả của sách *Lục thao*, *Tam lược* bàn về việc dùng binh.

tài năng và để mọi người được yên bình với cuộc sống riêng của mình, phải bao dung có đường lối, dưỡng dục có tiết độ, [Vì rằng] ngày thường tưởng như vô ích, nhưng đến khi có việc cấp bách sẽ có chỗ cậy nhờ.

*

* *

186. Người hiền tài xưa biết đề phòng từ lúc tai họa chưa xảy ra

Thời Nhân Tông [nhà Tống], tướng coi đạo quân ở đất Cao Bưu là Triệu Trọng Ước, tự ý dụ đón bọn cướp Trương Hải, Phú Bật⁽¹⁾ bèn đem giết đi. Phạm Công⁽²⁾ nói: "Việc nên tha mà đem giết là không đúng với pháp luật". Phú Công phần nộ tò ý không bằng lòng. Phạm Công lại nói: "Nói với vua mà xem nhẹ việc giết chóc, sau này trắng tay, thì ngay lúc ta cũng chưa chắc đã bảo toàn nổi". Đó thực là lời nói của bậc nhân giả và người quân tử. [Qua đây] cũng thấy người hiền tài xưa biết phòng từ khi tai họa chưa xảy ra. Sự lo xa ấy có quan hệ đến quốc thể, chứ không

1. Phú Bật: người Hà Nam thời Tống, tự Nhan Quốc. Thời Nhân Tông làm Tri chế cáo, sau làm Khu mật phó sứ, năm Chí Hòa làm Đồng Trung thư môn hạ bình chương sự. Thời Anh Tông làm Khu mật sứ, tước Trinh quốc công, năm Hy Ninh làm Thừa tướng. Ông là bậc đại thần trung nghĩa, hết lòng vì nước.

2. Phạm Công: tức Phạm Trọng Yêm, Phạm Văn Chính. Xem ct. 5, tr. 380.

phải tính kế trước cho riêng bản thân mình.

*

* *

187. Sách *Thanh tòa cao đàm* nói về Khấu Chuẩn

Sách *Thanh tòa cao đàm*⁽¹⁾ nói: "Lai Công⁽²⁾ trên đường đi Lôi Châu, qua đất Công An đã chặn cành trúc cắm vào trước đền thờ thần khẩn rằng: "Nếu Khấu⁽³⁾ tôi không phụ triều đình thì xin cho cành trúc này sống lại?" Quả nhiên cành trúc ấy sống lại thật. Sau ông mất ở nơi bị biếm. Khi đưa di hài ông về táng, lại qua đất Công An, dân vùng này làm lễ đón, bẻ trúc cắm bên đường treo tiền giấy để đốt. Ít lâu sau những cành trúc ấy sống lại đâm măng mọc thành rừng. Người trong vùng gọi là "trúc tướng quân". Tôi cho rằng: ông là bậc anh tài có khí tiết bị bọn tiểu nhân hãm hại, tấm lòng trung nghĩa của ông còn phảng phất tiếng thơm đến ngàn đời, cảm hóa cả cây cỏ, chứ không phải ngẫu nhiên. Nhưng chỉ khi ông qua đoạn đường này, trong giây lát, ý chí đã mượn cành trúc ấy để bộc

1. *Thanh tòa cao đàm*: Có lẽ là "Thanh tòa cao nghị" của Lưu Phủ thời Tống, thuộc loại bút ký truyền kỳ.

2. Lai Công: tức Khấu Chuẩn.

3. Khấu Chuẩn: người thời Tống, tự Bình Trọng, thi đỗ tiến sĩ thời Thái Tông, làm Khu mật trực học sĩ, Phán lại bộ thuyền. Năm Cảnh Đức (niên hiệu Chân Tông) làm Đồng Trung thư môn hạ bình chương sự. Ông là vị Tể tướng có tài, được phong tước là Lai Công. Sau bị bọn Đình Vị gièm, phải đi đày ở Lôi Châu và bị chết ở đó.

bạch tâm sự, đối chất với quý thân. Cho nên về sau vị thần địa phương lại mượn cảnh trúc để biểu hiện sự linh thiêng, tỏ bày nỗi oan khuất của ông. [Như thế sự việc] mới có đầu có đuôi. Nếu không, đón tiếp ông ở dọc đường, không phải chỉ có dân ở đất Công An, nhưng sao trúc của các quận khác không sống mà trúc của đất Công An lại sống? Sự cảm xúc mà không có nguyên do thật không có lý. Chính sự cắt bỏ mất đoạn trên nên ý thành ra không sáng.

*

* *

188. Vương Tố và Lý khắc trả lời vua về việc chọn người làm tướng

Nhân Tông hỏi Vương Tố⁽¹⁾ ai xứng đáng làm Tế tướng. [Vương Tố] thưa: "Hạ thần không dám nói rõ họ tên người ấy, chỉ biết rằng [người nào mà] quan nội thần không nói thì cung nữ không biết tên, người ấy chính là vị Tế tướng tốt". Vua nói: "[Nếu thế thì] ngoài Phú Bật⁽²⁾ ra không thể là ai khác được". Lời nói của Vương Tố có chép trong "Cận tư lục". Ôi! [xưa] Lý khắc⁽³⁾ lấy

1. Vương Tố: con trai Vương Dán, người thời Tống, tự Trọng Nghĩa, đỗ tiến sĩ xuất thân. Thời Nhân Tông giữ chức Công bộ thượng thư. Ông là vị quan có sĩ khí, mọi việc làm đều rất hợp tình người.

2. Phú Bật: xem ct. I, tr. 395.

3. Lý Khắc: người nước Ngụy thời Chiến Quốc, được Ngụy Văn Hầu luôn mời đến để hỏi việc nước, sau làm Tướng quốc nước Ngụy.

"ngũ thị"⁽¹⁾ trả lời [về việc chọn người làm tướng]. Văn Hầu⁽²⁾ liền chọn Ngụy Thành⁽³⁾. Nay Vương Tổ chỉ hơi nói một chút về con người điềm tĩnh ấy mà Nhân Tông đã biết ngay là Phú Bật. Thế chẳng phải là phẩm hạnh thường ngày của hai ông [Phú Bật và Ngụy Thành] đã đến tai vua từ lâu rồi sao!

*

* *

189. Nhà Tống chỉ ham sự tạm yên trước mắt

Đọc sử đến đoạn Phú Trịnh Công vâng mệnh đi sứ⁽⁴⁾, không ai khỏi than tiếc cho người Tống [chỉ ham sự] tạm yên trước mắt mà để mối lo cho đời sau. Vì với giặc, không thể tin, nếu tin giặc sẽ mất nước; với việc quân, không thể

1. Ngũ thị: Khi Ngụy Văn Hầu hỏi về việc chọn người làm tướng, Lý Khắc lấy "ngũ thị" (5 xem) trả lời như sau: 1- Lúc bình thường xem người ấy thân với ai; 2- Lúc giàu sang xem người ấy giao du với ai; 3- Lúc hiển đạt xem người ấy tiến cử ai; 4- Lúc cùng khốn xem người ấy tránh làm điều gì; 5- Lúc nghèo túng xem người ấy không lấy thứ gì.

2. Văn Hầu: tức Ngụy Văn Hầu, Hầu vương nước Ngụy thời Chiến Quốc.

3. Ngụy Thành: Tướng quốc nước Ngụy, thời Ngụy Văn Hầu.

4. Phú Bật được phong tước Trịnh Quốc công nên gọi là Phú Trịnh Công (xem Phú Bật ct. 1, tr. 395). Nước Khiết Đan vẫn hoà hiếu với nước Tống, bỗng nhiên Khiết Đan mang quân vào xâm chiếm nước Tống. Nhân Tông phải sai Phú Bật đi sứ giảng hòa với Khiết Đan và hàng năm phải tăng thêm các khoản cống tiến cho Khiết Đan.

chán, nếu chán việc quân sẽ thua trận. Nhà Tống giảng hòa với Khiết Đan, gần bốn chục năm, trên dưới ham chơi, lơ là phòng thủ ở Luồng Hà. [Nhu vậy là đã] nuôi hùm sói ngoài nhà, nằm ngủ say trong nhà lâu lắm rồi. Đến một ngày kia, khi tình hòa hiếu sút mẻ, hai bên cùng phải tìm đến giáo guơm, biết đâu đó chẳng phải ý trời nhắc nhở ta phải cần mẫn, thúc giục ta phải lo toan nhằm giành lại sự yên bình mãi mãi cho con cháu đời sau? Trong lúc đất nước đang hòa bình thịnh trị mà giao tranh với ngoại di thì chưa để gì chúng đã thắng được ta mau chóng, huống chi việc trái lời mình ước là lỗi ở chúng, không phải do ta. Đạo trời luôn giúp kẻ thuận theo, đạo người giúp kẻ tin nghĩa. Từ đây cho thấy việc dùng binh là nhất định có lợi. Nhưng từ khi Phú Trịnh Công đi sứ, việc giảng hòa [với Khiết Đan] lại thiết lập, trên dưới lại yên vui mặc nhiên không phòng bị gì nữa. Nhưng ở Thiểm Tây đang còn mối lo ngoài biên nên dù giảng hòa với Tây Hạ, trong nước vẫn chưa hề được cởi bỏ giáp binh. Thế mà riêng mạn Hà Bắc lại buông lỏng việc võ bị. Nước Liêu vừa diệt xong thì nước Kim mạnh lại nổi lên, bỗng dưng kéo quân xâm lấn phía nam như vào chỗ không người. Nước Kim cất quân từ An Sơn, vượt qua sông Hoàng Hà, thẳng đến kinh đô Biện. Đó chẳng phải là tình hòa hiếu kết thân từ thời Khánh Lịch đã gây ra tai họa ấy sao?

190. Biển thông và cổ vũ⁽¹⁾

Biển thông để tận dụng mọi thuận lợi, đó là quyền lớn của thánh nhân trong việc trị nước; cổ vũ để thấy hết mọi điều thân diệu, đó là tác dụng lớn lao của thánh nhân về mặt làm cho dân ngày thêm dồi mới. Tân pháp của Kinh Công⁽²⁾ chưa phải đã biết hết biển thông; ngũ giáo của Tô Uy⁽³⁾ chưa phải giỏi cổ vũ.

*

* *

191. Nhà Tống mất nước cũng giống như nhà Tây Tấn

Kinh su ví như trong nhà, quận huyện ví như phen giậu. Phen giậu có vững trong nhà mới yên. Nhà Tấn bãi bỏ quân ở châu quận, quận lớn chỉ đặt một trăm quan võ, quận nhỏ đặt năm chục người. Sau cướp nổi lên, năm nước Hồ quấy rối, các châu quận không [có quân] phòng bị,

1. Lời của *Hệ tử thượng truyện*, *Kinh Dịch*.

2. Xem ct. 5, tr. 379 và ct. 3, tr. 389.

3. Tô Uy người nước Tùy, thời Văn Đế, làm quan Thái tử thiếu bảo, Hậu Chủ nước Trần ở Giang Nam hoang dã xa xỉ, dân cũng bị nhiễm thói xấu lây. Khi nước Trần đã bị diệt, Văn Đế sai Tô Uy đặt ra ngũ giáo (5 điều dạy) nhằm dạy dân Giang Nam trở lại tốt lành, gồm: 1- làm cha phải có nghĩa, 2- làm mẹ phải hiền từ, 3- làm anh phải thương yêu em, 4- làm em phải kính trọng anh, 5. làm con phải có hiếu. Nhưng dân Giang Nam đã quen thói xấu, nổi dậy làm loạn, cuối cùng phải dùng vũ lực mới trị yên.

không giữ nổi nên loạn to. Nhà Tống thu hết quân của các phương trấn, dùng quan văn trông coi các châu. Quận lớn dùng hai chục người, quận nhỏ bớt đi năm người để làm các việc thông thường. Sau bị dịch hoành hành, các thành tan vỡ, kinh đô Biện cuối cùng không giữ được. Thế là nhà Tống mất nước cũng giống như nhà Tây Tấn.

*

* *

192. Nhà Tống hủy bỏ việc binh là sai lầm

[Đất nước] thái bình hàng trăm năm, bốn bề vô sự phải là do gia pháp tốt, đức trạch dày mới được như thế. Vậy mà người bàn bấy giờ lại cho rằng đó là do thu hết quân ở bên ngoài. [Nói thế] chẳng sai lầm lắm sao? Xem sự việc năm Hàm Bình thứ ba (1001) thời Chân Tông. ở Bộc châu, đêm có giặc vào thành cướp nhà Tri châu, nhà Giám quân. Vương Vũ Xung⁽¹⁾ bấy giờ đang làm Tri châu ở Hoàng châu có dâng sớ tâu rằng: "Dụng đồ lập ấp là thuật giữ nước của bậc vương giả". *Kinh Dịch* nói: các vương công xây dựng nơi hiểm để giữ nước⁽²⁾. Thời Ngũ Quý⁽³⁾ loạn lỉ, đất đai chia cắt trong hơn bảy chục năm, [mãi đến

1. Vương Vũ Xung: người thời Tống, tự Nguyên Chi, thi đỗ Tiến sĩ năm Thái bình hưng quốc, làm quan đến chức Hàn lâm học sĩ. Ông là vị quan dám bàn nói mọi công việc của triều đình.

2. Lôi Soán từ, quẻ Khảm, *Kinh Dịch*: Vương công thiết hiểm để thủ kì quốc".

3. Ngũ quý: tức Ngũ đại.

khi] Thái Tổ, Thái Tông [nhà Tống] dẹp xong bọn tiếm
nguy, thiên hạ mới thành một nhà. Thế mà người bàn khi
ấy lại bắt các quân Giang, Hoài phá thành lũy, thu giáp
bình, bỏ vũ bị, dùng kẻ thu sinh coi giữ các châu hơn hai
chục năm. Tiếng là Trường sử mà thực như người đi đường,
mang tên là quận thành mà trở trụ như đất bằng. Tuy nói
tôn kinh sư áp chế quận huyện là thuật làm cho "mạnh
thân yếu cảnh"⁽¹⁾ [nhưng làm như thế] cũng không hợp
với đạo trung. Khi thần ở châu Từ, cho quân kéo thẳng
thuyền về kinh nhưng thấy ngoài ải trong thành chẳng ai
coi giữ, đành tự đóng mở lấy cửa thành. Đến khi [thần]
chuyển đến các châu Hoài, châu Dương, tiếng là các trấn
quan trọng, được nhận ba chục bộ áo giáp cho tuần cảnh,
nhưng nếu thần có giương cung căng nỏ thì mười phần đã
hỏng đến bốn, năm mà cũng không dám tự ý sửa chữa. Vì
người trên kẻ dưới cứ lần lữa như thế cho nên mới đến
nông nổi ấy. Nay Hoàng châu, thành trì binh khí, áo giáp
không bằng một phần vạn của châu Từ châu Dương, [lại
thêm] lủ lụt, hạn hán, giặc giã, trộm cướp nổi lên [khắp
nơi], dù có muốn dẹp đi nhưng lấy gì mà chống chọi. Có
lẽ vì vua Thái Tổ muốn ngăn mối hi vọng của bọn tiếm
nguy nên không thể không làm thế. [Nhưng ngờ đâu] điều
đó giống như đặt ra pháp độ để cứu vãn tệ nạn thì lâu
ngày tệ nạn lại nảy sinh ra từ đó. Nay các châu ở Giang
Nam có ba nỗi lo lớn: một là thành lũy sứt lở, hai là binh

1. Ý câu này nói làm cho thế lực nhà vua mạnh, làm cho các địa
phương yếu đi để khỏi vượt quyền vua.

khí không hoàn bị, ba là linh tráng không luyện tập. Giặc ở Bộc châu nổi lên chính là do sự coi thường đề phòng ấy. [Nay xin vua cho các châu] chiếu theo số hộ khẩu nhiều hay ít, thành lũy lớn hay nhỏ mà đặt đội quân thủ tróc⁽¹⁾, số quân nhiều không để quá năm trăm, và phải duyệt tập cung kiếm, sửa sang thành lũy, chỉnh bị áo giáp mũ trụ. Như vậy thì các châu quận mới có đủ sức phòng bị, và quan Trường sử cũng tránh khỏi mối lo bị cướp bóc.

[Tờ sớ dâng lên] vua Chân Tông khen ngợi, nhưng không được đưa ra thi hành. Ôi! hồi đầu mở nước đã như thế, còn trách gì các thời Tuyên Hóa⁽²⁾, Tĩnh Khang⁽³⁾ đã quen nhàn rồi chơi bời? Bài sớ này không thấy trong "Sử thông giám", chỉ thấy chép trong "Danh thần tấu nghị". Nay ghi lại ra đây để thấy sự lầm lỗi của việc hủy bỏ việc binh của triều Tống để làm răn cho đời sau.

* .

* *

193. Tác hại của việc dùng binh lâu ngày

Sách *Tôn Tử*⁽⁴⁾ nói: "Dấy binh mười vạn, ngày tốn nghìn vàng. Dùng lâu quân sẽ mất hết nhuệ khí, sẽ tốn của hao

1. Thủ tróc: đội quân làm nhiệm vụ giữ và bắt.

2, 3. Tuyên Hóa là niên hiệu của Huy Tông, Tĩnh Khang là niên hiệu của Khâm Tông, hai vị vua cuối cùng của nhà Bắc Tống, hèn kém không giữ được nước.

4. Sách *Tôn Tử*: sách nói về phép dùng binh, tương truyền do Tôn Vũ người nước Tề thời Xuân thu soạn.

sức. Nếu chư hầu nhân cơ hội ấy nổi lên thì dù người có tài trí cũng khó giữ vẹn trước sau". Cho nên việc binh dẫu kém mà nhanh vẫn hơn, chứ chưa thấy ai giỏi mà để lâu bao giờ. "Việc binh dùng lâu mà có lợi cho nước là điều không thể có". Lời nói ấy thật chí lý, thực đáng làm khuôn mẫu cho muôn đời. Sách này làm vào cuối thời Xuân thu, giữa lúc các nước đang tranh hùng [cho nên] ý nhắc nhở phải luôn thận trọng thật là thiết thực.

Khi Hạp Lu⁽¹⁾ đánh nước Sở, Tôn Tử đã áp dụng cách này, sau do [Hạp Lu] để quân mệt mỏi lâu ngày, kết cục bị quân Tần đánh thua. Chẳng phải Tôn Tử đã từng can mà vua Ngô không nghe sao? Đến thời Phù Sai⁽²⁾, cũng vì thích dùng binh và dùng mãi không nghỉ, tài lực trong nước khánh kiệt, sau bị Câu Tiễn⁽³⁾ đánh cho đại bại. Phải chăng không ai đem sách này ra can? Xem sách *Ngô Việt xuân thu*⁽⁴⁾, Ngũ Tử Tư⁽⁵⁾ can việc đánh nước Tề nước Lỗ đã đưa câu "Dấy binh mười vạn, ngày tổn nghìn vàng" ra can thì cũng là lời ỏ thiên sách này. Sao Phù Sai đã biết mà lại không nghe theo. Sau nước Ngô, [các nước] mắc lỗi ấy để đến nỗi nghiêng đổ [cơ đồ] không sao kể xiết.

1. Hạp Lu: vua nước Ngô thời Xuân Thu.

2. Phù Sai: con Hạp Lu, nối ngôi làm vua nước Ngô thời Xuân Thu.

3. Câu Tiễn: vua nước Việt thời Xuân Thu.

4. *Ngô Việt xuân thu*: bộ sách do Triệu Dục thời Hán soạn.

5. Ngũ Tử Tư: tức Ngũ Viên, người nước Ngô thời Xuân Thu. Xem thêm ct. 3, tr. 316.

Như nhà Tân đánh Hung Nô, đánh Bách Việt; Vương Mãng đánh Hung Nô, khiêu khích người Mịch; Đông Hán đánh rợ Khương; Bồ Kiên nước Tần đánh nước Tấn; Duệ (Dạng) Đế nhà Tùy đánh Cao Ly; Ý Tôn nhà Đường đánh Nam Chiếu, Huy Tôn nhà Tống đánh Tây Hạ, lấy đất Yên Vân; Minh Tông [nhà Nguyên] giúp Triều Tiên đánh Nhật Bản, đều hịch truyền khắp nơi, trưng binh điều tướng đồn dập, vét hết quân trong cõi, dùng hết sức thiên hạ để dồn cho một nơi, việc quân kéo dài, tai họa tích kết, dân khốn cùng, của cải hết. Bấy giờ các nước cừu địch, các phiên trấn thừa cơ nổi dậy mà gốc ngọn thì trống rỗng, yếu ớt không thể chống đỡ được nữa. Đó chẳng phải là tai hại do dùng binh lâu ngày sao?

*

* *

194. Lời bàn về việc trị nước của Vũ Đế nhà Hán và Nhân Tông nhà Tống

Vũ Đế nhà Hán luôn phải sẵn sàng chống lại quân Hung Nô nên đã giao hẳn trách nhiệm này cho các quận ngoài biên. Còn các tướng khi nào được sai [đem quân] ra ngoài ải là phải hành quân gấp, đánh nhanh, thắng mau rồi rút về. Những chỗ đất mới mở mang thêm thì đặt đồn canh phòng và tuyển những kẻ có tội, kẻ trốn tránh ra đóng ở đó. Việc chinh dịch không kéo dài hàng năm, quân lính không phải đồn thú lâu ngày cho nên hành quân [chinh chiến] đến hơn ba chục năm mà gốc nước không bị thương

tổn. Nhưng của cải vật dụng thiếu thốn, giặc cướp nổi dậy, tề hại dẫu không quá đáng song vẫn nảy sinh, nên đến cuối đời [Vũ Đế] bèn bỏ đất Luân Đài⁽¹⁾, ra tồ chiếu hối lỗi. [Từ đó] dân mới được nghỉ ngơi.

Thời Nhân Tông nhà Tống, từ khi xảy chuyện với Tây Hạ, chỉ lo tụ tập [quân lính] để phòng thủ, không hề mang quân ra ngoài cửa ải lần nào. [Nhu thế] kế sách trong nước tuy không bị tổn hại gì, nhưng mới được có 5 năm, tiền của và sức lực của nhà nước và của dân đều thiếu thốn. Người nước Liêu nhân đó vào xâm lấn. [Vì vậy] bất đắc dĩ phải nhẫn nhục giảng hòa, bớt số lính thú, giảm chinh dịch, bấy giờ thiên hạ mới được yên. Ôi! người biết lo xa việc nước lại không biết soi vào tấm gương này sao.

Đông Giang thấy rằng lời bàn về việc trị nước [của ông Quế Đường] thật là sáng suốt.

*

* *

195. Chế độ phong kiến làm thành cao hào sâu

Thời thượng cổ, khi chế độ phong kiến ra đời là thành cao hào sâu khắp thiên hạ, dù giặc cướp cũng chưa dễ làm gì nổi. Thời Chiến Quốc nước Tần mạnh đã dùng hết trí lực để đánh sáu nước [Tề, Sở, Yên, Hàn, Triệu, Ngụy]

1. Luân Đài: vùng đất của nước Tây Vực. Trước đây Vũ Đế nhà Hán đã cho đóng đồn thú và lập đồn điền ở đây.

nhưng cũng phải qua bảy đời vua⁽¹⁾ và hơn một trăm năm mới thắng nổi. [Đánh các nước có thành cao hào sâu] khó khăn là như thế đó. Ngụ Khanh⁽²⁾ nói với vua Triệu rằng: "Nước Tần dẫu đánh giỏi cũng không lấy nổi sáu thành; nước Triệu dẫu yếu cũng không bị mất sáu thành". Triệu Xa⁽³⁾ cũng nói với Điền Đan⁽⁴⁾: "Nay thành ngàn trượng, ấp muôn nhà lại sát liền nhau, [dù giặc] có đem ba vạn quân vây kín mọi góc thành, nhưng đem quân đi đánh xa thì [giặc] cũng chẳng làm nổi chuyện gì". Người đời xưa phòng thủ nghiêm ngặt kín đáo, hình thế lại sát liền nhau, xem đó là thấy được ngay.

Từ thời Hán Đường trở về sau, đổi [chế độ phong kiến] lập ra các quận huyện, chọn dùng quan mục, quan thú. Tuy đó không phải là kế làm cho sâu gốc bền rễ, nhưng cũng có lúc chỉ cần một số quân nhỏ cũng cứu nổi một thành đang nguy khốn, và có khi nhờ giao ước trước mà các quận đem quân cứu viện được lẫn cho nhau. [Cách đó] đều có thể che chở được cho các đô ấp, phá được

1. Bảy đời vua: gồm Văn Công, Mục Công, Hiếu Công, Huệ Văn Vương, Chiêu Tương Vương, Hiếu Văn Vương, Trang Tương Vương nhà Tần.

2. Ngụ Khanh: nhà du thuyết thời Chiến Quốc, sang nước Triệu thuyết Hiếu Thành Vương đánh nước Tần, sau làm quan tới chức Thượng khanh.

3. Triệu Xa: Đại tướng quân nước Triệu thời Chiến Quốc. Xem thêm ct. 2, tr. 144.

4. Điền Đan: xem ct. 1, tr. 141 và ct. 2, tr. 407.

quân mạnh. Nhưng từ khi nhà Tống [rút bớt đất phong] làm yếu các phương trấn, làm tiêu tán số quân ngoài biên thì bốn bề chín châu mặc nhiên không có gì phòng vệ, giặc tha hồ tung hoành dày xéo như vào chỗ không người. Như khi người Kim nổi lên ngoài cửa ải, vây hãm Yên Sơn, tràn vào phía đông bắc sông Đại Hà, kéo thẳng đến kinh đô Biện, chia quân đánh đất Quan đất Thiểm, rồi ào ạt đến Sơn Đông, hạ Lương Hoài, vượt sang Giang Nam, phá sạch Kim Lăng, Lâm An, đuổi Cao Tôn ra mạn bắc rồi sau mới kéo quân về. [Quân giặc] đã dùng đến cao độ sức lực của quân lính, nên các thành trì của Trung Quốc đổ vỡ không sao giữ được. [Thực là] từ xưa chưa bao giờ thế nước suy yếu đến như thế. Vậy thì các bề tôi khi ấy còn có thể bàn là "theo chế độ của tổ tiên, thu binh quyền của các tướng" được chăng?

*

* *

196. Muốn cho nước mạnh thì phải nắm quyền thao túng

Đọc sách *Quốc ngữ*⁽¹⁾ đến đoạn vua Phù Sai nước Ngô

1. *Quốc ngữ*: bộ sách do Tả Khâu Minh thời Xuân thu soạn.

từ Hoàng Trì về⁽¹⁾ vẫn cho dân nghỉ ngơi không có ý phòng bị [nước Việt]. Phạm Lãi⁽²⁾ nói: Ta tưởng rằng vua Ngô sắp kéo quân sang đất nước ta, nhưng nay lại bãi binh không đề phòng, thế là đã quên ta rồi. [Tuy nhiên phần ta] ta vẫn không nên lơ là [việc quân]. Thế rồi Phạm Lãi khuyên vua Việt đem quân đánh và diệt nước Ngô... chưa bao giờ khỏi than thở mãi.

Muốn cho nước mạnh thì phải nắm độc quyền thao túng để ta luôn ở thế hơn người, còn kẻ thù thì luôn phải đối phó với ta. Có thế nước mới đứng vững được. Người xưa nói: "Thà ta bạc với người, chứ không để người bạc với ta" và "hành động trước thì khống chế người; hành động sau thì bị người khống chế". Tô Tử⁽³⁾ cũng nói: "Phải tỏ ra không biết sợ; phải lộ rõ lòng ham chiến, thì quyền hành mới vào tay ta". Cho nên trước ngày quân Việt vào, Phù Sai có thể nói đến việc cho dân nghỉ, nhưng khi quân Việt đã vào đã đất Ngô rồi thì không thể nói đến việc cho dân nghỉ nữa. Khi đã nói đến việc cho dân nghỉ là tình trạng yếu đuối sẽ bộc lộ ra, kẻ thù sẽ lợi dụng cơ hội ấy

1. Phù Sai tới Hoàng Trì để họp các chư hầu ở phía bắc, nhân cơ hội này vua Việt đem quân đánh, giết chết Thái tử nước Ngô. Khi Phù Sai về đưa hậu lễ giảng hòa với Việt, liền sau đó bốn năm nước Ngô vẫn cho dân nghỉ, không chuẩn bị gì để trả thù nước Việt.

2. Phạm Lãi: người nước Sở thời Xuân Thu, giúp Câu Tiễn diệt nước Ngô.

3. Tô Tử:

ngay. Vua Khâm Tông nhà Tống, khi chưa có quân Kim vào đánh thì có thể răn dè việc dùng binh, nhưng khi quân Kim đã vây đất Biện rồi thì không thể răn dè việc dùng binh. Khi đã răn dè việc dùng binh thì tình thế yếu đuối khiếp sợ sẽ hiện rõ, ngoại di sẽ nhân đó vào xâm lấn ngay.

*

* *

197. Mọi việc làm thường có thời vận và biến hóa linh hoạt

Mọi việc làm thường có thời vận và biến hóa linh hoạt. Chú đâu cú phải câu nệ vào một điều gì đó. Người nước Ngô lấy cớ [cho rằng hai đất] Ngải Lăng và Hoàng Trì phải chinh chiến lâu ngày [nay] đáng được tạm nghỉ ngơi. [Nhưng họ] không biết rằng kẻ địch vừa đắc chí rút đi mà không ai dám làm gì chúng thì tất chúng càng có ý khinh thường. Các đại thần thời Tĩnh Khang⁽¹⁾ soi tấm gương thất bại trong việc khôi phục đất Yên đất Vân [cho nên] không dám nói đến việc binh, lại bãi quân cứu viện, giải tán [đội quân] đoàn kết để đến nỗi khi giặc Hồ mạnh lại kéo vào, không sao chống đỡ được nữa. Biểu hiện ấy nào có khác gì vua Ngô cú khu khu [giữ cố cho quân nghỉ].

*

* *

1. Tĩnh Khang: niên hiệu của Khâm Tông nhà Tống.

198. Không nên thay đổi một cách khinh thường các chế tác của các triều trước

Sách *Thế thuyết*⁽¹⁾ chép: Khi Hoàn Ôn⁽²⁾ trấn giữ Nam Châu, các đường phố đã được sửa sang phẳng phiu thẳng tắp. Có người nói lại với Vương Tuân⁽³⁾ rằng: Khi Thừa tướng mò mang Kiến Khang đã xây đắp đường phố quanh co không giống như ở đây. Vương Tuân trả lời: Đó chính là chỗ khôn khéo của Thừa tướng, vì đất Giang Tả hẹp không được như đất Trung nguyên, nếu làm đường ngang lối dọc đều thẳng tắp rộng rãi thì chỉ thoáng nhìn là thấy hết [địa thế]. Cho nên phải làm quanh uốn khúc để không ai lường biết được". Ý của người hiền tài xưa sâu sắc là như vậy.

Sách *Thuyết phu*⁽⁴⁾ chép: Khi Thái Tổ nhà Tống mò mang Đông Kinh, các quan dâng sơ đồ, đều vẽ theo hình thế vuông vắn bằng phẳng. Thái Tổ bỏ hết không dùng, rồi lấy bút vẽ một hình tròn lớn, ngang dọc xiên xẹo và nói: "Cứ theo đúng như thế mà sang sửa xây đắp". Đến

1. *Thế thuyết*: xem ct. 1, tr. 270.

2. Hoàn Ôn: quan Thứ sử châu Kinh thời Đông Tấn, sau làm tể Thừa tướng, Đại tư mã.

3. Vương Tuân: nguyên là lại viên của Hoàn Ôn, được Hoàn Ôn rất kính trọng, sau làm tể Thượng thư hữu bộc xạ, lại nhờ có tài văn chương, được Vũ Đế thân cận phong tước là Đông Đình hầu, cuối cùng làm tể chức Tấn kị thường thị.

4. *Thuyết phu*: sách do Đào Tông Nghi thời Minh soạn, gồm 100 quyển.

thời [Thần Tông], Thái Kinh⁽¹⁾ làm tướng, khi mở mang cung quán đã phá bỏ hết lối xây đắp kiên cố xưa, làm lại theo kiểu cách vuông vắn. Khi giặc Kim vào xâm lấn, cho là dễ đánh, đã lấy súng lớn đặt ở bốn góc thành bắn vào. Vì thành vuông, lại thẳng, súng bắn vào đâu là tường vách không sao đứng vững được nữa, cuối cùng không giữ được thành. Qua đó có thể nói rằng: các chế tác của các triều khác, liệu có thể thay đổi một cách xem thường được chăng?

*

* *

199. Nhà Tấn rút sang phía nam

Nhà Tấn rút sang phía nam⁽²⁾, tuy nói là suy yếu, nhưng đã trừ được tệ nạn Thạch Lạc⁽³⁾ và bỏ được lệ phong cho Mộ Dung⁽⁴⁾.

[Hai việc ấy] xem ra còn được lòng người. [Thêm nữa]

1. Thái Kinh: tự Nguyên Trường, thi đỗ tiến sĩ năm Hy Ninh triều Tống, cuối năm Nguyên Phong (niên hiệu Thần Tông) làm Tri phủ Khai Phong, năm Thiệu Thánh làm quyền Hộ bộ Thượng thư, thời Huy Tông làm Tả bộc xạ kiêm Trung thư thị lang.

2. Nhà Tấn, sau khi Vũ Đế chết, miền Trung nguyên bị 5 rợ Hồ là Hung Nô, Yết, Tiên Ti, Đê, Khương chiếm cứ, phải chạy sang Giang Nam (phía nam Trung nguyên) đóng đô ở Kiến Khang. Từ đây gọi là Đông Tấn.

3. Thạch Lạc: vua nước Hậu Triệu, thường đưa quân vào quấy rối Trung nguyên.

4. Mộ Dung: vua nước Tiền Yên và Hậu Yên.

từ sau khi Hoàn Ôn⁽¹⁾ diệt nước Thục, đất Giang Tả đã dần mạnh thêm lên. Rồi việc phá quân Diêu Tương⁽²⁾, lấy lại đất Hà Nam; việc đánh nước Tần, đánh nước Yên đều ra quân trước mặt nhiên lộ rõ khí thế nuốt trứng Trung nguyên của nhà Tấn. Ngay khi Bồ Kiên⁽³⁾ đang mạnh, Tạ Huyền⁽⁴⁾ vẫn liên tiếp đem quân đánh phá miền đông sông Phì, sông Hoài; giải vây Quảng Lăng; Hoàn Sung⁽⁵⁾ vẫn đem mười vạn quân đánh đất Tương đất Miện, hạ liền mấy thành. Do uy thế quân Tấn làm chấn động phương bắc đã lâu, cho nên chợt có tin giặc lớn đến ý chí quân dân Giang Tả không chút sợ sệt, họ chung sức chung lòng bàn nhau nhất trí chỉ đánh chứ không thủ, chỉ tiến chứ không lùi. Quang cảnh bấy giờ không chỉ do Tể tướng Tạ An⁽⁶⁾ bình tĩnh trấn yên họ, mà khắp nơi đều vẫn thu nhận như vậy. Còn quân Tần, liên tiếp mấy năm liền gánh chịu việc đao binh thành ra có ý sợ quân Tấn. [Bởi thế]

1. Hoàn Ôn: xem ct. 2, tr. 411.

2. Diêu Tương: danh tướng nước Hậu Triệu.

3. Bồ Kiên: xem ct. 1, tr. 71.

4. Tạ Huyền: xem ct. 2, tr. 277.

5. Hoàn Sung: em trai Hoàn Ôn, theo Hoàn Ôn đi đánh dẹp các nơi, có công được phong Trấn uy tướng quân, làm Thứ sử Giang Châu. Khi Hoàn Ôn mất, Hoàn Sung lên thay, làm Trung quân tướng quân, chỉ huy quân các châu Giang, Dự và Dương, hết lòng trung thành với triều đình.

6. Tạ An: Tể tướng có tài đức của Đông Tấn, đã dùng cháu là Tạ Thạch và Tạ Huyền đem 5 vạn quân phá tan 18 vạn quân của Bồ Kiên nước Tần ở sông Phì Thủy.

khi thấy bóng cây ngọn cỏ, khi nghe gió thổi hạc kêu⁽¹⁾ đều sợ hãi, tưởng như [quân Tấn đuổi đến nơi] không dám chống cự lại. Đó là vì khi thế [quân Bồ Kiên] đã bị nhụt từ trước rồi.

*

* *

200. Nhà Triệu suy yếu từ sau niên hiệu Hàm Bình

Nhà Triệu Tống từ niên hiệu Hàm Bình trở về sau, có tập trung quân phòng bị ở ngoài biên, nhưng chưa từng sai vị tướng nào đem quân ra khỏi cửa ải, mà chỉ khi quân giặc kéo đến nơi mới đối phó lại. Quyền chủ động luôn ở phía địch chứ không ở phía mình. [Cho nên] khi có tin cáo cấp là sợ hãi không biết làm thế nào, chỉ đổ lỗi lẫn cho nhau. Nếu may được thoát nạn thì lại hỗn hờ chúc mừng nhau, chứ không bàn nghĩ đến kế lớn. [Thế là] chỉ khi đã nhụt mất từ trước rồi, còn chống chọi sao được [với quân giặc]. Trong lúc [đất nước] toàn thịnh mà đã có người bàn chuyện dời đô [để tránh giặc] huống chi lúc đã suy yếu? Đông Pha⁽²⁾ nói: "nhân dân ở ven biên giới, cứ ngoảnh sang phía tây là run sợ, quân lính chặn ngựa thì không

1. Gió thổi hạc kêu: quân của Bồ Kiên bị quân Tấn đánh thua, khi chạy thấy bóng cây ngọn cỏ đều tưởng là quân Tấn mai phục, nghe tiếng gió thổi hạc kêu đều tưởng là quân Tấn đuổi đến nơi.

2. Đông Pha: tức Tô Đông Pha, đại văn hào thời Bắc Tống, làm quan Hàn lâm học sĩ, Binh bộ Thượng thư.

dám giương cung hướng sang phía bắc, còn các quan tướng thì chưa vào trận đã thua". Ôi! nhà Tống đã suy yếu quá lắm rồi.

*

* *

201. Huy Tông nhà Tống làm điều bất nghĩa nên nước mất

Truyện nói: "Thân thiện với mọi người, ăn ở tốt với láng giềng là điều quý báu cho nước" và "cứu người gặp tai họa, thương người láng giềng là đạo làm người". Nhà Tống với Khiết Đan [kết tinh] anh em, việc mừng việc tang vẫn cùng nhau thăm hỏi; việc yêu thương, việc vui thú vẫn cùng nhau chung hưởng; có ngọc báu lựa quý vẫn cho nhau. Hơn một trăm năm [như thế] thật là việc từ xưa hiếm có. [Nay bỗng dưng] thấy Khiết Đan gặp nạn, nhà Tống đã không cứu thì thôi, lại cấu kết với lũ bề tôi phản quốc, xâm lấn đất đai Khiết Đan. Như vậy là thế nào? Với quý thần, thế là việc không lành; với đạo đức thế là trái nghĩa; với người thế là thất lễ. [Ba điều xấu ấy] đều có cả thì còn mong sao được phúc lành? Trung quốc⁽¹⁾ nà được quý trọng là ở chỗ có tin nghĩa thời. Nay lợi dụng lúc người ta

1. Trung quốc: còn gọi là Hoa hạ, chỉ khu vực trung tâm văn minh của nước Trung Quốc thời cổ xưa, để phân biệt với vùng man di lạc hậu ở phía ngoài trung tâm.

nguy khốn, mừng khi người ta gặp nạn, làm trái điều mình ước, dứt tình hòa hiếu, thế là bất tín, bất nghĩa, còn sao gọi là Trung quốc được nữa? Mười sáu châu ở đất Yên, đất Văn vẫn do Khiết Đan lấy từ đời Thạch Tấn⁽¹⁾, có phải là đất cũ của nhà Tống đâu mà phải đòi lại? Mấy lời trước, tuy hai nước có điều xích mích với nhau, nhưng đã được giải hòa. [Nhu vậy thì] cũng chẳng còn oán thù cũ cần phải trả. Thế mà thời Tuyên Hòa lại đem quân đánh [Khiết Đan]. Thật chẳng danh giá gì. Nước Yên nước Triệu vốn có nhiều kẻ sĩ khảng khái hào hiệp giống như Tả Xi Cung⁽²⁾, Lưu Ngạn Tôn⁽³⁾ đều cho việc ấy là bất nghĩa, nên họ không oán nước Kim mà lại oán nước Tống, đã khuyên người Kim mang quân sang phía nam [đánh nước Tống] để rửa hờn. Do đó xảy ra tai họa ở kinh đô Biện. Lời dạy "hiếu hoàn"⁽⁴⁾ của Lão Tử thật đáng tin lắm thay.

**

* *

1. Thạch Tấn: tức Thạch Kinh Đường, vua Cao Tổ nhà Tấn vốn dòng dõi giống man di ở phía tây.

2; 3. Tả Xi Cung và Lưu Ngạn Tôn vốn đều là quan nước Liêu sau vì vua Liêu không tin nghe lời can gián của họ, nên cả hai đầu hàng nhà Kim.

4. Hiếu hoàn: nguyên văn: Thiên hạ hiếu hoàn (Đạo trời thường trở lại với cái ban đầu).

202. Kinh Công giúp Thân Tông đánh nước Liêu là không biết thời vận

Kinh Công⁽¹⁾ mưu giúp Thân Tông [nhà Tống] đánh nước Liêu, khôi phục hai miền đất cũ là Yên và Vân. Chưa kể những thiếu sót trong thực hành thì ngay chủ trương ấy cũng đã là không biết thời vận rồi. Mặt trời đứng bóng, rồi mặt trời sẽ lặn; mặt trăng tròn rồi mặt trăng sẽ khuyết. Đó là đạo của trời. Cho nên hào Cửu tam quẻ Thái có tượng "bằng phẳng" [rồi lại nghiêng]; hào Cửu tam quẻ Ly có tượng "than phiền" [vì già lặn]. Nhà Tống từ khi Thái Tổ thống nhất thiên hạ, tiếp đến bốn vua [Thái Tông, Chân Tông, Nhân Tông và Anh Tông] nối nghiệp giữ gìn cơ đồ, cảnh thái bình kéo dài đã hơn trăm năm, thế chẳng phải là cực thịnh sao? Thịnh rồi lại suy, đó là sự thế [tất nhiên] như thế, chủ đầu có lý lại có thể một lần nữa trở lại thôn tính được bốn rợ và khôi phục được biên cương cũ! Từ xưa các vua giữa các triều đại mà thắng được di địch chỉ có Tuyên Đế nhà Hán, Tuyên Tông nhà Đường thôi. Còn Vũ Đế nhà Hán cất quân [đánh Hung Nô] hơn ba chục năm [trong nước khốn khổ đã nhiều; nhà Đường từ niên hiệu Thiên Bảo [Huệ Tông] trở về sau, việc đao binh chinh chiến đã đến mức cùng cực. Hung Nô, Thổ Phồn vào xâm lấn, Trung quốc không ngày nào được yên. Lúc

1. Kinh Công; tức Vương An Thạch. Xem ct. 4, tr. 379.

thịnh lúc suy, khi mạnh khi yếu, đó là lẽ thường của vận trời.

Nhà Tống từ khi nam bắc giao hòa, dân ngoài biên đã hàng trăm năm không biết việc binh đao. Như lời Thiệu Tử⁽¹⁾ nói: "[người mà từ khi] sinh ra luôn được ấm no, đến già vẫn không biết sự loạn ly, thật xưa nay chưa từng có. [Thế thì] còn gì hơn thế nữa?" Huống chi các đời Hán, Đường đều nhân lúc người ta suy yếu, đến vỗ về chăm sóc, việc làm đó vốn xuất phát vô tư. Còn Vương An Thạch thì muốn gây chuyện binh đao để lấy đất nước người ta, thế chẳng lạ lắm sao? Nước đang yên tĩnh đem khuấy động lên, dân đang yên nhàn bắt phải khó nhọc. Bởi việc, ham danh là điều trời rất ghét. Cho nên từ sau khi [Vương An Thạch] bày ra mưu kế, dân bốn bể lung lay dần, đến đời Tuyên Hòa, Tĩnh Khang đành chịu ngồi mà mất Trung nguyên, tạo ra sự thế [phải chạy sang] Giang Tả. Đó tuy là "lý" và "số" chuyển vần, đối đời dẫn đến như thế. Nhưng Vương An Thạch cũng không thể chối từ trách nhiệm đã gây ra tai họa ấy.

Đông Giang cho rằng lời bàn này thông hiểu cả "lý" lẫn "số". Thực là điều mà người đời trước chưa ai nhận ra.

*
* *

1. Thiệu Tử: tức Thiệu Ung người thời Tống.

203. Dựng đô lập ấp là việc lớn

Dựng đô lập ấp là việc lớn. Mưu sách của người xưa thật là sâu xa. Thuận và Hà⁽¹⁾ là hai vùng đất màu mỡ, lại gần ruộng muối thế mà Hàn Hiến Tử⁽²⁾ khẳng khái không lấy. Ông nói: "Nước giàu thì dân sẽ xa xỉ, thích an nhàn; ở gần cửa bể thì vua sẽ tham. Thật là [lời của] bậc lão thành biết lo xa. Vì vậy thế nước nhà Tấn mạnh. Còn nhà Nam Tống đóng đô ở đất Lâm An⁽³⁾, là nơi phồn hoa giàu có, vua tôi sĩ phu một thời chìm đắm say sưa với thú vui cảnh vật, hồ nước núi non, không còn chí khí cao xa nữa. Người xưa cho là: Tây Hồ⁽⁴⁾ có thể làm nghiêng đổ đất nước như nàng Tây Thi⁽⁵⁾. Thật là đáng than thở.

*

* *

1. Đất Thuận đất Hà: hai miền đất thuộc nước Tấn thời Xuân Thu. Nay thuộc tỉnh Sơn Tây Trung Quốc.

2. Hàn Hiến Tử: quan Đại phu nước Tấn thời Xuân Thu.

3. Lâm An: kinh đô nhà Nam Tống, từ đời Cao Tông trở về sau.

4. Tây Hồ: nơi có thắng cảnh nổi tiếng, nay thuộc Hàng Châu Trung Quốc.

5. Tây Thi: còn gọi là Tây Tử, người nước Việt thời Xuân Thu, có nhan sắc tuyệt mỹ. Vua Câu Tiễn nước Việt đã dùng nàng làm kế mị nhân, dâng cho vua Ngô Phù Sai. Phù Sai say đắm sắc đẹp của Tây Thi, lơi là việc quân cuối cùng bị nước Việt tiêu diệt.

204. Nhà Tống mất nước là do hay bàn suông

Kinh Dịch nói: "Lợi dụng ngũ khẩu"⁽¹⁾. Nghĩa là bảo vệ lẫn nhau thì thuận đạo. Chu Tử⁽²⁾ nói: phải hiểu là "Trên dưới đồng tâm hiệp lực quân tự lại với nhau mới trong được giặc". [Thế mà] người Tống chỉ hay bàn suông, lực mạnh đã vào tận cõi rồi mà vẫn tự hỏi nhau bàn cãi là "hoà", "giữ" hay "đánh".. [Họ] lấy bút làm gương, lấy lời làm kiếm, tranh luận với nhau mãi không thôi. Đôi ba vì đại thân con do ý kiến bất đồng nhau mà dặng số vận rút lui. Vua bấy giờ thì ngộp ngừng không quyết đoán, mưu, kế rồi bời, tâm đức mỗi người mỗi khác. Như thế còn sao chống nổi giặc ngoại nữa? Sau sự việc thời Tĩnh Khang⁽³⁾, tiếp đến các thời Kiến Viêm, Long Hưng, Gia Định, Đức Hựu⁽⁴⁾ [tình hình nhà Tống] đã nguy ngập lắm rồi. Thế mà thời [bàn suông] ấy vẫn không thay đổi. Tiếc thay.

1. Nguyên văn tương hảo *Thượng cữu*, quê *Mông*, *kinh Dịch*: "Lợi dụng ngũ khẩu, thượng hạ thuận dã". ([hảo Thượng cữu] có lợi cho sự chống giặc, vì trên dưới đều thuận một lòng).

2. Chu Tử: tức, Chu Hy, nhà lý học, nhà triết học duy tâm của Trung Quốc vào thời Tống.

3. Sự việc thời Tĩnh Khang: vào văn Tĩnh Khang (niên hiệu Khâm Tông nhà Tống) nhà Kim đánh Tống, bắt Khâm Tông mang về nước.

4. Kiến Viêm: niên hiệu Cao Tông; Long Hưng: niên hiệu Hiếu Tông; Gia Định: niên hiệu Ninh Tông; Đức Hựu: niên hiệu Độ Tông. Vào các đời vua này nhà Tống đã suy yếu, các vua đều yếu hèn.

205. Trần Thiệp và Canh Thủy làm nhà Tần và Vương Mãng bị diệt là do họ cùng các tướng một lòng một dạ

Trần Thiệp⁽¹⁾ và Canh Thủy⁽²⁾ đều tài trí tầm thường. Các vương hầu và tướng văn võ do hai người dùng, số có tài, số hèn kém ngang nhau thế mà [đã góp phần] làm nhà Tần mất, làm Vương Mãng⁽³⁾ bị diệt dễ như trở bàn tay. Tại sao vậy? Vì họ cùng nhau một lòng một dạ. Một lòng một dạ nên quyết đoán được công việc; quyết đoán được công việc nên dùng mạnh; dùng mạnh nên thành công. Còn Nguyên Đế nhà Tần, Cao Tông nhà Tống đều có tiếng là tài giỏi sáng suốt. Các tướng văn võ của hai người cũng phần lớn là danh thần. [Vậy mà] cuối cùng không khôi phục được [Trung nguyên]. Tại sao vậy? vì lòng dạ họ phức tạp; lòng dạ phức tạp nên hay nghi ngờ; nghi ngờ nên nhút nhát; nhút nhát nên hỏng việc.

*

* *

206. Đông Pha và Trương Tuấn đều mắc căn bệnh của người tầm thường

Từ xưa chỉ có kẻ tiểu nhân ghét người quân tử, ngược lại không có người quân tử ghét người quân tử. [Thế mà]

1. Trần Thiệp: tức Trần Thắng. Xem ct. 6, tr. 162.

2. Canh Thủy: Xem ct. 3, tr. 219.

3. Vương Mãng: Xem ct. 6, tr. 95.

Đông Pha⁽¹⁾ ghét Trình Y Xuyên⁽²⁾; Ngụy Công⁽³⁾ hạch tội Lý Bá Kỳ⁽⁴⁾. Hai vị này ngày thường tự coi mình thuộc hạng người nào? Với đồng loại [hai vị] đã không bảo vệ được thì chớ, lại nhân lúc người ta nguy khốn đẩy người ta [đến chỗ nguy khốn] hơn. Đó đâu phải là đạo củ người hiền, dùng người tài? Vì tình khí cao kỳ nên không thể hạ mình trước kẻ sĩ; lượng hẹp nên không biết bao dung người, chỉ thích kẻ đồng tình, ghét người trái ý; quý kẻ bình thường, ghét người liêm giới. Đó là căn bệnh chung của người tâm thường. Hai vị [Đông Pha và Trương Tuấn] đều không tránh khỏi bệnh đó. Người bàn không ai khỏi than thở về điều ấy.

Đông Giang thấy Ngụy Công đâu chỉ có việc hạch tội Lý Cương [là không ra gì] mà bình sinh cũng chẳng có gì đáng khen. Còn Đông Pha là người có tài vương tá, so với

1. Đông Pha: tức Tô Đông Pha. Xem m. 2, tr. 414.

2. Trình Y Xuyên: tức Trình Di, người Lạc Dương đời Tống, thi đỗ Sùng chính điện thuyết thư, vì ở kinh có nhiều điều mâu thuẫn, không hợp với Đông Pha nên phải đổi ra quản Quốc tử giám ở Tây Kinh.

3. Ngụy Công: tức Trương Tuấn, tự Đức Viễn, người đời Tống, thi đỗ tiến sĩ, làm quan Khu mật sứ coi giữ việc quân ở Giang Hoài, tước Ngụy Quốc Công, ông là vị trung thần hết lòng vì việc nước, và luôn có chủ trương khôi phục lại nhà Tống.

4. Lý Bá Kỳ: tức Lý Cương, tự Bá Kỳ, người thời Tống, thi đỗ tiến sĩ, làm Binh bộ Thị lang, do chủ trương chống sự xâm lấn của nhà Kim nên bị hiềm trách. Sau lại được Cao Tông triệu về làm tể tướng sửa sang việc nội trị và chỉnh đốn việc ngoài biên, ông được nhiều người kính nể và khâm phục.

y Xuyên mỗi người đều có chỗ hay chỗ dở khác nhau, không thể bênh riêng một người nào được.

Ngô Dương Đình cho rằng lời bàn của Đông Giang rất không đúng. Sao lại bảo Ngụy Công là chẳng có gì đáng khen. [Thiết nghị] Đông Pha cũng chưa chắc có tài vương tá. [Chẳng hiểu] ông ta đã nhìn nhận Y Xuyên thế nào?

*
* *

207. Vương Đán bị vua trách vì không sửa chữ viết nhầm trong bài thơ của vua

Vương Đán⁽¹⁾ thấy bài thơ *Hỉ vũ* (mừng trời mưa) vua ban cho hai phủ có chữ viết nhầm định viết lại trình vua sửa đi. Vương Khâm Nhược⁽²⁾ nói "Chữ sai ấy cũng chẳng hại gì", rồi bí mật đem điều ấy tâu vua. Vương Đán bị vua trách song chẳng biện bạch gì. Sự thực này đã được Mã Tri Tiết⁽³⁾ nói hết với vua, vua chỉ nhìn Đán cười. Đây chỉ là việc nhỏ mà kẻ tiểu nhân cũng có dụng ý như vậy. [Song] chỉ trong nháy mắt thực trạng đã được phơi bày hết như thế, thủ hồi hành vi của Khâm Nhược còn có ích gì nữa.

1. Vương Đán: xem ct. 3, tr. 369.

2. Vương Khâm Nhược: xem ct. 2, tr. 270.

3. Mã Tri Tiết: tự Tử Nguyên, người đời Tống. Thời Chân Tông làm Khu mật phó sứ. Ông là người dám nói thẳng nói thật.

Hay thay câu nói của Lã Doan⁽¹⁾: "Ta cứ thẳng theo đạo mà làm sẽ chẳng có gì đáng sợ hãi và hổ thẹn cả, còn những lời bông gió, chớ bận tâm đến làm gì". Sau này Vương Khâm Nhược bị Đinh Vị⁽²⁾ lừa, đi xe vào kinh lúc đang có bệnh, bị hạch tội phải giáng chức. Đó là sự quá báo tất nhiên. Cho nên Cát Văn Khang⁽³⁾ có câu thơ rằng:

Thân thường tỉnh thoái, duyên tri chi

Tâm bất khuynh tà, úy hiếu hoàn

nghĩa là:

Lặng lẽ rút lui bởi ta biết dừng⁽⁴⁾

Lòng dạ không tà vì lo trời trở lại⁽⁵⁾.

*

* *

1. Lã Doan: tự Di Đức, người đời Tống. Thời Thái Tổ làm Thái Thượng thừa; thời Thái Tông làm Hộ bộ thị lang bình chương sự, sau làm Tế tướng. Thời Chân Tông làm Thái tử Thái bảo. Ông là người thẳng thắn, luôn giữ đúng lễ tiết và đạo lý trước mọi việc.

2. Đinh Vị: tự Vị Chi, thi đỗ tiến sĩ năm Thuần Hóa triều Tống, làm quan Đồng Trung thư môn hạ bình chương sự, Chiêu Văn quán đại học sĩ, tước Tấn quốc công. Thời Chân Tông, mọi việc xây dựng đền quán và tâu trình diêm lãnh diêm đồ lên vua đều do Đinh Vị và Vương Khâm Nhược thủ tướng. Đinh Vị nhay bén, có mưu, giáo hoạt, đã lừa Vương Khâm Nhược mắc tội.

3. Cát Văn Khang:

4. Biết dừng: Lời trong sách *Lão Tử*: "Trị túc bất nhục, Tri chi bất đãi, khả dĩ trường cửu" (biết thế nào là đã đủ thì không bị nhục, biết dừng lại đúng lúc thì không bị nguy hiểm, như vậy có thể được bền lâu).

5. Lo trời trở lại: xem "hiếu hoàn" ct. 4, tr. 416.

208. Thái Tổ nhà Tống dùng người tài

Thái Tổ nhà Tống không cất nhắc Tề Hiền⁽¹⁾ làm quan, có người cho ông có ý dành [Tề Hiền] cho Thái Tông; có người cho ông giận vì Tề Hiền cố chấp. Có lẽ không đúng. Vì những vị vua thông minh dù coi việc dùng người hiền tài là cần kíp nhưng vẫn muốn nuôi dưỡng thêm tài đức để ý chí vì nghiệp lớn [của họ] được thành đạt hơn.

Tề Hiền, một chàng trai trẻ nơi thôn dã, đã dám mạnh dạn bàn công việc sát thực với đương thời đang cần. Đó chẳng phải là kẻ sĩ kỳ tài sao? [Cho nên] dù mới gặp cũng cứ cho làm ngay chức cao, ai bảo không được? Nhưng vì việc lấy khoa cử để chọn người tài đã thành nên nếp. Nếu không theo nếp ấy sao thỏa mãn được nguyện vọng của thiên hạ? Và lại, nếu chỉ căn cứ vào một lời bàn mà vội cho làm quan ngay, [sợ người đó] sau này có thể sẽ đắc chí, tự mãn, cho mình là giỏi rồi cậy tài làm bừa. Chỉ bằng hãy tạm nén bớt chí hăng hái [của họ] để họ đọc sách học thêm, rồi tự họ tiến thân bằng đường khoa cử, sau đó thử họ dần [bằng công việc] rồi mới giao việc quan trọng chẳng hơn sao? Sự yêu mến quý trọng nhân tài của

1. Tề Hiền tức Trương Tề Hiền, tự Sư Lượng. Khi Thái Tổ nhà Tống đi kinh lý ở đất Lạc, Tề Hiền mặc áo vải đến dâng 10 kế sách. Trong đó có bốn điều hợp ý Thái Tổ, nhưng Tề Hiền cố chấp cho cả 10 điều đều sát thực. Thái Tổ giận đuổi, không dùng Tề Hiền. Nhưng khi về kinh Thái Tổ bảo Tấn Vương (sau là Thái Tông) rằng: Tề Hiền là người tài, sau này có thể giúp người làm Thừa tướng". Sau đến thời Chân Tông, Tề Hiền làm tới các chức Binh bộ Thượng thư, Đồng trung thư môn hạ bình chương sự.

Thái Tổ nhà Tống phải nhìn nhận như thế mới thấy được.

Ngô Dương Đình thấy rằng nên bớt tài trí sắc sảo của người rồi nuôi dưỡng cho họ có đầy đủ đức độ hơn. Đó chính là điều mà người xưa đã truyền lại cho Thái Tổ.

*

* *

209. Để kẻ sĩ oán hận thì họa lớn cho nước

Ôi! với những kẻ sĩ tài ba phong độ, người làm vua làm tướng nên quý trọng họ, cất nhắc họ đồng thời nên xóa bỏ giai cấp để giúp họ thành đạt; nên gỡ bỏ mọi ngăn cách để tỏ ra mình thoáng rộng. Với người hiểu rộng biết nhiều cũng nên yêu kính bảo vệ họ, không nên coi rẻ rồi không thêm để ý đến họ.

Xưa, nhân tài nước Sở mà dùng cho nước Tấn như Thác Công⁽¹⁾, Ứng Tử⁽²⁾, Miêu Bí Hoàng⁽³⁾ đều mang hết sức giúp nước địch chống lại đất nước tổ tiên mình; như Ngũ Cũ⁽⁴⁾ vì sợ vạ lây, định chạy sang nước Tấn,

1.2. Thác Công, Ứng Tử: hai người nước Sở thời Xuân thu không được vua Sở dùng, đã chạy sang nước Tấn, làm mưu chủ giúp vua Tấn diệt nước Sở.

3. Miêu Bí Hoàng: người nước Sở thời Xuân Thu, mắc tội phải giết, đã chạy sang nước Tấn, làm mưu chủ giúp vua Tấn diệt nước Sở.

4. Ngũ Cũ: quan đại phu nước Sở thời Xuân thu, vì bạn là Vương Tử Mậu bị tội chết, Ngũ Cũ sợ liên lụy định chạy sang nước Tấn, gặp Quy Sinh ở biên giới nước Trịnh, Ngũ Cũ nói hết ý định với Quy Sinh. Quy Sinh về nói với Tử Mộc. Nhờ đó Ngũ Cũ mới quay trở lại nước Sở.

Quy Sinh⁽¹⁾ biết chuyện về nói với Tử Mộc⁽²⁾. "Vì không biết bao dung người hiền tài nên quân bị thua, nước bị lấn, thật đáng than phiền". Do đấy Ngũ Cử mới lại quay về [với Sở]. Sau này Bình Vương [nước Sở] vẫn không biết soi gương đó, để đến nỗi Ngũ Viên⁽³⁾ phải chạy sang giúp nước Ngô mưu đánh lại nước Sở hết năm này đến năm khác. Kết cục Ngũ Viên được thỏa chí mặc sức báo thù.

Tướng nước Ngụy là Công Thúc⁽⁴⁾ có một xá nhân tên Vệ Uồng⁽⁵⁾. Công Thúc tiến Vệ Uồng lên Huệ Vương nói: "người này trẻ nhưng có tài, đáng dùng vào việc nước, nếu không dùng thì giết đi, dùng để chạy sang nước khác". Huệ Vương không nghe, quả nhiên Vệ Uồng sang nước Tần, được Hiếu Công trọng dụng, sau đem quân đánh nước Ngụy, phá tan quân, bắt sống tướng, Huệ Vương phải cắt đất xin hòa. Khi Vệ Uồng còn là xá nhân của Công Thúc, tưởng như chẳng liên quan gì đến sự coi khinh hay trọng dụng, cứ mặc Vệ Uồng dấy không hại gì mà giết đi cũng chẳng ích gì hơn. Nhưng khi Vệ Uồng đã vào nước Tần thì nước Ngụy mất hay còn là tùy thuộc ở sự tiến hay lùi

1. Quy Sinh: tức Thái Thanh Tử, người nước Sở thời Xuân thu.

2. Tử Mộc: tức Khuất Kiến, quan Lệnh doãn nước Sở thời Xuân thu.

3. Ngũ Viên: tức Ngũ Tử Tư. Xem thêm ct. 3, tr. 316.

4. Công Thúc: tức Công Thúc Troa người nước Ngụy thời Chiến Quốc.

5. Vệ Uồng: tức Công Tôn Uồng, người nước Vệ thời Chiến Quốc, không được vua Ngụy dùng, chạy sang giúp nước Tần trở thành giàu mạnh, được phong ở đất Thương nên gọi là Thương Uồng.

của ông ta. [Xem đó] liệu có thể xem thường kẻ sĩ trong thiên hạ được chăng?

Thủy Hoàng nhà Tần ra lệnh đuổi khách [nước ngoài vào nước Tần], người nước Sở là Lý Tư⁽¹⁾ dâng thư can rằng: "...[như thế là] bỏ kẻ sĩ có tài để giúp cho nước địch; đuổi tân khách để xây dựng cơ nghiệp cho chư hầu". Thủy Hoàng nghe lời can ấy, giữ tân khách lại dùng, cuối cùng thôn tính được thiên hạ.

Các tướng văn và tướng võ mà Cao Tổ nhà Hán dùng như Hàn Tín⁽²⁾, Trần Bình⁽³⁾, Bành Việt⁽⁴⁾, Anh Bố⁽⁵⁾ đều là bề tôi của Hạng Vũ⁽⁶⁾. [Lúc đầu] Hạng Vũ không biết dùng Hàn Tín, sau mới sai Võ Thiệp⁽⁷⁾ đến thuyết phục [để dùng] thì ôi! sao kịp nữa?

Khi Hoàn Ôn⁽⁸⁾ vào Quan Trung, lần đầu gặp Vương Mãng⁽⁹⁾, biết Vương Mãng là người cả Giang Đông không ai sánh nổi, [thế mà] chỉ cho làm chức Tế tâu, để Vương

1. Lý Tư: quan Thừa tướng nước Tần, thời Thủy Hoàng.

2. Hàn Tín: Đại tướng quân của Cao Tổ nhà Hán. Xem thêm ct. 4, tr.137; ct. 1, tr. 140; ct. 1, tr. 183.

3. Trần Bình: xem ct. 4, tr. 156.

4. Bành Việt: xem ct. 2, tr. 169.

5. Anh Bố: tức Kinh Bố. Xem ct. 4, tr. 171.

6. Hạng Vũ: xem ct. 3, tr. 163.

7. Võ Thiệp: người nước Tần, theo Hạng Vũ đánh Tần.

8. Hoàn Ôn: xem ct. 1, tr. 271.

9. Vương Mãng: xem ct. 6, tr. 95.

Mãng cho Bồ Kiên dùng mất. [Thế là Vương Mãng] đã giúp [Bồ Kiên]⁽¹⁾ làm nên cơ nghiệp giàu mạnh [làm cho] nhà Tấn có cơ bị nguy.

Nhà Ngụy chỉ lấy kẻ sĩ ở các nhà đông dôi, mà ngăn trở người hàn vi, đã không biết dùng Cao Hoan⁽²⁾. Cao Hoan liên sang với Nhĩ Chu Vinh⁽³⁾, thuyết phục Nhĩ Chu Vinh đem quân vào đất Lạc, cuối cùng lật đổ ngôi vua nhà Ngụy.

Nhà Đường, mỗi năm bộ Lễ mở khoa thi Tiến sĩ chỉ lấy không quá mười người. Hoàng Sào⁽⁴⁾ vì thi không đỗ, chuyển làm nghề buôn muối, rồi thành giặc lớn. Nếu Hoàng Sào [đỗ Tiến sĩ rồi] được bổ một chức quan thì khi nào lại dẫn thân làm loạn? Có ai ngờ rằng pháp độ chặt chẽ quá sẽ sinh ra tệ bỏ sót nhân tài và tai hại đến nỗi như thế?

Nước Lương với nước Đường giao chiến với nhau ở vùng ven sông Hoàng Hà đến hơn chục năm không phân

1. Bồ Kiên: xem ct. 1, tr. 71.

2. Cao Hoan: xem ct. 2, tr. 358.

3. Nhĩ Chu Vinh: người Hâu Ngụy, tự Thiên Bảo. Thời Minh Đế làm Đô đốc quân sự 6 châu, thời Phế Đế làm Thiệu Trụ đại tướng quân.

4. Hoàng Sào: người thời Hy Tông nhà Đường, có tài cưỡi ngựa bắn tên, sau khi thi hỏng đã mộ binh khởi nghĩa đánh vào Trường An, vua phải bỏ chạy, sau bị Lý Khắc Dụng diệt.

thắng bại. Nhưng từ ngày Khang Diên Hiếu⁽¹⁾ [bỏ nước Lương] chạy sang nước Đường, nói hết hư thực của nước Lương. Trang Tông liền quyết định đánh lớn thế là họ Chu⁽²⁾ bị lật đổ.

Nhà Hậu Đường lúc đầu còn khống chế được Khiết Đan. Nhưng từ sau khi Hàn Diên Huy⁽³⁾ bị Vương Giám⁽⁴⁾ gièm pha. [Huy] sợ tai họa phải chạy trốn rồi làm mưu chủ cho họ Gia Luật⁽⁵⁾, đã đem chế độ của Trung quốc dạy Khiết Đan, do đó Khiết Đan mạnh lên, ngang nhiên tiến hiệu [Hoàng đế] không còn như Thổ Phồn, Hồi Hột xưa kia nữa. Đến khi ấy Trang Tông mới tìm cách vời Hàn Diên Huy về, còn sao kịp nữa?

Đầu thời nhà Tống, khi vào thi Đình, Tiến sĩ vẫn còn có người bị đánh hỏng. Trương Nguyên⁽⁶⁾ nhiều lần bị bài

1. Khang Diên Hiếu: người Hậu Đường, làm quan nước Lương đến chức Tả hữu tiên phong chỉ huy sứ, thấy vua thu dùng bọn tiểu nhân, biết là nước Lương sẽ bị diệt, bèn lấy 100 quân mã chạy sang với Trang Tông nhà Hậu Đường, bày kế sách lấy kinh đô Biện. Nhà Lương do đó bị diệt.

2. Họ Chu: Cao Tổ nhà Lương họ Chu.

3. Hàn Diên Huy: ?

4. Vương Giám: người Hậu Đường, thời Trang Tông làm quan Ngự bác tiết độ phó sứ.

5. Họ Gia Luật: họ Khiết Đan.

6. Trương Nguyên: người Hoa Châu thời Tống. Sau lần dâng thơ có được vời vào triều nhưng không được dùng. Trương Nguyên đã cùng Ngô Hiệu là đồng đảng chạy sang làm mưu chủ cho Tây Hạ, gây việc binh đao kéo dài hơn mười năm.

xích, lấy làm không vừa ý, đã làm thơ gửi lên hai ông Hàn⁽¹⁾ và Phạm⁽²⁾. [Ý thơ] chan chứa hào khí. [Thế mà] hai ông Hàn và Phạm coi [Trương Nguyên] là kẻ sĩ nông cuồng, không thèm để ý đến. Trương Nguyên liền sang phía tây đầu hàng [Tây Hạ]. Khi Nguyên Hiệu⁽³⁾ tính chuyện làm phản, mọi văn thư của Nguyên Hiệu đều do Trương Nguyên dự thảo. Trong tờ hịch có câu: "Trẫm muốn thân đem quân đến sông Vị, trực tiếp chiếm đất Trường An". [Sau Nguyên Hiệu] lại sai thích khách đang đêm vào chỗ Hàn Kỳ nằm. Hàn Kỳ suýt bị giết. Việc binh đao [do Trương Nguyên gây ra] kéo dài hơn ba năm, nhà Tống vì đó mà mất ăn mất ngủ. Từ bấy giờ lấy việc ấy làm răn, mới ra lệnh cho các tiến sĩ đã được vào dự thi Đình thì không bị đánh hỏng nữa. Nhưng [dù thế] cũng khó có thể gỡ nổi sự lầm lỡ ngày trước.

Ôi! để gì hiểu được người, cũng không để gì khinh được người. Làm quan đại thần mà không biết yêu mến người tài cho đất nước, để họ phải lưu lạc thì còn gọi là

1. Ông Hàn: Hàn Kỳ, tự Trĩ Khuê, người đời Tống, thi đỗ tiến sĩ năm Thiên Thánh, giữ chức Giám thừa, sau thăng Khu mật trực học sĩ. Ông cùng Phạm Trọng Yêm là hai người ở lâu trong quân ngũ, rất được triều đình coi trọng, dân tin theo, được phong tước Ngụy Quốc công.

2. Ông Phạm: tức Phạm Trọng Yêm. Xem Phạm Văn Chính ct. 5, tr.380.

3. Nguyên Hiệu: tức Triệu Nguyên Hiệu, tự xưng đế, phản lại nhà Tống.

biết dùng người được sao? Cao Tông nhà Tống sai Lưu Dự⁽¹⁾ đi giữ Tế Nam. Lưu Dự không muốn đi, xin đổi tới một quận ở phía đông nam, triều đình không cho, Lưu Dự phải bực tức ra đi, bèn đầu hàng nước Kim, giúp thêm lòng cánh [cho nước Kim], gây tai họa cho nhà Tống.

Lý Tông nhà Tống theo lời Giả Tự Đạo⁽²⁾, tra xét số tiền và lương thực của các tướng ngoài biên rồi lấy văn pháp buộc tội họ. Cho nên Lưu Chính⁽³⁾ làm phản, sang hàng nhà Nguyên, nói hết hư thực của Trung quốc rồi hiến kế [cho nhà Nguyên] đánh đất Tương Dương. [Do đó] đất Giang Tả bị mất. Nếu như Lưu Dự, Lưu Chính không sinh hai lòng thì tài trí của họ chẳng lẽ lại không dùng được vào việc khác sao? Gây ra oán hận cho kẻ sĩ thì tai họa sẽ tới mức làm nhục nước và nghiêng đổ cơ nghiệp. [Điều đó] chẳng đáng sợ sao?

Ngô Dương Đình thấy sau thời Lê trung hưng và cuối

1. Lưu Dự: tự Nhan Du, người đời Tống, vốn nhà làm ruộng, chỉ có mình Lưu Dự thi đỗ tiến sĩ, làm quan Hà Bắc đề hình. Khi giặc Kim vào xâm lấn Dự bỏ quan tị nạn. Năm Kiến Viêm lại được làm quan phủ ở Tế Nam, vì ở Sơn Đông có giặc nên Dự không muốn nhận chức ở Tế Nam, bị ghét bỏ, Dự đầu hàng nhà Kim.

2. Giả Tự Đạo: tự Sư Hiến, người Tống. Thời Lý Tông, do em gái làm quý Phi nên Đạo được làm Hữu Thừa tướng.

3. Lưu Chính: tự Vũ Trọng, người Đặng Châu thời Nguyên, tính trầm lặng, quả đoán, có mưu trí, giỏi cưỡi ngựa bắn cung. Khi còn ở với Tống làm Chế Tri sứ, sang triều Nguyên làm Trung thư hữu thừa.

thời Lê cũng đã có việc này⁽¹⁾.

*

* *

210. Nhà Tống trọng văn khinh võ

Nhà Tống trọng văn khinh võ đến quá mức. Khúc Doan⁽²⁾ [đường đường] là một đại tướng của miền tây mà Trương Tuấn⁽³⁾ chỉ tin vào lời của Vương Thử⁽⁴⁾ dám đem

1. Có lẽ muốn nói đến trường hợp Đào Duy Từ. Ở Việt Nam vào thời Lê Trung hưng có Đào Duy Từ (1572-1634), do là con phờng hái nên dù học giỏi, có tài thao lược vẫn không được nhà Lê cho dự thi và dùng làm quan, ông chạy vào đảng trong theo chúa Nguyễn chống lại Vua Lê Chúa Trịnh. Đến cuối Lê có Nguyễn Hữu Chỉnh, vốn là quan nhà Lê sau vì quan thầy của Chỉnh bị tội, Chỉnh sợ liên lụy, chạy vào Nam theo giúp Nguyễn Huệ, chống lại nhà Lê.

2. Khúc Doan: tự Chính Phủ, người thời Tống, giỏi văn chương chữ nghĩa, có sở trường về dùng binh, làm tướng ở lộ Kinh Nguyên, từng đánh bại quân nhà Hạ vào xâm lấn. Trương Tuấn sợ Khúc Doan cày tài khó chế ngự bèn bắt tống ngục. Khúc Doan chết các sĩ đại phu ở Thiểm Tây đều thương tiếc.

3. Trương Tuấn: tự Đức Viễn, thi đỗ tiến sĩ, làm Thái thường thị bạ. Thời Cao Tông làm Tuyên phủ sứ các lộ Xuyên, Thiểm Kinh Tây, chủ trương chống nhà Kim nhưng vì Tần Cối chủ hòa nên bị đày ra Vĩnh Châu. Thời Hiếu Tông thăng Khu mật sứ, đảm nhiệm quân mã ở Giang Hoài, tước Ngụy Quốc công.

4. Vương Thử: tự Tử Thượng, thi đỗ tiến sĩ. Khi Cao Tông lên ngôi, do mấy lần có chiến công được thăng chức Long đồ các thị chế, đảm nhiệm việc tiết chế quân mã ở 6 lộ Thiểm Tây. Khúc Doan do không chịu sự tiết chế của Vương Thử nên Vương Thử lấy luật ra hạch tội Doan rồi tâu việc lên Trương Tuấn.

giết đi, như giết một nô lệ. Triều đình biết cũng chẳng hỏi han gì đến, huống chi Nhạc Phi⁽¹⁾ đang bị Tể tướng bấy giờ ghen ghét, gán cho tội lớn để hãm hại thì có khó gì?

Đang lúc tình thế nghiêng ngả, nơi hành đô⁽²⁾ nguy khốn, cho nên chỉ một đạo quân làm phản sang hàng Lưu Dự của Lịch Quỳnh⁽³⁾ mà nhà Tống đã như có giặc mạnh kéo đến nơi, rồi đổ hết tội lỗi cho Tể tướng bấy giờ [là Trương Tuấn] và vội vã [dời đô] về Lâm An, không dám bàn gì đến bố trí sắp đặt [việc nước] nữa. Huống chi Tần Cối⁽⁴⁾ vu oan cho Nhạc Vân⁽⁵⁾, Trương Hiến⁽⁶⁾ mưu chiếm đất Tương Dương là việc quân rất lớn!

Cao Tông nhà Tống là người tâm thường ngu tối, đâu biết tự chủ trương biện bạch cho nỗi oan của trung thần. Vụ án Cảnh Trứ⁽⁷⁾, Tần Cối cũng muốn vu oan cho Hàn

1. Nhạc Phi: xem ct. 6, tr. 138 và ct. 3, tr. 229.

2. Hành Đô: nhà Nam Tống lấy Hàng Châu làm hành đô.

3. Lịch Quỳnh: tự Quốc Bảo, người Lâm Trường nước Kim, lúc đầu theo nhà Tống, sau dẫn hơn chục vạn quân mã đầu hàng nhà Kim.

4. Tần Cối: xem ct. 5, tr. 228.

5. Nhạc Vân: con nuôi Nhạc Phi nước Tống. Từ năm 12 tuổi đã theo Nhạc Phi đánh dẹp mọi nơi và đã từng lập công lớn. Do muốn hại Nhạc Phi để thông đồng hòa nghị với nước Kim, Tần Cối đã vu oan tội cho Nhạc Vân để bắt Nhạc Phi tống ngục.

6. Trương Hiến: tướng yêu của Nhạc Phi. Cũng như Nhạc Vân, Trương Hiến cũng bị Tần Cối đặt tội vu oan để hại Nhạc Phi.

7. Cảnh Trứ: ?

Thế Trung⁽¹⁾ có ý làm phản. [Nhưng] Thế Trung vào hầu Cao Tông đã tự biện minh được cho mình, tội mới thoát. Việc Hàn Thế Trung và Nhạc Phi bị [Tần Cối] ghen ghét giống nhau, nhưng chỉ có điều là người gặp may, người gặp không may thôi.

*

* *

211. Hiếu Tông nhà Tống không làm nên chuyện gì là do bề tôi không biết giúp ông

Hiếu Tông nhà Tống tỏ ý hăng hái khôi phục [Trung nguyên] nhưng cứ loay hoay mãi không quyết đoán được. Lưu Cung⁽²⁾ nói: "việc quân chưa động mà tiếng tăm đã vang xa; thực thể chưa có mà bóng hình đã hiện. [Như thế] sẽ giúp cho kẻ địch mưu tính về ta ngày càng sâu kín; phòng bị về ta ngày càng nghiêm ngặt. Câu nói ấy bấy giờ xem như lời bần thông thường. Nhưng khi xem sử nhà Kim, thấy chép lời Thế Tông [nhà Kim] nói với Tế tướng rằng:

1. Hàn Thế Trung: tự Lương Thần; vị tướng có công dẹp loạn trong nước được Cao Tông tự tay viết ban cho hai chữ "Trung Dũng", lại có công nhiều lần dùng đạo quân nhỏ đánh tan giặc Kim mạnh, được coi là vị tướng có công nhất thời trung hưng. Sau vì phản đối chủ trương nghị hòa của Tần Cối bị Tần Cối vu oan phải bãi chức ra ở ẩn ở Tây Hồ do đó không bị Tần Cối giết.

2. Lưu Cung: người nước Tống, tự Cộng Phủ, làm Tham tri chính sự, ông là vị quan có tài, được dân kính yêu như cha mẹ, có lần đã dâng thơ lên Hiếu Tông nói về việc khôi phục trung nguyên.

"Nghe nói quân Tống gân dây tập rèn không nghỉ, còn ta nay vẫn chơi bời lười biếng. Các khanh chớ cho là đã yên ổn rồi không để tâm phòng bị, [như thế] một mai có việc cáo cấp mà quân không dùng được thì chẳng sẽ thất bại sao?" rồi ông ra lệnh phải luôn luôn tập luyện", mới thấy lời Lưu Cung thật không sai.

[Xưa] Quân Trọng⁽¹⁾ muốn cho quân nước Tề mạnh để làm bá chủ, nhưng sợ các nước hầu biết, họ cũng sửa sang giáp binh thì mình sẽ không đạt được mong muốn. [Quân Trọng] bèn đặt phép nội chinh⁽²⁾ để đưa quân lệnh [vào đó]. Câu Tiễn⁽³⁾ [nước Việt] muốn báo thù nước Ngô hùng mạnh, bề ngoài vẫn sửa sang cống lễ, nhưng bề trong lại lo tu chỉnh giáp binh. Vua Ngô Phù Sai biết chuyện, có ý ngờ. Từ Cống⁽⁴⁾ bèn nói với Câu Tiễn: "không có ý báo thù người ta mà để người ta ngờ là vụng; có ý báo thù người ta mà để người ta biết thì sẽ không yên; việc chưa làm mà tiếng đã đồn ra ngoài thì sẽ nguy". Người Tống có lẽ chưa suy xét đến những điều ấy chăng? Ngay từ xưa, những vị vua làm nên việc lớn thường giữ kín cơ mưu sâu xa, để tạo nên những sự việc oai hùng quả đoán. "Không bay thì thôi, đã bay thì bay tới trời cao; không

1. Quân Trọng: Tể tướng nước Tề thời Chiến Quốc, giúp Hoàn Công làm nên nghiệp bá chủ thiên hạ.

2. Phép nội chinh: xem ct. 1, tr. 94.

3. Câu Tiễn: vua nước Việt thời Chiến Quốc.

4. Từ Cống: tức Doan Mộc Tử, người nước Vệ thời Xuân Thu, học trò Khổng Tử.

thét thì thôi, đã thét thì mọi người phải khiếp sợ". Các vua Trang Vương nước Sở, Uy Vương nước Tề sở dĩ làm chấn động và khuấy phục được chư hầu là như vậy. Nếu lúc làm lúc nghỉ bất thường, lúc động lúc tĩnh vô định, mưu mô rối tung, thiếu lòng quả quyết thì người hiểu biết sẽ coi thường. Hiếu Tông là một ông vua trội hơn cả của Nam Tống mà trong 26 năm trời chẳng làm nên chuyện, chỉ là vì mắc phải lỗi ấy. Đó chẳng phải là do các bề tôi đã không giúp được chí lớn của ông sao?

*
* *

212. Nhà Triệu Tống bàn nhiều mà tác dụng thì ít

Thiên hạ chưa lúc nào vô sự, làm người chẳng ai không đủ "tứ đoan"⁽¹⁾, "ngũ thường"⁽²⁾. Tính thần và ý thức phụ thuộc ở nhị khí [âm và dương]: chi khí và hiếu biết sinh ra từ ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ). Chúng giao cảm qua lại, biến hóa muôn hình, rồi lại được sinh ra từ tâm và thể hiện ra bằng việc làm, thật không thể nào đồng nhất được. Bọn tham lam, tranh giành, bọn đấm đuổi thối tha không bàn đến làm gì, còn lớp người trung bình, ít ai

1. Tứ đoan: nhân, nghĩa, lễ, trí.

2. Ngũ thường: năm đạo thường, có hai thuyết: Một thuyết cho là: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Một thuyết cho ngũ thường là ngũ luân, tức: làm cha phải có nghĩa, làm mẹ phải hiền từ, làm anh phải thương yêu em, làm em phải kính trọng anh, làm con phải có hiếu.

tránh khỏi chỉ biết khen là khen, chê là chê và luôn cố chấp không biết nhún nhường. Mỗi người đều có phạm vi, giới hạn riêng, khéo thì được nổi ra, vụng thì phải co lại. Đường đi, mỗi người mỗi hướng, mạnh thì thắng, yếu thì thua. Do đó biến động này sinh, thế cục chia sẻ. Thánh nhân nói về tình [của sự biến hóa] trong *Kinh Dịch* có câu: Biến thông là nói về lợi; lành dữ là sự thay đổi của tình. [Cho nên] yêu và ghét xung đột nhau thì sinh ra lành hoặc dữ; xa gần xâm lấn nhau thì sinh ra hối tiếc; thật và giả cảm nhau thì sinh ra lợi hoặc hại. Có lẽ tình của con người cũng không ngoài những cái đó chăng? Nay hãy đưa việc nhà Tống ra thử bàn xem sao: Kinh đô Biện thái bình hơn một trăm năm, có thể coi đó là thời kỳ cực thịnh. Nhưng xét trong sử truyện thì chốn miếu đường tuy yên tĩnh, song bên ngoài hân khích vẫn xảy ra liên miên không lúc nào ngớt. Đầu thời Thái Tông sau vụ án lớn Tần Vương⁽¹⁾ rồi các Tể tướng luôn bị thay đổi và mưu lật đổ lẫn nhau. Tiếp đến là cuộc bàn về [việc khôi phục] đất Yên đất Vân, hai tòa Trung thư và Khu mật⁽²⁾ ý kiến bất đồng. Sau nữa là binh biến ở Tây Hạ. Ba Thục cùng nổi ra một lúc, mấy năm liền phải đánh dẹp. Sang thời Chân Tông việc dùng

1. Vụ án Tần Vương: Tần Vương Đinh Mỹ là em ruột Thái Tông nhà Tống bị Triệu Phổ sai người tố cáo là làm phản, Đinh Mỹ phải an trí ở Phòng Châu.

2. Trung thư và Khu mật: hai cơ quan tối cao của triều đình nhà Tống, chia nhau nắm quyền văn trị và vũ bị.

binh ở mạn tây bắc [Chống lại Khiết Đan] càng càng thắng hơn. Đến khi việc ngoài biên được chút nghỉ ngơi thì việc thổ mộc việc tế tự lại nổi lên. Trong khoảng hai chục năm nào dựng lại nền văn hóa cũ, nào giảng lại điển lệ xưa, ít có lúc được nhàn rảnh. Mỗi khi Nhân Tông lên ngôi mới bỏ không nhắc đến chuyện "thiên thư"⁽¹⁾ nữa thì các sĩ phu lại tranh luận về việc mầu hậu chuyên quyền và công kích Tế tướng đương thời. [Do đó] lại dề ra nạn bè đảng. Khi du luận trong nước vừa tạm yên thì lại có Nguyên Hiệu⁽²⁾ nổi dậy ở phía tây, Khiết Đan mưu xâm lấn ở phía bắc, việc bố phòng trở nên cấp bách, may mà được giải thoát. [Tiếp đến là] việc Nam man làm phản, dẹp yên chưa được bao lâu, lại có phiến loạn ở Bối Châu⁽³⁾. Lúc Anh Tông lên kế vị thì nổ ra vụ "Bộc Nghị"⁽⁴⁾, triều đình [bàn

1. Thiên thư: sách do trời ban xuống nói về điềm lành, do bọn mê hoặc là Vương Khâm Nhược và Đinh Vị tung ra. Xem thêm ct. 2, tr. 370; ct. 1, tr. 371; ct. 2, tr. 387.

2. Nguyên Hiệu: tức Triệu Nguyên Hiệu, tự xưng đế chống lại nhà Tống.

3. Phiến loạn ở Bối Châu: thành Bối Châu do Vương Tác giữ rồi làm phản. Sau do Vương Ngạn Bác dẹp yên.

4. Vụ Bộc Nghị: Anh Tông vốn là con nuôi của Nhân Tông nhà Tống con đẻ của Bộc Vương. Khi Anh Tông lên nối ngôi Nhân Tông, muốn làm lễ truy tôn bố đẻ, đã đưa việc này cho các quan bàn. Một số cho rằng phải coi Nhân Tông là hoàng khảo, Bộc Vương là hoàng bá. Cuộc bàn cãi kéo dài mãi, sau Anh Tông cứ truy tôn bố đẻ là hoàng khảo, do đấy một số người bị bãi quan.

cái nhau] lung tung. Thần Tông dẹp đi chẳng bao lâu lại có chuyện đặt ra "Điều lệ ti" sáng lập ra "tân pháp"⁽¹⁾ Các sĩ đại phu bàn luận rồi bởi tới hơn chục năm. Đến thời Triết Tông, lúc đầu đặt niên hiệu là Nguyên Hựu, sau cùng đổi lại là Thiệu Thánh, Khi nghiêng về mặt này, lúc lệch về mặt khác làm cho lòng người xao động không lúc nào được chút yên tĩnh. Thời Huy Tông lúc đầu định trở lại [chế độ] thời Nguyên Hựu, sau chẳng bao lâu, thuyết "thiệu thuật"⁽²⁾ lại bùng ra, tiếp đến muốn khôi phục đất Yên đất Vân. [Do đó] gây ra việc binh đao lớn ngoài biên. Đến năm đầu thời Tĩnh Khang [chủ trương] chiến hay hòa, giữ hay bỏ bàn bạc rồi bởi, kết cục không đưa lại kết quả gì mà cơ nghiệp nhà Tống thì phải dời [sang Giang tả]. Cho đến năm Kiến Viêm, Thiệu Hưng, sau khi vượt sang phía nam, hai điều bàn khôi phục hay giảng hòa luôn thay đổi theo ý riêng của từng Tể tướng lúc ấy. Thời Hiếu Tông vẫn bàn về việc khôi phục Trung Nguyên, nhưng bàn lung tung, không ý nào mang lại kết quả. Mấy năm về cuối, trong đám nhà nho bỗng lại nêu ra vấn đề "đạo học", người nói chân, kẻ bàn ngụy, rồi các chương, tấu cứ thế được trình lên bề bộn. Thời Quang Tông chẳng còn có gì để

1. Tân pháp: một số biện pháp mới nhằm cải cách chính trị trong nước, do Vương An Thạch đề xướng. Xem thêm ct. 3, tr. 389.

2. Thiệu Thuật: nối dõi. Thời Triết Tông và Huy Tông có Chương Đôn, Thái Kinh... đề ra thuyết "thiệu thuật" với danh nghĩa nối dõi đạo đức phong tục cũ, nhưng thực chất là lừa dối vua.

bàn nữa thì các bề tôi lại lao xao tranh nhau can vua lễ triều kiến ở cung Trùng Hoa⁽¹⁾. Thời Ninh Tông, nghiêm cấm bề đảng "ngụy học"⁽²⁾, làm chấn động cả thiên hạ. Các sách *Tứ thư*, *Ngũ kinh* bị thời ấy ngăn cấm triệt để. Sang những năm giữa [triều Tống, lệnh cấm ấy] được nới ra đôi chút, thì lời bàn về việc khôi phục lại rõ lên, nhưng chẳng mang lại kết quả gì, sau lại giảng hòa, may mà nhà Kim khi ấy đang gặp nạn và bị rối ren mãi không thôi. Thời Doan Bình mới lên ngôi, thu dùng người hiền tài, việc xếp đặt đã có thứ tự, nhưng vô cớ lại có lệnh đuổi các du sĩ, làm cho trong triều ngoài nội xôn xao, đến năm cuối của triều đại, chính lệnh về công điền lại xảy ra nhiều phen bàn bạc. Từ thời Độ Tông trở xuống không còn việc gì đáng nói nữa. Nay bàn ngược lên các đời trước. Thời hai nhà Hán (Đông Hán và Tây Hán) đang thịnh, tướng văn, tướng võ và các công thần ít kẻ phù hoa, nhiều người chất phác, các nha lại lúc thanh nhân yên tĩnh cũng thành tâm thành ý không giả dối. Như vậy là họ còn giữ được phong độ của thời cận cổ. [Đó là điều mà] nhà Triệu Tống không thể nào sánh kịp. Thánh nhân lấy sự im lặng làm nên sự nghiệp, [điều đó] chứa đựng nhiều đức tốt. *Kinh*

1. Cung Trùng Hoa: cung giành cho Thái Thượng Hoàng ở. Khi ấy Quang Tông có bệnh, bỏ lễ 5 ngày 1 lần triều kiến cung Trùng Hoa. Sau triều thần can gián, Quang Tông lại tiếp tục lễ thường.

2. Ngụy học: lối học giả dối, xuyên tạc truyền thống.

Dịch lại nói: "người lành nói ít lời"⁽¹⁾. Vì rằng có bớt nói thì mới bớt được việc. Nếu như mỗi người mỗi ý riêng, cứ ganh nhau từng lời nói thì bao giờ có thể bớt được việc nữa.

Đông Giang thấy tiên nho xưa đã nói: "người Tống bàn nhiều mà thành công ít" là như vậy.

*
* *

213. Tệ hại do nha lại gây ra rất khó sửa

Hai chữ "mưu thần" và "nghị thần" [chữ] gần giống nhau nhưng [nghĩa] khác nhau. Một vua một tôi trù tính công việc trong màn trướng gọi là "mưu"; nhiều người cùng ngồi bàn bạc ở miếu đường gọi là "nghị". Công việc của quan lại, chính sách về binh dân có thể bàn nói công khai, còn những mưu xa về trị nước, kế lớn về đánh dẹp nếu không mưu tính kín đáo thì không được. Người xưa thấy lời nói hợp với sự thế liền coi là tâm phúc và đích thân dùng ngay là vì lẽ ấy. Một nhà sản nghiệp ngàn vàng, trong làm ăn kinh doanh còn không thể thiếu người là con em thân tín, huống chi một nước. Quản Trọng⁽²⁾ nước Tề, Gia Cát⁽³⁾ nhà Hán, Vương Mãnh⁽⁴⁾ nước Tần,

1. Lời trong *Hạ truyện*, *Kinh Dịch*.

2. Quản Trọng: xem ct. 1, tr. 436 và ct. 1, tr. 94.

3. Gia Cát: tức Khổng Minh Gia Cát Lượng, tức Vũ Hầu. Xem ct. 6, tr. 110.

4. Vương Mãnh: xem ct. 2, tr. 378.

Cao Đình⁽¹⁾ nhà Tùy, Huyền Linh⁽²⁾ nhà Đường, Triệu Phổ⁽³⁾ nhà Tống, trong tham dự việc cung cấm; ngoài nắm việc cơ yếu. Nói, trên dưới đều nghe; ra lệnh, quân dân đều theo, được không tăng bớt nhau; thua, không đổ lỗi cho nhau, vua tôi cùng chung hưởng cùng gánh chịu như thể một người. Do đó họ lập được công lớn trong nước, nổi tiếng đến thời sau. Thời nhà Nam Tống, sự thế cũng đã đạt tới đỉnh cao. Nhưng thử tìm trong hơn một trăm năm [thịnh trị] ấy xem có ai được gọi là mưu thần chăng? Họ cùng được tiến dùng, lại cùng bị đuổi về; bỗng chốc được dùng, lại bỗng chốc bị bãi miễn; ai nhiều người khen thì được dùng, ai nhiều người chê thì bị bỏ. Các mưu xa kế lớn đều phải viết thành tấu sớ và công khai đưa ra chốn công đình đông người, tùy mọi người phê phán bài bác. Ý kiến của mình được đưa ra thì hành hay phải rút lui đều thay đổi tùy thời; lòng vua mạn mà hay nhạt nhẽo biến chuyển theo sự việc. [Việc làm] nếu có chút lợi vội cho ngay là có công, có chút bất lợi vội cho ngay là có tội. Cứ theo cách ấy mà lại muốn dẹp tan bốn rợ, bình định trong cõi, lý ấy có được chăng? Tô Đông Pha⁽⁴⁾ có lời bàn rằng: "Quý nhất là triều đình trong sạch và thiên hạ bình yên,

1. Cao Đình: Nguyên soái nước Tùy, có công đánh nước Trần và tiến cử Tô Uy là danh sĩ đương thời.

2. Huyền Linh: tức Phòng Huyền Linh. Xem ct. 1, tr. 292.

3. Triệu Phổ: xem ct. 1, tr. 365.

4. Tô Đông Pha: quan đại thần, đồng thời là nhà văn lớn thời Bắc Tống.

[tức là] dân không phải khiếu tố mà vẫn không có điều oan ức; [kẻ sĩ] không phải bá kiến mà vẫn được thỏa ý muốn. Sau đến là: cần phải có sự khiếu tố, nhưng khiếu tố thì phải được xét hỏi; cần phải có sự bá kiến nhưng bá kiến thì phải được nhìn đến". Nay không thế, thiên hạ có người không may phải khiếu tố thì việc khiếu tố ấy như khiếu tố với trời cao; bắt dặc dĩ phải bá kiến thì việc bá kiến ấy như bá kiến quý thân⁽¹⁾. Vì các vị công khanh đại thần không xem xét [mọi việc] cho tường tận, cứ thế giao cả cho đám nha lại. Cho nên, dứt lót trước thì được xét trước; sáng xin xỏ, chiều sẽ được như ý. Còn người nào tay không thì đợi hết năm cũng chẳng được việc gì. Ngay những việc bình thường người ta đáng được, chẳng có gì để nghi ngại nữa, cũng cố ý làm ra chậm trễ để đợi người ta phải bá kiến. Tất cả mọi việc trong thiên hạ, không có tiền là không xong. [Thành thử] thiên hạ dẽ ra lắm việc mà thực có phải lắm việc đâu. Lại có người muốn nhờ vả mà không có cửa, nên việc cũ việc mới cứ chồng chất lên nhau rồi bởi không sao dứt được. Đó là nguyên do giáo hóa của nhà vua bị bế tắc không thi hành được. Ôi! sự việc kể trên là tệ hại thông thường của đời sau, ai ngờ đời Tống cũng đã như thế. Tô Đông Pha lại nói: "Công việc bề bộn mà quan trên không để ý đến cho nên quyền ở cả trong tay nha lại. Muốn trừ bỏ tệ hại ấy không gì bằng

1. Tô Tần: nhà "tung hoành gia" thời Chiến Quốc, nói: "Việc bá kiến khó như gặp quý thần, gặp vua khó như gặp Thượng đế, nay để chúng tôi ăn bằng ngọc, đun bằng quế, dựa vào quý thần để gặp Thượng đế..."

giảm bớt việc và cố gắng thêm tinh thần [làm việc]. Giảm bớt việc không gì bằng biết dùng người; cố gắng thêm tinh thần [làm việc] không gì bằng chính mình tự đảm nhiệm [công việc]". Cách ấy không phải là khó làm, thế mà nhà Tống cuối cùng không làm nổi là tại sao? Xem sử nhà Tống, thấy tòa Trung thư không theo chế độ cũ, mọi việc đều có lệ [mới], năm phòng giữ lệ trong tay, lại đều trông vào đồng tiền rồi tùy ý bỏ [ai thì bỏ], [muốn lấy ai thì] lấy. Điều gì muốn cho thì đưa lệ ra đối chiếu, muốn bỏ thì dấu lệ đi không nói đến. [Khi làm Tế tướng] Hàn Ngụy Công⁽¹⁾ đã sai sửa lại lệ của năm phòng và lệ phán đoán của phòng Hình, trừ bỏ những lệ phiền nhiễu sai trái, làm ra cương mục, sau đó niêm phong cất giữ cẩn thận, mỗi khi có việc dùng đến lệ thì chính tay ông tự duyệt lấy. [Từ đó] người ta mới thấy rằng việc thưởng phạt chính từ tay Tế tướng làm, nhà lại không được thêm bớt gì trong việc này. [Xem như thế thì từ khi Hàn Kỳ làm tướng, kỷ cương và ruộng mồi [nhà Tống] đã được chỉnh đốn rồi, thế mà Đông Pha còn nói về việc ấy, mới biết tệ hại do nhà lại gây ra thật khó sửa.

*

* *

214. Các việc của người xưa thường hay đối lập nhau

Các việc của người xưa thường hay đối lập nhau. Huệ

1. Hàn Ngụy Công: tức Hàn Kỳ, xem ct. 1, tr. 431.

Đế nhà Tần nghe nói đại hạn mất mùa, dân nhiều người bị chết đói, nói: "Sao họ không ăn cháo thịt?". Vua nước Liêu nghe nói dân thiếu ăn nói: "Sao họ không ăn thịt khô?"⁽¹⁾

*

* *

215. Nhà Nam Tống coi việc cắt đất cho giặc là thượng sách giữ nước

Đất đai, dân chúng là báu vật của nước. Mặc Độc⁽²⁾ không tiếc gái đẹp, ngựa hay chỉ ham giành lấy phần đất bỏ đi ngoài ngàn dặm, đã cương quyết chém bề tôi nói "bỏ đất", rồi mang quân diệt Đông Hồ. [Thế mà] nhà Tống bỏ Linh Châu, bỏ Tây Lương cho nước Tây Hạ, cắt đất Hà Đông, Đại Bắc cho nước Liêu, đem Luồng Hà dâng nước Kim, sau lại đem bốn châu Đường, Đặng, Hoài, Tú và ba lộ Thiểm Tây cho nốt họ rồi vua tôi thảnh thơi ngồi nhìn như vút bỏ hòn gạch hòn ngói, không chút bận tâm. Mấy đời liên [nhà Tống] đều cho [như vậy] là thượng sách giữ nước. Sao mà hèn nhất đến thế.

*

* *

1. Ý nói sự quan liêu không hiểu gì tình cảnh khổ cực của dân của một số vua chúa, họ tưởng dân cũng sống như họ.

2. Mặc Độc: chúa Thiên Vu nước Hung Nô thời Hán.

216. Việc đòi không nên một lúc nắm cả đôi đàng

Việc đòi rất không nên một lúc nắm cả đôi đàng. Nếu nắm cả đôi đàng, không theo đàng nào nhất định thì sẽ hỏng việc. Trong mưu sách chống lại các rợ, xưa nay các quan văn võ thường tranh cãi nhau quyết liệt ở chốn triều đường. Nhưng chủ yếu đều coi trọng đánh dẹp, coi nhẹ hòa thân. Họ cho rằng không làm cho nước có uy danh thì không thể đứng vững được. Song, việc hòa nghị liệu có thể thiếu được chăng? Một khi không phải tập trung ra ngoài biên là dân được gần bó với đồng ruộng. Nông dân thu hái thành công thì lợi cho nước cũng nhiều lắm. Còn sự phòng bị của trong cửa ngoài chỉ là lẽ thường trong kế giữ nước, không thể cho rằng đã hòa bình yên tĩnh rồi mà buông lỏng được. Với người không thất lễ, với mình càng phải [phòng bị] cẩn thận hơn. [Nước nào] giữ lời giao ước thì tôn trọng họ; [nước nào] xâm phạm bờ cõi thì đánh lại họ. Quyền chế ngự phải luôn ở trong tay mình. Gọi là thượng sách là phải như thế. [Nhưng] nhà Tống, từ sau [sự kiện] Thiên Uyên⁽¹⁾, hai miền nam bắc đều nghỉ việc binh đao, trong ngoài vô sự hơn một trăm năm. Đó chẳng phải phúc cho dân sao? Nếu không do nhà Tống thù xướng xóa bỏ minh ước, rồi kết thân với nước Kim, bỏ nước Liêu⁽²⁾, sau lại

1. Chân Tông nhà Tống và Khiết Đan ký hòa ước ở Thiên Uyên.

2. Huy Tông nhà Tống giao kết với nhà Kim cùng đánh nước Liêu.

thu dùng Trương Giác⁽¹⁾, kẻ bề tôi làm phản [của nước Liêu] và thất tín với nước Kim thì mối lo ngoài biên chưa xảy ra được. Đầu thời Tĩnh Khang, giặc lớn kéo vào thành, không chịu hết lòng đánh giữ, lại nộp của cải xin hòa để lộ thế yếu cho giặc biết. Thật là thất sách. Tuy nhiên nếu cục thế hòa hiếu mà có thực sự thì dù lòng lang dạ sói, người Kim cũng chưa hẳn đã không theo. [Như thế] có thể tập trung sức lực để chờ cơ hội. [Xưa] nhà Đường hội minh [với Đột Quyết] ở Tiệp Kiều⁽²⁾, sau lại diệt Đột Quyết. [Như vậy] sự giảng hòa có hại gì đâu? [Vậy mà nước Kim] xin ba trấn đã không cho lại giữ sứ giả [của họ] rồi cầu kết với bề tôi của nước Kim là Dư Đồ⁽³⁾, thông mưu với con cháu nước Liêu là Nhà Lý⁽⁴⁾. Hành động rối loạn ấy đã càng tăng thêm sự tức giận [của nước địch]. [Đã thế phân minh] lại bãi hết các viện binh, bỏ hết các tướng tại⁽⁵⁾, dẹp sự phòng bị ở ngoài biên, hòa chẳng ra hòa,

1. Trương Giác: bề tôi của nước Liêu, sau phản nước Liêu, mang đất Bình Châu đầu hàng nhà Tống. Nhà Kim cho sứ giả sang trách nhà Tống thu dùng kẻ làm phản. Huy Tông liền giết Trương Giác đem đầu nộp nhà Kim.

2. Thời vua Cao Tổ nhà Đường, Đột Quyết mang quân vào xâm chiếm phía bắc Tiệp Kiều trên sông Vị. Sau Thái Tông tự đứng ra đánh lại Đột Quyết, Đột Quyết phải xin giảng hòa ở Tiệp Kiều.

3. Dư Đồ: ?

4. Nhà Lý: ?

5. Bấy giờ có Lý Cương là vị tướng tài kiêm văn võ, quyết chí đem quân chống lại nhà Kim, Khâm Tông sợ hãi nhà Kim nên đã bãi chức Lý Cương không cho đánh nhà Kim.

chiến không ra chiến, nên giặc mạnh kéo đến không sao chống đỡ lại được nữa. Như vậy liệu có thể đổ cả lỗi cho sự hòa hiếu được chăng? *Chu thư* nói: "Lời lẽ cho mềm mỏng, lễ vật cho hèn hậu để cho nước địch phục mình, đó là cách giữ nước của nước yếu; sửa sang phòng bị để sẵn sàng chiến đấu, đó là cách giữ của hai nước sức ngang nhau; dựa vào sự hiểm trở của núi sông, đó là cách giữ nước của nước xa xôi hẻo lánh. Đánh nước đã thần phục là điều không hay; đánh nước đã sẵn sàng chiến đấu là điều nguy hiểm; đánh nước có nhiều núi sông hiểm trở là điều khó. Cho nên người đánh trận giỏi không đánh các nước thuộc ba loại ở thế thủ trên". Nay thử hỏi nhà Tống thuộc loại nào trong ba loại ấy? Cao Tông mở nghiệp trung hưng, ngoài việc phục thù ra còn có lý do nào khác nữa đâu? Nhưng kẻ nghịch tặc Tần Cối⁽¹⁾ chuyên chủ hòa đã ngăn cản hết lời bàn của mọi người và kết tình qua lại [với giặc] đã hơn hai chục năm. Tuy giữa chừng, Hải Lăng⁽²⁾ có trái lời minh ước, nhưng sau năm Đại Định, hai bên nam bắc lại vui vẻ được hơn bốn chục năm nữa. Nếu Thế Tru⁽³⁾ không mở mang ngoài biên thì nước Kim cũng không thể gây hiềm khích được. Còn từ năm Gia

1. Tần Cối: xem ct. 5, tr. 228.

2. Hải Lăng: tức Hải Lăng Vương, vua nước Kim, tên là Hoàn Nhan Lượng, đã xé bỏ hòa ước với nước Tống, sau bị giết.

3. Thế Tru: tức Hàn Thế Tru, tự Tiết Phu, làm Tế tướng tước Bình nguyên quân vương. Do muốn lập công, Thế Tru mang quân Tống đánh nước Kim nhưng bị thua to, tự dõ Tống và Kim lại đánh lẫn nhau.

Định trở về sau [nhà Tống] nhân nước Kim gặp nạn đã bỏ lệ cống [nhà Kim] hàng năm, rồi hai bên đem quân báo thù lẫn nhau. Nhưng kết cục nước Kim không làm gì nổi nước Tống, và dần dà, từ sau lần nhà Tống kéo quân vào đất Thái, khi thế Trung quốc nhờ đấy đã vươn lên được chút ít. Đó chẳng phải do Trung quốc đã sẵn có kế hoạch sao? Nói tóm lại, nhà Tống làm láng giềng với nước Kim, nước Liêu, lúc hòa hiếu, lúc đánh nhau, mỗi lần đều nhằm lợi riêng cả và chỉ khi nào không định rõ thế cục ra sao mới thiệt hại thôi. Nhưng từ khi nhà Nguyên nổi lên thì sự thế lại khác hẳn trước, nên phải lường sức mình xem, nếu có đủ kế sách sửa sang bên trong, đánh dẹp bên ngoài thì hãy để ý đến trung nguyên. Nếu như thực lực không đủ thì cho sứ giả qua lại giao hòa, thăm hỏi để nghỉ sức dân sức quân. Đó cũng là mưu hay trong kế giữ nước. Huống chi nhà Tống và nhà Nguyên vốn không hằn thù hiềm khích gì với nhau, thì tất nhiên nhà Nguyên không đến nỗi nào yêu sách và làm nhục [nhà Tống] như nước Kim ngày trước được. Thế mà nhà Tống lại bắt giết sứ giả và không giao hòa [với nhà Nguyên] làm đất Hoài đất Thục phải chịu cảnh đao binh thiệt hại không sao kể xiết. Và trong hơn hai chục năm ròng [nhà Tống] không một lần nhìn ngó được đến đất Thiểm đất Lạc để chấn phần nước mình lên. Thế có phải là đắc sách đâu. [Nhưng vẫn] may là khi ấy Thế Tổ nhà Nguyên sai Hách Kinh⁽¹⁾ sang

1. Hách Kinh:

[nhà Tống] để chấn chỉnh lại tình hòa hiếu, ý ấy rất tốt. Song, Giả Tự Đạo, do trước kia đã trót giấu việc xin hòa nhà Nguyên⁽¹⁾ nên đã giam sứ giả, để cho nước láng giềng mạnh tức giận. [Thế là] trong thì phòng bị không đầy đủ, ngoài thì kinh lược không ra gì, nắm cả đôi đảng mà không quyết định chọn đảng nào cho thích hợp cả, nên khi nhà Nguyên mang đại binh vào đánh, [nhà Tống] kêu van không xong, kể sách chông đỡ lại không có, xin thần phục cũng không được. Đó chính là điều mà *Chu thư* gọi là "vụ vong"⁽²⁾, còn hối sao kịp nữa. Cho nên tôi nói rằng: nắm cả đôi đảng mà không theo đảng nào nhất định thì thế nào cũng hỏng việc.

Đông Giang thấy những bài nghị luận như trên thật là hiếm có.

*

* *

1. Nhà Nguyên đem quân đánh nước Tống, nhưng vì trong nước, vua Nguyên mất, tướng Nguyên phải rút quân về. Giả Tự Đạo (xem ct. 2, tr.432) vốn đã xin giảng hòa với nước Nguyên từ trước, đến lúc này lại giấu việc đó đi mà tâu trình với triều đình là tự mình giải được vây của quân Nguyên.

2. Vụ vong; chữ trong *Trọng Hủy chí cáo, Thượng thư, Kinh Thư*: "Thủ loạn vụ vong" (nước nào tự gây ra loạn thì đánh, tự làm mất nước thì diệt đi).

217. Các sách *Sử ký*, *Hán thư* với sách *Cương mục*...

Tả truyện chép việc các nước có nhiều chỗ rườm. *Sử ký Hán thư* thì chép tất cả các bài chương bài số. [Tuy thế nhưng] đời sau muốn khảo cứu việc cũ và chứng thực đường lối trị nước còn có thể dựa vào đó được. Còn Trần Kinh⁽¹⁾, Thương Lộ⁽²⁾ làm sách *Cương mục* đời Tống Nguyên lại lược bỏ hết chỉ chép việc làm và thu tập đại khái, làm người xem mòng lung lẩn tìm không ra đầu mối. [Hai cách chép] thật rất thiếu sự chăm chú.

Khảo Đình⁽³⁾ để tâm theo cách chép của sách *Xuân Thu* [chia ra cương mục]. "*Cương*" tức "*kinh*"; "*mục*" tức "*truyện*". Cương quý ở chỗ ngắn gọn nghiêm chỉnh; mục quý ở chỗ tường tận đầy đủ. Mỗi loại đều có thể tài riêng, không cho phép đại khái sơ lược. Xem trong tập *Danh thần tấu nghị* thấy lời tâu bày của Vương Vũ Xung⁽⁴⁾; Dương Ưc⁽⁵⁾; Tô Thúc⁽⁶⁾; Tư Mã Quang⁽⁷⁾, Lý Cương⁽⁸⁾ đều là những lời bàn quan trọng về việc trị nước. Sách *Tục*

1. Trần Kinh: tự Tử Kinh, người đời Minh, nhà nho có nhiều lời bàn về các nhân vật lịch sử, tác giả của sách *Thông giám tục biên*.

2. Thương Lộ: tự Hoàng Thái, người đời Minh.

3. Khảo Đình: tức Chu Hy, người đời Tống xem ct. 1, tr. 194.

4. Vương Vũ Xung: xem ct. 1, tr. 401.

5. Dương Ưc: xem ct. 5, tr. 384.

6. Tô Thúc: tức Tô Đông Pha. Xem ct. 4, tr. 443.

7. Tư Mã Quang: tức Ôn Công. Xem ct. 2, tr. 390.

8. Lý Cương: tức Lý Bá Kỳ. Xem ct. 4, tr. 422.

biên [của Trần Kinh và Thương Lộ] bỏ không chép những phần như thế vào sách nhiều lắm.

*

* *

218. Đông nam là nơi phát sinh, tây bắc là nơi thành thực

Thái sử công⁽¹⁾ nói: "Lúc khởi sự thường từ phía đông nam, khi thu thành quả thường ở phía tây bắc". Cho nên nhà Chu làm nên nghiệp vương ở đất Phong đất Cáo; nhà Tần mạnh từ Quan Trung; nhà Hán mở nghiệp từ đất Thục Hán. Vì đông nam là nơi phát đạt; tây bắc là chỗ thành thực.

Khi Lý Bá Kỳ⁽²⁾ can vua về việc lánh sang đất Duy Dương⁽³⁾ đã trình bày hết hình thế [vùng này]. Vì ông hiểu rõ điều ấy.

Thời Kiêm Viêm⁽⁴⁾ bỏ Trung nguyên sang Tô Châu.

1. Thái sử công: tức Tư Mã Thiên, tự Tử Trường, nhà chép sử người thời Hán.

2. Lý Bá Kỳ: tức Lý Cường. Xem ct. 4, tr. 422.

3. Vua Cao Tông nhà Tống muốn dời đô về phía đông nam để tránh nạn nước Kim quấy rối. Lý Cường can là không nên, vì từ xưa các vua trung hưng đều khởi sự từ tây bắc, ở đây có nhiều thuận lợi cho quân mà lương thảo. Nhưng các quyền thần là Uông Ngạn Bác, Hoàng Tiềm Thiện đã định kế lánh sang Dương Châu (Duy Dương) là đất thuộc miền đông nam rồi.

4. Kiêm Viêm: niên hiệu của Cao Tông nhà Tống.

Hàng Châu là đã hết hi vọng khôi phục và thống nhất đất nước rồi. Nên từ đời Càn Đạo, Thuần Hy⁽¹⁾ về sau, chỉ vèn vèn dùng có quân ở đất Ngô đất Việt để đương đầu và chống đỡ với giặc lớn [nhà Kim] hơn một trăm năm cũng là việc khó khăn lắm. Từ xưa, khởi binh từ Giang nam mà lấy được thiên hạ chỉ có vua Thái Tổ nhà Minh⁽²⁾, song mới được có ba chục năm, sang đến thời Kiến Văn⁽³⁾ đã phải dồn cả thể toàn thịnh của bốn bề để đánh đất Yên, mà cuối cùng không thắng nổi trận nào. Còn chiến dịch "Tĩnh nạn"⁽⁴⁾, tuy nói là việc trong gia đình của Văn Hoàng⁽⁵⁾, nhưng nào có khác gì người họ khác nổi lên làm cách mạng? Vậy cho nên lời nói của Tư Mã Thiên chưa bao giờ không đúng.

*

* *

1. Càn Đạo, Thuần Hy: hai niên hiệu của Hiếu Tông nhà Nam Tống.

2. Thái Tổ nhà Minh: tức Chu Nguyên Chương, khởi binh từ nước Ngô, đánh đổ nhà Nguyên, lập ra nhà Minh.

3. Kiến Văn: niên hiệu của Huệ Đế nhà Minh, kế sau Thái Tổ.

4. Chiến dịch Tĩnh nạn: tức chiến dịch dẹp nạn Yên Vương tên là Lê hị cất bót đất, liền đem quân về đánh kinh thành, lấy danh nghĩa là "Tĩnh nạn", rồi tự lập làm Hoàng Đế, tức Thành Tổ nhà Minh sau này.

5. Văn Hoàng: tức Thành Tổ nhà Minh. Khi Thành Tổ mang quân vào cướp ngôi vua, Phương Hiếu Nhụ không chịu đầu hàng, Thành Tổ nói: "Đó là việc trong gia đình trẫm".

219. Cho can qua là trò trẻ, lấy thanh đàm làm mưu lược nên đã làm hỏng cơ đồ

Đọc bài phú của Dữu Tì (1) thấy có câu: "Bạc tán thân(2) cho việc can qua là trò trẻ, lấy thanh đàm(3) làm mưu lược ở nơi miếu đường". Ông lại than thở rằng: "Than ôi! xưa nay người mắc phải lỗi ấy làm hỏng cơ đồ biết đến chừng nào!". Hãy thử điểm qua [xem sao]: Hội Tắc Hạ(4), nhà ở san sát, và từ đó tuôn ra toàn những lời lẽ hùng biện bàn trời vẽ rồng(5) mà không hề bàn gì đến Tôn Ngô(6). Cho nên đến khi quân Yên, giặc Tần(7) [vào xâm lấn] tuyệt nhiên không một ai đứng ra dẹp loạn cứu nguy

1. Dữu Tì: người thời Bắc Chu, tự Tử Sơn, đại văn hào thời Nam Bắc triều, tác giả của bài phú nổi tiếng "*Ai Giang Nam*".

2. Tán thân: chỉ các quan văn.

3. Thanh đàm: hàn hạc suông những việc cao xa không thiết thực.

4. Hội Tắc Hạ: Tắc Hạ thuộc đất nước Tề, thời Tuyên Vương, các văn sĩ họp nhau ở đây để bàn luận về văn học.

5. Bàn trời vẽ rồng: Trâu Diễn người nước Tề giỏi biện luận về ngũ hành và các hiện tượng thiên nhiên như trời mây, trăng sao nên thời ấy gọi là Trâu Diễn bàn trời. Cùng thời có Trâu Thích lại đem lời bàn của Trâu Diễn ra đẽo gọt thêm cho tinh tế hơn, tựa như người chạm chỗ tô vẽ rồng, nên người đời gọi là Trâu Thích vẽ rồng.

6. Tôn Ngô: tức Tôn Vũ và Ngô Khởi (xem et. I, tr. 254). Ý trong bài nói không bàn gì đến việc dùng binh dẹp loạn.

7. Thời Tuyên Vương, nước Tề bị quân nước Yên và nước Tần vào xâm lấn.

[cho nước]. Nhóm Trúc Lâm⁽¹⁾ nhân du, danh sĩ tụ tập từng đám, bàn chép những việc không đâu, rồi tự cho mình là phong lưu, muốn bỏ cả việc đánh giặc, việc phòng bị ngoài biên, cho nên chẳng bao lâu, khi họ Lưu⁽²⁾ họ Thạch⁽³⁾ cho quân tới đánh, bọn [dầu đội] khăn, [tay cầm] phát trần kia đều trở nên vô dụng cả. Thời Đại Thông⁽⁴⁾, các bề tôi vào hầu chỉ giảng đạo Phật đạo Lão rồi thuyết lý lẫn nhau và thung dung lui tới, xem như bậc thần tiên, còn ngoài cõi luôn có quân thù, đều chỉ cho là việc tầm thường, nên vừa nghe Hầu Cảnh⁽⁵⁾ đem quân qua sông, đành bỏ tay chẳng có mưu sách gì, đến nỗi khi chạy, ngựa cũng không cuời nổi. Cuối thời Chi Đức⁽⁶⁾ [các quan] chỉ ngồi ăn yến, uống rượu ngâm thơ, cùng nhau

1. Nhóm Trúc lâm: đương thời gọi là nhóm Trúc lâm thất hiền (bảy người hiền nhóm Trúc lâm), thuộc Tây Tấn, gồm Kê Khang, Nguyễn Tích, Nguyễn Hàm, Sơn Đào, Hướng Tử, Vương Nhung, Lưu Linh. Nhóm này chuyên du chơi nhân tản, uống rượu làm thơ và bàn luận về học thuyết Lão Trang, lẫn tránh việc đời.

2. Họ Lưu: tức Lưu Diêu, người Hồ, đem quân vào lấy đất Trường An.

3. Họ Thạch: tức Thạch Lạc, người Hung Nô, đem quân đánh Trung nguyên, lập ra nước Hậu Triệu.

4. Đại Thông: niên hiệu của Vũ Đế nhà Lương (tức Tiêu Diễn). Vũ Đế chỉ ham mê đạo Phật, bỏ việc nước.

5. Hầu Cảnh: xem ct. 1, tr. 283.

6. Chi Đức: niên hiệu của Hậu Chủ nước Trần thời Nam Bắc triều, Hậu Chủ ham mê thơ rượu gái đẹp, không sửa sang việc nước.

xuống họa và tô vẽ phong cảnh, thu cấp báo tử ngoài biên [gửi về] đều xếp bỏ [một chỗ], không mở ra xem, đến lúc quân Tùy kéo vào thành, bọn khách quen⁽¹⁾ đều ẩn nấp vào nơi bụi cây đám cỏ. Thời Hàm Thông⁽²⁾, kẻ sĩ chỉ quen thói hào hoa. Họ đeo gót từng câu thơ văn phú, khoe mẽ đồ cao rồi yến ẩm chơi bời, chuộng thói xa xỉ phong tình, cho tướng vô là con nhà binh, cho công việc của quan lại là dung tục, đến khi Hoàng Sào⁽³⁾ đem quân vào cửa quan, họ đã không bày mưu giúp sức được gì mà chỉ kéo nhau chạy trốn. Thời Tuyên Hòa⁽⁴⁾, các quan đua nhau đi nghe giảng kinh, coi nô đùa cười cợt là thói thường, mà không hề bận tâm tới việc giặc gây hấn, việc chiêu tập quân nên đến khi quân Kim qua sông⁽⁵⁾ thì họ sợ hãi nhìn nhau rồi rút cổ chạy sang phía nam, không ai dám đứng ra chống đỡ. Xét nguyên do của họa loạn trên, đều thấy như chung một vết xe. Lúc ngày thường nhàn rỗi, thấy các vị công khanh đại phu uy nghi bệ

1. Bọn khách quen: chỉ bọn Từ Lăng, Giang Tổng, Âm Kiên... chỉ quen thú vui thơ rượu gái đẹp như Hậu Chủ nước Trần.

2. Hàm Thông: niên hiệu của Ý Tông nhà Đường.

3. Hoàng Sào: xem ct. 2, tr. 345.

4. Tuyên Hòa: niên hiệu của Huy Tông nhà Tống.

5. Quân Kim qua sông: Huy Tông nhà Tống giao kết với nước Kim diệt nước Liêu rồi cùng chia lợi. Nhưng diệt xong nước Liêu rồi, nước Kim lại đem quân qua sông đánh nước Tống, bắt Huy Tông mang về Ngõ Quốc thành.

vẻ, văn từ chải chuốt; phong cách tinh thần vượt hẳn ra ngoài trần tục, ai mà chẳng nhìn với vẻ khâm phục, hâm mộ. Nhưng đến lúc nước có việc cần kíp, nhìn quanh bốn bề không còn chỗ nào dựa được nữa thì ôi thôi, người làm vua còn dùng những hư văn và lời bàn cao xa ấy làm gì nữa?

*
* *

220. Nhà Tống học cách hành quân của An Nam

Nhà Tống, ngay từ đầu đã đặt ra "Thường trận" và "Bình nhung vạn toàn trận" dạy các tướng, cốt cho họ nắm được chỗ trọng yếu để tự giữ mình, mà không chuộng việc đánh dẹp. [Qua đó] người am hiểu biết ngay nhà Tống đang yếu dần. Suốt thời nhà Tống đã tìm khắp các phương pháp [đánh trận] hay rồi giảng cứu bàn luận không dám nghỉ. Vua Thần Tông nói: "Nước An Nam có cách hành quân rất tài, phải đem [cách ấy] dạy cho các tướng ở biên giới phía tây và bắt họ phải tập luyện theo kiểu đó. [Việc này] nay còn chép đây đủ trong sử nhà Tống. [Vậy là] phép dùng binh của nhà Lý [nước An Nam] đã được dùng ở Trung quốc như thế đó. [Cho nên] đánh bên bắc thì hạ được châu Ung, châu Liêm, đánh bên nam thì bình định được Lâm ấp và nổi tiếng là nước cường thịnh là do đó.

221. Học thuyết của Trình, Chu cũng giống như lối "thanh đàm" đời Tấn và đạo "khổ không" đời Lương

Vua Thái Tổ nhà Tống nghe nói Lý Dục⁽¹⁾ nhà Đường thích đạo Phật, bèn chọn nhà sư có tài khẩu biện cho qua sông yết kiến vua Đường để luận về học thuyết tính mệnh⁽²⁾. Vua Đường vui mừng, coi [nhà sư] như vị Phật xuất thế. Và từ đó không còn để ý gì đến việc trị nước và giữ nước nữa. Nay xem đời Cảnh Định⁽³⁾, đời Hàm Thuần⁽⁴⁾, các quan chỉ dựa vào chỗ có quyền thế rồi luận bàn cao xa về tính lý, bỏ rơi việc chính sự, để mất cả nước. Thế thì có khác gì Lý Dục? Còn học thuyết của Trình Tử và Chu Tử⁽⁵⁾ sáng về bản thể, đạt về thực dụng, đâu đến nỗi bị sa vào chỗ hư không trống rỗng. [Thế mà] Tiên nho khép tội cho người mượn lối học ấy và cho rằng cũng giống như lối "thanh đàm"⁽⁶⁾ đời Tấn và đạo "khổ không"⁽⁷⁾ đời

1. Lý Dục: vua nước Nam Đường.

2. Học thuyết tính mệnh: "Tính" và "mệnh" là hai chữ trong *Kinh Dịch*. "Tính" là sự thông minh hay ngu dại, khéo léo hay vụng về, thiện hay ác... "Mệnh" là thọ hay yếu, giàu sang hay nghèo hèn... do trời phú bẩm và ban cho con người.

3. Cảnh Định, niên hiệu của Lý Tông nhà Nam Tống.

4. Hàm Thuần: niên hiệu của Độ Tông nhà Nam Tống.

5. Học thuyết của Trình Tử và Chu Tử: tức học thuyết "tính lý" (học thuyết "tính mệnh" cộng với "lý và khí") của hai anh em Trình Di, Trình Hiệu và Chu Hy đời Nam Tống.

6. Thanh đàm: xem ct.3, tr. 455.

7. Đạo "khổ không": đạo Phật.

Lương. [Lời bàn ấy] tưởng như quá lời, nhưng suy nghĩ kĩ về khí tượng đương thời thì cũng thấy điều ấy là đúng.

*

* *

222. Lộc nước nhà Tống lâu dài hơn nhà Tần vì nhà Tống tôn trọng kinh tịch, tin dùng nhà nho, kính lễ các sĩ phu

Sách *Văn hiến thông khảo*⁽¹⁾ nói: "Năm Thái Bình hưng quốc⁽²⁾ [nhà vua mở khoa] thì chọn người đỗ cao thấp, đều bổ làm quan hết, tuyển được hơn một trăm người". Thế rồi [sau này] những người đỗ cao đều bị tội tử hình; đỗ trung bình bị tội đánh đòn bằng gậy và đi đày; đỗ cuối bị bắt làm lính dịch ở ngoài biên. Do đó lối học xem tinh tượng⁽³⁾ mới mất. Cho nên nhà Tống trong hơn ba trăm năm không có người nào [giỏi về thiên văn tinh tượng] như Thuần Phong⁽⁴⁾, Thiên Cương⁽⁵⁾, Nhất

1. *Văn hiến thông khảo*: sách do Mã Đoan Lâm, người đời Nguyên soạn.

2. Thái Bình Hưng Quốc: niên hiệu của Thái Tổ (Nghệ Tổ) nhà Tống (976-984).

3. Tinh tượng: mặt trời, mặt trăng, các vì sao. Xem tinh tượng để biết thời vận và tiết trời.

4. Thuần Phong: người đời Đường, giỏi thiên văn lịch số, đã chế ra máy "Hồn thiên nghi" để xem tinh tượng.

5. Thiên Cương:

Hành⁽¹⁾ là vì thế. Vua Thái Tông tàn nhẫn như vậy thì còn đâu ra lòng nhân hậu nữa? Sử Thiên⁽²⁾ nói: "Triệu [Triệu Tống] với Tần cùng một dòng giống". Nay thử so sánh xem sao. [Nhà Tần] dẹp các nước thì [nhà Triệu Tống] tước quyền phương trấn; [nhà Triệu Tống] phá bỏ thành quách thì [nhà Tần] hủy bỏ binh bị. Đại khái hai nhà đều giống nhau. [Lại như các việc] thuế khóa rất ngặt, các thứ rượu công trà tư, muối riêng lệ cấm rất nghiêm. Các luật pháp được thì hành cũng lại không khác gì. Nhà Tần chế phục được rợ Hung Nô nhưng coi thường dân mọn cho nên họa loạn bắt đầu từ người lính thú gây ra⁽³⁾. Còn nhà Tống thu hút được lòng người nhưng cam chịu để nước người khinh rẻ, do đó mà tai họa giấy lên từ nước thù địch. Dù rằng tình thế khác nhau nhưng việc ở Bá Thượng⁽⁴⁾ và việc ở Thành Thanh⁽⁵⁾ rớt cục cũng như nhau. Xét cho cùng, nhà Tống nói chung chỉ có mỗi việc tôn trọng kinh tịch, tin dùng nhà nho, kính lễ các sĩ phu là khác [nhà

1. Nhất Hành: Cao Tăng thời Huyền Tông nhà Đường, một đại gia về thiên văn lịch số.

2. Sử Thiên: người đời Minh, tự Lương Thần, làm quan ở Bồ Thành, sau đổi đến Nghiêm Châu, vị quan nổi tiếng là có tài cai trị.

3. Trần Thiệp và Ngô Quảng là hai đội trưởng lính thú, cùng nổi dậy đánh lại nhà Tần.

4. Bái Công đánh vào đất Quan Trung, vua Tần là Tử Anh ra đầu hàng ở Bá Thượng.

5. Người Kim vào đánh nước Tống, Khâm Tông ra hàng quân Kim ở thành Thanh.

Tần] cho nên lộc nước [nhà Tống] lâu dài, [nhà Tần] ngắn ngủi⁽¹⁾ khác nhau thôi.

*

* *

223. Học thuyết Chu Tử và học thuyết Lục Tử Tinh

Chu Tử⁽²⁾ là người tập hợp các thành tựu to lớn của các nhà nho xưa [thành toàn tập của ông]. [Tôi đã] từng tìm đọc toàn tập ấy, thấy ở mỗi trang giấy đều là những học vấn lớn, nghị luận lớn. Có lẽ không riêng phần đạo đức nổi bật, mà sự tuyệt diệu về văn chương chính sự, ngay người xưa cũng không hơn được. Kể từ một thời đều nhường ông xếp hàng đầu, giống như bảy chục người hiền kính phục Phu Tử⁽³⁾ vậy. Trái lại, Lục Tử Tinh⁽⁴⁾ không chịu thua, đã lập riêng ra một đường hướng khác và sa vào với đạo Thiên. Đó chẳng phải là điều mà sách *Trung dung* gọi là: "Người giỏi đi quá bước" sao? *Vấn tập* của Tử Tinh mang nhiều ý vị khô khan nhất là không tinh tế và không

1. Nhà Tống truyền nối được 300 năm, nhà Tần truyền sang đời thứ hai thì mất.

2. Chu Tử: xem c1. 1, tr. 194.

3. Phu Tử: tức Khổng Tử, người nước Lỗ thời Xuân thu, làm nghề dạy học, thủy tổ của nho học, ông có ba ngàn học trò, trong đó có bảy chục người thông hiểu tất cả các môn học.

4. Lục Tử Tinh: tức Lục Cửu Uyên, tự Tử Tinh, hiệu Tượng Sơn, nhà nho lớn thời Tống, cùng thời với Chu Hy.

xem không thấy điều gì không hợp lý. Nhưng xem kĩ lại thì cuối cùng chỉ là thứ học thuyết không đầy đủ, không bao quát. Người đời sau do hâm mộ sự cao đạo của ông mà học tập cái đó. Khi ngồi yên tĩnh ở nhà thì không nói gì đến văn học, trước mặt khách thì bàn suông, bỏ qua và xem thường mọi sự vật. Cái đó làm hại đến đạo ở đời và tổn thương lòng người kẻ sao cho xiết.

Hổ Trai cho rằng Lục Tượng Sơn kém Chu Tử là cố nhiên. Tử đời Nam Tống đến nay, người theo học thuật chân chính đều đề cao Chu Tử và hạ thấp Lục Tượng Sơn. Một đôi người tự thích thú với sự sáng suốt sáng khoải của mình thì lại coi Lục Tượng Sơn hơn Chu Tử. Hai phái tranh cãi nhau rồi bởi tựa như đám kiện. Thiết nghĩ: Suy tôn Lục Tượng Sơn mà hạ thấp Chu Tử là không đúng. Nhưng với Tượng Sơn cũng không thể bình nghị một cách xem thường được. Chu Tử có nói: "Từ ngày qua bên Trường Giang, [Tượng Sơn] làm người cuộc chú kinh Phật. Còn Tượng Sơn cũng kính phục tư cách của Chu Tử. Qua đó có thể thấy hai vị hiền tài ấy rất hiểu biết về nhau. Duy cách lập giáo là mỗi người mỗi khác. Chu Tử đi từ "cách vật"⁽¹⁾. Tượng Sơn đi từ "trí tri"⁽²⁾. Cách dạy của Chu Tử

1. Cách vật: chữ trong sách *Đại học*, nghĩa là: tìm hiểu cho đến ngọn ngành cái lý của sự vật.

2. Trí tri: chữ trong sách *Đại học*, nghĩa là: suy cho đến ngọn ngành sự hiểu biết của con người, để phân biệt cho được lý phải lý đúng của sự vật.

quy củ, lặp đi lặp lại; cách dạy của Tượng Sơn vẫn tắt, dễ hiểu; Chu Tử thì bình dị mà thực; Tượng Sơn thì thẳng mà đơn giản. Hai phương pháp này đều có trong sách *Trung dung*. Phương pháp của Chu Tử là "theo con đường học vấn", phương pháp của Tượng Sơn là "tuân theo đức tính trời cho". Song phương pháp của Chu Tử là phương pháp của Phu Tử, dạy người ta học theo *Kinh Thi*, *Kinh Thư*, nắm vững *Kinh Lễ*, học rộng văn rồi rút vào Lễ. [Đó cũng] là gia pháp của Khổng Tử, cho nên vẫn có vết tích để tìm hỏi. Còn phương pháp của Tượng Sơn, một khi đã đổ vỡ thì không còn bờ bến nào cả. Đây là hai sự hay dở của hai cách dạy trên. Còn nếu bàn về người thì Chu Tử là bậc đại hiền, mà Tượng Sơn cũng là người hiền chân chính.

*

* *

Lời nói cuối sách

Việc trong thiên hạ không ngoài hai điều "lý" và "thế". Và hai điều ấy lại luôn dựa vào nhau. Biết "lý" mà không hiểu "thế" thì chưa đủ để làm nên việc; hiểu "thế" mà không biết "lý" thì định không ra việc. Xem ra chỉ có "lý" và "thế" là ít ai thấu tỏ được cả hai, mà thường gắn với hiểu biết riêng của mình, và đóng khung vào một mặt. Sờ dĩ vậy mà "nhân nghĩa" của Tống Tương⁽¹⁾ với "công lợi" của Thương Ưởng⁽²⁾ trước kia, khác nhau về đường lối mà giống nhau về tệ hại. Điều đó cũng đủ để ngàn đời phải than thở.

Kinh Dịch nói: "Biến động trong thiên hạ chính đáng chỉ có "một" [lý] thôi". Chỉ lý thay chữ "một". Lấy chữ "một"

1. Nhân nghĩa của Tống Tương: nước Sở mang quân vào đánh nước Tống. Để tỏ là mình nhân nghĩa, Tống Tương đã không đánh khi quân Sở chưa dàn thành hàng trận, không giết kẻ đã bị thương, không bắt binh sĩ đã hai thứ tóc. Do đó Tống bị Sở đánh cho đại bại. Đời sau chê nhân nghĩa của Tống Tương là vụn vặt.

2. Công lợi của Thương Ưởng: Thương Ưởng người nước Vệ (xem ct. 2, tr. 135). Bằng chính sách công lợi, trong 10 năm Thương Ưởng đã giúp Tần thành một nước giàu mạnh. Nhưng do hình pháp của Thương Ưởng nhằm thúc đẩy chính sách công lợi đã quá khắt khe làm hại lớn đến tôn chỉ của đạo nho là "nhân nghĩa" nên cuối cùng Thương Ưởng bị chính luật pháp của mình đặt ra giết chết.

ấy mà xuyên suốt mọi việc thì dù bốn bể chín châu cách trở, ngàn xưa trăm đời xa xôi, mọi trao đổi qua lại, mọi xem xét đánh giá vẫn đều rõ ràng như bày ra trước mắt, rành rọt như trở bàn tay vậy. Đôn tôi lúc nhỏ vẫn có lòng tự phụ, đọc Ngũ kinh, *Luận ngữ*, *Mạnh Tử*, thấy lời thánh hiền điều gì cũng bao quát, bèn trộm nghĩ rằng từ đời trung cổ trở về sau, các học giả không ít, nay đem tài trí của mình ra, lại lấy nghĩa lý trong sách để xét đoán thêm, thì [việc làm] sẽ không còn gì khó khăn nữa. Nhưng rồi đến khi đọc hết các sử truyện, thấy sự yên, nguy; thành, bại; lành, dữ; khéo, vụng... mọi chuyện cứ rối bời. Các việc mà người xưa xử trí, có việc tưởng thế là phải mà lại hóa trái; có việc tưởng thế là mất mà lại hóa được; có tai họa nảy sinh mà không biết đề phòng; có việc không ngờ mà lại thành công; có khi do muộn mà hỏng việc; có khi do sớm mà tai họa. [Nguyên do] chỉ vì "lý" và "thế" ở ngay trước mắt mà khó nhận cho ra.

Than ôi! Âu Công⁽¹⁾ làm sử thời Ngũ Đại⁽²⁾, ở mỗi bài tán đều có chữ "ô hô", người hiền đương thời cho là đời ấy có nhiều điều đáng than thở. Nhưng xem ra thì ngay từ xưa cũng đã có điều đáng than thở, chứ đâu phải chỉ riêng thời Ngũ Đại. Thời suy loạn ít có mưu đồ sửa sang, nhưng thời thịnh trị cũng không tránh khỏi thiếu sót trong

1. Âu Công: tức Âu Dương Tu, nhà nho lớn thời Tống.

2. Ngũ Đại: gồm các nước Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu. Năm họ này lần lượt thay nhau làm vua trong 52 năm.

lo toan. Đó là nguyên do [lời than thở] lúc thịnh thường ít, lúc suy thường nhiều. [Tôi] ngày thường đọc sách, khi có điều cảm xúc thường buông sách ngẫm nghĩ, và khi thả tâm tư vào thời đại ấy, đặt mình vào hoàn cảnh ấy, thường thấy cảm khái [trước việc của] đời xưa. [Thế là tôi] bèn viết luôn ra giấy, nhưng lời lẽ chấp nhặt dông dài, tản mạn không thể thu tóm lại được. [Tôi tự biết rằng] lấy ý riêng của mình để gán cho người xưa, có thể xem là thiên lệch; giữ lẽ thường để bàn về biến cố ở đời có thể coi là câu nệ. Nhưng Chu Tử có nói: "Phàm xem trong sử sách chỉ có [hai điều] "phải" và "không phải". Xem điều "phải" để tìm ra điều "không phải"; xem điều "không phải" để tìm ra điều "phải". [Nhu thế] sẽ thấy rõ được nghĩa lý". Ông lại nói: "Hãy cứ đọc sách đi đã, đến khi nào đã hiểu tương đối kỹ đầu đuôi rồi thì hãy bắt tay vào lý hội". [Xem thế] thì kẻ hậu học nhất thiết phải tự cố gắng [học thêm].

Hai quyển sách này tạm xong, tôi rất mong được sự chất chính của các sĩ phu Trung châu⁽¹⁾, nhưng chưa tìm được dịp. Năm Canh Thìn (1760), [tôi] vâng mệnh đi sứ phương bắc, vào châu ở kinh sư, năm Tân Tị (1761) trở về nước, được ông Hồ Trai Tân Sứ quân ở bộ Lễ vâng chỉ đi tiễn. Trong lúc cùng thuyền trò chuyện, bỗng nhắc đến sử học. [Tôi] không ngại mình kém cỏi, đã đưa [tập sách] cho ông xem. Sứ quân là người uyên bác, phong nhã, thấy

1. Trung châu: chỉ nước Trung quốc.

sách là thích ngay. Thế rồi, theo từng điều mục, ông cho luôn lời bình phẩm ở dưới. Thịnh thoảng có chỗ không vừa ý cũng cân nhắc ngay tại chỗ và cùng nhau bàn bạc sửa chữa, thành một sự trao đổi qua lại. [Tuy nhiên] tất cả bấy nhiêu bài, chủ yếu không có ý gì khác nhau lắm, [nếu có] chẳng qua chỉ là châm chọc để tìm ra điều xác đáng, nhằm làm cho lý và thế đều sáng tỏ và không bị thiên về một mặt thôi. Sứ quân lại thường nói: "Điều căn bản trong việc trị nước là cung kính và kiệm ước, là nhân nghĩa với dân đồng thời dùng người hiền, bỏ kẻ gian thì lòng người sẽ về theo; kỷ cương không rối loạn thì các việc văn võ đưa ra sẽ thi hành được ngay; các sĩ đại phu lập thân phải bắt nguồn từ lòng trung hiếu; lo việc nước, yêu thương dân phải lấy nhân nghĩa làm gốc, lấy lễ nhượng làm đầu. Tất cả mọi việc đưa ra giúp đời trị dân mà đều theo đúng ý của thánh hiền đời trước thì công danh sự nghiệp sẽ thi thố được với đời, tiếng tăm sẽ để đến mai sau. Nếu tài sức chưa làm nổi thì cũng thành một người biết bồi bổ nguyên khí cho nước. Còn nếu dùng chút ít hiểu biết riêng của mình thì dù bằng hình danh pháp thuật có thỏa mãn được một thời, nhưng rồi sẽ để độc hại đến đời sau. Từ những điều ấy cho thấy không thể nào làm trái được lòng người, lễ trời. Với ý này mà đọc sử thì đã nghĩ ra quá nửa rồi. Còn những việc như binh cơ, hình thế, các dấu xưa vết cũ, việc nào xét thấy có thể được thì

thỉnh thoảng bình phẩm một đôi điều cũng chẳng hại gì, nhưng cũng không nên nhiều. [Vì rằng] làm sách cốt để cho đời sau, nên nếu kẻ hậu sinh tiểu tử nào xem sách mà cho rằng chỉ có mưu trí [là cần] và không kể đến mệnh trời, lòng người thì họ tránh sao khỏi lỡ việc được? Trên đây thực là lời bàn công bằng thẳng thắn.

Đôn tôi vốn không có tài, tập sách này được soạn ra, tuy không dám xen cơ tâm cơ sự vào đó, nhưng về các việc thi thố, sắp đặt của đời trước vẫn còn mất nhiều lời lầm nhảm, như *Nam hoa kinh*⁽¹⁾ gọi là: "ngón chân liền, ngón tay thừa"⁽²⁾ chỉ thêm xấu hổ với các nhà đại học vấn thôi. Vậy xin thêm mấy lời phụ vào cuối sách.

*

* *

1. *Nam hoa kinh*: sách do Trang Tử thời Xuân Thu biên soạn.

2. Ngón chân liền, ngón tay thừa: chữ trong thiên Biện mẫu, sách *Trang Tử*: "Ngón chân liền (ngón cái và ngón thứ hai dính liền nhau) ngón tay thừa (ngón thứ 6) cũng do trời sinh. Ý nói đó là những ngón vô dụng, mặc dù đều do trời sinh.

事持入中何而於先代設施措置
多費曉天則南華之所謂駢
榘枝葉適以負愧於大方家矣
執言以附正卷後

施於辰丑名流于後即才力有不及亦為能培養國家元氣之人
若私智小效刑名法術雖能取快一辰必將流毒于後此可見
人心天理之不可違也以此覓史是過半矣至于兵謀形勢陳
迹可按者不妨偶評一二然亦不宜多反著書須為後世計
倘後生小子見之以為但有智謀則天命人心俱不可計豈不誤
事此是平正之論也故情不敏是編之作雖非敢以機心機

使君博雅之士也一見喜之遂條之下類如平品間有不合處亦
即席推誠互相辨訂遂成往復總若干則要亦各有異同不過
酌斟求其允當使理直而明而不滯於一偏之見耳使君又常
言曰治國有本恭儉仁義用賢去奸則人心常附紀綱不撤文武
之事並舉而指之耳士大夫立身原于忠孝憂國愛民以仁義為
本以禮讓為先此所以輔世長民者一歸之聖賢之道意則切矣

辰賢以為此辰多有可嘆者試守見之從古皆可嘆也豈獨
五代辰哉衰世罕有匡扶之圖而盛世不免繡繆之漏此所以治
日常而亂日常多也平素讀書有所惑獨每不放卷為思
而遂心於其辰設身處其間能不遙繫於昔日而疏於紙勒
既無辭泛漫不可收拾據成見以律古人可謂偏矣執常理
以論世故可謂泥矣抑朱夫子有言曰凡見史書只有了是每下

是覓其是求其不是覓其不是求其是便見得義理人曰書且如此讀侍知首尾稍熟却下手理會則後學亦不可不自勉也二編粗就甚欲求正字

中州士夫而無繇涉還歲庚辰奉

命北使八觀

京師辛巳而歸

後曹昭齊秦使君被

貞運送駐舫接話偶及史書不掩圖阿出以相示

眉燦然如指掌矣。博少負氣讀五經語孟見至賢之言。其所不
該竊意中古以後學者不少。出其才智而復以書中義理揆之。自
年稚者既而編閱史傳。安怠成敗。言凶巧拙。陳案紛然。晨辰
之人所處之事。有以此為是而反為非。有以^此為失而反為得。有
患生而不防。有功收而無意。有後辰而失計。有先辰而生災。其
目前之理。苟難於指定也。嗟夫。政公作五代史。每贊一日。嗚呼。

群書改辨後語

天下事不道理而端然而二者常相倚也知理而不審言不
足以成事審言而不知理不可以立事夫惟理芳鮮能兼明而
於私見陷於一偏此朱袁之仁美商鞅之功利所以異途同歸於
前而適足以發千古之浩嘆也易曰天下之動貞夫一也至哉一乎
以貫之則雖四海九州之遠千里百世之遙酬酢權度皆較然如列

Bảng tra tên người

Tên người trong *Bảng tra tên người* gồm các tên húy, tự, hiệu, biệt hiệu và tước phong như Huệ Đế, Tần Vương, Tấn Hầu, Phạm Lỗ Công, Nguyễn Bộ Bình, Đỗ Thái Hậu...

Bảng tra tên người sắp xếp họ tên người theo thứ tự chữ cái tiếng Việt từ A đến Y. Trường hợp tên giống nhau sẽ mở ngoặc để nói rõ thêm về từng người như Cao Tổ (Đường), Cao Tổ (Hán).

Trong các lời bàn, một người có thể nêu ra bằng những tên gọi khác nhau, nên ở mỗi tên ấy cũng được mở ngoặc thêm các tên gọi khác để tiện thấy hết người ấy đã được nhắc đến với các sự kiện như thế nào, như Vũ Hầu (Gia Cát Lượng), Tư Mã Trọng Đạt (Tư Mã Ý), Vô Kỵ (Tin Lăng Quân).

Sau tên người là các chữ số chỉ thứ tự các điều mục mà trong đó có tên người đã nêu.

Bảng tra tên người

A

Ai Công 27

Ai Đế (Hán) 98

Ai Đế (Tấn) 131

An Đế 91

An Lộc Sơn (Lộc Sơn) 1, 18, 71, 144, 154, 166

An Thành Vương (tên Húc) 172

Anh Bố 56, 209

Anh Tông 202, 212

Ân Hạo 129, 130, 131

Ân Khai Sơn 140

Âu Công 181

*

* *

B

Bá Cồn 89

Bá Lãng 72

Bá Phong 1
Bá Tiên 112
Bái Công 48, 146
Bãi Xứ Ước 182
Bách Lý Hề 25
Bạch Cư Dị 151
Bạch Mẫn Trung 151
Ban Bưu 94
Ban Cố 42, 83, 94
Ban Siêu 181
Bàng Mạnh 88
Bàng Noãn 47
Bàng Viên 169
Bành Dạng 123
Bạch Trạch 120
Bành Việt 59, 60, 64, 88, 209
Bao Tự 15
Bão Thúc Nha 24
Bạo Thắng 184
Bất Quật 1
Bình Nguyên Quân 42
Bình Tân Hầu (Công Tôn Hoàng) 75, 78, 164
Bình Vương (Chu) 10, 13

Bình Vương (Sở) 209
Bồ Kiên 2, 131, 133, 193, 199, 209
Bốc Tử Hạ 184
Bùi Độ 95, 162, 164
Bùi Khải 115
Bùi Miện 162
Bùi Tấn Công (Bùi Độ) 95
Bùi Tịch 146
Bùi Viêm 162

*

* *

C

Cái Khoan Nhiều 84
Cánh Thủy 87, 88, 205
Cánh Đế 69, 81, 87, 98
Cánh Thắng 100
Cánh Trú 210
Cao Dao 107, 150
Cao Dinh 37, 213
Cao Đế 41, 91, 98, 113
Cao Hách 41
Cao Hoan 172, 209

Cao Hồ 21
Cao Lục Sĩ 158
Cao Quý Hương Công (Tào Mao) 114
Cao Tiêm Ly 55
Cao Tổ (Chu) 133
Cao Tổ (Đường) 138, 140, 144, 146, 157
Cao Tổ (Hán) 31, 50, 55, 56, 57, 59, 61, 63, 64, 65, 68,
86, 88, 110, 146, 209
Cao Tông (Đường) 162
Cao Tông (Tống) 92, 132, 195, 205, 209, 210, 216
Cáp Công 184
Cát Văn Khang 207
Cát Vương 174
Cấp Âm 73, 95
Câu Tiến 35, 66, 193, 211
Châm Quán 1
Châm Tâm 1
Chân Tông 179, 181, 182, 192, 202, 208
Chiêu Công 27
Chiêu Dương 40
Chiêu Liệt 41, 99, 100, 101, 102, 103, 105, 113, 133,
152
Chiêu Tông 162, 165, 172

Chiêu Vương (Tân) 49, 52
Chiêu Vương (Yên) 36, 45
Chu Á Phu 37, 69, 71
Chu Ân 59
Chu Bột 1, 67, 73, 79, 110
Chu Công 2, 8, 9, 78, 92, 108, 139, 181, 184
Chu Hội 42
Chu Hu 1
Chu Mai 172
Chu Hy 32, 76, 207, 221, 223
Chu Ôn 162, 172
Chu Ti 166
Chu Toàn Trung 170
Chu Tử 32, 76, 204, 221, 223
Chu Văn Công 181
Chu Vỹ 88
Chu Xương 64
Chữ Phụ Yến
Chức Lương 170
Chung Cổ 16
Chung Do 99
Chung Hội 123, 124, 125
Chung Li Muội 59

Chung Mộ 50
Chữ Toại Lương 162
Chương Đế 89, 98
Chương Hàm 48, 53, 54
Cố Vinh 120
Công Lưu 11
Công Nghi Hưu
Công Thúc 209
Công Tôn Hoàng (Bình Tân Hầu) 75, 78, 164
Cung Toại 83

*

* *

D

Dạng Đế 133, 136, 146, 193
Dận Hầu 1
Dịch Nha 23
Diêm Hiến 93
Điều Sùng 162
Điều Trình 2
Điều Tương 101, 131, 199
Doãn Cát Phủ 17
Doãn Thái Sư 15, 17, 166

Du Chi 102
Duệ Tông 144, 158
Du Đỗ 216
Dương Am 172
Dương Châm 30
Dương Chấn 95
Dương Chung 89
Dương Hồn 84
Dương Huyền Viêm
Dương Hựu 117
Dương Mẫn 172
Dương Phục Cung 172
Dương Quán 162
Dương Quảng 174
Dương Quốc Trung 71, 154, 158, 162
Dương Quý Phi 154
Dương Tiêu Sơn 15
Dương Úc 182, 217
Dương Viêm 159
Dữu Lượng 172
Dữu Tín 219

*

* *

D

- Dại Tông 157, 162, 169
Đại Vũ 8, 139
Đào Chu (Phạm Lãi) 120, 196
Đặng Đồ 34
Đặng Chất 93
Đặng Hậu 93
Đặng Phụng 88
Đặng Thông 79
Đậu Dung 94
Đậu Hiến 93, 94
Đậu Kiến Đức 146
Đậu Tham 161
Đế Di 1
Đế Tường 1
Đệ Ngũ Luân 89
Dịch Nhân Kiệt 162
Dịch Nhuộng 167
Diễn Đan 39, 44, 195
Diễn Lệnh Tư 172
Diễn Tử Phương 184
Diễn Văn (Mạnh Thường Quân) 42
Diễn Hầu (Chu Á Phu) 71

Đinh Bộ Lĩnh 170
Đinh Nam Hồ 181
Đinh Vị 207
Đoạn Can Mộc 184
Đoạn Văn Xương 162
Đỗ Bá 16
Đỗ Chu 17
Đỗ Diên Niên 17
Đỗ Dự 119
Đỗ Hoàng Thường 162
Đỗ Kỳ 119
Đỗ Như Hối 140, 162, 182
Đỗ Nhưộng Năng 172
Đỗ Thái hậu 174
Đỗ Thiếu Lăng (Đỗ Phủ) 170
Đỗ Thù 119
Đông Dương Hầu (Trương Tương Như) 79
Đông Giang Chu Bội Liên 1, 2, 77, 78, 81, 82, 85, 92,
133, 139, 159, 169, 170, 171, 181, 194, 202, 206, 212, 216
Đông Pha 181, 200, 206
Đồng Quán 15
Đồng Tấn 161
Đồng Doãn 102

Đồng Giang Đồ 78
Đồng Trác 87
Đột Quyết 136
Đới Thị 84
Đức Chiêu 174
Đức Tông 159, 160, 161, 162
Đức Tú 101

*
* *

G

Gia Bá 15
Gia Cát (Vũ Hầu) 213
Gia Cát Khác 106
Gia Cát Trường Dân 131
Giả Nghị 31, 73, 74, 78, 79, 165, 181
Giả Sinh (Giả Nghị) 74
Giả Sung 116
Giả Tự Đạo 209, 216
Giản Văn Đế 130, 131
Giang Đồ Vương 146
Giang Tống 135
Giáng Hầu (Chu Bột) 73, 79

H

- Hà Sung 128
Hà Tiến 93
Hạ Hầu Hiến 110
Hách Kinh 216
Hải Lăng Vương 133, 216
Hàm Mông Khâu 95
Hàn An Quốc 82
Hàn Công (Hàn Kì) 182, 209
Hàn Diên Huy 209
Hàn Diên Thọ 84, 151
Hàn Ê 172
Hàn Giốc 1
Hàn Hầu 15
Hàn Hiến Tử 203
Hàn Khởi 41
Hàn Kì 182, 209, 213
Hàn Ngụy Công (Hàn Kì) 213
Hàn Phu nhân 154
Hàn Sinh 66
Hàn Thế Trụ 216
Hàn Thế Trung 92, 210
Hàn Tín 37, 59, 60, 61, 62, 64, 65, 68, 69, 88, 209

Hàn Toàn Hối 172
Hàn Xương Lê (Hàn Dũ) 97
Hạng Đà 60
Hạng Lương 48, 55
Hạng Tịch (Hạng Vũ) 54
Hạng Vũ 31, 50, 54, 56, 59, 60, 61, 65, 66, 140, 146,
209
Hạp Lư 193
Hầu Cảnh 134, 157, 219
Hậu Chủ 153
Hậu Nghệ 1
Hậu Quý 1
Hậu Tắc 1
Hậu Thắng 50
Hi Am 131
Hi Đàm 131
Hi Siêu 131
Hi Tông 165, 172, 174
Hiến Đế 98
Hiến Tông (Đường) 160, 162, 164
Hiến Tông (Tống) 101
Hiến Tông 89
Hiếu Công (Tần) 36, 52, 209

Hiếu Công (Tề) 21
Hiếu Hoài (Lưu Thiện) 113
Hiếu Tông 181, 211
Hiếu Vũ Đế 172
Hoa Nguyên 30
Hòa Đế 93
Hóa Cập 136, 146
Hoài Âm Hầu (Hàn Tín) 64
Hoài Đế 121
Hoài Nam Vương 81
Hoài Vương 48, 65, 146
Hoắc Khứ Bệnh 17
Hoắc Quang 17, 69, 110
Hoàn Công (Tề) 14, 15, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 147,
182
Hoàn Công (Trịnh) 3
Hoàn Đế 92, 102, 174
Hoàn Huyền 172
Hoàn Ôn 127, 128, 129, 130, 131, 198, 199, 209
Hoàn Sung 131, 199
Hoàn Vương 13
Hoàn Y 131
Hoàng Bá 83

Hoàng Cân 96, 165, 167
Hoàng Đế 81
Hoàng Hạo 102
Hoàng Phủ 15
Hoàng Phủ Bác 162
Hoàng Phủ Quy 184
Hoàng Sào 166, 167, 169, 170, 209, 219
Hoàng Thạch Công 57
Hoàng Yết 42
Hoàng Cung 84, 151
Hồ Hối 31, 89, 174
Hồ Quảng 92, 164
Hồ Song Hồ 143
Hồ Trí Đường (Hồ Dần) 85, 95, 150
Hồ Yến 25
Hồ Yết 157
Hổ Trai Tần Triều Vu 2, 4, 9, 15, 16, 24, 30, 31, 36,
42, 46, 50, 64, 69, 70, 76, 78, 81, 84, 85, 91, 95, 96,
112, 114, 122, 146, 182, 223
Hồng Cân 167
Huệ Đế (Hán) 31, 91, 98
Huệ Đế (Tán) 174, 214
Huệ Vương 209

Huy Tông 133, 174, 193

Huyền Linh (Phòng Huyền Linh) 140, 149, 213, 162,
182

Huyền Tông 75, 155, 157, 158, 162, 171, 202

Hứa Hậu 174

Hứa Kinh Tông 162

*
* *

K

Kê Khang 124, 125, 126

Kha Thư Hàn 71, 154

Khai Phương 23

Khải 1

Khang Diên Hiếu 209

Khang Vương 139

Khánh Phong 30

Khảo Đình (Chu Hi) 217

Khâm Tông 153, 196

Khẩu Chuẩn 178, 187

Khí Tật 18

Khích Chính 102

Khoái Thông 64
Khoát (Hoàn Khoát) 131
Khổng Nghiêm 129
Khổng Tử (Phu Tử) 4, 32, 33, 120, 181
Khúc Đoan 210
Khuất Nguyên 79
Khước Khuyết 41
Khuơng Bá Ước (Khuơng Duy) 24, 106
Khuơng Duy 24, 106
Khuơng Công Phụ 159, 161
Kiến Thành 138
Kiến Văn 138
Kiến Vũ 86
Kiến Thúc 25
Kiệt (vua) 5, 7, 16, 137
Kiều Lâm 159
Kim Mật Đế 110
Kinh Công (Vương An Thạch) 181, 190, 202
Kinh Kha 5
Kinh Bố 62; 64
Kính Đường 172

*
* *

L

- Lã Bất Vi 34, 42
- Lã Đoan 176, 180, 207
- Lã Đông Lai 32, 144
- Lã Hậu 1, 64, 67, 87
- Lã Huệ Khanh 89
- Lã Vọng 107
- Lai Công (Khấu Chuẩn) 178, 187
- Lạn Tương Như 38
- Lang Da Vương 121
- Lão Tử 4, 115, 201
- Lâm Đức Tụng 144
- Lâm Nhân Triệu 50
- Lâu Hoãn 46
- Lâu Kính 56, 58, 68
- Lệ Vương 12, 13, 16, 34
- Lịch Sinh 64, 68, 77
- Lịch Sơn Phi 136
- Lịch Quỳnh 210
- Liêm Pha 34, 38, 43, 47
- Liệt Hầu 64
- Liễu Tông Nguyên 143
- Linh Công 21

Linh Đế 97, 98, 102
Linh Vương 18
Lỗ Trọng Liên 31, 39, 44
Lộc Sơn (An Lộc Sơn) 1, 18, 71, 144, 154, 166
Lục Chí 85, 159, 161, 162
Lục Cơ 38
Lục Giả (Lục Sinh) 77, 92
Lục Kháng 117, 123
Lục Trường Nguyên 161
Lục Tuyên Công (Lục Chí) 85, 159, 161, 162
Lục Tử Tĩnh (Lục Tượng Sơn) 223
Lư Dục 119
Lư Đình 119
Lư Kỳ 159, 162
Lưu Bang 1, 66
Lưu Bị 99, 103, 152
Lưu Biểu 100, 101, 103, 152
Lưu Chính Hội 140
Lưu Chính 209
Lưu Chương 99, 110
Lưu Cung 211
Lưu Diệu 219
Lưu Do 106

Lưu Dự 209, 210
Lưu Đàm 128
Lưu Hầu 61, 146
Lưu Hoàng 107
Lưu Huyền 133
Lưu Hưởng 79, 165
Lưu Kính 131
Lưu Linh 126
Lưu Ngạn Tôn 201
Lưu Phần 165
Lưu Phúc Thông 96
Lưu Phương Lạp 96
Lưu Quý Thuật 172
Lưu Sư Trí 172
Lưu Sứ quân (Lưu Bị) 99, 103, 152
Lưu Thiện 102, 113
Lưu Thông 116
Lưu Thúc 97
Lưu Tông Nhất 159
Lưu Tông 100
Lưu Uyên 113
Lưu Việp 99
Lương Kí 92, 93

Lương Thương 93
Luồng Sinh 63
Lý Bá Ki 206, 217, 218
Lý Bi 144, 152, 159, 162
Lý Cát Phủ 160, 162
Lý Cố 92, 95, 165, 170
Lý Cương (Lý Bá Ki) 206, 217, 218
Lý Dục 221
Lý Đại Lượng 144
Lý Đồng 42
Lý Đức Dụ (Lý Tấn Hoàng) 151, 162
Lý Hăng 181, 182
Lý Huấn 162
Lý Hưng 107
Lý Khắc 35, 188
Lý Khắc Dụng 172
Lý Lăng 72
Lý Lâm Phủ 75, 162
Lý Mật 108, 146
Lý Mậu Trinh 172
Lý Mục 47
Lý Nghĩa Phủ 162
Lý Nghiễn 162

Lý Phục Quốc 158
Lý Phùng Cát 164
Lý Quang Bật 71, 154
Lý Quảng 72
Lý Quý 162
Lý Tả Xa 69
Lý Thạch 162
Lý Thế Trích 144
Lý Thiện Trường 37
Lý Thông 88
Lý Tín 48
Lý Toàn 101
Lý Tông 209
Lý Trung Định 95
Lý Tư 38, 209
Lý Ung 181
Lý Văn Tĩnh 181
Lý Vi 42

*
* *

M

Mã Siêu 99
Mã Tri Tiết 207

Mã Viện 37
Mai Tuân 181
Mạnh Củng 132
Mạnh Đức (Tào Tháo) 100, 113
Mạnh Hiến Tử 184
Mạnh Mẫn 41
Mạnh Quang 102
Mạnh Thường Quân (Điền Văn) 42
Mạnh Tử 29, 31, 34, 51, 58, 77, 85, 111, 181
Mao Toại 42, 181
Mặc Độc 215
Mân Vương 42, 44, 51
Mẫn Đế 121
Miêu Bí Hoàng 209
Minh Đế (Hán) 98
Minh Đế (Nguy) 110, 111
Minh Đế (Tấn) 114
Minh Hoàng 18, 87, 153, 154
Minh Tông 193
Mộ Dung 131, 199
Mộ Dung Hoàng 2
Mộ Dung Sung 2
Mộ Dung Thùy 2
Mông Chính 180

Mông Diêm 53

Mông Nghị 53

Mục Công

Mục Đế 131

Mục Tông 162

Mục Vương 34

*

* *

N

Nam Dương Vương 121

Nghệ Tổ 92, 170

Nghi Cửu 15

Nghiêm An 80

Nghiêm Tục 50

Nghiêm Tung 15

Nghiệp Hầu (Lý Bí) 152

Nghiêu 4, 25, 89, 90

Nghiêu Thần 181

Ngô Dương Đình 78, 81, 84, 91, 94, 144, 151, 152, 172,
206, 208, 209

Ngô Khởi 33, 109

Ngô Quảng 165

Ngô Tị 71

Ngô Vương 157
Ngột Truật 50
Ngu Khanh 195
Ngũ Cử 209
Ngũ Tử Tư 193
Ngũ Viên 152, 209
Ngụy Công (Trương Tuấn) 92, 206
Ngụy Nhân Phổ 177
Ngụy Tề 40
Ngụy Thành 184, 188
Ngụy Trung 139, 141, 142, 150, 162, 164
Ngụy Tướng 180
Nguyên Đế (Hán) 84, 91, 97
Nguyên Đế (Tấn) 118, 205
Nguyên Hiến 172
Nguyên Hiệu 209, 212
Nguyên Ngụy 157
Nguyên Tái 162
Nguyễn Bộ Binh (Nguyễn Tịch) 126
Ngưu Tiên Khách 155
Nhã Lý 216
Nhạc Dương Tử 34
Nhạc Nghị 36, 43, 44, 107
Nhạc Phi 37, 92, 132, 145, 210

Nhạc Thừa 38, 47
Nhạc Vân 210
Nhạc Vũ Mục 95
Nhan Châu Khanh 1, 153
Nhan Lỗ Công 154
Nhân Tông 186, 188, 194, 202, 212
Nhất Hành 222
Nhật Đạn 41
Nhĩ Chu Vinh 209
Nhị Thế 48, 53, 54
Nhuế Bá 34
Nhuế Lương Phu 16
Nhữ Ngải 1
Ninh Thích 24, 147, 172, 181
Ninh Tử Tiệp 184
Noãn Vương 31
Nội Hàn (Trần Bành Niên) 178

*
* *

O P

Ôn Công (Tư Mã Quang) 85, 86, 217
Phàn Bá 16
Phạm Chất (Phạm Lỗ Công) 177, 182

Phạm Công (Phạm Trọng Yêm) 186, 209
Phạm Công Trú 182
Phạm Hoa 88
Phạm Lái 120, 196
Phạm Thư 37, 38, 40
Phạm Trọng Yêm 186, 209
Phạm Văn Chính 95
Phân Hầu 19
Phân Khoái 38
Phân Trọng 15
Phế Đế 172
Phí Vi 24
Phiên Tư Đồ 15
Phó Duyệt 76, 78, 107
Phong Luân 142
Phòng Huyền Linh 140, 149, 213, 162, 182
Phu Tử (Khổng Tử) 120, 223
Phù Sai 35, 193, 196, 211
Phù Tô 31
Phú Bật (Phú Trịnh Công) 186, 188, 189
Phù Hầu 15, 19
Phùng Duyên Lỗ 50
Phùng Hoan 42
Phùng Tường 32

Phùng Chính Học 2

*
* *

Q

Quách Khai 50

Quách Nguyên Chấn 158, 181

Quách Sùng Thao 37

Quách Thái 41

Quách Thành Tế 116

Quách Tử Nghi 71, 95, 154

Quách Uy 172

Quốc Phu nhân 154

Quốc Thạch Phủ 17

Quốc Văn Công 16, 17

Quốc Vương 157

Quốc Vương Cự 154

Quan Bá 159

Quan Long Bàng 16, 150

Quán Anh 60, 61, 79

Quản Thái 2

Quản Thúc 2

Quản Trọng 3, 14, 23, 24, 25, 26, 147, 172, 221, 213

Quang Vũ 86, 87, 88, 91, 93, 113, 169

Quế Đường 2, 9, 15, 31, 50, 77, 84, 85, 182, 194

Quy Sinh 209

Quý Trát 23

Quý Trư 1

Quốc Ý Trọng 21

*
* *

S

Sài Thiệu 140

Sầm Hi 158

Sám Hiến 167

Sĩ Cập 136

Sở Vương 42

Sơn Đào 126

Sử Bá 3

Sử Cao 97

Sử Thiên 222

Sử Tung Chi 132

Sử Tu Minh 166

*
* *

T

- Tả Nho 16
Tả Xi Cung 201
Tạ An 119, 122, 127, 131, 199
Tạ Huyền 119, 131, 199
Tạ Vạn 111, 131
Tang Ai Bá 34
Tang Hoàng Dương 82
Tào Bân 175
Tào Phi 109
Tào Sáng 110, 112
Tào Quýnh 87
Tào Tham 61, 122, 184
Tào Tháo 85, 93, 99, 100, 103, 109, 113, 146
Tào Thực 109
Tào Triệu 110
Tào Tuân 116
Tào Vũ (Yên Vương Vũ) 110
Tắc 150
Tăng Biện 112
Tăng Bố 174
Tăng Trí Nghiêu 181
Tân Hữu 23
Tân Vô Tư 24, 147, 172
Tân Cối 50, 92, 210, 216

Tần Trọng 9
Tần Vương (Lý Thế Dân) 138, 212
Tấn Hầu 9, 22
Tấn Vương 208
Tây Sở Bá Vương 66
Tây Sơn 164
Tây Thi 203
Tề Hiền 208
Tề Vương Quýnh 120
Tế Khổng 22
Thác Công 209
Thạch Hiến 84, 151
Thạch Lạc 113, 117, 199, 219
Thạch Tấn 201
Thái Bá 8
Thái Bình (công chúa) 158
Thái Công 74, 92, 185
Thái Khang 1, 5, 12
Thái Kinh 15, 198
Thái Mộ 101
Thái Sù Công 64, 218
Thái Thúc 2
Thái Tổ (Minh) 138, 218
Thái Tổ (Tống) 133, 174, 177, 185, 192, 198, 202, 208,
221

Thái Tông (Đường) 133, 139, 140, 141, 142, 143, 145,
157, 169
Thái Tông (Tống) 174, 176, 181, 192, 202, 208, 222
Thái Trách 37
Thái Ung 165
Thái Vương 8, 9, 11
Thanh Hà Vương 174
Thành Đế 79, 98, 181
Thành Phù 147
Thành Thang 2, 3, 4, 7, 66, 137, 146
Thành Tổ 87
Thành Vương (Chu) 8, 9, 139
Thành Vương (Sở) 25
Thân Bá 15, 17, 19
Thân Bao Tu 152
Thân Hầu 15, 17
Thần Mi 1
Thần Nghiêu 136, 137, 139, 140
Thần Thông 140
Thần Tông (Minh) 84
Thần Tông (Tống) 182, 198, 202, 212
Thận Cảnh 156
Thập Bàng 24, 147
Thế Dân 137, 138

Thế Phù 10
Thế Sung 146
Thế Tổ 133
Thế Tông (Chu)
Thế Tông (Kim) 211
Thế Tông (Minh) 84
Thiên Cương 222
Thiền Vu 74
Thiếu Tôn 25
Thiệu Công 15, 78, 139
Thiệu Tư 175
Thôi Chiêu Vĩ 162
Thôi Dận 162, 172
Thôi Hạo 37
Thôi Hiệu 107
Thôi Hiệu Phù 159, 162
Thôi Trữ 21
Thụ Điều 23
Thuần Phong 222
Thuấn 4, 25, 26, 90
Thuận Tông 162
Thúc Bảo 134
Thúc Đái 16, 166
Thúc Nha 172

Thức Tôn Thông 63, 77
Thủy Hoàng 31, 50, 52, 55, 81, 209
Thương Lộ 217
Thường Sơn Vương 172
Ti 172
Ti Can 16, 150
Tiên Chính (Gia Cát Lượng) 102
Tiên Quân (Luu Bị) 102
Tiết 150
Tiêu Chí Trung 158
Tiêu Dịch 121
Tiêu Hà 37, 62, 68, 182
Tiêu Hoa 162
Tiêu Kí 121
Tiêu Kì 134
Tiêu Lương 121
Tiêu Miển 162
Tiêu Phạm 121
Tiêu Phục 161
Tiêu Sái 121, 134
Tiêu Vọng Chi 84, 151
Tiêu Vũ 140
Tiêu Vương 87
Tin Lăng Quân 41, 42, 45, 140, 184

Tòng Kha 172
Tô Dĩnh 162
Tô Đông Pha 99, 213
Tô Kiên 73
Tô Lão Toàn 182
Tô Tân 140
Tô Thúc 9, 89, 217
Tô Triệt 89
Tô Tuấn 172
Tô Tử 196
Tô Uy 190
Tổ Định 117
Tôn Đăng 124
Tôn Hà 182
Tôn Khanh 42, 52
Tôn Quyền 99, 112
Tôn Sách 46, 106
Tôn Tại 24, 172
Tôn Tử 110, 146, 193
Tôn Văn Tử 30
Tôn Vũ 109
Tống Mẫn Cầu 177
Tống Cảnh 95, 162
Trác Mậu 86

Trang Sinh 40
Trang Tông (Đường) 173, 209
Trang Vương 211
Trần Bành Niên 178
Trần Bình 1, 41, 50, 62, 67, 68, 76, 110, 209
Trần Chi 102
Trần Đồng Văn 181
Trần Hằng 21
Trần Hi 64
Trần Hiến Hầu (Trần Bình) 76
Trần Khiên 119
Trần Kiểu 119
Trần Kinh 217
Trần Kính 181
Trần Lượng 185
Trần Nguyên Đạt 116
Trần Phồn 181
Trần Quần 119
Trần Thắng 31, 146, 165
Trần Thiệp 167, 205
Trần Thọ 108
Trần Thúc Đạt 140
Trần Trọng Từ 34
Trâu Sơn 77

Trâu Tử 15
Trí Đường 86
Triết Tôn 89
Triều Thố 172
Triều Quynh 67
Triệu Cảnh 161
Triệu Công Vũ 57
Triệu Phổ 174, 180, 213
Triệu Quảng Hán 84
Triệu Quát 43
Triệu Quỳ 132
Triệu Thành 92
Triệu Thời 25
Triệu Thuần 30
Triệu Trọng Ước 186
Triệu Tử 202
Triệu Tương Tử 35
Triệu Xa 42, 47, 195
Trình Tử 221
Trình Y Xuyên 206
Trịnh Đàm 162
Trịnh Hy Trọng 182
Trịnh Trung 68
Trọng Doãn 15

Trọng Đạt (Tu Mã Ý) 93, 99, 103, 104, 107, 108, 110,
112, 113

Trọng Khang 1

Trọng Nhuận (Ngô Dương Đình) 95

Trọng Sơn Phủ 16, 19

Trụ Vương 8, 9, 16, 137

Trung Hàng Duyệt 74

Trương An Thế 17

Trương Cùng 88

Trương Cửu Linh 95, 162

Trương Đạt 159

Trương Giác 216

Trương Giản Chi 152, 162

Trương Hải 186

Trương Hàn 38, 120

Trương Hiến 210

Trương Kị 160

Trương Kiều 170

Trương Lỗ 99

Trương Lương 31, 55, 61, 64, 68

Trương Nghi 40, 140

Trương Nghiễm 107

Trương Nguyên 209

Trương Nhân Nguyên 145

Trương Nhân Phạm 145
Trương Phụ 107
Trương Thang 17
Trương Thích Chi 95
Trương Thu Dương (Trương Tuần) 95
Trương Tuần 1, 95, 154
Trương Tuấn 92m 132, 162, 172, 206, 210
Trương Tương Như 181
Trương Vũ 181
Trường Quảng Vương 172
Trường Tôn Vô Kị 162
Tuân Bá 20
Tuân Biền 34, 141
Tuân Du 119
Tuân Hiệt 119
Tuân Khanh 42, 52
Tuân Úc 85, 119
Tuấn Bất Nghi 184
Túc Tông 152, 153, 157, 162, 169
Tuyên Đế (Hán) 31, 83, 84, 91, 97, 202
Tuyên Đế (Tấn, Tư Mã Ý) 114
Tuyên Tông 162, 202
Tuyên Vương (Chu) 9, 10, 12, 13, 15, 16, 19
Tuyên Vương (Tề) 51

Tu Mã Chiêu 93, 103
Tu Mã Quang 85, 86, 183, 217
Tu Mã Sư 103
Tu Mã Trọng Đạt (Tu Mã Ý) 93, 99, 103, 104, 107,
108, 110, 112, 113
Tu Mã Viêm 93
Tu Mã Ý 93, 99, 103, 104, 107, 108, 110, 112, 113
Tu Thần 41
Tù Lạc 80, 167
Tù Thần Ông 15
Tù Thú 105
Tù Bì 24
Tù Công 30
Tù Cống 211
Tù Mộc 209
Tù Ngu 25
Tù Phòng 57, 77
Tù Sản 12
Tù Tây 35
Tù Triều 166
Tù Tư 32, 41
Tù Văn (Đấu Cẩu Ô Đồ) 25
Tương Công (Tân) 10, 11
Tương Công (Tấn) 21

Tương Công (Tống) 25
Tương Từ 41
Tương Vương (Chu) 19
Tương Vương (Lương) 31
Tương Vương (Tề) 39, 42
Tường Uyển 24, 41, 123

*

* *

U

U Vương 9, 10, 15, 16, 34
Uất Lạo Tử 50
Uông Triệt 132
Uy Vương 211
Úy Đà 64
Ứng Hầu 52
Ứng Thiệu 79
Ứng Tử 209

*

* *

V

Vạn Lương Phu 12
Vân Chùng 74

Văn Công 19, 21, 25, 32
Văn Đế (Hán) 31, 70, 74, 78, 81, 98
Văn Đế (Tấn, Tư Mã Chiêu) 114
Văn Đế (Tống) 133
Văn Đế (Tùy) 133, 135
Văn Hầu 188
Văn Hoàng (Đường) 86, 133, 138, 139, 146
Văn Hoàng (Minh) 218
Văn Tĩnh 181
Văn Tông 162, 165, 169, 182
Văn Vương (Chu) 7, 8, 9, 32, 51, 84, 90, 139
Văn Vương (Sở) 19
Văn Vương (Tấn) 123
Vệ Hầu 41
Vệ Thanh 73
Vệ Uông 36, 209
Vi Kiên 156
Vi Quán Chi 162
Vi Tử 16
Viên Áng 67, 79
Viên Sinh 68
Viên Thiệu 99, 103
Vĩnh Vương Lân 157
Vô Kỵ (Tín Lăng Quân) 41, 42, 45, 140, 184

Vũ (Hạ) 1, 2, 3, 4, 8
Vũ Canh 2
Vũ Đế (Hán) 31, 41, 75, 78, 80, 81, 98, 110, 144, 182,
194, 202
Vũ Đế (Lương) 157
Vũ Đế (Tấn) 108, 115, 133
Vũ Đế (Tống) 131
Vũ Đức 144
Vũ Hầu (Gia Cát Lượng) 24, 41, 85, 102, 104, 105,
106, 107, 108, 109, 111, 149, 152, 181, 182, 183, 213
Vũ Linh Vương 46
Vũ Mục 50
Vũ Sư Thị 15
Vũ (Vô) Thiệp 209
Vũ Tông 162
Vũ Văn Dung 156
Vũ Vương 1, 2, 3, 4, 8, 9, 32, 66, 84, 90, 137, 146
Vương An Thạch 181, 190, 202
Vương Bí 53
Vương Bình 182
Vương Chúc 39
Vương Diên 116
Vương Đán 178, 179, 181, 182, 207
Vương Đạo 114, 119, 127

Vương Đôn 121
Vương Giam 209
Vương Giám 116
Vương Hi Chi 129
Vương Hoàng 64
Vương Hồng 156
Vương Khâm Nhuộc 179, 207
Vương Khôi 82
Vương Khuê 147, 162
Vương Khuông 88
Vương Lâm 119
Vương Lăng 106
Vương Mãng 15, 87, 88, 89, 93, 146, 167, 193, 205
Vương Mãnh 181, 209, 213
Vương Mông 128
Vương Nhung 126
Vương Phù 184
Vương Phục 88
Vương Phổ 177
Vương Quý 9
Vương Tăng 177
Vương Thành 83
Vương Thù 210
Vương Thường 88

Vương Tiễn 53
Vương Tổ 188
Vương Trọng Vinh 172
Vương Tuấn 198
Vương Tuấn 121
Vương Tường 119
Vương Văn Chính 181
Vương Vũ Xung 192, 217

*

* *

X Y

Xích Mi 165, 167
Xuân Thân Quân 42
Y Doãn 7, 76, 78, 107
Ý Công (Vệ) 29
Ý Tông 162, 193
Ý Vương 9
Yên Vương 36, 138

*

* *

Mục lục

	<i>Trang</i>
- <i>Lời giới thiệu</i>	5
- <i>Bảng đối chiếu văn bản</i>	15
- <i>Tựa QTKB của Chu Bội Liên, kèm Hán văn</i>	47
- <i>Tựa QTKB của Tần Triều Vu, kèm Hán văn</i>	53
- <i>Tựa QTKB của Hồng Khai Hy, kèm Hán văn</i>	56
- <i>Lá thư ngắn của Hồng Khai Hy, kèm Hán văn</i>	59
- <i>Tựa của tác giả, kèm Hán văn</i>	61
1. Tình thế nhà Hạ lúc cuối đời thật thảm bại, lời bàn của Chu Bội Liên.	64
2. Người xưa trị đời giữ nước, lời bàn của Hồ Trai và Đông Giang.	69
3. Vào lúc nhà Hạ đang thịnh...	73
4. Thiên Biểu ký và thiên Lễ vận sách <i>Lễ ký</i> nói về ba đời Hạ Thương Chu, lời bàn của Hồ Trai.	75
5. Thái Khang mất nước do nhu nhược.	78
6. Bậc thánh hiền không ở chung với kẻ bạo ngược.	78
7. Đại truyện trong <i>Kinh Dịch</i> chép về nhà Ân và nhà Chu.	78

8. Nhà Thương từ quăng giữa đời trở về sau.	79
9. Nhà Chu đóng đô ở miền Tây, lời bình của Hồ Trai.	81
10. Tuyên Vương và Bình Vương nhà Chu đánh dẹp bốn rợ.	86
11. Việc dời đô của một nước.	87
12. Trong triều không thể để một ngày vắng trọng thần.	89
13. Bài thơ có chữ "phiên", "viên", "bình", "hàn".	91
14. Người đời xưa gửi quân về làm ruộng.	92
15. Tuyên Vương nhà Chu đánh dẹp phía nam, lời bàn của Hồ Trai.	94
16. Khi U Vương nhà Chu làm điều vô đạo, lời bình của Hồ Trai.	99
17. Khi vận nước hưng thịnh và khi vận nước suy vi.	101
18. Biên cương mạnh, châu trấn lớn, binh lính đông, bề tôi giỏi là chỗ dựa cho vua.	102
19. Giữ được đức thì yên.	103
20. Các chức Phương Bá, Liên Sứ.	104
21. Hoàn Công nước Tề làm nội chính.	104
22. Tả truyện nói: Hoàn Công nước Tề không lo sửa đức.	106
23. Người quân tử xét nguyên do của sự thịnh suy.	107

24. Quản Trọng tiến cử người hiền tài, lời bình của Hồ Trai.	110
25. Muốn làm nên nghiệp vương nghiệp bá phải biết dùng người tài.	111
26. Vua Thuấn thờ cha mẹ, Quản Trọng thờ Hoàn Công.	113
27. Nước Lỗ lấy hai chữ "tương nhẫn" để trị nước.	114
28. Phải biết sửa mình mới trị được người.	115
29. Ý Công nước Vệ yêu quý chim hạc.	115
30. Ăn uống là việc nhỏ mà có quan hệ rất lớn, lời bình của Hồ Trai.	116
31. Chế độ phong kiến có từ thời thượng cổ, lời bình của Hồ Trai.	118
32. Câu: "mùa xuân, tháng giêng nhà vua..." trong sách Xuân thu.	126
33. Đức hạnh và nơi hiểm là hai thứ không thể thiếu trong việc dựng nước và giữ nước.	129
34. Đất nước bại vong là do quan lại gian tà.	129
35. Lời bàn về Phù Sai nước Ngô.	134
36. Vệ Ưởng, Nhạc Nghị đều là bề tôi sống gửi nước người, lời bình của Hồ Trai.	135
37. Thái Trạch thuyết Phạm Thu.	137
38. Người quân tử phải sai khiến cái tài của mình.	138
	525

39. Một kẻ sĩ vững lòng tiết tháo cộ quan hệ lớn đến thiên hạ.	140
40. Người làm tướng phải biết nhẫn nhịn, bao dung, kính người hiền, trọng kẻ sĩ.	141
41. Người quân tử xem xét người.	142
42. Lời bàn về Tín Lăng Quân, Bình Nguyên Quân, Mạnh Thường Quân và Xuân Thân Quân của Ban Cố, lời bình của Hồ Trai.	144
43. Nước Tần sợ Liêm Pha, nước Tề sợ Nhạc Nghị.	148
44. Điền Đan là người kiêu căng để thỏa mãn.	149
45. Vua anh hùng, tôi tài giỏi sau thời Xuân Thu.	151
46. Vũ Linh Vương nước Triệu, lời bình của Hồ Trai.	151
47. Có được người tài là việc khó.	152
48. Phép dùng binh.	153
49. Tề là nước lớn ở Sơn Đông.	155
50. Cửa đứt lốt làm hại người ta quá lắm, lời bình của Hồ Trai.	155
51. Muốn thống nhất thiên hạ phải có tài và lượng tầm cỡ thiên hạ.	158
52. Ứng Hầu hỏi Tôn Khanh về nước Tần.	160
53. Chiêu Vương đã nghĩ xa đến cơ sự nhà Tần.	162
54. Chương Hàm chống trả Hạng Vũ.	163
55. Nếu để mất lòng dân thì mất nước.	163

56. Khí phách của Hạng Vũ và Hán Cao Tổ.	165
57. Cuốn Tố thư của Hoàng Thạch Công.	166
58. Việc thu dùng người hiền tài cốt ở tấm lòng.	167
59. Hạng Vũ nước Sở và Cao Tổ nhà Hán cất đất phong cho các tướng và đông dôi.	168
60. Hàn Tín sau khi được phong vương.	169
61. Nguồn gốc câu: "chim hết thì cung bỏ xó".	170
62. Nguyên do làm phản của Hàn Tín và Kinh Bố.	171
63. Thúc Tôn Thông.	173
64. Nổi oan của Hoài Âm Hầu, lời bình của Hồ Trai.	174
65. Thuật dùng tướng của Cao Tổ nhà Hán và tài dùng binh của Hàn Tín.	177
66. Cách lập chí của Lưu Bang và Hạng Vũ.	178
67. Trần Bình và Chu Bột.	180
68. Vua tôi nhà Hán làm nên nghiệp lớn như thế nào.	181
69. Hàn Tín và Chu Á Phu, lời bình của Hồ Trai.	183
70. Nhà Hán giàu có, nhà Triệu Tống thiếu thốn, lời bình của Hồ Trai.	184
71. Nước yên hay nguy là ở người làm tướng.	186
72. Lý Quảng là người bụng dạ hẹp hòi.	188
73. Vệ Thanh và Giả Nghị.	189
	527

74. Kế sách của Giả Nghị.	190
75. Vũ Đế nhà Hán và Huyền Tông nhà Đường không làm đúng đạo vua tôi.	192
76. Trần Hiến Hầu nói về chúc Tế tướng, lời bình của Hồ Trai.	192
77. Lục Giả, nhà nho thuần túy, lời bình của Đông Giang.	196
78. Văn Đế và Vũ Đế nhà Hán chọn người làm tể tướng, lời bàn của Ngô Dương Đình, Hồ Trai và Đông Giang.	198
79. Đặng Thông là người gièm Giả Nghị, lời bình của Hồ Trai.	200
80. Vũ Đế nhà Hán yêu người tài, trọng kẻ sĩ, biết nghe lời can.	202
81. Việc dùng binh, điều dân và chi dùng trong nước của Vũ Đế nhà Hán, lời bình của Ngô Dương Đình, Đông Giang, Hồ Trai.	203
82. Bề tôi được dự bàn việc nước, lời bình của Đông Giang.	206
83. Có phải Vương Thành khai man thêm dân số không?	208
84. Tuyên Đế nói: nhà Hán có chế độ riêng, lời bình của Ngô Dương Đình, Hồ Trai.	210
85. Lời bàn về Hồ Tri Đường và Ôn Công, lời bình của Hồ Trai và Đông Giang.	213

86. Ôn Công và Trí Đường bàn về việc Quang Vũ nhà Hán bỏ lệ phân phong cho người cùng họ.	216
87. Quang Vũ nhà Hán bỏ lệ phân phong cho người cùng họ	218
88. Quang Vũ nhà Hán không dùng công thần.	221
89. Triều đình nhà Hán trước lời bàn của bề tôi.	222
90. Làm chính sự phải giữ điều công bằng.	224
91. Nhà Tây Hán lâu dài hơn nhà Đông Hán, lời bình của Ngô Dương Đình, Hồ Trai.	226
92. Vua phải coi trọng tướng văn tướng võ như nhau, lời bình của Đông Giang.	228
93. Nhà Đường bỏ chức Đại tướng quân.	230
94. Ban Cổ mắc tiếng xấu là do pháp luật nhà Hán nghiêm khắc lời bàn của Ngô Dương Đình.	232
95. Trời đất tuy cùng một lí nhưng vẫn có sự phân biệt về âm dương, lời bình Ngô Dương Đình, Hồ Trai.	233
96. Việc trị nước phải lộ từ lúc chưa loạn.	235
97. Nguyên Đế và Linh Đế nhà Hán học được gì ở quan Thái phó và kinh truyện, lời bình của Hồ Trai.	236
98. Thời vận thay đổi, nhân tài và nhận thức cũng thay đổi theo.	237
99. Tào Tháo là người thận trọng, có mưu trí.	238
100. Nhà Hán chỉ có một phần ba thiên hạ là do trời không giúp.	241

101. Việc nắm thời thế không phải là điều riêng người hiền tài có thể lo liệu được.	243
102. Nhà Hậu Hán đổ là do vận trời.	235
103. Mỗi họa "tam mã thực tào" là do ý trời xui nên.	247
104. Tài của Vũ Hầu hơn hẳn Tư Mã Ý.	247
105. Người quân tử không thể không nêu cao danh tiết.	248
106. Không biết lường thời thế, không biết linh hoạt thì không tránh khỏi thất bại.	249
107. Vũ Hầu là người ngàn năm có một.	251
108. Nói Trần Thộ chê Vũ Hầu là chưa xét hết thực tình.	252
109. Cha con Tào Tháo văn võ hơn đời.	253
110. Minh Đế nhà Ngụy chưa phải bậc tri giả.	254
111. Nước Ngụy mất vì không có nước thù địch.	255
112. Quyền hành không tập trung vào một mối thì sẽ sinh ra tranh giành lẫn nhau, nước sẽ mất.	256
113. Lẽ trời ở trong lòng người.	257
114. Làm điều bất nhân để giành thiên hạ thì lộc nước không dài, lời bình của Hồ Trai.	258
115. Vũ Đế nhà Tấn bởi thế được chữ "nhất".	258
116. Vận mệnh di địch khó lâu bền.	259

117. Bậc trọng thần có quan hệ đến vận mệnh đất nước như đội quân trăm vạn người.	260
118. Nhà Tây Tấn loạn không phải do phân phong quá lớn.	261
119. Các dòng dõi gia thế rất đáng được coi trọng.	262
120. Trương Hàn khuyên Cố Vinh lánh đời giữ mình.	263
121. Người giỏi trị nước phải lo việc khó ngay từ lúc dễ.	264
122. Làm tể tướng chỉ cần nắm giữ những việc lớn, lời bình của Hồ Trai.	266
123. Dung mạo là dấu hiệu của đức.	267
124. Kê Khang bị tai họa là vì tài nhiều mà hiếu biết ít.	269
125. Để cho người sợ thì mình dễ bị hại.	270
126. Kê Khang, Nguyễn Tịch, Sơn Đào, Lưu Linh là những người phóng khoáng, cao khiết.	270
127. Hoàn Ôn là người thận trọng trong việc binh phẩm người.	271
128. Lời nói của Hà Sung và Hoàn Ôn bẻ gãy những lời bàn suông.	271
129. Nhà Tấn không biết dùng người.	273
130. Giản Văn Đế nhà Tấn.	273

131. Hiệu nghiệm của việc dùng quân các châu trong đánh dẹp.	275
132. Ra quân mà không định mưu tính kế trước nên nhà Tống thua trận.	278
133. Tướng văn tướng võ nhất trí thì đánh dẹp sẽ thắng lợi, lời bình của Đông Giang.	280
134. Đất Giang Đông bị nhập vào nhà Tùy.	282
135. Từ mệnh có quan hệ lớn đến quốc thể.	285
136. Dùng dân binh hay lính mộ cốt ở chỗ khéo xử trí.	286
137. Người anh hùng khởi sự cần phải biết dựa vào thời thế.	288
138. Chiến tranh là do vận sát phạt còn chưa hết.	288
139. Văn Hoàng nhà Đường đích thân lo việc dụng võ, lời bình của Đông Giang.	290
140. Thái Tông nhà Đường định thú vị cho công thần.	292
141. Ngụy Trung can Thái Tông nhà Đường về việc điểm binh.	295
142. Ngụy Trung bàn về giáo hóa.	296
143. Thái Tông nhà Đường cho các bề tôi trong tôn thất được nối đời phong chức Thụ sử.	297
144. Lã Đông Lai bàn về chế độ việc quân nhà Đường, lời bàn của Ngô Dương Đình.	299

145. Người ta xử sự việc đời đều do thần khí sai khiến.	303
146. Người xưa muốn làm nên nghiệp vương bá..., lời bình của Hồ Trai.	304
147. Nhà Đường hưng thịnh là do có nhiều người tài.	310
148. Nhà Đường nắm giữ bốn rợ.	311
149. Chúc vị Thừa tướng.	312
150. Lời đáp về bậc trung lương của Ngụy Trưng.	313
151. Tiêu Vọng Chi và Lý Đức Dụ, lời bàn của Ngô Dương Đình.	314
152. Chiêu Liệt gặp Vũ Hầu, Túc Tông gặp Nghiệp Hầu, lời bàn của Ngô Dương Đình.	315
153. Lời bàn về việc Túc Tông nhà Đường lên ngôi ở Linh Vũ.	317
154. Lộc nước còn hay mất là do sự thế suy nên.	319
155. Ngưu Tiên Khách có nhiều của cải là do biết tiết kiệm.	321
156. Chí hướng và hành động của vua thế nào là bề tôi nhìn thấy ngay.	322
157. Huyền Tông nhà Đường và Vũ Đế nhà Lương.	323
158. Huyền Tông nhà Đường làm điều bất thiện nên bị quả báo.	325
	533

159. Thiên hạ yên hay nguy có quan hệ đến người Tể tướng, lời bàn của Đông Giang. 326
160. Dùng người do mình tự chọn với dùng người do người khác chọn, hay dở khác nhau lắm. 328
161. Đồng Tấn, người thời Trịnh Nguyên là tướng tài. 329
162. Nhà Đường chọn người làm Tể tướng. 331
163. Cuối thời Hán được thịnh trị là do liên kết cùng với phù thành một khối thống nhất. 338
164. Giúp thiên hạ làm nên sự nghiệp cần phải nắm được điều then chốt. 339
165. Bất hạnh của Lưu Phần cũng là bất hạnh của nhà Đường. 342
166. Nhà Chu suy yếu không phải vì chư hầu, nhà Đường mất nước không phải do phiên trấn. 344
167. Dân là gốc của nước, là mệnh của vua. 346
168. Nhà Đường hội lớn vào tháng giêng. 348
169. Họa loạn thường xảy ra lúc không lo trước, lời bình của Đông Giang. 349
170. Họa loạn của nhà Đường nảy sinh từ An Nam, lời bình của Đông Giang. 350
171. Nhà Đường trong gần ba trăm năm, hai lần thay đổi thể chế, lời bình của Đông Giang. 353

172. Tình thế chưa cho phép mà đã làm việc to lớn quá thì dù chính nghĩa cũng chẳng lành.	356
173. Lấy được thiên hạ thì khó, để mất thì dễ.	363
174. Thiên hạ thịnh trị hay loạn lạc có liên quan đến tài đức của người nối nghiệp, lời bình của Ngô Dương Đình.	364
175. Sử, truyện khen Tào Bân lấy Giang Nam.	365
176. Thái Tông nhà Tống khen Lã Doan.	366
177. Tập " <i>Bút lục</i> " của Vương Tăng chép về việc Tế tướng vào châu buổi sớm.	367
178. Vương Đán ném tờ trình của Trần Bành Niên xuống đất.	369
179. Vương Đán chê Vương Khâm Nhược không phải người tài.	370
180. Triệu Phổ chưa phải là vị đại thần có lượng bao dung.	372
181. Lời bàn về ba chức quan của Trịnh Huy Trọng, lời bình của Hồ Trai.	373
182. Lời bàn về ba chức quan của Trịnh Hy Trọng	381
183. Tư Mã Quang làm Tế tướng.	390
184. Làm đại thần, trong bụng không nên có sẵn định kiến.	391
185. Trần Lượng nói về Thái Tổ nhà Tống.	394
	535

186. Người hiền tài xưa biết đề phòng từ lúc tai họa chưa xảy ra.	395
187. Sách " <i>Thanh lòa cao đàm</i> " nói về Khấu Chuẩn.	396
188. Vương Tố và Lý Khắc trả lời vua về việc chọn người làm tướng.	397
189. Nhà Tống chỉ ham sự tạm yên trước mắt.	398
190. Biển thông và cổ vũ.	400
191. Nhà Tống mất nước cũng giống như nhà Tây Tấn.	400
192. Nhà Tống hủy bỏ việc binh là sai lầm.	401
193. Tác hại của việc dùng binh lâu ngày.	403
194. Lời bàn về việc trị nước của Vũ Đế nhà Hán và Nhân Tông nhà Tống, lời bình của Đông Giang.	405
195. Chế độ phong kiến làm thành cao hào sâu.	406
196. Muốn cho nước mạnh thì phải nắm quyền thao túng.	408
197. Mọi việc làm đều có thời vận và luôn biến hóa linh hoạt.	410
198. Không nên thay đổi một cách khinh thường các chế tác của các triều trước.	411
199. Nhà Tấn từ sau ngày rút sang phía nam.	412
200. Nhà Triệu Tống suy yếu từ sau niên hiệu Hàm Bình.	414

201. Huy Tông nhà Tống làm điều bất nghĩa
nên mất nước. 415
202. Kinh Công giúp Thần Tông đánh nước Liêu
là không biết thời vận, lời bình của
Đông Giang. 417
203. Dụng đô lập ấp là việc lớn. 419
204. Nhà Tống mất nước là do hay bàn suông. 420
205. Trần Thiệp và Canh Thủy góp phần làm
nhà Tần và Vương Mãng bị diệt là do
họ cùng các tướng một lòng một dạ. 421
206. Đông Pha và Trương Tuấn đều mắc
căn bệnh của người tầm thường, lời bình
của Đông Giang và Ngô Dương Đình. 421
207. Vương Đán bị vua trách vì không sửa
chữ viết nhầm trong bài thơ của vua,
lời bình của Ngô Dương Đình. 423
208. Thái Tổ nhà Tống dùng người tài,
lời bình của Ngô Dương Đình. 425
209. Để kẻ sĩ oán hận thì họa lớn cho nước,
lời bình của Ngô Dương Đình. 426
210. Nhà Tống trọng văn khinh võ. 433
211. Hiếu Tông nhà Tống không làm nên chuyện
gì là do bề tôi không biết giúp vua. 435
212. Nhà Triệu Tống bàn nhiều mà tác dụng
của lời bàn thì ít, lời bàn của Đông Giang. 437

213. Tệ hại do nha lại gây ra rất khó sửa.	442
214. Các việc của người xưa thường hay đối nhau.	445
215. Nhà Nam Tống coi việc cắt đất cho giặc là thượng sách giữ nước.	446
216. Việc đòi, không nên một lúc nắm cả đôi đàng, lời bình của Đông Giang.	447
217. Các sách <i>Sử ký</i> , <i>Hán thư</i> với sách <i>Cương mục</i> ...	452
218. Đông nam là nơi phát sinh, tây bắc là nơi thành thực.	453
219. Cho can qua là trò trẻ, lấy thanh đàm làm mưu lược nên đã làm hỏng cơ đồ.	455
220. Nhà Tống học cách hành quân của An Nam.	458
221. Học thuyết của Trình Chu cũng giống như lời "thanh đàm" đời Tấn và đạo "khổ không" đời Lương.	459
222. Lộc nước nhà Tống lâu dài hơn nhà Tần vì nhà Tống tôn trọng kinh tịch, tin dùng nhà nho, kính lễ sĩ phu.	460
223. Học thuyết Chu Tử và học thuyết Lục Tú Tĩnh, lời bình của Hồ Trai.	462
- <i>Lời nói cuối sách.</i>	465
- <i>Bảng tra tên người.</i>	477

QUẦN THƯ KHẢO BIỆN

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN ĐỨC DIỆU

Biên tập:

SONG MAI

Biên tập kỹ thuật:

HOÀNG TRƯỜNG - TRỌNG CƯỜNG

Bìa:

HÀ TRÌ

Sửa bản in:

SONG MAI

In 500 cuốn tại Xí nghiệp in 15 (cơ sở 54 Hai Bà Trưng).

Giấy phép xuất bản số 7/61/CXB cấp ngày 28/2/1995.

In xong, nộp lưu chiểu tháng 3/1995.

群書考辨